**KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC**

# BÁO CÁO TỔNG HỢP
# KẾT QUẢ KIỂM TOÁN NĂM 2021

*(Báo cáo Quốc hội khóa XV, kỳ họp thứ III)*

**Bao gồm:**

1. **Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm toán năm 2021 số 161/BC-KTNN ngày 22 tháng 5 năm 2022.**
2. **Phụ lục kèm theo Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm toán năm 2021 (9 phụ lục).**

**Hà Nội, tháng 5 năm 2022**

# DANH MỤC VIẾT TẮT BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM TOÁN NĂM 2021

| STT | Tên đầy đủ | Tên viết tắt |
|---|---|---|
| 1 | Tập đoàn | TĐ |
| 2 | Tổng công ty | TCT |
| 3 | Cổ phần | CP |
| 4 | Tổng công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị | HUD |
| 5 | Tổng công ty Viễn thông Mobifone | Mobifone |
| 6 | Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau | PVCFC |
| 7 | Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP | PVFCCo |
| 8 | Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP | PVGAS |
| 9 | Tập đoàn Hóa chất Việt Nam | Vinachem |
| 10 | Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam | VNPT |
| 11 | Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP | VNS |
| 12 | Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam | Petrolimex |
| 13 | Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP | TCT Điện lực TKV |
| 14 | Tổng công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp | Sonadezi |
| 15 | Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai | Dofico |
| 16 | Ngân hàng Chính sách xã hội | NHCSXH |
| 17 | Công ty TNHH MTV Xổ số điện toán Việt Nam | Vietlott |
| 18 | Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex | PGB |
| 19 | Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam | NHHTX |
| 20 | Công ty Cổ phần PVI | PVI |
| 21 | Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex | PJICO |
| 22 | Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam | NHCT |
| 23 | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | NHNN |
| 24 | Kết cấu hạ tầng đường sắt | KCHTĐS |
| 25 | Tổng công ty Đường sắt Việt Nam | TCTĐSVN |
| 26 | Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | NN&PTNT |
| 27 | Ủy ban nhân dân | UBND |

| STT | Tên đầy đủ | Tên viết tắt |
|---|---|---|
| 28 | Hội đồng nhân dân | HĐND |
| 29 | Bảo vệ môi trường | BVMT |
| 30 | Khu công nghiệp | KCN |
| 31 | Trách nhiệm hữu hạn | TNHH |
| 32 | Tài nguyên nước | TNN |
| 33 | Ngân sách nhà nước | NSNN |
| 34 | Ngân sách Trung ương | NSTW |
| 35 | Ngân hàng nhà nước | NHNN |
| 36 | Nhà ở xã hội | NOXH |
| 37 | Công nghệ thông tin | CNTT |
| 38 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Bộ GD&ĐT |
| 39 | Đại học Quốc gia | ĐHQG |
| 40 | Đài Truyền hình Việt Nam | Đài THVN |
| 41 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ KH&ĐT |
| 42 | Bộ Giao thông Vận tải | Bộ GTVT |
| 43 | Cục Đường sắt Việt Nam | Cục ĐSVN |
| 44 | Thành phố Hồ Chí Minh | TPHCM |
| 45 | Thuế Giá trị gia tăng | Thuế GTGT |
| 46 | Thuế Thu nhập doanh nghiệp | Thuế TNDN |
| 47 | Thuế Thu nhập cá nhân | Thuế TNCN |
| 48 | Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam | Viện HLKH&CN |
| 49 | Kế hoạch đầu tư công trung hạn | KH ĐTCTH |
| 50 | Kế hoạch vốn | KHV |
| 51 | Bộ Tài nguyên và Môi trường | Bộ TN&MT |
| 52 | Ngân sách địa phương | NSĐP |

**KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 161/BC-KTNN

*Hà Nội, ngày 22 tháng 5 năm 2022*

# BÁO CÁO TỔNG HỢP
# KẾT QUẢ KIỂM TOÁN NĂM 2021

Tổng hợp kết quả chính từ 234 BCKT của 177 cuộc kiểm toán[1] (Phụ lục 01) tổ chức trong năm 2021 đối với niên độ ngân sách năm 2020, KTNN trân trọng báo cáo Quốc hội các kết quả kiểm toán năm 2021 như sau:

## A. KẾT QUẢ KIỂM TOÁN NĂM 2021

### I. VỀ KIỂM TOÁN NSNN NĂM 2020

### 1. Về lập và giao dự toán

#### *1.1. Dự toán thu NSNN*

Dự toán (bao gồm cả dự toán bổ sung) Quốc hội quyết nghị và Chính phủ giao 1.539.052 tỷ đồng, trong đó: Thu nội địa 1.290.776 tỷ đồng; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 338.000 tỷ đồng (hoàn thuế GTGT 130.000 tỷ đồng); thu từ dầu thô 35.200 tỷ đồng; thu viện trợ 5.076 tỷ đồng. Qua kiểm toán cho thấy:

(1) Dự toán thu tiền sử dụng đất chưa sát với khả năng nguồn thu, các địa phương lập dự toán chỉ bằng 72% ước thực hiện năm 2019 (79.266/110.155 tỷ đồng), mặc dù trung ương đã giao dự toán cao hơn số địa phương lập 18,3% (93.800/79.266 tỷ đồng), song thực hiện thu sử dụng đất năm 2020 vượt tới 80,4% dự toán giao, là thực tế nhiều năm[2].

(2) Bộ Tài chính xây dựng dự toán hoàn thuế GTGT đầu năm (130.000 tỷ đồng) chưa sát với số phải hoàn trong năm dẫn đến hoàn vượt dự toán Quốc hội quyết nghị 7.019 tỷ đồng. Từ khi Luật NSNN năm 2015 có hiệu lực, ngoại trừ năm 2017, việc chi hoàn thuế vượt dự toán liên tục diễn ra[3]. Chính phủ đã có Tờ trình số 65/TTr-CP

---

[1] Tại 18 bộ, cơ quan trung ương; 45 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; 04 chủ đề kiểm toán hoạt động; 21 chuyên đề; 43 dự án đầu tư; NHNN và 22 DNNN, tổ chức TCNH; 22 đầu mối lĩnh vực quốc phòng, an ninh, các cơ quan đảng và kiểm toán Báo cáo quyết toán NSNN năm 2020 tại Bộ Tài chính, Bộ KH&ĐT.

[2] Năm 2016 thực hiện thu sử dụng đất vượt 99,24% dự toán giao (99.619/50.000 tỷ đồng); năm 2017 là 96,88% (125.413/63.700 tỷ đồng); năm 2018 là 72,07% (147.815/85.900 tỷ đồng); năm 2019 là 70,8% (153.738/90.000 tỷ đồng); năm 2020 là 80,4% (172.986 tỷ đồng/95.900 tỷ đồng).

[3] Năm 2018 vượt 7.783 tỷ đồng; năm 2019 vượt 21.742 tỷ đồng.

ngày 10/3/2022 trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho phép tổng hợp trong Báo cáo quyết toán NSNN năm 2020 để trình Quốc hội phê chuẩn theo quy định.

(3) Một số địa phương lập dự toán chưa đầy đủ, bao quát hết nguồn thu[4]; 04/45 địa phương ước thực hiện năm 2019 làm cơ sở xây dựng dự toán năm 2020 thấp hơn 90% so với thực hiện năm 2019[5].

***1.2. Dự toán chi NSNN***

Dự toán chi cân đối NSNN được Quốc hội quyết nghị và Chính phủ giao là 1.773.766 tỷ đồng. Tình hình lập, phân bổ và giao dự toán cụ thể như sau:

*1.2.1. Dự toán chi đầu tư phát triển*

Dự toán được Quốc hội quyết nghị, Chính phủ giao đầu năm 470.600 tỷ đồng[6], các bộ, cơ quan trung ương và địa phương phân bổ chi tiết 456.001 tỷ đồng (Vốn NSTW 205.401,109 tỷ đồng; vốn cân đối NSĐP 250.600 tỷ đồng). Kết quả kiểm toán cho thấy:

(1) Kế hoạch vốn (KHV) năm 2020 được điều chỉnh 03 lần[7], tổng số KHV điều chỉnh giảm 14.598,891 tỷ đồng vốn ngoài nước đã hủy dự toán.

(2) Công tác xây dựng, giao KHV tại một số bộ, cơ quan trung ương, địa phương:

- Đăng ký nhu cầu KHV chưa chính xác (*đặc biệt là vốn ngoài nước*) dẫn đến trong năm phải điều chỉnh giảm[8], chưa thu hồi đầy đủ vốn ứng trước[9]; đăng ký KHV chuẩn bị đầu tư cho dự án chưa có trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn

---

[4] (i) Các tỉnh: Đắk Lắk; Kon Tum; Bình Định; Quảng Ngãi; Vĩnh Phúc; Điện Biên; Hòa Bình; (ii) Một số huyện, thị xã, thành phố trực thuộc: Thừa Thiên - Huế (thị xã Hương Trà, thị xã Hương Thủy); An Giang (thành phố Châu Đốc); Quảng Trị (huyện Cam Lộ); thành phố Hải Phòng (quận Lê Chân).

[5] (i) Các tỉnh: Ninh Bình 73%; Bà Rịa - Vũng Tàu 89,5%; (ii) Các huyện, thị xã, thành phố trực thuộc: Thừa Thiên - Huế (thị xã Hương Thủy 68,9%; thành phố Huế 88,9%; huyện Phú Lộc 76,9%); Ninh Bình (huyện Yên Mô 80%); Gia Lai (thị xã An Khê 82,2%; huyện Kbang 79,7%; huyện Ia Grai 79,1%).

[6] Nghị quyết số 86/2019/QH14 ngày 12/11/2019 về dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 (trong đó: NSTW 220.000 tỷ đồng, NSĐP 250.600 tỷ đồng).

[7] Các Quyết định số 1691/QĐ-TTg ngày 29/10/2020, số 1638/QĐ-TTg ngày 23/10/2020 và số 2260/QĐ-TTg ngày 30/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

[8] (i) Bộ NN&PTNT: Tại Công văn số 5885/BNN-KH ngày 13/8/2019, nhu cầu vốn nước ngoài 3.998,9 tỷ đồng (được giao 3.638,8 tỷ đồng), tuy nhiên ngay thời điểm phân bổ chi tiết lần đầu Bộ xác định chỉ cần 1.830,195 tỷ đồng, thừa 1.808,605 tỷ đồng kiến nghị điều chỉnh cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương khác có nhu cầu; (ii) Bộ TN&MT: điều chỉnh giảm vốn nước ngoài 289,294 tỷ đồng/619,8 tỷ đồng (giảm 53,3%); (iii) Bộ KH&ĐT: điều chỉnh giảm vốn trong nước 365,07 tỷ đồng, vốn nước ngoài 30 tỷ đồng; (iv) Viện HLKH&CN: điều chỉnh giảm vốn nước ngoài 1.135 tỷ đồng/2.230,6 tỷ đồng (giảm 50,8%); (v) Bộ Y tế: điều chỉnh giảm vốn nước ngoài 444,361 tỷ đồng/1.100,6 tỷ đồng (giảm 40,3%); (vi) Bộ Công Thương: điều chỉnh giảm vốn nước ngoài 138 tỷ đồng/138 tỷ đồng (giảm 100%)… *(Quyết định số 1638/QĐ-TTg ngày 23/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ)*.

[9] Viện HLKH&CN: đề xuất bố trí thu hồi 11,5 tỷ đồng tại Công văn số 2495/VHL-KHTC ngày 22/11/2019 cho Dự án đầu tư nâng cấp Trung tâm giám định AND hài cốt liệt sĩ trong khi số dư vốn ứng trước chưa thu hồi 33 tỷ đồng.

(KH ĐTCTH)[10]. Một số bộ, địa phương hoàn chỉnh dự kiến Kế hoạch đầu tư công hằng năm[11] gửi Bộ KH&ĐT, Bộ Tài chính chậm so với quy định tại khoản 6 Điều 56 Luật Đầu tư công; còn trường hợp cấp huyện chưa xây dựng KH ĐTCTH giai đoạn 2016-2020[12].

- Giao KHV chậm[13], bổ sung[14] sau ngày 31/12/2019 và điều chỉnh nhiều lần[15], thậm chí điều chỉnh sau ngày 15/11/2020[16] chưa phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 53 Luật NSNN.

- Giao vốn chuẩn bị đầu tư cho các dự án dự kiến thực hiện giai đoạn 2021-2025 khi chưa xác định cụ thể danh mục dự án[17]; phân bổ chi tiết KHV khi chưa có quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch[18], chưa được Thủ tướng Chính phủ giao bổ sung KH ĐTCTH[19] là chưa phù hợp quy định tại Điều 56

---

[10] Bộ GTVT: Đăng ký 80,493 tỷ đồng vốn chuẩn bị đầu tư cho các dự án chuẩn bị đầu tư có nhu cầu nhưng chưa có trong KH ĐTCTH giai đoạn 2016-2020.

[11] Bộ GTVT; tỉnh Bình Phước; Bình Dương; Lâm Đồng; Bà Rịa - Vũng Tàu, Bắc Giang; Bắc Kạn; Cao Bằng; Hòa Bình; Lai Châu; Lạng Sơn; Lào Cai; Phú Thọ; Thái Nguyên; Điện Biên; Yên Bái; Tuyên Quang; Sơn La; Hà Giang; Thanh Hóa; Thừa Thiên Huế; Quảng Ngãi; Bình Định; Bình Thuận; thành phố Cần Thơ.

[12] Thị xã Giá Rai - tỉnh Bạc Liêu; huyện Đơn Dương - tỉnh Lâm Đồng; tỉnh Nam Định: các huyện Nam Trực, Vụ Bản; huyện Tiền Hải - tỉnh Thái Bình; tỉnh Thanh Hóa: huyện Hoằng Hóa, TP. Sầm Sơn; tỉnh Đắk Lắk: các huyện Lắk, Krông Pắc, Cư M'gar, Krông Búk. Krông Năng.

[13] (i) Bộ NN&PTNT: Đến tháng 3/2020 còn giao bổ sung 24,66 tỷ đồng vốn đối ứng và 20,37 tỷ đồng vốn nước ngoài. Đối với 150 tỷ vốn giao chuẩn bị đầu tư cho các dự án thực hiện giai đoạn 2021-2025, trong năm mới thực hiện phân bổ theo tiến độ phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư của dự án (chủ yếu phê duyệt cuối năm 2020 và tại lần điều chỉnh thứ 5, 6 Bộ giảm vốn chuẩn bị đầu tư còn 71,5 tỷ đồng); (ii) Bộ GTVT: Giao KHV lần đầu ngày 31/12/2019, tuy nhiên giao bổ sung 12 lần sau ngày 31/12/2019; (iii) ĐHQGHN: Đến tháng 02/2020 mới bắt đầu phân bổ chi tiết KHV. Theo Báo cáo số 5808/BC-BKHĐT ngày 03/9/2020 của Bộ KH&ĐT có 15 bộ, ngành đến 08 tháng đầu năm 2020 chưa phân bổ chi tiết hết KHV được Thủ tướng Chính phủ giao, tổng số 13.702,35 tỷ đồng (gồm: VP TW Đảng, VP Chính phủ, Tòa án NDTC, Bộ Quốc phòng, Bộ KH&ĐT, Bộ NN&PTNT, Bộ GTVT, Bộ TTTT, Bộ GDĐT, Thanh tra CP, Ủy ban Dân tộc, Viện HLKHXH, Ngân hàng PTVN, Hội Chữ thập đỏ VN, UB quản lý vốn NN tại DN).

[14] Thành phố Cần Thơ 02 lần; tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu 03 lần, Sóc Trăng 02 lần, Bạc Liêu 02 lần, Cà Mau 02 lần, Yên Bái 02 lần, Quảng Bình 03 lần, Quảng Trị 02 lần, Thừa Thiên Huế 03 lần, Quảng Nam 03 lần, Khánh Hòa 03 lần, Bình Thuận 05 lần, Thái Bình 04 lần...

[15] (i) Các bộ: GTVT 03 lần; NN&PTNT 06 lần; TN&MT 06 lần...; (ii) Địa phương: tỉnh Bình Dương 02 lần, Thái Bình 02 lần, Gia Lai 02 lần.

[16] (i) Bộ TN&MT: Quyết định số 2815/QĐ-BNTMT ngày 11/12/2020, Quyết định số 3105/QĐ-BTNMT ngày 31/12/2020; Bộ VHTT&DL: Quyết định số 3865/QĐ-BVHTTDL ngày 16/12/2020. (ii) tỉnh Bình Dương: Quyết định số 286/QĐ-UBND ngày 28/01/2021.

[17] Bộ NN&PTNT được phân bổ "*tổng vốn 1 lần*" 150 tỷ đồng vốn chuẩn bị đầu tư không có danh mục dự án chi tiết.

[18] (i) Bộ VHTT&DL: chuẩn bị đầu tư dự án KTX Trường Trung cấp nghệ thuật Xiếc và Tạp kỹ VN; Khởi công mới công tác lập 02 quy hoạch (Quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao, Quy hoạch Hệ thống du lịch), đến tháng 01/2020 Bộ VHTT&DL mới giao nhiệm vụ tổ chức lập 02 quy hoạch; (ii) Bộ NN&PTNT: Tại lần điều chỉnh, bổ sung chuẩn bị đầu tư dự án: Hồ Thác Muối (Nghệ An) 3,0 tỷ đồng; Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đầm Đề Ghi 1,0 tỷ đồng; Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đảo Nam Du 1,0 tỷ đồng.

[19] (i) Bộ NN&PTNT: Dự án "*Trung tâm chỉ đạo, điều hành phòng, chống thiên tai Quốc gia, vùng*" phân bổ 20 tỷ đồng từ nguồn dự phòng chung KH ĐTCTH 2016-2020 (*sau không được giao bổ sung KH ĐTCTH*); phân bổ chi tiết KHV cho 28 dự án vốn trong nước 314,9 tỷ đồng và 07 dự án vốn TPCP 737 tỷ đồng từ nguồn dự phòng 10% KH ĐTCTH 2016-2020 của Bộ ngành (Văn bản số 9770/BNN-KH ngày 31/12/2019 của Bộ NN&PTNT); (ii) Bộ TN&MT: 13 nhiệm vụ quy hoạch 153,5 tỷ đồng; 07 dự án chuẩn bị đầu tư 3,751 tỷ đồng; 03 dự án hoàn thành thiếu vốn 0,587 tỷ đồng; 04 dự án khởi công mới 90 tỷ đồng (*đến tháng 7/2020 mới được bổ sung danh mục trung hạn tại Quyết định số 1145/QĐ-TTg ngày 19/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ*).

Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 và Điều 53 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14.

- Một số bộ, cơ quan trung ương, địa phương phân bổ chi tiết vượt mức vốn được duyệt trong KH ĐTCTH[20]; giao cho một số dự án vượt nhu cầu đăng ký[21] trong khi không giao đủ KHV đối ứng cho một số dự án có nhu cầu[22]; chưa bố trí đủ, thậm chí không bố trí KHV để thanh toán cho các dự án đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng còn nhu cầu vốn[23]; phân bổ vốn thực hiện nhiệm vụ quy hoạch chưa đúng phương án[24], chưa phù hợp đối tượng[25]. Phân bổ chi tiết 60 tỷ đồng[26] KHV dự kiến bố trí cho các dự án thuộc danh mục dự án dự kiến sử dụng dự phòng chung KH ĐTCTH giai đoạn 2016-2020 nhưng sau đó không được Thủ tướng Chính phủ giao bổ sung KH ĐTCTH; đây là hạn chế của việc giao KHV NSTW

---

[20] (i) Bộ NN&PTNT: 03 dự án 47,8 tỷ đồng (*Tăng cường năng lực, trang thiết bị nghiên cứu công nghệ sinh học biển cho Viện nghiên cứu Hải sản; Cải tạo nâng cấp Trường cao đẳng nghề công nghệ và nông lâm Phú Thọ; Cải tạo, XD trường cao đẳng nghề cơ giới Ninh Bình*); (ii) Bộ TN&MT phân bổ vượt phải điều chỉnh giảm, cụ thể: phân bổ lần đầu tại 02 dự án vượt 24,34 tỷ đồng (*Tăng cường năng lực giám sát tài nguyên môi trường cho Cục viễn thám quốc gia tại số 79 Văn Tiến Dũng; Xây dựng hệ thống quan trắc và cảnh báo môi trường biển 04 tỉnh miền Trung - Hợp phần 5: Giám sát, cảnh báo môi trường tại ven biển 04 tỉnh miền Trung thông qua hệ thống trạm quan trắc tự động, công nghệ viễn thám và kết hợp chương trình quan trắc định kỳ*), điều chỉnh tăng vốn tại 03 nhiệm vụ, dự án vượt 53 tỷ đồng (*Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Đầu tư hạ tầng xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia phục vụ xây dựng hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia và Chính phủ điện tử*); (iii) ĐHQGHN: Phân bổ vượt 14 tỷ đồng tại dự án Đầu tư nâng cấp PTN chuyên đề phục vụ đào tạo về khoa học cơ bản tại ĐHQGHN; (iv) Tỉnh Quảng Ninh: Phân bổ KHV giai đoạn 2016-2020 cho 20 dự án vượt KH ĐTCTH được HĐND Tỉnh phê duyệt, số tiền 251,9 tỷ đồng.

[21] Bộ GTVT: Quyết định số 2541/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2019 (*Dự án Nâng cao an toàn cầu đường sắt trên tuyến Hà Nội - Hồ Chí Minh đăng ký nhu cầu 152,45 tỷ đồng, được giao 153,85 tỷ đồng; Dự án BOT QL18 đoạn Uông Bí - Hạ Long đăng ký 9,91 tỷ đồng, được giao 11,068 tỷ đồng*).

[22] Bộ GTVT: Quyết định số 2541/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2019 (*Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng giao thông đồng bằng sông Cửu Long (Dự án WB5): Hợp phần B, C3ii và D (hợp phần đường sông) đăng ký nhu cầu 503,5 tỷ đồng, được giao 246,5 tỷ đồng để hoàn ứng; Dự án xây dựng đường nối từ sân bay Nội Bài đến cầu Nhật Tân đăng ký 833,824 tỷ đồng, được giao 200,23 tỷ đồng;…*).

[23] Viện HLKH&CN: Dự án cơ sở nghiên cứu Viện Công nghệ vũ trụ và Hóa sinh biển nhu cầu 7,113 tỷ đồng, được giao 5,81 tỷ đồng; Dự án cơ sở nghiên cứu, triển khai Viện KHVL Ứng dụng nhu cầu 11,17 tỷ đồng, được giao 3,03 tỷ đồng;… Dự án Khu sáng tạo CN Hòn Chồng nhu cầu 2,5 tỷ đồng, Dự án Cải tạo khu TN Kim loại - Đất hiếm nhu cầu 2,71 tỷ đồng;… không được bố trí KHV.

[24] Bộ TN&MT: Quyết định số 1706/QĐ-TTg ngày 29/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ giao KH vốn cho "*Nhiệm vụ lập quy hoạch quốc gia theo quy định Luật Quy hoạch*" 72 tỷ đồng, tuy nhiên Bộ TN&MT đã phân bổ chi tiết 110,72 tỷ đồng cho 08 nhiệm vụ quy hoạch quốc gia.

[25] Bộ TN&MT: 05 nhiệm vụ quy hoạch phân bổ đầu năm 42,78 tỷ đồng *(Nhiệm vụ lập QH tổng hợp lưu vực sông Hồng - Thái Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Đồng Nai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia giai đoạn 2021-2023, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cửu Long)* và 02 nhiệm vụ quy hoạch bổ sung trong năm 1,189 tỷ đồng (*Quy hoạch tổng hợp Lưu vực sông Ba thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050; Quy hoạch tổng hợp Lưu vực sông Vu Gia -Thu Bồn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050*); 07 nhiệm vụ quy hoạch này không thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia nên không được phê duyệt trong danh mục KH ĐTCTH giai đoạn 2016-2020.

[26] (i) Bộ NN&PTNT 20 tỷ đồng, dự kiến chuẩn bị đầu tư Trung tâm chỉ đạo, điều hành phòng, chống thiên tai Quốc gia, vùng; (ii) Viện HLKH&CN 15 tỷ đồng, dự kiến cho 02 dự án: Trung tâm tích hợp ứng phó sự cố môi trường biển, dự án PTN phát triển công nghệ HT tự hành thông minh; (iii) Văn phòng Quốc hội 25 tỷ đồng, dự kiến cho Dự án Xây dựng Quốc hội điện tử (*số liệu tại Văn bản số 8472/BKHĐT-TH ngày 13/11/2019 của Bộ KH&ĐT v/v phân bổ Kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2020*).

năm 2020 cho các dự án khi danh mục dự án sử dụng dự phòng chung KH ĐTCTH giai đoạn 2016-2020 chưa được phê duyệt, cần phải được kiểm tra rà soát lại để có phương án xử lý theo quy định.

- Một số dự án hoàn thành từ năm 2020 trở về trước nhưng chưa được các địa phương bố trí đủ vốn 7.170 tỷ đồng[27].

- Một số địa phương[28] giao KHV nguồn dự phòng chung KH ĐTCTH giai đoạn 2016-2020 cho các dự án mà tại thời điểm giao dự án chưa nằm trong danh mục KH ĐTCTH[29], trong đó UBND thành phố Đà Nẵng giao 30 tỷ đồng cho 01 dự án[30] nhưng sau đó dự án không được phê duyệt bổ sung vào KH ĐTCTH dẫn đến phải điều chuyển sang dự án khác.

- Một số địa phương giao 2.534,08 tỷ đồng nguồn dự phòng chung KH ĐTCTH giai đoạn 2016-2020 cho 53 dự án khởi công mới trong khi chưa ưu tiên cho các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 71/2018/QH14[31].

- Một số đơn vị chưa cập nhật đầy đủ các thông tin về phương án phân bổ kế hoạch đầu tư vốn NSTW năm 2020 trên Hệ thống thông tin về sử dụng vốn nhà nước theo hướng dẫn tại Công văn số 8472/BKHĐT-TH ngày 13/11/2019 của Bộ KH&ĐT[32].

(3) Ngoài ra, kết quả kiểm toán công tác lập, thẩm định, phân bổ vốn đầu tư dự án còn cho thấy: Giao KHV nhiều lần trong năm[33]; chưa phân bổ[34] hoặc phân khai chi tiết[35] ngay từ đầu năm; phân bổ không theo thứ tự ưu tiên[36]; giao vốn đầu tư chậm[37];

---

[27] Tỉnh Hà Giang thiếu 778,4 tỷ đồng, Tuyên Quang thiếu 1.251,8 tỷ đồng, Sơn La thiếu 1.789,7 tỷ đồng, Bình Thuận thiếu 1.337,5 tỷ đồng, Đắk Nông thiếu 1.644,6 tỷ đồng, Cà Mau thiếu 435,3 tỷ đồng,...

[28] Tỉnh Lạng Sơn (giao 68 tỷ đồng cho 02 dự án), Hòa Bình (giao 18 tỷ đồng cho 01 dự án), Bắc Ninh (giao 20 tỷ đồng cho 01 dự án), Bình Định (giao 1.201,5 tỷ đồng cho 05 dự án), Bình Phước (giao 68 tỷ đồng cho 02 dự án), Tiền Giang (giao 95 tỷ đồng cho 06 dự án), Trà Vinh (giao 168,5 tỷ đồng cho 07 dự án), Vĩnh Long (giao 101 tỷ đồng cho 03 dự án), Kiên Giang (giao 74,4 tỷ đồng cho 01 dự án); thành phố Đà Nẵng (giao 30 tỷ đồng cho 01 dự án).

[29] Tuy nhiên, sau đó hầu hết các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt bổ sung trung hạn 2016-2020.

[30] Đầu tư xây dựng bến cảng Liên Chiểu.

[31] Tập trung cho các dự án trong danh mục KH ĐTCTH giai đoạn 2016-2020 đang thực hiện dở dang, thiếu vốn thuộc nghĩa vụ của NSTW; thanh toán các khoản nợ thuộc nghĩa vụ của NSTW đối với các dự án đã hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng; các dự án NSTW đang nợ tiền đền bù giải phóng mặt bằng và chưa thanh toán theo tiến độ, cam kết với một số dự án đối tác công tư bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

[32] Viện HLKH&CN; Bộ GTVT.

[33] Bộ KH&ĐT.

[34] TP. HCM: 3.436 tỷ đồng; các tỉnh Hà Nam 954,9 tỷ đồng, Hà Tĩnh 82,7 tỷ đồng, Quảng Nam (huyện Núi Thành 57 tỷ đồng).

[35] Tỉnh Vĩnh Phúc 270 tỷ đồng; Hòa Bình 1.086,4 tỷ đồng; Quảng Trị (Thành phố Đông Hà 8,5 tỷ đồng; huyện Vĩnh Linh 16,3 tỷ đồng; huyện Hải Lăng 1,8 tỷ đồng; huyện Triệu Phong 2,8 tỷ đồng); Thừa Thiên Huế (Thị xã Hương Thủy, thị xã Hương Trà, huyện Phong Điền); Quảng Ninh 368,7 tỷ đồng.

[36] Dự án đầu tư xây dựng Trường Đại học Việt - Đức (dự án sử dụng vốn vay ODA) thuộc Bộ GD&ĐT không tuân thủ việc phân bổ, giao kế hoạch có thứ tự ưu tiên, dẫn tới năm 2020 thiếu vốn đối ứng 33 tỷ đồng.

[37] Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực Tiểu vùng Mê Công mở rộng: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao KHV chậm dẫn đến sau gần 03 năm kể từ khi được phê duyệt, dự án mới đủ điều kiện để tổ chức thực hiện; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tại 18 tỉnh năm 2020: Các tỉnh Bình Thuận, Lào Cai, Bình Định, Hà Tĩnh, Hà Giang, Sóc Trăng, Điện Biên, Lai Châu, Đắk Lắk.

phân bổ vốn cho một số dự án chưa đảm bảo điều kiện quy định[38]; bố trí vốn quá thời gian quy định[39]; bố trí vốn cho dự án không có trong KH ĐTCTH giai đoạn 2016-2020[40], phân bổ vốn vượt KH ĐTCTH[41], vượt mức quy định[42], không đúng đối tượng[43], không đúng tính chất nguồn vốn[44]; phân bổ vốn chậm, không đủ dẫn

---

[38] Các tỉnh Quảng Nam, Bình Định, Quảng Ngãi, Bình Dương, Hậu Giang, Quảng Ninh, Hưng Yên (thị xã Mỹ Hào; huyện Văn Lâm, Tiên Lữ), Yên Bái (huyện Văn Chấn), Tuyên Quang, Lạng Sơn, Hà Giang, Thái Bình (huyện Đông Hưng), Thanh Hóa (TP Sầm Sơn; TP Thanh Hóa; các huyện Đông Sơn, Nga Sơn, Thiệu Hóa), Ninh Bình, Gia Lai, Đắk Lắk, Bình Thuận.

[39] (i) Văn phòng QH: Dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà làm việc không thường xuyên của Quốc hội và các cơ quan Quốc hội tại thành phố Đà Nẵng (quá 2 năm), Dự án Nhà làm việc tại 35 Ngô Quyền, Hà Nội của Quốc hội (quá 01 năm); (ii) Bộ GD&ĐT: Kéo dài thời gian bố trí vốn vượt quá quy định của 08 dự án (05 năm đối với dự án nhóm B và 03 năm đối với dự án nhóm C, theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 13, Nghị định số 77/2015/NĐ-CP); (iii) Viện KSNDTC: Dự án Trụ sở VKSND thị xã Chí Linh, Hải Dương (vượt 1 năm); Dự án VKSND huyện Bình Gia, Lạng Sơn (vượt 1 năm); Dự án VKSND huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị (vượt 3 năm); (iv) Bộ Tư pháp: Dự án trường Trung cấp Luật Vị Thanh bố trí trong 09 năm từ năm 2011 đến 2019, Trường trung cấp luật Tây Bắc bố trí trong 07 năm từ 2014 đến 2020.

[40] Dự án Bệnh viện đa khoa tỉnh Tiền Giang; tỉnh Vĩnh Phúc (huyện Lập Thạch 38 dự án), Hòa Bình 05 dự án, Hà Tĩnh (Huyện Đức Thọ 03 dự án; huyện Nghi Xuân 03 dự án); Quảng Trị (huyện Cam Lộ 03 dự án); Quảng Nam (cấp tỉnh 01 dự án; TP Hội An 04 dự án; huyện Tây Giang 30 dự án); Bình Định (huyện Hoài Ân 57 dự án); Bình Dương (TP. Dĩ An 02 dự án), Yên Bái (huyện Trấn Yên 03 dự án); Lâm Đồng (huyện Đam Rông 02 dự án); Vĩnh Long (huyện Long Hồ 01 dự án); Thái Nguyên 05 dự án; Ninh Bình (huyện Yên Mô 14 dự án), Kon Tum (huyện Ngọc Hồi 10 dự án).

[41] Đại học QGHN: Dự án Đầu tư nâng cấp phòng thí nghiệm chuyên đề phục vụ đào tạo về khoa học cơ bản tại ĐHQGHN vượt mức vốn trung hạn được duyệt 14 tỷ đồng trong khi thẩm quyền điều chỉnh mức vốn đầu tư công trung hạn là Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại khoản 3 Điều 67 Luật Đầu tư công 2019; Tỉnh Quảng Nam 37 tỷ đồng/07 dự án; Bình Dương 204,4 tỷ đồng/01 dự án; TP. Hải Phòng 270 tỷ đồng/03 dự án; Vĩnh Long 5,7 tỷ đồng/01 dự án.

[42] Tỉnh Quảng Nam: Bố trí KHV cho 01 dự án vượt mức hỗ trợ theo quy định 15 tỷ đồng.

[43] UBND thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh phân bổ vốn đầu tư cho Dự án mở rộng quốc lộ 18 từ nút giao đường cao tốc Hạ Long - Vân Đồn đến đầu đường Hoàng Quốc Việt phân bổ năm 2020 là 60,315 tỷ đồng; Dự án cải tạo, chỉnh trang đường 18A đoạn từ nút giao đường Hoàng Quốc Việt với đường 18A đến cầu Bãi Cháy phân bổ 379,787 tỷ đồng không thuộc nhiệm vụ chi của thành phố.

[44] (i) Tỉnh Quảng Nam: Dự án sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị cơ sở cai nghiện ma túy Quảng Nam được TW giao nguồn BSCMT 18 tỷ đồng; tuy nhiên tỉnh chỉ phân bổ 16,87 tỷ đồng, số còn lại 1,13 tỷ đồng phân bổ cho DA Tượng đài Bà mẹ Việt Nam anh hùng để thực hiện hoàn trả vốn NSTW đã ứng trước (không có ý kiến của TW); (ii) Bình Định: Sử dụng kinh phí sự nghiệp y tế hàng năm số tiền 71 tỷ đồng (Năm 2018 bố trí 7 tỷ đồng; năm 2019 bố trí 20 tỷ đồng, năm 2020 bố trí 25 tỷ đồng; năm 2021 bố trí 19 tỷ đồng) để bố trí vốn cho Dự án Bệnh viện Đa Khoa tỉnh Bình Định không đúng qui định; (iii) Quảng Ninh: Phân bổ 45,8 tỷ đồng cho 03 dự án xây dựng trụ sở Tòa án, Viện kiểm sát các huyện chưa phù hợp với quy định; (iv) Vĩnh Long: Bố trí vốn cho công trình hành chính từ nguồn thu tiền sử dụng đất (Dự án Trung tâm hành chính huyện Long Hồ 20,7 tỷ đồng, Dự án Khối vận thành phố Vĩnh Long 22,7 tỷ đồng) không đúng quy định; (v) Tuyên Quang: Phân bổ 20,7 tỷ đồng nguồn 10% thu sử dụng đất phục vụ công tác đo đạc, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các nội dung chưa đúng quy định; (vi) Gia Lai: Phân bổ 120 tỷ đồng nguồn dự phòng NSTW năm 2020 cho 05 dự án khởi công mới chưa phù hợp nội dung, mục tiêu và đối tượng theo hướng dẫn; (vii) Đắk Lắk: Sở KH-ĐT tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh 20 tỷ đồng vốn NSTW sang cho 04 dự án không phải dự án phòng, tránh, khắc phục hậu quả thiên tai, di dời dân cư khẩn cấp; UBND huyện Krông Pắc bố trí 41,5 tỷ đồng vốn sự nghiệp để xây dựng mới các công trình; (viii) Bình Thuận: UBND Tỉnh không dành nguồn thu tiền sử dụng đất từ Khu đô thị du lịch biển Phan Thiết là 187,3 tỷ đồng để đầu tư xây dựng hạ tầng và khu nhà ở xã hội trên địa bàn theo Công văn số 906/BXD-QLN ngày 24/4/2015 của Bộ Xây dựng. Số tiền này UBND Tỉnh đã sử dụng để thực hiện các dự án đầu tư công khác của tỉnh.

đến phải cắt giảm quy mô, danh mục đầu tư theo đề án ban đầu[45], phân bổ thấp hơn[46] quy định; không phân bổ vốn để thu hồi vốn ứng trước[47], phân bổ vốn ứng trước chưa đúng quy định[48], phân bổ không đủ vốn theo quy định[49]; phân bổ, điều chỉnh KHV không đúng thẩm quyền[50]; chưa hoàn trả vốn quá thời hạn giải ngân theo quy định[51], tỷ lệ giải ngân thấp so với kế hoạch[52]; chưa có phương án đảm bảo sử dụng hiệu quả vốn đầu tư[53], làm phát sinh lãi vay[54], không sử dụng hết

---

[45] Đại học QGHN: Dự án PTN Chuyên đề giảm từ 70 tỷ đồng xuống 49,55 tỷ đồng; Dự án Vi thiết bị giảm từ 60 tỷ đồng xuống 20,42 tỷ đồng; Dự án Gen giảm từ 100 tỷ đồng xuống 69,1 tỷ đồng; Dự án PTN Dược giảm từ 100 tỷ đồng xuống 72,1 tỷ đồng.

[46] (i) Tỉnh Hà Tĩnh, Vĩnh Long, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Quảng Bình (Thành phố Đồng Hới; các huyện Bố Trạch, Lệ Thủy, Quảng Ninh): Chưa bố trí đủ 10% số thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất để thực hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định; (ii) Tỉnh Bình Dương: Phân bổ KHV từ nguồn thu sử dụng đất được TW giao không hết là chưa đúng quy định (KHVĐTC được TW giao là 3.000 tỷ đồng nhưng KHVĐTC tỉnh phân bổ chỉ là 1.876 tỷ đồng); (iii) Các tỉnh Vĩnh Long, Đắk Nông, Bình Phước: Bố trí nguồn thu từ XSKT đầu tư cho lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề và lĩnh vực y tế không đảm bảo tỷ lệ tối thiểu theo quy định.

[47] Dự án Bệnh viện đa khoa tỉnh Tiền Giang.

[48] (i) Tỉnh An Giang: TP. Long Xuyên ứng trước KHV năm 2021 số tiền 1,25 tỷ đồng cho 01 dự án khi chưa xây dựng KH ĐTCTH; (ii) Thái Nguyên: Ứng trước vốn đầu tư cho dự án Nhà đa chức năng của UBND tỉnh Thái Nguyên 65 tỷ đồng khi dự án còn dư ứng 5,8 tỷ đồng không đảm bảo theo quy định; (iii) Đắk Nông: UBND huyện Đắk Glong cho ứng trước KHV năm 2020 vượt mức 20% KHV đầu tư XDCB năm 2019; (iv) Đắk Lắk: Ứng trước dự toán năm sau cho dự án Hồ thủy lợi Ea Tam, thành phố Buôn Ma Thuột số tiền 150 tỷ đồng khi chưa được HĐND Tỉnh phê duyệt bổ sung vào KH ĐTCTH 2016-2020; Năm 2020 đã giao 225 tỷ đồng cho dự án Đường Đông Tây TP. Buôn Ma Thuột nhưng không thu hồi số vốn đã ứng trước (250 tỷ đồng) và còn số dư ứng trước (250 tỷ đồng) nhưng vẫn tiếp tục cho ứng trước; (v) Bà Rịa - Vũng Tàu: Ứng trước cho 02 dự án không nằm trong danh mục KH ĐTCTH 2016-2020.

[49] (i) Dự án cấp điện lưới cho đảo Trần, huyện Cô Tô và đảo Cái Chiên, huyện Hải Hà tỉnh Quảng Ninh: UBND tỉnh Quảng Ninh thiếu 98,5 tỷ đồng; (ii) Dự án Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới tại các tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông: Kon Tum bố trí thiếu 34,4 tỷ đồng; Gia Lai bố trí thiếu 6,7 tỷ đồng; (iii) Tỉnh Quảng Ngãi: Chưa bố trí đủ vốn đối ứng cho các dự án sử dụng vốn ODA, còn nhu cầu vốn phải chuyển sang giai đoạn sau 126,5 tỷ đồng; (iv) Lào Cai: 02 dự án nguồn vốn NSTT chưa bố trí đủ vốn đối ứng ODA theo kế hoạch trung hạn được duyệt; (v) Đồng Tháp: Phân bổ vốn đối ứng NSĐP cho 01 dự án chưa đảm bảo cơ cấu nguồn vốn tại quyết định đầu tư; (vi) Nam Định: Tại 03 dự án sử dụng vốn ODA bố trí vốn đối ứng còn thiếu 41,3 tỷ đồng; (vii) Gia Lai: Chưa bố trí vốn đầu tư phát triển, kinh phí sự nghiệp từ nguồn cân đối NSĐP thực hiện Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới đảm bảo tỷ lệ đối ứng tối thiểu 1:1 so với nguồn NSTW giao.

[50] Tỉnh Bạc Liêu: UBND huyện Hòa Bình quyết định phân bổ KHV đầu tư cho các danh mục dự án chi tiết (nguồn vốn bổ sung, điều chỉnh của tỉnh cho huyện) nhưng không báo cáo, trình HĐND cùng cấp quyết định tại kỳ họp gần nhất; Gia Lai: Điều chỉnh KHV NSTW BSCMT 7,9 tỷ đồng của 03 dự án không đúng thẩm quyền; Đắk Lắk: UBND Tỉnh giao chi tiết và điều chỉnh KHV ODA trong năm 2020 nhưng không thông qua HĐND Tỉnh.

[51] Dự án Mở rộng, nâng cấp ĐT254: KHV TPCP giao năm 2018 quá thời hạn giải ngân chưa hoàn trả theo quy định 2 tỷ đồng.

[52] Đến thời điểm kiểm toán: (i) Dự án quản lý tài sản đường bộ Việt Nam (VRAMP) giải ngân đạt 20,39%; (ii) Dự án sửa chữa cầu Thăng Long giải ngân đạt 8,72%; (iii) Dự án đường dây 500 kV Dốc Sỏi - Pleiku 2 giải ngân đạt 46,3%; (iv) Các tỉnh: Vĩnh Phúc: tỷ lệ giải ngân chỉ đạt 69,5%; Hà Nam 82%, Hà Tĩnh 79,1%, Thừa Thiên Huế 75%, Quảng Trị 82%, Quảng Nam 75,6%, Bình Định 78,5%, Quảng Ngãi 77,8%, TP.Hồ Chí Minh 83,6%, Bình Dương 72,3%, Phú Thọ 85,7%, Sơn La 87,5%, Điện Biên 77%, An Giang 85%, Đồng Tháp 74,6%, Kon Tum 67,7%, Đắk Lắk 75%, Bà Rịa - Vũng Tàu 81,8%, Bình Phước 84,5%, Bình Thuận 80%.

[53] (i) Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông Hải Phòng 03 dự án chuyển nguồn 78,41 tỷ đồng; (ii) Ban quản lý dự án phát triển đô thị và Đầu tư xây dựng công trình Dân dụng Hải Phòng 04 dự án chuyển nguồn 12,698 tỷ đồng.

[54] Dự án Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới tại các tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông: Kon Tum 0,517 tỷ đồng, Gia Lai 0,338 tỷ đồng, Đắk Lắk 0,498 tỷ đồng, Đắk Nông 0,56 tỷ đồng.

phải hủy[55], chuyển KHV[56]. Tình trạng phân bổ KHV chưa đảm bảo thứ tự ưu tiên, bố trí vốn chưa phù hợp với thực tế dẫn đến trong quá trình triển khai thực hiện phải điều chỉnh, bổ sung còn xảy ra tại hầu hết các địa phương được kiểm toán.

(4) Dư ứng trước đến hết kế hoạch năm 2020 chưa bố trí KHV để thu hồi 47.078,565 tỷ đồng, giai đoạn 2016-2020 phát sinh ứng trước 10.933,317 tỷ đồng[57]; số vốn bố trí thực tế trong kế hoạch hằng năm để thu hồi vốn ứng trước đến hết năm 2020 chỉ đạt 41,6/50,2 nghìn tỷ đồng KH ĐTCTH[58]; KH ĐTCTH giai đoạn 2016-2020 chưa bố trí thanh toán hết số dư nợ đọng XDCB của những dự án thực hiện trước năm 2015[59].

*1.2.2. Dự toán chi thường xuyên*

Dự toán được Quốc hội quyết nghị và Chính phủ giao 1.116.003 tỷ đồng (bao gồm cả chi cải cách tiền lương), bằng 62,9% tổng dự toán chi NSNN. Kết quả kiểm toán cho thấy:

- Tại một số bộ, cơ quan trung ương lập dự toán chi không sát thực tế hoặc chưa đúng quy định tại Thông tư số 38/2019/TT-BTC[60]. Một số địa phương còn lập dự toán chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể và các đơn vị sự nghiệp chưa gắn với mục tiêu, nhiệm vụ tinh giản biên chế, sắp xếp lại bộ máy theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW[61].

- Giao dự toán cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương[62] chậm so với quy định tại Điều 44 Luật NSNN (giao trước ngày 20/11/2019); giao bổ

---

[55] Việc quản lý, sử dụng NSNN năm 2020 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình cấp nước, thoát nước và môi trường thành phố Hà Nội: (i) Nạo vét bùn Hồ Tây điều chỉnh giảm 150 tỷ đồng - tương đương 75%, (ii) Xây dựng, nâng cấp trạm bơm Phương Trạch, huyện Đông Anh, Hà Nội điều chỉnh giảm 145 tỷ đồng - tương đương 96,7%, (iii) Khu Liên hợp xử lý nước thải Sóc Sơn giai đoạn II điều chỉnh giảm 60 tỷ đồng - tương đương 60%.

[56] (i) Bộ Tài chính (Dự án Đầu tư xây dựng Trung tâm dịch vụ Tài chính - Bộ Tài chính; Dự án Đầu tư trang thiết bị nâng cao năng lực giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học tại Học viện Tài chính); (ii) Dự án xây dựng tuyến đường nối tỉnh lộ 419 từ xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức đến tiếp giáp xã Tân Sơn, huyện Kim Bảng tỉnh Hà Nam; (iii) Dự án ĐTXD công trình cầu Sông Rin thị trấn Di Lăng, huyện Sơn Hà; (iv) Dự án tăng cường kết nối giao thông khu vực Tây Nguyên; (v) Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Phan Thiết - Dầu Giây thuộc Dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020; (vi) Dự án Bệnh viên đa khoa tỉnh Đồng Tháp; (vii) Dự án Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh; (viii) Chuyên đề việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư, kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách cấp của Ban Duy tu các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội) giai đoạn 2015-2020; (ix) Việc quản lý, sử dụng NSNN năm 2020 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình cấp nước, thoát nước và môi trường thành phố Hà Nội: Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư thấp (58,9%), dư KHV năm 2019 còn phải chuyển nguồn sang năm sau là 222,7 tỷ đồng, chiếm 33,3% KHV năm 2019 và không giải ngân được phải hủy dự toán là 127,8 tỷ đồng, trong đó thuộc KHV năm 2018 kéo dài là 125,6 tỷ đồng, chiếm 63,9% tổng KHV năm 2018 kéo dài; (x) Các tỉnh: Hà Nam 336,3 tỷ đồng (vốn NSTW), Quảng Bình 76 tỷ đồng (vốn dự phòng NSTW, TPCP), Thừa Thiên Huế 31,9 tỷ đồng (vốn NSTW), Quảng Nam 361,8 tỷ đồng (vốn NST 154,2 tỷ đồng, NS huyện 207,6 tỷ đồng), Quảng Ngãi 28,9 tỷ đồng (vốn NST), Sơn La 18,5 tỷ đồng (vốn NSTW), Lai Châu 18,5 tỷ đồng (vốn dự phòng NSTW), Hà Giang 26,9 tỷ đồng (vốn dự phòng NSTW), Ninh Bình 6,4 tỷ đồng (vốn NSTW).

[57] Năm 2016 phát sinh ứng trước 9.114,336 tỷ đồng; năm 2017 là 1.298,981 tỷ đồng; năm 2018 là 520 tỷ đồng.

[58] Tổng số KH ĐTCTH giai đoạn 2016-2020 đã bố trí để thu hồi ứng trước.

[59] Như số nợ đọng XDCB 1.214 tỷ đồng của Bộ GTVT.

[60] Bộ KH&ĐT; Văn phòng QH; Văn phòng CTN; Bộ Tài chính; Bộ Công Thương; ĐHQGHN; ĐHQG TP. HCM; Thông tấn xã Việt Nam; Đài TNVN.

[61] Một số đơn vị thuộc thành phố Hà Nội; tỉnh Thừa Thiên Huế; Hà Tĩnh; Nghệ An; Đắk Nông; Kon Tum.

[62] Quyết định số 1704/QĐ-TTg ngày 29/11/2019.

sung dự toán cho một số bộ, ngành vào thời điểm cuối tháng 12 của năm ngân sách 2020[63].

- Tại một số bộ, cơ quan trung ương giao và phân bổ chưa đầy đủ cơ sở, căn cứ[64]; không phân bổ hết dự toán theo quy định[65]; giao dự toán kinh phí thường xuyên, không thường xuyên chưa đảm bảo quy định[66].

---

[63] Bộ Công Thương: Văn bản số 15591/BTC-HCSN ngày 17/12/2020 của Bộ Tài chính giao bổ sung dự toán chi NSNN năm 2020 để thực hiện các chính sách theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015, Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg số tiền 75,59 tỷ đồng; Văn bản số 16260/BTC-QLN ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính giao bổ sung dự toán kinh phí đào tạo Lào năm 2020 là 0,355 tỷ đồng; Bộ VHTTDL: Công văn số 16177/BTC-HCSN ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính bổ sung kinh phí xử lý tồn tại Phim Huyền thoại 1C số tiền 44,495 tỷ đồng (đến ngày 21/01/2021 có Quyết định số 310/QĐ-BVHTTDL về việc bổ sung dự toán năm 2020 của Cục Điện ảnh số tiền trên và thực hiện chuyển sang năm 2021).

[64] (i) ĐHQG TPHCM: Giao Viện Môi trường và Tài nguyên để mua sắm, sửa chữa chưa có cơ sở, chưa căn cứ trên nhu cầu của đơn vị; xây dựng dự toán/giao dự toán cho một số đơn vị (Trường Đại học KHXHNV, Trường Đại học Công nghệ thông tin, Trường Đại học kinh tế Luật) gồm cả kinh phí KTNN đã kiến nghị giảm trừ 1,44 tỷ đồng khi kiểm toán năm 2019; giao kinh phí thực hiện nhiệm vụ đào tạo của một số chương trình về Đề án, nhiệm vụ không thuyết minh được cơ sở; việc giao dự toán kinh phí cấp bù học phí sư phạm, miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm 2020 chưa căn cứ trên nguồn kinh phí còn dư từ năm trước dẫn đến kinh phí còn dư tại kho bạc phải hủy; (ii) Bộ KH&ĐT: Phân bổ dự toán kinh phí hỗ trợ đào tạo và tuyển sinh cho Học viện Chính sách và Phát triển không phù hợp thực tế của đơn vị dẫn đến việc trong năm phải điều chỉnh giảm dự toán; phân bổ dự toán "Xây dựng và nâng cấp các phần mềm công nghệ thông tin thuộc nguồn kinh phí các cuộc điều tra" 6,87 tỷ đồng cho Cục Thu thập dữ liệu và ứng dụng công nghệ thông tin thống kê thiếu căn cứ do chưa có cơ sở xác định nhiệm vụ nào sử dụng nguồn thường xuyên, không thường xuyên; phân bổ dự toán chi phí quản lý chung bằng 10% chi phí in và phát hành cho Nhà xuất bản Thống kê không có trong quy định; (iii) Văn phòng QH: Giao dự toán cho Viện Nghiên cứu lập pháp thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng chưa có danh mục, thuyết minh và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng quy định; (iv) Văn phòng CTN: Giao dự toán quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương cao hơn quy định; phân bổ dự toán chi hoạt động thường xuyên (tự chủ) thiếu căn cứ do chưa có định mức phân bổ dự toán chi quản lý hành chính, các khoản chi đặc thù; (v) Bộ Công Thương: Giao dự toán cho 04 đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên vượt phương án tự chủ được phê duyệt 1,8 tỷ đồng không nêu rõ cơ sở; giao dự toán CTMT giáo dục nghề nghiệp và việc làm và an toàn lao động 98 tỷ đồng và kinh phí đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân 2,55 tỷ đồng tạm thời về Văn phòng Bộ khi đơn vị không lập nhu cầu và chậm điều chỉnh dự toán giao cho các đơn vị sử dụng; (vi) ĐHQGHN: giao dự toán đào tạo chương trình tài năng, chất lượng cao theo chuẩn ĐHQGHN chưa có phương án tài chính làm cơ sở hỗ trợ kinh phí cho các trường thành viên; phân bổ theo đơn vị dự toán, không chi tiết cụ thể nhiệm vụ theo hướng dẫn thuyết minh dự toán quy định; giao dự toán đối với kinh phí thực hiện nhiệm vụ phát sinh trong năm, kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đặc thù theo nhóm nhiệm vụ chưa thể hiện nội dung, nhiệm vụ cụ thể; (vii) Đài tiếng nói Việt Nam: Giao quỹ nhuận bút cho các đơn vị trực thuộc chưa thuyết minh đầy đủ cơ sở theo quy định tại Nghị định số 18/2014/NĐ-CP; việc giao kinh phí tự chủ cho các đơn vị chưa căn cứ trên mức độ tự chủ đã được thống nhất với Bộ Tài chính, giao tăng 9,63 tỷ đồng so với dự toán giao năm 2019 mà chưa có thuyết minh chi tiết cơ sở; (viii) Bộ Tài chính: Giao dự toán kinh phí không tự chủ nhưng không có nhiệm vụ chi cụ thể 36,61 tỷ đồng (giao vào nội dung chi khác cho Cục Kế hoạch - Tài chính), cuối năm, đã cắt giảm theo Nghị quyết số 84/NQ-CP của Chính phủ.

[65] Bộ Tài chính; Bộ Khoa học và Công nghệ; Thông tấn xã Việt Nam.

[66] (i) Bộ KH&ĐT: Dùng kinh phí không thường xuyên để giao chi hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ cho một số đơn vị đã được đảm bảo một phần kinh phí hoạt động thường xuyên theo phương án tự chủ được phê duyệt không đúng quy định; (ii) Bộ Tài chính: Giao dự toán cho một số đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo một phần kinh phí hoạt động để mua sắm trang thiết bị theo danh mục được phê duyệt, tuy nhiên chưa phê duyệt dự án, đề án là chưa phù hợp quy định; (iii) Kho bạc Nhà nước: Phân bổ 574 tỷ đồng cho một số khoản chi khác chưa được Bộ Tài chính quy định là các khoản chi nghiệp vụ theo quy định khoản 1 Điều 6 Quyết định số 54/2013/QĐ-TTg; (iv) Bộ KH&CN: Giao kinh phí thường xuyên theo chức năng để chi các khoản chi tiền lương, tiền công và các khoản đóng góp theo lương cho đơn vị tự bảo đảm toàn bộ kinh phí chi thường xuyên chưa đúng quy định; giao dự toán kinh phí theo nhiệm vụ đặc thù cho một số đơn vị, ngoài định mức theo Quyết định số 46/QĐ-TTg có tính chất thường xuyên chưa phù hợp quy định 7,7 tỷ đồng; phân bổ, giao kinh phí để chi lương và hỗ trợ bộ máy cho các đơn vị từ nguồn kinh phí không thường xuyên trong khi chưa xác định cụ thể nhiệm vụ không thường xuyên là chưa phù hợp quy định tại khoản 11 Điều 3 Thông tư số 88/2019/TT-BTC, số tiền 19,2 tỷ đồng; (v) Thông tấn xã Việt Nam: Giao kinh phí không tự chủ không có nhiệm vụ cụ thể phải thực hiện, giao một số nhiệm vụ thuộc kinh phí không thường xuyên vào kinh phí thường xuyên 8,24 tỷ đồng (kinh phí mua tin, đoàn ra, đóng niên liễm). Ngoài ra, đối với các cơ quan thường trú nước ngoài còn nhiệm vụ thuộc kinh phí không thường xuyên giao trong kinh phí thường xuyên.

22/45 địa phương chưa phân bổ và giao dự toán chi thường xuyên hết cho đơn vị ngay từ đầu năm 15.093 tỷ đồng[67]; 19/45 địa phương bố trí dự phòng ngân sách tại cấp tỉnh hoặc cấp huyện chưa đảm bảo tỷ lệ quy định[68]; ngân sách tỉnh hoặc ngân sách huyện còn giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc bao gồm cả 10% tiết kiệm chi thường xuyên chưa đảm bảo theo quy định[69]; giao dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, sự nghiệp khoa học công nghệ thấp hơn dự toán TW giao[70]; giao kinh phí chi thường xuyên để thực hiện một số dự án đầu tư mới, cải tạo, nâng cấp chưa phù hợp quy định[71]; chưa bố trí đủ tối thiểu 10% số thu tiền sử dụng đất cho công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định[72]; giao dự toán nhưng không có nhiệm vụ chi cụ thể[73]; không bố trí dự toán để thu hồi các khoản ứng trước dự toán từ NSĐP[74]; giao dự toán cho ngành giáo dục chưa bảo đảm tỷ lệ chi cho con người và chi hoạt động theo Nghị quyết của HĐND[75]; giao kinh phí cho một số đơn vị theo số người làm việc cao hơn chỉ tiêu biên chế được giao[76]; giao thừa lương cho biên chế chưa tuyển, giao bổ sung kinh phí đã được đảm bảo trong định mức chi thường xuyên chưa đúng quy định do tính hệ số phụ cấp chưa đúng quy định (Kon Tum); phân bổ và chi mua sắm, sửa chữa thường xuyên tài sản, trong khi khoản chi này đã được tính trong định mức tự chủ hoạt động thường xuyên cho các đơn vị (tỉnh Bình Định 3,9 tỷ đồng); bố trí thêm định suất lao động tại các đơn vị sự nghiệp giáo dục ngoài chỉ tiêu biên chế được Bộ Nội vụ giao, chưa được HĐND tỉnh thông qua (tỉnh Bình Phước: 455 định suất lao động). Ngoài ra, Nghị quyết của HĐND quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên

---

[67] Tỉnh Hòa Bình 2.315 tỷ đồng; Quảng Nam 2.036 tỷ đồng; Bà Rịa - Vũng Tàu 1.531 tỷ đồng; Thanh Hóa 1.314 tỷ đồng; Hà Tĩnh 1.016 tỷ đồng; Lào Cai 902 tỷ đồng; Nam Định 791 tỷ đồng; Nghệ An 679 tỷ đồng; Ninh Bình 672 tỷ đồng; Quảng Bình 662 tỷ đồng; An Giang 582 tỷ đồng; Thừa Thiên Huế 470 tỷ đồng; Hải Phòng 393 tỷ đồng; …

[68] Tỉnh Thừa Thiên Huế; Hà Tĩnh; Thanh Hóa; Phú Thọ; Nghệ An; An Giang; Sơn La; Đồng Tháp; Gia Lai; Thái Bình; Quảng Nam; Quảng Bình; Hòa Bình;…

[69] TP. HCM 391 tỷ đồng; Hà Nội 17,95 tỷ đồng; tỉnh Quảng Nam 20,34 tỷ đồng; Bình Dương 11,27 tỷ đồng; Lào Cai 7,51 tỷ đồng; Đắk Nông 8,49 tỷ đồng; Đắk Lắk 5,68 tỷ đồng; Điện Biên 0,54 tỷ đồng.

[70] Thành phố Hải Phòng; tỉnh Vĩnh Long (sự nghiệp khoa học công nghệ).

[71] Tỉnh Thanh Hóa 363 tỷ đồng; Ninh Bình 151 tỷ đồng; Phú Thọ 41 tỷ đồng (huyện Cẩm Khê, Yên Lập); Hưng Yên 50 tỷ đồng; Bình Dương (huyện Bàu Bàng 21 tỷ đồng); Bình Phước.

[72] Thành phố Hải Phòng (NS thành phố và 5 huyện); tỉnh Thừa Thiên Huế (NS tỉnh và 6 huyện); Hà Tĩnh (NS tỉnh và 10 huyện); Ninh Bình (02 huyện); Thanh Hóa (một số huyện, thành phố); Bà Rịa - Vũng Tàu (NS tỉnh và các huyện được kiểm toán); Đồng Tháp (NS tỉnh); Kon Tum; Thái Nguyên; Quảng Trị; Lạng Sơn; Gia Lai (5 huyện); Hưng Yên (02 huyện).

[73] Một số đơn vị thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế; Hậu Giang; Quảng Nam; Quảng Bình; Tuyên Quang; Thái Nguyên.

[74] Tỉnh Đắk Nông 50 tỷ đồng; Vĩnh Phúc 35 tỷ đồng; Điện Biên 3,2 tỷ đồng; thành phố Hải Phòng 3 tỷ đồng.

[75] Tỉnh Vĩnh Long; Đắk Nông.

[76] Tỉnh Quảng Nam 8,95 tỷ đồng; Thanh Hóa (thành phố Thanh Hóa 5 tỷ đồng); Nam Định (huyện Vụ Bản 1,29 tỷ đồng).

NSĐP còn một số nội dung chưa phù hợp[77]; chưa xác định giảm số bổ sung cân đối cho huyện do sáp nhập tổ dân phố quy định tại Nghị quyết của HĐND Tỉnh[78]; TP. HCM cấp bổ sung kinh phí cho các quận, huyện để chi tăng lương cơ sở và chi tăng thu nhập chưa theo thứ tự ưu tiên nguồn kinh phí thực hiện theo quy định, dẫn đến cấp thừa cho các quận, huyện 1.168 tỷ đồng.

**2. Về chấp hành ngân sách**

***2.1. Thu ngân sách nhà nước***

(1) Về thực hiện dự toán thu NSNN

Thực hiện 1.510.579 tỷ đồng, bằng 98,1% (tương ứng hụt 28.473 tỷ đồng) dự toán giao[79]; bằng 97,1% thực hiện năm 2019 (1.555.237 tỷ đồng). Trong đó, các khoản thu từ dầu thô, thu xuất nhập khẩu, thu viện trợ đều không đạt dự toán giao; riêng thu nội địa vượt 0,2% dự toán giao. Kết quả tăng thu nội địa chủ yếu từ tiền sử dụng đất 77.086 tỷ đồng và thu khác ngân sách 22.229 tỷ đồng (trong đó có khoản thu đột xuất phát sinh từ chênh lệch mệnh giá trái phiếu 9.164 tỷ đồng). Mặt khác, một số khoản thu chính từ hoạt động SXKD (khu vực DNNN, DN có vốn đầu tư nước ngoài và kinh tế ngoài quốc doanh) chiếm khoảng 52,5% tổng thu nội địa nhưng đều hụt thu so với dự toán giao[80]. Bên cạnh đó, khoản thu hồi vốn tại các doanh nghiệp nhà nước chỉ đạt 37,1% dự toán giao đầu năm (tương ứng hụt 28.300 tỷ đồng).

Đánh giá về tổng thể, trong bối cảnh tác động của dịch Covid-19 tới tăng trưởng kinh tế (GDP năm 2020 đạt 2,91% so với kế hoạch 6,8%) như trên, kết quả thu NSNN năm 2020 cho thấy sự nỗ lực và hiệu quả điều hành, tổ chức huy động các nguồn thu trong năm của cơ quan thuế.

(2) Năm 2020 KBNN tiếp tục nộp NSNN 2.714 tỷ đồng từ nguồn thu hoạt động nghiệp vụ KBNN theo Quyết định giao dự toán thu, chi của Bộ Tài chính cho

---

[77] Tỉnh Bình Dương: Không quy định định mức phân bổ ngân sách giữa cấp tỉnh và huyện đối với các sự nghiệp văn hóa, thông tin, thể dục thể thao, phát thanh, đảm bảo xã hội; quy định 1 mức phân bổ kinh phí hoạt động giảng dạy và học tập của học sinh là 400.000 đồng/học sinh/năm, chung cho 4 cấp học và trên toàn địa bàn tỉnh mà chưa tính đến quy mô học sinh và đặc thù hoạt động của từng cấp và từng địa bàn (đô thị, nông thôn), dẫn đến có một số đơn vị thiếu, đơn vị thừa nhiều.

[78] Tỉnh Gia Lai 10,42 tỷ đồng; Đắk Lắk 1,63 tỷ đồng.

[79] Trong đó: Thu nội địa 1.293.728 tỷ đồng, tăng 0,2% so với dự toán giao (1.293.728/1.290.776 tỷ đồng), thu cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu 177.444 tỷ đồng, bằng 85,3% so với dự toán giao (177.444/208.000 tỷ đồng), thu từ dầu thô 34.598 tỷ đồng, bằng 98,3% so dự toán giao (34.598/35.200 tỷ đồng), thu viện trợ 4.808 tỷ đồng, bằng 94,7% (4.808/5.076 tỷ đồng) so với dự toán giao.

[80] Năm 2020 thực hiện thu từ hoạt động SXKD (thu từ khu vực DNNN, DN có vốn đầu tư nước ngoài và kinh tế ngoài quốc doanh) đạt 88,7% so với dự toán giao (601.407/677.520 tỷ đồng); nguyên nhân khách quan hụt thu là do ảnh hưởng của dịch Covid 19 (dự toán được lập trên cơ sở kịch bản tăng trưởng kinh tế không có ảnh hưởng của dịch này) và các chính sách miễn, giảm thuế của nhà nước cho các doanh nghiệp do ảnh hưởng của dịch. Thực tế tình trạng hụt thu từ hoạt động SXKD các năm trước đã từng bước được cải thiện: (i) Năm 2017 đạt 89% dự toán giao (500.328/561.917 tỷ đồng); (ii) Năm 2018 đạt 90,4% dự toán giao (549.319/607.266 tỷ đồng); Năm 2019 đạt 96,9% dự toán giao (613.498/632.973 tỷ đồng).

KBNN[81]. Bộ Tài chính đang tổ chức thực hiện Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 05/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao hiệu quả thực hiện và đổi mới cơ chế quản lý tài chính, thu nhập gắn với đặc thù của cơ quan quản lý hành chính nhà nước, trong đó bao gồm việc đánh giá, đổi mới cơ chế quản lý đối với nguồn thu hoạt động nghiệp vụ của KBNN theo kiến nghị của KTNN tại Báo cáo kiểm toán quyết toán NSNN năm 2019.

(3) KBNN chưa kịp thời hạch toán số thu chênh lệch mệnh giá trái phiếu năm 2018 (2.069 tỷ đồng), năm 2019 (3.435,3 tỷ đồng) theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Thông tư số 342/2016/TT-BTC[82].

(4) Tình trạng hạch toán và kê khai thiếu doanh thu, xác định sai chi phí, từ đó tính thiếu thuế GTGT, thuế TNDN và thuế TNCN vẫn diễn ra khá phổ biến tại các đơn vị được kiểm toán, đối chiếu. KTNN xác định số phải nộp NSNN tăng thêm 8.802,6 tỷ đồng.

(5) Công tác quản lý thu, chống thất thu thuế

- Công tác quản lý thu tại một số cơ quan thuế còn tình trạng: Không hoàn thành kế hoạch thanh tra, kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế[83]; một số cuộc thanh tra, kiểm tra xử lý kết quả thanh, kiểm tra không phù hợp quy định[84]; xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế qua một số kết quả thanh tra, kiểm tra chưa đầy đủ[85]; chậm lập biên bản kiểm tra, thanh tra[86] hoặc lập chưa đúng mẫu quy định[87]; kéo dài thời gian kiểm tra, thanh tra không có lý do[88]; thực hiện kiểm tra, thanh tra ngoài phạm vi quyết định[89].

- Còn trường hợp miễn tiền thuê đất không đúng ngành nghề được ưu đãi[90], sai thời gian được miễn[91]; miễn tiền sử dụng đất khi chưa đầy đủ hồ sơ theo quy

---

[81] Quyết định số 2757/QĐ-BTC ngày 26/12/2019 giao dự toán thu 3.000 tỷ đồng; Quyết định số 1795/QĐ-BTC ngày 13/11/2020 điều chỉnh giảm dự toán thu 286 tỷ đồng.

[82] Đã hạch toán thu năm 2020.

[83] Tỉnh Kiên Giang (CCT khu vực Hòn Đất - Kiên Lương: Công tác kiểm tra đạt 73%); Quảng Ngãi (Công tác thanh tra đạt 86%).

[84] Tỉnh Đồng Tháp (Cục Thuế; CCT Tam Nông); Kon Tum; Vĩnh Long; Gia Lai (CCT khu vực An Khê - Đak Pơ - Kông Chro; CCT khu vực Ayun Pa - Phú Thiện - Ia Pa; CCT khu vực Ia Grai - Chư Păh); Quảng Nam; An Giang; Quảng Ngãi; Đồng Tháp (Cục Thuế; CCT khu vực 4).

[85] An Giang (Cục Thuế; CCT thành phố Long Xuyên; CCT Thoại Sơn).

[86] Tỉnh Bình Định; Quảng Ngãi; Đồng Tháp (VP Cục Thuế).

[87] Tỉnh Đồng Tháp (CCT thành phố Sa Đéc); Kon Tum (CCT Sa Thầy); TP. HCM.

[88] Tỉnh Bình Định; Quảng Ngãi.

[89] Tỉnh Đồng Tháp; Hưng Yên (Cục Thuế; CCT khu vực TP. Hưng Yên - Kim Động).

[90] Tỉnh Hậu Giang (Công ty TNHH JIA ZHI).

[91] Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Khu du lịch Poulo Condor).

định[92]; miễn giảm thuế cho hộ kinh doanh chưa phù hợp quy định[93]. Ngoài ra, một số doanh nghiệp kê khai ưu đãi thuế TNDN không đúng quy định[94].

(6) Việc quản lý tiền thuê đất, tiền sử dụng đất

Một số đơn vị sử dụng đất nhưng chưa có quyết định thuê đất, hợp đồng thuê đất[95]; chưa điều chỉnh lại đơn giá thuê đất khi hết thời gian ổn định đơn giá thuê[96]; lập bộ thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp chưa đầy đủ[97]; chậm xác định đơn giá tiền thuê đất[98]; xác định đơn giá tiền sử dụng đất chưa phù hợp[99]; tính tiền sử dụng đất[100], thuê đất[101] chưa đúng quy định; chưa phê duyệt đơn giá làm căn cứ xác định tiền sử dụng đất[102]; chậm hoặc chuyển thiếu thông tin xác định nghĩa vụ tài chính sang cơ quan thuế[103].

Công tác quản lý đất đai còn tồn tại: Một số địa phương ban hành quyết định giao đất, cho thuê đất trong khi đơn vị chưa hoàn thành nghĩa vụ tài chính[104]; giao đất không qua đấu giá quyền sử dụng đất[105]; đấu giá đất khi chưa hoàn thành GPMB[106]. Ngoài ra, một số địa phương còn chậm ban hành bảng giá đất[107]; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho từng khu mà không theo từng thửa đất[108];

---

[92] Tỉnh Bình Định (03 hồ sơ); Bạc Liêu (01 hồ sơ).

[93] Tỉnh Sơn La (CCT Mường La); Điện Biên (CCT Mường Nhé).

[94] Tỉnh Vĩnh Long (01 DN kê khai sai thuế suất và thời gian ưu đãi); Quảng Nam (01 DN kê khai ưu đãi đối với thu nhập ngoài địa bàn được ưu đãi; 01 DN kê khai sai thuế suất và đối tượng ưu đãi; 01 DN kê khai ưu đãi khi chưa đủ điều kiện); Hà Nam (01 DN kê khai ưu đãi không đáp ứng điều kiện ưu đãi); Bình Định (01 DN kê khai ưu đãi thiếu cơ sở).

[95] Tỉnh Đắk Lắk (Công ty Cổ phần cá tầm Việt Nam); Kon Tum (11 dự án); Quảng Ninh (Công ty Cổ phần đóng tàu và vận tải biển Nam Phát); Hà Nội (huyện Sóc Sơn, Mê Linh, Ứng Hòa, Mỹ Đức, Hoàn Kiếm, Hoàng Mai); Hà Nam (huyện Lý Nhân); An Giang; Vĩnh Phúc; Tuyên Quang; Hải Phòng (Kiến Thụy, Lê Chân); Hòa Bình.

[96] Tỉnh Ninh Bình (13 trường hợp); Thanh Hóa (09 trường hợp); Bà Rịa - Vũng Tàu (05 trường hợp); Đắk Lắk (03 trường hợp); Đồng Tháp (298 trường hợp); Đắk Nông (43 trường hợp); Lạng Sơn (02 trường hợp); Yên Bái (05 trường hợp); Gia Lai (huyện Đak Pơ); Lào Cai (08 trường hợp); An Giang (01 trường hợp); Lâm Đồng (124 trường hợp); Vĩnh Phúc (31 trường hợp); Bạc Liêu (04 trường hợp); Tuyên Quang (47 trường hợp); Hưng Yên (08 trường hợp); Hải Phòng (131 trường hợp); Hòa Bình.

[97] Tỉnh Kon Tum (huyện Ngọc Hồi); Thanh Hóa (huyện Triệu Sơn).

[98] Điện Biên (08 trường hợp); Quảng Ngãi (03 trường hợp).

[99] Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Dự án Khu nhà ở Vườn Xuân; Dự án Hạ tầng kỹ thuật Cụm Công nghiệp Hắc Dịch 2; Dự án The Light City).

[100] Kiên Giang (Công ty TNHH Hồng An Phú Quốc); Phú Thọ (Dự án Khu nhà ở đô thị Tân Dân; Dự án Khu đô thị mới Việt Séc); Điện Biên (22 hộ).

[101] Tỉnh Phú Thọ (Công ty TNHH XNK Gỗ Vương Phát; Công ty Cổ phần Licogi 14).

[102] Tỉnh Quảng Ngãi (06 dự án); Bà Rịa - Vũng Tàu (31 trường hợp).

[103] Một số trường hợp tại tỉnh Hưng Yên; Hòa Bình; Hà Nam; Lào Cai; Đồng Tháp; Hà Giang; Đắk Nông.

[104] Tỉnh Đắk Lắk (huyện Krông Bông); Hà Nam.

[105] Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Dự án Khu du lịch Thu Giang - Hồ Tràm).

[106] Tỉnh Thanh Hóa.

[107] Tỉnh Lâm Đồng.

[108] Tỉnh Đồng Tháp.

chuyển đổi mục đích sử dụng đất chưa phù hợp[109]; chưa xử lý các trường hợp sử dụng đất sai mục đích[110]; chưa thu hồi đất đối với tổ chức không còn sử dụng đất[111].

(7) Một số địa phương còn tình trạng khai thác khoáng sản nhưng chưa có hợp đồng thuê đất[112]; khai thác khi chưa có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền[113], giấy phép đã hết hạn[114]; chưa thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản[115]; chưa đóng cửa mỏ đối với các mỏ đã hết thời hạn khai thác[116]; khai thác vượt sản lượng so với giấy phép[117]; xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản chưa đúng quy định[118]; còn trường hợp không kê khai[119] hoặc kê khai quyết toán thuế tài nguyên không theo từng chủng loại, hàm lượng khoáng sản[120].

(8) Về quản lý nợ thuế

- Nợ thuế do cơ quan thuế quản lý: Tổng số nợ đến 31/12/2020 là 99.074 tỷ đồng, giảm 0,63% (631 tỷ đồng) so với năm 2019 (99.074/99.705 tỷ đồng), trong đó: Nợ có khả năng thu tăng 29,6%[121] (13.999 tỷ đồng); nợ khó thu giảm 37,7%[122] (16.658 tỷ đồng); nợ đang xử lý tăng 24,2% (2.028 tỷ đồng). Qua kiểm toán cho thấy 53/63 địa phương có dư nợ có khả năng thu tăng, trong đó một số địa phương có mức tăng cao[123]; 60/63 địa phương có mức dư nợ khó thu giảm, trong đó có một

---

[109] Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (02 thửa đất của Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng DIC).

[110] Tỉnh Lạng Sơn (Công ty Cổ phần Sao Vàng).

[111] Tỉnh Lào Cai.

[112] Tỉnh Ninh Bình (15 tổ chức); Sơn La (03 tổ chức); Bình Phước (31 tổ chức).

[113] Tỉnh Hà Giang (06 tổ chức); Ninh Bình (10 tổ chức); Phú Thọ (12 tổ chức); Sơn La (17 tổ chức); Lâm Đồng (03 tổ chức); Kon Tum; Đắk Nông (04 tổ chức).

[114] Tỉnh Yên Bái.

[115] Tỉnh Bình Phước; Đồng Tháp.

[116] Tỉnh Ninh Bình (03 mỏ).

[117] Tỉnh Lạng Sơn (DNTN Châu Hậu); Ninh Bình (04 tổ chức).

[118] Tỉnh Điện Biên (Công ty Cổ phần ĐTTM Hưng Long; DNTN xây dựng Minh Quý; Nhà máy thủy điện Nà Lơi); Quảng Ngãi (Công ty Cổ phần Thủy điện Đak Drinh; Công ty Cổ phần Thủy điện Huy Măng).

[119] Tỉnh Binh Bình (12 tổ chức).

[120] Tỉnh Lạng Sơn (Công ty TNHH Hồng Phong); Hà Giang (Công ty TNHH Tây Giang; Công ty Cổ phần Phát triển khoáng sản quốc tế VCC; Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang).

[121] Nguyên nhân tăng nợ khó thu so với năm 2019 do: Dịch Covid - 19 xuất hiện và bùng phát trên phạm vi toàn cầu đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội và sản xuất kinh doanh. Trong khi đó, biến đổi khí hậu, thời tiết cực đoan, thiên tai đã gây thiệt hại lớn, tác động xấu đến hoạt động sản xuất kinh doanh, làm cho nhiều người nộp thuế bị thiệt hại nặng nề, kinh doanh thua lỗ không còn nguồn tài chính để kịp thời nộp tiền thuế và tiền chậm nộp vào NSNN; đồng thời còn tình trạng một số người nộp thuế lợi dụng dịch bệnh, chây ỳ, chưa nộp kịp thời tiền thuế phát sinh vào NSNN. Các khoản nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của một số dự án do có vướng mắc chưa đi vào hoạt động khai thác, chờ các địa phương giải phóng mặt bằng, đền bù, tranh chấp, hoặc chờ phê duyệt phương án điều chỉnh mục đích sử dụng, điều chỉnh diện tích khai thác, nên người nộp thuế chưa nộp tiền vào NSNN.

[122] Nguyên nhân chủ yếu giảm do: Thực hiện khoanh nợ tiền thuế và xóa nợ theo Nghị quyết số 94/2019/QH14 ngày 26/11/2019 có hiệu lực từ 01/7/2020.

[123] Tỉnh Bình Định tăng 279,2% (số tuyệt đối tăng 762,8 tỷ đồng); thành phố Cần Thơ tăng 191,8% (số tuyệt đối tăng 954 tỷ đồng); thành phố Đà Nẵng tăng 70,5% (số tuyệt đối tăng 811,4 tỷ đồng), tỉnh Thanh Hóa 263% (số tuyệt đối tăng 1.973,5 tỷ đồng)...

số địa phương có mức giảm cao[124]. Có 19/45 Cục Thuế được kiểm toán tổng hợp chưa đầy đủ số liệu nợ đọng thuế 2.230 tỷ đồng[125]; phần lớn các Cục Thuế chưa hoàn thành chỉ tiêu Tổng cục Thuế giao về thu nợ thuế trong năm 2020. Một số cơ quan thuế áp dụng biện pháp cưỡng chế nợ thuế[126] chưa đầy đủ, kịp thời; phân loại nợ chưa đúng quy định[127].

Ngoài ra, thực hiện Nghị quyết số 94/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội có hiệu lực từ 01/7/2020, theo báo cáo của Tổng cục Thuế, năm 2020 tổng số khoanh nợ tiền thuế, xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp tại các địa phương 24.987 tỷ đồng (xóa nợ của 62.278 người nộp thuế với số tiền 1.553 tỷ đồng; khoanh nợ của 493.472 người nộp thuế với số tiền 23.434 tỷ đồng). Số khoanh nợ thuế đã được các Cục Thuế địa phương điều chỉnh giảm trên báo cáo nợ thuế mẫu 02/QLN đến 31/12/2020 và theo dõi trên một mục danh sách các quyết định khoanh nợ trên TMS. Tuy nhiên, khoản 3 Điều 84 Luật Quản lý thuế năm 2019 quy định "*Cơ quan quản lý thuế tiếp tục theo dõi các khoản tiền thuế nợ được khoanh và phối hợp với các cơ quan có liên quan để thu hồi tiền thuế nợ khi người nộp thuế có khả năng nộp thuế hoặc thực hiện xóa nợ theo quy định tại Điều 85 của Luật này*", nhưng quy trình quản lý nợ thuế tại Quyết định số 1401/QĐ-TCT ngày 28/7/2015 chưa sửa đổi cho phù hợp với Luật quản lý thuế năm 2019 (chưa có hướng dẫn việc theo dõi khoản khoanh nợ này[128]).

- Nợ thuế do cơ quan hải quan quản lý: Nợ quá hạn đến 31/12/2020 là 7.115 tỷ đồng, tăng 1% (67,8 tỷ đồng) so với năm 2019, bằng 2,2% số thu ngành Hải quan năm 2020, cụ thể: (i) Nợ quá hạn về thuế chuyên thu 5.660 tỷ đồng, tăng 1,4% (78 tỷ đồng)[129]; (ii) Nợ quá hạn về thuế tạm thu 1.454 tỷ đồng, giảm 0,7% (10,7 tỷ đồng)[130]. Ngoài ra, còn 15/36 Cục Hải quan có số nợ đọng thuế chuyên thu quá hạn tăng so với năm 2019. Theo báo cáo của Tổng cục Hải quan, nguyên nhân chủ yếu là kết quả từ công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm tra sau thông quan mà các Cục Hải quan tỉnh, thành phố đã ban hành các quyết định ấn định thuế đối với một

---

[124] Tỉnh Bạc Liêu giảm 97% (số tuyệt đối giảm 283,6 tỷ đồng); tỉnh Bình Định giảm 66% (số tuyệt đối giảm 547,8 tỷ đồng); tỉnh Bình Dương giảm 69% (số tuyệt đối giảm 688,2 tỷ đồng), thành phố Hà Nội giảm 69% (số tuyệt đối giảm 6.061,6 tỷ đồng)...

[125] Cục Thuế TP Hà Nội 60,9 tỷ đồng; Lai Châu 103,9 tỷ đồng; Lào Cai 335 tỷ đồng; Nghệ An 1,8 tỷ đồng; Ninh Bình 1,4 tỷ đồng; Quảng Nam 117,1 tỷ đồng; Quảng Ngãi 160,5 tỷ đồng, Vĩnh Phúc 305,9 tỷ đồng...

[126] Một số đơn vị trực thuộc Cục Thuế tỉnh Hậu Giang; Ninh Bình; Bình Phước; Bình Thuận; Đồng Tháp, Đắk Nông; Quảng Ninh; Thái Bình; Gia Lai; Nam Định; Hà Nam; Quảng Ngãi; Vĩnh Phúc; Bạc Liêu.

[127] Một số đơn vị trực thuộc Cục Thuế tỉnh Gia Lai; An Giang; Bình Định.

[128] Theo giải trình của Tổng cục Thuế hiện tại Tổng cục Thuế đang xây dựng quy trình quản lý nợ thuế thay thế quy trình 1401 trong đó sẽ bổ sung việc hướng dẫn theo dõi và quản lý đối với khoản tiền thuế đã được khoanh nợ.

[129] Nợ khó thu tăng 1,2% (tương ứng tăng 47 tỷ đồng); nợ chờ xóa, xét miễn, giảm, được giãn, khoanh, gia hạn tăng 26,8% (tương ứng tăng 19,7 tỷ đồng); nợ có khả năng thu tăng 0,7% (tương ứng tăng 11,7 tỷ đồng).

[130] Nợ chờ xóa, xét miễn giảm 32% so với cùng kỳ năm trước, nợ có khả năng thu giảm 3,9%, nợ khó thu giảm 0,01% so với năm 2019.

số các doanh nghiệp, dẫn đến làm phát sinh tăng số nợ tiền thuế phải thu như: Cục Hải quan Lào Cai 88,9 tỷ đồng, Bắc Ninh 31,2 tỷ đồng của Công ty CP Hà Nam Ninh 21,8 tỷ đồng… Mặt khác, qua kiểm toán cho thấy, Tổng cục Hải quan ban hành Quyết định số 1503/QĐ-TCHQ ngày 18/5/2018 về quy trình quản lý nợ thuế và khoản thu khác đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trong đó quy định phân loại nợ khó thu đối với trường hợp ngừng và tạm ngừng hoạt động kinh doanh là không phù hợp với quy định tại Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn Luật Quản lý thuế hiện hành[131]. Đồng thời, liên quan đến quản lý nợ thuế, quy trình quản lý nợ của Tổng cục Thuế tại Quyết định số 1401/QĐ-TCT ngày 28/7/2015 trong đó nợ khó thu không bao gồm trường hợp "ngừng và tạm ngừng hoạt động kinh doanh".

Về tình hình khoanh nợ tiền thuế và xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp theo Nghị quyết số 94/2019/QH14 của Quốc hội: Năm 2020 Tổng cục Hải quan chưa thực hiện khoanh nợ tiền thuế và xóa nợ[132].

***2.2. Chi ngân sách nhà nước***

Dự toán chi NSNN 1.773.766,170 tỷ đồng, quyết toán 1.709.523,706 tỷ đồng, bằng 96,4% dự toán (giảm 64.242,464 tỷ đồng). Tình hình thực hiện như sau:

*2.2.1. Chi đầu tư phát triển*

Quyết toán 576.432,075 tỷ đồng, bằng 115,5% dự toán (499.270,637 tỷ đồng[133]) và bằng 33,7% tổng chi NSNN (1.709.523,706 tỷ đồng), bao gồm:

---

[131] Cụ thể: (i) Tiết d, khoản 2 Điều 4 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP quy định về Quản lý thuế đối với người nộp thuế trong thời gian tạm ngừng hoạt động, kinh doanh "*Người nộp thuế phải chấp hành các quyết định, thông báo của cơ quan quản lý thuế về đôn đốc thu nợ, cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế, thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế và xử lý hành vi vi phạm hành chính về quản lý thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế*" điều này có nghĩa cơ quan quản lý thuế vẫn phải thực hiện đôn đốc thu nợ trong thời gian người nộp thuế tạm ngừng hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên, Quyết định số 1503 hướng dẫn phân loại các trường hợp ngừng và tạm ngừng hoạt động kinh doanh vào nợ khó thu thì cơ quan hải quan sẽ không thực hiện các biện pháp đôn đốc thu nợ (quy định chỉ đôn đốc thu hồi nợ thu chế, cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế đối với nợ trong hạn và nợ quá hạn); (ii) Quyết định số 1503/QĐ-TCHQ cũng không hướng dẫn cơ quan hải quan hàng năm phải thực hiện rà soát phân loại lại đối với các trường hợp người nộp thuế hoạt động kinh doanh trở lại (không còn ở trạng thái ngừng/tạm ngừng hoạt động kinh doanh). Điều này dẫn đến qua chọn mẫu một số người nộp thuế có số nợ thuế lớn tại Sổ chi tiết nợ khó thu đến ngày 31/12/2020 của 04 Cục Hải quan để tham chiếu với trạng thái của người nộp thuế trên web tracuunnt.gdt.gov.vn cho thấy: Có 03 người nộp thuế có nợ thuế 18 tỷ đồng được phân loại vào nợ khó thu do thuộc trường hợp ngừng và tạm ngừng hoạt động kinh doanh nhưng thực tế các doanh nghiệp này vẫn đang hoạt động.

[132] Nguyên nhân chưa thực hiện năm 2020 theo giải trình của Tổng cục Hải quan do: Các Cục Hải quan tỉnh, thành phố phải gửi văn bản đề nghị cơ quan thuế, cơ quan đăng ký kinh doanh… xác minh thông tin người nộp thuế. Trên cơ sở xác minh của các cơ quan trên, cơ quan hải quan mới hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Nghị quyết số 94/2019/QH14. Năm 2021, Tổng cục Hải quan đã thực hiện khoanh nợ, xóa nợ theo Nghị quyết trong đó số xóa nợ đến 31/12/2021 là 6,58 tỷ đồng, số khoanh nợ 173,6 tỷ đồng.

[133] Đã bao gồm 2.011,107 tỷ đồng điều chỉnh từ dự toán chi thường xuyên năm 2020 sang dự toán chi đầu tư phát triển năm 2020 của Bộ Tài chính theo Nghị quyết số 1036/NQ-UBTVQH14 ngày 21/10/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc điều chuyển dự toán kinh phí đảm bảo hoạt động năm 2020 của Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan.

(i) Quyết toán chi đầu tư phát triển NSTW 128.416,819 tỷ đồng, đạt 88,9% dự toán (144.386,138 tỷ đồng)[134]; (ii) Quyết toán chi đầu tư phát triển NSĐP 448.015,256 tỷ đồng, bằng 126,2% dự toán (354.884,499 tỷ đồng)[135].

(1) Về tình hình thực hiện vốn ngoài nước

Theo nghị quyết của Quốc hội[136] đã thông qua tổng số chi đầu tư phát triển vốn ngoài nước nguồn NSNN phân bổ cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương năm 2020 là 60.000 tỷ đồng. Tổng số KHV ngoài nước được các bộ, cơ quan trung ương và địa phương (*sau khi được Thủ tướng Chính phủ giao*) phân bổ chi tiết 45.401,109 tỷ đồng, số vốn còn lại 14.598,891 tỷ đồng được hủy dự toán[137]. Đa số các bộ, cơ quan trung ương, địa phương giải ngân đạt tỷ lệ cao, tuy nhiên vẫn còn một số bộ, cơ quan trung ương và địa phương có tỷ lệ giải ngân thấp[138] đã phần nào làm giảm hiệu quả đầu tư của nguồn vốn vay nước ngoài.

Ngoài ra, số vốn ngoài nước (vốn vay ODA và vay ưu đãi) đã giải ngân cho đầu tư XDCB từ năm 2019 trở về trước chưa hạch toán vào NSNN (theo Văn bản số 12428/BTC-QLN ngày 29/10/2021 của Bộ Tài chính) của 5 bộ, cơ quan trung ương và 36 địa phương là 4.486,073 tỷ đồng (*trong đó số giải ngân từ năm 2016 trở về trước 3.584,422 tỷ đồng[139], số giải ngân giai đoạn 2017-2019 là 901,651 tỷ đồng[140]*);

---

[134] Nguyên nhân do một số dự án được giao KHV lớn hơn nhiều so với khả năng thực hiện nên kết thúc năm không giải ngân hết KHV được giao, phải cắt giảm hoặc chuyển nguồn sang năm sau.

[135] Nguyên nhân tăng so với dự toán chủ yếu do nhờ nguồn năm trước chuyển sang theo quy định.

[136] Nghị quyết số 86/2019/QH14 ngày 12/11/2019 của Quốc hội về dự toán NSNN năm 2020, Nghị quyết số 87/2019/QH14 ngày 14/11/2019 về phân bổ NSTW năm 2020.

[137] Nguyên nhân: Về khách quan, các dự án sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài chịu tác động của đại dịch Covid-19 nặng nề hơn so với các dự án trong nước do hầu hết các hoạt động đều gắn với yếu tố nước ngoài từ khâu nhập máy móc, thiết bị cho đến huy động chuyên gia, nhân công, nhà thầu nước ngoài, tư vấn giám sát, thống nhất với Nhà tài trợ đối với từng hoạt động và kế hoạch của dự án,... Về chủ quan chủ yếu do: (i) Công tác lập KHV ODA chưa sát với nhu cầu thực tế, dự án có nhu cầu bổ sung vốn giải ngân chưa được bố trí vốn kịp thời hoặc bố trí thiếu, vốn đối ứng không được bố trí đủ; (ii) Tính sẵn sàng trong chuẩn bị dự án chưa tốt; (iii) Công tác đền bù, GPMB dự án ODA còn gặp khó khăn, vướng mắc do phải thực hiện hài hòa giữa thủ tục trong nước và chính sách của Nhà tài trợ; (iv) Công tác giải ngân, rút vốn còn chưa linh hoạt, một số chủ dự án, Ban QLDA còn tâm lý ngại làm thủ tục rút vốn giải ngân nhiều lần mặc dù đã có khối lượng nghiệm thu hoàn thành; (v) Thủ tục thẩm định, phê duyệt, đàm phán ký kết Hiệp định và điều chỉnh các dự án ODA còn phức tạp, kéo dài dẫn đến nhiều dự án khi được triển khai không còn phù hợp, phải điều chỉnh, gia hạn; (vi) Các quy định pháp luật về vốn ODA chưa đồng bộ, một số thủ tục còn phức tạp.

[138] Bộ NN&PTNN 52,93%, Văn hóa, Thể thao và Du lịch 3,6%, KH&ĐT 48,33%, Viện HLKH&CN 16,32%; tỉnh Lạng Sơn 28,8%, Thái Nguyên 43%, TP Hải Phòng 48,6%, Hải Dương 0%, Vĩnh Phúc 8,9%, Thái Bình 46,7%, Thanh Hóa 40%, Ninh Thuận 45,9%, Bình Thuận 47,4%, Bình Phước 17%, Long An 36,5%, Tiền Giang 24,6%, Hậu Giang 36,3%, Đồng Tháp 28,4%,...

[139] Từ năm 2016 trở về trước, vốn nước ngoài được giải ngân theo tiến độ thực hiện của dự án và tiến độ cấp vốn của nhà tài trợ, được tổng hợp trình Quốc hội phê chuẩn quyết toán NSNN hàng năm khi đủ điều kiện, không phụ thuộc dự toán được giao. Đến năm 2017 khi Luật NSNN 2015 có hiệu lực, Chính phủ đã báo cáo và được Quốc hội quyết nghị tại Nghị quyết số 49/2017/QH14 ngày 13/11/2017 bố trí dự toán 14.033,795 tỷ đồng cho các dự án đã giải ngân nhưng chưa được bố trí dự toán theo quy định từ năm 2016 trở về trước; tuy nhiên theo báo cáo của Bộ Tài chính, tại thời điểm năm 2017 các bộ, cơ quan trung ương, địa phương chưa báo cáo đầy đủ số liệu.

[140] Theo Bộ Tài chính báo cáo do vướng mắc về thời điểm hạch toán NSNN (*chi thực hiện kiểm soát theo KHV được bố trí trong năm, song thời điểm Nhà tài trợ thông báo giải ngân sau 31/3 năm sau, khi đó KHV đã bị hủy*).

Chính phủ chưa kịp thời báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội xem xét phương án bổ sung KHV làm cơ sở hạch toán, quyết toán theo quy định[141].

(2) Về số liệu và mức vốn đã phân bổ từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối NSNN năm 2020: Năm 2020, thực hiện Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 và Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ, các bộ, cơ quan trung ương, UBND các cấp có trách nhiệm thẩm định, phê duyệt, giao KHV hàng năm, phê duyệt điều chỉnh kế hoạch hằng năm nguồn vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư phù hợp với khả năng thực tế cho đầu tư phát triển theo quy định của pháp luật có liên quan; tuy nhiên đến thời điểm kiểm toán không có số liệu tổng hợp số KHV năm 2020 để báo cáo Quốc hội (theo Bộ KH&ĐT do là năm đầu thực hiện, các bộ, cơ quan trung ương chưa có báo cáo tổng hợp gửi Bộ KH&ĐT) là chưa thực hiện quy định tại khoản 4 Điều 59 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14.

(3) Về hoạt động xây dựng và quản lý vốn đầu tư

- Công tác lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư: Chưa lập và trình phê duyệt[142], chưa được thẩm định[143], chậm so với quy định[144]; phê duyệt chủ trương khi chưa xác định rõ nguồn và khả năng cân đối vốn[145], trước khi phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường[146], không đúng thẩm quyền[147], không phù hợp quy hoạch[148], chưa sát thực tế phải điều chỉnh[149]; phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư chưa đảm bảo điều kiện theo quy định[150].

---

[141] Ngày 23/02/2022, Văn phòng Chính phủ đã có Thông báo số 50/TB-VPCP về kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái tại cuộc họp về phương án xử lý số vốn nước ngoài đã giải ngân cho đầu tư XDCB từ năm 2019 trở về trước chưa được hạch toán vào NSNN.

[142] Đại học QGHN: Dự án Nâng cao năng lực trung tâm dữ liệu của ĐHQGHN; Dự án Tăng cường năng lực khảo thí bậc sau đại học và các môn chuyên biệt theo hình thức đánh giá năng lực; Dự án Đầu tư hệ thống cơ sở dữ liệu cho Trung tâm Thông tin Thư viện phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học của ĐHQGHN…

[143] Văn phòng Chủ tịch nước: Dự án xây dựng Nhà làm việc của Văn phòng Chủ tịch nước.

[144] (i) Bộ Tài chính: Dự án xây dựng, lắp đặt thiết bị, trang trí nội thất trụ sở làm việc Ủy ban chứng khoán Nhà nước; Dự án ĐTXD mở rộng Học viện Tài chính - Đầu tư (xây dựng khối giảng đường A và B).

[145] (i) Các tỉnh Hòa Bình, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Bình Định, Quảng Ngãi, Yên Bái, Lâm Đồng, Đồng Tháp, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Lạng Sơn, Nam Định, Thái Bình, Thanh Hóa, Gia Lai, Đắk Lắk; (ii) Dự án đập dâng hạ lưu sông Trà Khúc; (iii) Dự án ĐTXD công trình cầu Sông Rin thị trấn Di Lăng, huyện Sơn Hà; (iv) Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 10 đoạn từ cầu Đá Bạc đến Cầu Kiền Hải Phòng; (v) Dự án đầu tư xây dựng Cơ sở 2 Trường Đại học Luật Hà Nội.

[146] (i) Dự án ĐTXD đường ống thu gom, vận chuyển khí mỏ Sao Vàng - Đại Nguyệt; (ii) Dự án cầu Cửa Lục 1; (iii) Dự án đập dâng hạ lưu sông Trà Khúc; (iv) Dự án ĐTXD công trình cầu Sông Rin thị trấn Di Lăng, huyện Sơn Hà.

[147] Tỉnh Bình Định 02 dự án, tỉnh Đắk Lắk 09 dự án.

[148] (i) TP. HCM 01 dự án; (ii) tỉnh Quảng Ngãi 01 dự án; (iii) Dự án đập dâng hạ lưu sông Trà Khúc; (iv) Văn phòng QH 3 dự án; (v) Văn phòng Chủ tịch nước 1 dự án; (vi) Dự án đường dây 500kV Quảng Trạch - Dốc Sỏi.

[149] (i) Bộ KH&CN 8 dự án; (ii) Dự án quản lý tài sản đường bộ Việt Nam (VRAMP): Tuyến QL2 đoạn Km286 - Km287+120; (iii) Dự án đập dâng hạ lưu sông Trà Khúc.

[150] (i) Tỉnh Quảng Nam: Dự án Thí điểm lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng công cộng tiết kiệm điện và đèn cảnh báo an toàn giao thông sử dụng năng lượng mặt trời cho tuyến đường 129, đoạn từ cầu Cửa Đại đến dốc Diên Hồng; (ii) Tỉnh Hậu Giang: Dự án Đường Lê Quý Đôn nối dài và Dự án Xây dựng 06 trục đường nội ô (Ban QLDA ĐTXD thành phố Vị Thanh).

- Công tác lập, thẩm định, phê duyệt dự án, điều chỉnh dự án: Khảo sát, thí nghiệm giai đoạn lập dự án không cần thiết[151]; thiết kế chưa phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia[152]; lập dự án đầu tư chưa phù hợp với chủ trương đầu tư[153], chưa xác định rõ nguồn vốn[154], chưa đầy đủ thủ tục[155], chưa được thỏa thuận về quy hoạch[156], chưa phù hợp quy hoạch[157], chưa xem xét đầy đủ các yếu tố[158], phải điều chỉnh[159]; thẩm định điều chỉnh dự án vượt quá thời gian thực hiện dự án[160]; phê duyệt dự án khi chưa phê duyệt chủ trương đầu tư[161], chưa thực hiện khảo sát, lập, thẩm định dự án[162], không dự kiến bố trí KHV theo thời gian thực

---

[151] (i) Dự án Cải tạo, nâng cấp đường cất hạ cánh, đường lăn Cảng hàng không quốc tế Tân Sân Nhất; (ii) Dự án Cải tạo, nâng cấp đường cất hạ cánh, đường lăn Cảng hàng không quốc tế Nội Bài.

[152] Dự án quản lý tài sản đường bộ Việt Nam (VRAMP).

[153] (i) Dự án xây dựng cầu Làng Giàng, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai phê duyệt điều chỉnh quy mô và điều chỉnh nguồn vốn từ vốn NSĐP sang vốn NSTW và NSĐP trước khi điều chỉnh chủ trương đầu tư; (ii) Dự án đầu tư xây dựng Cơ sở 2 Trường Đại học Luật Hà Nội phê duyệt dự án không phân kỳ đầu tư mà ghi chung thời gian thực hiện từ 2016-2023; (iii) Dự án Trường Trung cấp Luật Tây Bắc phê duyệt dự án không chia làm 2 giai đoạn; (iv) Dự án FSMIMS: Thiết kế người dùng gói thầu CG1 được lập, phê duyệt không đầy đủ so với mục tiêu đề ra theo Quyết định số 1919/QĐ-NHNN ngày 01/9/2008 khi không xây dựng Mô đun "Lập hóa đơn cho khách hàng của CIC".

[154] (i) Dự án xây dựng tuyến đường nối từ trường đại học Mỏ Địa chất vào khu công nghiệp Nam Thăng Long); (ii) Dự án đập dâng hạ lưu sông Trà Khúc; (iii) Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư Bắc sông Cấm; (iv) Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cấm; (v) Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 10 đoạn từ cầu Đá Bạc đến Cầu Kiền; (vi) Dự án Đầu tư xây dựng Đại học Quốc gia Hà Nội tại Hòa Lạc; (vii) Dự án Bệnh viện đa khoa tỉnh Đồng Tháp; (viii) Dự án Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh.

[155] (i) Dự án đầu tư xây dựng đường 5 kéo dài (Cầu Chui - Cầu Đông Trù - Phương Trạch - Bắc Thăng Long; (ii) Dự án đập dâng hạ lưu sông Trà Khúc; (ii) Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư Bắc sông Cấm; (iii) Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cấm; (iv) Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư Bắc Sông Cấm-Giai đoạn 2; (vi) Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường nối từ nút giao Nam cầu Bính đến ngã 4 đường Tôn Đức Thắng - Máng Nước - Quốc lộ 5; (vii) Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường nối từ cầu Lạng Am, xã Lý Học, huyện Vĩnh Bảo đến đường bộ ven biển.

[156] Dự án đập dâng hạ lưu sông Trà Khúc lập dự án đầu tư chưa căn cứ vào quy hoạch thủy lợi theo quy định tại điểm 4.1 QCVN 04 - 05: 2012/BNNPTNT.

[157] (i) Dự án cầu Cửa Lục 3; (ii) Dự án đường dây 500/220kV Nho Quan - Phủ Lý - Thường Tín; (iii) Dự án đường dây 500/220kV Hiệp Hoà - Đông Anh - Bắc Ninh; (iv) Tỉnh Lâm Đồng 04 dự án; TP. HCM, các tỉnh Bình Định, Quảng Ngãi, Hậu Giang, Kiên Giang, Thái Nguyên, Đắk Lắk: Mỗi địa phương 01 dự án; (v) Dự án Kè chống sạt lở bờ tả sông Ba kết hợp với phát triển hạ tầng đô thị đoạn từ cầu Đà Rằng mới đến cầu Đà Rằng.

[158] (i) Dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp đường 356 (đoạn từ ngã ba Áng Sỏi đến tổ dân phố số 2, thị trấn Cát Bà); (ii) Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu Tái định cư Bắc Sông Cấm (Giai đoạn 2); (iii) Dự án đầu tư xây dựng Nhà học thí nghiệm, học tiếng, học bộ môn (Trường Trung học phổ thông chuyên Trần Phú); (iv) Dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ ngã ba Đoàn Lập - cầu Hàn - Quốc lộ 37; (v) Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến đường xuyên đảo Cát Hải - Cát Bà (đoạn Cái Viềng - Mốc Trắng); (vi) Dự án đầu tư xây dựng cầu Dinh; (vii) Dự án đầu tư chỉnh trang, nâng cấp Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng; (viii) Dự án đầu tư xây dựng Cơ sở 2 Trường Đại học Luật Hà Nội.

[159] (i) Bộ KH&ĐT; (ii) Dự án Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh phải điều chỉnh 2 lần; (iii) Dự án ĐTXD công trình Trung tâm phân tích thí nghiệm và Văn phòng Viện Dầu khí Việt Nam tại TP.HCM; (iv) Dự án Trường Trung cấp Luật Vị Thanh.

[160] (i) Dự án Bệnh viện đa khoa tỉnh Đồng Tháp; (ii) Dự án Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh.

[161] Tỉnh Bình Phước 03 dự án, Đồng Tháp 02 dự án, Bình Định 01 dự án.

[162] Dự án FSMIMS: Một số gói thầu được xây dựng không phù hợp, dẫn đến không thực hiện được; Dự án nâng cấp và bổ sung hệ thống công nghệ thông tin nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới, mở rộng và nâng cao chất lượng đào tạo tại Học viện Ngân hàng: Thống đốc NHNN phê duyệt Dự án khi chưa thực hiện các công tác khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi, thẩm định dự án là không đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 11 Nghị định số 102/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009; Dự án Tiếp nước, cải tạo khôi phục sông Tích và Dự án Cải thiện hệ thống tiêu nước khu vực phía Tây thành phố Hà Nội lập dự án chưa đảm bảo tính khả thi, phù hợp ngay từ ban đầu, tiến độ không đảm bảo so với kế hoạch và hợp đồng ban đầu, phải điều chỉnh, gia hạn.

hiện[163], xác định TMĐT thiếu chính xác phải điều chỉnh nhiều lần[164], trong đó có dự án tỷ lệ điều chỉnh lớn[165]; một số dự án lập TMĐT chưa đủ cơ sở tính toán[166]; xác định chi phí đền bù, GPMB trong TMĐT chưa phù hợp thực tế phải điều chỉnh, làm vượt KHV trung hạn[167], chưa có Báo cáo đánh giá tác động môi trường[168]; phê duyệt bản vẽ thiết kế cơ sở chưa đúng thẩm quyền[169].

- Công tác khảo sát, lập, thẩm định và phê duyệt thiết kế, dự toán: khảo sát, thiết kế chưa đầy đủ, chính xác[170]; hồ sơ thiết kế chưa hợp lý[171], thiếu cơ sở[172],

---

[163] (i) Dự án cầu Cửa Lục 1; (ii) Dự án cấp điện lưới cho đảo Trần, huyện Cô Tô và đảo Cái Chiên, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh; (iii) Dự án Mở rộng, nâng cấp ĐT254.

[164] (i) Dự án Quản lý tài sản đường bộ Việt Nam (VRAMP); (ii) Dự án sửa chữa cầu Thăng Long; (iii) Dự án Nâng cấp, cải tạo đường và kênh Nước đen; (iv) Dự án xây dựng cầu Thăng Long; (v) Dự án xây dựng cầu Ông Nhiêu; (vi) Dự án mở rộng, nâng cấp đường Tỉnh lộ 8; (vii) Dự án đập dâng hạ lưu sông Trà Khúc; (viii) Đường nối từ đường cao tốc Hạ Long - Hải Phòng (tại Km6+700) đến đường Tỉnh 338 - Giai đoạn I; (ix) Dự án xây dựng cầu Làng Giàng, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai; (x) Dự án đầu tư xây dựng đường 5 kéo dài (Cầu Chui - Cầu Đông Trù - Phương Trạch - Bắc Thăng Long); (xi) Dự án đường dây 500/220kV Hiệp Hoà - Đông Anh - Bắc Ninh; (xii) Dự án Đầu tư xây dựng Đại học Quốc gia Hà Nội tại Hòa Lạc (Zone 4 - Dự án QG-HN07); (xiii) Dự án Bệnh viện đa khoa tỉnh Tiền Giang; (xiv) Dự án Kè chống sạt lở bờ tả sông Ba kết hợp với phát triển hạ tầng đô thị đoạn từ cầu Đà Rằng mới đến cầu Đà Rằng.

[165] Dự án đập dâng hạ lưu sông Trà Khúc: Điều chỉnh TMĐT 02 lần từ 60,648 tỷ đồng lên 1.498 tỷ đồng (tăng 25 lần).

[166] (i) Dự án sửa chữa cầu Thăng Long 15,464 tỷ đồng; (ii) Dự án Nâng cấp, cải tạo đường và kênh Nước đen 10,278 tỷ đồng; (iii) Dự án xây dựng cầu Thăng Long 0,739 tỷ đồng; (iv) Dự án xây dựng cầu Ông Nhiêu 21,108 tỷ đồng; (v) Dự án mở rộng, nâng cấp đường Tỉnh lộ 8 là 14,904 tỷ đồng; (vi) Dự án Cải tạo, nâng cấp đường cất hạ cánh, đường lăn Cảng hàng không quốc tế Tân Sân Nhất: 7,439 tỷ đồng; (vii) Dự án Cải tạo, nâng cấp đường cất hạ cánh, đường lăn Cảng hàng không quốc tế Nội Bài 28,895 tỷ đồng; (viii) Dự án cầu Cửa Lục 1 là 210 tỷ đồng; (ix) Dự án bệnh viện đa khoa tỉnh Tiền Giang (xác định chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (50 tỷ đồng).

[167] (i) Dự án đầu tư cải tạo chung cư cũ trên địa bàn phường Đồng Quốc Bình, quận Ngô Quyền (giai đoạn 1); (ii) Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường nối từ cầu Lạng Am, xã Lý Học, huyện Vĩnh Bảo đến đường bộ ven biển.

[168] (i) Tỉnh Vĩnh Phúc 06 dự án, Quảng Nam 01 dự án, Bình Định 04 dự án, Quảng Ngãi 03 dự án, Bình Dương 01 dự án, Quảng Ninh 04 dự án, Lào Cai 03 dự án, Phú Thọ 02 dự án, Yên Bái 01 dự án, Điện Biên 01 dự án, Lai Châu 01 dự án, Đồng Tháp 01 dự án, Thái Bình 01 dự án, Thanh Hóa 01 dự án, Ninh Bình 01 dự án, Đắk Lắk 01 dự án; (ii) Dự án cầu Quang Thanh; (iii) Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến đường xuyên đảo Cát Hải - Cát Bà (đoạn Cái Viềng - Mốc Trắng); (iv) Dự án Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh.

[169] Dự án ĐTXD công trình Trung tâm phân tích thí nghiệm và Văn phòng Viện Dầu khí Việt Nam tại TP.HCM.

[170] (i) Dự án Mở rộng, nâng cấp ĐT254; (ii) Dự án ĐTXD công trình cầu Sông Rin thị trấn Di Lăng, huyện Sơn Hà; (iii) Dự án Đầu tư xây dựng Đại học Quốc gia Hà Nội tại Hòa Lạc (Dự án QG-HN06; Dự án QG-HN07); (iv) Dự án đường dây 500/220kV Hiệp Hoà - Đông Anh - Bắc Ninh; (v) Dự án tăng cường kết nối giao thông khu vực Tây Nguyên; (vi) Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Phan Thiết - Dầu Giây thuộc Dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020 (Gói thầu số 03-XL).

[171] (i) Dự án đầu tư xây dựng đường 5 kéo dài (Cầu Chui - Cầu Đông Trù - Phương Trạch - Bắc Thăng Long); (ii) Dự án ĐTXD công trình cầu Sông Rin thị trấn Di Lăng, huyện Sơn Hà; (iii) Dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp đường 356 (đoạn từ ngã ba Áng Sỏi đến tổ dân phố số 2, thị trấn Cát Bà); (iv) Dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp đường 356 (đoạn từ ngã ba Hiền Hào đến ngã ba Áng Sỏi, huyện Cát Hải); (v) Dự án cầu Quang Thanh; (vi) Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường nối từ nút giao Nam cầu Bính đến ngã 4 đường Tôn Đức Thắng - Máng nước - Quốc lộ 5; (vii) Dự án Trường Trung cấp Luật Vị Thanh, tỉnh Sơn La; (viii) Dự án kè bảo vệ dân cư khu vực đền Bảo Hà, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai; (ix) Dự án Bệnh viện đa khoa tỉnh Tiền Giang.

[172] (i) Dự án đập dâng hạ lưu sông Trà Khúc bản vẽ thi công không thể hiện đầy đủ chi tiết, chưa đầy đủ thông số kỹ thuật làm cơ sở xác định khối lượng, phê duyệt dự toán gói thầu, chưa thực hiện tiết kiệm 10% trên tổng mức đầu tư (tương ứng 149,80 tỷ đồng).

chưa tuân thủ đầy đủ tiêu chuẩn kỹ thuật[173]; chỉ dẫn kỹ thuật chưa phù hợp với hồ sơ yêu cầu và hợp đồng[174]; chưa thực hiện thiết kế thành phần vật liệu của cấp phối theo quy định[175]; chưa chi tiết, đầy đủ, tính toán sai khối lượng, đơn giá, chưa sát thực tế phải điều chỉnh[176]; phê duyệt thiết kế BVTC, dự toán không phù hợp quy hoạch[177]; thay đổi quy mô dự án nhưng chưa được phê duyệt điều chỉnh trước khi thực hiện[178]; chưa tận dụng đất, vật tư dư thừa, vật tư thu hồi[179], xây dựng danh mục, số lượng và cấu hình trang thiết bị y tế chưa đảm bảo[180]; phê duyệt dự toán, thiết kế BVTC chưa đủ thủ tục[181]; phê duyệt điều chỉnh, bổ sung thiết kế kỹ thuật thi công, dự toán sau khi công trình đã hoàn thành[182]; dự toán lập, thẩm định, phê duyệt chưa đúng tỷ lệ dự phòng làm tăng giá gói thầu[183].

- Công tác lựa chọn nhà thầu: Không lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu một số gói thầu trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư[184]; thẩm định, phê duyệt kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu chưa đúng quy định[185], kế hoạch đấu thầu chưa nêu rõ nguồn

---

[173] (i) VTV (Dự án Đầu tư thiết bị sản xuất chương trình và kiểm duyệt chương trình cho truyền hình cáp); (ii) Các tỉnh, thành phố: TP.Hà Nội 07 dự án; tỉnh Vĩnh Phúc 02 dự án; Quảng Bình 01 dự án; Quảng Nam 01 dự án; Bình Dương 01 dự án; Hậu Giang 01 dự án; Nam Định 01 dự án; Ninh Bình 03 dự án; Gia Lai 01 dự án; Đắk Lắk 02 dự án; Bà Rịa - Vũng Tàu 01 dự án; Bình Phước 01 dự án; (iii) Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Phan Thiết - Dầu Giây thuộc Dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020; (iv) Dự án Bệnh viện đa khoa tỉnh Đồng Tháp; (v) Dự án Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh.

[174] Dự án đầu tư xây dựng cơ sở 2 trường Đại học Luật Hà Nội.

[175] (i) Dự án Cải tạo, nâng cấp đường cất hạ cánh, đường lăn Cảng hàng không quốc tế Nội Bài; (ii) Dự án Cải tạo, nâng cấp đường cất hạ cánh, đường lăn Cảng hàng không quốc tế Tân Sân Nhất.

[176] Một số dự án được kiểm toán tại: (i) Bộ KH&ĐT; (ii) Bộ GD&ĐT; (iii) KBNN; (iv) Viện KSNDTC; (v) ĐHQG TPHCM; (vi) VTV; (vii) Đại học QGHN; (viii) Dự án đường dây 500kV Quảng Trạch - Dốc Sỏi và Dự án đường dây 500 kV Dốc Sỏi - Pleiku 2; (ix) Dự án ĐTXD công trình đường ống Nam Côn Sơn 2 - Giai đoạn 2; (x) Dự án cầu Cửa Lục 1; Dự án Mở rộng, nâng cấp ĐT254; (xi) Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Phan Thiết - Dầu Giây thuộc Dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020 (Gói thầu số 02-XL, 04-XL); (xii) Dự án Bệnh viện đa khoa tỉnh Đồng Tháp; (xiii) Dự án Bệnh viện đa khoa tỉnh Tiền Giang; (xiv) Dự án đầu tư xây dựng cơ sở 2 trường Đại học Luật Hà Nội; (xv) Dự án Nạo vét thoát lũ sông Bao Đài đoạn từ xi phông Phước Hậu đến cầu Trần Hưng Đạo; (xvi) Dự án Kè chống sạt lở bờ tả sông Ba kết hợp với phát triển hạ tầng đô thị đoạn từ cầu Đà Rằng mới đến cầu Đà Rằng cũ; (xvii) Dự án FSMIMS - hợp phần của NHNN.

[177] Dự án Trường Trung cấp Luật Tây Bắc, tỉnh Sơn La.

[178] Dự án ĐTXD công trình Trung tâm phân tích thí nghiệm và Văn phòng Viện Dầu khí Việt Nam tại TP.HCM.

[179] (i) Dự án cầu Rào 1 (vật tư và các thiết bị điện, trạm biến áp thu hồi sau khi chỉnh trang, hạ ngầm tuyến cáp trung thế và hạ thế tại nút giao cầu Rào 1 và tuyến đường Lạch Tray; tháo dỡ cầu cũ). (ii) Dự án Tiếp nước, cải tạo khôi phục sông Tích không tận dụng khối lượng đất đào theo thiết kế với khối lượng lớn.

[180] Dự án Bệnh viện Đa khoa Bắc Kạn.

[181] (i) Dự án đầu tư xây dựng đường 5 kéo dài (Cầu Chui - Cầu Đông Trù - Phương Trạch - Bắc Thăng Long); (ii) Dự án Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh; (iii) Dự án Bệnh viện đa khoa tỉnh Đồng Tháp; (iv) Dự án đầu tư xây dựng Cơ sở 2 Trường Đại học Luật Hà Nội; (v) Dự án Trường Trung cấp Luật Tây Bắc, tỉnh Sơn La; (vi) Dự án trường Trung cấp Luật Vị Thanh.

[182] Các dự án thực hiện theo phương thức sử dụng quỹ đất để tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng và các dự án giao đất có thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất của tỉnh Hải Dương: 03 dự án chậm 38 tháng sau khi công trình hoàn thành.

[183] Dự án ĐTXD đường ống thu gom, vận chuyển khí mỏ Sao Vàng - Đại Nguyệt: Tính dự phòng khối lượng 10% làm tăng giá trị gói thầu 0,118 tỷ đồng.

[184] (i) Dự án Đầu tư xây dựng Đại học Quốc gia Hà Nội tại Hòa Lạc (dự án QG-HN02).

[185] (i) Bộ KH&ĐT; (ii) VTV.

vốn[186], không phù hợp tiến độ thực hiện dự án[187]; kế hoạch đấu thầu điều chỉnh không có báo cáo thẩm định trước khi phê duyệt[188]; hồ sơ mời thầu có tiên lượng mời thầu sai[189], thiếu[190], thừa khối lượng một số hạng mục[191], không quy định mức tạm ứng theo quy định[192], nêu yêu cầu cụ thể về nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa[193], đưa ra yêu cầu chưa phù hợp[194], giá gói thầu chưa được cập nhật trong thời hạn 28 ngày trước ngày mở thầu dẫn đến phải xử lý tình huống[195]; thời gian xét thầu chưa đảm bảo kế hoạch[196], không làm rõ đơn giá bất thường[197]; áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu[198], phân chia gói thầu[199], chỉ định thầu[200] không đúng quy định;

---

[186] Văn phòng Quốc hội: Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án tại thành phố Hà Nội thiếu nội dung nguồn vốn quy định tại Điều 35 Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 và Điều 5 Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT.

[187] Dự án trường Trung cấp Luật Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

[188] Dự án ĐTXD công trình Trung tâm phân tích thí nghiệm và Văn phòng Viện Dầu khí Việt Nam tại TP.HCM.

[189] (i) Dự án đầu tư xây dựng cầu Rào 1: hạng mục Cột đèn chiếu sáng trang trí cao 4m và đèn chiếu sáng; (ii) Dự án Đầu tư xây dựng trường Đại học Quốc gia Hà Nội tại Hòa Lạc (dự án QG-HN 07 - Gói thầu Thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị công trình khoa Vật lý (HT2); Gói thầu Thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị công trình tuyến số 5-QG-HN02; (iii) Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Phan Thiết - Dầu Giây thuộc Dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020.

[190] Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Phan Thiết - Dầu Giây thuộc Dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020.

[191] Dự án xây dựng cầu Ông Nhiêu trên đường Nguyễn Duy Trinh, Quận 9.

[192] Dự án xây dựng cầu Thăng Long.

[193] (i) ĐHQG TPHCM (Dự án Đầu tư xây dựng khối nhà Y.A1 và Hạ tầng thiết yếu giai đoạn 1 Khoa Y ĐHQG-HCM; Dự án Đầu tư xây dựng hạng mục công trình Khối giảng đường II (GDQP.A3) Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh); (ii) Văn phòng Chủ tịch nước (Dự án xây dựng Nhà làm việc của Văn phòng Chủ tịch nước), VTV (Gói thầu xây lắp Cửa vách khung nhôm Sapa BTG (Vijalco), thang máy Mitsubishi, hệ thống máy lạnh Daikin); (iii) Viện KSNDTC (Dự án VKSND huyện Phú Riềng, Bình Phước; Dự án VKSND huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị; Dự án VKSND huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn; Dự án VKSND tỉnh Đắk Lắk; Dự án VKSND thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An; dự án VKSND huyện Bình Gia, Lạng Sơn); (iv) Dự án ĐTXD công trình Trung tâm phân tích thí nghiệm và Văn phòng Viện Dầu khí Việt Nam tại TP.HCM; (v) Dự án đập dâng hạ lưu sông Trà Khúc.

[194] (i) Dự án cấp điện lưới cho đảo Trần, huyện Cô Tô và đảo Cái Chiên, huyện Hải Hà tỉnh Quảng Ninh; (ii) Dự án Bệnh viện đa khoa tỉnh Tiền Giang.

[195] Dự án đường dây 500kV Quảng Trạch - Dốc Sỏi.

[196] (i) Dự án đường dây 500/220kV Nho Quan - Phủ Lý - Thường Tín; (ii) Dự án Vệ sinh môi trường TP. HCM - giai đoạn 2; (iii) Dự án đầu tư xây dựng trục đường Hồ Sen - Cầu Rào 2, đoạn từ nút giao Nguyễn Văn Linh đến ngã 3 đường Chợ Con; (iv) Dự án đầu tư xây dựng Cầu rào 1; (v) Dự án tăng cường kết nối giao thông khu vực Tây Nguyên; (vi) Dự án đường dây 500kV Quảng Trạch - Dốc Sỏi; (vii) Dự án Bệnh viện đa khoa tỉnh Đồng Tháp; (viii) Dự án Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh; (ix) Dự án trường Trung cấp Luật Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

[197] (i) Dự án đầu tư xây dựng Cầu rào 1 (đơn giá bất thường của hạng mục Bó gáy vỉa hè thuộc Phần nút giao và đường dẫn); (ii) Dự án trường Trung cấp Luật Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang (Gói thầu TB1, XL7, XL8); (iii) Dự án đầu tư xây dựng cơ sở 2 của trường Đại học Luật Hà Nội (Gói thầu thi công nhà ăn, nhà công vụ); (iv) Dự án Bệnh viện đa khoa tỉnh Tiền Giang (Trạm biến áp).

[198] (i) Thừa Thiên Huế; (ii) Bình Định; (iii) Bình Dương; (iv) Ninh Bình.

[199] Tỉnh Bình Dương 11 dự án; các tỉnh Hậu Giang, Đắk Nông: Mỗi tỉnh 01 dự án.

[200] (i) Bộ KH&ĐT (Cục Thống kê tỉnh Long An); (ii) Bộ GD&ĐT (Dự án Hệ thống cấp, thoát nước, xử lý nước thải: Gói thầu Tư vấn lập dự án; tư vấn giám sát, các gói thầu thẩm định giá); (iii) Viện KSNDTC (Dự án VKSND tỉnh Đắk Lắk); (iv) Dự án ĐTXD công trình cầu Sông Rin thị trấn Di Lăng, huyện Sơn Hà (gói thầu tư vấn khảo sát, lập Báo cáo NCKT và gói thầu khảo sát, thiết kế BVTC); (v) Dự án Đầu tư xây dựng Đại học Quốc gia Hà Nội tại Hòa Lạc (dự án QG-HN 02 - tuyến số 3); (vi) Dự án cơ sở 2 trường Đại học Luật Hà Nội (Gói thầu Tư vấn khảo sát xây dựng công trình; tư vấn Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường; khảo sát địa chất; lập HSMT, đánh giá HSDT gói thầu thi công XD, cung cấp lắp đặt thiết bị); (vii) dự án Tiếp nước, cải tạo khôi phục sông Tích.

không đăng tải thông tin về đấu thầu[201]; tỷ lệ tổ chức đấu thầu qua mạng tại nhiều địa phương chưa đảm bảo lộ trình[202], không đấu thầu qua mạng[203].

- Công tác đàm phán, ký kết hợp đồng xây dựng: Lựa chọn hình thức hợp đồng không phù hợp[204]; điều khoản hợp đồng thiếu chặt chẽ, chưa đầy đủ[205]; công tác đàm phán, ký kết hợp đồng, phân chia tiến độ chưa phù hợp với điều kiện của hồ sơ mời thầu[206]; ký kết hợp đồng chưa giảm trừ 5% tiết kiệm theo quy định của Bộ GTVT[207], không bao gồm thuế nhập khẩu theo quy định[208], không đúng tỷ lệ theo thoả thuận liên doanh giữa các nhà thầu liên danh[209]; ký hợp đồng trọn gói chưa phù hợp quy định[210]; hợp đồng bảo hiểm được ký kết sau thời điểm khởi công[211]; không thực hiện mua bảo hiểm theo cam kết[212]; chủ đầu tư chưa rà soát số dư tạm ứng hợp đồng của dự án dừng thi công do vướng mặt bằng để có biện pháp thu hồi[213]; chưa điều chỉnh hợp đồng đối với các hạng mục, công tác tạm tính hoặc có thay đổi[214].

---

[201] (i) Dự án Đầu tư xây dựng Đại học Quốc gia Hà Nội tại Hòa Lạc (dự án QG-HN02, và dự án QG-HN07); (ii) Dự án Bệnh viện đa khoa tỉnh Đồng Tháp; (iii) Dự án Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh; (iv) Dự án Bệnh viện đa khoa tỉnh Tiền Giang.

[202] (i) TP. Hà Nội, TP. Hải Phòng, các tỉnh Vĩnh Phúc, Hòa Bình, Quảng Ninh, Hưng Yên, Phú Thọ, Vĩnh Long; (ii) Ban quản lý dự án các công trình Giao thông Hải Phòng; (iii) Ban quản lý dự án phát triển đô thị và Đầu tư xây dựng công trình dân dụng.

[203] (i) Dự án tăng cường kết nối giao thông khu vực Tây Nguyên (Gói thầu XL-03, XL-04A); (ii) Dự án Bệnh viện đa khoa tỉnh Đồng Tháp (gói thầu số 15b, 22a, 23, 24, 25b, 27); (iii) Ban quản lý dự án các công trình Giao thông Hải Phòng tổ chức đấu thầu qua mạng đối với các gói thầu tư vấn có giá gói thầu không quá 5 tỷ đồng và gói thầu xây lắp có giá gói thầu không quá 10 tỷ đồng, đạt 64% số lượng các gói thầu là chưa đáp ứng quy định 100%.

[204] (i) Dự án đập dâng hạ lưu sông Trà Khúc (Gói thầu tư vấn khảo sát, lập dự án đầu tư xây dựng (điều chỉnh)).

[205] (i) Văn phòng Quốc hội, Bộ KH&ĐT, VTV, Bộ Tài chính, KBNN, Viện KSNDTC, ĐHQGHN, VPCP; (ii) Dự án đập dâng hạ lưu sông Trà Khúc (Gói thầu số 16); (iii) Dự án ĐTXD công trình cầu Sông Rin thị trấn Di Lăng, huyện Sơn Hà; (iv) Dự án Vệ sinh môi trường TP. HCM - giai đoạn 2; (v) Dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp đường 356 (đoạn từ ngã ba Áng Sỏi đến tổ dân phố số 2, thị trấn Cát Bà); (vi) Dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp đường 356 (đoạn từ ngã ba Hiền Hào đến ngã ba Áng Sỏi, huyện Cát Hải); (vii) Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 10 đoạn từ cầu Đá Bạc đến Cầu Kiền; (viii) Dự án Đầu tư xây dựng Đại học Quốc gia Hà Nội tại Hòa Lạc; (ix) Dự án đầu tư xây dựng cơ sở 2 của trường Đại học Luật Hà Nội (gói thầu XL05, XL06, XL07); (x) Dự án trường Trung cấp Luật Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang (Gói thầu XL9, XL10); (xi) Dự án kè bảo vệ dân cư khu vực đền Bảo Hà, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

[206] (i) Dự án đường dây 500kV Quảng Trạch - Dốc Sỏi; (ii) Dự án đường dây 500 kV Dốc Sỏi - Pleiku 2; (iii) Dự án Nâng cấp, cải tạo đường và kênh Nước đen; (iv) DA xây dựng cầu Ông Nhiêu.

[207] (i) Dự án Cải tạo, nâng cấp đường cất hạ cánh, đường lăn Cảng hàng không quốc tế Tân Sân Nhất; (ii) Dự án Cải tạo, nâng cấp đường cất hạ cánh, đường lăn Cảng hàng không quốc tế Nội Bài.

[208] Dự án ĐTXD đường ống thu gom, vận chuyển khí mỏ Sao Vàng - Đại Nguyệt.

[209] Dự án Bệnh viện Đa khoa Bắc Kạn.

[210] Dự án Cải tạo, nâng cấp đường cất hạ cánh, đường lăn Cảng hàng không quốc tế Tân Sân Nhất (Một số gói thầu ký hợp đồng trọn gói khi dự toán đang tạm duyệt và một số hạng mục tạm tính).

[211] Dự án đập dâng hạ lưu sông Trà Khúc (Gói thầu số 18).

[212] Dự án đầu tư xây dựng Đại học Quốc gia Hà Nội tại Hòa Lạc (Gói thầu thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị công trình tuyến số 4).

[213] (i) Dự án xây dựng cầu Thăng Long 56,86 tỷ đồng; (ii) Dự án xây dựng cầu Ông Nhiêu 58,58 tỷ đồng; (iii) Dự án mở rộng, nâng cấp đường Tỉnh lộ 8 là 37,61 tỷ đồng.

[214] Dự án cầu Cửa Lục 1; Dự án FSMIMS: Gói thầu tư vấn ST1.

- Công tác quản lý chất lượng: Hồ sơ quản lý chất lượng còn thiếu sót, không đầy đủ[215]; công tác khảo sát còn chưa đánh giá đầy đủ dữ liệu địa chất, chưa lập quy trình bảo trì[216]; một số gói thầu chưa đầy đủ kết quả thí nghiệm[217]; thiếu hồ sơ quan trắc lún[218]; phê duyệt phương án rà phá bom mìn vượt quá mức quy định[219]; thi công không đảm bảo chất lượng[220]; bản vẽ hoàn công chưa tuân thủ quy định[221]; dự án hoàn thành nhưng chưa thực hiện nghiệm thu theo quy định[222]; không thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư[223].

- Tiến độ thực hiện nhiều dự án chậm trên 12 tháng so với quyết định phê duyệt[224], cá biệt có dự án thực hiện trên 18 năm chưa hoàn thành[225]. Nguyên nhân

---

[215] Dự án Đầu tư xây dựng Đại học Quốc gia Hà Nội tại Hòa Lạc (Dự án giai đoạn 1-QG-HN02; Dự án QG-HN06).

[216] Dự án cầu Cửa Lục 1.

[217] Dự án đường dây 500kV Quảng Trạch - Dốc Sỏi.

[218] Dự án đường dây 500 kV Dốc Sỏi - Pleiku 2.

[219] Dự án Mở rộng, nâng cấp ĐT254: phương án được phê duyệt và thực tế thi công dò tìm trên cạn độ sâu từ 0,3m đến 5m (theo quy định là từ 0,3 đến 3m) làm tăng chi phí số tiền 0,308 tỷ đồng.

[220] Dự án đầu tư xây dựng đường 5 kéo dài (Cầu Chui - Cầu Đông Trù - Phương Trạch - Bắc Thăng Long): Biên bản bàn giao, Biên bản kiểm đếm hiện trường đưa vào quản lý sử dụng cho thấy, số cây xanh bị chết hoặc không đạt yêu cầu chất lượng chiếm tỷ lệ cao bằng 5,027 tỷ đồng, tương đương 24% giá trị gói thầu (5,027/20,757 tỷ đồng).

[221] (i) Văn phòng Quốc hội, Bộ KH&ĐT, Bộ Tài chính; (ii) Dự án ĐTXD công trình Trung tâm phân tích thí nghiệm và Văn phòng Viện Dầu khí Việt Nam tại TP.HCM.

[222] (i) Dự án ĐTXD công trình đường ống Nam Côn Sơn 2 - Giai đoạn 2; (ii) Dự án ĐTXD đường ống thu gom, vận chuyển khí mỏ Sao Vàng - Đại Nguyệt.

[223] (i) Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Bộ KH&ĐT, Bộ Tài chính, Bộ GD&ĐT; (ii) Dự án Bệnh viện đa khoa tỉnh Đồng Tháp; (iii) Dự án Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh.

[224] (i) Dự án cấp điện lưới cho đảo Trần, huyện Cô Tô và đảo Cái Chiên, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh chậm tiến độ 03 năm so với kế hoạch ban đầu; (ii) Dự án đầu tư xây dựng đường 5 kéo dài (Cầu Chui - Cầu Đông Trù - Phương Trạch - Bắc Thăng Long) chậm tiến độ 76 tháng; (iii) Dự án xây dựng tuyến đường nối từ trường đại học Mỏ Địa chất vào khu công nghiệp Nam Thăng Long điều chỉnh thời gian hoàn thành từ năm 2014 đến hết năm 2020; (iv) Dự án đường dây 500/220kV Hiệp Hoà - Đông Anh - Bắc Ninh chậm 2 năm 8 tháng; (v) Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư Bắc sông Cấm chậm 21 tháng; (vi) Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cấm chậm 45 tháng; (vii) Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư Bắc sông Cấm (Gói 16 chậm 41 tháng; Gói 17 chậm 41 tháng); (viii) Dự án Bệnh viện đa khoa tỉnh Tiền Giang (quy định hoàn thành 2020 nhưng đến nay vẫn đang thi công); (ix) Dự án Trường Trung cấp Luật Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang từ 2012-2016 điều chỉnh thành 2012-2018; (x) Dự án trường Trung cấp Luật Tây Bắc từ 2015-2019 điều chỉnh thành 2015-2021; (xi) Dự án kè bảo vệ dân cư khu vực đền Bảo Hà, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai phải gia hạn thêm 1 năm do điều chỉnh thiết kế đoạn qua khu vực cửa đền Bảo Hà và bổ sung cầu Suối Lúc; (xii) Dự án Kè chống sạt lở bờ tả sông Ba kết hợp với phát triển hạ tầng đô thị đoạn từ cầu Đà Rằng mới đến cầu Đà Rằng cũ); (xiii) dự án Tiếp nước, cải tạo khôi phục sông Tích; (xiv) Dự án FSMIMS sau gần 4 năm kể từ khi phê duyệt dự án, đến tháng 6/2012, NHNN mới bắt đầu định hình được kế hoạch mua sắm, triển khai thực hiện các gói thầu chính của Dự án; (xv) Dự án Cải tạo thoát nước tuyến phố Thanh Đàm quận Hoàng Mai chậm 1 năm; (xvi) Dự án Cải tạo thoát nước phố Đội Cấn (từ Giang Văn Minh đến ngã ba Liễu Giai-Đội Cấn) chậm 4 năm.

[225] Dự án Đầu tư xây dựng Đại học Quốc gia Hà Nội tại Hòa Lạc đến thời điểm kiểm toán (31/3/2021), đã hơn 18 năm kể từ khi dự án được phê duyệt mới triển khai đầu tư hoàn thành được khoảng 10% kế hoạch, thực hiện được 06 dự án thành phần nhưng đều đang thực hiện dở dang, chưa có dự án thành phần nào hoàn thành.

chủ yếu do vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng, bổ sung thay đổi nhiều hạng mục, bố trí vốn không đúng tiến độ và do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp.

- Công tác nghiệm thu, thanh toán: Thi công không đúng hồ sơ thiết kế được duyệt[226], thanh toán vượt cơ cấu TMĐT[227]; chậm thu hồi các khoản tạm ứng quá thời gian quy định còn xảy ra tại hầu hết các địa phương được kiểm toán[228] hoặc thu hồi chưa đúng quy định[229]; còn dự án, gói thầu chậm hoặc chưa xuất hóa đơn GTGT khối lượng đã nghiệm thu[230]; thanh toán khối lượng hoàn thành chưa đủ thủ tục[231]; chậm nghiệm thu bàn giao, chuyển giao công nghệ đưa vào sử dụng[232]; tạm ứng, thanh toán kinh phí tổ chức thực hiện GPMB khi chưa có dự toán[233]; thanh toán vượt quyết toán A-B[234]; còn không ít trường hợp nghiệm thu, thanh toán sai khối lượng, đơn giá, định mức hoặc chưa đầy đủ thủ tục, hồ sơ, điều kiện thanh toán đã được kiểm toán phát hiện và kiến nghị xử lý, khắc phục.

---

[226] (i) VTV: Danh mục máy móc, thiết bị đã mua sắm, lắp đặt, nghiệm thu thanh quyết toán khi chưa có bản vẽ thiết kế, bản vẽ hoàn công được duyệt (03 Dự án nâng cấp thiết bị sản xuất chương trình từ SD lên HD tại VTV8); (ii) TP. Hải Phòng, tỉnh Bạc Liêu: mỗi địa phương 01 dự án; tỉnh Quảng Ninh 02 dự án; tỉnh Kiên Giang 03 dự án.

[227] Dự án đường dây 500/220kV Nho Quan - Phủ Lý - Thường Tín chưa điều chỉnh một số vị trí móng thi công được nghiệm thu thanh toán nằm trong quy hoạch Khu du lịch Tam Chúc số tiền 10,043 tỷ đồng; một số vị trí cột đã sản xuất, nghiệm thu thanh toán nằm trong quy hoạch khu du lịch Tam Chúc nhưng chưa lập TKKT điều chỉnh, để xác định được số lượng cột có thể tận dụng được vào dự án theo hướng tuyến mới và một số thiết bị đã thay đổi chủng loại, nhà sản xuất so với Hợp đồng gốc ban đầu nhưng các bên chưa thương thảo lại giá số tiền 56,384 tỷ đồng.

[228] Tại 37/45 địa phương được kiểm toán.

[229] (i) Dự án đường Đại học Mỏ địa chất - KCN Nam Thăng Long dư tạm ứng chi phí GPMB 3,683 tỷ đồng quá hạn 12 tháng; (ii) Dự án Nút giao Hoàng Quốc Việt dư tạm ứng quá hạn chi phí GPMB 1,719 tỷ đồng quá hạn 13 tháng; (iii) Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới Bắc sông Cấm (Gói 3.29; Gói 3.26; Gói 19C; Gói 3.9; Gói 3.5); (iv) Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Phan Thiết - Dầu Giây thuộc Dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020 (các gói thầu tư vấn giám sát thi công xây dựng: Giá trị tạm ứng chưa thu hồi là 7,871 tỷ đồng).

[230] Dự án Đường 5 kéo dài chưa xuất hóa đơn GTGT là 80,338 tỷ đồng, tương đương với số thuế GTGT phải nộp là 7,303 tỷ đồng.

[231] Dự án ĐTXD công trình cầu Sông Rin thị trấn Di Lăng, huyện Sơn Hà (Gói thầu số 11).

[232] Dự án Bệnh viện Đa khoa Bắc Kạn: Nghiệm thu lắp đặt tĩnh ngày 24/01/2017 đến ngày 27/8/2020 mới bàn giao đưa vào sử dụng.

[233] Dự án cầu Cửa Lục 1.

[234] Dự án Mở rộng, nâng cấp ĐT254: Thanh toán vượt quyết toán A-B giá trị 10,901 tỷ đồng (Chủ đầu tư đã thu hồi trong tài khoản tạm giữ tại KBNN).

- Công tác lập, thẩm định, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành: Chủ đầu tư chậm lập báo cáo quyết toán dự án hoàn thành[235]; thẩm tra, phê duyệt báo cáo quyết toán chậm[236].

(4) Về nợ đọng XDCB: Theo Báo cáo số 243/BC-CP ngày 16/7/2021 của Chính phủ, KH ĐTCTH giai đoạn 2016-2020 đã bố trí đủ cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương để thanh toán toàn bộ số nợ đọng XDCB[237] thuộc nghĩa vụ của NSTW đến hết ngày 31/12/2014 là 7.481,3 tỷ đồng[238]. Qua rà soát tại một số bộ, cơ quan trung ương cho thấy còn trường hợp dư nợ đọng XDCB của những dự án thực hiện trước năm 2015 được bố trí KHV thanh toán trong năm 2021, như vậy giai đoạn 2021-2025 Chính phủ tiếp tục phải bố trí vốn trả nợ đọng XDCB

---

[235] (i) Văn phòng QH: Dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà làm việc không thường xuyên của Quốc hội và các cơ quan Quốc hội tại thành phố Đà Nẵng lập báo cáo quyết toán dự án hoàn thành chậm 36 tháng; (ii) Bộ KH&ĐT: 08 dự án hoàn thành chậm nộp hồ sơ quyết toán dưới 24 tháng và 06 dự án hoàn thành chậm nộp hồ sơ trên 24 tháng; (iii) Bộ GD&ĐT: 09 dự án chậm nộp hồ sơ quyết toán dưới 24 tháng, 21 dự án chậm nộp hồ sơ quyết toán trên 24 tháng; (iv) KBNN: 02 dự án chậm nộp báo cáo quyết toán dưới 24 tháng; 03 dự án hoàn thành từ 2018 trở về trước (trên 24 tháng) chưa nộp hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành là Dự án KBNN Lý Sơn, Quảng Ngãi; Kho Lưu trữ Lào Cai; Trung tâm đào tạo BDCB Tài chính; (v) Viện KSNDTC: Đến thời điểm 29/9/2021, 06 chủ đầu tư dự án chậm lập hồ sơ, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành so với quy định (Dự án VKSND huyện Chí Linh, Hải Dương; Dự án VKSND huyện Lang Chánh, Thanh Hóa; Dự án VKSND thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An; Dự án VKSND huyện Thoại Sơn, An Giang; Dự án VKSND huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị; Dự án Trụ sở VKSND thành phố Tam Điệp); (vi) Bộ KH&CN: Dự án Đầu tư xây dựng Trung tâm quốc gia nghiên cứu và phát triển Sâm Ngọc Linh (giai đoạn 1) chậm 24 tháng; dự án đầu tư nâng cấp năng lực xử lý tinh sẵn sàng mua sắm bản quyền phần mềm hệ thống cho hạ tầng CNTT của Bộ KHCN chậm 06 tháng; (vii) VOV: Dự án Trung tâm Sản xuất Chương trình Truyền hình Quốc hội Việt Nam chậm 24 tháng; dự án Tòa nhà Cơ quan Thường trú Đài TNVN tại TP. HCM chậm 16,5 tháng; (viii) Bộ Công Thương: 02 dự án chậm trình thẩm tra từ 7-24 tháng; 02 dự án chậm trình thẩm tra phê duyệt quyết toán trên 24 tháng; (ix) Thông tấn xã VN: Cơ quan Thông tấn xã Việt Nam khu vực Miền Trung Tây Nguyên chậm lập quyết toán dự án hoàn thành 20 tháng.

[236] (i) Văn phòng QH: Dự án nhà làm việc của các cơ quan Quốc hội và Văn phòng Quốc hội tại 22 Hùng Vương - Hà Nội chậm 6 năm; (ii) Bộ KH&ĐT: 06 dự án đã nộp hồ sơ nhưng chậm phê duyệt quyết toán trên 24 tháng; (iii) ĐHQG TPHCM: Hạng mục công trình khối phòng học-phòng máy thực hành B phê duyệt quyết toán chậm 07 tháng; Công trình nhà NV.B1 thuộc dự án thành phần QG-HCM-08 phê duyệt quyết toán chậm khoảng 03 tháng; Dự án đầu tư chiều sâu phòng thí nghiệm Độc học Môi trường phê duyệt quyết toán chậm 05 tháng; (iv) Đài THVN: Dự án đầu tư xe THLĐ SXCT theo tiêu chuẩn 4K chậm 4 tháng; Dự án VTV4 chậm 9 tháng; Dự án XD hạ tầng CNTT và thông tin liên lạc tại tòa nhà Trung tâm THVN chậm 3 tháng; Dự án Xây dựng hệ thống quản lý điều hành sản xuất - giai đoạn I chậm 9 tháng; Dự án XD hoàn thiện hệ thống giám sát NOC cho mạng đơn tần chậm 04 tháng; (v) Bộ GD&ĐT: đến 31/3/2021, 12 dự án chậm phê duyệt quyết toán dưới 24 tháng và 05 dự án phê duyệt quyết toán chậm quá 24 tháng; (vi) Bộ Tài chính: 17 dự án chậm thẩm tra, phê duyệt quyết toán dưới 24 tháng; Có 05 dự án chậm thẩm tra, phê duyệt quyết toán trên 24 tháng; (vi) Bộ Công Thương: 01 dự án chậm phê duyệt dưới 24 tháng; 02 dự án chậm phê duyệt quyết toán trên 24 tháng.

[237] Theo quy định của Luật Đầu tư công.

[238] Tổng số KH ĐTCTH bố trí thanh toán nợ đọng XDCB (*không bao gồm nợ đọng XDCB của Chương trình mục tiêu quốc gia*) là 7.738,9 tỷ đồng. Nếu tính cả số nợ đọng XDCB bố trí cho Chương trình mục tiêu quốc gia là 1.066,024 tỷ đồng thì tổng số nợ đọng XDCB phải thanh toán trong giai đoạn 2016-2020 là 8.804,924 tỷ đồng. Đã bố trí vốn hàng năm là 8.547,324 tỷ đồng (*trong đó 7.481,3 tỷ đồng cho dự án không thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia*) phần còn lại không bố trí kế hoạch hằng năm để thanh toán nợ đọng XDCB là 257,7 tỷ đồng do các dự án đã được bố trí từ nguồn vốn hợp pháp của địa phương để trả nợ hoặc giá trị nợ đọng XDCB giảm sau khi dự án được quyết toán.

cho các dự án thực hiện trước năm 2015[239]. Kiểm toán tại một số địa phương còn phát hiện trường hợp chưa thực hiện đối chiếu nợ định kỳ theo quy định[240], nợ đọng XDCB với giá trị lớn[241] và phát sinh nợ XDCB mới trong năm 2021[242].

(5) Ngoài ra, đối với công tác xây dựng KH ĐTCTH giai đoạn 2021-2025, qua kết quả kiểm toán cho thấy: Còn đơn vị chưa lập KH ĐTCTH giai đoạn 2021-2025[243]; chưa phân tích đánh giá thực hiện KH ĐTCTH giai đoạn trước làm cơ sở xây dựng KH ĐTCTH 2021-2025[244]; chưa có danh mục dự án chi tiết theo quy định[245]; xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2021 còn chưa hợp lý phải điều chỉnh[246].

*2.2.2. Chi thường xuyên*

(1) Quyết toán 1.013.449,314 tỷ đồng, bằng 90,8% dự toán (giảm 102.554,319 tỷ đồng) và bằng 59,3% tổng chi NSNN (1.709.523,706 tỷ đồng) theo đúng định hướng Nghị quyết số 25/2016/QH14 của Quốc hội và Nghị quyết số 07-NQ/TW của Bộ Chính trị (giảm tỷ trọng chi thường xuyên xuống dưới 64% tổng chi ngân sách nhà nước). Năm 2020, theo báo cáo[247] do tình hình dịch bệnh nên một số nhiệm vụ chi có tỷ lệ thực hiện thấp hoặc không thực hiện, phải hủy dự toán; trong đó một số khoản chi sự nghiệp NSTW có tỷ lệ thực hiện thấp: Chi bảo vệ môi trường 47,4%; chi văn hoá thông tin 61,5%; chi thể dục thể thao 75,2%; chi

---

[239] Công văn số 2493/BGTVT-KHĐT ngày 26/3/2021 báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư năm 2020: Bộ GTVT dư nợ đọng XDCB của những dự án thực hiện trước năm 2015 khoảng 1.214 tỷ đồng, được bố trí KHV thanh toán trong năm 2021 (*số thanh toán theo thực tế 1.117,746 tỷ đồng*).

[240] Dự án Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới tại các tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông.

[241] Tỉnh Hà Nam 5.924 tỷ đồng; Hà Tĩnh 335 tỷ đồng; Quảng Nam 1.033 tỷ đồng; Bình Định 418 tỷ đồng; Lào Cai 621 tỷ đồng; Phú Thọ 918 tỷ đồng; Sơn La 307 tỷ đồng; Thái Nguyên 471 tỷ đồng; Hà Giang 363 tỷ đồng; Nam Định 1.479 tỷ đồng; Thái Bình 3.606 tỷ đồng; Thanh Hóa 1001 tỷ đồng; Ninh Bình 5.370 tỷ đồng...

[242] (i) Các tỉnh Hà Tĩnh 163,5 tỷ đồng, Quảng Nam 155,6 tỷ đồng, Hưng Yên 353,3 tỷ đồng, Lào Cai 132,6 tỷ đồng, Phú Thọ 221,8 tỷ đồng, Sơn La 163,42 tỷ đồng, Thanh Hóa 117,2 tỷ đồng; (ii) Đài THVN 28,6 tỷ đồng; Viện KSNDTC 3,82 tỷ đồng; (iii) Dự án đầu tư xây dựng đường 5 kéo dài (Cầu Chui - Cầu Đông Trù - Phương Trạch - Bắc Thăng Long) 233,599 tỷ đồng; (iv) Ban quản lý dự án các công trình Giao thông Hải Phòng 22,124 tỷ đồng; (v) Ban quản lý dự án phát triển đô thị và Đầu tư xây dựng công trình Dân dụng Hải Phòng 29,537 tỷ đồng; (vi) Chuyên đề việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư, kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách cấp của Ban Duy tu các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội) giai đoạn 2015-2020.

[243] Tỉnh Nghệ An: các huyện Anh Sơn, Hưng Nguyên, Nghĩa Đàn, thị xã Thái Hòa; tỉnh Bình Định: huyện Hoài Ân, thị xã Hoài Nhơn (nguồn NS huyện); TP. Bạc Liêu - tỉnh Bạc Liêu; huyện Đam Rông - tỉnh Lâm Đồng.

[244] Các tỉnh Quảng Nam, Bình Định, Lạng Sơn.

[245] Tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Hưng Yên (thị xã Mỹ Hào; huyện Văn Lâm, huyện Tiên Lữ); Phú Thọ (vốn NS tỉnh); Yên Bái (huyện Văn Chấn) Nam Định (vốn NS tỉnh).

[246] (i) Dự án Cải tạo, nâng cấp đường cất hạ cánh, đường lăn Cảng hàng không quốc tế Nội Bài: KHV giao cho dự án tính đến thời điểm 31/3/2021 vượt 36,08 tỷ đồng; (ii) Việc quản lý, sử dụng NSNN năm 2020 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình cấp nước, thoát nước và môi trường thành phố Hà Nội: dự án Nạo vét bùn Hồ Tây, phải điều chỉnh giảm KHV 75%; Xây dựng, nâng cấp trạm bơm Phương Trạch, huyện Đông Anh, Hà Nội phải điều chỉnh giảm KHV 96,7%; Khu Liên hợp xử lý nước thải Sóc Sơn giai đoạn II, phải điều chỉnh giảm KHV 60%.

[247] BCQT NSNN năm 2020 của Chính phủ.

sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề chỉ đạt 81,9%. Trong đó chi bảo vệ môi trường trong những năm gần đây liên tục thực hiện đạt tỷ lệ rất thấp (dưới 50%)[248].

(2) Ngoài ra, qua kiểm toán tại các bộ, cơ quan trung ương và địa phương cho thấy:

- Tại một số bộ, cơ quan trung ương còn tình trạng chi không đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức, chi không đúng nguồn[249]; chứng từ chi chưa đảm bảo, đầy đủ[250]; tỷ lệ để lại đối với một số phí, lệ phí chưa phù hợp so với thực tế dẫn đến chi không hết và chuyển nguồn năm sau cao[251].

- Một số bộ, cơ quan trung ương quản lý, sử dụng nguồn vốn viện trợ chưa đúng quy định[252].

- Tại một số địa phương còn tình trạng trong điều kiện ngân sách tỉnh hụt thu lớn nhưng địa phương còn bổ sung ngoài dự toán để thực hiện các nhiệm vụ chưa thật sự cần thiết làm tăng chi ngân sách[253]; thu cân đối ngân sách tỉnh liên tiếp hai năm hụt thu nhưng HĐND tỉnh quyết nghị dự toán năm 2020 cho 07 khoản chi hoạt động vượt so với định mức đã quy định tại Nghị quyết HĐND[254]; chưa trình

---

[248] Năm 2018 đạt 49,8%; năm 2019 đạt 34,8%.

[249] Bộ GD&ĐT, ĐHQG TPHCM, Trường ĐHKT TPHCM, Đài THVN; Bộ KH&ĐT; Văn phòng QH; Văn phòng CTN; VKSNDTC; Bộ Tài chính; Kho bạc nhà nước; Bộ KH&CN; Thông tấn xã Việt Nam; VOV.

[250] Kho bạc nhà nước; Bộ KH&CN; Thông tấn xã Việt Nam; Bộ Công Thương.

[251] Bộ KH&ĐT: Trung tâm Hỗ trợ Nghiệp vụ đăng ký kinh doanh có chênh lệch thu chi từ nguồn phí để lại sau khi đã trích lập các quỹ còn dư đến thời điểm 31/12/2020 là 44,67 tỷ đồng, đơn vị chưa có phương án sử dụng được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

[252] (i) ĐHQG TPHCM: Chưa lập dự toán nguồn viện trợ nên chưa được xác nhận viện trợ và ghi thu, ghi chi đến 31/12/2020 là 18,35 tỷ đồng; (ii) Bộ GD&ĐT: Có 03 dự án viện trợ không hoàn lại trong diện được hoàn thuế GTGT nhưng không thực hiện; (iii) Bộ KH&ĐT: Một số dự án chưa lập tờ khai và làm thủ tục xác nhận viện trợ kịp thời theo quy định; Số ghi thu, ghi chi tạm ứng năm 2020 cao hơn kinh phí thực nhận 3,07 tỷ đồng (do Bộ Tài chính ghi nhầm bao gồm cả tờ khai xác nhận viện trợ của Bộ Xây dựng, tại thời điểm kiểm toán Bộ Tài chính chưa điều chỉnh); định kỳ hàng quý, dự án chưa gửi báo cáo cho cơ quan chủ quản kiểm tra, tổng hợp gửi Bộ Tài chính để lập Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng vốn viện trợ đã ghi thu, ghi chi chi tiết từng dự án, gửi KBNN hạch toán theo quy định; tại thời điểm kiểm toán (06/5/2021) một số dự án chưa hoàn thành công tác thanh toán tạm ứng vốn viện trợ đã ghi thu, ghi chi theo quy định; một số dự án đã kết thúc từ 4 đến 10 năm chưa thực hiện quyết toán và lập Báo cáo quyết toán theo quy định; (iv) Bộ KH&CN: Chưa hoàn thiện công tác ghi thu, ghi chi đối với các khoản viện trợ, kinh phí báo cáo Bộ Tài chính tổng hợp quyết toán vốn viện trợ không hoàn lại là 19,90 tỷ đồng, đến thời điểm kiểm toán chưa được Bộ Tài chính thông báo ghi thu, ghi chi; (v) Bộ Công Thương: Chưa thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo theo quy định; (vi) ĐHQGHN: Một số đơn vị đã được Bộ Tài chính GTGC tạm ứng nhưng không thực hiện nhiệm vụ; hầu hết các đơn vị không làm thủ tục hoàn ứng, xác nhận số thực chi để tổng hợp ghi thu ghi chi theo quy định; không làm thủ tục xác nhận viện trợ đầy đủ khi kinh phí đã được giải ngân; kinh phí đã thực chi nhưng không thực hiện thủ tục xác nhận số thực chi làm cơ sở để ghi thu, ghi chi và quyết toán trong năm; một số dự án đã kết thúc từ nhiều năm, còn dư kinh phí nhưng không thuyết minh được nội dung chi, không rà soát xử lý theo hướng dẫn tại Công văn số 9208/BTC-QLN ngày 11/7/2017; tiếp nhận dự án viện trợ nhưng không có quyết định phê duyệt dự án của ĐHQGHN (Khoa Luật).

[253] Tỉnh Quảng Ngãi: Bổ sung ngoài dự toán để thực hiện các nhiệm vụ chưa thật sự cấp thiết 33,4 tỷ đồng; bổ sung hỗ trợ các cơ quan TW đóng trên địa bàn để chi hoạt động thường xuyên và mua sắm sửa chữa 5,83 tỷ đồng.

[254] Tỉnh Quảng Nam: Trong điều kiện thu cân đối NS tỉnh liên tiếp hai năm hụt thu nhưng HĐND tỉnh quyết nghị dự toán năm 2020 cho 07 khoản chi hoạt động vượt so với định mức quy định tại Nghị quyết HĐND về định mức phân bổ NS thời kỳ ổn định NS, làm tăng chi NSĐP năm 2020 là 375,92 tỷ đồng.

thường trực HĐND[255] để xử lý hụt thu theo quy định; 09/45 địa phương được kiểm toán hỗ trợ không đúng nhiệm vụ chi theo phân cấp[256]; thực hiện ký hợp đồng lao động làm công tác chuyên môn chưa phù hợp quy định[257]; 07/45 địa phương sử dụng nguồn dự phòng chi cho một số nhiệm vụ chưa thực sự cấp bách[258]; 31/45 địa phương sử dụng sai nguồn 1.992 tỷ đồng[259]; sử dụng dự phòng ngân sách, định kỳ chưa báo cáo thường trực HĐND và báo cáo HĐND tại kỳ họp gần nhất theo quy định tại khoản 3, Điều 10 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015[260].

- Trong lĩnh vực dịch vụ công ích còn một số bất cập: (i) Bố trí kinh phí thanh toán chi phí vận chuyển rác thải sinh hoạt cho các chủ nguồn thải là doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ là không thuộc đối tượng chi từ nguồn kinh phí ngân sách[261]; một số tỷ lệ định mức ban hành áp dụng không đồng nhất giữa các quận, huyện và sở, ngành trên cùng địa bàn (TP. HCM); hầu hết các khối lượng dịch vụ về vệ sinh đô thị, chăm sóc cây xanh, thu gom xử lý rác, xử lý nước thải tỉnh chưa thực hiện việc đấu thầu theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP (tỉnh Bình Thuận); hỗ trợ lãi suất khoản vay mua sắm phương tiện vận tải công cộng bằng xe buýt cho các đơn vị trước khi dự án được phê duyệt chưa đảm bảo điều kiện được hỗ trợ (tỉnh Vĩnh Phúc), (ii) Đối với kinh phí bảo trì KCHTĐS quốc gia: Hầu hết các hợp đồng đặt hàng bảo dưỡng thường xuyên KCHTĐS của TCTĐSVN với các nhà thầu chưa thể hiện cụ thể các yêu cầu chất lượng công tác bảo trì theo quy định (khi nghiệm thu, thanh toán mới nêu chi tiết); TCTĐSVN chưa ban hành điều kiện đặt hàng sản phẩm bảo dưỡng thường xuyên KCHTĐS với đơn vị được giao đặt hàng. Đối với công tác sửa chữa định kỳ, đột xuất khắc phục sự cố bão lụt, thiên tai và cứu nạn cho thấy việc lập, thẩm định, phê duyệt dự toán giá gói thầu còn tính trùng, thừa khối lượng, định mức so với bản vẽ kỹ thuật; chưa thực hiện đấu thầu qua mạng một số gói thầu xây lắp…

---

[255] TP. HCM (Quận Phú Nhuận); tỉnh Hậu Giang (Thành phố Ngã Bảy); Đắk Lắk (NS tỉnh); Gia Lai (NS tỉnh).

[256] Hà Tĩnh 7,4 tỷ đồng; Thanh Hóa 14,1 tỷ đồng; Quảng Ngãi 5,8 tỷ đồng; Quảng Bình 3,6 tỷ đồng; Quảng Trị 2,2 tỷ đồng; …

[257] Một số đơn vị tại tỉnh Đắk Lắk; An Giang; Đồng Tháp; Kon Tum.

[258] Tỉnh Quảng Bình 14,6 tỷ đồng; Hà Tĩnh 5,9 tỷ đồng; Vĩnh Phúc 4,2 tỷ đồng; Kiên Giang 3,8 tỷ đồng; Gia Lai 3 tỷ đồng; Yên Bái 1,7 tỷ đồng; Quảng Trị 1,7 tỷ đồng.

[259] Tỉnh Bình Phước 1.011 tỷ đồng; Vĩnh Long 194 tỷ đồng; Bình Dương 186,8 tỷ đồng; Hậu Giang 79,3 tỷ đồng; Hưng Yên 76,5 tỷ đồng; Kiên Giang 63,4 tỷ đồng; Thái Bình 62,3 tỷ đồng; An Giang 46,4 tỷ đồng; Bình Định 37 tỷ đồng; Thanh Hóa 33,2 tỷ đồng; Lâm Đồng 31,5 tỷ đồng; Tuyên Quang 25,3 tỷ đồng; Hà Tĩnh 24,7 tỷ đồng; Vĩnh Phúc 21,8 tỷ đồng; Kon Tum 21,5 tỷ đồng; Quảng Bình 12,7 tỷ đồng; Hòa Bình 12,4 tỷ đồng; Ninh Bình 8,2 tỷ đồng; Lào Cai 7,5 tỷ đồng;...

[260] Tỉnh Hậu Giang (Thị xã Long Mỹ, thành phố Vị Thanh); Đồng Tháp (thành phố Sa Đéc).

[261] TP. HCM: Dự toán ngân sách Thành phố bố trí kinh phí thanh toán chi phí vận chuyển rác thải sinh hoạt cho các chủ nguồn thải là doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ là không thuộc đối tượng chi từ nguồn kinh phí ngân sách quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định 38/2015/NĐ-CP của Chính phủ (Chủ nguồn thải là doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ không thuộc đối tượng chi từ nguồn kinh phí ngân sách).

(3) Về thực hiện CCTL: (i) Theo quy định tại các phụ lục giao dự toán thu chi NSNN năm 2020 của các địa phương tại Quyết định số 1704/QĐ-TTg ngày 29/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ, số bổ sung thực hiện cải cách tiền lương được xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định tiền lương, tuy nhiên đến ngày 28/02/2022 Bộ Tài chính chưa có kết quả thẩm định đối với các địa phương[262] (các địa phương đã rút hết dự toán); (ii) Kết quả kiểm toán tại các địa phương cho thấy, 09/45 địa phương báo cáo chưa đầy đủ nguồn CCTL được để lại từ nguồn thu học phí, viện phí, thu sự nghiệp khác và nguồn năm trước chuyển sang hoặc xác định vượt nhu cầu CCTL số tiền 608,8 tỷ đồng. Trong đó KTNN đã kiến nghị Bộ Tài chính giảm dự toán năm sau hoặc nộp trả NSTW 416,5 tỷ đồng[263]; một số đơn vị tại 38/45 địa phương chưa trích lập đủ nguồn CCTL theo quy định 2.341 tỷ đồng[264].

*2.2.3. Chi chuyển nguồn*

Tổng chi chuyển nguồn theo Báo cáo quyết toán NSNN năm 2020 là 643.406 tỷ đồng (trong đó: NSTW 157.681 tỷ đồng; NSĐP 485.725 tỷ đồng), chi chuyển nguồn có xu hướng tăng cao, tăng 8,6% so với năm 2019, trong đó NSTW giảm 13,4% nhưng NSĐP tăng 18,3%. Qua kiểm toán cho thấy, KBNN chưa kịp thời hủy dự toán theo thời gian quy định tại Điều 26 Thông tư số 342/2016/TT-BTC: Số dự toán còn lại trên hệ thống của KBNN chưa được xử lý tại ngày 28/02/2022 là 263,357 tỷ đồng (NSTW: Chi thường xuyên 29,209 tỷ đồng; chi đầu tư: 234,148 tỷ đồng).

Ngoài ra, (i) một số bộ, cơ quan trung ương còn chuyển nguồn kinh phí không còn nhiệm vụ chi qua nhiều năm nên KTNN kiến nghị giảm dự toán, thu hồi nộp NSNN[265]; (ii) 26/45 địa phương chi chuyển nguồn cao hơn năm trước, chuyển nguồn kinh phí không phù hợp quy định 2.885 tỷ đồng[266].

---

[262] Nghệ An 1.137,888 tỷ đồng; Hà Tĩnh 778,765 tỷ đồng; Quảng Trị 356,501 tỷ đồng; Bình Phước 68,204 tỷ đồng.

[263] Tỉnh Quảng Bình 166,7 tỷ đồng; Lào Cai 87 tỷ đồng; Đắk Nông 57,2 tỷ đồng; Phú Thọ 40,6 tỷ đồng; Kon Tum 34,1 tỷ đồng; Điện Biên 30,9 tỷ đồng.

[264] Tỉnh Đồng Tháp 510 tỷ đồng; Gia Lai 338,4 tỷ đồng; Đắk Lắk 210 tỷ đồng; Bình Định 182,2 tỷ đồng; Kiên Giang 155,4 tỷ đồng; Đắk Nông 145,7 tỷ đồng; Quảng Nam 143,7 tỷ đồng; Hà Nam 129,6 tỷ đồng; Ninh Bình 112,9 tỷ đồng; Thanh Hóa 38,7 tỷ đồng; Hậu Giang 25,5 tỷ đồng; Thừa Thiên Huế 24 tỷ đồng;...

[265] (i) Văn phòng QH: 310,1 tỷ đồng; (ii) Văn phòng CTN: 33,8 tỷ đồng; (iii) Bộ KH&CN: 60,46 tỷ đồng (60,45 tỷ đồng nguồn phí được để lại qua nhiều năm không có phương án sử dụng; 0,012 tỷ đồng kinh phí viện trợ còn dư hết nhiệm vụ chi); (iv) Bộ Công Thương: 0,073 tỷ đồng.

[266] Tỉnh Quảng Nam 1.683,6 tỷ đồng; Quảng Ngãi 365,9 tỷ đồng; Lào Cai 166,2 tỷ đồng; Lai Châu 143,9 tỷ đồng; Yên Bái 97,6 tỷ đồng; Điện Biên 96,4 tỷ đồng; Đắk Lắk 65,7 tỷ đồng; Sơn La 63,8 tỷ đồng; Phú Thọ 58,8 tỷ đồng; Ninh Bình 6,4 tỷ đồng;…

*2.2.4. Chi bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho các địa phương*

Tổng số chi bổ sung từ NSTW cho các địa phương thực hiện năm 2020 là 381.225 tỷ đồng, trong đó: Bổ sung cân đối 219.377 tỷ đồng, bổ sung có mục tiêu là 161.848 tỷ đồng.

- Một số địa phương có kết dư ngân sách nhưng vẫn được bổ sung có mục tiêu để bù mặt bằng chi 1.453 tỷ đồng[267] là chưa phù hợp.

- NSTW cấp bổ sung mục tiêu từ dự toán năm 2020 (ngoài dự toán đầu năm) cho nhiệm vụ năm 2019 (thực hiện phòng, chống bệnh dịch tả lợn châu Phi và hỗ trợ cơ sở chăn nuôi có lợn bị tiêu hủy năm 2019) của tỉnh Quảng Ninh vượt 4,179 tỷ đồng[268].

- Tại các văn bản kết quả thẩm định nguồn cải cách tiền lương và thực hiện chính sách an sinh xã hội năm 2020, Bộ Tài chính xác định số phải hoàn trả NSTW của các địa phương là 13.966,7 tỷ đồng, đã thực hiện được 13.856,98 tỷ đồng, còn 109,72 tỷ đồng[269] chưa thực hiện. Ngoài ra, đến ngày 28/02/2022, Bộ Tài chính vẫn chưa có văn bản thẩm định đối với một số địa phương[270] để làm cơ sở xử lý kinh phí thừa/thiếu.

- Đến hết năm 2020, số kinh phí NSTW bổ sung có mục tiêu và các CTMTQG tại 42/45 địa phương còn tồn chưa hoàn trả NSTW theo quy định 3.266 tỷ đồng[271].

*2.2.5. Chương trình mục tiêu quốc gia*

Năm 2020, tiếp tục thực hiện 02 Chương trình MTQG (Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững và Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới); dự toán 35.555 tỷ đồng, quyết toán 34.357 tỷ đồng, bằng 96,6% dự toán.

---

[267] Tỉnh Hà Giang: 61,29 tỷ đồng; Tuyên Quang: 2,76 tỷ đồng; Bắc Kạn: 2,53 tỷ đồng; Phú Thọ: 37,36 tỷ đồng; Sơn La: 39,266 tỷ đồng; Điện Biên: 38,37 tỷ đồng; Vĩnh Phúc: 391,60 tỷ đồng; Thái Bình: 5,75 tỷ đồng; Hà Tĩnh: 71,66 tỷ đồng; Thừa Thiên Huế: 49,89 tỷ đồng; Phú Yên: 123,15 tỷ đồng; Ninh Thuận: 101,03 tỷ đồng; Bình Thuận: 49,43 tỷ đồng; Vĩnh Long: 116,20 tỷ đồng; Cần Thơ: 78,86 tỷ đồng; Hậu Giang: 90,26 tỷ đồng; Sóc Trăng: 38,47 tỷ đồng; An Giang: 27,08 tỷ đồng; Bạc Liêu: 39,81 tỷ đồng; Cà Mau: 88,37 tỷ đồng.

[268] Theo BCKT NSĐP năm 2020 của tỉnh Quảng Ninh: Kinh phí hỗ trợ người tham gia phòng chống dịch vượt 1,281 tỷ đồng; kinh phí mua sắm vật tư, hoá chất, vận chuyển, tuyên truyền vượt 2,898 tỷ đồng so với quy định điểm b, khoản 5 Điều 1 Quyết định số 793/QĐ-TTg ngày 27/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

[269] Số liệu cập nhật đến 31/3/2022: Tỉnh Kon Tum 1,28 tỷ đồng; Thanh Hoá 108,44 tỷ đồng (hạn 31/3/2022 theo Văn bản số 202/BTC-NSNN ngày 8/3/2022 nên KBNN chưa thực hiện trích tồn quỹ ngân sách cấp tỉnh của địa phương để hoàn trả NSTW).

[270] Lào Cai; Quảng Ninh; Ninh Bình; Nghệ An; Hà Tĩnh; Quảng Trị; TP Hồ Chí Minh; Bà Rịa - Vũng Tàu; Long An; Tiền Giang; Hải Phòng…

[271] TP. HCM 112 tỷ đồng; tỉnh Nam Định 241 tỷ đồng; Quảng Bình 498 tỷ đồng; An Giang 281 tỷ đồng; Quảng Trị 167 tỷ đồng; Lào Cai 140 tỷ đồng; Bình Phước 128 tỷ đồng; Thừa Thiên Huế 113,8 tỷ đồng; Nghệ An 114,7 tỷ đồng; Yên Bái 104 tỷ đồng; Kiên Giang 102 tỷ đồng; Lai Châu 90 tỷ đồng; Bình Định 90 tỷ đồng; Thanh Hóa 89 tỷ đồng; Đắk Nông 87 tỷ đồng; Bạc Liêu 87 tỷ đồng; Đồng Tháp 72 tỷ đồng; Điện Biên 69 tỷ đồng; Sơn La 58,1 tỷ đồng; ...

*2.2.6. Thu, chi viện trợ*

- Một số khoản kinh phí viện trợ đã được các bộ, cơ quan trung ương thực nhận trong năm 2020 song chưa được trình bổ sung dự toán chi kịp thời 1.274,248 tỷ đồng[272] (trong đó, theo báo cáo của Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại - Bộ Tài chính, 1.162,812 tỷ đồng đã được tổng hợp trong số kinh phí viện trợ 4.217,777 tỷ đồng (số lũy kế đến 31/12/2021) Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội bổ sung dự toán thu chi NSTW năm 2021 tại Tờ trình số 49/TTr-CP ngày 15/02/2022; Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã có kết luận[273] đề nghị Chính phủ hoàn chỉnh hồ sơ để trình Quốc hội xem xét, quyết định bổ sung dự toán thu, chi, phân bổ chi tiết cho bộ, ngành, địa phương chậm nhất tại kỳ họp thứ tư, Quốc hội khóa XV).

Ngoài ra, liên quan đến vấn đề này của niên độ ngân sách năm 2019, KTNN đã có kiến nghị trong Báo cáo kiểm toán quyết toán NSNN năm 2019 tại Bộ Tài chính, Bộ KH&ĐT[274], đến thời điểm lập BCQT NSNN năm 2020 (28/02/2022), Chính phủ đã thực hiện rà soát và trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội bổ sung 1.431,39 tỷ đồng dự toán năm 2020 tại Tờ trình số 50/TTr-CP ngày 15/02/2022. Kết quả kiểm toán cho thấy trong tổng số 1.431,39 tỷ đồng có 599,28 tỷ đồng[275] đã được Bộ Tài chính thẩm tra quyết toán và đưa vào quyết toán niên độ ngân sách 2020[276].

- Một số khoản xác nhận viện trợ năm 2019 nhưng đến năm 2020 mới thực hiện ghi thu - ghi chi chưa đúng quy định tại Điều 10 Thông tư số 225/2010/TT-BTC, ảnh hưởng đến công tác hạch toán, quyết toán, quản lý nguồn vốn viện trợ của NSNN[277].

---

[272] Số liệu xác định theo Tờ trình số 49/TTr-CP ngày 15/02/2022 của Chính phủ là 1.162,812 tỷ đồng: Bộ NN&PTNT 86,043 tỷ đồng, Bộ Y tế 780,052 tỷ đồng, Bộ LĐ-TB&XH 259,825 tỷ đồng, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam 36,892 tỷ đồng; số liệu được tổng hợp từ các Thông báo thẩm định số liệu quyết toán của Bộ Tài chính đối với các đơn vị dự toán cấp I tính đến hết năm 2020 của các đơn vị là 111,977 tỷ đồng: Bộ GTVT 15,608 tỷ đồng, Bộ KH&CN 12,343 tỷ đồng, Bộ Ngoại giao 1,823 tỷ đồng, Bộ XD 0,783 tỷ đồng, Hội Chữ thập đỏ 1,074 tỷ đồng, Trung ương Hội LHPNVN 23,403 tỷ đồng, Viện Hàn lâm KH&CNVN 2,614 tỷ đồng, Bộ Công an 9,303 tỷ đồng, ĐHQG Hà Nội 26,383 tỷ đồng, Hội Cựu chiến binh Việt Nam 2,879 tỷ đồng, Trung ương Đoàn TNCS HCM 2,318 tỷ đồng, Hội Nông dân Việt Nam 6,714 tỷ đồng, Bộ Nội vụ 6,198 tỷ đồng, Bộ Giáo dục và Đào tạo 0,534 tỷ đồng.

[273] Thông báo số 787/TB-TTKQH ngày 18/3/2022 của Tổng Thư ký Quốc hội.

[274] "Bộ Tài chính kiểm tra, rà soát báo cáo Chính phủ trình Uỷ ban Thường vụ Quốc hội xem xét bổ sung dự toán chi năm 2019 đối với nguồn viện trợ không hoàn lại đã thực nhận năm 2019 nhưng chưa có dự toán 1.626,39 tỷ đồng để quyết toán chi chuyển nguồn sang năm 2020 và quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí theo đúng quy định".

[275] Bộ Y tế: 519,87 tỷ đồng; Bộ LĐ-TB&XH: 65,39 tỷ đồng; Bộ VH,TT&DL: 14,02 tỷ đồng.

[276] Theo BCQT NSNN năm 2020 kèm theo Công văn số 3013/BTC-KBNN ngày 01/4/2022 của Bộ Tài chính.

[277] Giấy xác nhận viện trợ số 617/05 ngày 28/11/2019 của Viện khoa học Nông nghiệp, số tiền: 4,86 tỷ đồng đến 21/01/2021 mới thực hiện ghi thu, ghi chi; Giấy xác nhận viện trợ số 300/02 ngày 2/8/2019 và 302/02 ngày 2/8/2019 đến ngày 28/9/2020 mới thực hiện ghi thu - ghi chi;…

- Thông tư số 225/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý tài chính nhà nước đối với viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu NSNN, được ban hành căn cứ trên một số văn bản (Nghị định) nhưng đến nay đã hết hiệu lực[278] (khi Luật NSNN năm 2015 được ban hành) song chậm được huỷ bỏ, thay thế[279].

*2.2.7. Việc sử dụng nguồn dự phòng ngân sách trung ương*

Quốc hội quyết nghị 17,5 nghìn tỷ đồng; đã sử dụng đến 31/12/2020 theo quy định 17,49 nghìn tỷ đồng (tính cả số đã hỗ trợ NSĐP). Qua rà soát việc sử dụng dự phòng NSTW cho chi đầu tư niên độ 2020 cho thấy:

- Công tác lập nhu cầu sử dụng dự phòng NSTW năm 2020: Nhiều địa phương đề xuất nhu cầu lớn được tổng hợp tại các Tờ trình số 1414/BTC-NSNN ngày 16/12/2020 và số 1462/BTC-NSNN ngày 24/12/2020, có nhiều dự án không phù hợp với đối tượng sử dụng nguồn dự phòng NSTW theo quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công.

- Công tác giao dự toán chi đầu tư phát triển từ nguồn dự phòng NSTW và tình hình phân bổ, giải ngân KHV chi đầu tư phát triển từ nguồn dự phòng NSTW năm 2020: (i) Bộ Tài chính tham mưu Thủ tướng Chính phủ bổ sung kinh phí hỗ trợ 48 địa phương 6.520 tỷ đồng từ nguồn dự phòng NSTW năm 2020 tại Quyết định số 118/QĐ-TTg ngày 27/12/2020 là chưa hoàn toàn phù hợp về thẩm quyền cơ quan chủ trì quy định tại điểm a khoản 3 Điều 7 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP[280]; đồng thời mức hỗ trợ mang tính bình quân, không có danh mục dự án dẫn đến các địa phương phân bổ vốn cho một số dự án chưa đảm bảo quy định[281]. (ii) Việc giao bổ sung dự toán từ nguồn dự phòng NSTW tại thời điểm ngày

---

[278] Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 6/6/2003 của Chính phủ ban hành Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước; Nghị định số 131/2006/NĐ-CP ngày 9/11/2006 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA); Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài.

[279] Ngày 06/4/2022, Bộ Tài chính mới ban hành Thông tư số 23/2022/TT-BTC thay thế.

[280] Đối với các khoản chi trên 3 tỷ đồng đối với mỗi nhiệm vụ phát sinh, Bộ KH&ĐT chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan trình Thủ tướng Chính phủ quyết định các khoản chi đầu tư phát triển và các khoản chi thuộc chức năng quản lý của Bộ KH&ĐT. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trình Thủ tướng Chính phủ quyết định các khoản chi còn lại.

[281] Một số địa phương phân bổ vốn dự phòng NSTW năm 2020 cho các dự án có quyết định đầu tư từ những năm trước (*Tỉnh Tuyên Quang phân bổ vốn cho 01 dự án có quyết định đầu tư từ năm 2010; Tỉnh Bạc Liêu phân bổ vốn cho 02 dự án có quyết định đầu tư từ năm 2018*); một số địa phương phân bổ vốn cho các dự án chưa phù hợp về cơ cấu nguồn vốn trong quyết định đầu tư cần phải kiểm tra, rà soát, điều chỉnh phù hợp.

30/12/2020 còn vượt nguồn 128,2 tỷ đồng[282] so với dự toán đã được Quốc hội thông qua (ngày 09/3/2021, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 19/QĐ-TTg điều chỉnh lại để không vượt dự toán được Quốc hội thông qua). (iii) Do quyết định giao dự toán của Thủ tướng Chính phủ vào thời điểm cuối tháng 12/2020 nên đa số các địa phương phân bổ KHV và triển khai trong Quý I năm 2021, tuy nhiên còn có trường hợp[283] đến ngày 22/12/2021 mới giao KHV và vẫn chưa triển khai, không đảm bảo hiệu quả đầu tư. (iv) Qua rà soát tình hình thực hiện nguồn dự phòng NSTW năm 2020 tại 29/48 địa phương (*số liệu giải ngân do đơn vị cung cấp*) cho thấy: Đến thời điểm 31/12/2021 nhiều địa phương không giải ngân hết số vốn dự phòng NSTW được giao[284] với số vốn dư 608,966 tỷ đồng/29 địa phương đã hết thời hạn giải ngân quy định.

- Ngoài ra, hầu hết các địa phương chưa báo cáo Bộ KH&ĐT, Bộ Tài chính, Bộ NN&PTNT và các bộ, cơ quan liên quan để tổng hợp, theo dõi và báo cáo các cấp có thẩm quyền theo chế độ quy định tại điểm c Điều 2 Quyết định số 118/QĐ-TTg; Bộ Tài chính chưa tổ chức kiểm tra tình hình thực hiện, báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại Điều 3 Quyết định số 118/QĐ-TTg.

*2.2.8. Về nguồn tiết kiệm chi và dự toán NSNN chưa sử dụng năm 2020 của NSTW*

Kinh phí tiết kiệm 70% kinh phí hội nghị, công tác phí và 10% kinh phí thường xuyên khác (theo Nghị quyết số 84/NQ-CP) của các bộ, cơ quan trung ương năm 2020 đã được Chính phủ báo cáo Quốc hội và trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết nghị phương án sử dụng là 1.505 tỷ đồng để mua vắc xin phòng dịch Covid-19[285]. Thực tế qua kiểm toán đối chiếu số liệu tại các Thông báo xét duyệt quyết toán các bộ, cơ quan trung ương của Bộ Tài chính cho thấy về tổng thể số liệu đã thực hiện cắt giảm và hủy dự toán cao hơn so với số liệu đã báo cáo Quốc

---

[282] Theo báo cáo của Bộ Tài chính tại Văn bản số 151/BTC-ĐT ngày 08/02/2021 về việc sử dụng dự phòng NSTW để chi thực hiện các quyết định của Thủ tướng Chính phủ bổ sung có mục tiêu cho NSĐP đến 31/12/2020 đã chi từ nguồn dự phòng NSTW 17.207,4 tỷ đồng, số còn lại chưa phân bổ 292,6 tỷ đồng; việc giao dự toán 420,8 tỷ đồng từ nguồn dự phòng tại Quyết định số 119/QĐ-TTg ngày 30/12/2020 (số tiền 380,8 tỷ đồng) và Quyết định số 2255/QĐ-TTg ngày 30/12/2020 (số tiền 40 tỷ đồng) vượt 128,2 tỷ đồng so với nguồn còn lại chưa phân bổ (420,8 tỷ đồng - 292,6 tỷ đồng).

[283] Tỉnh Quảng Trị giao KHV tại Quyết định số 4325/QĐ-UBND ngày 22/12/2021 cho Dự án Đường nối từ đường Hồ Chí Minh nhánh Đông với đường Hồ Chí Minh nhánh Tây, tỉnh Quảng Trị. Nguyên nhân chủ yếu do dự án thay đổi quy mô, phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho ý kiến về chủ trương và điều chỉnh quyết định đầu tư nên chưa triển khai.

[284] Tỉnh Lào Cai giải ngân 298,245/310 tỷ đồng; Lai Châu 229,217/310 tỷ đồng; Đắk Lắk 82,918/100 tỷ đồng; Gia Lai 156,391/160 tỷ đồng, Hậu Giang 141,564/150 tỷ đồng, Đồng Tháp 138,857/150 tỷ đồng, Quảng Trị 82,128/250 tỷ đồng; Quảng Nam 162,556/200 tỷ đồng; Bạc Liêu 110/150 tỷ đồng;...

[285] Tờ trình số 104/TTr-CP ngày 02/4/2021 của Chính phủ và Nghị quyết số 1271/NQ-UBTVQH14 ngày 18/5/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sử dụng nguồn tiết kiệm chi và kinh phí còn lại của NSTW.

hội (1.907/1.505 tỷ đồng), song vẫn còn một số đơn vị số tiết kiệm theo quyết toán thấp hơn so với số đã báo cáo Quốc hội[286].

***2.3. Tạm ứng và ứng trước dự toán***

- Về tạm ứng NSNN: (i) Số dư tạm ứng chi thường xuyên đầu năm 2020 (tại KBNN) là 613,127 tỷ đồng, phát sinh tăng 196.356,912 tỷ đồng, phát sinh giảm 171.113,484 tỷ đồng, dư cuối kỳ 25.856,556 tỷ đồng nhưng chưa được các đơn vị dự toán thực hiện hoàn trả theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Thông tư số 342/2016/TT-BTC; (ii) Số dư tạm ứng chi đầu tư theo chế độ chưa thu hồi thuộc KHV năm 2020 chiếm tỷ lệ 22,2% (18.973,17/85.432,404 tỷ đồng). Trong đó có một số đơn vị có số dư tạm ứng chưa thu hồi lớn (Bộ GTVT 10.626,851 tỷ đồng, Bộ NN&PTNT 2.134,717 tỷ đồng, Bộ Công an 1.064,854 tỷ đồng).

- Về ứng trước dự toán NSTW: Năm 2020 không phát sinh ứng trước dự toán NSTW chi thường xuyên, không có ứng trước chi thường xuyên từ những năm trước chưa xử lý. Đối với chi đầu tư: Niên độ ngân sách năm 2020, không có bộ, cơ quan trung ương và địa phương phát sinh ứng trước. Năm 2020 đã bố trí KHV để thu hồi ứng trước 16.430 tỷ đồng (*bộ, cơ quan trung ương 10.443,583 tỷ đồng; địa phương 5.986,417 tỷ đồng*). Theo Báo cáo số 243/BC-CP ngày 16/7/2021 của Chính phủ, dư ứng trước đến hết kế hoạch năm 2020 chưa bố trí KHV để thu hồi thực tế là 48.100[287] tỷ đồng, tuy nhiên qua kiểm toán đối chiếu số liệu Bộ Tài chính cung cấp số dư ứng trước đến hết kế hoạch năm 2020 chưa bố trí KHV để thu hồi 47.078,565 tỷ đồng (*bộ, cơ quan trung ương 22.503,899 tỷ đồng; địa phương 24.574,666 tỷ đồng*), hết năm 2020 một số bộ, cơ quan trung ương, địa phương còn số vốn ứng trước chưa thu hồi lớn[288]. Kết quả kiểm toán cho thấy: (i) KHV năm 2020 đã quan tâm bố trí để thu hồi vốn ứng trước, tuy nhiên vẫn còn có bộ, địa phương không bố trí vốn thu hồi[289] hoặc bố trí thu hồi tỷ lệ thấp[290] trong khi số dư ứng còn lớn. (ii) Qua rà soát số dư ứng trước đến hết kế hoạch năm 2020 chưa bố trí KHV để thu hồi

---

[286] Theo báo cáo của Bộ Tài chính do Thông báo quyết toán của Bộ Tài chính không tổng hợp vào số tiết kiệm theo Nghị quyết số 84/NQ-CP mà tổng hợp vào chỉ tiêu "Kinh phí giảm (dự toán bị hủy)".

[287] Tổng số vốn NSTW ứng trước từ kế hoạch hằng năm đến hết năm 2015 chưa thu hồi là 89.700 tỷ đồng; tổng số vốn bố trí thực tế trong kế hoạch hằng năm để thu hồi vốn ứng trước đến hết năm 2020 là 41.600 tỷ đồng; như vậy, số dư ứng trước đến hết kế hoạch năm 2020 chưa bố trí KHV để thu hồi thực tế là 48.100 tỷ đồng.

[288] Bộ Giao thông vận tải 11.256,926 tỷ đồng; Bộ Quốc phòng 6.042,946 tỷ đồng; Ngân hàng Phát triển Việt Nam 4.100 tỷ đồng; Bộ Công an 426,193 tỷ đồng; Thành phố Hà Nội 720,780 tỷ đồng, Hải Phòng 968,830 tỷ đồng; tỉnh Ninh Bình 1.354,323 tỷ đồng, Hà Tĩnh 5.683,8 tỷ đồng, Phú Thọ 1.067,451 tỷ đồng, Bình Thuận 1.951,372 tỷ đồng, Lâm Đồng 1.673,697 tỷ đồng, Kon Tum 571,438 tỷ đồng, Bến Tre 529,257 tỷ đồng,..

[289] Ngân hàng Phát triển Việt Nam không bố trí vốn thu hồi ứng trong khi số dư ứng 4.100 tỷ đồng.

[290] Ban QL Khu công nghệ cao Hoà Lạc bố trí thu hồi 33,419/206,614 tỷ đồng, đạt 16,17%; tỉnh Hà Giang bố trí 47,024/266,712 tỷ đồng, đạt 17,63%, trong khi số dư ứng còn 760,945 tỷ đồng; Phú Thọ bố trí 17,85 tỷ đồng, đạt 10,22%, trong khi số dư ứng còn 1.067,451 tỷ đồng; Bắc Giang bố trí 29,525/159,046 tỷ đồng, đạt 18,56%, trong khi số dư ứng còn 487,935 tỷ đồng; Quảng Trị bố trí 31.757/194,077 tỷ đồng, đạt 16,36%, trong khi số dư ứng còn 356,028 tỷ đồng.

theo kết quả của KTNN tại một số địa phương[291] niên độ 2020 còn chênh lệch so với số liệu do Bộ Tài chính cung cấp, cần được rà soát, cập nhật cho chính xác.

Ngoài ra, qua kiểm toán một số địa phương cho thấy: (i) 26/45 địa phương còn tình trạng cho tạm ứng kéo dài quá thời hạn chưa thu hồi đến 31/12/2020 số tiền 3.083 tỷ đồng[292], (ii) 06/45 địa phương ứng trước dự toán NSTW nhưng chưa được TW bố trí để thu hồi 3.316,3 tỷ đồng[293]; 12/45 địa phương tạm ứng từ NSTW đến 31/12/2020 chưa thu hồi 2.939 tỷ đồng[294].

***2.4. Về mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản***

- Quản lý, sử dụng tài sản là nhà, đất: Tại một số địa phương còn tình trạng một số đơn vị sự nghiệp cho thuê tài sản nhưng chưa xây dựng đề án sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê, báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền quyết định[295].

Một số bộ, cơ quan trung ương chưa xử lý dứt điểm tình trạng bị lấn chiếm về nhà, đất kéo dài qua các năm[296]; chưa hoàn thành việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất

---

[291] Số liệu tại các BCKT NSĐP năm 2020 đã đối chiếu cụ thể với địa phương như tỉnh Lào Cai: Số KTNN 845,534 tỷ đồng, số Vụ Đầu tư 767,982 tỷ đồng; Phú Thọ: Số KTNN 1.328,419 tỷ đồng, số Vụ Đầu tư 1.067,451 tỷ đồng; Lâm Đồng: Số KTNN 908,585 tỷ đồng, số Vụ Đầu tư 1.673,697 tỷ đồng; Bình Định: Số KTNN 64,124 tỷ đồng, số Vụ Đầu tư 516,233 tỷ đồng.

[292] Tỉnh Thái Nguyên 500 tỷ đồng; An Giang 397,4 tỷ đồng; Bạc Liêu 388,4 tỷ đồng; Lâm Đồng 363,9 tỷ đồng; Kiên Giang 279,6 tỷ đồng; Đắk Lắk 278,5 tỷ đồng; Quảng Nam 207,6 tỷ đồng; Lào Cai 126,3 tỷ đồng; Bình Thuận 65 tỷ đồng; …

[293] Tỉnh Phú Thọ 1.274 tỷ đồng; Bình Định 1.013 tỷ đồng; Lào Cai 771,8 tỷ đồng; Yên Bái 107,7 tỷ đồng; Thái Nguyên 100,5 tỷ đồng; Quảng Bình 49,3 tỷ đồng.

[294] Tỉnh Bình Thuận 1.973,7 tỷ đồng; Đắk Lắk 369,7 tỷ đồng; Đồng Tháp 164 tỷ đồng; Bình Định 135,8 tỷ đồng; Yên Bái 86 tỷ đồng; Quảng Nam 80 tỷ đồng; …

[295] Tỉnh Bạc Liêu; Kiên Giang; Bà Rịa - Vũng Tàu; Vĩnh Long; Quảng Nam.

[296] (i) ĐHQG TPHCM: còn 426/782 hộ dân chưa đồng ý bàn giao mặt bằng cho trường; tổng diện tích hiện đang bị lấn chiếm, xây dựng trái phép là 312.601m$^2$; (ii) Văn phòng QH: Chưa quản lý, theo dõi, báo cáo đầy đủ, kịp thời với cơ quan có thẩm quyền theo quy định đối với khu nhà ở công vụ tại 217 Đê La Thành để có biện pháp xử lý đối với 02 căn hộ để trống và 03 hộ gia đình chưa trả lại nhà ở công vụ (NKQH tại Hà Nội); (iii) VKSNDTC: Vị trí đất tại VKSND thành phố Vũng Tàu còn khiếu nại, tranh chấp với dân, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do đó chưa thực hiện sắp xếp, xử lý nhà đất; (iv) Bộ KH&CN: Một số diện tích đất còn tình trạng đất bị chiếm dụng, tranh chấp thuộc quản lý của Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam, Viện Ứng dụng công nghệ; (v) ĐHQGHN: Chưa có phương án xử lý dứt điểm như chưa xác định rõ ranh giới, còn các hộ lấn chiếm, cho mượn, tranh chấp chưa được giải quyết: Khu đất số 114 Xuân thủy, Cầu Giấy, Hà Nội vẫn trong tình trạng chưa xác nhận rõ ranh giới giữa ĐHQGHN và Trường ĐH Sư phạm Hà Nội do Quyết định giao đất ban đầu không chỉ rõ ranh giới theo bản đồ; Tại số 182 Lương Thế Vinh đến nay còn 03 hộ đang sử dụng 135m$^2$ đất làm nhà ở; nguyên nhân theo báo cáo khu đất này cho 06 hộ mượn để làm nhà ở từ lâu, đến nay đã thu hồi được 03 hộ; (vi) tại nhà 14B trong khu Ký túc xá sinh viên Trường ĐH Ngoại ngữ: còn 34 phòng ở của hộ dân (viên chức, giảng viên) với diện tích khoảng 1.095m$^2$ do theo báo cáo trước đây bố trí cho cán bộ thuộc ĐHQGHN mượn ở đến nay chưa di dời được; Tại Cơ sở nhà đất số 19 Lê Thánh Tông, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội còn 9m$^2$ đất do đang có tranh chấp chưa được giải quyết; Diện tích đất tại Hòa Lạc của dự án đầu tư xây dựng ĐHQGHN đang được triển khai giải phóng mặt bằng và một phần xây dựng nhưng còn một số vướng mắc; (vii) Đài TNVN: tại 02 cơ sở nhà đất tại Đài Phát sóng An Nhơn, Đài phát sóng khu vực Tây Nguyên thuộc Trung tâm Kỹ thuật phát thanh truyền hình còn tình trạng một số hộ dân đang sinh sống trong diện tích đất của Đài; 02 gian nhà đất tại cơ sở nhà A10, 128C Đại La (Ông An, Ông Khánh) hiện do Văn phòng Đài TNVN quản lý đang bị chiếm dụng.

thuộc sở hữu Nhà nước[297], chưa hoàn thành việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất[298]; chưa thực hiện xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị tài sản, phản ánh trên sổ kế toán theo quy định[299]; thực hiện liên doanh, liên kết, cho thuê, mượn đất không đúng quy định[300]; chưa ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản

---

[297] (i) Bộ KH&ĐT: Chưa lập phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất tổng thể để trình Thủ tướng Chính phủ và Bộ Tài chính phê duyệt theo thẩm quyền quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP; (ii) Văn phòng QH: Chưa ban hành quyết định giữ lại, tiếp tục sử dụng đối với 09 cơ sở nhà, đất đã được phê duyệt phương án theo đề nghị của Bộ Tài chính tại Công văn số 16352/BTC-QLCS ngày 30/11/2010; chưa được phê duyệt phương án sắp xếp theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP đối với 03 cơ sở nhà, đất đơn vị đã báo cáo Bộ Tài chính; (iii) VKSNDTC: Đang quản lý 47 cơ sở nhà đất dôi dư chưa hoàn thành việc lập phương án sắp xếp, xử lý nhà đất theo quy định; VKSND tối cao và UBND thành phố Hải Phòng chưa có phương án thống nhất về việc sắp xếp, xử lý nhà đất đối với 02 cơ sở nhà đất cũ của VKSND huyện Kiến Thụy và VKSND quận Lê Chân thành phố Hải Phòng; (iv) Bộ Tài chính: Chưa có phương án sắp xếp đối với 305 cơ sở nhà, đất không còn nhu cầu sử dụng do việc sáp nhập các Chi cục thuế; (v) Bộ KH&CN: nhiều cơ sở nhà đất đến nay vẫn chưa hoàn thành phương án xử lý (TP. Hà Nội: 59 Lý Thường Kiệt; 179 Hoàng Quốc Việt; 210 Đội Cấn...); (vi) Thông tấn xã Việt Nam: Đến thời điểm hiện tại việc sắp xếp các cơ sở nhà đất TTXVN chưa thực hiện công tác rà soát sắp xếp cơ sở nhà, đất theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP; (vii) ĐHQGHN: Chưa được Bộ Tài chính kiểm tra hiện trạng nhà đất theo quy định tại Điều 5 Nghị định 167/2017/NĐ-CP; (viii) Đài TNVN: 13/37 đơn vị chưa thực hiện việc rà soát, sắp xếp, xử lý nhà đất và sử dụng tài sản đất theo quy định; (ix) Kho bạc nhà nước: chưa báo cáo Bộ Tài chính việc UBND quận Hoàn Kiếm chậm thu hồi đất tại cơ sở 36A Trần Hưng Đạo để xây dựng trường tiểu học công lập Võ Thị Sáu (Văn phòng KBNN); KBNN Bù Đăng Bình Phước chưa được phê duyệt phương án sắp xếp lại; Phương án chuyển mục đích sử dụng KBNN Ngô Quyền Hải Phòng chưa được KBTW phê duyệt do diện tích kho lớn hơn định mức tối đa Bộ Tài chính quy định là 309m$^2$; Bộ Tài chính chưa phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đối với các cơ sở nhà, đất; chưa ban hành Quyết định điều chuyển tài sản trong nội bộ đối với 02 cơ sở (KBNN Hoàn Kiếm cho Thời báo Tài chính và Trụ sở KBNN Long Biên cho Trường ĐH Tài chính - QTKD).

[298] (i) Bộ KH&ĐT: Một số cơ sở nhà đất chưa được cấp GCNQSDĐ theo quy định tại Điều 95 Luật Đất đai; (ii) Văn phòng QH: Chưa làm thủ tục đề nghị cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của 07 cơ sở đất theo quy định tại Điều 95 Luật Đất đai; (iii) VKSNDTC: 237 vị trí chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 403.947,35 m$^2$; (iv) Bộ Tài chính: Học viện Tài chính chưa làm thủ tục đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với cơ sở đất tại phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội với diện tích 89.340 m$^2$ và xác định giá trị quyền sử dụng đất để hạch toán tài sản theo quy định tại Khoản 1 điều 100 Nghị định 151/2017/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công; (v) Kho bạc nhà nước: Có 84 cơ sở đất chưa được cấp GCNQSDĐ quy định tại Điều 95 Luật đất đai; (vi) Bộ KH&CN: Cơ sở đất tại 113 Trần Duy Hưng, TP Hà Nội chưa được cấp Giấy chứng nhận; Khu đất tại 210 Đội Cấn, TP Hà Nội để trống không sử dụng...; Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Viện ứng dụng công nghệ chưa thực hiện thủ tục để cấp GCNQSDĐ.

[299] Bộ KH&ĐT; Văn phòng QH; Văn phòng CTN; Bộ KH&CN.

[300] (i) ĐHQG TPHCM: Tiệm photocopy Thanh Thanh Lịch có sử dụng diện tích 93m$^2$ hoạt động nhiều năm không trả phí, đã nhiều lần yêu cầu trả mặt bằng nhưng chưa xử lý được; Văn phòng ĐHQG-HCM giao căng tin nhà điều hành cho Công đoàn quản lý, vận hành, khai thác chưa đúng chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền; Trung tâm Xúc tiến thương mại hợp tác sử dụng sân thể thao, dịch vụ ăn uống từ ngày 15/12/2014 đến nay nhưng chưa lập đề án để trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; tại Khu Công nghệ Phần mềm, việc xây dựng công trình Khu thể dục thể thao và công viên cảnh quan sinh thái chưa tuân thủ theo các quyết định phê duyệt cấp thẩm quyền (ĐHQG-HCM đã có Công văn số 98/ĐHQG-KHTC 22/01/2016 ĐHQG-HCM gửi Khu công nghệ phần mềm về việc xử lý sai phạm xây dựng công trình trong khu đô thị ĐHQG-HCM); (ii) Văn phòng QH: Chưa xây dựng đề án cho thuê tài sản trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định (NKQH tại Hà Nội, NKQH tại Đà Nẵng); đơn giá cho thuê nhà ở công vụ số 2 Hoàng Cầu chưa xây dựng đúng quy định hiện hành; chưa có đơn giá cho thuê và chưa thu tiền đối với Khu nhà ở công vụ tại tổ dân phố số 43 - dãy B - ngõ 217 Đê La Thành; (iii) Thông tấn xã Việt Nam: chưa niêm yết giá cho thuê trên Trang thông tin điện tử về tài sản công của Bộ Tài chính theo quy định tại mục (b) điểm 3 Điều 46 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP; chưa theo dõi và tổng hợp việc sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích cho thuê; (iv) ĐHQGHN: Trường ĐH Y Dược, Trường ĐH KHXHNV, Văn phòng ĐHQGHN sử dụng đất được giao để liên doanh, liên kết, cho thuê nhưng chưa lập đề án trình ĐHQGHN phê duyệt theo quy định; Trường Đại học Y Dược sử dụng mặt bằng được giao 331,76 m$^2$ để hợp tác đầu tư với Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và xây lắp Hoàng Bào (Công ty Hoàng Bào) trong khi chưa được ĐHQGHN cho phép, chưa có Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; (v) Đài TNVN: cho thuê tài sản chưa tổ chức đấu giá quy định tại điều 46, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP; Trường cao đẳng phát thanh Truyền hình II chưa được phê duyệt Đề án cho thuê.

nhà nước[301]; không sử dụng hoặc sử dụng chưa hiệu quả, chưa đúng quy định[302]; tồn tại khác về quản lý tài sản[303]; chưa xây dựng phương án sử dụng cụ thể đối với vật tư

---

[301] Văn phòng CTN; Bộ KH&CN; Bộ Tài chính chưa ban hành lại định mức quản lý, sử dụng đối với tòa nhà làm việc tại số 4 ngõ 1 Hàng Chuối, Hà Nội để phù hợp quy định hiện hành về quản lý tài sản nhà nước và tình hình thực tiễn; Thông tấn xã Việt Nam chậm ban bành Quy chế quản lý và sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp.

[302] (i) Đài THVN: Một số cơ sở nhà đất (tại tỉnh Thừa Thiên Huế, Phú Yên, Quảng Trị, Khánh Hòa (Nha Trang)…) do sắp xếp tổ chức bộ máy nên nhiều diện tích đang không sử dụng hoặc sử dụng chưa hiệu quả; (ii) Bộ KH&ĐT: 06 cơ sở nhà đất do TCTK quản lý, gồm Trụ sở Cục Thống kê tỉnh Cao Bằng, Trung tâm bồi dưỡng cán bộ ngành Thống kê tỉnh Thanh Hóa, Trụ sở Cục Thống kê tỉnh Hà Tĩnh, Nhà khách Cục Thống kê tỉnh Hà Tĩnh, Trụ sở Cục Thống kê tỉnh Long An và Chi cục thống kê thị xã Thái Hòa, dôi dư đang bỏ trống không sử dụng do đã được đầu tư cơ sở mới; 03 cơ sở nhà đất, gồm Cục Thống kê tỉnh Cao Bằng, một phần diện tích tại 86 Thụy Khuê và trụ sở Chi cục Thống kê huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh sử dụng vào mục đích khác không đúng quy định (Bộ đã có Công văn số 8611/BKHĐT-VP ngày 18/11/2019 báo cáo về hiện trạng sử dụng các cơ sở nhà đất thuộc phạm vi quản lý gửi Bộ Tài chính). Đến thời điểm kiểm toán, Cục Thống kê tỉnh Cao Bằng đã đề xuất phương án xử lý nhưng chưa được Bộ Tài chính phê duyệt; cơ sở 86 Thụy Khuê đã được Bộ Tài chính yêu cầu làm rõ và xử lý theo quy định tại Văn bản số 9852/BTC-QLCS ngày 25/7/2017 nhưng đến nay vẫn chưa xử lý dứt điểm; Chi cục Thống kê thị xã Thái Hòa đã xin ý kiến của UBND tỉnh nhưng chưa trả lời đầy đủ các nội dung kiến nghị nên chưa tổng hợp báo cáo Bộ Tài chính phê duyệt; còn lại TCTK chưa đề xuất phương án xử lý; (iii) Bộ Tài chính: Giao cho một số tổ chức ngoài Bộ sử dụng không đúng quy định, cụ thể: Cơ sở tại số 192 Đường Giải Phóng, Phường Phương Liệt - Hà Nội giao cho Hội Kế toán Việt Nam sử dụng 357,9$m^2$, đến nay chưa xử lý dứt điểm; Cơ sở tại số 01 Lê Phụng Hiểu - Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội giao cho Câu lạc bộ Hưu trí - Bộ Tài chính 68,7$m^2$ và Nhà trẻ của Bộ Tài chính 58,3 $m^2$ (đã được Cục Kế hoạch Tài chính giao cho đội xe của Bộ sử dụng tại văn bản ngày 02/4/2020); Cơ sở tại Số 4 ngõ 1 Hàng Chuối giao Hội thẩm định giá sử dụng 79$m^2$; Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam 175$m^2$; (iv) Bộ KH&CN: Một số cơ sở nhà đất không được sử dụng: Khu đất tại 210 Đội Cấn để trống không sử dụng nhiều năm; Một phần khu đất tại số 113 Trần Duy Hưng, TP. Hà Nội đang chờ triển khai dự án theo các Quyết định số 2647/QĐ-BKHCN ngày 16/9/2016 và Quyết định số 2223/QĐ-BKHCN ngày 6/8/2021 nhưng đến thời điểm kiểm toán vẫn chưa thực hiện, theo báo cáo của đơn vị hiện đang làm nơi để xe của cán bộ nhân viên; (v) ĐHQGHN: chưa thu hồi được mặt bằng tầng 1 Cửa hàng sách 144 Xuân Thủy diện tích 90$m^2$ (Trung tâm Hợp tác quốc tế và xuất bản - Nhà xuất bản ĐHQGHN ký Hợp đồng từ năm 2014 hiện giao Văn phòng ĐHQGHN tiếp quản); (vi) Đài TNVN: Tòa nhà 23 Lạc Trung sử dụng vốn vay ngân hàng 571,41 tỷ đồng (chưa hạch toán vào sổ sách kế toán số lãi, phạt trả chậm ngân hàng 91,33 tỷ đồng), nhưng không sử dụng hết công suất (04/19 tầng và 01 tum để trống, tương đương 10.595$m^2$), không trích khấu hao đầy đủ, tài sản được đầu tư nhưng không sử dụng giá trị lớn,... trong khi lãi vay, phạt trả chậm lớn, tiềm ẩn nguy cơ lãng phí và mất vốn; đầu tư các dự án năm 2018 không đúng thẩm quyền, không phù hợp và hiệu quả,... dẫn đến các dự án xây dựng cơ bản dở dang còn tồn đọng 19,7 tỷ đồng, chưa đem lại hiệu quả kinh tế.

[303] (i) Bộ Tài chính: Trang bị tài sản vượt số lượng so với quy định (Cục Tin học TKTC vượt 36 máy tính; Cục Quản lý Nợ và tài chính đối ngoại vượt 02 máy quét tài liệu, Cục Quản lý giám sát bảo hiểm 14 máy, Thời báo Tài chính Việt Nam 12 máy tính, Tạp chí Tài chính 04 máy tính); (ii) Kho bạc nhà nước: Chưa công khai việc lựa chọn tổ chức đấu giá thanh lý 01 xe ô tô lên cổng thông tin điện tử Quốc gia; KBNN Hà Nội có 105/199 máy đếm tiền hỏng, hết niên hạn sử dụng nhưng chưa kịp thời thực hiện thủ tục thanh lý; (iii) Bộ KH&CN: chậm thực hiện việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KHCN sử dụng vốn nhà nước; chậm thực hiện việc xử lý đối với tài sản được hình thành thông qua việc thực hiện các nhiệm vụ KHCN sử dụng vốn nhà nước và thực hiện dự án ODA; (iv) Thông tấn xã Việt Nam: một số tài sản hữu hình đơn vị đang sử dụng đã hết hao mòn, hỏng nhưng đơn vị chưa xây dựng phương án xử lý (Báo ảnh Việt Nam); chưa phản ánh giá trị tài sản 03 xe ô tô mua mới năm 2020 của 03 cơ quan thường trú nước ngoài (tại Cairo, Bangkok, Nam Phi) vào sổ theo dõi tài sản chung toàn ngành và Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công; (v) Đài TNVN: Không thực hiện kiểm kê cuối năm, đánh giá lại giá trị tài sản bàn giao, sử dụng tài sản không trích khấu hao đầy đủ, không báo cáo cơ quan có thẩm quyền khi tài sản thiếu, không sử dụng,... chưa phù hợp với quy định tại Điều 23 và Điều 59 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; tài sản do Đài VTC quản lý (trước thời điểm Tổng Công ty VTC bàn giao) mất, chênh lệch 22,3 tỷ đồng không rõ nguyên nhân; công tác bàn giao tài sản từ Tổng công ty Truyền thông đa phương tiện cho Đài VTC 2.002,8 tỷ đồng chỉ do 04 cá nhân không có chuyên môn kỹ thuật thống kê, trong đó 1.112,64 tỷ đồng, bằng 55,6% không chứng minh được tính hiện có, chi tiết từng loại tài sản (KTNN kiến nghị kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan đến các sai phạm, tồn tại, hạn chế trong việc quản lý tài sản, trang thiết bị thất thoát 22,3 tỷ đồng chưa được xử lý kịp thời và không chứng minh được tính hiện hữu, chi tiết của từng loại tài sản 1.112,64 tỷ đồng (phát sinh từ khi sáp nhập Đài VTC về Đài TNVN năm 2015), KTNN đã có Công văn số 79/KTNN-CNIII ngày 21/01/2022 báo cáo Thủ tướng Chính phủ).

thu hồi có thể sử dụng lại từ hoạt động bảo trì tài sản KCHTĐS tồn kho đến 31/12/2020 để trình Bộ GTVT xem xét, phê duyệt.

- Quản lý, sử dụng xe ô tô: Một số bộ, cơ quan trung ương[304], địa phương[305] còn sử dụng xe ô tô vượt định mức quy định; chưa ban hành phương án sắp xếp xử lý xe ô tô dôi dư[306]; chưa hoàn thành việc xử lý, sắp xếp lại xe ô tô theo quy định[307].

***2.5. Quản lý, sử dụng các quỹ ngoài ngân sách***

(1) Quỹ dự trữ tài chính:

- Số dư đầu năm Quỹ dự trữ tài chính trung ương 2.376,2 tỷ đồng, số phát sinh giảm trong năm 300 tỷ đồng, số phát sinh tăng trong năm 321,5 tỷ đồng (trong năm không trích bổ sung quỹ, số phát sinh tăng 21,5 tỷ đồng lãi tiền gửi, 300 tỷ đồng thu hồi chi trong năm), số dư cuối năm 2.397,7 tỷ đồng.

- Một số địa phương trích lập Quỹ dự trữ tài chính chưa đảm bảo 50% kết dư ngân sách cấp tỉnh theo quy định[308].

(2) Quỹ Phát triển đất tại một số địa phương chưa trích hoặc trích lập quỹ chưa đủ theo quy định của HĐND[309].

Ngoài ra, qua kiểm toán còn cho thấy: (i) Một số đơn vị sự nghiệp (theo quyết định thành lập) tuy nhiên đang được báo cáo và phân loại là Quỹ TCNN ngoài ngân sách: Quỹ Bảo trợ trẻ em, Quỹ khắc phục hậu quả bom mìn, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia; (ii) Số dư một số Quỹ thời điểm 31/12/2020 tại BCQT NSNN năm 2020 chênh lệch so với số liệu tương ứng thời điểm

---

[304] (i) ĐHQG TPHCM: Viện Môi trường & Tài nguyên vượt định mức xe dùng chung 3 xe nhưng đã hết hao mòn; Trường Đại học Bách khoa vượt 02 xe (01 xe đã hết khấu hao); (ii) ĐHQG TPHCM: vượt 02 xe nhưng đã hết hao mòn; (iii) Đài THVN: 159 xe chuyên dùng khác chưa được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; 04 xe ô tô giao cho VTV 8 quản lý, sử dụng chưa gắn logo VTV và thiết bị giám sát hành chính GPS; (iv) Bộ KH&ĐT: Đến 31/12/2020, toàn ngành có 149 xe ô tô, vượt 16 xe so với định mức, trong đó khối Bộ vượt 03 xe, khối Tổng cục Thống kê vượt 13 xe; trong đó 13 xe (gồm 03 xe khối bộ, 10 xe khối TCTK) đã có quyết định thanh lý nhưng đến thời điểm kiểm toán chưa thực hiện thanh lý kịp thời theo quy định; (v) Văn phòng QH: đang quản lý và sử dụng nhiều xe hơn so với quy định; (vi) Bộ KH&CN: Viện Ứng dụng Công nghệ vượt 05 xe, Cục Sở hữu trí tuệ vượt 01 xe; (vii) ĐHQGHN: Trường ĐH KHXHNV sử dụng vượt 03 xe ô tô; một số đơn vị sử dụng xe đã hết khấu hao (Trường ĐHXH&NV 02 xe, Văn phòng 03 xe, Trường Đại học Giáo dục 2 xe, Trường Đại học kinh tế 01 xe ô tô 16 chỗ, Trường Đại học Công nghệ 01 xe, Nhà xuất bản 01 xe, Viện Tài Nguyên và Môi trường 01 xe).

[305] Tỉnh Bình Phước (107 xe); Quảng Nam (50 xe); Đồng Tháp (44 xe); Điện Biên (36 xe); Hòa Bình (5 xe); Hà Tĩnh (2 xe).

[306] Tỉnh Quảng Nam; Điện Biên; Hòa Bình; Hà Tĩnh.

[307] (i) Văn phòng QH: chưa có văn bản thỏa thuận với Bộ Tài chính về tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng; chưa ban hành tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng; (ii) Bộ Tài chính: Đến 20/6/2021, Bộ Tài chính có 1.381 xe ô tô, trong đó có 156 xe dôi dư do sáp nhập, hết khấu hao, chưa có phương án xử lý, gồm: Tổng cục Thuế 112 xe ô tô chuyên dùng; Tổng cục Hải quan 43 xe; Học viện Tài chính 01 xe; (iii) Kho bạc nhà nước: chưa thực hiện sắp xếp lại, xử lý xe ô tô chuyên dùng; (iv) Bộ KH&CN: chưa xây dựng và ban hành tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý; (v) Thông tấn xã Việt Nam: chưa xây dựng định mức xe chuyên dùng.

[308] Tỉnh Kiên Giang 136,9 tỷ đồng; An Giang 32 tỷ đồng; Vĩnh Long 43 tỷ đồng.

[309] Tỉnh Lạng Sơn; Gia Lai; Lào Cai; Tuyên Quang.

31/12/2020 tại Báo cáo số 41/BC-CP ngày 11/10/2021[310]; (iii) Việc quản lý và sử dụng nguồn vốn được giao của Quỹ Phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ về đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp chưa hiệu quả[311].

**3. Bội chi NSNN**

Dự toán bội chi NSNN Quốc hội quyết nghị đầu năm 234.800 tỷ đồng, bằng 3,44% GDP; tại Nghị quyết số 128/2020/QH14 ngày 12/11/2020, Quốc hội cho phép tăng bội chi NSTW thêm 133.500 tỷ đồng nên tổng bội chi NSNN tương ứng lên mức tối đa là 368.300 tỷ đồng, tương đương 5,41% GDP kế hoạch. Quyết toán số bội chi NSNN là 216.405,59 tỷ đồng, giảm 18.394,41 tỷ đồng so với dự toán đầu năm, bằng 3,44% GDP thực hiện[312], bằng tỷ lệ bội chi theo dự toán đầu năm, thấp hơn so với mức 5,41% GDP theo Nghị quyết số 128/2020/QH14 của Quốc hội (giảm 151.894,41 tỷ đồng). Trong đó bội chi NSTW quyết toán 213.088,59 tỷ đồng, giảm 2,2% so với dự toán (4.711,41 tỷ đồng), bội chi NSĐP quyết toán 3.316,99 tỷ đồng, giảm so với dự toán 13.683 tỷ đồng.

Về nguồn bù đắp bội chi của NSTW: Vay trong nước 178.515,16 tỷ đồng; vay ngoài nước 34.573,43 tỷ đồng, các khoản vay đa dạng về kỳ hạn nợ, nâng kỳ hạn trái phiếu Chính phủ vay trong nước, nhờ đó kỳ hạn vay bình quân năm 2020 đã được kéo dài. Kỳ hạn phát hành trái phiếu Chính phủ năm 2020 đã dài gấp trên 3,5 lần năm 2011, từ mức 3,9 năm lên bình quân khoảng 13,94 năm (tăng 0,5 năm so với năm 2019), nâng kỳ hạn nợ bình quân danh mục trái phiếu Chính phủ thời điểm cuối năm 2020 lên 8,42 năm, dài gấp gần 5 lần so với thời điểm cuối năm 2011 (1,84 năm); lãi suất huy động bình quân cũng giảm mạnh, từ mức 12,01% bình quân năm 2011 xuống còn khoảng 2,86% năm 2020 (giảm 1,65% so với năm 2019).

---

[310] Theo báo cáo của Bộ Tài chính, do thời điểm lập Báo cáo số 41/BC-CP đã lấy số dư Quỹ theo số ước thực hiện. Quỹ dịch vụ viễn thông công ích chênh lệch tăng 1.591,533 tỷ đồng; Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia chênh lệch tăng 83,072 tỷ đồng; Quỹ hỗ trợ việc làm ngoài nước chênh lệch tăng 2,326 tỷ đồng; Quỹ phát triển KHCN quốc gia chênh lệch giảm 25,176 tỷ đồng.

[311] (i) Bộ KH&ĐT: Quỹ chậm ban hành quy chế cho vay gián tiếp, chưa ban hành quy chế tài trợ và cho vay trực tiếp. Đến thời điểm hiện tại Quỹ chưa thực hiện việc cho vay trực tiếp, chưa thực hiện hoạt động tài trợ cho DNNVV; số lượng doanh nghiệp tiếp cận được với nguồn vốn vay hỗ trợ rất hạn chế và chỉ bằng hình thức ủy thác qua ngân hàng thương mại với số vốn đã giải ngân là 101,36 tỷ đồng (chỉ bằng 12% vốn điều lệ); năm 2020 chỉ cho vay được duy nhất 01 dự án 1,53 tỷ đồng; Phương án sử dụng tiền nhàn rỗi để gửi ngân hàng chưa thuyết minh đầy đủ lý do gia hạn, điều chuyển tiền gửi giữa các ngân hàng, thay đổi kỳ hạn; đồng thời chưa tính toán, so sánh việc lựa chọn ngân hàng dựa trên mức lãi suất và kế hoạch sử dụng vốn vay để đảm bảo hiệu quả theo Điều 44 Nghị định số 39/2019/NĐ-CP ngày 10/5/2019; (ii) Đài THVN đang đầu tư vào 05 doanh nghiệp, trong đó: 02 doanh nghiệp đang kinh doanh thua lỗ là Công ty TNHH truyền hình số vệ tinh Việt Nam, Công ty cổ phần Dịch vụ truyền hình Viễn thông Việt Nam; 01 doanh nghiệp thành lập từ năm 2015 nhưng chưa đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh (Công ty cổ phần đầu tư Tháp truyền hình Việt Nam); Các khoản đầu tư ra ngoài đều được Đài ghi nhận là khoản đầu tư tài chính; cổ tức, lợi nhuận được chia thì đều được VTV ghi nhận là khoản doanh thu hoạt động tài chính. Tuy nhiên, khi thực hiện thoái vốn, cổ phần hóa thì số tiền thu được từ cổ phần hóa, thoái vốn thì VTV lại thực hiện nộp về SCIC và ghi giảm vốn góp của chủ sở hữu là chưa phù hợp với cơ chế đầu tư vốn ra ngoài của doanh nghiệp nhà nước nếu thực hiện áp dụng theo cơ chế tài chính DNNN như quy định.

[312] Năm 2020 GDP thực hiện chưa đánh giá lại quy mô là 6.293.145 tỷ đồng.

**4. Nợ công**

Tính đến 31/12/2020, tổng số nợ công 3.520.601,39 tỷ đồng, tăng 6,02% so với năm 2019 (3.320.608,77 tỷ đồng), bằng 55,94% so với GDP (dưới mức trần 65% GDP được Quốc hội phê duyệt), trong đó: Nợ Chính phủ 3.138.620,82 tỷ đồng, tăng 8,31% so với năm 2019 (2.897.857,78 tỷ đồng), bằng 49,87% GDP (dưới mức 54% GDP); nợ được Chính phủ bảo lãnh 367.823,62 tỷ đồng, giảm 8,52% so với năm 2019 (402.066,16 tỷ đồng), bằng 5,84% GDP; nợ chính quyền địa phương 14.156,95 tỷ đồng, giảm 31,56% so với năm 2019 (20.684,83 tỷ đồng), bằng 0,22% GDP. Chỉ số nợ công đến cuối năm 2020 nằm trong giới hạn được cho phép của Quốc hội không quá 65% GDP. Nợ công bình quân đầu người là 35,1 triệu đồng/người và có xu hướng tăng (năm 2018 là 31,69 triệu đồng/người; năm 2019 là 33,62 triệu đồng/người).

Ngoài ra, về vay ngân quỹ nhà nước còn một số khoản vay của NSTW phải gia hạn nhiều lần, đến thời hạn 31/12/2020 chưa thanh toán nợ gốc hoặc chưa thanh toán hết, số tiền: 198.864 tỷ đồng; trong đó một số khoản vay từ năm 2013 đến năm 2018 chưa trả hết nợ gốc[313]. Việc gia hạn và thời gian gia hạn thuộc thẩm quyền của Bộ Tài chính quy định tại Thông tư số 23/2020/TT-BTC.

Qua kiểm toán việc theo dõi nợ chính quyền địa phương còn chênh lệch giữa Sở Tài chính và KBNN[314].

**5. Về quyết toán NSNN**

Qua kiểm toán Báo cáo quyết toán NSNN năm 2020 do Chính phủ trình cho thấy: Biểu mẫu quyết toán đã đảm bảo theo các quy định về hệ thống mẫu biểu, chỉ tiêu kế toán và quyết toán ngân sách phù hợp với hướng dẫn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy chế lập, thẩm tra, trình Quốc hội quyết định dự toán NSNN, phê chuẩn quyết toán NSNN. Tuy nhiên còn một số tồn tại sau:

- Việc lập, gửi Báo cáo quyết toán NSNN năm 2020 của Bộ Tài chính[315], của Chính phủ[316] còn chậm so với quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 70 Luật NSNN.

---

[313] Năm 2013: 65.903,238 tỷ đồng, năm 2014: 25.000 tỷ đồng, năm 2015: 11.437 tỷ đồng, năm 2018: 45.500 tỷ đồng.

[314] (i) Thành phố Hải Phòng: Số dư nợ chính quyền địa phương do Sở Tài chính theo dõi lớn hơn dư nợ chính quyền địa phương do KBNN Hải Phòng theo dõi (KBNN không theo dõi phần vay lại từ nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ từ năm 2016 trở về trước); số chênh lệch đến hết niên độ ngân sách năm 2020 là 142 tỷ đồng (Dự án phát triển giao thông đô thị thành phố Hải Phòng); (ii) tỉnh Hưng Yên: Số liệu quyết toán vay, trả nợ của NSĐP trên Báo cáo của UBND tỉnh không khớp về chi tiết và tổng số với Báo cáo vay - trả nợ NSĐP năm 2020 do KBNN lập, tuy nhiên các đơn vị có liên quan chưa phối hợp tìm nguyên nhân để xử lý theo đúng quy định của Công văn số 16536/BTC-NSNN ngày 09/9/2019 của Bộ Tài chính.

[315] Bộ Tài chính lập trình Chính phủ và gửi KTNN kèm theo Tờ trình số 72/TTr-BTC ngày 06/4/2022 (khoản 4 Điều 70 Luật NSNN quy định chậm nhất là 14 tháng sau khi kết thúc năm ngân sách).

[316] Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Báo cáo số 143/BC-CP ngày 21/4/2022 (khoản 5 Điều 70 Luật NSNN quy định chậm nhất là 16 tháng sau khi kết thúc năm ngân sách).

- Số liệu quyết toán về chỉ tiêu *"Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài"*: Tại Báo cáo kiểm toán quyết toán NSNN năm 2019, KTNN đã có đánh giá và kiến nghị Bộ Tài chính liên quan đến nội dung này để đảm bảo nhất quán khi quyết toán số thu "*từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài*"[317] nhưng đến thời điểm hiện tại Bộ Tài chính vẫn phản ánh thu từ tiền cho thuê đất, thu mặt nước của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài vào chỉ tiêu "thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài" [318] dẫn đến đánh giá thực hiện dự toán và quyết toán chưa phù hợp với dự toán giao.

- Chậm ghi thu, ghi chi đối với khoản chi đầu tư từ nguồn ghi thu tiền sử dụng đất 50 tỷ đồng[319].

- Cơ chế hạch toán kế toán hoàn trả các khoản thu NSNN trong thời gian chỉnh lý quyết toán theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Thông tư số 72/2021/TT-BTC ngày 17/8/2021 của Bộ Tài chính[320] còn chưa thống nhất với quy định tại khoản 4 Điều 42 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về hướng dẫn Luật Ngân sách nhà nước về xử lý các khoản thu, chi cuối năm[321]. Qua kiểm toán cho thấy Tổng cục Hải quan hạch toán giảm thu năm 2020 đối với số giảm thu có quyết định hoàn trả NSNN trong tháng 01/2021 số tiền 2.797 tỷ đồng (phù hợp với quy định Thông tư số 72/2021/TT-BTC). Đồng thời, liên quan đến nội dung này, hiện nay việc hạch toán chi hoàn thuế GTGT căn cứ theo thời điểm chi hoàn, giảm thu NSNN năm hạch toán chi hoàn.

---

[317] Lập và giao dự toán thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không bao gồm số thu từ tiền cho thuê đất, thuê mặt nước; nhưng khi quyết toán lại phản ánh số thu từ tiền cho thuê đất, thu mặt nước đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được lập và giao dự toán tại chỉ tiêu thu tiền thuê đất, thuê mặt nước lên số thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

[318] Số liệu chỉ tiêu "Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài" tại Báo cáo mẫu B2-01/BC-NS của KBNN năm 2020 là 206.090 tỷ đồng; tại Phụ lục II- Mẫu biểu số 59 Quyết toán nguồn thu NSNN theo lĩnh vực năm 2020 là 209.089 tỷ đồng, chênh lệch 2.999 tỷ đồng tương ứng với số liệu Vụ NSNN đã chuyển từ chỉ tiêu "Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước" và "thu từ cấp quyền khai thác khoáng sản" lên chỉ tiêu "thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài" cho phù hợp với Mẫu biểu số 61 tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC.

[319] Ngày 14/02/2022 thực hiện hạch toán ghi thu, ghi chi ngân sách năm 2020 đối với khoản thu tiền sử dụng đất của Bộ Tài nguyên và Môi trường 50 tỷ đồng. Ngày 15/3/2022, Bộ Tài chính mới có Thông báo số 201/TB-BTC thẩm định quyết toán vốn đầu tư từ nguồn tiền sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Bộ Tài nguyên và Môi trường theo niên độ ngân sách năm 2020 đối với số tiền Bộ Tài chính đã cấp.

[320] Quy định: *"Hạch toán hoàn trả các khoản thu NSNN: Trường hợp hoàn trả ngay trong năm* ***(bao gồm cả trong thời gian chỉnh lý quyết toán)***, ***ghi giảm thu NSNN của năm phát sinh khoản thu đó****. Trường hợp hoàn trả sau thời gian chỉnh lý quyết toán của năm phát sinh khoản thu NSNN, ghi giảm thu NSNN (chi tiết theo mục lục NSNN) của khoản thu đó trong năm hiện hành*".

[321] *"Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và các cấp ngân sách* ***trong thời gian chỉnh lý quyết toán*** *thực hiện các nội dung sau: a) Hạch toán tiếp các khoản thu, chi ngân sách phát sinh từ ngày 31 tháng 12 trở về trước nhưng chứng từ đang luân chuyển; b) Hạch toán chi ngân sách các khoản tạm ứng đã đủ điều kiện chi, các khoản thanh toán cho công việc, khối lượng đã được thực hiện từ ngày 31 tháng 12 trở về trước được giao trong dự toán ngân sách; c) Điều chỉnh các sai sót trong quá trình hạch toán kế toán".*

- Một số bộ, cơ quan trung ương gửi Báo cáo quyết toán năm 2020 sau ngày 01/10/2021 chưa đảm bảo quy định tại khoản 1 Điều 70 Luật NSNN[322], Bộ Tài chính thẩm định quyết toán của một số đơn vị dự toán cấp I thuộc NSTW chậm thời gian so với quy định[323] tại khoản 2 Điều 27 Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016. Cá biệt trường hợp Bộ Tài chính thẩm định quyết toán ngân sách năm 2020 cho Bộ GTVT[324] sau cả thời gian Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết toán ngân sách nhà nước theo quy định của Luật NSNN (chậm nhất 16 tháng sau khi kết thúc năm ngân sách).

- Công tác thẩm định quyết toán NSNN của Bộ Tài chính còn hạn chế, một số tồn tại từ nhiều năm trước nhưng không được Bộ Tài chính phát hiện và xử lý[325].

---

[322] Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam; Bảo hiểm Xã hội Việt Nam; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Khoa học và Công nghệ; Hội người cao tuổi; Văn phòng Chính phủ; Hội khoa học lịch sử Việt Nam; Hội khoa học lịch sử Việt Nam; Bộ Nội vụ; Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam; Văn phòng Quốc hội; Hội kiến trúc sư Việt Nam; Thông tấn xã Việt Nam; Bộ Văn hóa, thể thao và Du lịch; Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh; Tòa án nhân dân tối cao; Bộ Ngoại giao; Trung ương Hội chữ thập đỏ Việt Nam; Bộ Xây dựng; Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bộ Giao thông vận tải; Đài tiếng nói Việt Nam; Bộ Y tế.

[323] Theo báo cáo, do các bộ, ngành, cơ quan trung ương nộp BCQT chậm hoặc chưa đầy đủ nên phải bổ sung trong quá trình thẩm định: Bộ Ngoại giao chậm 23 ngày; Trung ương Hội chữ thập đỏ Việt Nam chậm 28 ngày; Bộ Xây dựng chậm 31 ngày; Bộ Tài nguyên và Môi trường chậm 10 ngày; Bộ Công Thương chậm 62 ngày; Bộ Giao thông vận tải chậm 23 ngày; Đài tiếng nói Việt Nam chậm 14 ngày; Bộ Y tế chậm 16 ngày; Viện Hàm lâm khoa học xã hội Việt Nam chậm 14 ngày; Bảo hiểm xã hội Việt Nam chậm 43 ngày; Bộ Lao động - thương binh và xã hội chậm 46 ngày; Bộ Khoa học và công nghệ chậm 41 ngày; Văn phòng Chủ tịch nước chậm 53 ngày; Văn phòng Quốc hội chậm 27 ngày; Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam chậm 36 ngày; Thanh tra Chính phủ chậm 19 ngày; Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam chậm 24 ngày; Liên hiệp các Tổ chức hữu nghị Việt Nam chậm 27 ngày; Thông tấn xã Việt Nam chậm 47 ngày; Bộ Văn hóa, thể thao và Du lịch chậm 26 ngày; Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh chậm 22 ngày; Bộ Giáo dục và Đào tạo chậm 59 ngày; Đại học Quốc gia Hà Nội chậm 69 ngày; Tòa án nhân dân tối cao chậm 32 ngày; Trung ương hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam chậm 34 ngày…

[324] Thông báo số 287/TB-BTC ngày 04/5/2022 của Bộ Tài chính thẩm định quyết toán ngân sách năm 2020 sản phẩm, dịch vụ công ích đường sắt (bổ sung) theo đề nghị của Bộ Giao thông vận tải tại Công văn số 3100/BGTVT-TC ngày 31/3/2022, số tiền 19.199.181.506 đồng (trong đó: số quyết toán năm 2020 là 19.004.019.096 đồng, số phải nộp NSNN 195.162.410 đồng).

[325] Qua kiểm toán cho thấy: (i) Bộ KH&CN: Kinh phí tiền lương dư từ nhiều năm được cấp theo hình thức dự toán từ trước khi có Thông tư 54 chưa xử lý, nay thực hiện cơ chế tự chủ thì tiền lương bố trí trong nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng nên không còn nhu cầu sử dụng (Viện Ứng dụng công nghệ 0,045 tỷ đồng); kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng năm 2018, 2019 còn dư dự toán, không còn nhiệm vụ chi (Cục Phát triển Thị trường và Doanh nghiệp KH&CN 0,024 tỷ đồng). Nguồn phí tại Cục Sở hữu trí tuệ được để lại chi chuyển nguồn năm sau lớn 281,21 tỷ đồng (năm 2017: 60,45 tỷ đồng; năm 2018: 95,65 tỷ đồng; năm 2019: 74,085 tỷ đồng; năm 2020: 51,025 tỷ đồng), trong đó không có phương án sử dụng 60,45 tỷ đồng. (ii) Văn phòng QH: KTNN xác định kinh phí thừa, không còn nhiệm vụ chi 310,107 tỷ đồng, kéo dài nhiều năm không được xác định là kinh phí tiết kiệm và phải hủy dự toán, trừ dự toán năm sau đối với khoản kinh phí còn dư dự toán tại KBNN và số kinh phí đơn vị đã nhận nhưng không thanh toán trong thời gian chỉnh lý quyết toán và quá ngày 15/02 đơn vị chưa nộp NSNN theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016. (iii) Văn phòng CTN: Kinh phí tự chủ có 33,8 tỷ đồng là số dư chủ yếu từ những năm trước chuyển sang, được hình thành từ việc giao dự toán kinh phí thực hiện tự chủ chưa có đầy đủ căn cứ cơ sở nên khi thực hiện trong năm thường thấp hơn so với dự toán giao và đến nay không còn nhiệm vụ.

## II. KẾT QUẢ KIỂM TOÁN CÁC CHUYÊN ĐỀ VÀ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU

### 1. Kết quả kiểm toán một số chuyên đề về thuế[326]

Kết quả kiểm toán cho thấy còn hạn chế: (i) Cơ chế chính sách về thuế còn bất cập[327]; (ii) UBND một số tỉnh, thành phố[328] chưa chỉ đạo các sở, ban, ngành xây dựng cơ sở dữ liệu thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành phục vụ công tác quản lý giá giao dịch liên kết; (iii) Tổng cục Thuế chưa ban hành bộ tiêu chí hỗ trợ phân tích rủi ro đối với việc phân loại hồ sơ hoàn thuế; (iv) Lập dự toán hoàn thuế GTGT chưa sát thực tế[329]; (v) Chưa đánh giá tác động của cơ chế chính sách đến số hoàn thuế[330]; (vi) Xây dựng dữ liệu giao dịch liên kết của các doanh nghiệp trong nước chưa đầy đủ và đồng bộ[331]; (vii) Chưa xây dựng kế hoạch thanh tra chuyên đề về giá giao dịch liên kết[332]; (viii) Tỷ lệ kiểm tra hồ sơ tại trụ sở Cơ quan Thuế năm 2020 đối với doanh nghiệp có kê khai giao dịch liên kết thấp[333]; (ix) Cơ quan Thuế chưa đôn đốc kịp thời số truy thu, truy hoàn, tiền phạt, tiền chậm nộp, thu hồi qua công tác thanh tra, kiểm tra để nộp NSNN 7.188,55 tỷ đồng, chưa thu hồi tiền thuế đã hết thời gian gia hạn thuế theo Nghị định số 41/2020/NĐ-CP số tiền 3.111,83 tỷ đồng, hoàn thuế GTGT đối với một số lĩnh vực khi chưa đủ điều kiện[334]; (x) Một số doanh nghiệp xác định giá giao dịch liên kết chưa phù hợp hoặc không lập hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết[335]; kê khai, quyết toán thuế chưa đúng quy định,

---

[326] Chuyên đề công tác quản lý nhà nước tại Tổng cục Thuế và các Cục Thuế (ngành Thuế) liên quan đến việc hoàn thuế, miễn, giảm, gia hạn thuế, chống trốn thuế, chuyển giá năm 2020 và Chuyên đề công tác quản lý thu, việc thực hiện nghĩa vụ thuế đối với các doanh nghiệp có giao dịch liên kết giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

[327] (i) Bộ Tài chính chậm ban hành khung giá tính lệ phí trước bạ cho dòng xe ô tô KIA kiểu loại SELTOS SP2i 1.4 DCTH theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 20/2019/NĐ-CP; (ii) Chưa thống nhất về hướng dẫn xác định chỉ tiêu "doanh thu" giữa khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 116/2020/QH14 và khoản 2 Điều 2 Nghị định số 114/2020/NĐ-CP; (iii) Quy định về việc người nộp thuế tự xác định thời gian tạm ngừng sản xuất kinh doanh tại Quyết định số 22/2020/QĐ-TTg và Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29/5/2020 (về việc giảm 15% tiền thuê đất) khó khăn cho cơ quan thuế trong việc thanh tra, kiểm tra đối với các doanh nghiệp khai ngừng sản xuất kinh doanh; (iv) Quyết định số 22/2020/QĐ-TTg không quy định đối tượng nào được lập kế hoạch thanh tra, kiểm tra hoặc thời gian thực hiện thanh tra, kiểm tra sau khi được giảm tiền thuê đất; (v) Chưa có cơ chế giám sát đối với việc gia hạn tiền thuế, tiền thuê đất theo Nghị định số 41/2020/NĐ-CP; (vi) Điều 6, Điều 7 Nghị định số 20/2017/NĐ-CP và Điều 6, Điều 7 Nghị định số 132/2020/NĐ-CP về quản lý thuế đối với các doanh nghiệp có giao dịch liên kết chưa quy định chi tiết cách xác định tiêu chí tương đồng để so sánh, mức tỷ suất lợi nhuận từng ngành nghề cụ thể để làm cơ sở so sánh khi xác định giá của giao dịch liên kết.

[328] UBND TP. HCM; UBND các tỉnh: Long An, Bình Dương.

[329] Cục Thuế tỉnh Bình Dương, Thanh Hoá, Đồng Nai, Lào Cai, thành phố Hải Phòng, Đà Nẵng.

[330] Cục Thuế tỉnh Thái Nguyên, Quảng Ninh, Lào Cai, thành phố Đà Nẵng.

[331] Cục Thuế thành phố Hà Nội.

[332] Cục Thuế thành phố Hà Nội, TP. HCM; Cục Thuế các tỉnh: Long An, Thái Nguyên.

[333] Cục Thuế thành phố Hà Nội: 2,3% (32/1.364 hồ sơ); Cục Thuế tỉnh Long An: 11,25% (142/1.262 hồ sơ).

[334] KTNN kiến nghị Tổng cục Thuế rà soát, báo cáo Bộ Tài chính để xử lý đối với: Ngành điện lực 19.987,5 tỷ đồng, dịch vụ lưu trú 113,76 tỷ đồng, xây dựng cảng biển 59,25 tỷ đồng.

[335] TP. HCM: 03 doanh nghiệp; Tỉnh Long An: 04 doanh nghiệp; Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu: 04 doanh nghiệp; Tỉnh Bình Dương: 07 doanh nghiệp.

KTNN kiến nghị tăng thu NSNN 428,77 tỷ đồng, giảm lỗ các doanh nghiệp 1.492,52 tỷ đồng.

**2. Kết quả kiểm toán một số CTMTQG, CTMT[336]**

- Một số bộ chưa làm tốt vai trò chủ Chương trình[337]; Bộ KH&ĐT tham mưu cho Thủ tướng Chính phủ phê duyệt[338], điều chỉnh Chương trình[339] còn bất cập[340]. Trách nhiệm quản lý, kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình giao cho Chủ chương trình, Chủ trì hợp phần chưa phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu của các bộ[341]. Một số địa phương chưa thực hiện tốt việc tham mưu phân bổ[342], lồng ghép vốn[343], ban hành hướng dẫn thực hiện Chương trình[344], xây dựng kế hoạch[345], thực hiện[346] và lập báo cáo giám sát[347], xây dựng mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể, sơ kết, tổng kết Chương trình[348], hoàn thành mục tiêu theo kế hoạch[349], bố trí kinh phí duy tu, bảo dưỡng công trình theo quy định[350].

---

[336] Chương trình mục tiêu Phát triển KT - XH các vùng giai đoạn 2016 - 2020 theo Quyết định số 1256/QĐ-TTg ngày 21/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ (*sau đây viết là CTMT Kinh tế vùng*); CTMT Đầu tư hạ tầng khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao giai đoạn 2016 - 2020 theo Quyết định số 351/QĐ-TTg ngày 29/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ (*CTMT Đầu tư hạ tầng khu kinh tế*); CTMT ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh giai đoạn 2016-2020 (*CTMT ứng phó với biến đổi khí hậu*); Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM tại 18 tỉnh năm 2020 *(CTMTQG NTM)*; Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững *(CTMTQG giảm nghèo bền vững)*; Chương trình phát triển đô thị quốc gia dựa trên kết quả cho khu vực miền núi phía Bắc năm 2020; Chương trình "Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả" năm 2020 *(CT NS và VSMT).*

[337] (1) CTMT Kinh tế vùng: Bộ KH&ĐT; (2) CTMT Đầu tư hạ tầng khu kinh tế: Bộ KH&ĐT; (3) CTMT ứng phó với biến đổi khí hậu: Bộ TN&MT, Bộ KH&ĐT.

[338] CTMT Đầu tư hạ tầng khu kinh tế: Bộ KH&ĐT chưa kịp thời tham mưu điều chỉnh thời gian, mục tiêu của Chương trình theo quy định.

[339] Quyết định số 1509/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

[340] CTMT Kinh tế vùng: (i) Không xây dựng kèm theo Quyết định danh mục dự án thuộc Chương trình; (ii) Đưa vào mục tiêu cụ thể của Chương trình bao gồm cả các dự án hoàn thành, bàn giao trước năm 2015 để bố trí vốn trả nợ, thu hồi vốn ứng trước; dự án chuẩn bị đầu tư, khởi công mới hoàn thành sau giai đoạn 2016 - 2020 không tạo ra năng lực tăng thêm cho Chương trình giai đoạn 2016-2020, ảnh hưởng mục tiêu cụ thể đã được phê duyệt của Chương trình giai đoạn 2016 - 2020; (iii) Bổ sung, điều chỉnh về mục tiêu cụ thể, đối tượng của Chương trình nhưng chưa xem xét điều chỉnh các nội dung khác có liên quan để phù hợp với tình hình thực hiện thực tế của Chương trình giai đoạn 2016 - 2020 (*tổng nhu cầu vốn, cơ cấu các nguồn vốn*).

[341] CTMT ứng phó với biến đổi khí hậu: Bộ NN&PTNT, Bộ TN&MT và Bộ KH&ĐT.

[342] CTMTQG GNBV: Tỉnh Đắk Lắk, Kon Tum, Ninh Thuận, Sóc Trăng.

[343] CTMTQG GNBV: Tỉnh Sóc Trăng, Lai Châu.

[344] CTMTQG GNBV: Tỉnh Bắc Kạn, Lai Châu, Sóc Trăng, Điện Biên, Bình Định.

[345] CTMTQG GNBV: Tỉnh Điện Biên, Đắk Lắk, Kon Tum, Sóc Trăng.

[346] CTMTQG GNBV: Tỉnh Bình Định (huyện Vân Canh), Điện Biên (Ban Dân tộc; huyện Nậm Pồ, Điện Biên).

[347] CTMTQG GNBV: Tỉnh Trà Vinh (huyện Càng Long); Hà Giang; Lai Châu.

[348] CTMT Kinh tế vùng (*tỉnh Phú Thọ, Hà Tĩnh*); CTMT Đầu tư hạ tầng khu kinh tế (*tỉnh Kiên Giang, Quảng Ngãi, Vĩnh Long, Lào Cai*).

[349] CTMTQG NTM: Tỉnh Lào Cai, Lai Châu, Kon Tum, Bắc Kạn, Trà Vinh, Thừa Thiên Huế.

[350] CTMT Kinh tế vùng: Tỉnh Vĩnh Phúc, Hà Tĩnh, Bạc Liêu, Hưng Yên, Phú Thọ.

- Đến hết năm 2020, các Chương trình chưa đạt được mục tiêu đề ra[351]. Nguyên nhân chủ yếu do các dự án thuộc Chương trình chậm tiến độ; bố trí vốn cho các dự án hoàn thành bàn giao trước năm 2015, các dự án chuẩn bị đầu tư, các dự án khởi công mới nhưng hoàn thành sau giai đoạn 2016 - 2020 nên không tạo ra năng lực tăng thêm, không phục vụ cho việc đạt được mục tiêu cụ thể của Chương trình[352]; bố trí vốn NSTW cho 108 dự án chưa phù hợp mục tiêu cụ thể của Chương trình[353]; phân bổ vốn cho các dự án chưa tuân thủ thứ tự ưu tiên[354]; bố trí vốn dàn trải, vượt thời gian quy định; xác định mục tiêu của Chương trình[355] quá cao, vượt khả năng đáp ứng nguồn vốn của ngân sách các cấp; công tác quản lý, chỉ đạo, phối hợp thực hiện chương trình còn tồn tại, hiệu lực và hiệu quả điều hành hạn chế[356].

- Bố trí vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 từ NSTW còn thiếu so với tổng nguồn vốn thực hiện Chương trình được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt[357], thiếu so với nhu cầu vốn của các dự án[358] gây nguy cơ phát sinh nợ đọng XDCB hoặc chậm tiến độ; giao KH ĐTCTH cho một số dự án chưa phù hợp[359]; vốn đầu tư hàng năm thiếu so với tổng các nguồn vốn thực hiện Chương trình[360]; vốn hàng năm cho các dự án thiếu so với nhu cầu[361]; số vốn được duyệt theo Chương trình chưa được giao hết và KHV năm 2020 giao cho Bộ TN&MT vượt KH ĐTCTH 27,5 tỷ đồng[362], Bộ TN&MT phân bổ KHV năm 2020 cho dự án[363] vượt KH ĐTCTH. Một số địa phương chưa bố trí nguồn cân đối từ NSĐP, vốn khác[364], không bố trí[365] hoặc bố trí rất ít[366]; bố trí vốn cho các dự án chậm nộp báo

---

[351] (1) CTMT Kinh tế vùng; (2) CTMT Đầu tư hạ tầng khu kinh tế; (3) CTMT ứng phó với biến đổi khí hậu.

[352] CTMT Kinh tế vùng; CTMT Đầu tư hạ tầng khu kinh tế.

[353] CTMT Kinh tế vùng: Tại các tỉnh được kiểm toán chi tiết có 09 dự án chưa phù hợp mục tiêu, 04 dự án chưa có bằng chứng chứng minh sự phù hợp đối tượng (tổng vốn NSTW đã bố trí cho 13 dự án là 333,99 tỷ đồng); các tỉnh, thành phố kiểm toán tổng hợp có 95 dự án chưa phù hợp mục tiêu cụ thể của Chương trình (tổng vốn NSTW đã bố trí trong kế hoạch trung hạn là 3.430,42 tỷ đồng).

[354] CTMTQG NTM: Tỉnh Bình Định (Huyện An Lão, Tuy Phước) chưa bố trí đủ vốn để hoàn thành các dự án chuyển tiếp nhưng vẫn bố trí cho các dự án khởi công mới.

[355] CTMT Đầu tư hạ tầng khu kinh tế.

[356] CTMT Đầu tư hạ tầng khu kinh tế; CTMTQG NTM.

[357] CTMT Kinh tế vùng: Thiếu 38.875 tỷ đồng, tương đương 38,2%. Vốn ODA: Không cân đối, bố trí vốn ODA cho Chương trình mặc dù Quyết định số 1256/QĐ-TTg đã dự kiến bố trí vốn ODA 26.496 tỷ đồng.

[358] CTMT Kinh tế vùng: Thiếu khoảng 132.500 tỷ đồng.

[359] CTMT ứng phó với biến đổi khí hậu.

[360] CTMT Kinh tế vùng: Thiếu 106.290 tỷ đồng (*NSTW thiếu 47.101 tỷ đồng, vốn ODA thiếu 26.496 tỷ đồng, vốn NSĐP và nguồn khác thiếu 32.693 tỷ đồng*).

[361] CTMT Kinh tế vùng: Thiếu 160.999 tỷ đồng (*NSTW thiếu 140.053 tỷ đồng, NSĐP thiếu 20.945 tỷ đồng*).

[362] CTMT ứng phó với biến đổi khí hậu.

[363] CTMT ứng phó với biến đổi khí hậu: Dự án "*Xây dựng mô hình số độ chính xác cao khu vực đồng bằng và ven biển phục vụ công tác nghiên cứu đánh giá tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng*".

[364] CTMT Kinh tế vùng; CTMT Đầu tư hạ tầng khu kinh tế.

[365] CTMT Kinh tế vùng: TP. Hà Nội và tỉnh Tiền Giang.

[366] CTMT Kinh tế vùng: Tỉnh Thừa Thiên Huế (5%), Ninh Bình (6%), Gia Lai (6%), Điện Biên (8%), Bắc Kạn (19%), Nghệ An (19%), Đồng Nai (22%).

cáo quyết toán từ 12 tháng trở lên[367], dự án đến ngày 31/10/2019 chưa có quyết định đầu tư[368], vượt thời gian quy định[369], vượt mức hỗ trợ hoặc chưa phù hợp cơ cấu nguồn vốn tại Quyết định đầu tư[370], chưa có trong danh mục Đề án[371], chưa sát với thực tế[372] và khả năng giải ngân phải điều chuyển[373] hoặc không giải ngân kịp thời nên phải điều chỉnh giảm, hủy KHV[374]; bố trí vốn chưa đầy đủ[375]; giao KHV chưa kịp thời[376]; điều chỉnh, bổ sung KHV sau ngày 15/11/2020[377]; giao vốn sự nghiệp chậm[378], chưa sát thực tế[379], không đúng nội dung hỗ trợ[380], nguồn kinh phí[381]. Một số địa phương còn nợ khối lượng hoàn thành[382] phát sinh nợ XDCB trong giai đoạn 2016-2020, chưa tuân thủ quy định tại Điều 16 Luật Đầu tư công[383].

**3. Kết quả kiểm toán chuyên đề việc quản lý quy hoạch, cấp phép xây dựng tại các đô thị giai đoạn 2017-2020 và việc quản lý quy hoạch, cấp phép xây dựng thủy điện nhỏ giai đoạn 2016-2020**

***3.1. Chuyên đề việc quản lý quy hoạch, cấp phép xây dựng tại các đô thị giai đoạn 2017-2020***

(1) Công tác ban hành văn bản còn bất cập, chưa kịp thời, đầy đủ; cụ thể: (i) Chưa rà soát định kỳ đối với quy hoạch chung (QHC), quy hoạch phân khu

---

[367] CTMT Đầu tư hạ tầng khu kinh tế: Tỉnh Lào Cai 02 dự án.

[368] CTMTQG GNBV: Tỉnh Bình Định.

[369] CTMT Đầu tư hạ tầng khu kinh tế: Tỉnh Lào Cai 06 dự án; Kiên Giang 02 dự án.

[370] CTMTQG NTM: Các tỉnh Kon Tum, Đắk Lắk, Thừa Thiên Huế, Bình Định.

[371] (i) CTMTQG NTM: Tỉnh Điện Biên, Bình Định. (ii) CTMTQG GNBV: Tỉnh Bình Định: 20 dự án thuộc 07 xã; tỉnh Điện Biên (huyện Nậm Pồ): 02 dự án đã được UBND, HĐND cấp huyện chấp thuận bổ sung theo báo cáo của đơn vị.

[372] CTMTQG NTM: Tỉnh Lai Châu, Sóc Trăng; Thị xã Vĩnh Châu, huyện Kế Sách, Long Phú (tỉnh Sóc Trăng).

[373] CTMT Đầu tư hạ tầng khu kinh tế: Tỉnh Lào Cai bố trí vốn cho Dự án xử lý nước thải Khu công nghiệp Tằng Lỏng - Giai đoạn II năm 2020 chưa phù hợp phải điều chỉnh cho dự án Bệnh viện đa khoa huyện Mường Khương 10 tỷ đồng. CTMTQG NTM tại 18 tỉnh năm 2020 đã kết thúc giai đoạn 2016-2020, tuy nhiên một số địa phương chưa giải ngân, sử dụng hết nguồn vốn NSTW được giao, phải chuyển nguồn sang năm 2021 số tiền 608,5 tỷ đồng. CTMTQG GNBV 84,8 tỷ đồng.

[374] CTMT Đầu tư hạ tầng khu kinh tế: Tỉnh Kiên Giang 2,075 tỷ đồng, Trà Vinh 4,185 tỷ đồng; Quảng Ngãi 2,731 tỷ đồng. CTMTQG NTM: Tỉnh Bình Định, Thừa Thiên Huế, Hà Giang, Sóc Trăng, Đắk Lắk, Lai Châu.

[375] CTMT Đầu tư hạ tầng khu kinh tế: (i) Tỉnh Lào Cai thiếu 22,174 tỷ đồng; (ii) Tỉnh Quảng Ngãi: Nguồn NSTW bố trí KHV hằng năm cho các dự án đạt 94% KH ĐTCTH; (iii) Tỉnh Kiên Giang: KH ĐTCTH giao cho các dự án thiếu so với TMĐT 1.048,085 tỷ đồng, mặt khác KHV hằng năm thiếu so với KH ĐTCTH 74,769 tỷ đồng.

[376] Tỉnh Lào Cai: Giao chi tiết KH ĐTCTH và hằng năm của Tỉnh chậm hơn 4 tháng. CTMTQG NTM: Tỉnh Bình Thuận, Lào Cai, Bình Định, Hà Tĩnh, Hà Giang, Sóc Trăng; Điện Biên; Lai Châu; Đắk Lắk.

[377] CTMTQG GNBV: Vốn Đầu tư tỉnh Lai Châu; Vốn sự nghiệp tỉnh Ninh Thuận (*huyện Bác Ái*).

[378] CTMTQG NTM: Tỉnh Sóc Trăng; Hà Giang; Thừa Thiên Huế; Hà Tĩnh; Bình Thuận; Bình Định; Bắc Kạn; Ninh Thuận.

[379] CTMTQG NTM: Tỉnh Bắc Kạn; Hà Tĩnh.

[380] CTMTQG NTM: Tỉnh Thừa Thiên Huế, Bình Định.

[381] CTMTQG NTM: Tỉnh Kon Tum, Đắk Lắk (*dùng nguồn NSTW để giao cho nhiệm vụ chi của nguồn NSĐP*).

[382] CTMTQG NTM: Tỉnh Trà Vinh, Hà Tĩnh (*Huyện Can Lộc, Thạch Hà*), Bình Thuận (*Huyện Tuy Phong, Hàm Tân, Phú Quý),* Bình Định *(Thị xã Hoài Nhơn*).

[383] CTMT Kinh tế vùng: Tỉnh Phú Thọ 8,324 tỷ đồng, Hà Nam 314,45 tỷ đồng, Lào Cai 1,597 tỷ đồng.

(QHPK), quy hoạch chi tiết (QHCT)[384]; (ii) Chưa kịp thời ban hành, điều chỉnh các văn bản quy định về quản lý quy hoạch đô thị (QHĐT)[385]; (iii) Chưa tổ chức lập, phê duyệt và ban hành quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị[386]; (iv) Ban hành quyết định phê duyệt quy hoạch còn chồng chéo[387], các văn bản quản lý QHĐT không phù hợp[388]; (v) Sở Xây dựng không có văn bản hướng dẫn kiểm tra, tổ chức thực hiện[389]; chế độ báo cáo chưa đầy đủ[390]; (vi) Cấp phép xây dựng và quản lý sau cấp phép trên cơ sở văn bản hết hiệu lực hoặc không phù hợp[391]; phân cấp cho Sở Xây dựng cấp GPXD chưa phù hợp[392]; chưa xây dựng và ban hành Chương trình phát triển đô thị toàn thành phố[393]; chậm ban hành quy định về cấp GPXD[394]; chưa ban hành Quy trình kiểm tra của Đội quản lý trật tự đô thị[395]; (vii) Chưa kịp thời tham mưu ban hành mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (tỉnh Khánh Hòa); (viii) Nội dung chưa thống nhất giữa các văn bản[396]; (ix) Bộ Xây dựng đã xây dựng các TCVN[397] nhưng chưa có quy định phương pháp xác định quy mô và chỉ tiêu dân số tương ứng.

(2) Công tác lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh đồ án QHĐT (tại 18 tỉnh/thành phố[398]): (i) Đồ án QHC đô thị chưa phù hợp, thống nhất và còn chậm[399]; (ii) Đồ án QHPK chưa đảm bảo, xác định các thành phần sử dụng đất còn thiếu[400]; (iii) Đồ án QHCT chưa phù hợp với QHC, quy hoạch vùng, QHPK về mục đích sử dụng đất[401]; chưa tuân thủ yêu cầu đánh giá môi trường chiến lược[402]; chưa đảm

---

[384] TP Hà Nội; TP Cần Thơ; UBND quận Cái Răng, TP Cần Thơ.

[385] TP Hồ Chí Minh; Tỉnh Bình Định; UBND thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

[386] TP Hồ Chí Minh, Cần Thơ; tỉnh Khánh Hòa, Yên Bái, Đồng Tháp, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Bình Định.

[387] TP Cần Thơ: Trên địa bàn các quận Ninh Kiều, Bình Thủy, Thốt Nốt, Cái Răng.

[388] Tỉnh Bình Định, An Giang, Vĩnh Long.

[389] Tỉnh Tuyên Quang.

[390] Tỉnh Lạng Sơn, Tuyên Quang: Chưa cập nhật đầy đủ số liệu các đồ án quy hoạch trên địa bàn toàn tỉnh.

[391] TP Hồ Chí Minh.

[392] Tỉnh Bình Định (*đã được UBND tỉnh điều chỉnh tại Quyết định số 93/2020/QĐ-UBND ngày 25/12/2020*).

[393] TP Hồ Chí Minh.

[394] Tỉnh Yên Bái.

[395] UBND thành phố Cao Lãnh và thành phố Sa Đéc thuộc tỉnh Đồng Tháp.

[396] (i) Thông tư số 12/2012/TT-BXD của Bộ Xây dựng quy định về số tầng nhà không thống nhất với Thông tư số 07/2019/TT-BXD; (ii) Điều 38 Luật số 15/2012/QH-XIII quy định thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã có áp dụng biện pháp buộc tháo dỡ công trình vi phạm, tuy nhiên theo Điều 76 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP quy định không có thẩm quyền.

[397] TCVN 12870:2020 - Resort villa (*biệt thự nghỉ dưỡng*); TCVN 12871:2020 - Officetel (*Văn phòng kết hợp lưu trú*); TCVN 12872:2020 - Shophouse (*nhà thương mại liên kế*); TCVN 12873:2020 - Condotel (*căn hộ lưu trú*).

[398] Tỉnh Yên Bái, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hà Giang, Lạng Sơn, Bắc Ninh, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Khánh Hòa, Kiên Giang, An Giang, Đồng Tháp, Vĩnh Long; TP Hà Nội, Đà Nẵng, Hồ Chí Minh, Cần Thơ.

[399] Tỉnh Khánh Hòa, An Giang, Đồng Tháp.

[400] TP. Đà Nẵng, TP. HCM, Cần Thơ; tỉnh Bắc Ninh, Tuyên Quang, Bình Định, An Giang.

[401] Tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Thái Nguyên, Khánh Hòa, Vĩnh Long; Bình Định; TP. Hà Nội, Đà Nẵng, Cần Thơ, TP. HCM.

[402] Tỉnh Bình Định, Quảng Nam, Lạng Sơn, Vĩnh Long, TP. Đà Nẵng.

bảo quy định[403]; (iv) Lập, thẩm định, phê duyệt đồ án QHCT chưa thực hiện Luật QHĐT[404]; (v) Lập, thẩm định và phê duyệt điều chỉnh đồ án QHĐT chưa đảm bảo điều kiện[405]; (vi) Bố trí chưa đủ quỹ đất để phát triển nhà ở xã hội[406]; chưa đảm bảo 20% diện tích đất ở hoặc chuyển thành đất nhà ở thương mại[407]; thậm chí không dành 20% tổng diện tích đất ở trong các đồ án QHCT để xây dựng nhà ở xã hội[408]; (vii) Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh đồ án QHCT, QHC điều chỉnh, QHPK chưa có ý kiến cơ quan có thẩm quyền[409]; chưa tổ chức xin ý kiến cộng đồng dân cư [410] hoặc cơ quan, tổ chức có liên quan[411].

(3) Công tác quản lý và sử dụng đất: Lập, điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất và quy hoạch sử dụng đất điều chỉnh đến năm 2020 của cấp tỉnh, thành phố chưa đảm bảo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; không bố trí đủ vốn để triển khai thực hiện các dự án[412]; tham mưu ban hành quyết định phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm chưa đảm bảo quy định[413], thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất dự án trong đô thị còn nhiều tồn tại, bất cập[414]; chậm chỉ đạo các đơn vị thực hiện rà soát và truy thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa[415]. Một số dự án có điều chỉnh quy hoạch phải xác định lại nghĩa vụ tài chính hoặc đang được địa phương chỉ đạo kiểm tra, rà soát xác định lại nhưng chưa thực hiện đúng quy định[416].

(4) Công tác cấp phép xây dựng (CPXD): Cấp GPXD cho các trường hợp không thuộc đối tượng[417], chưa đảm bảo quy định[418] hoặc Quy chuẩn Việt Nam và

---

[403] Tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Bắc Ninh, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Vĩnh Long, Tuyên Quang, Khánh Hòa, Đồng Tháp, TP Hà Nội, TP. Đà Nẵng, TP. Cần Thơ, TP Hồ Chí Minh.

[404] Tỉnh Thái Nguyên, Bình Định, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Khánh Hòa, Kiên Giang, Bắc Ninh; TP Hà Nội, Đà Nẵng, TP. HCM.

[405] Tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, Quảng Nam, Khánh Hòa, TP Cần Thơ.

[406] Tỉnh Bình Định, Quảng Ngãi, Quảng Nam, Yên Bái, Thái Nguyên, Kiên Giang, Khánh Hòa; TP. HCM.

[407] Tỉnh Quảng Nam.

[408] Tỉnh Thái Nguyên; Khánh Hòa.

[409] Tỉnh Quảng Ngãi.

[410] Tỉnh Bình Định.

[411] Tỉnh Quảng Nam.

[412] Tỉnh Quảng Ngãi, Yên Bái, TP Cần Thơ.

[413] Tỉnh Bình Định, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Yên Bái, Lạng Sơn, Kiên Giang, TP. Đà Nẵng, Cần Thơ.

[414] Quy hoạch sử dụng đất và QHPK thiếu đồng bộ khiến tình trạng tổ chức, cá nhân được chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở, đất sản xuất, kinh doanh nhưng lại không đủ điều kiện CPXD do mục đích sử dụng đất không phù hợp với chức năng sử dụng đất trong QHPK (*TP. HCM*); chuyển đổi đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp lớn hơn diện tích theo văn bản chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ (*tỉnh Vĩnh Long*); hồ sơ thuê đất, giao đất chưa phù hợp với QHCT 1/500, chưa phù hợp QHSDĐ giai đoạn 2015-2020 (*TP. Cần Thơ*); Dự án đã giao đất thi công hạ tầng khu dân cư nhưng Sở TN&MT chưa tham mưu ban hành quyết định giao đất (*TP. Đà Nẵng*); thẩm định về nhu cầu và điều kiện giao đất có diện tích giao đất lớn hơn kế hoạch sử dụng đất được duyệt (*tỉnh Quảng Ngãi*), một số đồ án quy hoạch chưa hướng dẫn cho các chủ đầu tư thực hiện các thủ tục về đất đai và tham mưu cho cơ quan có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất theo quy định (*tỉnh Bình Định*), chưa có quyết định thu hồi đất, giao đất của các cấp thẩm quyền, nhưng nhà đầu tư đã triển khai thực hiện đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật (*tỉnh Kiên Giang*).

[415] Tỉnh Khánh Hòa (10,291 tỷ đồng).

[416] TP Hà Nội, Đà Nẵng; Tỉnh Quảng Ngãi, Bắc Ninh, Bình Định, An Giang, Vĩnh Long.

[417] Tỉnh Quảng Ngãi, Khánh Hòa.

[418] Tỉnh Bình Định, Bắc Ninh, Quảng Ngãi, Hà Giang, Thái Nguyên, Khánh Hòa; TP Đà Nẵng, Cần Thơ, TP. HCM.

quy chuẩn có liên quan[419]; tổ chức CPXD chưa đảm bảo trình tự, thủ tục, thời gian[420]; hồ sơ CPXD có giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất chưa đảm bảo[421]; GPXD được cấp không đảm bảo quy định[422], điều chỉnh GPXD còn bất cập[423].

(5) Công tác quản lý sau CPXD: Nhiều công trình, dự án xây dựng khi chưa được cấp phép hoặc không đúng so với GPXD[424]. Hầu hết địa phương chưa tổ chức kiểm tra hành vi vi phạm trật tự xây dựng kịp thời; áp dụng mức phạt vi phạm chưa phù hợp; chưa quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả; lập Biên bản vi phạm hành chính chậm; kiểm tra chưa triệt để, kiên quyết. Một số dự án chuyển mục đích sử dụng so với GPXD không đúng quy định[425].

***3.2. Chuyên đề việc quản lý quy hoạch, CPXD thủy điện nhỏ giai đoạn 2016-2020:*** Công tác phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch chưa phù hợp quy định[426]; chế độ chính sách còn bất cập[427]; việc chuyển đổi mục đích đất rừng chưa đảm bảo quy định[428].

---

[419] TP Hà Nội, Đà Nẵng, TP. HCM; tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Kiên Giang, Khánh Hòa.

[420] Tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Kiên Giang; TP Cần Thơ.

[421] Tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, Khánh Hòa, Vĩnh Long, Kiên Giang; TP Cần Thơ.

[422] Tỉnh Yên Bái, Bắc Ninh, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Thái Nguyên, Vĩnh Long, Đồng Tháp, Khánh Hòa, An Giang; TP Đà Nẵng, Cần Thơ, TP. HCM.

[423] Cơ quan cấp phép thực hiện cấp mới GPXD tồn tại song song với giấy phép cũ, không thực hiện ghi chép nội dung điều chỉnh vào GPXD cấp mới (*TP. Đà Nẵng*); không đúng thiết kế tổng mặt bằng được chấp thuận (*tỉnh Đồng Tháp*); cấp lại GPXD nhưng chưa thực hiện thu hồi GPXD cũ (*tỉnh Quảng Nam*).

[424] Tỉnh Yên Bái, Quảng Nam, Bình Định, Khánh Hòa, Kiên Giang; TP Đà Nẵng.

[425] TP HCM; tỉnh Thái Nguyên.

[426] Giai đoạn 2016-2020, Bộ Công Thương phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch thủy điện nhỏ trên phạm vi cả nước chưa căn cứ trên quy hoạch phát triển nguồn điện và cơ cấu nguồn điện đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 18/3/2016; thẩm định, phê duyệt bổ sung quy hoạch một số dự án thủy điện nhỏ không lấy ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, còn chưa đảm bảo độ tin cậy về thông tin, số liệu và cơ sở để đánh giá về sự phù hợp của đề xuất quy hoạch thủy điện với quy hoạch liên quan khác.

[427] (i) Khoản 2, Điều 4, Luật Điện lực hợp nhất phát hành theo Văn bản số 03/VBHN-VPQH ngày 29/6/2018 của Văn phòng Quốc hội quy định về cơ chế độc quyền trong lĩnh vực hoạt động truyền tải không còn phù hợp với quan điểm chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/02/2020; (ii) Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 02/12/1019 của Chính phủ chỉ tích hợp Quy hoạch thủy điện nhỏ toàn quốc ban hành theo Quyết định số 3454/QĐ-BCN ngày 18/10/2005 trong khi Bộ Công Thương đã phê duyệt bổ sung các dự án thủy điện nhỏ tại nhiều quyết định riêng rẽ; (iii) Thông tư số 43/2012/TT-BCT ngày 27/12/2012 và 43/2013/TT-BCT ngày 31/12/2013 của Bộ Công Thương đã không còn phù hợp do một số văn bản làm căn cứ pháp lý đã thay đổi; (iv) Quy định tại Nghị định 201/2013/NĐ-CP của Chính phủ có sự chồng chéo trong thẩm quyền trong quản lý, phê duyệt dòng chảy tối thiểu đối với hạ lưu, hồ chứa các dự án thủy điện nhỏ sử dụng nguồn nước nội tỉnh giữa Bộ TN&MT và UBND cấp tỉnh; (v) Quy định về dòng chảy tối thiểu tại Điều 4 Thông tư 64/TT-BTNMT chưa đáp ứng yêu cầu tại khoản 18 Điều 2 Luật Tài nguyên nước; (vi) có sự chồng chéo về thẩm quyền giữa Thủ tướng Chính phủ và HĐND cấp tỉnh đối với việc quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng đặc dụng và đất rừng đặc dụng dưới 20ha giữa quy định tại Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 và Luật Đất đai số 45/2013/QH13.

[428] Tỉnh Hà Giang, Điện Biên, Sơn La, Lai Châu, Lào Cai vẫn còn hiện tượng chuyển đổi đất rừng tự nhiên, chuyển đổi rừng tự nhiên hiện có sang mục đích sử dụng khác; một số dự án thủy điện đưa vào vận hành khai thác chưa hoàn thành việc trồng rừng thay thế, chưa nộp đầy đủ tiền trồng rừng thay thế theo phương án được cấp thẩm quyền phê duyệt.

**4. Chuyên đề việc quản lý, sử dụng dự phòng chung vốn NSTW trong nước của KH ĐTCTH giai đoạn 2016-2020 tại các bộ, cơ quan trung ương và địa phương (DPC)**

(1) Công tác giao, phân bổ và điều chỉnh KHV DPC

- Chưa ưu tiên giao vốn cho một số dự án dở dang và đã đăng ký nhu cầu[429]; giao 52 tỷ đồng cho 04 dự án[430] khởi công mới 2021-2024 trong khi các dự án chưa phân khai cụ thể cơ cấu nguồn vốn và khả năng cân đối vốn để hoàn thành dự án theo quy định; giao KH ĐTCTH còn chậm, nhiều dự án được giao sau quý I/2020, thậm chí giao trong quý IV/2020[431].

- Bộ KH&ĐT chưa tham mưu điều chỉnh KH ĐTCTH đối với một số dự án được giao vốn nhưng không có khả năng thực hiện, không phân bổ vốn hằng năm. Có 25 dự án của 05 bộ, cơ quan trung ương và 07 tỉnh đã được giao vốn trung hạn 7.307,21 tỷ đồng tuy nhiên phân bổ vốn hằng năm chỉ đạt 6.309,156 tỷ đồng, bằng 86%; điều chỉnh vốn cho một số dự án không thuộc danh mục dự án sử dụng nguồn DPC 136,804 tỷ đồng; 03 dự án[432] được giao 118,5 tỷ đồng nhưng không giao hết KHV năm và đã điều chuyển để thu hồi vốn ứng trước 38,326 tỷ đồng.

- Một số tỉnh[433] có dự án về đường ven biển được giao vốn trung hạn, nhưng các tỉnh chưa có văn bản "*cam kết sử dụng chủ yếu ngân sách địa phương, kết hợp với các hình thức đầu tư khác*" theo quy định Nghị quyết số 71/2018/QH14.

(2) Việc tham mưu, thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn các dự án

- Bộ KH&ĐT tổng hợp, dự kiến phương án phân bổ nguồn DPC vốn NSTW trong nước KH ĐTCTH giai đoạn 2016 - 2020 chưa căn cứ đầy đủ khả năng cân đối vốn đầu tư của NSNN hằng năm theo quy định tại Nghị quyết số 71/2018/QH14 dẫn đến số vốn thực tế đã giao trung hạn sau Nghị quyết số 84/2019/QH14 là 35.195,122 tỷ đồng, cao hơn dự kiến tại Báo cáo số 483/BC-CP ngày 13/10/2019 của Chính phủ 14.288,222 tỷ đồng. Nguyên nhân do được bổ

---

[429] (1) Tỉnh Lào Cai: Dự án kè sông Hồng, di dân tái định cư khu vực Cảnh Chín xã Thạnh Hòa TP. Lào Cai (đoạn từ cầu Phố mới đến xã Thạnh Hoàn); Dự án Đường Trần Hưng Đạo kéo dài và dự án Kè Sông Hồng, di dân tái định cư khi vực Cảnh Chín xã Vạn Hòa, TP Lào Cai (đoạn từ Phố mới đến xã Vạn Hòa) thiếu 166 tỷ đồng; (2) Tỉnh Lạng Sơn: Dự án Kè chống sạt lở bờ sông Kỳ Cùng thị trấn Na Sầm, huyện Văn Lãng tỉnh Lạng Sơn thiếu 35 tỷ đồng; (3) Tỉnh Phú Yên: Dự án kè chống xói lở bờ sông Ba, đoạn qua thị trấn Phú Thứ, huyện Tây Hòa tỉnh Phú Yên thiếu 109,978 tỷ đồng; (4) Tỉnh Quảng Bình: Dự án Khu lưu niệm Đại tướng Võ Nguyên Giáp tỉnh Quảng Bình thiếu 42 tỷ đồng.

[430] DA đầu tư xây dựng phát triển Khu du lịch quốc gia Mộc Châu 10 tỷ đồng; Dự án Đường hành lang biên giới Phong Thổ (tỉnh Lai Châu) - huyện Bát Xát (tỉnh Lào Cai) 15 tỷ đồng; Dự án Kè chống sói lở bờ sông Đà, bảo vệ mặt bằng khu giáo dục, y tế và dân cư thị trấn Nậm Nhùn, huyện Nậm Nhùn 7 tỷ đồng; Nâng cấp đường quốc lộ 130 (San Thàng - Thèm Sìn - Mường So) - tỉnh Lai Châu 20 tỷ đồng.

[431] Giao trong quý IV/2020 là 2.702,789 tỷ đồng tại các Quyết định: Số 1691/QĐ-TTg ngày 29/10/2020 giao 667,182 tỷ đồng; số 1814/QĐ-TTg ngày 14/11/2020 giao 2.035,067 tỷ đồng.

[432] Tỉnh Quảng Nam; Tỉnh Ninh Thuận.

[433] Các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Bình Định, Bình Thuận.

sung từ nguồn tăng thu NSTW năm 2019 và nguồn thu được để lại của Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan.

- Chưa tập trung nguồn lực để "*xử lý những vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai kế hoạch đầu tư trung hạn*" theo quy định tại Nghị quyết số 26/2016/QH14, số vốn còn thiếu của KH ĐTCTH giai đoạn 2016-2020 là 139.000 tỷ đồng trong khi vẫn tham mưu để giao vốn DPC cho 106 dự án chuẩn bị đầu tư 247,042 tỷ đồng và 377 dự án khởi công mới 12.566,519 tỷ đồng, chiếm 36% trong tổng mức vốn trung hạn đã giao.

(3) Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát đầu tư: Bộ KH&ĐT chưa thực hiện đầy đủ nội dung "*tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định thu hồi, điều chuyển cho bộ, cơ quan trung ương và địa phương khác có nhu cầu*" đối với các trường hợp[434] theo quy định tại Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ, các dự án có tỷ lệ giải ngân thấp còn chưa có giải pháp xử lý kịp thời, hiệu quả.

(4) Công tác giải ngân, thanh toán: Một số bộ, cơ quan trung ương và địa phương có tỷ lệ giải ngân, thanh toán thấp[435], chưa thực hiện tốt các giải pháp nhằm thúc đẩy công tác giải ngân nhanh vốn ĐTC theo quy định tại Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ[436]; thống kê từ 165 dự án có tỷ lệ giải ngân thấp dưới 30% cho thấy tổng số vốn đã phân bổ 2.514,058 tỷ đồng, số giải ngân 140,882 tỷ đồng, tỷ lệ giải ngân bình quân 6%.

**5. Kết quả kiểm toán các dự án đầu tư theo hình thức BOT, BT và các dự án ODA**

Ngoài các hạn chế, sai sót chung trong việc chấp hành quy định về quản lý đầu tư xây dựng, công tác quản lý các dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BOT, BT, các dự án ODA còn một số tồn tại, hạn chế, cụ thể:

(1) Đối với các dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BOT[437]

- Phê duyệt dự án và đồng ý sử dụng vốn NSNN tham gia thực hiện dự án khi chưa tổ chức lập, thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương

---

[434] Không phân bổ vốn hằng năm, phân bổ vốn hằng năm chưa hết hạn mức vốn trung hạn đã được giao, sử dụng hạn mức vốn trung hạn của dự án DPC điều chuyển cho dự án khác ngoài danh mục DPC.

[435] Bộ TN&MT 33,34%; tỉnh Cao Bằng 39,4%; Bắc Kạn 32,8%; Quảng Nam 33%; Trà Vinh 21,7%; TP. Cần Thơ 7,1%.

[436] Tại tiết v, mục 2-II quy định: Tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân 100% vốn ĐTC năm 2020.

[437] (i) Dự án Đường cao tốc Hạ Long - Vân Đồn và cải tạo nâng cấp Quốc lộ 18 đoạn Hạ Long - Mông Dương; (ii) Dự án đầu tư xây dựng công trình Đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận giai đoạn 1; (iii) Dự án Đường nối cao tốc Nội Bài - Lào Cai đến thị trấn Sa Pa.

đầu tư, chưa xác định khả năng cân đối vốn, chưa đầy đủ quy hoạch, chưa có Báo cáo đánh giá tác động môi trường, phê duyệt vị trí đặt trạm thu phí chưa phù hợp; không tổ chức lựa chọn lại nhà đầu tư theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; nhà đầu tư góp vốn chủ sở hữu chậm, thu xếp nguồn vốn vay không kịp thời và bố trí vốn NSNN chưa kịp thời, đầy đủ, chưa đảm bảo được điều kiện về vốn góp nhà nước theo quy định[438].

- Doanh nghiệp dự án sử dụng chi phí dự phòng trong TMĐT nhưng chưa báo cáo UBND tỉnh; chi quản lý dự án thành phần vượt dự toán, chi lãi vay trong thời gian xây dựng cao hơn quy định, hợp đồng BOT chưa quy định cụ thể trách nhiệm chi trả một số dịch vụ công ích; khai thác đất san lấp chưa được cấp giấy phép khai thác, chưa có hợp đồng thuê đất, chưa ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường và chưa xác định diện tích đất trồng lúa bị ảnh hưởng để tính và thu tiền bảo vệ phát triển đất trồng lúa[439]; chưa điều chỉnh giá các gói thầu theo quy định của hợp đồng[440]; dự án chậm so với tiến độ được duyệt, phải điều chỉnh thời gian hoàn thành của dự án[441].

(2) Đối với các dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BT[442]

- Xây dựng danh mục dự án chưa căn cứ vào quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội[443]; công bố danh mục dự án chậm[444]; cấp giấy chứng nhận đầu tư khi chưa có ý kiến của các Sở, ngành liên quan[445]; triển khai thi công khi chưa có giấy chứng nhận đầu tư[446]; bố trí khu đất hoàn vốn để thực hiện dự án khác chưa phù hợp[447], chưa có quyết định bàn giao quyền sở hữu khu đất của Bộ Quốc phòng[448].

---

[438] Dự án Đường nối cao tốc Nội Bài - Lào Cai đến thị trấn Sa Pa.

[439] Dự án Đường cao tốc Hạ Long - Vân Đồn và cải tạo nâng cấp Quốc lộ 18 đoạn Hạ Long - Mông Dương.

[440] Dự án đầu tư xây dựng công trình Đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận giai đoạn 1.

[441] (i) Dự án đầu tư xây dựng công trình Đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận giai đoạn 1; (ii) Dự án Đường nối cao tốc Nội Bài - Lào Cai đến thị trấn Sa Pa.

[442] Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư các dự án thực hiện theo phương thức sử dụng quỹ đất để tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng và các dự án giao đất có thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trên địa bàn tỉnh Hải Dương; Dự án trụ Anten của Đài Phát thanh - Truyền hình Khánh Hòa; Dự án trụ sở làm việc Đài Phát thanh - Truyền hình Khánh Hòa; Dự án Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa (giai đoạn 1); Dự án Trường Cao đẳng Nghề Nha Trang (giai đoạn 1); Dự án đường Nguyễn Thiện Thuật (nối dài), thành phố Nha Trang.

[443] Dự án Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa (giai đoạn 1).

[444] (i) Dự án Trường Cao đẳng Nghề Nha Trang (giai đoạn 1); (ii) Dự án trụ Anten của Đài Phát thanh - Truyền hình Khánh Hòa; (iii) Dự án Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa (giai đoạn 1).

[445] (i) Dự án Trường Cao đẳng Nghề Nha Trang (giai đoạn 1); (ii) Dự án Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa (giai đoạn 1).

[446] Dự án Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa (giai đoạn 1).

[447] Dự án Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa (giai đoạn 1); Dự án Trường Cao đẳng Nghề Nha Trang (giai đoạn 1).

[448] Dự án đường Nguyễn Thiện Thuật (nối dài), thành phố Nha Trang.

- Trình tự thủ tục xác định giá đất trong hợp đồng BT chưa phù hợp[449], chưa đúng quy định về thời điểm và không tương đồng về quy mô, diện tích[450], đặc điểm tương tự[451]; xác định giá đất làm căn cứ thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất chưa chính xác[452]; thiết kế một số phòng làm việc vượt diện tích tiêu chuẩn[453].

- Tiến độ thực hiện dự án chậm theo quyết định phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi và hợp đồng BT[454]; đến thời điểm kiểm toán cơ quan nhà nước có thẩm quyền chưa ký quyết định giao quyền sử dụng đất và bàn giao mặt bằng khu đất thực hiện dự án theo quy định của hợp đồng[455].

(3) Đối với các dự án sử dụng vốn ODA

- Bộ Tài chính chủ trì lấy ý kiến nội bộ, gửi văn bản cho ý kiến về đề xuất chủ trương đầu tư mất nhiều thời gian, ảnh hưởng đến tiến độ chuẩn bị dự án với nhà tài trợ; hằng năm Bộ KH&ĐT không gửi thông báo cho Bộ GD&ĐT về việc phân bổ KHV[456]; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chậm thành lập Ban Chỉ đạo dự án quốc gia[457].

- Ký kết thỏa thuận vay lại giữa Bộ Tài chính và các địa phương còn chậm so với ngày hiệu lực của hiệp định tài trợ, dẫn đến chưa tận dụng nguồn vốn vay nước ngoài; còn thiếu một số hồ sơ thẩm định và phương án trả nợ chưa tính phần lãi phải trả trong thời gian thực hiện dự án, thời gian đề xuất và xem xét của cấp có thẩm quyền về việc thay đổi danh mục các hồ chứa tiềm năng kéo dài[458].

- Lập KHV chưa sát thực hiện nên phải hủy KHV[459], tiến độ giải ngân chậm so với thời gian có hiệu lực của hiệp định, sử dụng không hết nguồn vốn

---

[449] Dự án Trường Cao đẳng Nghề Nha Trang (giai đoạn 1); Dự án Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa (giai đoạn 1).

[450] Dự án Trường Cao đẳng Nghề Nha Trang (giai đoạn 1).

[451] (i) Dự án trụ Anten của Đài Phát thanh - Truyền hình Khánh Hòa; (ii) Dự án trụ sở làm việc Đài Phát thanh - Truyền hình Khánh Hòa.

[452] Các Dự án thực hiện theo phương thức sử dụng quỹ đất để tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng và các dự án giao đất có thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

[453] Dự án Trường Cao đẳng Nghề Nha Trang (giai đoạn 1).

[454] Dự án trụ sở làm việc Đài Phát thanh - Truyền hình Khánh Hòa.

[455] (i) Dự án Trường Cao đẳng Nghề Nha Trang (giai đoạn 1); (ii) Dự án Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa (giai đoạn 1); (iii) Dự án đường Nguyễn Thiện Thuật (nối dài), thành phố Nha Trang.

[456] Kiểm toán công tác quản lý các dự án, công trình được đầu tư bằng nguồn vốn đầu tư phát triển; việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA giai đoạn 2015-2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

[457] Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực Tiểu vùng Mê Công mở rộng.

[458] Dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) - Hiệp định số 5749-VN, Sổ tay hướng dẫn thực hiện dự án và cơ chế cấp phát vay lại của dự án.

[459] (i) Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng Khu công nghệ cao Hòa Lạc: Hủy dự toán năm 2018 là 332,343 tỷ đồng; năm 2019 là 291,61 tỷ đồng; năm 2020 là 38,807 tỷ đồng; (ii) Dự án môi trường bền vững các thành phố duyên hải và Dự án khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung vay vốn WB - tỉnh Bình Định: Năm 2019 hủy dự toán 27,583 tỷ đồng, năm 2020 hủy dự toán 19,464 tỷ đồng; (iii) Dự án quản lý nguồn nước và ngập lụt Vĩnh Phúc: số hủy dự toán chiếm 64% KHV giao (804,992 tỷ đồng/1.245,696 tỷ đồng); (iv) Dự án cầu Đầm Vạc: số hủy dự toán chiếm 45% KHV được giao (90,513 tỷ đồng/199,546 tỷ đồng). (v) Chương trình phát triển đô thị quốc gia dựa trên kết quả cho khu vực miền núi phía Bắc năm 2020 hủy số tiền 0,472 tỷ đồng.

vay so với cam kết trong hiệp định[460]; xác định nhu cầu vốn vay trung hạn còn thiếu[461].

- Một số địa phương, chủ đầu tư bố trí vốn đối ứng chưa kịp thời, chưa đáp ứng yêu cầu tiến độ[462]; bố trí toàn bộ vốn đối ứng ODA từ nguồn NSTW cho các dự án cho vay lại chưa phù hợp với quy định[463]; bố trí nguồn vốn vay ODA cao hơn KHV trung hạn[464].

- Không hạch toán tỷ giá đồng USD, công tác ghi thu, ghi chi chưa đầy đủ, kịp thời[465]; chưa khấu trừ thuế TNCN khi trả thu nhập theo hợp đồng thuê tư vấn[466]; chưa tính và nộp thuế nhà thầu nước ngoài[467]; tỷ lệ giải ngân thấp[468]; không thực hiện hoàn thuế GTGT[469].

## III. KIỂM TOÁN MÔI TRƯỜNG VÀ KIỂM TOÁN HOẠT ĐỘNG

### 1. Kiểm toán môi trường

Công tác thẩm định, phê duyệt hồ sơ môi trường còn hạn chế, chưa đầy đủ[470]; việc triển khai thực hiện quy hoạch chưa đảm bảo điều kiện về môi

---

[460] (i) Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng Khu công nghệ cao Hòa Lạc 5.561 triệu JPY/29.088 triệu JPY; (ii) Kiểm toán công tác quản lý các dự án, công trình được đầu tư bằng nguồn vốn đầu tư phát triển; việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA giai đoạn 2015-2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Dự án Nâng cấp Trường Đại học Cần Thơ: Năm 2018 giải ngân 0% kế hoạch giao, hủy dự toán 121,742 tỷ đồng; dự án Xây dựng Trường Đại học Việt Đức năm 2018 giải ngân 78%, năm 2020 giải ngân 77% kế hoạch giao, tổng giá trị hủy vốn kế hoạch các năm là 228,452 tỷ đồng) dự án Sahep: Năm 2019 giải ngân 0%; năm 2020 giải ngân 34,6%, hủy dự toán 152,801 tỷ đồng; dự án ETEP: Năm 2019 giải ngân 0%, hủy dự toán 229,039 tỷ đồng.

[461] Dự án cầu Đầm Vạc còn thiếu 119,749 tỷ đồng.

[462] (i) Chương trình ETEP: Một số trường chưa bố trí đủ vốn đối ứng 29,229 tỷ đồng; (ii) Dự án quản lý nguồn nước và ngập lụt Vĩnh Phúc thiếu 27,728 tỷ đồng, Dự án cầu Đầm Vạc thiếu 47,264 tỷ đồng.

[463] Dự án Hạ tầng cơ bản phát triển toàn diện các tỉnh Đông Bắc: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn - Tiểu dự án tỉnh Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn: Nguyên tắc phân bổ vốn cụ thể các chương trình mục tiêu giai đoạn 2016 - 2020 tại khoản 2 Phần VI Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 quy định: "*Hỗ trợ cho các dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển được cân đối trong ngân sách nhà nước (theo hình thức cấp phát từ NSTW) do địa phương trực tiếp làm chủ quản dự án, không bố trí vốn đối ứng cho dự án sử dụng hoàn toàn kinh phí sự nghiệp và dự án cho vay lại*".

[464] Dự án Nâng cấp đô thị vùng đồng bằng sông Cửu Long - Tiểu dự án thành phố Mỹ Tho.

[465] (i) Dự án cải thiện Nông nghiệp có tưới (WB7) - tỉnh Hòa Bình, Thanh Hóa, Quảng Nam, Hà Tĩnh, Phú Thọ; (ii) Kiểm toán công tác quản lý các dự án, công trình được đầu tư bằng nguồn vốn đầu tư phát triển; việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA giai đoạn 2015-2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo đến 31/12/2020 số kinh phí chưa được ghi thu, ghi chi là 86,222 tỷ đồng.

[466] Dự án cải thiện Nông nghiệp có tưới (WB7) - tỉnh Hòa Bình.

[467] Dự án cải thiện Nông nghiệp có tưới (WB7) - tỉnh Phú Thọ.

[468] (i) Dự án môi trường bền vững các thành phố duyên hải và Dự án khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung vay vốn WB - tỉnh Bình Định: Vốn ODA đạt 32,9% so với KHV; (ii) Dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8): Tỉnh Hải Dương 6,6%; Ninh Bình 7,6%; Phú Thọ 16,7%; Phú Yên 15,4%; Dự án quản lý nguồn nước và ngập lụt Vĩnh Phúc đạt 19%, Dự án cầu Đầm Vạc đạt 33%.

[469] Các dự án thuộc BCKT công tác quản lý các dự án, công trình được đầu tư bằng nguồn vốn đầu tư phát triển; việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA giai đoạn 2015-2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

[470] Hoạt động quản lý môi trường tại các Ban quản lý khu kinh tế và khu công nghiệp giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn các tỉnh Lào Cai, Phú Thọ, Tuyên Quang, Thái Nguyên: Một số khu công nghiệp (KCN), dự án đã đi vào hoạt động nhưng chưa được xác nhận hoàn thành công trình BVMT, chưa được cấp phép xả thải, chậm trễ trong việc lập, thẩm định và phê duyệt Đề án BVMT.

trường[471] hoặc chưa phù hợp[472]; còn tình trạng chưa chấp hành nghiêm các quy định về môi trường[473], tình trạng phản ánh, khiếu kiện của người dân[474]. Bộ TN&MT và các địa phương thuộc lưu vực sông Mê Công[475] chưa thực hiện đầy đủ quy định của Luật Tài nguyên nước năm 2012[476]; việc cấp phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước, cấp phép khai thác khoáng sản lòng sông chưa đảm bảo quy định[477]; các vi phạm phát hiện qua hoạt động thanh tra, kiểm tra không được xử lý nghiêm[478]; hệ thống giám sát chưa hoạt động hiệu quả, công tác theo dõi, kiểm soát thiếu hiệu lực[479], chưa kịp thời phát hiện, ngăn chặn các sai phạm[480]; Bộ NN&PTNT chưa thực hiện đầy đủ quy định của Luật Thủy lợi 2017[481]; một số địa phương[482] thực hiện theo quy hoạch thủy lợi chậm; chưa triển khai công tác bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước phục vụ công trình thủy lợi và nuôi trồng thủy sản; Bộ Công Thương và các tỉnh Tây Nguyên[483] lập, ban hành quy

---

[471] Việc triển khai thực hiện quy hoạch, điều chỉnh, mở rộng xây dựng tại tỉnh Phú Thọ (KCN Trung Hà), tỉnh Thái Nguyên (KCN Điềm Thụy A), tỉnh Lào Cai (KCN Tằng Loỏng) chưa đảm bảo điều kiện hệ thống công trình BVMT theo quy định.

[472] UBND tỉnh Bình Dương thực hiện quy hoạch các khu vực chôn lấp và sử dụng phương pháp chôn lấp tại Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nam Bình Dương chưa phù hợp với quy hoạch quản lý chất thải rắn lưu vực sông Đồng Nai đến năm 2030.

[473] Tỉnh Lào Cai: việc quản lý, vận hành bãi thải Gyps của Công ty DAP 2 chưa đảm bảo quy định; tỉnh Lào Cai, Phú Thọ, Tuyên Quang, Thái Nguyên: Một số cơ sở sản xuất, kinh doanh tại các KCN thực hiện chưa nghiêm các quy định về Bảo vệ môi trường trong quản lý và xử lý nước thải, chất thải rắn và khí thải; tỉnh Bình Dương: Một số cơ sở vi phạm quy định về quản lý nước thải, rác thải, có 85 doanh nghiệp tiếp tục xả thải khi giấy phép xả thải hết hạn và chưa được cấp mới (trong đó có 35 trường hợp đến thời điểm kiểm toán vẫn chưa được gia hạn hoặc cấp phép mới).

[474] Tỉnh Lào Cai: Ô nhiễm môi trường tại KCN Tằng Loỏng, sự cố môi trường tại bãi thải Gyps của công ty DAP2; Tỉnh Phú Thọ: Khí thải phát sinh của Công ty TNHH Junma Phú Thọ từ quá trình đốt lò hơi, công đoạn nấu keo, hoạt động ép nhiệt…

[475] An Giang, Đồng Tháp, Hậu Giang, Sóc Trăng, Trà Vinh, Cà Mau, Tiền Giang, Cần Thơ, Bến Tre, Đắk Lắk, Gia Lai, Kon Tum.

[476] Hệ thống quy hoạch về TNN từ trung ương đến địa phương chưa hoàn thiện, thiếu căn cứ pháp lý, cơ sở khoa học để triển khai các hoạt động quản lý, bảo vệ TNN; hoạt động điều tra cơ bản, thông tin, số liệu… về tài nguyên nước mặt, nước dưới đất còn hạn chế về số lượng và chất lượng.

[477] Tại 12 tỉnh được kiểm toán đều chưa hoàn thành nhiệm vụ lập quy hoạch về TNN, đánh giá khả năng tiếp nhận, sức chịu tải của nguồn nước, hạn ngạch xả thải theo quy định của Luật TNN 2012 và Luật BVMT 2014; hồ sơ cấp phép chưa đảm bảo đầy đủ nội dung, thành phần; gia hạn giấy phép không đúng đối tượng…; khai thác khoáng sản lòng sông tại một số địa phương chưa xem xét kỹ lưỡng đến khoảng cách tối thiểu so với đường bờ, phạm vi bảo vệ bờ sông; chưa rà soát, tính toán kỹ lưỡng trữ lượng mỏ, công suất, thời gian khai thác; chưa thực hiện cải tạo phục hồi môi trường, gia cố đường bờ sạt lở sau khai thác…

[478] Cần Thơ, Hậu Giang, Cà Mau, Trà Vinh, Kon Tum.

[479] Tỷ lệ cơ sở kết nối dữ liệu về cơ quan quản lý còn thấp; dữ liệu truyền về chưa ổn định, còn hiện tượng mất kết nối.

[480] Các nguồn nước thải chưa được kiểm soát chặt chẽ khoảng 5.242/6.831 triệu $m^3$ tương đương 77% tổng lượng phát sinh (ước tính cho giai đoạn 05 năm từ 2016 - 2020 tại 12 tỉnh, thành phố được kiểm toán).

[481] Chưa triển khai hoạt động điều tra cơ bản thủy lợi, chưa tiến hành rà soát, điều chỉnh các quy hoạch thủy lợi, chưa tổng hợp tình hình cắm mốc đối với công trình thủy lợi liên tỉnh, chưa ban hành Quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản trên toàn quốc, trong đó bao gồm lưu vực sông Cửu Long và lưu vực sông Sê San - Srêpôk.

[482] Cần Thơ, Bến Tre, Hậu Giang, Sóc Trăng, Cà Mau.

[483] Đắk Lắk, Gia Lai, Kon Tum.

hoạch và quản lý, vận hành các dự án thủy điện trên lưu vực sông Mê Công chưa đảm bảo chặt chẽ[484].

**2. Kiểm toán hoạt động**

(1) Đối với Chương trình NOXH: UBND tỉnh không trình HĐND tỉnh thông qua trước khi phê duyệt Chương trình nhà ở đô thị tỉnh Khánh Hòa đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020; kế hoạch phát triển nhà ở đô thị (trong đó có NOXH) giai đoạn 2016-2020 chưa tổng hợp đầy đủ nhu cầu nhà ở của các đối tượng, dựa trên số liệu khảo sát lạc hậu; quy hoạch phát triển nhà ở không xác định khu vực riêng để lập dự án đầu tư xây dựng NOXH; kết quả thực hiện chỉ tiêu phát triển nhà ở cho các đối tượng chính sách, thu nhập thấp trong giai đoạn 2016-2020 chỉ đạt 45%[485].

(2) Đối với việc quản lý, sử dụng kinh phí đường bộ: Tổng cục đường bộ Việt Nam tham mưu giao dự toán chi chưa sát thực tế, phải điều chỉnh nhiều lần trong năm[486]; giao dự toán chi cho công trình sửa chữa định kỳ khởi công mới chưa đủ căn cứ dẫn đến phải điều chỉnh giảm; hủy dự toán lớn; một số văn bản, định mức, quy định liên quan đến quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đường bộ chưa được chỉnh sửa, bổ sung kịp thời để phù hợp với các quy định hiện hành và thực tế thực hiện[487].

(3) Về kiểm toán CNTT[488]: NHNN chưa quan tâm đúng mức đến vấn đề bản quyền[489]; hạ tầng CNTT chưa đồng bộ giữa các đơn vị[490]; việc ban hành, tuân thủ

---

[484] Quy hoạch không mang tính tổng thể, đồng bộ, không xem xét lập quy hoạch cho cả giai đoạn mà bổ sung quy hoạch riêng lẻ nhiều lần theo đề xuất của UBND tỉnh và nhà đầu tư; việc giao đất cho các dự án thủy điện, trồng rừng thay thế chưa được giám sát; công tác thẩm định, phê duyệt hồ sơ môi trường không xem xét đầy đủ, toàn diện tác động của dự án tới môi trường; việc giám sát các thủy điện chưa chặt chẽ, còn nhiều bất cập…

[485] Cuộc kiểm toán hoạt động Chương trình NOXH giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

[486] QBTTW điều chỉnh 07 lần (Năm 2019); Bộ GTVT điều chỉnh 05 lần (năm 2020), Cục QLĐB II: Năm 2019 (5 lần). Năm 2020 (4 lần điều chỉnh); Sở GTVT Thanh Hóa: Năm 2019 giao bổ sung, điều chỉnh 05 lần và năm 2020 giao bổ sung, điều chỉnh 03 lần; Sở GTVT Hà Giang: Năm 2019 giao bổ sung, điều chỉnh 09 lần và năm 2020 giao bổ sung, điều chỉnh 05 lần; Cục QLĐB I: năm 2019 điều chỉnh 7 lần, năm 2020 điều chỉnh 3 lần; Ban QLDA 4: Năm 2019, điều chỉnh 05 lần; năm 2020, điều chỉnh 04 lần; Sở GTVT Quảng Nam: năm 2019 điều chỉnh 6 lần, năm 2020 điều chỉnh 4 lần.

[487] Thông tư số 60/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính chưa được chỉnh sửa, bổ sung kịp thời để phù hợp theo Luật NSNN khi Chính phủ ban hành Nghị định số 09/2020/NĐ-CP ngày 13/01/2020, theo đó giải thể mô hình hoạt động Quỹ BTĐB TW và địa phương, từ năm 2020, thực hiện phương thức giao dự toán kinh phí bảo trì đường bộ theo Luật NSNN. Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT hướng dẫn Nghị định 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng, bảo trì công trình xây dựng chưa được chỉnh sửa, bổ sung kịp thời khi Nghị định 46/2015/NĐ-CP đã được thay thế bằng Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021.

[488] Chuyên đề hệ thống/dự án CNTT năm 2020 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam và các đơn vị trực thuộc.

[489] Chưa quy định cụ thể quy trình quản lý sử dụng bản quyền phần mềm dẫn đến rủi ro pháp lý do số lượng bản quyền sử dụng trên thực tế lớn hơn nhiều số lượng bản quyền mua thực tế; Dự án FSMIMS chủ đầu tư phê duyệt hồ sơ mời thầu trong đó ước tính số lượng bản quyền các phần mềm không có cơ sở, không phù hợp với chính sách bản quyền của hãng dẫn đến số lượng bản quyền thực tế sử dụng trên các hệ thống đang được triển khai của dự án FSMIMS cao gấp nhiều lần số lượng bản quyền mua theo hợp đồng của các gói thầu.

[490] Các trung tâm dữ liệu (DC) chưa đạt tiêu chuẩn đồng nhất: trung tâm dữ liệu DC của NHNN tại Cục CNTT đạt tiêu chuẩn quốc tế TIA 942:2005 Tier III, tuy nhiên trung tâm dữ liệu tại CIC chưa đạt tiêu chuẩn này; trung tâm dữ liệu dự phòng (DR) tại CIC chưa có khả năng thay thế DC trong trường hợp xảy ra sự cố.

các quy định về an toàn bảo mật thông tin chưa phù hợp với yêu cầu bảo mật thông tin[491]; chưa thiết lập đầy đủ các chốt kiểm soát[492].

## IV. KẾT QUẢ KIỂM TOÁN DOANH NGHIỆP VÀ CÁC TỔ CHỨC TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

### 1. Kiểm toán doanh nghiệp

Năm 2021, KTNN đã kiểm toán Báo cáo tài chính và các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn nhà nước năm 2020 của 73 doanh nghiệp thuộc 16 TĐ, TCT và công ty. Kết quả kiểm toán cho thấy: Năm 2020, trong bối cảnh gặp nhiều khó khăn, thách thức, nhất là tác động, ảnh hưởng nghiêm trọng của đại dịch Covid-19 và thiên tai, bão lũ nhưng dưới sự chỉ đạo của Đảng cùng nỗ lực của cả hệ thống chính trị, người dân và doanh nghiệp đã thực hiện thành công "mục tiêu kép" vừa phòng, chống dịch Covid-19, vừa phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội và đời sống, sức khỏe của nhân dân. Kết quả kiểm toán cho thấy 15/16 TĐ, TCT, công ty được kiểm toán sản xuất kinh doanh có lãi[493]; tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu tại một số đơn vị đạt tương đối cao[494]. Bên cạnh đó, việc quản lý sử dụng vốn, tài sản của các doanh nghiệp được kiểm toán còn một số hạn chế, tồn tại sau:

(1) Phần lớn các đơn vị còn sai sót trong việc hạch toán kế toán, kê khai nghĩa vụ với NSNN nên qua kiểm toán phải điều chỉnh tài sản, nguồn vốn[495], doanh thu, chi phí[496], kiến nghị tăng thu NSNN 2.659,95 tỷ đồng, giảm thuế GTGT được khấu trừ 14,07 tỷ đồng, giảm lỗ các doanh nghiệp 80,34 tỷ đồng[497].

(2) Một số đơn vị chưa xây dựng quy chế quản lý tiền[498], định mức tồn quỹ tiền mặt/tiền gửi ngân hàng[499], kế hoạch sử dụng dòng tiền[500] hoặc quản lý dòng

---

[491] Tại CIC: Còn nhiều tồn tại trong công tác quản lý phân quyền các tài khoản người dùng, các tài khoản đặc quyền; việc thiếu sót các chốt kiểm soát trong thiết kế các phần mềm dẫn đến rủi ro an toàn, lộ lọt thông tin hệ thống CNTT tại CIC.

[492] Chốt kiểm soát tác nghiệp đối với nghiệp vụ Hiệu chỉnh dữ liệu trong kho lỗi; kiểm soát việc phân quyền phê duyệt nghiệp vụ điều chỉnh dữ liệu ở kho chuẩn.

[493] Lợi nhuận sau thuế năm 2020: PVGAS 8.169,18 tỷ đồng; VNPT 5.719,10 tỷ đồng; Mobifone 3.819,39 tỷ đồng; Petrolimex 1.315,55 tỷ đồng; PVFCCo 941,11 tỷ đồng; TCT Điện lực TKV 701,76 tỷ đồng; PVCFC 692,15 tỷ đồng; VNS 570,98 tỷ đồng; HUD 200,04 tỷ đồng...

[494] Mobifone 17,01%; PVGAS 16,45%; PVCFC 12%; PVFCCo 11,09 %; TCT Điện lực TKV 9,91%; VNPT 8,34%...

[495] Tổng tài sản, nguồn vốn tăng 782,47 tỷ đồng, giảm 57,30 tỷ đồng.

[496] Tổng doanh thu, thu nhập tăng 759,47 tỷ đồng; tổng chi phí tăng 185,41 tỷ đồng, giảm 553,12 tỷ đồng.

[497] VNS 58,55 tỷ đồng; TCT Điện lực TKV 20,05 tỷ đồng; Dofico (Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Bưu Long) 1,74 tỷ đồng.

[498] Vinachem: Công ty CP Phân lân nung chảy Văn Điển, Công ty CP Phân lân Ninh Bình.

[499] Vinachem: Công ty CP Phân lân nung chảy Văn Điển, Công ty CP Phân lân Ninh Bình, Công ty CP Phân bón và Hóa chất Cần Thơ; VNPT: TCT Dịch vụ Viễn thông.

[500] Vinachem: Công ty CP Phân lân nung chảy Văn Điển, Công ty CP Phân bón và Hóa chất Cần Thơ; VNS: Công ty CP Gang thép Thái Nguyên.

tiền chưa hiệu quả[501]; quản lý nợ chưa chặt chẽ, còn để phát sinh nợ phải thu quá hạn[502], khó đòi lớn[503]; bán hàng, đặt cọc cho nhà cung cấp không có bảo lãnh hoặc vượt giá trị tài sản thế chấp, bảo lãnh hoặc ký hợp đồng với khách hàng chưa chặt chẽ[504]; trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi[505], xóa nợ[506], trích khấu hao TSCĐ[507] không đúng quy định; mua sắm vật tư chưa phù hợp nhu cầu sử dụng dẫn đến tồn kho lâu ngày, chậm luân chuyển[508]; chưa đánh giá giá trị vật tư thu hồi sau sửa chữa tài sản[509]; chưa kiểm

---

[501] (i) PVGAS: Công ty mẹ chưa cân đối dòng tiền từ các hợp đồng tiền gửi đến ngày đáo hạn khi xây dựng kế hoạch dòng tiền tháng/quý; Công ty mẹ, Công ty CP Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam, Công ty CP CNG Việt Nam để số dư tiền gửi không kỳ hạn vượt định mức, chuyển tiếp cùng kỳ hạn nhiều hợp đồng tiền gửi từ 03 đến 09 tháng; Công ty CP Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam và Công ty CP Kinh doanh LPG Việt Nam chưa chào lãi suất đến các tổ chức tín dụng khi gửi tiền; (ii) VNPT: Công ty mẹ gửi số tiền lớn nhiều kỳ hạn ngắn liên tiếp (gửi 10.700 tỷ đồng kỳ hạn 06, 07, 08 tháng và tiếp tục gửi kỳ hạn 04, 05, 06 tháng; gửi 960 tỷ đồng 02 lần kỳ hạn 06 tháng…), VNPT Vinaphone chưa gửi có kỳ hạn tiền chênh lệch thu chi hàng ngày; (iii) Công ty mẹ - VNS duy trì số dư tiền gửi không kỳ hạn ở mức cao (trên 63 tỷ đồng/ngày, giai đoạn 12/10/2020 đến 28/12/2020 trên 152 tỷ đồng/ngày), chưa chào lãi suất đến các tổ chức tín dụng khi gửi tiền; (iv) Vinachem: Công ty CP Phân lân nung chảy Văn Điển chưa xây dựng tiêu chí lựa chọn ngân hàng, chào lãi suất đến các tổ chức tín dụng khi gửi tiền.

[502] Công ty mẹ - Mobifone 724,21 tỷ đồng (phần lớn là khoản công nợ của khách hàng cá nhân); PVGAS: Công ty mẹ 568,78 tỷ đồng, Công ty CP Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam 16,16 tỷ đồng; VNPT: VNPT Vinaphone (Ban Khách hàng tổ chức doanh nghiệp) 35,55 tỷ đồng.

[503] (i) Vinachem: Công ty mẹ 10.493,30 tỷ đồng, Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam 403,73 tỷ đồng, Công ty CP Phân bón và Hóa chất Cần Thơ 54,65 tỷ đồng, Công ty CP Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao 31,69 tỷ đồng, Công ty CP DAP - Vinachem 26,21 tỷ đồng, Công ty CP Phân lân nung chảy Văn Điển 3,15 tỷ đồng, Công ty CP Phân lân Ninh Bình 2,59 tỷ đồng; (ii) VNS: Công ty CP Gang thép Thái Nguyên 601,75 tỷ đồng, Công ty mẹ 269,68 tỷ đồng; (iii) PVFCCo 233,57 tỷ đồng; (iv) HUD: Công ty mẹ 143,72 tỷ đồng, Công ty CP Đầu tư và Xây dựng HUD 3 là 14,69 tỷ đồng, Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị 11,11 tỷ đồng; (v) PVGAS: Công ty CP Kinh doanh LPG Việt Nam 68,91 tỷ đồng; (vi) VNPT: Công ty CP Công nghệ Công nghiệp Bưu chính Viễn thông 4,36 tỷ đồng, VNPT Vinaphone (Công ty Viễn thông Quốc tế 34.892,48 USD, Trung tâm kinh doanh Bình Dương 4,66 tỷ đồng)...

[504] Mobifone: Công ty Dịch vụ Mobifone Khu vực V; PVCFC: Công ty CP Bao bì dầu khí Việt Nam; VNS: Công ty CP Gang thép Thái Nguyên, Công ty CP Kim khí Hà Nội - VNSteel; PVGAS: Công ty CP Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam, Công ty CP Kinh doanh LPG Việt Nam, Công ty CP CNG Việt Nam; VNPT: Công ty mẹ (VNPT Thái Nguyên); VNPT Vinaphone (Công ty Viễn thông Quốc tế, Ban Khách hàng tổ chức doanh nghiệp); Petrolimex: Công ty mẹ và Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex-TCT Hóa dầu Petrolimex, Chi nhánh Bắc Ninh - Công ty Xăng dầu Khu vực I, Công ty Xăng dầu Khu vực III, Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình.

[505] (i) Trích thừa: Petrolimex 5,7 tỷ đồng; Mobifone 1,82 tỷ đồng; Vinachem 0,90 tỷ đồng... (ii) Trích thiếu: TCT Điện lực TKV: Công ty CP Nhiệt điện Cẩm Phả TKV 0,48 tỷ đồng; VNS: Công ty CP Kim khí Hà Nội - VNSteel 0,47 tỷ đồng.

[506] VNPT: VNPT Vinaphone (Trung tâm kinh doanh Hà Nội) 0,30 tỷ đồng.

[507] (i) Trích thừa: TCT Điện lực TKV 49,87 tỷ đồng; PVFCCo 45,99 tỷ đồng; PVGAS 19,92 tỷ đồng; Mobifone 11,45 tỷ đồng; VNPT 5,58 tỷ đồng... (ii) Trích thiếu: HUD 1,92 tỷ đồng; Dofico: Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Bửu Long 1,18 tỷ đồng; Petrolimex 0,93 tỷ đồng.

[508] Vinachem: Công ty CP Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao 50,86 tỷ đồng, Công ty CP DAP - Vinachem 24,62 tỷ đồng; VNPT: Công ty CP Công nghệ Công nghiệp Bưu chính Viễn thông 72,38 tỷ đồng.

[509] Công ty mẹ - PVCFC; VNS: Công ty CP Mạ kẽm Công nghiệp Vingal - VNSteel.

kê đầy đủ vật tư, hàng hóa[510]; trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho không đúng quy định[511]. Còn một số công trình xây lắp hoàn thành nhiều năm chưa được nghiệm thu, quyết toán[512], một số dự án đầu tư TSCĐ chậm đưa vào khai thác làm giảm hiệu quả sử dụng vốn[513].

(3) Một số đơn vị chưa được góp đủ vốn điều lệ[514] hoặc có vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ được phê duyệt nhưng chưa được cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định[515]; có số dư Quỹ đầu tư phát triển lớn nhưng chưa xây dựng kế hoạch, phương án sử dụng Quỹ[516]; bảo lãnh vượt giá trị vốn góp[517]; trích Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp không đúng quy định hoặc chưa nộp về Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia số tiền đã trích nhưng sử dụng không hết[518]; không có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn[519], mất cân đối tài chính[520] hoặc bị đưa vào diện giám sát tài chính đặc biệt[521] theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

---

[510] TCT Điện lực TKV: Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn chưa kiểm kê lượng than tồn trên phễu, Công ty Nhiệt điện Na Dương chưa kiểm kê dầu tồn tại thùng nhiên liệu của phương tiện vận tải, Công ty Nhiệt điện Sơn Động chưa kiểm kê xỉ đáy và tro bay; Công ty mẹ - PVFCCo chưa kiểm kê sản phẩm của 02 bể chứa phế phẩm; Chi nhánh TCT - Công ty Vận chuyển khí Đông Nam Bộ thuộc PVGAS chưa kiểm kê giá trị khí Sao Vàng - Đại Nguyệt tồn tại đường ống Nam Côn Sơn 2 - giai đoạn 2; VNPT Đồng Tháp thuộc Công ty mẹ - VNPT không kiểm kê cáp đồng thu hồi.

[511] (i) Trích thừa: PVGAS 43,64 tỷ đồng; VNS 19,51 tỷ đồng; VNPT 3,85 tỷ đồng; (ii) Trích thiếu: Mobifone 1,68 tỷ đồng.

[512] HUD: Công ty CP Đầu tư và Xây dựng HUD 3 là 46,64 tỷ đồng (Công trình Hệ thống thoát nước Bắc Ninh 15,98 tỷ đồng, Công trình Phần thô nhà công vụ cơ khí Quang Trung 24,73 tỷ đồng, Công trình Hạ tầng cụm KCN Đồng Mai 0,32 tỷ đồng, Công trình Kết cấu và hoàn thiện hỗn hợp tòa nhà HH1 Chúc Sơn 5,61 tỷ đồng); Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị 1,02 tỷ đồng (Công trình Lô cây xanh CX 06 tại Khu đô thị mới Việt Hưng 0,81 tỷ đồng, Công trình Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị Phú Mỹ 0,21 tỷ đồng).

[513] Trung tâm mạng lưới miền Bắc thuộc Công ty mẹ - Mobifone mua thiết bị truyền dẫn một số dự án Mở rộng mạng lưới Metro các tỉnh khu vực Hà Nội, Đông Bắc Bộ, Đông Nam Bộ từ năm 2017 nhưng đến cuối năm 2020 mới đưa vào sử dụng.

[514] Công ty mẹ - HUD 1.808,97 tỷ đồng; VNPT: Công ty mẹ 5.815 tỷ đồng, Công ty CP Công nghệ Công nghiệp Bưu chính Viễn thông 85 tỷ đồng.

[515] Công ty mẹ - Mobifone 7.029 tỷ đồng; Công ty mẹ - Vinachem 697,52 tỷ đồng.

[516] PVGAS: Công ty mẹ 18.597,25 tỷ đồng, Công ty CP Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam 178,26 tỷ đồng, Công ty CP CNG Việt Nam 131,55 tỷ đồng; Công ty CP Kinh doanh LPG Việt Nam 83,82 tỷ đồng.

[517] VNS bảo lãnh cho Công ty CP Thép tấm lá Thống Nhất (62,4 tỷ đồng) và Công ty CP Gang thép Thái Nguyên (1.196 tỷ đồng).

[518] (i) Trích thừa: Vinachem 1,52 tỷ đồng; (ii) Chưa nộp: Mobifone 54,52 tỷ đồng.

[519] Công ty mẹ - Vinachem.

[520] VNS: Công ty mẹ, Công ty CP Gang thép Thái Nguyên, Công ty TNHH MTV Thép tấm lá Phú Mỹ-VNSteel.

[521] VNS: Công ty CP Thép tấm Miền Nam, Công ty TNHH MTV Thép tấm lá Phú Mỹ - VNSteel, Công ty CP Gang thép Thái Nguyên, Công ty TNHH Tư vấn MDC-VNSteel, Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện kim Việt Trung, Công ty CP Thép tấm lá Thống Nhất, Công ty CP Tân Thành Mỹ, Công ty TNHH Natsteelvina.

(4) Một số đơn vị đầu tư không hiệu quả hoặc hiệu quả thấp[522], thua lỗ lớn[523]; một số khoản đầu tư của TĐ, TCT vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác bị thua lỗ, mất vốn[524]; chưa nộp kịp thời tiền thu về cổ phần hóa[525].

(5) Một số đơn vị quản lý chi phí, giá thành sản phẩm chưa chặt chẽ, định mức sản xuất kinh doanh[526], định mức lao động chưa phù hợp thực tế[527]; chưa đăng ký chương trình khuyến mại hoặc khuyến mại vượt thời gian hoặc không quy định rõ mức khuyến mại cho khách hàng trong quá trình tiêu thụ sản phẩm[528].

(6) Về quản lý sử dụng đất: Một số đơn vị còn nhiều diện tích đất chưa sử dụng hoặc sử dụng không hiệu quả[529], sử dụng chưa đúng mục đích[530], bị lấn

---

[522] (i) Công ty mẹ - HUD: tỷ lệ cổ tức, lợi nhuận dự kiến được chia trên vốn đầu tư 4,34%, trong đó tỷ lệ cổ tức được chia từ 03 công ty con là 2%-5%, 04 công ty con có lợi nhuận thấp không chia cổ tức, 01 công ty con có kết quả kinh doanh lỗ; (ii) Công ty mẹ - Vinachem: tỷ lệ cổ tức, lợi nhuận được chia trên vốn đầu tư là 5,32%, trong đó 03/22 công ty con có kết quả kinh doanh thấp, không chia cổ tức; (iii) Công ty mẹ - VNS: tỷ lệ cổ tức, lợi nhuận được chia trên vốn đầu tư là 4,13%.

[523] (i) Công ty mẹ - Vinachem: 05/22 công ty con lỗ lũy kế đến 31/12/2020 là 15.473,64 tỷ đồng và 01 công ty con đang dừng hoạt động; (ii) VNS: Công ty mẹ (04 công ty con, 05 công ty liên kết và 03 khoản đầu tư khác lỗ lũy kế 898,88 tỷ đồng, trong đó 02 đơn vị đang tạm dừng hoạt động); Công ty CP Gang thép Thái Nguyên (03 công ty con, liên kết không hoạt động, không có khả năng phục hồi sản xuất); (iii) Công ty mẹ - PVGAS: 02/06 công ty con lỗ lũy kế 602,37 tỷ đồng; (iv) Công ty mẹ - Petrolimex: Công ty TNHH MTV Petrolimex Lào lỗ lũy kế 114,82 tỷ đồng, âm vốn chủ sở hữu 57 tỷ đồng; (v) TCT Điện lực TKV: Công ty CP Nhiệt điện Cẩm Phả lỗ lũy kế 1.771,1 tỷ đồng; (vi) Công ty mẹ - VNPT: 02 công ty con, liên doanh lỗ lũy kế 78,8 tỷ đồng; (vii) PVCFC: Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam lỗ năm 2019 và năm 2020 là 8,6 tỷ đồng.

[524] Công ty mẹ - PVFCCo: 02/03 công ty liên kết lỗ lũy kế tại 31/12/2020 là 6.474,84 tỷ đồng, 01/02 khoản đầu tư dài hạn khác lỗ năm 2020 là 45,47 tỷ đồng; Công ty mẹ - HUD: 04/05 công ty liên kết, đầu tư khác lỗ năm 2019 và năm 2020 là 55,49 tỷ đồng; Vinachem: Công ty mẹ (02/09 công ty liên kết lỗ lũy kế 123,69 tỷ đồng), Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam (02/05 khoản đầu tư phải trích lập dự phòng 95,25 tỷ đồng), Công ty CP Phân bón và Hóa chất Cần Thơ (01 khoản đầu tư phải trích lập dự phòng 9,83 tỷ đồng); Công ty mẹ - PVGAS: 01/02 công ty liên kết lỗ năm 2020 là 47,41 tỷ đồng; Petrolimex: TCT Gas Petrolimex - CTCP (01 khoản), Petajico Hà Nội - TCT Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex (02 khoản), TCT Hóa dầu Petrolimex - CTCP (01 khoản), Công ty CP Vận tải Xăng dầu Vipco - TCT Vận tải thủy Petrolimex (04 khoản) phải trích lập dự phòng tổng cộng 132,37 tỷ đồng; Công ty mẹ - VNPT: 02 khoản đầu tư tại các đơn vị đang trong quá trình giải thể, phá sản tiềm ẩn rủi ro mất vốn.

[525] Công ty mẹ - VNS 301,63 tỷ đồng.

[526] TCT Điện lực TKV: Công ty Nhiệt điện Đông Triều mức tiêu hao đá vôi trên thực tế (năm 2019 là 0,017 tấn/MW, năm 2020 là 0,014 tấn/MW) thấp hơn nhiều so với mức tiêu hao đá vôi do Tổng công ty giao (0,05 tấn/MW).

[527] VNPT: Trung tâm kinh doanh Đồng Tháp vượt định mức quy định của VNPT Vinaphone.

[528] Mobifone; PVCFC; VNPT: TCT Dịch vụ Viễn thông; VNS: Công ty CP Gang thép Thái Nguyên.

[529] PVCFC: Công ty mẹ 3,4 ha, Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam 0,9 ha; Vinachem: Công ty CP Phân lân nung chảy Văn Điển 2,28 ha; VNS: Công ty mẹ 1,6 ha, Công ty CP Kim khí Hà Nội - VNSteel 1,49 ha; PVFCCo: Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ 1,72 ha; Petrolimex: Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình 0,47 ha, Công ty Xăng dầu Thanh Hóa 0,14 ha, Công ty Xăng dầu Khu vực III là 0,029 ha; TCT Điện lực TKV: Công ty Nhiệt điện Na Dương (0,44 ha của thửa đất số 588 và các thửa đất số 586, 587); PVGAS: Công ty CP Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam 1,30 ha; Công ty mẹ 0,68 ha; VNPT: Một số lô đất thuộc Dự án Tuyến cáp quang biển trục Bắc - Nam, VNPT Kiên Giang (05 lô đất), VNPT Thái Nguyên (01 lô đất), VNPT Long An (01 lô đất).

[530] PVGAS: Công ty CP Kinh doanh LPG Việt Nam 3,41 ha; VNS: Công ty mẹ (đất tại số 63/42 Lạc Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội; 337 An Dương Vương, Hồng Bàng và 45 Ngô Quang Huy, Hồ Chí Minh), Công ty CP Gang thép Thái Nguyên 0,93 ha.

chiếm, tranh chấp[531], sử dụng đất không rõ nguồn gốc[532], chưa đủ hồ sơ pháp lý[533], chưa làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng[534], chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với NSNN[535], qua kiểm toán xác định tiền thuê đất, thuế sử dụng đất phải nộp tăng thêm[536].

(7) Còn có đơn vị khai thác khoáng sản chưa có trong giấy phép[537] hoặc giấy phép hết hạn[538]; khai thác vượt trữ lượng được cấp phép[539].

(8) Một số TĐ, TCT, công ty chưa thoái vốn đầu tư theo kế hoạch được duyệt[540]; chậm thoái vốn khỏi lĩnh vực tài chính ngân hàng, bảo hiểm, lĩnh vực không phù hợp với ngành nghề kinh doanh chính quy định tại Điều 21 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP của Chính phủ[541]; chưa hoàn thành quyết toán cổ phần hóa sau khi chính thức chuyển thành công ty cổ phần nhiều năm[542].

**2. Kiểm toán các tổ chức tài chính ngân hàng**

Năm 2021, KTNN đã kiểm toán BCTC, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2020 của NHNN và 09 tổ chức tài chính, ngân hàng, bảo hiểm. Kết quả kiểm toán cho thấy:

---

[531] VNS: Công ty CP Gang thép Thái Nguyên 0,5 ha, Công ty mẹ 0,34 ha; Dofico: Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Bửu Long 0,42 ha.

[532] VNS: Công ty CP Kim khí Hà Nội - VNSteel cho thuê cơ sở nhà đất (0,03 ha) tại số 163 Hà Huy Tập, Gia Lâm, Hà Nội nhưng không theo dõi trong sổ sách của Công ty. Tại hồ sơ bàn giao khi cổ phần hóa (năm 2006) do đơn vị cung cấp thì tài sản trên đất không có trong danh mục tài sản bàn giao và diện tích đất trên không có trong Phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa.

[533] Vinachem: Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam 438,64 ha, Công ty CP Phân bón và Hóa chất Cần Thơ 0,42 ha; TCT Điện lực TKV 116,95 ha; PVGAS 62,65 ha; Petrolimex 58,52 ha; VNS 36,35 ha; PVCFC 27,15 ha; Dofico: Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Bửu Long 27,04 ha; HUD 10,21 ha; Mobifone 0,71 ha và 14 cơ sở đất; VNPT: VNPT Hà Nội (53 lô đất), VNPT Hải Phòng (43 lô đất), VNPT Kiên Giang (39 lô đất và 0,03 ha), VNPT Bình Dương (13 lô đất), VNPT Đồng Tháp (09 lô đất), VNPT Thái Nguyên (04 lô đất), Công ty Công nghệ thông tin VNPT (01 lô đất).

[534] Mobifone 0,8 ha; Petrolimex 0,51 ha; PVFCCo: Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung 0,18 ha.

[535] Dofico: Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Bửu Long 47,50 ha; Sonadezi 42,24 ha; PVGAS 8,34 ha; PVCFC 1,39 ha; Vinachem: Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam 2,36 ha, Công ty CP Phân bón và Hóa chất Cần Thơ 0,42 ha; Công ty mẹ - PVFCCo 1,23 ha; Petrolimex: Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình (03 thửa đất); HUD: Công ty mẹ (Dự án Thanh Lâm - Đại Thịnh 2, Dự án Phú Mỹ, Dự án Chánh Mỹ giai đoạn 1, Dự án HUD-Sơn Tây), Công ty CP Phát triển nhà và đô thị HUD Nha Trang 0,51 ha.

[536] Petrolimex: Công ty Xăng dầu khu vực III 0,95 tỷ đồng; VNPT 0,62 tỷ đồng.

[537] Vinachem: Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam (715.260 tấn).

[538] VNS: Mỏ than Phấn Mễ, Mỏ sắt Trại Cau.

[539] Vinachem: Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam (340.056 tấn).

[540] Công ty mẹ - HUD: 15/16 công ty con; Công ty mẹ - Vinachem: 25/33 công ty con chưa hoàn thành và 03/33 công ty thoái vốn được một phần; Công ty mẹ - VNS; Công ty mẹ - Sonadezi chưa thoái vốn tại 03 công ty (Công ty CP Cảng Đồng Nai, Công ty CP Phát triển đô thị công nghiệp số 2, Công ty CP Sonadezi Long Thành); Công ty mẹ - TCT Điện lực TKV chưa thoái vốn xuống mức 51% vốn điều lệ tại Công ty CP Than - điện Nông Sơn-TKV; VNPT chưa hoàn thành thoái vốn 36 danh mục đầu tư.

[541] Công ty mẹ - Mobifone; Công ty mẹ - Petrolimex.

[542] Công ty mẹ - VNS sau 10 năm; PVCFC.

Năm 2020, NHNN đã điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt góp phần kiểm soát lạm phát ở mức 3,23%[543], ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, ổn định thị trường tiền tệ và ngoại hối; nhiều lần điều chỉnh giảm lãi suất[544]. Các tổ chức tài chính, ngân hàng, bảo hiểm được kiểm toán đảm bảo các chỉ tiêu an toàn trong hoạt động[545], kinh doanh có lãi[546], tỷ lệ nợ xấu nội bảng dưới 2%[547] (trừ PGB 2,49%). Song:

- Mức giảm lãi suất cho vay bình quân chậm hơn mức giảm lãi suất tiền gửi bình quân, chênh lệch lãi suất cho vay và lãi suất tiền gửi duy trì ở mức cao[548]; Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam tăng trưởng tín dụng vượt mức tối đa cho phép của NHNN[549].

- Một số đơn vị đầu tư tài chính không hiệu quả hoặc hiệu quả thấp[550]; chưa được xử lý dứt điểm một số khoản công nợ[551]; chưa nộp NSNN khoản thu hồi được

---

[543] Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ: Kiểm soát tốc độ tăng giá tiêu dùng (CPI) bình quân dưới 4%.

[544] Các lần điều chỉnh vào ngày 16/3/2020, 12/5/2020, 06/8/2020 và ngày 30/9/2020. Tổng mức điều chỉnh trong năm: (i) Giảm 1,5%-2%/năm lãi suất tái cấp vốn, lãi suất tái chiết khấu, lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với các ngân hàng; (ii) Giảm 0,6%-1,0%/năm trần lãi suất tiền gửi các kỳ hạn dưới 06 tháng; (iii) Giảm 1,5%/năm trần lãi suất cho vay ngắn hạn đối với các lĩnh vực ưu tiên; (iv) Giảm 0,5% lãi suất tiền gửi dự trữ bắt buộc bằng đồng Việt Nam.

[545] NHCT: Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu riêng lẻ và hợp nhất lần lượt là 10,51% và 10,79% (quy định tối thiểu 9%), tỷ lệ dự trữ thanh khoản 12,28% (quy định tối thiểu 10%), tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày đối với đồng Việt Nam là 61,74% (quy định tối thiểu 50%); NHHTX: Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu 18,2%; PJICO: Biên khả năng thanh toán bằng 119% biên khả năng thanh toán tối thiểu…

[546] Lợi nhuận trước thuế, tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu của NHCT lần lượt là 17.119,81 tỷ đồng và 16,9%; NHHTX là 178,86 tỷ đồng và 3,72%; PGB là 202,92 tỷ đồng và 4,2%; Vietlott là 211,08 tỷ đồng và 30,1%; PVI là 1.072,52 tỷ đồng và 11,78%; PJICO là 227,46 tỷ đồng và 11,9%; NHCSXH là 852,09 tỷ đồng.

[547] NHHTX 1,63%; NHCT 0,95%; NHCSXH: Nợ quá hạn và nợ khoanh chiếm 0,75% tổng dư nợ (Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ: Phấn đấu đưa tỷ lệ nợ xấu nội bảng xuống dưới 2%).

[548] Tháng 1/2020 là 4,12%; tháng 12/2020 là 4,61%.

[549] Vượt 3.318 tỷ đồng.

[550] (i) NHCT: Chi nhánh NHCT tại Cộng hòa Liên bang Đức lỗ luỹ kế 16,2 triệu EURO (462 tỷ đồng); (ii) PVI: Công ty mẹ trích lập dự phòng: 37,08 tỷ đồng/37,08 tỷ đồng đầu tư cổ phiếu Ngân hàng TMCP Đông Á; 37,33 tỷ đồng/43,5 tỷ đồng khoản đầu tư góp vốn vào Công ty CP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp dầu khí; 140,17 tỷ đồng/344,12 tỷ đồng đầu tư bất động sản tại Dự án The Costa Nha Trang. Tổng công ty Bảo hiểm PVI đầu tư 200 tỷ đồng trái phiếu Công ty CP Sông Đà Thăng Long từ năm 2010 chưa thu được lãi (đã thu gốc 32,03 tỷ đồng), dự phòng rủi ro đã trích 167,97 tỷ đồng; còn 02 khoản đầu tư góp vốn 20,90 tỷ đồng vào Tổng công ty Bảo dưỡng, sửa chữa công trình dầu khí và Công ty CP Điện Việt Lào không có lợi nhuận hay cổ tức được chia từ khi nhận bàn giao (năm 2011) của PVI, từ năm 2015 đến 31/12/2020 Tổng công ty Bảo hiểm PVI phải trả 1,97 tỷ đồng phí quản lý 02 khoản đầu tư này cho Công ty Quản lý quỹ PVI; (iii) PJICO: Đầu tư 23,8 tỷ đồng cổ phiếu Tổng công ty Dầu Việt Nam, trích lập dự phòng 58,1%; đầu tư 7,97 tỷ đồng cổ phiếu Công ty CP Lọc hóa dầu Bình Sơn, trích lập dự phòng 46,2%; đầu tư 4,34 tỷ đồng vào Công ty CP Đầu tư và Xuất nhập khẩu FOODINCO, trích lập dự phòng 31,3%; (iv) NHHTX: Chưa thu được khoản đầu tư tiền gửi 330 tỷ đồng/580 tỷ đồng tại Công ty CP Tài chính Handico từ năm 2011.

[551] (i) NHCT: Khoản phải trả 907.461,31 EURO không có hồ sơ chi tiết; (ii) PVI: Công ty mẹ còn khoản phải thu 4,73 tỷ đồng của Công ty TNHH MTV Khách sạn Green Plaza Đà Nẵng phát sinh trong giai đoạn năm 2010- 2018; Tổng công ty Bảo hiểm PVI chưa làm rõ nguyên nhân, trách nhiệm liên quan đến một số khoản công nợ phải thu, tạm ứng lâu ngày không có khả năng thu hồi 8,51 tỷ đồng.

từ nợ ngoại bảng đã được loại trừ không tính vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa[552]. Quản lý, sử dụng đất vẫn còn một số hạn chế[553].

- Một số ngân hàng phân loại nợ chưa phù hợp[554], trích lập dự phòng rủi ro tín dụng chưa chính xác[555], còn sai sót về trình tự, thủ tục cho vay[556]. NHCSXH còn nhiều trường hợp cho vay vượt hạn mức (cho vay đối với 02 người có cùng một hộ khẩu) và cho vay đối tượng không phù hợp với mục tiêu của chương trình[557], dẫn đến xác định số tiền cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý từ NSNN tăng thêm 0,58 tỷ đồng. Tại NHHTX, hệ thống công nghệ thông tin (phân hệ tín dụng) chưa tự động chuyển nợ quá hạn đối với việc phân loại nợ theo định lượng, chưa có chốt tự động kiểm soát chặt chẽ đối với số liệu dự phòng rủi ro tín dụng.

## B. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN

### 1. Kết quả thực hiện kiến nghị kiểm toán đối với niên độ ngân sách năm 2019

(1) Về xử lý tài chính: Kết quả kiểm tra tình hình thực hiện kiến nghị kiểm toán năm 2020 về niên độ NSNN năm 2019 của KTNN trong năm 2021 cho thấy hầu hết các đơn vị được kiểm toán đã chỉ đạo và thực hiện nghiêm túc các kết luận, kiến nghị của KTNN, trong đó đến 31/12/2021: (i) Kiến nghị xử lý tài chính tăng thu, giảm chi NSNN được thực hiện 14.677,08 tỷ đồng, đạt 80%; (ii) Kiến nghị xử lý khác được thực hiện là 28.648,13 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 66,1%, cụ thể:

---

[552] NHCT 76 tỷ đồng; BIDV 34 tỷ đồng; VCB 1,16 tỷ đồng.

[553] NHHTX còn 03 thửa đất (diện tích 1.698,3m$^2$) đang để trống chưa sử dụng; NHCT chưa hoàn thành việc lập báo cáo kê khai đối với tất cả các cơ sở nhà, đất đang quản lý, sử dụng thuộc phạm vi phải sắp xếp lại, xử lý theo quy định.

[554] Ngoại trừ các trường hợp năm 2021 các ngân hàng đã phân loại vào nhóm nợ cao hơn hoặc đã tất toán nợ vay nên KTNN không điều chỉnh nhóm nợ (tại PGB: Không điều chỉnh giảm dư nợ nhóm 1 là 622,46 tỷ đồng; tăng dư nợ nhóm 2 là 132,43 tỷ đồng, nhóm 3 là 275,02 tỷ đồng, nhóm 4 là 13,18 tỷ đồng, nhóm 5 là 201,83 tỷ đồng; tại NHCT: Không điều chỉnh giảm dư nợ nhóm 1 là 7.197,01 tỷ đồng; tăng dư nợ nhóm 2 là 2.735,56 tỷ đồng, nhóm 3 là 3.677,05 tỷ đồng, nhóm 4 là 384,51 tỷ đồng, nhóm 5 là 399,89 tỷ đồng; tại NHHTX: Không điều chỉnh giảm dư nợ nhóm 1 là 245,8 tỷ đồng; tăng dư nợ nhóm 2 là 0,46 tỷ đồng, nhóm 3 là 16,02 tỷ đồng, nhóm 4 là 26,96 tỷ đồng, nhóm 5 là 202,36 tỷ đồng, kết quả kiểm toán còn điều chỉnh nhóm nợ tại: (i) PGB: Giảm dư nợ nhóm 1 là 45,49 tỷ đồng; tăng dư nợ nhóm 2 là 34,07 tỷ đồng, nhóm 3 là 9,62 tỷ đồng, nhóm 4 là 0,35 tỷ đồng, nhóm 5 là 1,45 tỷ đồng; (ii) NHCT: Giảm dư nợ nhóm 1 là 243,94 tỷ đồng; tăng dư nợ nhóm 2 là 166,10 tỷ đồng, nhóm 3 là 34,72 tỷ đồng, nhóm 4 là 15,93 tỷ đồng, nhóm 5 là 27,19 tỷ đồng; (iii) NHHTX: Giảm dư nợ nhóm 1 là 33,29 tỷ đồng; tăng dư nợ nhóm 2 là 14,01 tỷ đồng, nhóm 3 là 6,20 tỷ đồng, nhóm 4 là 3,13 tỷ đồng, nhóm 5 là 9,95 tỷ đồng.

[555] Ngoại trừ các trường hợp năm 2021 các ngân hàng đã trích lập đầy đủ dự phòng hoặc đã tất toán nợ vay nên KTNN không điều chỉnh tăng trích dự phòng rủi ro tín dụng (tại PGB 114,46 tỷ đồng, NHCT 769,48 tỷ đồng, NHHTX 240,99 tỷ đồng), kết quả kiểm toán còn điều chỉnh: Tăng chi phí dự phòng tại PGB 4,21 tỷ đồng, NHCT 20,97 tỷ đồng, NHHTX 6,34 tỷ đồng; giảm chi phí dự phòng tại NHCSXH 5,14 tỷ đồng.

[556] Thẩm định sơ sài; định kỳ chưa đánh giá lại tài sản bảo đảm; thiếu chứng từ giải ngân/tài liệu chứng minh mục đích sử dụng vốn; kiểm tra, giám sát sau cho vay còn sơ sài; gia hạn nợ vượt quá thời gian...

[557] 430 khoản vay (6,33 tỷ đồng) của chương trình Nước sạch và vệ sinh môi trường; 40 khoản vay (1,67 tỷ đồng) của chương trình Sản xuất kinh doanh vùng khó khăn.

*Đơn vị tính: Tỷ đồng*

| TT | Nội dung | Số kiến nghị | Số thực hiện | Tỷ lệ (%) |
|---|---|---|---|---|
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* |
| 1 | Tăng thu, giảm chi NSNN | 18.350,58 | 14.677,08 | 80,00 |
| - | Tăng thu NSNN | 5.103,58 | 4.257,86 | 83,86 |
| - | Giảm chi thường xuyên | 9.316,00 | 7.669,89 | 82,71 |
| - | Giảm chi đầu tư | 3.931,00 | 2.749,33 | 69,94 |
| 2 | Kiến nghị khác | 43.410,80 | 28.648,13 | 66,10 |

(2) Về sửa đổi, bổ sung cơ chế chính sách: Có 44/205 văn bản đã được Chính phủ, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện hủy bỏ, sửa đổi, bổ sung theo kiến nghị của KTNN[558], các kiến nghị khác đang được các đơn vị nghiên cứu sửa đổi theo quy định ban hành văn bản.

(3) Kiến nghị kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân: Có 52/98 Báo cáo kiểm toán có kiến nghị kiểm điểm đã được các đơn vị thực hiện.

**2. Kết quả thực hiện kiến nghị kiểm toán đối với niên độ ngân sách năm 2018 trở về trước**

(1) Về xử lý tài chính: Trong năm 2021, các đơn vị được kiểm toán đã tiếp tục thực hiện thêm các kiến nghị về xử lý tài chính đối với niên độ NSNN năm 2018 trở về trước 9.359,98 tỷ đồng[559] (trong đó tăng thu, giảm chi NSNN 1.931,8 tỷ đồng), bằng 12,5% tổng số kiến nghị chưa thực hiện tính đến 31/12/2020. Đến 31/12/2021, tổng số kiến nghị tăng thu, giảm chi đối với niên độ NSNN năm 2018 trở về trước chưa thực hiện còn 28.933,2 tỷ đồng do các nguyên nhân chủ yếu sau: Một số đơn vị chưa thực hiện các thủ tục liên quan để thực hiện kiến nghị của KTNN; chưa nghiêm túc thực hiện kiến nghị kiểm toán; một số đơn vị được kiểm toán gặp khó khăn về tài chính, không còn hoạt động hoặc dừng hoạt động; một số kiến nghị kiểm toán chờ ý kiến phê duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc đang vướng mắc về cơ chế, chính sách trong quá trình thực hiện; một số nhà thầu không hợp tác, phối hợp thực hiện hoặc còn có tranh chấp giữa chủ đầu tư và nhà thầu; chưa được bố trí vốn thanh toán, đang hoàn thiện hồ sơ quyết toán…

(2) Về sửa đổi, bổ sung cơ chế chính sách: Số văn bản KTNN kiến nghị trong giai đoạn 2016-2019 đã được các cơ quan chức năng thực hiện lũy kế đến

---

[558] 04 Thông tư, 40 văn bản khác.

[559] Niên độ: 2018: 2.424,9 tỷ đồng; 2017: 3.796,2 tỷ đồng; 2016: 2.417,5 tỷ đồng; 2015: 269,4 tỷ đồng; 2014: 80,5 tỷ đồng; 2013: 85,9 tỷ đồng; 2012: 26,2 tỷ đồng; 2011: 245,8 tỷ đồng; 2010: 7,4 tỷ đồng; 2009: 3,9 tỷ đồng: 2008: 1,6 tỷ đồng; 2007: 0,6 tỷ đồng; 2005: 0,022 tỷ đồng.

31/12/2021 là 237/667 văn bản[560], tăng thêm 111 văn bản so với báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện kiến nghị kiểm toán hàng năm. Ngày 17/11/2021, KTNN đã có Công văn số 1216/KTNN-TH gửi Văn phòng Chính phủ và Bộ Tư pháp đề nghị đôn đốc, thực hiện các kiến nghị về hoàn thiện cơ chế chính sách của KTNN giai đoạn 2016-2020 theo kiến nghị của KTNN tại Báo cáo kiểm toán quyết toán NSNN năm 2019[561]. Tuy nhiên, tại Công văn số 4605/BTP-KTrVB ngày 06/12/2021, Bộ Tư pháp có nêu: "Bộ Tư pháp không có thẩm quyền và trách nhiệm trong việc đôn đốc thực hiện các kiến nghị về hoàn thiện cơ chế chính sách của KTNN. Tới nay, Bộ Tư pháp cũng chưa nhận được chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ liên quan đến nội dung này, vì vậy, Bộ Tư pháp không có cơ sở để thực hiện".

## C. CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG

Với những kết quả kiểm toán nêu trên, KTNN đã kiến nghị tăng thu, giảm chi NSNN 25.396,3 tỷ đồng (tăng thu NSNN 8.802,6 tỷ đồng; giảm chi NSNN 16.593,7 tỷ đồng); kiến nghị khác 41.567,4 tỷ đồng; chuyển 01 vụ việc có dấu hiệu tội phạm được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán sang cơ quan Cảnh sát điều tra để điều tra làm rõ và xử lý theo quy định của pháp luật[562]; cung cấp 265 hồ sơ, báo cáo kiểm toán và tài liệu liên quan cho cơ quan của Quốc hội, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, cơ quan điều tra và các cơ quan nhà nước khác có thẩm quyền để phục vụ công tác điều tra, kiểm tra, giám sát[563]. Đồng thời, KTNN đã kiến nghị hủy bỏ, sửa đổi, bổ sung và ban hành mới 198 văn bản pháp luật[564] sai quy định hoặc không phù hợp với quy định chung của Nhà nước và thực tiễn, nhằm kịp thời khắc phục "lỗ hổng" về cơ chế, chính sách, tránh thất thoát, lãng phí, siết chặt kỷ cương, kỷ luật tài chính, góp phần hoàn thiện cơ chế quản lý kinh tế; 95 BCKT có kiến nghị kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân.

---

[560] Tổng số kiến nghị về sửa đổi, bổ sung cơ chế chính sách trong giai đoạn 2016-2019: 667 văn bản; Tổng số kiến nghị đã thực hiện sửa đổi, bổ sung trong giai đoạn 2016-2019 kiểm toán nhà nước ghi nhận đã thực hiện 237 văn bản, trong đó: Năm 2016: 67/150; Năm 2017: 48/159; Năm 2018: 53/160; Năm 2019:69/198. Ngoài ra, theo báo cáo của các bộ, cơ quan trung ương, địa phương về thực hiện kiến nghị kiểm toán còn 114/667 văn bản, các bộ, ngành, địa phương và KTNN đang trong quá trình, kiểm tra, rà soát để xác nhận việc đã thực hiện theo kết luận, kiến nghị kiểm toán trong giai đoạn 2016-2019.

[561] Mục 8, trang 49, Báo cáo kiểm toán quyết toán NSNN năm 2019 số 181/BC-KTNN ngày 08/7/2021: KTNN kiến nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ: "…*chỉ đạo* ***Bộ Tư pháp làm đầu mối*** *đôn đốc, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị về hoàn thiện cơ chế chính sách".*

[562] Công văn số 632/KTNN-TH ngày 21/6/2021 về chuyển hồ sơ đến cơ quan Cảnh sát Điều tra (C01) của Bộ Công an để điều tra, xử lý hành vi có dấu hiệu trốn thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty TNHH Khu đô thị Du lịch biển Phan Thiết.

[563] Ủy ban Kiểm tra Trung ương: 173 tài liệu, báo cáo kiểm toán; Văn phòng Quốc hội và Đại biểu Quốc hội: 18 tài liệu, báo cáo kiểm toán; Cơ quan Cảnh sát điều tra - Bộ Công an: 43 tài liệu, báo cáo kiểm toán; cơ quan khác: 31 tài liệu, báo cáo kiểm toán.

[564] 198 văn bản: 01 luật, 05 nghị định, 03 quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 27 thông tư và 162 văn bản khác.

## D. KIẾN NGHỊ

### 1. Kiểm toán nhà nước kính đề nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

(1) Chỉ đạo các bộ, cơ quan trung ương, địa phương, đơn vị được kiểm toán thực hiện đầy đủ, kịp thời các kết luận, kiến nghị kiểm toán, trong đó: Xử lý tăng thu, giảm chi NSNN của KTNN đối với niên độ ngân sách 2020 là 25.396,3 tỷ đồng, gồm các khoản tăng thu 8.802,6 tỷ đồng (Thuế, phí, lệ phí 4.591,9 tỷ đồng; thu khác 4.210,7 tỷ đồng); giảm chi NSNN 16.593,7 tỷ đồng (chi thường xuyên 12.776,7 tỷ đồng; chi đầu tư 3.817 tỷ đồng); xử lý khác 41.567,4 tỷ đồng (chưa đủ thủ tục, chưa được quản lý, theo dõi, chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các khoản ngoài ngân sách...) (*Chi tiết tại Phụ lục số 02, 03, 04, 05, 06 kèm theo*).

(2) Chỉ đạo Bộ Tài chính, Bộ KH&ĐT thực hiện kiến nghị của KTNN tại Báo cáo kiểm toán quyết toán NSNN năm 2020.

(3) Chỉ đạo các bộ, cơ quan trung ương, địa phương xử lý các vấn đề về cơ chế, chính sách, các tồn tại trong công tác quản lý đã nêu tại từng báo cáo kiểm toán của KTNN thực hiện trong năm 2021 (*Chi tiết tại Phụ lục số 07 kèm theo*).

(4) Chỉ đạo các bộ, cơ quan trung ương và địa phương rà soát để hủy bỏ hoặc thay thế, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới 198 văn bản, gồm: 01 luật, 05 nghị định, 03 quyết định, 27 thông tư và 162 văn bản khác không phù hợp với quy định pháp luật hoặc chưa phù hợp với thực tiễn (*Chi tiết tại Phụ lục số 08 kèm theo*). Chỉ đạo Bộ Tư pháp làm đầu mối đôn đốc, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị về hoàn thiện cơ chế chính sách.

(5) Chỉ đạo các bộ, cơ quan trung ương, địa phương và đơn vị được kiểm toán kiểm điểm, xử lý trách nhiệm tập thể, cá nhân đối với các khuyết điểm và sai phạm đã nêu trong báo cáo kiểm toán của từng cuộc kiểm toán thực hiện trong năm 2021 (*Chi tiết tại Phụ lục số 09 kèm theo*).

### 2. KTNN kính đề nghị Quốc hội ban hành nghị quyết chỉ đạo các đơn vị thực hiện đầy đủ, kịp thời các kết luận, kiến nghị của KTNN

Trên đây là nội dung Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm toán năm 2021, KTNN trân trọng báo cáo Quốc hội./.

***Nơi nhận:***
- Quốc hội;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Chủ tịch nước;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Chủ tịch HĐDT và Chủ nhiệm các UB của QH;
- Bộ Tài chính;
- Lãnh đạo KTNN;
- Các đơn vị trực thuộc KTNN;
- Lưu: VT.

**TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC**

**(đã ký)**

**Trần Sỹ Thanh**

# PHỤ LỤC

**KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC** **Phụ lục số 01/THKQKT2021**

# DANH MỤC ĐẦU MỐI, ĐƠN VỊ VÀ DỰ ÁN ĐƯỢC KIỂM TOÁN NĂM 2021

| STT | TÊN ĐẦU MỐI, ĐƠN VỊ VÀ DỰ ÁN ĐƯỢC KIỂM TOÁN |
|---|---|
| **A** | **KIỂM TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC** |
| **I** | **Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước năm 2020 tại Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư** |
| **II** | **Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2020** |
| 1 | Văn phòng Chủ tịch nước |
| 2 | Văn phòng Chính phủ |
| 3 | Văn phòng Quốc hội |
| 4 | Viện kiểm sát nhân dân tối cao |
| 5 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư |
| 6 | Bộ Tài chính |
| 7 | Bộ Công Thương |
| 8 | Kho bạc Nhà nước |
| 9 | Bộ Khoa học và Công nghệ |
| 10 | Đại học Quốc gia Hà Nội |
| 11 | Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh |
| 12 | Thông tấn xã Việt Nam |
| 13 | Đài Truyền hình Việt Nam |
| 14 | Đài Tiếng nói Việt Nam |
| 15 | Trung ương Hội Nông dân Việt Nam |
| 16 | Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam |
| 17 | Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh |
| 18 | Văn phòng Kiểm toán nhà nước |
| **III** | **Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020** |
| 1 | Thành phố Hà Nội |
| 2 | Tỉnh Vĩnh Phúc |
| 3 | Tỉnh Hòa Bình |
| 4 | Tỉnh Hà Nam |

| STT | TÊN ĐẦU MỐI, ĐƠN VỊ VÀ DỰ ÁN ĐƯỢC KIỂM TOÁN |
|---|---|
| 5 | Tỉnh Nghệ An |
| 6 | Tỉnh Hà Tĩnh |
| 7 | Tỉnh Quảng Bình |
| 8 | Tỉnh Quảng Trị |
| 9 | Tỉnh Thừa Thiên Huế |
| 10 | Tỉnh Quảng Nam |
| 11 | Tỉnh Bình Định |
| 12 | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 13 | Tỉnh Bình Dương |
| 14 | Tỉnh Hậu Giang |
| 15 | Tỉnh Bạc Liêu |
| 16 | Tỉnh Kiên Giang |
| 17 | Thành phố Hải Phòng |
| 18 | Tỉnh Quảng Ninh |
| 19 | Tỉnh Hưng Yên |
| 20 | Tỉnh Lào Cai |
| 21 | Tỉnh Phú Thọ |
| 22 | Tỉnh Yên Bái |
| 23 | Tỉnh Sơn La |
| 24 | Tỉnh Điện Biên |
| 25 | Tỉnh Lâm Đồng |
| 26 | Tỉnh An Giang |
| 27 | Tỉnh Đồng Tháp |
| 28 | Tỉnh Vĩnh Long |
| 29 | Tỉnh Thái Nguyên |
| 30 | Tỉnh Tuyên Quang |
| 31 | Tỉnh Lạng Sơn |
| 32 | Tỉnh Hà Giang |
| 33 | Tỉnh Nam Định |
| 34 | Tỉnh Thái Bình |
| 35 | Tỉnh Thanh Hóa |
| 36 | Tỉnh Ninh Bình |

| STT | TÊN ĐẦU MỐI, ĐƠN VỊ VÀ DỰ ÁN ĐƯỢC KIỂM TOÁN |
|---|---|
| 37 | Tỉnh Đắk Nông |
| 38 | Tỉnh Gia Lai |
| 39 | Tỉnh Kon Tum |
| 40 | Tỉnh Đắk Lắk |
| 41 | Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu |
| 42 | Tỉnh Bình Phước |
| 43 | Tỉnh Bình Thuận |
| 44 | Tỉnh Quảng Ngãi (kiểm toán tổng hợp báo cáo quyết toán ngân sách) |
| 45 | Tỉnh Lai Châu (kiểm toán tổng hợp báo cáo quyết toán ngân sách) |
| **B** | **KIỂM TOÁN HOẠT ĐỘNG** |
| 1 | Quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đường bộ giai đoạn 2019 - 2020 |
| 2 | Hoạt động quản lý công tác xử lý nước thải, rác thải trên địa bàn tỉnh Bình Dương |
| 3 | Chương trình nhà ở xã hội giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa |
| 4 | Việc quản lý, sử dụng ngân sách thành phố Hạ Long năm 2020 |
| **C** | **KIỂM TOÁN CHUYÊN ĐỀ** |
| 1 | Việc quản lý quy hoạch, cấp phép xây dựng tại các đô thị giai đoạn 2017 - 2020 |
| 2 | Hoạt động quản lý môi trường tại các Ban quản lý khu kinh tế và khu công nghiệp giai đoạn 2017 - 2020 |
| 3 | Công tác quản lý thu, việc thực hiện nghĩa vụ thuế đối với các doanh nghiệp có giao dịch liên kết giai đoạn 2017 - 2020 trên địa bàn các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương |
| 4 | Công tác quản lý nhà nước tại Tổng cục Thuế và các Cục thuế liên quan đến việc hoàn thuế, miễn, giảm, giãn thuế, chống trốn thuế, chuyển giá năm 2020 |
| 5 | Việc quản lý, sử dụng vốn Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh giai đoạn 2016 - 2020 |
| 6 | Việc quản lý, sử dụng dự phòng chung vốn ngân sách trung ương trong nước của Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 tại các Bộ, ngành và địa phương |
| 7 | Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội các vùng giai đoạn 2016 - 2020 theo Quyết định số 1256/QĐ-TTg ngày 21/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ |
| 8 | Chương trình mục tiêu đầu tư hạ tầng khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao giai đoạn 2016 - 2020 theo Quyết định số 351/QĐ-TTg ngày 29/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ |

| STT | TÊN ĐẦU MỐI, ĐƠN VỊ VÀ DỰ ÁN ĐƯỢC KIỂM TOÁN |
|---|---|
| 9 | Việc quản lý, sử dụng nguồn vốn ODA và vốn đối ứng tại các dự án: Dự án hạ tầng cơ bản phát triển toàn diện các tỉnh Đông Bắc (Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn); Dự án phát triển tổng hợp các đô thị động lực; Dự án mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam; Dự án môi trường bền vững các thành phố duyên hải và Dự án khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung vay vốn WB; Chương trình phát triển đô thị quốc gia dựa trên kết quả cho khu vực miền núi phía Bắc (WB) năm 2020; Dự án phát triển nông nghiệp có tưới (WB7); Dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) và Dự án chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững đồng bằng sông Cửu Long do WB tài trợ (WB9); Dự án hỗ trợ phát triển khu vực biên giới tại các tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông |
| 10 | Chương trình "Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả" năm 2020 |
| 11 | Dự án phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực tiểu vùng Mê Kông mở rộng |
| 12 | Hệ thống/dự án CNTT của Ngân hàng Nhà nước và các đơn vị trực thuộc |
| 13 | Việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư, kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách cấp của Ban Duy tu các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn (Sở NN&PTNT thành phố Hà Nội) giai đoạn 2015 - 2020 |
| 14 | Việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư giai đoạn 2019 - 2020 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông Hải Phòng và Ban quản lý dự án phát triển đô thị và đầu tư xây dựng công trình dân dụng Hải Phòng |
| 15 | Chương trình "Hỗ trợ thực hiện hai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020" tại 18 tỉnh (Chương trình PforR) |
| 16 | Việc quản lý nguồn nước lưu vực sông Mê Kông gắn với việc thực hiện mục tiêu phát triển bền vững |
| 17 | Công tác quản lý nợ công năm 2020 |
| 18 | Việc quản lý, sử dụng kinh phí hoạt động kinh tế đường sắt năm 2020 tại Tổng công ty Đường sắt Việt Nam (Bộ Giao thông vận tải) |
| 19 | Việc quản lý quy hoạch, cấp phép xây dựng thủy điện nhỏ giai đoạn 2016 - 2020 |
| 20 | Việc quản lý và sử dụng kinh phí đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn ODA giai đoạn 2015 - 2020 và công tác quản lý đầu tư các dự án, công trình được đầu tư bằng nguồn vốn đầu tư phát triển của Bộ Giáo dục và Đào tạo |
| 21 | Việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước năm 2019 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình cấp nước, thoát nước và môi trường thành phố Hà Nội |

| STT | TÊN ĐẦU MỐI, ĐƠN VỊ VÀ DỰ ÁN ĐƯỢC KIỂM TOÁN |
|---|---|
| **D** | **KIỂM TOÁN HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG VÀ VIỆC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ** |
| 1 | Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020 (Mai Sơn - Quốc lộ 45; Nghi Sơn - Diễn Châu; Vĩnh Hảo - Phan Thiết; Phan Thiết - Dầu Giây) và các dự án đường sắt, các dự án đường bộ quan trọng, cấp bách theo Nghị quyết số 556/NQ-UBTVQH14 ngày 31/7/2018 của UBTVQH |
| 2 | Dự án cải tạo, nâng cấp đường cất hạ cánh, đường lăn Cảng hàng không quốc tế Nội Bài; Dự án cải tạo, nâng cấp đường cất hạ cánh, đường lăn Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất |
| 3 | Dự án đầu tư xây dựng công trình đường cao tốc Mỹ Thuận - Cần Thơ - Giai đoạn 1 |
| 4 | Dự án phát triển đô thị loại vừa Việt Nam - Tiểu dự án thành phố Lào Cai - Giai đoạn bổ sung vốn (AF), sử dụng vốn vay Ngân hàng Thế giới (WB); Dự án "Phát triển các đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mê Kông (GMS) lần thứ 2 - Tiểu dự án đô thị Sa Pa, tỉnh Lào Cai"; Dự án kè bảo vệ dân cư khu vực đền Bảo Hà, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai |
| 5 | Dự án đầu tư xây dựng cầu vượt nút giao giữa đường Hoàng Quốc Việt và đường Nguyễn Văn Huyên (Vành đai 2,5); Dự án cải tạo, nâng cấp đường Tản Lĩnh - Yên Bài đoạn từ Km2+400 đến Km10+500 (nối từ đại lộ Thăng Long kéo dài đến tỉnh lộ 414); Dự án đầu tư xây dựng Đường 5 kéo dài; Dự án xây dựng tuyến đường nối tỉnh lộ 419 từ xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức đến tiếp giáp xã Tân Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam; Dự án xây dựng tuyến đường nối từ Trường Đại học Mỏ - Địa chất vào Khu công nghiệp Nam Thăng Long; Dự án xây dựng tuyến đường nối Khu công nghiệp Bắc Thường Tín với ĐT427 |
| 6 | Dự án xây dựng cầu Làng Giàng, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai; Dự án đường nối cao tốc Nội Bài - Lào Cai đến thị trấn Sa Pa theo hình thức hợp đồng BOT |
| 7 | Dự án quản lý nguồn nước và ngập lụt Vĩnh Phúc; Dự án đầu tư xây dựng cầu Đầm Vạc, thành phố Vĩnh Yên |
| 8 | Dự án đầu tư xây dựng cầu Rào 1, thành phố Hải Phòng |
| 9 | Dự án cầu Cửa Lục 3; Dự án đường cao tốc Hạ Long - Hải Phòng (tại Km6+700) đến đường tỉnh 338 - giai đoạn 1; Dự án đường bao biển nối thành phố Hạ Long - thành phố Cẩm Phả; Dự án đường nối KCN Cái Lân qua KCN Việt Hưng đến đường cao tốc Hạ Long - Vân Đồn |
| 10 | Dự án Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh và Dự án Bệnh viện đa khoa tỉnh Đồng Tháp |
| 11 | Dự án nâng cấp tuyến đường liên tỉnh nối từ huyện Châu Phú, tỉnh An Giang qua khu vực tứ giác Long Xuyên nối với huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang (ĐT945); Dự án đê bao sông Măng Thít (giai đoạn 2); Dự án đường tỉnh 927C (Đoạn từ Quốc lộ 1 đến Nam Sông Hậu) |
| 12 | Dự án nâng cấp, cải tạo đường và kênh Nước Đen (đoạn từ giáp cống hộp đến kênh Tham Lương), quận Bình Tân; Dự án xây dựng cầu Tăng Long, Quận 9; Dự án xây dựng mới cầu Ông Nhiêu trên đường Nguyễn Duy Trinh, Quận 9; Dự án mở rộng, nâng cấp Tỉnh lộ 8 (đoạn từ cầu Kênh N31A đến ngã tư Tân Quy - Tỉnh lộ 15) |

| STT | TÊN ĐẦU MỐI, ĐƠN VỊ VÀ DỰ ÁN ĐƯỢC KIỂM TOÁN |
|---|---|
| 13 | Dự án nạo vét thoát lũ khẩn cấp, chống xâm nhập mặn sông Cổ Cò, thành phố Hội An; Dự án đường QL 40B (đoạn từ đường vào tuyến cao tốc đến đường tránh thị trấn Tiên Kỳ); Dự án nâng cấp và mở rộng tuyến đường ĐT 607, lý trình Km18 - Km22+398 thuộc tỉnh Quảng Nam; Dự án hỗ trợ đầu tư xây dựng tuyến đường thay thế tuyến đường Trần Phú, thị trấn Tam Quan, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định |
| 14 | Dự án hồ chứa nước Cánh Tạng; Dự án hồ chứa nước Bản Lải giai đoạn 1 |
| 15 | Dự án hồ chứa nước Krông Pách Thượng và Dự án hệ thống thủy lợi Cái Lớn - Cái Bé giai đoạn 1 |
| 16 | Dự án đường ống Nam Côn Sơn 2 - Giai đoạn 2; Dự án đường ống thu gom, vận chuyển khí mỏ Sao Vàng - Đại Nguyệt; Dự án đầu tư xây dựng công trình Trung tâm Phân tích thí nghiệm và Văn phòng Viện Dầu khí Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh |
| 17 | Dự án đường dây 500/220kV Nho Quan - Phủ Lý - Thường Tín; Dự án đường dây 500/220kV Hiệp Hòa - Đông Anh - Bắc Ninh 2 |
| 18 | Dự án đường dây 500kV Quảng Trạch - Dốc Sỏi; Dự án đường dây 500kV Dốc Sỏi - Pleiku 2 |
| 19 | Dự án đầu tư xây dựng Đại học Quốc gia Hà Nội tại Hòa Lạc |
| 20 | Dự án hệ thống xử lý nước thải Yên Xá, thành phố Hà Nội |
| 21 | Dự án phát triển cơ sở hạ tầng Khu công nghệ cao Hòa Lạc |
| 22 | Dự án vệ sinh môi trường Thành phố Hồ Chí Minh (Giai đoạn 2) |
| 23 | Dự án tăng cường kết nối giao thông khu vực Tây Nguyên |
| 24 | Dự án kè chống sạt lở bờ tả sông Ba kết hợp phát triển hạ tầng đô thị đoạn từ cầu Đà Rằng mới đến cầu Đà Rằng cũ và Dự án nạo vét thoát lũ sông Bao Đài đoạn từ Xi phông Phước Hậu đến cầu Trần Hưng Đạo |
| 25 | Dự án Bệnh viện đa khoa tỉnh Tiền Giang và Dự án nâng cấp đô thị vùng đồng bằng sông Cửu Long - Tiểu dự án Mỹ Tho |
| 26 | Các dự án đường bộ ven biển Việt Nam qua địa bàn 04 tỉnh: Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình và Thanh Hóa theo Quyết định số 129/QĐ-TTg ngày 28/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ |
| 27 | Dự án cải tạo, nâng cấp các đoạn xung yếu trên Quốc lộ 24 - Dự án thành phần 2 (Đoạn qua tỉnh Kon Tum) |
| 28 | Dự án thu hồi, bồi thường, hỗ trợ tái định cư Cảng hàng không Quốc tế Long Thành |
| 29 | Dự án đầu tư xây dựng công trình đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận giai đoạn 1 theo hình thức hợp đồng BOT |
| 30 | Dự án quản lý tài sản đường bộ Việt Nam (Dự án VRAMP); Dự án sửa chữa cầu Thăng Long |

| STT | TÊN ĐẦU MỐI, ĐƠN VỊ VÀ DỰ ÁN ĐƯỢC KIỂM TOÁN |
|---|---|
| 31 | Dự án đập dâng hạ lưu sông Trà Khúc; Dự án cầu đầu tư xây dựng sông Rin, thị trấn Di Lăng, huyện Sơn Hà |
| 32 | Dự án đường cao tốc Hạ Long - Vân Đồn và cải tạo nâng cấp quốc lộ 18 đoạn Hạ Long - Mông Dương theo hình thức BOT |
| 33 | Dự án Trường Trung cấp Luật Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang; Dự án Trường Trung cấp Luật Tây Bắc, tỉnh Sơn La và Dự án ĐTXD Cơ sở 2 Trường Đại học Luật Hà Nội |
| 34 | Dự án hợp phần 1 Xây dựng hệ thống thông tin hỗ trợ hoạt động kiểm toán |
| 35 | Dự án cấp điện lưới quốc gia cho đảo Trần, huyện Cô Tô và đảo Cái Chiên, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh - giai đoạn II và Dự án cầu Cửa Lục 1 |
| 36 | Các dự án thực hiện theo phương thức sử dụng quỹ đất để tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng và các dự án giao đất có thu tiền sử dụng đất, tiền thu đất trên địa bàn tỉnh Hải Dương |
| 37 | Dự án trụ anten của Đài Phát thanh - Truyền hình Khánh Hòa; Dự án trụ sở làm việc Đài Phát thanh - Truyền hình Khánh Hòa; Dự án trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa (giai đoạn 1); Dự án trường Cao đẳng Nghề Nha Trang (giai đoạn 1); Dự án đường Nguyễn Thiện Thuật (nối dài), thành phố Nha Trang |
| 38 | Dự án mở rộng, nâng cấp ĐT254 và Dự án bệnh viện đa khoa Bắc Kạn (gói thầu số 32: Cung cấp và lắp đặt thiết bị y tế; gói thầu số 05: EPC - thiết kế và thi công xây lắp, công trình Bệnh viện đa khoa Bắc Kạn) |
| 39 | Dự án đường 319 nối dài và nút giao giữa đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (Hợp đồng BOT) |
| 40 | Dự án xây dựng trụ sở Thành ủy Hà Nội; Dự án ĐTXD Phân hiệu Kiên Giang của Trường Đại học Nha Trang giai đoạn 2008-2015 |
| 41 | Dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà Quốc hội |
| 42 | Dự án đường cao tốc Vân Đồn - Tiên Yên và Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Tiên Yên - Móng Cái theo hình thức đối tác công tư (PPP) Hợp đồng xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (BOT) |
| 43 | Các dự án của Thanh tra Chính phủ |
| **E** | **KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH, CÁC HOẠT ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VỐN, TÀI SẢN NHÀ NƯỚC NĂM 2020 CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC** |
| **F** | **KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH, CÁC HOẠT ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VỐN, TÀI SẢN NHÀ NƯỚC NĂM 2020** |
| 1 | Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam |
| 2 | Tập đoàn Hóa chất Việt Nam |
| 3 | Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam |

| STT | TÊN ĐẦU MỐI, ĐƠN VỊ VÀ DỰ ÁN ĐƯỢC KIỂM TOÁN |
|---|---|
| 4 | Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP |
| 5 | Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau |
| 6 | Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP |
| 7 | Tổng công ty Viễn thông Mobifone |
| 8 | Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước |
| 9 | Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP |
| 10 | Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP |
| 11 | Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai |
| 12 | Tổng công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp |
| 13 | Tổng công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị |
| 14 | Công ty TNHH MTV Xổ số điện toán Việt Nam |
| 15 | Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam |
| 16 | Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam |
| 17 | Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam |
| 18 | Ngân hàng Chính sách xã hội |
| 19 | Ngân hàng Phát triển Việt Nam |
| **G** | **KIỂM TOÁN CÁC DOANH NGHIỆP CÓ VỐN NHÀ NƯỚC DƯỚI 50%** |
| 1 | Công ty Cổ phần PVI |
| 2 | Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex |
| 3 | Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex |
| **H** | **LĨNH VỰC QUỐC PHÒNG** |
| **I** | **Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2020** |
| 1 | Quân khu 1 |
| 2 | Quân khu 9 |
| 3 | Tổng cục Hậu cần |
| 4 | Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng |
| 5 | Binh chủng Công binh |
| 6 | Binh chủng Pháo binh |
| 7 | Quân đoàn 3 |
| 8 | Binh chủng Tăng - Thiết giáp |
| 9 | Binh chủng Hóa học |
| 10 | Ban Cơ yếu Chính phủ |

| STT | TÊN ĐẦU MỐI, ĐƠN VỊ VÀ DỰ ÁN ĐƯỢC KIỂM TOÁN |
|---|---|
| **II** | **Kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2020** |
| 1 | Tổng công ty Thành An (Binh đoàn 11), Tổng công ty 789 |
| 2 | Tổng công ty Đầu tư phát triển Nhà và Đô thị - Bộ Quốc phòng |
| **III** | **Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư** |
| 1 | Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện Quân y 103/HVQY |
| 2 | Dự án nâng cấp khu dịch vụ hậu cần nghề cá đảo Đá Tây Trường Sa giai đoạn 2 |
| 3 | Dự án đầu tư xây dựng sân bay quân sự tại Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận và Dự án nâng cấp, cải tạo sân bay Chu Lai/Quân chủng Phòng không - Không quân |
| **K** | **LĨNH VỰC AN NINH, KHỐI CƠ QUAN ĐẢNG** |
| **I** | **Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2020** |
| 1 | 08 tỉnh ủy: Quảng Ninh, Hà Nam, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, Gia Lai, Kon Tum |
| 2 | Bộ Tư lệnh Cảnh sát Cơ động |
| 3 | Công an Thành phố Hồ Chí Minh và công an 30 tỉnh: Lào Cai, Yên Bái, Tuyên Quang, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Bắc Giang, Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Bắc Ninh, Hà Nam, Hải Phòng, Quảng Ninh, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Đồng Tháp, An Giang, Hậu Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Kiên Giang, Cà Mau |
| 4 | Việc quản lý, sử dụng kinh phí phục vụ Đại hội XIII của Đảng tại Văn phòng Trung ương Đảng |
| **II** | **Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư** |
| 1 | Dự án Phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật nhằm đảm bảo an ninh nguồn phóng xạ, cơ sở bức xạ, cơ sở hạt nhân và các hoạt động trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử; Dự án đầu tư trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ của lực lượng trinh sát ngoại tuyến giai đoạn 2012-2016, mã số DA-69/10; Dự án đầu tư trang thiết bị kỹ thuật phục vụ công tác nghiệp vụ; Dự án đầu tư trang bị cho lực lượng đấu tranh phòng, chống tội phạm và các vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường |
| 2 | Dự án dữ liệu quốc gia về dân cư; Dự án xây dựng hệ thống quản lý dân cư và Dự án sản xuất, cấp và quản lý Chứng minh nhân dân |
| 3 | Dự án trang bị phương tiện nghiệp vụ, vũ khí công cụ hỗ trợ cho lực lượng Cảnh sát bảo vệ - mã số DA/65/2010 và Dự án trang bị vũ khí, phương tiện, công cụ hỗ trợ, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ, thông tin liên lạc cho các Trung đoàn, Tiểu đoàn mới thành lập thuộc lực lượng Cảnh sát cơ động - Bộ Công an, mã số DA01 - K20/2011 |

# TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM TOÁN NĂM 2021

*Đơn vị tính: Đồng*

| Chỉ tiêu | Tổng cộng | Đơn vị sử dụng NS và cấp NS | | | | | DN và TCTC, tín dụng |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Tổng số | NSNN | CD, CT, KTHD | ĐTXD | QP-AN-Đảng | |
| B | 1=2+7 | 2=3+4+5+6 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 |
| **TỔNG** | **66.963.743.911.800** | **63.508.847.849.215** | **33.830.820.838.577** | **23.905.752.607.207** | **3.283.186.052.863** | **2.489.088.350.568** | **3.454.896.062.585** |
| **A. Các khoản tăng thu ngân sách** | **8.802.663.823.049** | **5.754.406.157.176** | **5.379.217.881.921** | **135.896.175.604** | **71.719.039.488** | **167.573.060.163** | **3.048.257.665.873** |
| 1. Thuế GTGT | 295.607.210.237 | 166.544.008.288 | 139.637.288.072 | 13.582.217.392 | 7.357.531.455 | 5.966.971.369 | 129.063.201.949 |
| 2. Thuế TNDN | 1.081.798.084.651 | 871.139.100.954 | 715.550.669.471 | 69.169.418.659 | 2.261.898.949 | 84.157.113.875 | 210.658.983.697 |
| 3. Thuế XNK | 71.304.457 | | | | | | 71.304.457 |
| 4. Thuế TTĐB | 865.400.159.816 | 865.346.976.634 | 865.346.976.634 | | | | 53.183.182 |
| 5. Thuế nhà, đất | 1.824.782.028.933 | 1.813.822.698.359 | 1.798.022.473.354 | 391.981.176 | 15.408.243.829 | | 10.959.330.574 |
| 6. Thuế TNCN | 14.665.683.221 | 5.019.367.045 | 4.254.734.041 | 47.839.133 | 24.230.400 | 692.563.471 | 9.646.316.176 |
| 7. Thuế tài nguyên | 27.441.534.414 | 14.878.204.031 | 10.635.671.342 | 2.107.431.113 | 2.135.101.576 | | 12.563.330.383 |
| 8. BVMT | 51.564.206.672 | 51.429.683.055 | 51.429.683.055 | | | | 134.523.617 |
| 9. Thuế khác | 3.810.311.835 | 2.650.799.934 | 2.151.428.509 | 457.296.170 | | 42.075.255 | 1.159.511.901 |
| 10. Phí, lệ phí | 23.596.685.972 | 18.079.873.544 | 5.660.168.214 | 772.183.895 | 9.029.711.050 | 2.617.810.385 | 5.516.812.428 |
| 11. Thu khác | 4.210.746.296.107 | 1.551.079.035.657 | 1.415.412.725.413 | 42.763.443.718 | 24.196.427.087 | 68.706.439.439 | 2.659.667.260.450 |
| 12. Giảm phải thu NSNN về thuế | 5.948.144.630 | 5.948.144.630 | 5.926.930.717 | | | 21.213.913 | |
| 13. Giảm thuế GTGT được khấu trừ | 396.725.960.438 | 387.962.053.379 | 364.820.215.161 | 6.467.070.620 | 11.305.895.142 | 5.368.872.456 | 8.763.907.059 |
| 14. Nộp trả quỹ hoàn thuế GTGT | 506.211.666 | 506.211.666 | 368.917.938 | 137.293.728 | | | |

| Chỉ tiêu | Tổng cộng | Đơn vị sử dụng NS và cấp NS | | | | | DN và TCTC, tín dụng |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Tổng số | NSNN | CD, CT, KTHD | ĐTXD | QP-AN-Đảng | |
| B | 1=2+7 | 2=3+4+5+6 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 |
| **B. Các khoản giảm chi NSNN** | **16.593.726.644.965** | **16.527.078.626.479** | **14.741.165.782.781** | **632.141.939.013** | **811.732.577.023** | **342.038.327.662** | **66.648.018.486** |
| **I. Giảm chi thường xuyên** | **12.776.690.980.125** | **12.710.042.961.639** | **12.495.700.242.102** | **103.089.870.161** | | **111.252.849.376** | **66.648.018.486** |
| 1. Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định | 73.701.411.361 | 73.701.411.361 | 56.328.071.621 | 10.401.804.232 | | 6.971.535.508 | |
| 2. Thu hồi cho vay, tạm ứng sai quy định | 200.091.408.328 | 200.091.408.328 | 200.091.408.328 | | | | |
| 3. Thu hồi kinh phí thừa | 6.087.852.142.585 | 6.087.852.142.585 | 5.949.923.219.104 | 86.579.690.666 | | 51.349.232.815 | |
| 4. Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau | 4.123.223.584.209 | 4.123.223.584.209 | 4.108.093.730.370 | 959.356.525 | | 14.170.497.314 | |
| 5. Chuyển quyết toán năm sau | | | | | | | |
| 6. Kiến nghị xử lý tài chính khác | 2.291.822.433.642 | 2.225.174.415.156 | 2.181.263.812.679 | 5.149.018.738 | | 38.761.583.739 | 66.648.018.486 |
| **II. Giảm chi đầu tư xây dựng** | **3.817.035.664.840** | **3.817.035.664.840** | **2.245.465.540.679** | **529.052.068.852** | **811.732.577.023** | **230.785.478.286** | |
| 1. Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định | 195.866.454.656 | 195.866.454.656 | 114.215.842.249 | 18.580.403.093 | 31.211.969.203 | 31.858.240.111 | |
| 2. Thu hồi cho vay, tạm ứng sai quy định | 55.301.957.455 | 55.301.957.455 | 15.083.557.000 | 40.218.400.455 | | | |
| 3. Thu hồi kinh phí thừa | 657.035.594.424 | 657.035.594.424 | 554.369.805.548 | 57.004.556.656 | 4.026.820.078 | 41.634.412.142 | |
| 4. Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau | 751.445.212.953 | 751.445.212.953 | 410.512.077.059 | 106.824.439.698 | 142.718.401.002 | 91.390.295.194 | |
| 5. Chuyển quyết toán năm sau | 187.500.001 | 187.500.001 | | | | 187.500.000 | |
| 6. Kiến nghị xử lý tài chính khác | 2.157.198.945.351 | 2.157.198.945.351 | 1.151.284.258.823 | 306.424.268.949 | 633.775.386.740 | 65.715.030.839 | |
| **C. Kiến nghị khác** | **41.567.353.443.786** | **41.227.363.065.560** | **13.710.437.173.875** | **23.137.714.492.590** | **2.399.734.436.352** | **1.979.476.962.743** | **339.990.378.226** |
| Kiến nghị khác | 41.567.353.443.786 | 41.227.363.065.560 | 13.710.437.173.875 | 23.137.714.492.590 | 2.399.734.436.352 | 1.979.476.962.743 | 339.990.378.226 |

# KẾT QUẢ KIỂM TOÁN KIẾN NGHỊ TĂNG THU NSNN NĂM 2021

*Đơn vị tính: Đồng*

| TT | Chỉ tiêu / Báo cáo kiểm toán | Tổng số | Các khoản thuế | | | | | | | | | Phí, lệ phí | Giảm phải thu NSNN về thuế | Giảm thuế GTGT được khấu trừ | Nộp trả quỹ hoàn thuế GTGT | Thu khác |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | GTGT | TNDN | XNK | TTĐB | Nhà, đất | TNCN | Tài nguyên | BVMT | Thuế khác | | | | | |
| *A* | *B* | *1=2+3+…+15* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* | *15* |
| **Tổng hợp kiến nghị tăng thu NSNN năm 2021** | | **8.802.663.823.049** | **295.607.210.237** | **1.081.798.084.651** | **71.304.457** | **865.400.159.816** | **1.824.782.028.933** | **14.665.683.221** | **27.441.534.414** | **51.564.206.672** | **3.810.311.835** | **23.596.685.972** | **5.948.144.630** | **396.725.960.438** | **506.211.666** | **4.210.746.296.107** |
| ***1.*** | ***Ngân sách Trung ương (Bộ, Ngành)*** | ***117.285.414.685*** | ***16.737.196.727*** | ***15.401.591.492*** | | | | ***1.563.311.851*** | | | ***762.372.531*** | **4.604.166.889** | | **5.630.640.805** | | **72.586.134.390** |
| - | Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2020 của Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh | 969.078.740 | 42.448.742 | 736.371.532 | | | | 21.427.466 | | | 168.831.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| - | Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2020 của Bộ Công Thương | 6.043.015.539 | 1.549.363.854 | 2.189.832.608 | | | | | | | | 0 | 0 | 0 | 0 | 2.303.819.077 |
| - | Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2020 của Bộ Tài chính | 5.081.950.281 | 23.401.600 | 293.058.236 | | | | 28.967.192 | | | 73.972.800 | 4.604.166.889 | 0 | 0 | 0 | 58.383.564 |
| - | Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2020 của Kho bạc Nhà nước | 66.840.000 | | | | | | 66.840.000 | | | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| - | Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2020 của Trung ương Hội nông dân Việt Nam | 750.433.623 | 311.326.379 | 439.107.244 | | | | | | | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| - | Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2020 của Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam | 255.200.702 | 42.494.091 | 194.106.611 | | | | | | | | 0 | 0 | 0 | 0 | 18.600.000 |
| - | Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 696.778.587 | 83.710.753 | 459.657.834 | | | | | | | | 0 | 0 | 0 | 0 | 153.410.000 |
| - | Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2020 của Văn phòng Quốc hội | 23.488.507 | 6.683.982 | 9.602.025 | | | | 7.202.500 | | | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

| TT | Chỉ tiêu / Báo cáo kiểm toán | Tổng số | Các khoản thuế | | | | | | | | | Phí, lệ phí | Giảm phải thu NSNN về thuế | Giảm thuế GTGT được khấu trừ | Nộp trả quỹ hoàn thuế GTGT | Thu khác |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | GTGT | TNDN | XNK | TTĐB | Nhà, đất | TNCN | Tài nguyên | BVMT | Thuế khác | | | | | |
| *A* | *B* | *1=2+3+…+15* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* | *15* |
| - | Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2020 tại Bộ Khoa học và Công nghệ | 69.779.691.477 | 215.383.236 | 540.354.900 | | | | 77.050.944 | | | | 0 | 0 | 0 | 0 | 68.946.902.397 |
| - | Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2020 tại Đại học Quốc gia Hà Nội | 1.336.095.463 | 9.140.250 | 305.988.622 | | | | 978.550.575 | | | 42.416.016 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| - | Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2020 tại Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh | 1.788.143.355 | 482.447.440 | 864.756.963 | | | | 29.020.000 | | | 361.918.952 | 0 | 0 | 0 | 0 | 50.000.000 |
| - | Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2020 tại Đài Tiếng nói Việt Nam | 6.087.773.004 | 253.271.455 | 66.702.885 | | | | | | | | 0 | 0 | 5.628.737.664 | 0 | 139.061.000 |
| - | Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2020 tại Đài Truyền hình Việt Nam | 22.039.579.880 | 13.672.070.400 | 7.920.909.371 | | | | 115.410.500 | | | 35.237.778 | 0 | 0 | 1.903.141 | 0 | 294.048.690 |
| - | Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2020 tại Thông tấn xã Việt Nam | 2.128.502.853 | 45.454.545 | 1.381.142.661 | | | | | | | 79.995.985 | 0 | 0 | 0 | 0 | 621.909.662 |
| - | Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2020 của Văn phòng Chủ tịch nước | 238.842.674 | | | | | | 238.842.674 | | | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| ***2.*** | ***Ngân sách địa phương (Tỉnh)*** | ***5.260.044.163.820*** | ***122.942.540.087*** | ***698.182.743.948*** | | ***865.346.976.634*** | ***1.798.022.473.354*** | ***2.712.849.656*** | ***10.635.671.342*** | ***51.429.683.055*** | ***1.557.886.978*** | **1.056.001.325** | **5.926.930.717** | **359.034.897.763** | **368.917.938** | **1.342.826.591.023** |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Quảng Ninh | 35.068.046.684 | 3.572.268.578 | 6.041.764.993 | | | | | 55.974.170 | | | 71.510.474 | 0 | 6.104.655.469 | 0 | 19.221.873.000 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Thừa Thiên Huế | 5.017.527.305 | 1.285.002.089 | 2.070.543.164 | | | | | 46.061.820 | | | 68.094.960 | 0 | 1.547.825.272 | 0 | 0 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Sơn La | 4.177.294.069 | 120.981.997 | 609.701.778 | | | | | 297.537.150 | | | 55.300.918 | 0 | 259.049.582 | 0 | 2.834.722.644 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Thái Bình | 46.690.458.678 | 1.536.415.947 | 1.711.598.409 | | 276.584.848 | | 23.239.726 | | | | 0 | 881.630.323 | 23.958.676.043 | 0 | 18.302.313.382 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Thái Nguyên | 11.072.986.747 | 349.953.219 | 1.157.316.093 | | | | 33.630.152 | 69.657.000 | 29.785.338 | | 0 | 0 | 302.324.945 | 0 | 9.130.320.000 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Vĩnh Phúc | 3.429.054.459 | 2.070.575.939 | 1.208.693.998 | | | | | | | | 0 | 60.135.297 | 89.649.225 | 0 | 0 |

| TT | Chỉ tiêu / Báo cáo kiểm toán | Tổng số | Các khoản thuế | | | | | | | | | Phí, lệ phí | Giảm phải thu NSNN về thuế | Giảm thuế GTGT được khấu trừ | Nộp trả quỹ hoàn thuế GTGT | Thu khác |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | GTGT | TNDN | XNK | TTĐB | Nhà, đất | TNCN | Tài nguyên | BVMT | Thuế khác | | | | | |
| *A* | *B* | *1=2+3+…+15* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* | *15* |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Tuyên Quang | 4.086.741.983 | 2.370.984.968 | 644.054.192 | | | | | 316.014.410 | 4.837.965 | | 0 | 0 | 750.850.448 | 0 | 0 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Vĩnh Long | 3.321.660.483 | 35.873.478 | 1.773.509.898 | | | 642.294.948 | | | 9.840.857 | | 0 | 0 | 860.141.302 | 0 | 0 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Yên Bái; chuyên đề việc quản lý quy hoạch, cấp phép xây dựng tại các đô thị giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Yên Bái | 2.330.031.869 | 353.320.491 | 708.773.946 | | | | | 402.858.064 | 534.069.601 | | 279.500 | 0 | 26.921.176 | 0 | 303.809.091 |
| - | Kiểm toán tổng hợp báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Lai Châu | 1.594.728.969 | 992.322.974 | 121.876.301 | | | | 2.200.000 | | | | 0 | 0 | 207.503.710 | 0 | 270.825.984 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Phú Thọ; chuyên đề hoạt động quản lý môi trường tại các Ban quản lý khu kinh tế và khu công nghiệp giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ | 58.065.254.127 | 1.294.964.101 | 601.152.430 | | | 4.876.900.000 | | 1.279.987.191 | 47.427.102.000 | | 180.960.546 | 0 | 971.426.059 | 0 | 1.432.761.800 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Thanh Hóa | 25.388.523.946 | 4.462.174.241 | 3.855.578.436 | | | | | | | | 0 | 2.660.289.346 | 14.410.481.923 | 0 | 0 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Ninh Bình | 17.528.893.192 | 1.147.961.381 | 1.763.161.625 | | | | 10.148.583 | | | | 59.969.800 | 770.425.993 | 13.777.225.810 | 0 | 0 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Lạng Sơn | 3.643.032.496 | 661.712.786 | 916.829.525 | | | | 6.375.000 | 246.650.645 | 289.123.025 | | 0 | 0 | 1.250.881.115 | 0 | 271.460.400 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Lào Cai; chuyên đề hoạt động quản lý môi trường tại các Ban quản lý khu kinh tế và khu công nghiệp giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Lào Cai | 1.624.525.700 | 670.411.548 | 595.302.278 | | | | | | | | 0 | 0 | 281.115.638 | 0 | 77.696.236 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Quảng Trị | 5.247.903.528 | 1.075.815.524 | 1.115.011.416 | | | | | 46.879.875 | 61.647.250 | | 0 | 0 | 2.948.549.463 | 0 | 0 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Quảng Nam | 161.299.528.831 | 39.198.446 | 3.964.628.275 | | | 102.054.676.436 | | | | 71.459.683 | 17.040.700 | 0 | 0 | 0 | 55.152.525.291 |

| TT | Chỉ tiêu / Báo cáo kiểm toán | Tổng số | Các khoản thuế | | | | | | | | | Phí, lệ phí | Giảm phải thu NSNN về thuế | Giảm thuế GTGT được khấu trừ | Nộp trả quỹ hoàn thuế GTGT | Thu khác |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | GTGT | TNDN | XNK | TTĐB | Nhà, đất | TNCN | Tài nguyên | BVMT | Thuế khác | | | | | |
| *A* | *B* | *1=2+3+…+15* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* | *15* |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Quảng Bình | 3.844.595.209 | 1.228.669.829 | 725.406.323 | | | | | | | | 0 | 0 | 1.890.519.057 | 0 | 0 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Nghệ An | 7.935.981.129 | 2.209.261.696 | 1.680.008.430 | | | | | 9.000.000 | 44.749.757 | | 0 | 0 | 3.992.961.246 | 0 | 0 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Kiên Giang | 155.069.210.562 | 3.629.552.711 | 8.343.683.346 | | | 2.282.517.284 | 51.568.851 | 1.447.178.380 | 638.431.977 | | 64.062.000 | 0 | 138.612.216.013 | 0 | 0 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Hậu Giang | 28.988.901.086 | 4.128.281.922 | 5.388.108.500 | | | 14.447.086 | | | | | 0 | 0 | 0 | 0 | 19.458.063.578 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Hà Tĩnh | 3.274.976.317 | 1.971.708.360 | 1.035.906.825 | | | | | 28.763.600 | 32.233.510 | | 0 | 0 | 206.364.022 | 0 | 0 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Bình Định | 33.051.480.419 | 350.690.043 | 545.742.892 | | | | 48.530.000 | | | | 0 | 0 | 3.636.358 | 0 | 32.102.881.126 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Bạc Liêu | 88.320.084.732 | 3.463.668.044 | 1.843.519.492 | | | 158.864.396 | | 45.530.800 | | | 28.502.000 | 0 | 0 | 0 | 82.780.000.000 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương 2020 tỉnh Lâm Đồng | 16.692.414.185 | 1.414.095.957 | 731.213.737 | | | 11.258.527.451 | | 1.164.113.659 | 788.983.133 | | 205.500 | 0 | 92.302.137 | 0 | 1.242.972.611 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 thành phố Hải Phòng | 10.987.254.550 | 1.257.088.521 | 2.650.818.890 | | | | | | 30.913.380 | | 0 | 0 | 7.044.280.759 | 0 | 4.153.000 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 Thành phố Hồ Chí Minh; chuyên đề Công tác quản lý thu, việc thực hiện nghĩa vụ thuế đối với các doanh nghiệp có giao dịch liên kết giai đoạn 2017 - 2020 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh | 391.188.154.610 | 9.931.370.847 | 228.252.375.532 | | | 92.969.745.290 | 531.823.270 | | | 16.129.072 | 0 | 0 | 5.398.812.553 | 0 | 54.087.898.046 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh An Giang | 68.455.203.739 | 114.560.617 | 5.445.835.608 | | | 65.654.400 | | 279.231.737 | 144.828.600 | | 0 | 0 | 339.783.066 | 0 | 62.065.309.711 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu | 25.332.722.416 | 654.541.193 | 7.762.602.279 | | | 4.856.693.323 | 19.387.850 | 751.411.687 | 59.741.200 | | 69.167.136 | 0 | 8.546.743.163 | 0 | 2.612.434.585 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Bình Dương; chuyên đề Công tác quản lý thu, việc thực hiện nghĩa vụ thuế đối với các doanh nghiệp có giao dịch liên kết giai đoạn 2017 - 2020 trên địa bàn tỉnh Bình Dương | 2.738.135.665.843 | 4.882.316.271 | 215.761.721.643 | | | 1.573.889.390.314 | 1.579.716.400 | 55.190.801 | | | 0 | 0 | 1.772.960.408 | 0 | 940.194.370.006 |

| TT | Chỉ tiêu / Báo cáo kiểm toán | Tổng số | Các khoản thuế | | | | | | | | | Phí, lệ phí | Giảm phải thu NSNN về thuế | Giảm thuế GTGT được khấu trừ | Nộp trả quỹ hoàn thuế GTGT | Thu khác |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | GTGT | TNDN | XNK | TTĐB | Nhà, đất | TNCN | Tài nguyên | BVMT | Thuế khác | | | | | |
| *A* | *B* | *1=2+3+…+15* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* | *15* |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Bình Phước | 47.795.529.203 | 2.184.693.152 | 22.739.575.926 | | | | 54.054.000 | 51.682.083 | 61.719.501 | | 0 | 0 | 3.285.345.298 | 0 | 19.418.459.243 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Bình Thuận | 147.408.129.905 | 39.731.162.108 | 56.462.664.346 | | | | 122.962.223 | 2.136.380.357 | 163.173.057 | | 0 | 0 | 46.679.622.740 | 0 | 2.112.165.074 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Đắk Lắk | 2.855.010.000 | 313.115.000 | 518.533.000 | | | | | 145.337.000 | 184.984.000 | | 0 | 0 | 279.696.000 | 0 | 1.413.345.000 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Đắk Nông | 4.725.419.000 | 2.848.463.000 | 1.535.803.000 | | | | | 31.199.000 | 294.877.000 | | 15.077.000 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Điện Biên | 3.621.918.555 | 249.765.117 | 344.146.739 | | | 768.220.635 | | | | 1.470.298.223 | 290.526.176 | 0 | 0 | 0 | 498.961.665 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Đồng Tháp | 19.186.065.566 | 2.440.667.542 | 11.995.519.418 | | | 4.184.541.791 | 50.000.000 | | 19.341.600 | | 5.605.000 | 0 | 121.472.277 | 368.917.938 | 0 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Gia Lai | 2.206.961.000 | 290.478.000 | 774.782.000 | | | | 14.705.000 | 292.535.000 | 189.966.000 | | 2.000.000 | 0 | 642.495.000 | 0 | 0 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Hà Giang | 4.405.292.018 | 1.485.166.628 | 1.082.102.026 | | | | 46.795.757 | 79.661.895 | 216.548.474 | | 114.467.900 | 254.425.927 | 1.126.123.411 | 0 | 0 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Hà Nam | 875.488.329.415 | 1.416.603.777 | 1.519.801.162 | | 865.070.391.786 | | | | | | 0 | 85.074.331 | 7.396.458.359 | 0 | 0 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Hòa Bình | 83.239.339.050 | 6.705.249.133 | 61.370.826.914 | | | | 117.712.844 | 191.751.650 | | | 8.869.715 | 143.785.273 | 14.094.457.521 | 0 | 606.686.000 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Hưng Yên | 32.213.086.999 | 4.884.292.219 | 7.747.249.640 | | | | | | 13.408.830 | | 3.000.000 | 0 | 4.168.478.110 | 0 | 15.396.658.200 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Kon Tum | 3.111.590.000 | 201.680.000 | 622.650.000 | | | | | 256.707.000 | 189.377.000 | | 0 | 0 | 1.837.176.000 | 0 | 4.000.000 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Nam Định | 14.962.404.425 | 689.854.330 | 1.812.671.645 | | | | | | | | 0 | 951.668.350 | 11.508.210.100 | 0 | 0 |
| - | Kiểm toán báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Quảng Ngãi | 2.997.609.679 | | 259.307.961 | | | | | 908.376.368 | | | 0 | 0 | 0 | 0 | 1.829.925.350 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 thành phố Hà Nội | 54.964.641.142 | 2.225.606.363 | 20.370.669.917 | | | | | | | | 1.362.000 | 119.495.877 | 32.247.506.985 | 0 | 0 |

| TT | Chỉ tiêu / Báo cáo kiểm toán | Tổng số | Các khoản thuế | | | | | | | | | Phí, lệ phí | Giảm phải thu NSNN về thuế | Giảm thuế GTGT được khấu trừ | Nộp trả quỹ hoàn thuế GTGT | Thu khác |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | GTGT | TNDN | XNK | TTĐB | Nhà, đất | TNCN | Tài nguyên | BVMT | Thuế khác | | | | | |
| *A* | *B* | *1=2+3+…+15* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* | *15* |
| ***3.*** | ***Kiểm toán chuyên đề*** | ***126.813.542.154*** | ***13.185.286.414*** | ***68.173.350.345*** | | | ***391.981.176*** | ***26.411.667*** | ***2.072.393.353*** | | ***288.465.170*** | **567.587.882** | | **5.693.687.302** | **137.293.728** | **36.277.085.117** |
| - | Kiểm toán chuyên đề Dự án Mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam Tiểu dự án thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 3.995.652.000 | 3.995.652.000 | | | | | | | | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| - | Kiểm toán công tác quản lý thu, việc thực hiện nghĩa vụ thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên | 2.857.382.156 | | 2.702.705.563 | | | | | | | | 0 | 0 | 154.676.593 | 0 | 0 |
| - | Kiểm toán chuyên đề Công tác quản lý thu, việc thực hiện nghĩa vụ thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn thành phố Hà Nội và chuyên đề công tác quản lý nhà nước tại Cục thuế liên quan đến việc hoàn thuế, miễn, giảm, giãn thuế, chống trốn thuế, chuyển giá năm 2020 trên địa bàn thành phố Hà Nội | 27.341.541.515 | 882.411.916 | 21.047.266.603 | | | | 26.411.667 | | | | 0 | 0 | 5.384.050.070 | 0 | 1.401.259 |
| - | Kiểm toán chuyên đề Công tác quản lý thu, việc thực hiện nghĩa vụ thuế đối với các doanh nghiệp có giao dịch liên kết giai đoạn 2017 - 2020 trên địa bàn tỉnh Long An | 45.662.491.017 | 946.135.699 | 44.423.378.179 | | | | | | | 138.016.500 | 0 | 0 | 154.960.639 | 0 | 0 |
| - | Kiểm toán chuyên đề công tác quản lý nhà nước tại Tổng cục Thuế và các Cục Thuế liên quan đến việc hoàn thuế, miễm, giảm, giãn thuế, chống trốn thuế, chuyển giá năm 2020 | 529.274.904 | | | | | 391.981.176 | | | | | 0 | 0 | 0 | 137.293.728 | 0 |
| - | Kiểm toán chuyên đề Chương trình phát triển đô thị quốc gia dựa trên kết quả cho khu vực miền núi phía Bắc (WB) năm 2020 | 2.166.395.235 | | | | | | | 1.715.185.353 | | | 451.209.882 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| - | Kiểm toán chuyên đề Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016 - 2020 theo Quyết định số 1256/QĐ-TTg ngày 21/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ | 3.412.394.723 | 3.261.946.053 | | | | | | | | 150.448.670 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

| TT | Chỉ tiêu / Báo cáo kiểm toán | Tổng số | Các khoản thuế | | | | | | | | | Phí, lệ phí | Giảm phải thu NSNN về thuế | Giảm thuế GTGT được khấu trừ | Nộp trả quỹ hoàn thuế GTGT | Thu khác |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | GTGT | TNDN | XNK | TTĐB | Nhà, đất | TNCN | Tài nguyên | BVMT | Thuế khác | | | | | |
| *A* | *B* | *1=2+3+…+15* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* | *15* |
| - | Kiểm toán chuyên đề Chương trình mục tiêu đầu tư hạ tầng khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định số 351/QĐ-TTg ngày 29/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ | 1.211.916.000 | 1.211.916.000 | | | | | | | | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| - | Kiểm toán chuyên đề việc quản lý quy hoạch, cấp phép xây dựng tại các đô thị giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn thành phố Cần Thơ | 35.949.298.740 | | | | | | | | | | 0 | 0 | 0 | 0 | 35.949.298.740 |
| - | Kiểm toán chuyên đề Dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) | 473.586.000 | | | | | | | 357.208.000 | | | 116.378.000 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| - | Kiểm toán chuyên đề Dự án Phát triển tổng hợp các đô thị động lực thành phố Thái Nguyên | 40.391.040 | 40.391.040 | | | | | | | | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| - | Kiểm toán chuyên đề Dự án Phát triển tổng hợp các đô thị động lực Tiểu dự án đô thị Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa | 2.846.833.706 | 2.846.833.706 | | | | | | | | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| - | Kiểm toán chuyên đề Dự án phát triển nông nghiệp có tưới (WB7) | 326.385.118 | | | | | | | | | | 0 | 0 | 0 | 0 | 326.385.118 |
| ***4.*** | ***Kiểm toán hoạt động*** | ***10.970.936.866*** | ***354.482.236*** | ***2.962.402.345*** | | | | | ***35.037.760*** | | | **204.596.013** | | **928.059.911** | | **6.486.358.601** |
| - | Kiểm toán hoạt động chủ đề Hoạt động quản lý công tác xử lý nước thải, rác thải trên địa bàn tỉnh Bình Dương | 7.846.120.806 | | 2.305.728.182 | | | | | 35.037.760 | | | 200.088.263 | 0 | 0 | 0 | 5.305.266.601 |
| - | Kiểm toán hoạt động chủ đề việc quản lý, sử dụng ngân sách thành phố Hạ Long năm 2020 | 3.124.816.060 | 354.482.236 | 656.674.163 | | | | | | | | 4.507.750 | 0 | 928.059.911 | 0 | 1.181.092.000 |
| ***5.*** | ***Doanh nghiệp nhà nước*** | ***2.593.489.931.798*** | ***69.205.518.552*** | ***196.567.009.419*** | ***71.304.457*** | ***53.183.182*** | ***10.959.330.574*** | ***6.833.706.729*** | ***12.563.330.383*** | ***134.523.617*** | ***1.139.150.703*** | **5.460.812.428** | | **8.763.907.059** | | **2.281.738.154.695** |
| - | Kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2020 của Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP | 17.068.762.247 | 636.366.904 | 644.296.640 | | | | | 12.520.406.383 | | | 2.452.408.249 | 0 | 815.284.071 | 0 | 0 |

| TT | Chỉ tiêu / Báo cáo kiểm toán | Tổng số | Các khoản thuế | | | | | | | | | Phí, lệ phí | Giảm phải thu NSNN về thuế | Giảm thuế GTGT được khấu trừ | Nộp trả quỹ hoàn thuế GTGT | Thu khác |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | GTGT | TNDN | XNK | TTĐB | Nhà, đất | TNCN | Tài nguyên | BVMT | Thuế khác | | | | | |
| *A* | *B* | *1=2+3+…+15* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* | *15* |
| - | Kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2020 của Tổng công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp | 9.258.433.358 | | | | | 9.197.746.119 | | | | | 0 | 0 | 60.687.239 | 0 | 0 |
| - | Kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2020 của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam | 9.680.131.067 | 1.855.932.509 | 6.579.604.955 | 71.304.457 | | 958.685.470 | | | 134.523.617 | | 0 | 0 | 80.080.059 | 0 | 0 |
| - | Kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2020 của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam | 80.828.963.211 | 21.285.650.273 | 4.176.531.700 | | | 619.352.985 | 358.274.899 | | | | 0 | 0 | 59.247.269 | 0 | 54.329.906.085 |
| - | Kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2020 của Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau, Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP | 36.764.466.292 | 181.664.200 | 30.953.977.041 | | | | 5.617.116.840 | | | 11.708.211 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| - | Kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2020 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam | 19.031.356.995 | 1.325.873.655 | 14.685.507.733 | | | | | 42.924.000 | | | 2.977.051.607 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| - | Kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2020 của Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP | 24.643.635 | 22.542.635 | | | | | | | | | 0 | 0 | 2.101.000 | 0 | 0 |
| - | Kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2020 của Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP | 2.305.122.663.596 | 14.064.387.372 | 76.750.594.771 | | | | 793.273.518 | | | 973.999.693 | 0 | 0 | 6.366.190.283 | 0 | 2.206.174.217.959 |
| - | Kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2020 của Tổng công ty Viễn thông Mobifone | 65.964.204.545 | 29.325.205.433 | 14.522.475.672 | | | 183.546.000 | | | | 153.442.799 | 31.352.572 | 0 | 514.151.418 | 0 | 21.234.030.651 |
| - | Kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn tài sản nhà nước năm 2020 Tổng công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị | 49.746.306.852 | 507.895.571 | 48.254.020.907 | | 53.183.182 | | 65.041.472 | | | | 0 | 0 | 866.165.720 | 0 | 0 |

| TT | Chỉ tiêu / Báo cáo kiểm toán | Tổng số | Các khoản thuế | | | | | | | | | Phí, lệ phí | Giảm phải thu NSNN về thuế | Giảm thuế GTGT được khấu trừ | Nộp trả quỹ hoàn thuế GTGT | Thu khác |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | GTGT | TNDN | XNK | TTĐB | Nhà, đất | TNCN | Tài nguyên | BVMT | Thuế khác | | | | | |
| *A* | *B* | *1=2+3+…+15* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* | *15* |
| ***6.*** | ***Tổ chức tài chính*** | ***82.946.143*** | | ***82.946.143*** | | | | | | | | | | | | |
| - | Kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2020 của Công ty TNHH MTV xổ số điện toán Việt Nam | 82.946.143 | | 82.946.143 | | | | | | | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| ***7.*** | ***Ngân hàng*** | ***447.361.029.755*** | ***59.750.022.563*** | ***7.057.239.379*** | | | | ***2.604.300.860*** | | | ***20.361.198*** | | | | | **377.929.105.755** |
| - | Kiểm toán Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex | 651.811.309 | 651.811.309 | | | | | | | | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| - | Kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2020 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | 302.707.991.360 | 132.090.909 | 63.714.245 | | | | 570.007.951 | | | 20.361.198 | 0 | 0 | 0 | 0 | 301.921.817.057 |
| - | Kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2020 của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam | 143.254.975.375 | 58.276.194.941 | 6.993.525.134 | | | | 1.977.966.602 | | | | 0 | 0 | 0 | 0 | 76.007.288.698 |
| - | Kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2020 của Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam | 746.251.711 | 689.925.404 | | | | | 56.326.307 | | | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| ***8.*** | ***Bảo hiểm*** | ***7.323.758.177*** | ***107.660.834*** | ***6.951.788.756*** | | | | ***208.308.587*** | | | | **56.000.000** | | | | |
| - | Kiểm toán Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex | 2.358.040.025 | 107.660.834 | 2.250.379.191 | | | | | | | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| - | Kiểm toán Công ty Cổ phần PVI | 4.965.718.152 | | 4.701.409.565 | | | | 208.308.587 | | | | 56.000.000 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| ***9.*** | ***Kiểm toán đầu tư dự án*** | ***71.719.039.488*** | ***7.357.531.455*** | ***2.261.898.949*** | | | ***15.408.243.829*** | ***24.230.400*** | ***2.135.101.576*** | | | **9.029.711.050** | | **11.305.895.142** | | **24.196.427.087** |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đường 319 nối dài và nút giao giữa đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (Hợp đồng BOT) | 515.328.510 | | | | | | | | | | 0 | 0 | 515.328.510 | 0 | 0 |

| TT | Chỉ tiêu / Báo cáo kiểm toán | Tổng số | Các khoản thuế | | | | | | | | | Phí, lệ phí | Giảm phải thu NSNN về thuế | Giảm thuế GTGT được khấu trừ | Nộp trả quỹ hoàn thuế GTGT | Thu khác |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | GTGT | TNDN | XNK | TTĐB | Nhà, đất | TNCN | Tài nguyên | BVMT | Thuế khác | | | | | |
| *A* | *B* | *1=2+3+…+15* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* | *15* |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án ĐTXD cầu vượt nút giao giữa đường Hoàng Quốc Việt và đường Nguyễn Văn Huyên (Vành đai 2,5); Dự án cải tạo, nâng cấp đường Tản Lĩnh - Yên Bài đoạn từ Km2+400 đến Km10+500 (nối từ đại lộ Thăng Long kéo dài đến tỉnh lộ 414); Dự án đầu tư xây dựng Đường 5 kéo dài; Dự án xây dựng tuyến đường nối tỉnh lộ 419 từ xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức đến tiếp giáp xã Tân Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam; Dự án xây dựng tuyến đường nối từ Trường Đại học Mỏ - Địa chất vào Khu công nghiệp Nam Thăng Long; Dự án xây dựng tuyến đường nối Khu công nghiệp Bắc Thường Tín với ĐT427 | 7.303.539.000 | 7.303.539.000 | | | | | | | | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đầu tư xây dựng công trình đường cao tốc Mỹ Thuận - Cần Thơ - Giai đoạn 1 | 3.485.000 | 3.485.000 | | | | | | | | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Đường bao biển nối Thành phố Hạ Long - Thành phố Cẩm Phả; Dự án Đường nối KCN Cái Lân qua KCN Việt Hưng đến đường cao tốc Hạ Long - Vân Đồn | 50.507.455 | 50.507.455 | | | | | | | | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư các dự án thực hiện theo phương thức sử dụng quỹ đất để tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng và các dự án giao đất có thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trên địa bàn tỉnh Hải Dương | 17.890.362.778 | | 2.261.898.949 | | | 15.408.243.829 | | | | | 0 | 0 | 0 | 0 | 220.220.000 |
| - | Kiểm toán dự án Hợp phần 1 "Xây dựng hệ thống thông tin hỗ trợ hoạt động kiểm toán" thuộc dự án "Xây dựng hệ thống thông tin Kiểm toán nhà nước" | 117.649.087 | | | | | | | | | | 0 | 0 | 0 | 0 | 117.649.087 |

| TT | Chỉ tiêu / Báo cáo kiểm toán | Tổng số | Các khoản thuế | | | | | | | | | Phí, lệ phí | Giảm phải thu NSNN về thuế | Giảm thuế GTGT được khấu trừ | Nộp trả quỹ hoàn thuế GTGT | Thu khác |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | GTGT | TNDN | XNK | TTĐB | Nhà, đất | TNCN | Tài nguyên | BVMT | Thuế khác | | | | | |
| *A* | *B* | *1=2+3+…+15* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* | *15* |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đường dây 500/220kV Nho Quan - Phủ Lý - Thường Tín; Dự án đường dây 500/220kV Hiệp Hoà - Đông Anh - Bắc Ninh 2 | 173.763.418 | | | | | | | | | | 0 | 0 | 173.763.418 | 0 | 0 |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đường cao tốc Hạ Long - Vân Đồn và cải tạo nâng cấp quốc lộ 18 đoạn Hạ Long - Mông Dương theo hình thức BOT | 32.663.522.394 | | | | | | | 2.135.101.576 | | | 5.099.688.551 | 0 | 9.655.804.267 | 0 | 15.772.928.000 |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án ĐTXD công trình Trung tâm Phân tích thí nghiệm và Văn phòng Viện Dầu khí VN tại Thành phố Hồ Chí Minh | 289.556.247 | | | | | | | | | | 0 | 0 | 289.556.247 | 0 | 0 |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án quản lý nguồn nước và ngập lụt Vĩnh Phúc; Dự án cầu Đầm Vạc, thành phố Vĩnh Yên | 8.085.630.000 | | | | | | | | | | 0 | 0 | 0 | 0 | 8.085.630.000 |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đường dây 500kV Quảng Trạch - Dốc Sỏi; Dự án đường dây 500kV Dốc Sỏi - Pleiku 2 | 671.442.700 | | | | | | | | | | 0 | 0 | 671.442.700 | 0 | 0 |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án hồ chứa nước Cánh Tạng | 3.954.252.899 | | | | | | 24.230.400 | | | | 3.930.022.499 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| ***10.*** | ***Kiểm toán Quốc phòng - An ninh - Đảng*** | ***167.573.060.163*** | ***5.966.971.369*** | ***84.157.113.875*** | | | | ***692.563.471*** | | | ***42.075.255*** | **2.617.810.385** | **21.213.913** | **5.368.872.456** | | **68.706.439.439** |
| - | Tổng hợp kết quả kiểm toán năm 2021 lĩnh vực An ninh - Đảng | 17.317.669.947 | 467.154.422 | 1.146.477.084 | | | | 110.170.896 | | | | 1.317.338.736 | 0 | 0 | 0 | 14.276.528.809 |
| - | Tổng hợp kết quả kiểm toán năm 2021 lĩnh vực Quốc phòng | 150.255.390.216 | 5.499.816.947 | 83.010.636.791 | | | | 582.392.575 | | | 42.075.255 | 1.300.471.649 | 21.213.913 | 5.368.872.456 | 0 | 54.429.910.630 |

# KẾT QUẢ KIỂM TOÁN KIẾN NGHỊ GIẢM CHI THƯỜNG XUYÊN NSNN NĂM 2021

*Đơn vị tính: Đồng*

| TT | Chỉ tiêu / Báo cáo kiểm toán | Tổng số | Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định | Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định | Thu hồi kinh phí thừa | Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau | Chuyển quyết toán năm sau | Kiến nghị xử lý tài chính khác |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| *A* | *B* | *1=2+3+…+7* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* |
| **Tổng hợp kiến nghị giảm chi thường xuyên NSNN** | | **12.776.690.980.125** | **73.701.411.361** | **200.091.408.328** | **6.087.852.142.585** | **4.123.223.584.209** | **0** | **2.291.822.433.642** |
| **1. Ngân sách Trung ương (Bộ, Ngành)** | | **402.401.552.893** | **4.068.702.715** | **0** | **15.923.324.264** | **23.654.086.149** | **0** | **358.755.439.765** |
| - | Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2020 tại Đài Tiếng nói Việt Nam | 126.226.668 | 126.226.668 | | | | | |
| - | Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2020 của Văn phòng Chủ tịch nước | 33.800.766.361 | | | | | | 33.800.766.361 |
| - | Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2020 của Văn phòng Quốc hội | 310.107.390.776 | | | | 9.539.343.379 | | 300.568.047.397 |
| - | Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2020 của Trung ương Hội nông dân Việt Nam | 261.798.906 | 21.198.906 | | | 240.600.000 | | |
| - | Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2020 của Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam | 4.062.467.316 | | | | 3.721.018.616 | | 341.448.700 |
| - | Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2020 tại Bộ Khoa học và Công nghệ | 23.184.423.564 | 2.915.787.868 | | 450.000.000 | 8.634.170.217 | | 11.184.465.479 |
| - | Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2020 tại Đại học Quốc gia Hà Nội | 3.596.838.386 | 707.548.105 | | | | | 2.889.290.281 |
| - | Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2020 tại Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh | 2.514.887.466 | | | 618.721.916 | 482.018.000 | | 1.414.147.550 |

| TT | Chỉ tiêu / Báo cáo kiểm toán | Tổng số | Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định | Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định | Thu hồi kinh phí thừa | Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau | Chuyển quyết toán năm sau | Kiến nghị xử lý tài chính khác |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| *A* | *B* | *1=2+3+…+7* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* |
| - | Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2020 của Kho bạc Nhà nước | 8.557.273.997 | | | | | | 8.557.273.997 |
| - | Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2020 của Bộ Tài chính | 14.650.051.986 | 109.416.200 | | 14.403.699.849 | 136.935.937 | | |
| - | Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2020 của Bộ Công Thương | 1.438.973.970 | 88.071.471 | | 450.902.499 | 900.000.000 | | |
| - | Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 100.453.497 | 100.453.497 | | | | | |
| **2. Ngân sách địa phương (Tỉnh)** | | **12.093.298.689.209** | **52.259.368.906** | **200.091.408.328** | **5.933.999.894.840** | **4.084.439.644.221** | **0** | **1.822.508.372.914** |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Nghệ An | 153.989.931.995 | | | 112.886.531.101 | 28.035.041.081 | | 13.068.359.813 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Đắk Lắk | 316.027.736.000 | 19.707.563.000 | | 78.578.121.000 | 210.267.440.000 | | 7.474.612.000 |
| - | Kiểm toán báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Quảng Ngãi | 77.219.260.577 | 600.000.000 | | 60.034.186.133 | 1.097.000.000 | | 15.488.074.444 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Thừa Thiên Huế | 164.974.074.489 | | | 138.377.351.795 | 26.037.080.608 | | 559.642.086 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Quảng Trị | 203.402.942.553 | | | 181.501.785.628 | 21.367.667.522 | | 533.489.403 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Quảng Bình | 517.809.554.374 | | | 475.693.113.317 | 9.064.448.200 | | 33.051.992.857 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Hậu Giang | 60.750.683.619 | 1.825.118.943 | 19.500.000.000 | 27.919.355.909 | 1.189.208.767 | | 10.317.000.000 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Lạng Sơn | 107.900.047.498 | | | 91.062.265.011 | 16.837.782.487 | | |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Thanh Hóa | 199.721.328.000 | | | 199.721.328.000 | | | |

| TT | Chỉ tiêu / Báo cáo kiểm toán | Tổng số | Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định | Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định | Thu hồi kinh phí thừa | Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau | Chuyển quyết toán năm sau | Kiến nghị xử lý tài chính khác |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| *A* | *B* | *1=2+3+…+7* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Đắk Nông | 298.728.472.000 | 204.401.000 | | 51.190.775.000 | 237.421.737.000 | | 9.911.559.000 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 thành phố Hà Nội | 688.234.342.642 | 1.884.212.254 | | 269.128.584.242 | 24.161.438.534 | | 393.060.107.612 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Nam Định | 538.958.605.255 | | | 535.118.605.255 | | | 3.840.000.000 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Thái Nguyên | 34.482.801.540 | 28.866.000 | 20.000.000.000 | 5.558.824.701 | 8.224.366.657 | | 670.744.182 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Hòa Bình | 28.385.037.876 | 184.918.483 | | 7.383.376.880 | 17.911.727.064 | | 2.905.015.449 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Thái Bình | 197.103.246.000 | 30.000.000 | | 197.073.246.000 | | | |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Vĩnh Phúc | 48.414.254.245 | 71.428.358 | 5.536.082.641 | 20.867.001.200 | 57.383.135 | | 21.882.358.911 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Ninh Bình | 131.428.217.000 | | | 18.276.217.000 | 220.000.000 | | 112.932.000.000 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Tuyên Quang | 32.147.692.122 | | | 23.760.200.610 | 6.298.299.540 | | 2.089.191.972 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Hà Tĩnh | 140.088.301.501 | | | 43.331.069.076 | 63.394.790.622 | | 33.362.441.803 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Hà Nam | 64.775.246.003 | | | 57.734.972.600 | 522.633.787 | | 6.517.639.616 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Lào Cai; chuyên đề hoạt động quản lý môi trường tại các Ban quản lý khu kinh tế và khu công nghiệp giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Lào Cai | 268.728.156.544 | 18.750.000 | | 168.944.541.957 | 99.764.864.587 | | |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Kiên Giang | 485.350.829.218 | 1.464.101.414 | 60.000.000.000 | 142.859.335.820 | 226.375.904.385 | | 54.651.487.599 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Bình Định | 102.032.756.218 | 118.048.212 | | 95.526.499.814 | 6.007.074.818 | | 381.133.374 |

| TT | Chỉ tiêu / Báo cáo kiểm toán | Tổng số | Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định | Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định | Thu hồi kinh phí thừa | Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau | Chuyển quyết toán năm sau | Kiến nghị xử lý tài chính khác |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| *A* | *B* | *1=2+3+…+7* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Bình Thuận | 504.671.016.517 | 5.271.725.047 | | 483.521.571.379 | 11.587.658.968 | | 4.290.061.123 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Bình Phước | 377.329.727.165 | 1.325.084.680 | | 59.255.512.602 | 315.121.315.083 | | 1.627.814.800 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu | 278.963.433.337 | 529.246.441 | | 127.818.534.890 | 44.663.308.988 | | 105.952.343.018 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Bạc Liêu | 182.309.752.088 | 1.565.056.722 | 29.741.467.643 | 117.730.829.221 | 30.378.398.502 | | 2.894.000.000 |
| - | Kiểm toán tổng hợp báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Lai Châu | 316.122.039.576 | 6.477.400 | | 316.115.562.176 | | | |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Yên Bái; chuyên đề việc quản lý quy hoạch, cấp phép xây dựng tại các đô thị giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Yên Bái | 229.417.040.157 | 28.764.281 | | 227.685.295.876 | 32.180.000 | | 1.670.800.000 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Vĩnh Long | 109.334.594.434 | 353.152.005 | 5.495.245.047 | 57.802.034.668 | 34.966.317.870 | | 10.717.844.844 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Đồng Tháp | 164.885.428.298 | 1.358.873.800 | 57.300.000.000 | 56.022.893.418 | 19.693.536.146 | | 30.510.124.934 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh An Giang | 333.153.566.028 | 5.022.017.716 | 2.518.612.997 | 311.629.981.413 | 7.029.554.910 | | 6.953.398.992 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Hưng Yên | 111.561.793.302 | | | 2.528.672.199 | 101.582.891.593 | | 7.450.229.510 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Sơn La | 260.132.507.276 | 10.280.000 | | 84.665.814.082 | 175.456.413.194 | | |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Gia Lai | 283.878.642.000 | 366.527.000 | | 74.611.216.000 | 200.614.241.000 | | 8.286.658.000 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Phú Thọ; chuyên đề hoạt động quản lý môi trường tại các Ban quản lý khu kinh tế và khu công nghiệp giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ | 77.650.971.877 | 27.299.000 | | 22.631.638.000 | 54.992.034.877 | | |

| TT | Chỉ tiêu / Báo cáo kiểm toán | Tổng số | Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định | Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định | Thu hồi kinh phí thừa | Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau | Chuyển quyết toán năm sau | Kiến nghị xử lý tài chính khác |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| *A* | *B* | *1=2+3+…+7* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Bình Dương; chuyên đề Công tác quản lý thu, việc thực hiện nghĩa vụ thuế đối với các doanh nghiệp có giao dịch liên kết giai đoạn 2017 - 2020 trên địa bàn tỉnh Bình Dương | 335.914.795.143 | 112.036.000 | | 286.825.751.106 | 48.816.913.137 | | 160.094.900 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Quảng Ninh | 18.333.520.715 | 4.185.832.294 | | 4.840.563.884 | 3.594.990.237 | | 5.712.134.300 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 Thành phố Hồ Chí Minh; chuyên đề Công tác quản lý thu, việc thực hiện nghĩa vụ thuế đối với các doanh nghiệp có giao dịch liên kết giai đoạn 2017 - 2020 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh | 3.002.685.731.303 | 3.418.383.371 | | 394.887.678.651 | 1.800.376.726.211 | | 804.002.943.070 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 thành phố Hải Phòng | 59.633.312.637 | 129.922.454 | | 7.318.347.582 | 11.937.521.961 | | 40.247.520.640 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Hà Giang | 27.849.378.809 | 690.200.000 | | 5.473.094.518 | 15.545.807.987 | | 6.140.276.304 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương 2020 tỉnh Lâm Đồng | 93.916.945.298 | | | 34.732.616.728 | 37.647.799.169 | | 21.536.529.401 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Quảng Nam | 194.868.421.527 | 1.658.411.031 | | 144.339.000.732 | 23.563.971.807 | | 25.307.037.957 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Kon Tum | 158.481.587.000 | 22.715.000 | | 61.868.526.000 | 80.238.635.000 | | 16.351.711.000 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Điện Biên | 111.550.967.453 | 39.957.000 | | 49.167.471.666 | 62.343.538.787 | | |
| **3. Kiểm toán chuyên đề** | | **87.912.697.698** | **4.533.255.397** | **0** | **80.910.942.701** | **677.394.000** | **0** | **1.791.105.600** |
| - | Kiểm toán chuyên đề việc quản lý quy hoạch, cấp phép xây dựng tại các đô thị giai đoạn 2017 - 2020 trên địa bàn các tỉnh An Giang, Đồng Tháp, Vĩnh Long | 197.318.000 | | | 197.318.000 | | | |

| TT | Chỉ tiêu / Báo cáo kiểm toán | Tổng số | Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định | Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định | Thu hồi kinh phí thừa | Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau | Chuyển quyết toán năm sau | Kiến nghị xử lý tài chính khác |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| *A* | *B* | *1=2+3+…+7* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* |
| - | Kiểm toán Chương trình "Hỗ trợ thực hiện hai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 tại 18 tỉnh" (Chương trình Nông thôn mới) | 71.487.251.230 | 2.896.521.998 | | 66.799.623.632 | | | 1.791.105.600 |
| - | Kiểm toán công tác quản lý các dự án, công trình được đầu tư bằng nguồn vốn đầu tư phát triển; việc quản lý và sử dụng kinh phí đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn ODA giai đoạn 2015-2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo | 225.445.416 | 225.445.416 | | | | | |
| - | Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí hoạt động kinh tế đường sắt năm 2020 tại Tổng công ty Đường sắt Việt Nam (Bộ Giao thông vận tải) | 1.720.442.783 | 1.043.048.783 | | | 677.394.000 | | |
| - | Kiểm toán chuyên đề Chương trình "Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả" năm 2020 | 6.055.950.651 | 368.239.200 | | 5.687.711.451 | | | |
| - | Kiểm toán Chương trình "Hỗ trợ thực hiện hai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 tại 18 tỉnh" (Chương trình 135) | 8.226.289.618 | | | 8.226.289.618 | | | |
| **4. Kiểm toán hoạt động** | | **15.177.172.463** | **5.868.548.835** | **0** | **5.668.747.965** | **281.962.525** | **0** | **3.357.913.138** |
| - | Kiểm toán hoạt động quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đường bộ giai đoạn 2019 - 2020 | 6.029.746.189 | 2.389.870.526 | | | 281.962.525 | | 3.357.913.138 |
| - | Kiểm toán hoạt động chủ đề việc quản lý, sử dụng ngân sách thành phố Hạ Long năm 2020 | 86.484.700 | | | 86.484.700 | | | |
| - | Kiểm toán hoạt động chủ đề Hoạt động quản lý công tác xử lý nước thải, rác thải trên địa bàn tỉnh Bình Dương | 9.060.941.574 | 3.478.678.309 | | 5.582.263.265 | | | |

| TT | Chỉ tiêu / Báo cáo kiểm toán | Tổng số | Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định | Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định | Thu hồi kinh phí thừa | Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau | Chuyển quyết toán năm sau | Kiến nghị xử lý tài chính khác |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| *A* | *B* | *1=2+3+…+7* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* |
| **5. Ngân hàng** | | **66.648.018.486** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **66.648.018.486** |
| - | Kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2020 của Ngân hàng Chính sách xã hội | 581.479.671 | | | | | | 581.479.671 |
| - | Kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2020 của Ngân hàng Phát triển Việt Nam | 66.066.538.815 | | | | | | 66.066.538.815 |
| **6. Kiểm toán Quốc phòng - An ninh - Đảng** | | **111.252.849.376** | **6.971.535.508** | **0** | **51.349.232.815** | **14.170.497.314** | **0** | **38.761.583.739** |
| - | Tổng hợp kết quả kiểm toán năm 2021 lĩnh vực An ninh - Đảng | 55.484.943.842 | 6.843.025.692 | | 31.118.854.892 | 12.278.939.258 | | 5.244.124.000 |
| - | Tổng hợp kết quả kiểm toán năm 2021 lĩnh vực Quốc phòng | 55.767.905.534 | 128.509.816 | | 20.230.377.923 | 1.891.558.056 | | 33.517.459.739 |

**Phụ lục số 05/THKQKT2021**

# KẾT QUẢ KIỂM TOÁN KIẾN NGHỊ GIẢM CHI ĐẦU TƯ NSNN NĂM 2021

*Đơn vị tính: Đồng*

| TT | Chỉ tiêu / Báo cáo kiểm toán | Tổng số | Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định | Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định | Thu hồi kinh phí thừa | Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau | Chuyển quyết toán năm sau | Kiến nghị xử lý tài chính khác |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| *A* | *B* | *1=2+3+…+7* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* |
| **Tổng hợp kiến nghị giảm chi đầu tư xây dựng** | | **3.817.035.664.840** | **195.866.454.656** | **55.301.957.455** | **657.035.594.424** | **751.445.212.953** | **187.500.000** | **2.157.198.945.352** |
| **1. Kiểm toán NSNN** | | **378.609.409** | **193.881.122** | **0** | **0** | **0** | **0** | **184.728.287** |
| - | Kiểm toán việc quản lý, sử dụng NSNN năm 2019 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình cấp nước, thoát nước và môi trường thành phố Hà Nội | 378.609.409 | 193.881.122 | | | | | 184.728.287 |
| **2. Ngân sách Trung ương (Bộ, Ngành)** | | **66.370.150.959** | **3.817.547.738** | **0** | **237.140.399** | **16.074.659.585** | **0** | **46.240.803.237** |
| - | Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2020 của Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh | 85.234.000 | | | | 85.234.000 | | |
| - | Báo cáo kiểm toán việc quản lý sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao | 7.939.792.855 | 1.295.109.368 | | | 576.697.608 | | 6.067.985.879 |
| - | Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2020 của Bộ Công Thương | 9.445.911.000 | 403.484.000 | | | 2.950.433.000 | | 6.091.994.000 |
| - | Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2020 của Bộ Tài chính | 27.336.177.900 | | | | 1.737.068.400 | | 25.599.109.500 |
| - | Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2020 của Kho bạc Nhà nước | 6.601.958.711 | 305.901.000 | | | 2.160.921.366 | | 4.135.136.345 |
| - | Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2020 của Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam | 527.327.708 | 217.357.309 | | 237.140.399 | 72.830.000 | | |

| TT | Chỉ tiêu / Báo cáo kiểm toán | Tổng số | Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định | Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định | Thu hồi kinh phí thừa | Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau | Chuyển quyết toán năm sau | Kiến nghị xử lý tài chính khác |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| *A* | *B* | *1=2+3+…+7* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* |
| - | Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2020 của Văn phòng Chính phủ | 1.208.250.740 | | | | 1.208.250.740 | | |
| - | Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 608.306.000 | 372.961.000 | | | 107.927.000 | | 127.418.000 |
| - | Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2020 của Văn phòng Quốc hội | 3.930.343.000 | | | | 3.858.253.000 | | 72.090.000 |
| - | Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2020 tại Bộ Khoa học và Công nghệ | 1.176.121.210 | 271.671.246 | | | 904.449.964 | | |
| - | Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2020 tại Đại học Quốc gia Hà Nội | 127.207.802 | 127.207.802 | | | | | |
| - | Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2020 tại Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh | 869.231.288 | | | | 595.444.507 | | 273.786.781 |
| - | Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2020 tại Đài Tiếng nói Việt Nam | 5.064.100.200 | 462.820.000 | | | 1.817.150.000 | | 2.784.130.200 |
| - | Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2020 tại Đài Truyền hình Việt Nam | 1.089.152.532 | | | | | | 1.089.152.532 |
| - | Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2020 tại Thông tấn xã Việt Nam | 361.036.013 | 361.036.013 | | | | | |
| **3. Ngân sách địa phương (Tỉnh)** | | **2.178.802.014.311** | **110.204.413.389** | **15.083.557.000** | **554.132.665.149** | **394.522.651.474** | **0** | **1.104.858.727.299** |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Quảng Ninh | 40.270.026.599 | 96.808.000 | | | 7.847.614.589 | | 32.325.604.010 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Thừa Thiên Huế | 21.974.075.987 | 134.540.286 | | 3.368.582.613 | 6.077.587.769 | | 12.393.365.319 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Sơn La | 43.307.981.947 | 6.450.411.345 | | 18.514.053.200 | 12.518.743.528 | | 5.824.773.874 |

| TT | Chỉ tiêu / Báo cáo kiểm toán | Tổng số | Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định | Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định | Thu hồi kinh phí thừa | Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau | Chuyển quyết toán năm sau | Kiến nghị xử lý tài chính khác |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| *A* | *B* | *1=2+3+…+7* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Thái Bình | 52.300.673.000 | 64.469.000 | | 18.233.741.000 | 3.651.791.000 | | 30.350.672.000 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Thái Nguyên | 8.037.082.029 | 1.648.814.336 | | | 1.574.440.290 | | 4.813.827.403 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Vĩnh Phúc | 74.738.673.742 | 2.023.177.806 | 15.083.557.000 | 12.275.424.900 | 10.237.582.690 | | 35.118.931.346 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Tuyên Quang | 32.467.953.318 | 1.344.872.593 | | | 6.723.316.378 | | 24.399.764.347 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Vĩnh Long | 14.313.648.507 | 3.013.870.000 | | | 2.766.156.758 | | 8.533.621.749 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Yên Bái; chuyên đề việc quản lý quy hoạch, cấp phép xây dựng tại các đô thị giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Yên Bái | 34.982.942.631 | 836.153.458 | | 2.810.043.760 | 6.403.098.092 | | 24.933.647.321 |
| - | Kiểm toán tổng hợp báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Lai Châu | 22.219.022.722 | 2.010.660.813 | | 12.635.751.520 | 1.384.864.285 | | 6.187.746.104 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Phú Thọ; chuyên đề hoạt động quản lý môi trường tại các Ban quản lý khu kinh tế và khu công nghiệp giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ | 53.563.550.108 | 2.178.434.126 | | 36.551.167.000 | 8.468.901.757 | | 6.365.047.225 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Thanh Hóa | 58.535.741.000 | 46.133.000 | | | 12.362.546.000 | | 46.127.062.000 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Ninh Bình | 33.080.435.000 | 192.793.000 | | 7.422.000.000 | 3.879.051.000 | | 21.586.591.000 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Lạng Sơn | 7.475.596.773 | 986.736.891 | | | 3.006.955.101 | | 3.481.904.781 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Lào Cai; chuyên đề hoạt động quản lý môi trường tại các Ban quản lý khu kinh tế và khu công nghiệp giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Lào Cai | 26.109.724.879 | 15.144.000 | | 627.203.972 | 5.722.030.837 | | 19.745.346.070 |

| TT | Chỉ tiêu / Báo cáo kiểm toán | Tổng số | Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định | Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định | Thu hồi kinh phí thừa | Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau | Chuyển quyết toán năm sau | Kiến nghị xử lý tài chính khác |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| *A* | *B* | *1=2+3+…+7* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Quảng Trị | 10.564.139.237 | 442.596.000 | | 833.665.237 | 565.301.000 | | 8.722.577.000 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Quảng Nam | 263.979.607.959 | 18.368.659.000 | | 183.864.868.267 | 9.751.698.000 | | 51.994.382.692 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Quảng Bình | 9.225.320.996 | 68.010.579 | | 40.000.000 | 890.669.808 | | 8.226.640.609 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Nghệ An | 77.587.075.872 | 929.552.000 | | 42.449.359.557 | 6.129.511.315 | | 28.078.653.000 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Kiên Giang | 33.523.712.828 | 1.189.601.061 | | 14.653.414.509 | 8.126.887.193 | | 9.553.810.065 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Hậu Giang | 20.970.868.950 | 1.756.112.434 | | 6.797.694.221 | 8.235.299.136 | | 4.181.763.159 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Hà Tĩnh | 36.303.756.116 | 142.706.000 | | 51.259.000 | 5.604.510.291 | | 30.505.280.825 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Bình Định | 40.936.784.563 | 7.260.014.000 | | 11.471.026.563 | 3.829.482.000 | | 18.376.262.000 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Bạc Liêu | 25.238.043.857 | 8.639.519.216 | | | 6.399.356.162 | | 10.199.168.479 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương 2020 tỉnh Lâm Đồng | 72.927.032.667 | 850.820.000 | | 5.306.489.268 | 1.747.726.894 | | 65.021.996.505 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 thành phố Hải Phòng | 114.849.812.198 | 299.974.000 | | 16.969.599.000 | 11.813.851.822 | | 85.766.387.376 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 Thành phố Hồ Chí Minh; chuyên đề Công tác quản lý thu, việc thực hiện nghĩa vụ thuế đối với các doanh nghiệp có giao dịch liên kết giai đoạn 2017 - 2020 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh | 213.255.454.907 | 6.871.258.896 | | 15.061.800.000 | 101.438.971.834 | | 89.883.424.177 |

| TT | Chỉ tiêu / Báo cáo kiểm toán | Tổng số | Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định | Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định | Thu hồi kinh phí thừa | Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau | Chuyển quyết toán năm sau | Kiến nghị xử lý tài chính khác |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| *A* | *B* | *1=2+3+…+7* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh An Giang | 41.689.508.803 | 5.698.541.000 | | 4.949.168.146 | 3.582.317.200 | | 27.459.482.457 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu | 45.313.197.174 | 920.876.324 | | | 6.031.390.535 | | 38.360.930.315 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Bình Dương; chuyên đề Công tác quản lý thu, việc thực hiện nghĩa vụ thuế đối với các doanh nghiệp có giao dịch liên kết giai đoạn 2017 - 2020 trên địa bàn tỉnh Bình Dương | 99.055.210.267 | 2.156.409.516 | | | 14.731.882.531 | | 82.166.918.220 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Bình Phước | 14.082.866.769 | 3.335.909.942 | | | 2.244.662.356 | | 8.502.294.471 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Bình Thuận | 11.841.297.458 | 3.658.162.885 | | | 2.706.076.898 | | 5.477.057.675 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Đắk Lắk | 33.790.604.000 | 1.799.266.000 | | 3.626.000.000 | 5.214.269.000 | | 23.151.069.000 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Đắk Nông | 87.541.162.000 | 555.562.000 | | 65.810.567.000 | 5.138.509.000 | | 16.036.524.000 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Điện Biên | 56.777.631.420 | 2.740.346.672 | | 29.370.244.416 | 14.328.066.279 | | 10.338.974.053 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Đồng Tháp | 51.824.171.000 | 6.051.258.000 | | | 7.729.321.000 | | 38.043.592.000 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Gia Lai | 16.913.309.000 | 2.350.744.000 | | 5.588.798.000 | 3.489.868.000 | | 5.483.899.000 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Hà Giang | 35.998.391.570 | 770.610.410 | | 26.889.800.000 | 4.340.398.521 | | 3.997.582.639 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Hà Nam | 19.150.996.363 | 3.587.654.861 | | | 9.693.686.281 | | 5.869.655.221 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Hòa Bình | 25.394.968.942 | 1.373.364.300 | | | 9.399.732.076 | | 14.621.872.566 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Hưng Yên | 31.672.347.766 | 63.875.581 | | | 21.128.061.963 | | 10.480.410.222 |

| TT | Chỉ tiêu / Báo cáo kiểm toán | Tổng số | Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định | Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định | Thu hồi kinh phí thừa | Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau | Chuyển quyết toán năm sau | Kiến nghị xử lý tài chính khác |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| *A* | *B* | *1=2+3+…+7* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Kon Tum | 21.565.508.000 | 677.290.000 | | 7.960.944.000 | 2.714.322.000 | | 10.212.952.000 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Nam Định | 17.142.320.000 | 87.689.000 | | | 3.216.951.000 | | 13.837.680.000 |
| - | Kiểm toán báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Quảng Ngãi | 41.820.609.000 | 680.231.000 | | | 1.898.417.000 | | 39.241.961.000 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 thành phố Hà Nội | 84.489.176.387 | 5.834.780.058 | | | 19.776.774.305 | | 58.877.622.024 |
| **4. Kiểm toán chuyên đề** | | **493.951.369.852** | **18.328.399.093** | **40.218.400.455** | **56.993.118.656** | **104.565.522.698** | **0** | **273.845.928.950** |
| - | Kiểm toán Dự án chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững đồng bằng sông Cửu Long (ICRSL-WB9) | 11.037.896.638 | 235.901.283 | | | 2.381.272.204 | | 8.420.723.151 |
| - | Kiểm toán chuyên đề Dự án Mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam Tiểu dự án thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang | 3.013.769.000 | 51.983.000 | | | | | 2.961.786.000 |
| - | Kiểm toán chuyên đề Dự án Mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam Tiểu dự án thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 2.128.374.000 | 82.541.000 | | | 368.176.000 | | 1.677.657.000 |
| - | Kiểm toán chuyên đề Dự án hỗ trợ phát triển khu vực biên giới tại tỉnh Đắk Nông | 3.490.533.000 | | | | | | 3.490.533.000 |
| - | Kiểm toán chuyên đề Dự án hỗ trợ phát triển khu vực biên giới tại tỉnh Đắk Lắk | 5.212.798.000 | | | | | | 5.212.798.000 |
| - | Kiểm toán chuyên đề Dự án hỗ trợ phát triển khu vực biên giới tại tỉnh Kon Tum | 1.245.064.000 | | | | | | 1.245.064.000 |
| - | Kiểm toán chuyên đề Dự án hạ tầng cơ bản phát triển toàn diện các tỉnh Đông Bắc (Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn) - Tiểu dự án Lạng Sơn | 3.986.570.013 | 63.438.103 | | | 632.868.387 | | 3.290.263.523 |

| TT | Chỉ tiêu / Báo cáo kiểm toán | Tổng số | Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định | Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định | Thu hồi kinh phí thừa | Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau | Chuyển quyết toán năm sau | Kiến nghị xử lý tài chính khác |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| *A* | *B* | *1=2+3+…+7* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* |
| - | Kiểm toán chuyên đề Dự án hạ tầng cơ bản phát triển toàn diện các tỉnh Đông Bắc (Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn) - Tiểu dự án Cao Bằng | 1.722.405.445 | 29.789.361 | | | 118.386.711 | | 1.574.229.373 |
| - | Kiểm toán chuyên đề Dự án hạ tầng cơ bản phát triển toàn diện các tỉnh Đông Bắc (Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn) - Tiểu dự án Hà Giang | 4.086.822.819 | 28.173.782 | | | 307.485.629 | | 3.751.163.408 |
| - | Kiểm toán chuyên đề Dự án hạ tầng cơ bản phát triển toàn diện các tỉnh Đông Bắc (Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn) - Tiểu dự án Bắc Kạn | 4.288.612.214 | | | | 146.468.081 | | 4.142.144.133 |
| - | Kiểm toán chuyên đề Chương trình phát triển đô thị quốc gia dựa trên kết quả cho khu vực miền núi phía Bắc (WB) năm 2020 | 13.869.399.920 | 1.669.988.202 | | 2.454.000.000 | 4.017.924.767 | | 5.727.486.951 |
| - | Kiểm toán chuyên đề Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016 - 2020 theo Quyết định số 1256/QĐ-TTg ngày 21/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ | 105.646.433.766 | 3.505.263.536 | 39.358.400.455 | 8.052.227.900 | 15.533.311.083 | | 39.197.230.792 |
| - | Kiểm toán chuyên đề Chương trình mục tiêu đầu tư hạ tầng khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định số 351/QĐ-TTg ngày 29/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ | 6.148.658.000 | 424.752.000 | | | 1.051.353.000 | | 4.672.553.000 |
| - | Kiểm toán chuyên đề Chương trình "Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả" năm 2020 | 5.149.110.712 | 923.716.042 | | | 4.225.394.670 | | |
| - | Kiểm toán Chương trình "Hỗ trợ thực hiện hai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 tại 18 tỉnh" (Chương trình 135) | 12.514.166.535 | 446.728.862 | | 11.527.446.599 | 409.051.330 | | 130.939.744 |

| TT | Chỉ tiêu / Báo cáo kiểm toán | Tổng số | Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định | Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định | Thu hồi kinh phí thừa | Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau | Chuyển quyết toán năm sau | Kiến nghị xử lý tài chính khác |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| *A* | *B* | *1=2+3+…+7* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* |
| - | Kiểm toán Chương trình "Hỗ trợ thực hiện hai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 tại 18 tỉnh" (Chương trình Nông thôn mới) | 41.394.021.905 | 1.604.365.802 | | 34.959.444.157 | 2.446.369.591 | | 2.383.842.355 |
| - | Kiểm toán chuyên đề Dự án hỗ trợ phát triển khu vực biên giới tại tỉnh Gia Lai | 9.335.480.000 | | | | | | 9.335.480.000 |
| - | Kiểm toán chuyên đề Dự án môi trường bền vững các thành phố duyên hải và Dự án khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung vay vốn WB | 7.086.252.188 | 2.035.888.188 | | | 5.050.364.000 | | |
| - | Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư giai đoạn 2019-2020 của Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông Hải Phòng và Ban QLDA phát triển đô thị và ĐTXD công trình dân dụng Hải Phòng | 48.903.562.705 | | | | 9.033.801.000 | | 39.869.761.705 |
| - | Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng vốn Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh giai đoạn 2016-2020 | 59.640.787.998 | 219.670.000 | | | 15.845.346.224 | | 43.575.771.774 |
| - | Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng dự phòng chung vốn ngân sách trung ương trong nước của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 tại các bộ, ngành và địa phương | 28.984.055.680 | 246.563.000 | | | 226.353.000 | | 28.511.139.680 |
| - | Kiểm toán chuyên đề Dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) | 5.875.631.372 | 991.996.339 | | | 1.638.115.228 | | 3.245.519.805 |
| - | Kiểm toán chuyên đề Dự án Phát triển tổng hợp các đô thị động lực Tiểu dự án đô thị thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái | 1.514.559.000 | | | | 41.626.000 | | 1.472.933.000 |
| - | Kiểm toán chuyên đề Dự án Phát triển tổng hợp các đô thị động lực thành phố Thái Nguyên | 4.397.058.000 | | | | 351.550.000 | | 4.045.508.000 |

| TT | Chỉ tiêu / Báo cáo kiểm toán | Tổng số | Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định | Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định | Thu hồi kinh phí thừa | Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau | Chuyển quyết toán năm sau | Kiến nghị xử lý tài chính khác |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| *A* | *B* | *1=2+3+…+7* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* |
| - | Kiểm toán chuyên đề Dự án Phát triển tổng hợp các đô thị động lực Tiểu dự án đô thị Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa | 818.487.000 | | | | 141.644.000 | | 676.843.000 |
| - | Kiểm toán chuyên đề Dự án phát triển nông nghiệp có tưới (WB7) | 11.555.599.346 | 3.622.555.955 | | | 554.703.028 | | 7.378.340.363 |
| - | Kiểm toán công tác quản lý các dự án, công trình được đầu tư bằng nguồn vốn đầu tư phát triển; việc quản lý và sử dụng kinh phí đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn ODA giai đoạn 2015-2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo | 22.161.864.618 | 728.026.203 | | | 15.226.393.656 | | 6.207.444.759 |
| - | Kiểm toán chuyên đề Dự án phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực tiểu vùng Mê Kông mở rộng | 5.866.159.432 | 76.330.000 | 860.000.000 | | 1.415.057.622 | | 3.514.771.810 |
| - | Kiểm toán chuyên đề Dự án Mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam Tiểu dự án thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long | 1.710.404.000 | | | | 169.034.000 | | 1.541.370.000 |
| - | Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư, kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách cấp của Ban Duy tu các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn (Sở NN&PTNT thành phố Hà Nội) giai đoạn 2015-2020 | 61.166.832.546 | 1.340.728.435 | | | 23.233.473.487 | | 36.592.630.624 |
| **5. Kiểm toán hoạt động** | | **35.015.465.000** | **252.004.000** | **0** | **11.438.000** | **2.173.683.000** | **0** | **32.578.340.000** |
| - | Kiểm toán hoạt động chủ đề việc quản lý, sử dụng ngân sách thành phố Hạ Long năm 2020 | 35.015.465.000 | 252.004.000 | | 11.438.000 | 2.173.683.000 | | 32.578.340.000 |
| **6. Kiểm toán đầu tư dự án** | | **811.732.577.023** | **31.211.969.203** | **0** | **4.026.820.078** | **142.718.401.002** | **0** | **633.775.386.740** |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án hệ thống xử lý nước thải Yên Xá thành phố Hà Nội | 16.854.498.751 | | | | 183.321.904 | | 16.671.176.847 |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án xây dựng trụ sở Thành ủy Hà Nội | 3.283.361.245 | | | | 3.283.361.245 | | |

| TT | Chỉ tiêu / Báo cáo kiểm toán | Tổng số | Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định | Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định | Thu hồi kinh phí thừa | Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau | Chuyển quyết toán năm sau | Kiến nghị xử lý tài chính khác |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| *A* | *B* | *1=2+3+…+7* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án ĐTXD Phân hiệu Kiên Giang của Trường Đại học Nha Trang giai đoạn 2008-2015 | 3.846.217.692 | | | | 2.983.082.238 | | 863.135.454 |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án ĐTXD cầu vượt nút giao giữa đường Hoàng Quốc Việt và đường Nguyễn Văn Huyên (Vành đai 2,5); Dự án cải tạo, nâng cấp đường Tản Lĩnh - Yên Bài đoạn từ Km2+400 đến Km10+500 (nối từ đại lộ Thăng Long kéo dài đến tỉnh lộ 414); Dự án đầu tư xây dựng Đường 5 kéo dài; Dự án xây dựng tuyến đường nối tỉnh lộ 419 từ xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức đến tiếp giáp xã Tân Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam; Dự án xây dựng tuyến đường nối từ Trường Đại học Mỏ - Địa chất vào Khu công nghiệp Nam Thăng Long; Dự án xây dựng tuyến đường nối Khu công nghiệp Bắc Thường Tín với ĐT427 | 18.133.289.000 | 106.444.000 | | | 7.683.046.000 | | 10.343.799.000 |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đường tỉnh 927C (Đoạn từ Quốc lộ 1 đến Nam Sông Hậu) | 3.362.472.000 | | | | 1.785.666.000 | | 1.576.806.000 |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án nâng cấp tuyến đường liên tỉnh nối từ huyện Châu Phú, tỉnh An Giang qua khu vực tứ giác Long Xuyên nối với huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang (ĐT945) | 18.108.539.000 | | | | 6.170.358.000 | | 11.938.181.000 |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đê bao sông Măng Thít (giai đoạn 2) | 9.210.232.000 | | | | 204.568.000 | | 9.005.664.000 |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đầu tư xây dựng cầu Rào 1, thành phố Hải Phòng | 14.355.520.000 | | | | 252.164.000 | | 14.103.356.000 |

| TT | Chỉ tiêu / Báo cáo kiểm toán | Tổng số | Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định | Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định | Thu hồi kinh phí thừa | Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau | Chuyển quyết toán năm sau | Kiến nghị xử lý tài chính khác |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| *A* | *B* | *1=2+3+…+7* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà Quốc hội (đợt 7) | 524.578.000 | | | | 524.578.000 | | |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đầu tư xây dựng công trình đường cao tốc Mỹ Thuận - Cần Thơ - Giai đoạn 1 | 15.731.431.000 | | | | 277.286.000 | | 15.454.145.000 |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Đập dâng hạ lưu sông Trà Khúc và Dự án Cầu sông Rin, thị trấn Di Lăng, huyện Sơn Hà | 32.561.208.000 | | | | | | 32.561.208.000 |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Đại học Quốc gia Hà Nội tại Hòa Lạc | 8.264.456.048 | 1.124.888.903 | | | 3.676.220.266 | | 3.463.346.879 |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đường cao tốc Vân Đồn - Tiên Yên và Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Tiên Yên - Móng Cái theo hình thức đối tác công tư (PPP), hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (BOT) | 33.772.948.000 | | | | 226.602.000 | | 33.546.346.000 |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Đường bao biển nối Thành phố Hạ Long - Thành phố Cẩm Phả; Dự án Đường nối KCN Cái Lân qua KCN Việt Hưng đến đường cao tốc Hạ Long - Vân Đồn | 8.108.990.000 | | | | 1.846.243.000 | | 6.262.747.000 |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án cấp điện lưới quốc gia cho đảo Trần, huyện Cô Tô và đảo Cái Chiên, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh - giai đoạn II và Dự án cầu Cửa Lục 1 | 31.851.077.620 | | | | 757.971.000 | | 31.093.106.620 |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án cải tạo, nâng cấp đường cất hạ cánh, đường lăn Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất; Dự án cải tạo, nâng cấp đường cất hạ cánh, đường lăn Cảng hàng không quốc tế Nội Bài | 21.236.202.000 | 396.967.000 | | | 16.086.280.000 | | 4.752.955.000 |

| TT | Chỉ tiêu / Báo cáo kiểm toán | Tổng số | Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định | Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định | Thu hồi kinh phí thừa | Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau | Chuyển quyết toán năm sau | Kiến nghị xử lý tài chính khác |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| *A* | *B* | *1=2+3+…+7* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án cải tạo, nâng cấp các đoạn xung yếu trên Quốc lộ 24 - Dự án thành phần 2 (Đoạn qua tỉnh Kon Tum) | 12.164.583.000 | 111.099.000 | | 2.026.747.000 | 1.444.833.100 | | 8.581.903.900 |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh và Dự án Bệnh viện đa khoa tỉnh Đồng Tháp | 12.382.145.519 | 80.424.800 | | | 12.301.720.719 | | |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Bệnh viện đa khoa tỉnh Tiền Giang và Dự án nâng cấp đô thị vùng đồng bằng sông Cửu Long - Tiểu dự án Mỹ Tho | 109.359.335.711 | 16.821.075.000 | | | 475.868.000 | | 92.062.392.711 |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư các dự án đường sắt, các dự án đường bộ quan trọng, cấp bách theo Nghị quyết số 556/NQ-UBTVQH14 ngày 31/7/2018 của UBTVQH | 23.640.626.357 | | | | 866.866.000 | | 22.773.760.357 |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư các dự án thành phần thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020 (đoạn Vĩnh Hảo - Phan Thiết) | 408.453.862 | | | | | | 408.453.862 |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư các dự án thành phần thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020 (đoạn Mai Sơn - Quốc lộ 45; đoạn Nghi Sơn - Diễn Châu) | 13.702.104.000 | | | | 13.702.104.000 | | |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư các dự án đường bộ ven biển Việt Nam qua địa bàn 04 tỉnh: Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình và Thanh Hóa theo Quyết định số 129/QĐ-TTg ngày 28/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ | 19.588.434.000 | | | | 757.300.000 | | 18.831.134.000 |

| TT | Chỉ tiêu / Báo cáo kiểm toán | Tổng số | Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định | Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định | Thu hồi kinh phí thừa | Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau | Chuyển quyết toán năm sau | Kiến nghị xử lý tài chính khác |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| *A* | *B* | *1=2+3+…+7* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư các dự án do Thanh tra Chính phủ thực hiện | 7.266.089.000 | 852.745.000 | | | 6.413.344.000 | | |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án cầu Cửa Lục 3; Dự án Đường cao tốc Hạ Long - Hải Phòng (tại Km6+700) đến đường tỉnh 338 - giai đoạn 1 | 12.606.129.482 | | | | 205.420.230 | | 12.400.709.252 |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đường cao tốc Hạ Long - Vân Đồn và cải tạo nâng cấp quốc lộ 18 đoạn Hạ Long - Mông Dương theo hình thức BOT | 3.606.620.612 | 649.800.500 | | | 831.988.520 | | 2.124.831.592 |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Vệ sinh môi trường Thành phố Hồ Chí Minh - giai đoạn 2 | 5.333.494.203 | | | | 5.333.494.203 | | |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Trường Trung cấp Luật Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang; Dự án Trường Trung cấp Luật Tây Bắc, tỉnh Sơn La và Dự án đầu tư xây dựng cơ sở 2 Trường Đại học Luật Hà Nội | 9.326.146.300 | 207.161.000 | | | 9.118.985.300 | | |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Trường Cao đẳng Nghề Nha Trang | 408.044.000 | | | | 408.044.000 | | |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Phan Thiết - Dầu Giây thuộc Dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020 | 60.978.249.000 | | | | 1.546.803.000 | | 59.431.446.000 |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án tăng cường kết nối giao thông khu vực Tây Nguyên | 11.284.424.000 | | | | 11.284.424.000 | | |

| TT | Chỉ tiêu / Báo cáo kiểm toán | Tổng số | Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định | Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định | Thu hồi kinh phí thừa | Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau | Chuyển quyết toán năm sau | Kiến nghị xử lý tài chính khác |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| *A* | *B* | *1=2+3+…+7* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Quản lý tài sản đường bộ Việt Nam (Dự án VRAMP); Dự án sửa chữa cầu Thăng Long | 17.808.173.000 | | | | 2.335.496.000 | | 15.472.677.000 |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án quản lý nguồn nước và ngập lụt Vĩnh Phúc; Dự án cầu Đầm Vạc, thành phố Vĩnh Yên | 10.645.699.000 | | | | 455.054.000 | | 10.190.645.000 |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đường nối cao tốc Nội Bài - Lào Cai đến thị trấn Sa Pa theo hình thức hợp đồng BOT | 10.885.870.083 | | | | 6.332.652.000 | | 4.553.218.083 |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Phát triển đô thị loại vừa Việt Nam - Tiểu dự án thành phố Lào Cai - Giai đoạn bổ sung vốn (AF), sử dụng vốn vay ngân hàng thế giới (WB); Dự án "Phát triển các đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mê Kông (GMS) lần thứ 2 - Tiểu dự án đô thị Sa Pa, tỉnh Lào Cai"; Dự án Kè bảo vệ dân cư khu vực đền Bảo Hà, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai | 7.373.939.000 | | | | 1.324.150.000 | | 6.049.789.000 |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án xây dựng cầu Làng Giàng, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai | 1.084.864.000 | | | | 184.427.000 | | 900.437.000 |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án nạo vét thoát lũ khẩn cấp, chống xâm nhập mặn sông Cổ Cò (thuộc chương trình mục tiêu Quốc gia chống biến đổi khí hậu - Bộ TNMT); Dự án nâng cấp mở rộng QL 40B (Quốc lộ 40B đoạn từ đường vào tuyến cao tốc đến đường đến đường tránh thị trấn Tiên Kỳ); Dự án nâng cấp và mở rộng tuyến đường ĐT 607, lý trình Km 18-Km22+397 | 6.596.887.000 | 8.332.000 | | | 1.648.764.000 | | 4.939.791.000 |

| TT | Chỉ tiêu / Báo cáo kiểm toán | Tổng số | Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định | Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định | Thu hồi kinh phí thừa | Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau | Chuyển quyết toán năm sau | Kiến nghị xử lý tài chính khác |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| *A* | *B* | *1=2+3+…+7* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án hồ chứa nước Cánh Tạng | 6.960.185.725 | 707.137.692 | | | 1.240.290.647 | | 5.012.757.386 |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án phát triển cơ sở hạ tầng Khu công nghệ cao Hòa Lạc | 95.227.141.360 | 3.546.206.697 | | | | | 91.680.934.663 |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án hồ chứa nước Krông Pách thượng | 4.397.252.000 | 131.084.000 | | | 4.266.168.000 | | |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án hệ thống thủy lợi Cái Lớn - Cái Bé giai đoạn 1 | 11.115.829.612 | | | | 4.007.351.020 | | 7.108.478.592 |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án hồ chứa nước Bản Lải giai đoạn 1 | 25.376.950.919 | 2.780.518.554 | | | 1.024.211.610 | | 21.572.220.755 |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án mở rộng, nâng cấp ĐT 254 và Dự án Bệnh viện đa khoa Bắc Kạn (gói thầu số 32: Cung cấp và lắp đặt thiết bị y tế; gói thầu số 05: EPC - thiết kế và thi công xây lắp, công trình Bệnh viện đa khoa Bắc Kạn) | 5.688.158.135 | 3.688.085.057 | | 2.000.073.078 | | | |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án nâng cấp, cải tạo đường và kênh Nước Đen (từ cống hộp đến kênh Tham Lương), quận Bình Tân; Dự án sửa chữa đường Nguyễn Hữu Cảnh; Dự án xây dựng cầu Tăng Long; Dự án xây dựng mới cầu Ông Nhiêu trên đường Nguyễn Duy Trinh; Dự án mở rộng, nâng cấp TL8 (đoạn từ cầu Kênh N31A đến Ngã tư Tân Quy); Dự án xây dựng Hầm chui nút giao thông Nguyễn Văn Linh - Nguyễn Hữu Thọ | 54.215.588.787 | | | | 296.003.000 | | 53.919.585.787 |

| TT | Chỉ tiêu / Báo cáo kiểm toán | Tổng số | Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định | Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định | Thu hồi kinh phí thừa | Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau | Chuyển quyết toán năm sau | Kiến nghị xử lý tài chính khác |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| *A* | *B* | *1=2+3+…+7* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án hỗ trợ đầu tư xây dựng tuyến đường thay thế tuyến đường Trần Phú, thị trấn Tam Quan, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định | 4.801.842.000 | | | | 3.196.765.000 | | 1.605.077.000 |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án kè chống sạt lở bờ tả sông Ba kết hợp phát triển hạ tầng đô thị đoạn từ cầu Đà Rằng mới đến cầu Đà Rằng cũ; Dự án nạo vét thoát lũ sông Bao Đài đoạn từ Xi phông Phước Hậu đến cầu Trần Hưng Đạo | 8.294.297.000 | | | | 5.775.126.000 | | 2.519.171.000 |
| **7. Kiểm toán Quốc phòng - An ninh - Đảng** | | **230.785.478.286** | **31.858.240.111** | **0** | **41.634.412.142** | **91.390.295.194** | **187.500.000** | **65.715.030.839** |
| - | Tổng hợp kết quả kiểm toán năm 2021 lĩnh vực An ninh - Đảng | 74.161.712.040 | 4.226.031.071 | | 22.189.843.532 | 27.861.248.622 | | 19.884.588.815 |
| - | Tổng hợp kết quả kiểm toán năm 2021 lĩnh vực Quốc phòng | 156.623.766.246 | 27.632.209.040 | | 19.444.568.610 | 63.529.046.572 | 187.500.000 | 45.830.442.024 |

# KẾT QUẢ KIỂM TOÁN KIẾN NGHỊ KHÁC NĂM 2021

*Đơn vị tính: Đồng*

| TT | Báo cáo kiểm toán | Kiến nghị khác |
|---|---|---|
| **Tổng hợp kiến nghị khác** | | **41.567.353.443.786** |
| **1. Ngân sách Trung ương (Bộ, Ngành)** | | **665.320.083.127** |
| - | Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 19.619.787.516 |
| - | Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2020 của Văn phòng Quốc hội | 13.666.756.120 |
| - | Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2020 tại Đài Tiếng nói Việt Nam | 286.396.223.985 |
| - | Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2020 tại Bộ Khoa học và Công nghệ | 82.032.887.452 |
| - | Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2020 tại Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh | 12.158.821.301 |
| - | Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2020 tại Thông tấn xã Việt Nam | 9.636.000 |
| - | Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2020 tại Đại học Quốc gia Hà Nội | 64.700.843.485 |
| - | Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2020 của Kho bạc Nhà nước | 7.702.405.527 |
| - | Báo cáo kiểm toán việc quản lý sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao | 93.945.212.300 |
| - | Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2020 của Văn phòng Chủ tịch nước | 304.521.000 |
| - | Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2020 tại Đài Truyền hình Việt Nam | 10.415.255.324 |
| - | Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2020 của Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh | 83.475.000 |
| - | Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2020 của Bộ Công Thương | 59.487.364.553 |

| TT | Báo cáo kiểm toán | Kiến nghị khác |
|---|---|---|
| - | Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2020 của Trung ương Hội nông dân Việt Nam | 1.699.302.466 |
| - | Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2020 của Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam | 4.791.762.098 |
| - | Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2020 của Bộ Tài chính | 8.305.829.000 |
| **2. Ngân sách địa phương (Tỉnh)** | | **13.044.535.799.089** |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Vĩnh Long | 875.798.954.653 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Hà Tĩnh | 295.842.057.143 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 thành phố Hà Nội | 510.369.397.564 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Hòa Bình | 169.824.771.693 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Thừa Thiên Huế | 135.638.864.923 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Lào Cai; chuyên đề hoạt động quản lý môi trường tại các Ban quản lý khu kinh tế và khu công nghiệp giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Lào Cai | 286.938.775.039 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Bình Thuận | 222.164.703.286 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Đồng Tháp | 830.022.787.848 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Bình Dương; chuyên đề Công tác quản lý thu, việc thực hiện nghĩa vụ thuế đối với các doanh nghiệp có giao dịch liên kết giai đoạn 2017 - 2020 trên địa bàn tỉnh Bình Dương | 742.033.540.050 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Gia Lai | 210.522.383.000 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Quảng Ninh | 26.318.983.194 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Yên Bái; chuyên đề việc quản lý quy hoạch, cấp phép xây dựng tại các đô thị giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Yên Bái | 125.390.565.205 |

| TT | Báo cáo kiểm toán | Kiến nghị khác |
|---|---|---|
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Phú Thọ; chuyên đề hoạt động quản lý môi trường tại các Ban quản lý khu kinh tế và khu công nghiệp giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ | 97.235.465.202 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương 2020 tỉnh Lâm Đồng | 274.888.547.872 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Sơn La | 399.549.778.643 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Ninh Bình | 10.248.495.341 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 thành phố Hải Phòng | 11.739.470.863 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Nam Định | 11.524.531.469 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Hưng Yên | 103.139.523.337 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Bình Phước | 176.509.922.715 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Thái Nguyên | 43.843.225.409 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Thanh Hóa | 17.691.146.998 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Thái Bình | 15.247.993.668 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Hà Nam | 958.184.296.322 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Lạng Sơn | 21.262.358.360 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Hà Giang | 30.875.230.251 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Kiên Giang | 1.463.194.139.704 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh An Giang | 724.787.162.629 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Vĩnh Phúc | 398.816.155.261 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Bạc Liêu | 85.920.122.108 |

| TT | Báo cáo kiểm toán | Kiến nghị khác |
|---|---|---|
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Hậu Giang | 54.805.122.389 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Quảng Trị | 50.384.799.871 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Quảng Bình | 82.934.802.600 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Kon Tum | 3.761.435.000 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Đắk Lắk | 20.899.615.000 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 Thành phố Hồ Chí Minh; chuyên đề Công tác quản lý thu, việc thực hiện nghĩa vụ thuế đối với các doanh nghiệp có giao dịch liên kết giai đoạn 2017 - 2020 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh | 1.463.695.524.856 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Đắk Nông | 87.019.872.000 |
| - | Kiểm toán tổng hợp báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Lai Châu | 12.698.640.138 |
| - | Kiểm toán báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Quảng Ngãi | 94.616.660.215 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Tuyên Quang | 95.526.220.043 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Nghệ An | 125.324.411.617 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Bình Định | 99.188.085.350 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Điện Biên | 33.154.796.775 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Quảng Nam | 1.425.683.216.951 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu | 119.319.246.534 |
| **3. Kiểm toán chuyên đề** | | **23.132.761.997.479** |
| - | Kiểm toán chuyên đề Chương trình mục tiêu đầu tư hạ tầng khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định số 351/QĐ-TTg ngày 29/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ | 9.462.980.542 |

| TT | Báo cáo kiểm toán | Kiến nghị khác |
|---|---|---|
| - | Kiểm toán chuyên đề Dự án phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực tiểu vùng Mê Kông mở rộng | 1.273.452.000 |
| - | Kiểm toán công tác quản lý thu, việc thực hiện nghĩa vụ thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên | 664.766.659 |
| - | Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư giai đoạn 2019-2020 của Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông Hải Phòng và Ban QLDA phát triển đô thị và ĐTXD công trình dân dụng Hải Phòng | 12.866.647.321 |
| - | Kiểm toán chuyên đề Dự án phát triển nông nghiệp có tưới (WB7) | 20.910.330.773 |
| - | Kiểm toán chuyên đề Dự án Mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam Tiểu dự án thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 7.673.341.947 |
| - | Kiểm toán chuyên đề Dự án Mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam Tiểu dự án thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long | 1.121.192.000 |
| - | Kiểm toán chuyên đề việc quản lý quy hoạch, cấp phép xây dựng tại các đô thị giai đoạn 2017 - 2020 trên địa bàn các tỉnh An Giang, Đồng Tháp, Vĩnh Long | 11.001.802.205 |
| - | Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng dự phòng chung vốn ngân sách trung ương trong nước của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 tại các bộ, ngành và địa phương | 28.034.571.000 |
| - | Kiểm toán chuyên đề Dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) | 1.762.750.301 |
| - | Kiểm toán chuyên đề Dự án môi trường bền vững các thành phố duyên hải và Dự án khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung vay vốn WB | 984.048.004 |
| - | Kiểm toán Chương trình "Hỗ trợ thực hiện hai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 tại 18 tỉnh" (Chương trình 135) | 18.289.331.580 |
| - | Kiểm toán Chương trình "Hỗ trợ thực hiện hai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 tại 18 tỉnh" (Chương trình Nông thôn mới) | 551.903.795.964 |
| - | Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư, kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách cấp của Ban Duy tu các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn (Sở NN&PTNT thành phố Hà Nội) giai đoạn 2015-2020 | 262.954.453.529 |

| TT | Báo cáo kiểm toán | Kiến nghị khác |
|---|---|---|
| - | Kiểm toán chuyên đề Công tác quản lý thu, việc thực hiện nghĩa vụ thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn thành phố Hà Nội và chuyên đề công tác quản lý nhà nước tại Cục thuế liên quan đến việc hoàn thuế, miễn, giảm, giãn thuế, chống trốn thuế, chuyển giá năm 2020 trên địa bàn thành phố Hà Nội | 228.740.295.273 |
| - | Kiểm toán chuyên đề Việc quản lý quy hoạch, cấp phép xây dựng thủy điện nhỏ giai đoạn 2016 - 2020 | 36.959.296.281 |
| - | Kiểm toán công tác quản lý các dự án, công trình được đầu tư bằng nguồn vốn đầu tư phát triển; việc quản lý và sử dụng kinh phí đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn ODA giai đoạn 2015-2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo | 26.076.818.034 |
| - | Kiểm toán chuyên đề Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016 - 2020 theo Quyết định số 1256/QĐ-TTg ngày 21/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ | 114.779.737.827 |
| - | Kiểm toán chuyên đề Chương trình phát triển đô thị quốc gia dựa trên kết quả cho khu vực miền núi phía Bắc (WB) năm 2020 | 17.477.836.060 |
| - | Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng vốn Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh giai đoạn 2016-2020 | 1.107.860.014.242 |
| - | Kiểm toán chuyên đề Chương trình "Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả" năm 2020 | 90.363.143.727 |
| - | Kiểm toán chuyên đề Dự án hạ tầng cơ bản phát triển toàn diện các tỉnh Đông Bắc (Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn) - Tiểu dự án Cao Bằng | 112.269.000 |
| - | Kiểm toán chuyên đề việc quản lý quy hoạch, cấp phép xây dựng tại các đô thị giai đoạn 2017 - 2020 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa | 491.830.590.709 |
| - | Kiểm toán chuyên đề Công tác quản lý thu, việc thực hiện nghĩa vụ thuế đối với các doanh nghiệp có giao dịch liên kết giai đoạn 2017 - 2020 trên địa bàn tỉnh Long An | 37.892.972.981 |
| - | Kiểm toán chuyên đề công tác quản lý nhà nước tại Tổng cục Thuế và các Cục Thuế liên quan đến việc hoàn thuế, miễm, giảm, giãn thuế, chống trốn thuế, chuyển giá năm 2020 | 20.046.753.092.520 |
| - | Kiểm toán chuyên đề Dự án hỗ trợ phát triển khu vực biên giới tại tỉnh Gia Lai | 5.012.467.000 |
| **4. Kiểm toán hoạt động** | | **5.533.786.770** |
| - | Kiểm toán hoạt động quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đường bộ giai đoạn 2019 - 2020 | 2.882.277.207 |
| - | Kiểm toán hoạt động chủ đề việc quản lý, sử dụng ngân sách thành phố Hạ Long năm 2020 | 2.651.509.562 |

| TT | Báo cáo kiểm toán | Kiến nghị khác |
|---|---|---|
| **5. Doanh nghiệp nhà nước** | | **208.850.825.005** |
| - | Kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2020 của Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP | 58.551.417.505 |
| - | Kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2020 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam | 1.775.414.381 |
| - | Kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2020 của Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai | 1.742.941.523 |
| - | Kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2020 của Tổng công ty Viễn thông Mobifone | 5.848.765.585 |
| - | Kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn tài sản nhà nước năm 2020 Tổng công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị | 136.722.920.136 |
| - | Kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2020 của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam | 3.149.274.497 |
| - | Kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2020 của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam | 1.060.091.378 |
| **6. Ngân hàng** | | **131.139.553.221** |
| - | Kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2020 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | 2.420.978.407 |
| - | Kiểm toán Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex | 5.488.997.103 |
| - | Kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2020 của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam | 114.209.736.622 |

| TT | Báo cáo kiểm toán | Kiến nghị khác |
|---|---|---|
| - | Kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2020 của Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam | 5.888.000.000 |
| - | Kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2020 của Ngân hàng Chính sách xã hội | 3.131.841.089 |
| **7. Kiểm toán đầu tư dự án** | | **2.399.734.436.352** |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Vệ sinh môi trường Thành phố Hồ Chí Minh - giai đoạn 2 | 47.983.650.963 |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án ĐTXD Phân hiệu Kiên Giang của Trường Đại học Nha Trang giai đoạn 2008-2015 | 68.046.936.060 |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đường cao tốc Vân Đồn - Tiên Yên và Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Tiên Yên - Móng Cái theo hình thức đối tác công tư (PPP), hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (BOT) | 340.636.613.537 |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án cấp điện lưới quốc gia cho đảo Trần, huyện Cô Tô và đảo Cái Chiên, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh - giai đoạn II và Dự án cầu Cửa Lục 1 | 80.435.192.497 |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án hỗ trợ đầu tư xây dựng tuyến đường thay thế tuyến đường Trần Phú, thị trấn Tam Quan, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định | 15.244.155.000 |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư các dự án thực hiện theo phương thức sử dụng quỹ đất để tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng và các dự án giao đất có thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trên địa bàn tỉnh Hải Dương | 101.156.259.819 |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án phát triển cơ sở hạ tầng Khu công nghệ cao Hòa Lạc | 268.256.604 |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án hệ thống thủy lợi Cái Lớn - Cái Bé giai đoạn 1 | 6.591.201.551 |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án xây dựng trụ sở Thành ủy Hà Nội | 6.853.449.779 |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư các dự án đường sắt, các dự án đường bộ quan trọng, cấp bách theo Nghị quyết số 556/NQ-UBTVQH14 ngày 31/7/2018 của UBTVQH | 1.658.711.493 |

| TT | Báo cáo kiểm toán | Kiến nghị khác |
|---|---|---|
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa | 12.868.054.000 |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án hồ chứa nước Krông Pách thượng | 222.992.000 |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đường 319 nối dài và nút giao giữa đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (Hợp đồng BOT) | 13.168.313.625 |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đường Nguyễn Thiện Thuật (nối dài), thành phố Nha Trang | 5.765.180.848 |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Trường Trung cấp Luật Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang; Dự án Trường Trung cấp Luật Tây Bắc, tỉnh Sơn La và Dự án đầu tư xây dựng cơ sở 2 Trường Đại học Luật Hà Nội | 23.633.000 |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư các dự án đường bộ ven biển Việt Nam qua địa bàn 04 tỉnh: Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình và Thanh Hóa theo Quyết định số 129/QĐ-TTg ngày 28/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ | 4.284.618.000 |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án trụ Anten của Đài Phát thanh - Truyền hình Khánh Hòa; Dự án trụ sở làm việc Đài Phát thanh - Truyền hình Khánh Hòa | 14.579.931.857 |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đường tỉnh 927C (Đoạn từ Quốc lộ 1 đến Nam Sông Hậu) | 933.447.000 |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư các dự án thành phần thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020 (đoạn Vĩnh Hảo - Phan Thiết) | 21.182.268.070 |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án nạo vét thoát lũ khẩn cấp, chống xâm nhập mặn sông Cổ Cò (thuộc chương trình mục tiêu Quốc gia chống biến đổi khí hậu - Bộ TNMT); Dự án nâng cấp mở rộng QL 40B (Quốc lộ 40B đoạn từ đường vào tuyến cao tốc đến đường đến đường tránh thị trấn Tiên Kỳ); Dự án nâng cấp và mở rộng tuyến đường ĐT 607, lý trình Km 18-Km22+397 | 1.276.757.000 |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Trường Cao đẳng Nghề Nha Trang | 7.372.810.000 |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án hồ chứa nước Bản Lải giai đoạn 1 | 54.670.855.928 |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đường dây 500kV Quảng Trạch - Dốc Sỏi; Dự án đường dây 500kV Dốc Sỏi - Pleiku 2 | 80.966.636.395 |

| TT | Báo cáo kiểm toán | Kiến nghị khác |
|---|---|---|
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án mở rộng, nâng cấp ĐT 254 và Dự án Bệnh viện đa khoa Bắc Kạn (gói thầu số 32: Cung cấp và lắp đặt thiết bị y tế; gói thầu số 05: EPC - thiết kế và thi công xây lắp, công trình Bệnh viện đa khoa Bắc Kạn) | 11.882.352.563 |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án ĐTXD cầu vượt nút giao giữa đường Hoàng Quốc Việt và đường Nguyễn Văn Huyên (Vành đai 2,5); Dự án cải tạo, nâng cấp đường Tản Lĩnh - Yên Bài đoạn từ Km2+400 đến Km10+500 (nối từ đại lộ Thăng Long kéo dài đến tỉnh lộ 414); Dự án đầu tư xây dựng Đường 5 kéo dài; Dự án xây dựng tuyến đường nối tỉnh lộ 419 từ xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức đến tiếp giáp xã Tân Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam; Dự án xây dựng tuyến đường nối từ Trường Đại học Mỏ - Địa chất vào Khu công nghiệp Nam Thăng Long; Dự án xây dựng tuyến đường nối Khu công nghiệp Bắc Thường Tín với ĐT427 | 109.778.336.168 |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Quản lý tài sản đường bộ Việt Nam (Dự án VRAMP); Dự án sửa chữa cầu Thăng Long | 13.051.170.000 |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Đại học Quốc gia Hà Nội tại Hòa Lạc | 26.198.410.473 |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Đập dâng hạ lưu sông Trà Khúc và Dự án Cầu sông Rin, thị trấn Di Lăng, huyện Sơn Hà | 18.522.327.000 |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án kè chống sạt lở bờ tả sông Ba kết hợp phát triển hạ tầng đô thị đoạn từ cầu Đà Rằng mới đến cầu Đà Rằng cũ; Dự án nạo vét thoát lũ sông Bao Đài đoạn từ Xi phông Phước Hậu đến cầu Trần Hưng Đạo | 27.732.887.000 |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Bệnh viện đa khoa tỉnh Tiền Giang và Dự án nâng cấp đô thị vùng đồng bằng sông Cửu Long - Tiểu dự án Mỹ Tho | 452.194.929.102 |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh và Dự án Bệnh viện đa khoa tỉnh Đồng Tháp | 37.170.862.750 |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư các dự án thành phần thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020 (đoạn Mai Sơn - Quốc lộ 45; đoạn Nghi Sơn - Diễn Châu) | 36.772.601.000 |

| TT | Báo cáo kiểm toán | Kiến nghị khác |
|---|---|---|
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án nâng cấp, cải tạo đường và kênh Nước Đen (từ cống hộp đến kênh Tham Lương), quận Bình Tân; Dự án sửa chữa đường Nguyễn Hữu Cảnh; Dự án xây dựng cầu Tăng Long; Dự án xây dựng mới cầu Ông Nhiêu trên đường Nguyễn Duy Trinh; Dự án mở rộng, nâng cấp TL8 (đoạn từ cầu Kênh N31A đến Ngã tư Tân Quy); Dự án xây dựng Hầm chui nút giao thông Nguyễn Văn Linh - Nguyễn Hữu Thọ | 3.061.049.000 |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đường cao tốc Hạ Long - Vân Đồn và cải tạo nâng cấp quốc lộ 18 đoạn Hạ Long - Mông Dương theo hình thức BOT | 152.505.659.764 |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đầu tư xây dựng công trình đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận giai đoạn 1 theo hình thức hợp đồng BOT | 35.307.158.000 |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đường dây 500/220kV Nho Quan - Phủ Lý - Thường Tín; Dự án đường dây 500/220kV Hiệp Hoà - Đông Anh - Bắc Ninh 2 | 73.601.146.512 |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đường ống Nam Côn Sơn 2 - giai đoạn 2; Dự án đường ống thu gom, vận chuyển khí mỏ Sao Vàng - Đại Nguyệt | 297.232.734.437 |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án ĐTXD công trình Trung tâm Phân tích thí nghiệm và Văn phòng Viện Dầu khí VN tại Thành phố Hồ Chí Minh | 4.656.796.928 |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án hệ thống xử lý nước thải Yên Xá thành phố Hà Nội | 117.460.748.715 |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án hồ chứa nước Cánh Tạng | 256.129.644 |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án quản lý nguồn nước và ngập lụt Vĩnh Phúc; Dự án cầu Đầm Vạc, thành phố Vĩnh Yên | 21.949.084.295 |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án cải tạo, nâng cấp đường cất hạ cánh, đường lăn Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất; Dự án cải tạo, nâng cấp đường cất hạ cánh, đường lăn Cảng hàng không quốc tế Nội Bài | 8.408.847.764 |

| TT | Báo cáo kiểm toán | Kiến nghị khác |
|---|---|---|
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Phát triển đô thị loại vừa Việt Nam - Tiểu dự án thành phố Lào Cai - Giai đoạn bổ sung vốn (AF), sử dụng vốn vay ngân hàng thế giới (WB); Dự án "Phát triển các đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mê Kông (GMS) lần thứ 2 - Tiểu dự án đô thị Sa Pa, tỉnh Lào Cai"; Dự án Kè bảo vệ dân cư khu vực đền Bảo Hà, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai | 3.608.761.000 |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đường nối cao tốc Nội Bài - Lào Cai đến thị trấn Sa Pa theo hình thức hợp đồng BOT | 45.403.277.211 |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án xây dựng cầu Làng Giàng, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai | 912.978.000 |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Phan Thiết - Dầu Giây thuộc Dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020 | 15.876.264.000 |
| **8. Kiểm toán Quốc phòng - An ninh - Đảng** | | **1.979.476.962.743** |
| - | Tổng hợp kết quả kiểm toán năm 2021 của lĩnh vực Quốc phòng | 1.661.421.500.095 |
| - | Tổng hợp kết quả kiểm toán năm 2021 của lĩnh vực An ninh - Đảng | 318.055.462.648 |

# TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ CỦA KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ, BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG, ĐỊA PHƯƠNG, ĐƠN VỊ TỪ KẾT QUẢ KIỂM TOÁN NĂM 2021

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|---|
| 1 | Thủ tướng Chính phủ | Đại học Quốc gia Hà Nội | Chỉ đạo các cơ quan chủ trì soạn thảo Luật rà soát bất cập giữa Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Giáo dục năm 2019 và Luật Giá năm 2012 để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. |
| 2 | Thủ tướng Chính phủ | Ngân hàng Chính sách xã hội | Đề nghị Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo Bộ, ngành liên quan nghiên cứu, xem xét để sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm hoặc có hướng dẫn theo hướng quy định cụ thể, chặt chẽ về phạm vi, đối tượng được vay vốn giải quyết việc làm do quy định hiện nay về đối tượng được vay vốn rất rộng, không cụ thể và không thể hiện chính sách ưu tiên cho từng đối tượng cụ thể nhằm đảm bảo mục tiêu của chính sách là tạo nhiều việc làm cho người lao động, đặc biệt đối tượng yếu thế, khó khăn, mất việc làm. |
| 3 | Thủ tướng Chính phủ | Kiểm toán chuyên đề công tác quản lý nhà nước tại Tổng cục Thuế và các Cục Thuế liên quan đến việc hoàn thuế, miễn, giảm, giãn thuế, chống trốn thuế, chuyển giá năm 2020 | 1. Chỉ đạo Bộ Tài chính tham mưu nghiên cứu, sửa đổi các văn bản dưới Luật thuế GTGT về hoàn thuế để đảm bảo thống nhất với các luật chuyên ngành khác;<br>2. Chỉ đạo các Bộ, ngành có liên quan tham mưu cho Chính phủ về việc hoàn thiện các thủ tục thành lập KCN tại 03 khu/cụm công nghiệp: Cụm Tân Hồng - Hoàn Sơn (thuộc KCN Tiên Sơn mở rộng), khu liền kề (thuộc KCN Quế Võ mở rộng) và Khu phát triển (thuộc KCN Quế Võ) để UBND tỉnh Bắc Ninh giải quyết dứt điểm những vướng mắc liên quan tới việc ưu đãi đầu tư, tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp, đảm bảo nghĩa vụ tài chính của NNT với NSNN. |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|---|
| 4 | Thủ tướng Chính phủ | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Đại học Quốc gia Hà Nội tại Hòa Lạc | 1. Chỉ đạo Đại học Quốc gia Hà Nội chủ trì phối hợp với bộ, ngành, địa phương đánh giá tổng thể dự án và đề xuất phương án thực hiện trong thời gian tới, nhằm sớm đưa dự án vào hoạt động.<br>2. Chỉ đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính bố trí vốn cho dự án và xem xét cho phép triển khai một số hạng mục công trình thiết yếu mới của dự án.<br>3. Chỉ đạo UBND Thành phố Hà Nội phối hợp với Đại học Quốc gia Hà Nội giải quyết dứt điểm công tác giải phóng mặt bằng cho dự án. |
| 5 | Thủ tướng Chính phủ | Chuyên đề việc quản lý quy hoạch, cấp phép xây dựng thủy điện nhỏ giai đoạn 2016 - 2020 | 1. Chỉ đạo Bộ Công Thương kịp thời chấn chỉnh đối với những tồn tại được nêu tại phần kết luận, kiến nghị kiểm toán của Báo cáo kiểm toán. Đồng thời rà soát, tham mưu cho Chính phủ bổ sung Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 02/12/1019 về việc Ban hành Danh mục các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh đối với các dự án thủy điện nhỏ đã được Bộ Công Thương phê duyệt bổ sung vượt công suất được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia ban hành kèm theo Quyết định 428/QĐ-TTg ngày 18/3/2016.<br>2. Chỉ đạo Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kịp thời tham mưu cho Chính phủ:<br>- Xây dựng và trình Quốc hội chỉnh sửa Luật Lâm nghiệp và Luật Đất đai theo hướng thống nhất, đồng bộ thẩm quyền quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng đặc dụng và đất rừng đặc dụng;<br>- Thống nhất phân cấp thẩm quyền quản lý, phê duyệt và công bố dòng chảy tối thiểu trong sông hoặc đoạn sông, suối đối với nguồn nước nội tỉnh và dòng chảy tối thiểu đối với hạ lưu, hồ chứa các dự án thủy điện nhỏ sử dụng nguồn nước nội tỉnh giữa Bộ Tài Nguyên và Môi trường và UBND cấp tỉnh. |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|---|
| 6 | Bộ Công Thương | Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2020 của Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP | 1. Hướng dẫn Công ty mua bán điện và Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP đàm phán, sửa đổi, bổ sung Hợp đồng mua bán điện đối với Nhà máy Nhiệt điện Cao Ngạn và Nhà máy Nhiệt điện Na Dương do chi phí nhiên liệu than làm cơ sở thanh toán tiền điện tại các hợp đồng mua bán điện và phụ lục sửa đổi được xác định theo loại than cám 5a (đối với Nhà máy Nhiệt điện Cao Ngạn), than cám 6b (đối với Nhà máy Nhiệt điện Na Dương) khác với loại than các nhà máy trên sử dụng thực tế từ khi đi vào hoạt động đến nay (đối với Nhà máy Nhiệt điện Cao Ngạn là "than cám pha trộn giữa than Khánh Hòa và than Núi Hồng", đối với Nhà máy Nhiệt điện Na Dương là "than Na Dương loại II").<br>2. Nghiên cứu, xem xét sửa đổi, bổ sung Thông tư số 57/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 quy định phương pháp xác định giá phát điện, hợp đồng mua bán điện để xác định rõ thời gian Cục Điều tiết điện lực kiểm tra, tổng hợp, báo cáo Bộ Công Thương xem xét quyết định việc thanh toán chi phí chênh lệch tỷ giá sau khi nhận được báo cáo của Tập đoàn Điện lực Việt Nam; thời gian Bộ Công Thương thực hiện quyết định việc thanh toán chênh lệch tỷ giá sau khi nhận được báo cáo của Cục Điều tiết điện lực do trong Thông tư chưa quy định cụ thể. |
| 7 | Bộ Công Thương | Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2020 của Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP | 1. Khẩn trương thực hiện phê duyệt quyết toán chi phí cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Thép Việt Nam. Khi thực hiện phê duyệt, xem xét xử lý khoản chênh lệch đánh giá tăng tài sản góp vốn tại Công ty CP Sắt Thạch Khê số tiền 45.086 trđ.<br>2. Xác định nguyên nhân, trách nhiệm của cá nhân, tập thể có liên quan trong việc chậm trễ phê duyệt quyết toán chi phí cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Thép Việt Nam và xử lý theo quy định của pháp luật. |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|---|
| 8 | Bộ Công Thương | Kiểm toán chuyên đề Việc quản lý quy hoạch, cấp phép xây dựng thủy điện nhỏ giai đoạn 2016 - 2020 | 1. Nghiêm túc kiểm điểm, rút kinh nghiệm đối với các tồn tại đã nêu tại "Phần thứ hai: Kết luận kiểm toán" của Báo cáo kiểm toán.<br>2. Tham mưu cho Chính phủ xây dựng và trình Quốc hội sửa đổi khoản 2 Điều 4 Luật Điện lực hợp nhất phát hành theo Văn bản số 03/VBHN-VPQH ngày 29/6/2018 của Văn phòng Quốc hội phù hợp với quan điểm chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/02/2020 về định hướng chiến lược phát triển năng lượng Quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045.<br>3. Báo cáo Chính phủ xem xét bổ sung Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 02/12/2019 về việc ban hành Danh mục các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh đối với các dự án thủy điện nhỏ đã được Bộ Công Thương phê duyệt bổ sung vượt công suất được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia ban hành kèm theo Quyết định 428/QĐ-TTg ngày 18/3/2016 nhằm đảm bảo các quy hoạch thủy điện nhỏ được tích hợp đầy đủ vào quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh.<br>4. Phối hợp UBND các tỉnh Sơn La, Yên Bái xử lý dứt điểm tình trạng trùng vị trí quy hoạch, xây dựng giữa dự án thủy điện Nậm Trai 3 và dự án thủy điện Phin Hồ, tránh tình trạng khiếu kiện kéo dài của Nhà đầu tư. |
| 9 | Bộ Giao thông vận tải | Hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư dự án thành phần thuộc dự án xây dựng một số đoạn đường bộ trên tuyến Bắc - Nam phía đông giai đoạn 2017-2020 (đoạn Vĩnh Hảo - Phan Thiết) | Chỉ đạo BQLDA 7 phối hợp chặt chẽ với địa phương trong quá trình thực hiện dự án nhằm đảm bảo tiến độ dự án, phát huy hiệu quả đầu tư; Rút kinh nghiệm trong việc giao kế hoạch vốn đầu tư NSNN năm 2021 (lần đầu) vượt số đăng ký 1.200.000 trđ. Rà soát tiến độ, tình hình thực hiện của các dự án do Bộ quản lý và cân đối các nguồn vốn để giao kế hoạch vốn phù hợp với nhu cầu của từng dự án, tránh trường hợp có dự án thiếu vốn, có dự án thừa vốn trong điều kiện NSNN còn hạn hẹp. |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|---|
| 10 | Bộ Giao thông vận tải | Hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư các dự án đường sắt, các dự án đường bộ quan trọng, cấp bách theo Nghị quyết 556/NQ-UBTVQH14 ngày 31/07/2018 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội | 1. Chỉ đạo chủ đầu tư:<br>- Thực hiện nghiêm túc, kịp thời các kiến nghị của KTNN;<br>- Tổ chức thực hiện đẩy nhanh tiến độ đảm bảo mục tiêu dự án theo quyết định đầu tư và theo Nghị quyết 556/NQ-UBTVQH14 để phát huy nguồn vốn đầu tư;<br>- Làm rõ nguyên nhân khách quan và chủ quan trong việc chậm tiến độ thực hiện dự án để xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.<br>2. Chỉ đạo Ban QLDA Đường sắt thực hiện đầy đủ, kịp thời kết luận, kiến nghị của KTNN năm 2020 theo quy định tại khoản 6 Điều 57 Luật KTNN số 81/2015/QH13.<br>3. Khẩn trương chỉ đạo và phối hợp với các đơn vị liên quan xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia (cũ) tháo dỡ, thu hồi từ dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đường sắt đối với các dự án được kiểm toán.<br>4. Tiếp tục làm việc với UBND các tỉnh, thành phố để tháo gỡ khó khăn và đẩy nhanh công tác giải phóng mặt bằng của Dự án đường sắt đoạn Hà Nội - Vinh; Dự án đường sắt đoạn Nha Trang - Sài Gòn và Dự án QL25, thành phần 2.<br>5. Rút kinh nghiệm trong việc phê duyệt dự án, tính chi phí GPMB chưa phù hợp thực tế, khi thực hiện còn dư vốn GPMB dẫn đến điều chỉnh tổng mức đầu tư (Dự án QL25, thành phần 2). |
| 11 | Bộ Giao thông vận tải | Hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Nghi Sơn - Diễn Châu thuộc dự án xây dựng một số đoạn Đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020 (đợt 2) | 1. Chỉ đạo Ban QLDA 6 thực hiện nghiêm túc, kịp thời kiến nghị của KTNN.<br>2. Chỉ đạo Cục Quản lý xây dựng rút kinh nghiệm đối với những sai sót, tồn tại trong việc thẩm định công tác thiết kế, dự toán.<br>3. Phối hợp với UBND tỉnh Nghệ An kiểm tra, tháo gỡ vướng mắc trong công tác GPMB để bàn giao toàn bộ mặt bằng dự án phục vụ thi công công trình đáp ứng tiến độ theo yêu cầu của Quốc hội và Chính phủ. |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|---|
| 12 | Bộ Giao thông Vận tải | Kiểm toán hoạt động quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đường bộ giai đoạn 2019 - 2020 | 1. Đối với Kế hoạch lập HLATGTĐS theo Quyết định số 994/QĐ-TTg ngày 19/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ: (i) Bố trí kinh phí để thanh toán trả nợ cho các công trình đường ngang đã thực hiện hoàn thành năm 2017; (ii) Chỉ đạo các đơn vị liên quan xác định nguyên nhân và chấn chỉnh rút kinh nghiệm trong việc chưa hoàn thành đầy đủ nội dung, mục tiêu kế hoạch lập lại HLATGTĐS giai đoạn 2014-2020.<br>2. Chấn chỉnh rút kinh nghiệm trong việc ủy quyền cho TCTĐSVN phê duyệt và chịu trách nhiệm toàn diện hoạt động chi phí thu gom vật tư thu hồi không có trong quy định. Nghiên cứu ban hành đơn giá thu gom bảo quản vật tư thu hồi từ bảo trì KCHTĐS quốc gia để thay thế Văn bản số 1759/ĐS-KHĐT ngày 10/8/2009, làm cơ sở phê duyệt dự toán năm 2020 và các năm tiếp theo quy định tại khoản 3 và khoản 5 Điều 26 Nghị định số 46/2018/NĐ-CP ngày 14/3/2018 của Chính phủ; xem xét có ý kiến giải quyết đối với đơn giá chi phí thu gom vật tư thu hồi năm 2018, 2019 trong thời gian chưa ban hành định mức mới để kịp thời thanh toán cho đơn vị và người lao động.<br>3. Nghiên cứu ban hành định mức chi phí ca máy EM120 chưa có trong định mức chi phí ca máy để phục vụ công lập, thẩm định và phê duyệt phương án giá, nghiệm thu quyết toán kinh phí bảo trì thường xuyên KCHTĐS quốc gia.<br>4. Tổng kết đánh giá việc đặt hàng toàn bộ đối với việc quản lý, bảo trì tài sản KCHTĐS quốc gia năm 2021 với TCTĐSVN, từ đó làm cơ sở thực hiện đặt hàng những năm tiếp theo, phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.<br>5. Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc chấn chỉnh rút kinh nghiệm trong việc:<br>- Cục Đường sắt Việt Nam: Phê duyệt kế hoạch kiểm tra công tác quản lý bảo trì KCHTĐS quốc gia chậm; chưa xây dựng và thực hiện giám sát qua hệ thống cơ sở dữ liệu theo quy định tại khoản 8 Điều 5 Thông tư số 16/2018/TT-BGTVT ngày 04/4/2018; chậm phê duyệt quyết toán hoàn thành; công tác thẩm định và phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán, kế hoạch lựa chọn nhà thầu còn chậm và thiếu nội dung; |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|---|
| | | | - Vụ Tài chính tham mưu giao dự toán kinh phí lập lại trật tự HLATGTĐS theo Quyết định số 994/QĐ-TTg ngày 19/6/2014 không đảm bảo tiến độ thực hiện, kinh phí được giao gần như chưa sử dụng và phải hủy dự toán; ủy quyền cho TCTĐSVN phê duyệt và chịu trách nhiệm toàn diện hoạt động chi phí thu gom vật tư thu hồi không có trong quy định.<br>- Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông tham mưu bố trí dự toán kinh phí dự phòng khắc phục bão lũ chưa tuân thủ theo tỷ lệ quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư liên tịch số 10/2016/TLT-BGTVT-BTC ngày 10/5/2016; điều chỉnh dự toán từ nhiệm vụ dự phòng khắc phục bão lũ cho công tác bảo dưỡng thường xuyên, sửa chữa định kỳ, đột xuất, dẫn đến trong năm phát sinh công trình khắc phục hậu quả bão lũ nhưng chưa có nguồn để thanh toán theo quy định. |
| 13 | Bộ Giao thông Vận tải | Hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Phan Thiết - Dầu Giây thuộc Dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc-Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020 | 1. Nghiên cứu tình hình năng lực của các nhà thầu trong ngành xây dựng để có cơ sở khoa học phân chia gói thầu hợp lý đảm bảo có nhiều nhà thầu tham gia dự thầu đạt được đánh giá hồ sơ kỹ thuật của gói thầu; xem xét việc phê duyệt hồ sơ mời thầu và việc quyết định hợp đồng có giá trị nhà thầu phụ (trừ nhà thầu phụ đặc biệt) chiếm không quá 30% giá trị gói thầu.<br>2. Chỉ đạo Ban QLDA Thăng Long trong việc:<br>- Có giải pháp chỉ đạo dứt điểm đẩy nhanh tiến độ thi công các hạng mục nền đường, hệ thống thoát nước và móng đường chậm so với tiến độ đề ra, trong đó đặc biệt quan tâm đoạn tuyến do nhà thầu phụ là Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng 194 tự ý chấm dứt thi công; chuẩn bị đầy đủ khối lượng cấp phối đá dăm theo tiến độ, khẩn trương hoàn thành thiết kế tỷ phối BTN rỗng và chuẩn bị đủ đá dăm các loại thi công hạng mục BTN rỗng để có thể tiến hành thi công lớp BTN rỗng theo tiến độ đã được duyệt. |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|---|
| | | | - Rà soát bãi đổ thải đảm bảo tính hợp pháp, hợp lý và vật liệu đổ thải phù hợp quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ để có cơ sở thực hiện đổ thải, nghiệm thu thanh toán; đồng thời xem xét kiểm tra công tác điều hành quản lý dự án đối với hạng mục đổ thải, tránh trường hợp tập kết vật liệu thải hai bên tuyến và đổ thải không phù hợp quy định.<br>- Phối hợp với các đơn vị giải phóng mặt bằng các tỉnh Đồng Nai, Bình Thuận giải quyết dứt điểm công tác giải phóng mặt bằng các đoạn tuyến còn lại, sớm giải ngân vốn đầu tư làm tăng hiệu quả sử dụng vốn NSNN.<br>3. Đôn đốc Ban QLDA Thăng Long và các đơn vị có liên quan kịp thời nghiệm thu, thanh toán khối lượng hoàn thành để thu hồi tạm ứng tại các gói thầu xây lắp, tư vấn giám sát. |
| 14 | Bộ Giao thông vận tải | Dự án đầu tư xây dựng công trình đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận giai đoạn 1 theo hình thức hợp đồng BOT | Chỉ đạo các tập thể, cá nhân liên quan rút kinh nghiệm đối với các tồn tại trong công tác thẩm định dự toán. |
| 15 | Bộ Giao thông vận tải | Dự án cải tạo, nâng cấp đường cất hạ cánh, đường lăn cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất | 1. Chỉ đạo Ban QLDA Mỹ Thuận và các đơn vị có liên quan thực hiện nghiêm túc các kiến nghị của KTNN.<br>2. Phê duyệt điều chỉnh TMĐT theo kết luận, kiến nghị của KTNN; lưu ý trong quá trình bố trí nguồn vốn giảm 5% chi phí tiết kiệm so với TMĐT được duyệt; kiểm tra, rà soát, phê duyệt các định mức đang tạm tính để làm cơ sở phê duyệt dự toán chính thức.<br>3. Căn cứ kết quả kiểm toán chi tiết đối với dự toán tạm duyệt (theo phụ lục đính kèm Báo cáo kiểm toán) và kết quả phê duyệt các định mức đang tạm tính, khẩn trương phê duyệt dự toán chính thức các gói thầu để làm cơ sở thanh toán theo quy định của Hợp đồng, đảm bảo tiến độ dự án. |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|---|
| | | | 4. Phê duyệt điều chỉnh chỉ dẫn kỹ thuật thi công và nghiệm thu hạng mục Bê tông xi măng M350/45 để làm cơ sở nghiệm thu theo quy định.<br>5. Rút kinh nghiệm đối với những tồn tại trong công tác thẩm định và phê duyệt dự án, tổng mức đầu tư và dự toán; công tác xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025. |
| 16 | Bộ Giao thông vận tải | Dự án cải tạo, nâng cấp đường cất hạ cánh, đường lăn hàng không quốc tế Nội Bài | 1. Kiểm tra, rà soát kế hoạch giải ngân vốn của Dự án, báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh kế hoạch vốn NSNN năm 2021 và kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đối với Dự án.<br>2. Chỉ đạo Ban QLDA Thăng Long và các đơn vị có liên quan khẩn trương hoàn thành việc xây dựng định mức cho dự án theo đúng quy định, báo cáo về Bộ Giao thông vận tải để rà soát, hoàn thiện hệ thống định mức xây dựng theo đúng quy định.<br>3. Đề nghị Bộ Giao thông vận tải chỉ đạo Ban QLDA Thăng Long và các đơn vị có liên quan xem xét, chấn chỉnh ngay việc thuê tư vấn thẩm định giá bước lập dự toán, làm rõ phạm vi công việc thẩm định giá là của đơn vị Tư vấn lập dự toán hay của chủ đầu tư và xử lý theo đúng quy định.<br>4. Khẩn trương phê duyệt chính thức dự toán các gói thầu theo đúng quy định để làm cơ sở thanh toán cho nhà thầu.<br>5. Khi phê duyệt điều chỉnh TMĐT lưu ý các nội dung sai sót đã nêu trong Báo cáo kiểm toán.<br>6. Chấn chỉnh, rút kinh nghiệm tập thể, cá nhân đối với những tồn tại trong công tác thẩm định, phê duyệt tổng mức đầu tư; chậm phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán; công tác lập kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 và giao kế hoạch vốn năm 2021 chưa hợp lý; công tác thẩm định giá. |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|---|
| 17 | Bộ Giao thông vận tải | Dự án quản lý tài sản đường bộ Việt Nam (Dự án Vramp) và Dự án sửa chữa cầu Thăng Long | 1. Chỉ đạo Tổng cục Đường bộ Việt Nam và các đơn vị có liên quan khẩn trương hoàn thành việc xây dựng định mức công tác thu thập dữ liệu đường bộ và bảo trì, nâng cấp đường bộ; định mức dự toán, giá ca máy thi công sửa chữa cầu Thăng Long; tiêu chuẩn về thiết kế, thi công và nghiệm thu công tác thi công lớp bê tông nhựa Polime trên lớp keo dính bám Epoxy (công nghệ mới đã và đang được áp dụng tại nhiều công trình thuộc lĩnh vực giao thông vận tải tuy nhiên đến thời điểm tháng 10/2021 tiêu chuẩn về thiết kế, thi công và nghiệm thu công tác này chưa được ban hành), báo cáo về Bộ Giao thông vận tải để rà soát và ban hành đúng quy định.<br>2. Rút kinh nghiệm đối với tồn tại trong công tác thẩm định và phê duyệt điều chỉnh đầu tư dự án Vramp.<br>3. Chỉ đạo Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Ban QLDA 3 nghiêm túc thực hiện các kiến nghị kiểm toán như đã nêu trong Báo cáo kiểm toán. |
| 18 | Bộ Giao thông vận tải | Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí hoạt động kinh tế đường sắt năm 2020 tại Tổng công ty Đường sắt Việt Nam (Bộ Giao thông vận tải) | 1. Chấn chỉnh rút kinh nghiệm trong việc uỷ quyền cho Tổng công ty Đường sắt Việt Nam phê duyệt và chịu trách nhiệm toàn diện hoạt động chi phí thu gom vật tư thu hồi không có trong quy định.<br>2. Nghiên cứu ban hành đơn giá thu gom bảo quản vật tư thu hồi từ bảo trì KCHTĐS quốc gia để thay thế Văn bản số 1759/ĐS-KHĐT ngày 10/8/2009, làm cơ sở phê duyệt dự toán năm 2020 và các năm tiếp theo quy định tại khoản 3 và khoản 5 Điều 26 Nghị định số 46/2018/NĐ-CP ngày 14/3/2018 của Chính phủ; xem xét có ý kiến giải quyết đối với đơn giá chi phí thu gom vật tư thu hồi năm 2018, 2019 trong thời gian chưa ban hành định mức mới để kịp thời thanh toán cho đơn vị và người lao động.<br>3. Nghiên cứu ban hành định mức chi phí ca máy EM120 chưa có trong định mức chi phí ca máy để phục vụ công tác lập, thẩm định và phê duyệt phương án giá, nghiệm thu quyết toán kinh phí bảo trì thường xuyên KCHTĐS quốc gia. |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|---|
| | | | 4. Vụ Tài chính tham mưu giao dự toán kinh phí lập lại trật tự HLATGTĐS theo Quyết định số 994/QĐ-TTg ngày 19/6/2014 không đảm bảo tiến độ thực hiện, kinh phí được giao gần như chưa sử dụng và phải huỷ dự toán; uỷ quyền cho TCTĐSVN phê duyệt và chịu trách nhiệm toàn diện hoạt động chi phí thu gom vật tư thu hồi không có trong quy định.<br>5. Chỉ đạo các đơn vị liên quan xác định nguyên nhân và chấn chỉnh rút kinh nghiệm trong việc chưa hoàn thành đầy đủ nội dung, mục tiêu kế hoạch lập lại HLATGTĐS giai đoạn 2014-2020.<br>6. Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông tham mưu bố trí dự toán kinh phí dự phòng khắc phục bão lũ chưa tuân thủ theo tỷ lệ quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư liên tịch số 10/2016/TTLT-BGTVT-BTC ngày 10/5/2016; điều chỉnh dự toán từ nhiệm vụ dự phòng khắc phục bão lũ cho công tác bảo dưỡng thường xuyên, sửa chữa định kỳ, đột xuất, dẫn đến trong năm phát sinh công trình khắc phục hậu quả bão lũ nhưng chưa có nguồn để thanh toán theo quy định.<br>- Cục Đường sắt Việt Nam: Phê duyệt kế hoạch kiểm tra công tác quản lý bảo trì KCHTĐS quốc gia chậm; chưa xây dựng và thực hiện giám sát qua hệ thống cơ sở dữ liệu theo quy định tại khoản 8 Điều 5 Thông tư số 16/2018/TT-BGTVT ngày 04/4/2018; chậm phê duyệt quyết toán hoàn thành; công tác thẩm định và phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán, kế hoạch lựa chọn nhà thầu còn chậm và thiếu nội dung;<br>- Đối với Kế hoạch lập lại HLATGTĐS theo Quyết định số 994/QĐ-TTg ngày 19/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ: Bố trí kinh phí để thanh toán trả nợ cho các công trình đường ngang đã thực hiện hoàn thành năm 2017.<br>- Tổng kết đánh giá việc đặt hàng toàn bộ đối với việc quản lý, bảo trì tài sản KCHTĐS quốc gia năm 2021 với TCTĐSVN, từ đó làm cơ sở thực hiện đặt hàng những năm tiếp theo, phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành. |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|---|
| 19 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh | 1. Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh rà soát, đánh giá việc thực hiện Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17/11/2013 của Chính phủ và Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ do thời gian thực hiện đã trên 7 năm và chưa có hướng dẫn về cơ chế tự chủ cao, cơ chế tài chính đặc thù, chưa quy định về cơ chế quản lý sử dụng khoản thu từ tỷ lệ trích nộp từ các nguồn thu của các đơn vị thành viên, đơn vị trực thuộc cho các hoạt động chung của Đại học Quốc gia để báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đồng bộ với các quy định pháp luật hiện nay, khắc phục những bất cập hiện có.<br>2. Xem xét, kiểm tra, đánh giá việc phê duyệt các đề án tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng chung cho Việt Nam của tất cả các cơ sở giáo dục đại học có đủ điều kiện, trong đó có Đề án theo Công văn số 838/ĐHQG-ĐH ngày 19/5/2020 của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. |
| 20 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Đại học Quốc gia Hà Nội | 1. Chỉ đạo Đại học Quốc gia Hà Nội rà soát, đánh giá việc thực hiện Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17/11/2013 của Chính phủ và Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ do những bất cập đã được Kiểm toán nhà nước nêu ở trên để báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung cho phù hợp đồng bộ với các quy định pháp luật hiện nay, khắc phục những bất cập hiện có.<br>2. Kiểm tra việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Đại học Quốc gia Hà Nội còn một số điểm khác với quy định tại Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT để đảm bảo thực hiện theo quy định. |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|---|
| 21 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư dự án tăng cường kết nối giao thông khu vực Tây Nguyên | 1. Rút kinh nghiệm trong việc chủ trì thẩm định phê duyệt chủ trương đầu tư trong khi dự án chưa có kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2016-2020 là chưa đúng quy định tại khoản 1 Điều 16 Luật Đầu tư công 2014.<br>2. Làm việc với đơn vị tư vấn lập thiết kế kỹ thuật - dự toán gói thầu XL-03; XL-04A (Yooshin Engineering Corporation and Katahira & Engineering International) về việc chậm tiến độ thiết kế kỹ thuật - dự toán, đồng thời làm rõ kết quả khảo sát nguồn vật liệu một cách đầy đủ, chính xác để làm căn cứ dự toán gói thầu, trước khi thực hiện các bước tiếp theo.<br>3. Chỉ đạo Ban quản lý dự án 2, Cục quản lý xây dựng và Chất lượng công trình giao thông, giảm giá trị dự toán được phê duyệt của các gói thầu số tiền 11.284,4 trđ và tổ chức kiểm điểm theo các nội dung đã nêu tại Báo cáo kiểm toán. |
| 22 | Bộ Kế hoạch và đầu tư | Chương trình mục tiêu đầu tư hạ tầng theo Quyết định số 351/QĐ-TTg ngày 29/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ | Đề nghị Bộ chấn chỉnh công tác quản lý, chỉ đạo thực hiện Chương trình:<br>1. Hoàn thành nhiệm vụ tổng kết đánh giá tình hình thực hiện mục tiêu của Chương trình trên phạm vi toàn quốc và báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát để nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng vốn đầu tư công.<br>2. Tham mưu Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các địa phương:<br>- Tiếp tục ưu tiên bố trí nguồn vốn NSTW, NSĐP trong giai đoạn 2021-2025 hoàn thành dứt điểm một số dự án đầu tư của Chương trình để hoàn thành mục tiêu cụ thể của Chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.<br>- Thực hiện nghiêm cam kết bố trí phần vốn NSĐP cho các dự án đầu tư thuộc Chương trình, kể cả phần vốn mà NSTW không bố trí để đáp ứng nhu cầu vốn, thi công hoàn thành dự án đúng tiến độ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo mục tiêu của Chương trình. |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|---|
| | | | 3. Chấn chỉnh, rút kinh nghiệm đối với các tồn tại sau:<br>- Tham mưu, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quyết định số 351/QĐ-TTg ngày 29/3/2018 không đảm bảo sự thống nhất với các quyết định phê duyệt Kế hoạch đầu tư công trung hạn của Thủ tướng Chính phủ đối với 08 dự án đầu tư.<br>- Tham mưu đưa vào Chương trình, bố trí vốn đầu tư công NSTW cho một số dự án trả nợ XDCB, thu hồi vốn ứng trước làm phân tán nguồn lực để thực hiện mục tiêu cụ thể của Chương trình.<br>- Chưa thực hiện tốt, đầy đủ, hiệu lực, hiệu quả nhiệm vụ tham mưu ban hành văn bản; sửa đổi, điều chỉnh văn bản, quy định của Chương trình.<br>- Công tác kiểm tra, giám sát theo dõi tình hình thực hiện mục tiêu của Chương trình chưa hiệu quả, dẫn đến kết quả thực hiện Chương trình không bám sát mục tiêu cụ thể, một số năng lực tăng thêm được đầu tư vượt quá mục tiêu đã đặt ra, trong khi nhiều mục tiêu khác không hoàn thành.<br>- Chưa tuân thủ đầy đủ, chặt chẽ một số quy định về bố trí vốn đầu tư công cho các dự án. |
| 23 | Bộ Kế hoạch và đầu tư | Chương trình mục tiêu Phát triển kinh tế - xã hội các vùng giai đoạn 2016 - 2020 theo Quyết định số 1256/QĐ-TTg ngày 21/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ | 1. Tham mưu trình Thủ tướng Chính phủ xem xét chỉ đạo tiếp tục bố trí nguồn vốn NSTW còn thiếu đối với các dự án đầu tư chưa hoàn thành, chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025 thuộc Chương trình để thực hiện hoàn thành dự án, hoàn thành mục tiêu cụ thể của Chương trình đã được phê duyệt.<br>2. Tham mưu trình Thủ tướng Chính phủ để có biện pháp đôn đốc, theo dõi, giám sát UBND các tỉnh, thành phố thực hiện cam kết bố trí phần vốn NSĐP cho các dự án đầu tư thuộc Chương trình mà NSTW không bố trí để đảm bảo các dự án có đủ vốn để thi công hoàn thành đúng tiến độ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo mục tiêu của Chương trình. |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|---|
| | | | 3. Tổ chức tổng kết đánh giá tình hình thực hiện mục tiêu của Chương trình trên phạm vi toàn quốc và báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đầu tư, đôn đốc các địa phương thực hiện đúng cam kết về bố trí vốn địa phương và vốn khác cho các dự án thuộc Chương trình;<br>4. Phối hợp với Bộ Tài chính rà soát các dự án thuộc Chương trình có bố trí thêm vốn dự phòng NSTW từ Bộ Tài chính chưa phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 10 Luật Ngân sách Nhà nước, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét quyết định.<br>5. Tổ chức chấn chỉnh, rút kinh nghiệm đối với một số tồn tại, hạn chế sau:<br>- Đưa vào danh mục dự án thuộc Chương trình một số dự án đầu tư chưa phù hợp mục tiêu cụ thể, đối tượng của Chương trình.<br>- Bố trí vốn đầu tư cho Dự án đầu tư xây dựng đường cứu hộ, cứu nạn đê biển Tây phục vụ an ninh, quốc phòng khu vực Hòn Đá Bạc kết hợp phòng chống cháy rừng Vườn Quốc gia U Minh Hạ, tỉnh Cà Mau (đường Tắc Thủ - Vàm Đá Bạc) chưa phù hợp với nội dung kết quả thẩm định nguồn vốn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.<br>- Chưa thực hiện tốt vai trò, nhiệm vụ của Chủ Chương trình trong quản lý, điều hành thực hiện Chương trình. Kết thúc Chương trình không đạt được đầy đủ mục tiêu cụ thể đã được phê duyệt.<br>- Tham mưu trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Chương trình tại Quyết định số 1509/QĐ-TTg vẫn còn một số tồn tại hạn chế.<br>- Đưa vào danh mục Chương trình các dự án đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng trước năm 2015 để bố trí vốn NSTW trả nợ, thu hồi vốn ứng trước làm phân tán nguồn lực để hoàn thành mục tiêu cụ thể của Chương trình giai đoạn 2016-2020.<br>- Bố trí vốn đầu tư công chưa đảm bảo đầy đủ thứ tự ưu tiên quy định tại khoản 4, Điều 54 Luật Đầu tư công khi chưa ưu tiên bố trí đủ vốn cho dự án chuyển tiếp, nhưng đã bố trí cho dự án khởi công mới. |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|---|
| | | | - Chưa có báo cáo Chính phủ để xem xét, quyết định bổ sung thêm nguồn vốn phù hợp để thực hiện Chương trình đảm bảo mục tiêu đề ra; chưa thực hiện đầy đủ việc theo dõi, kiểm tra toàn bộ quá trình đầu tư Chương trình và các chỉ tiêu đã phê duyệt; chưa có đánh giá ban đầu và giữa kỳ đối với Chương trình theo quy định tại Điều 84 Luật Đầu tư công; chưa tổ chức tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Chương trình, báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại khoản 7, Điều 1 Quyết định số 1256/QĐ-TTg. |
| 24 | Bộ Kế hoạch và đầu tư | Chuyên đề Dự án hạ tầng cơ bản phát triển toàn diện các tỉnh Đông Bắc (Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn) - Tiểu dự án tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn, Hà Giang | 1. Báo cáo Thủ tướng Chính phủ khi phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư cho các tỉnh có nguồn thu trên địa bàn không đủ chi thường xuyên, không tự bố trí được nguồn vốn đối ứng cho các dự án đầu tư bằng nguồn vốn ODA, thì việc bố trí vốn đối ứng ODA cho các dự án này cần phân bổ và bố trí ngay từ đầu để dự án thực hiện đầu tư khả thi, đảm bảo tiến độ, mục tiêu của dự án và đúng pháp luật.<br>2. Chấn chỉnh rút kinh nghiệm trong việc thẩm định đơn vị tham gia dự án vay ADB khi mức dư nợ của địa phương vượt quá hạn mức cho phép trước khi tham gia ký hiệp định vay, chưa phù hợp quy định. |
| 25 | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án hồ chứa nước Cánh Tạng | 1. Chỉ đạo Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 1 và các đơn vị có liên quan thực hiện nghiêm túc, kịp thời các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước.<br>2. Chỉ đạo Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 1 khẩn trương lập bổ sung Phí bảo vệ môi trường vào Tổng mức đầu tư trình Bộ NN&PTNT thẩm định và phê duyệt theo quy định.<br>3. Chấn chỉnh, rút kinh nghiệm trong công tác thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư, TKCS còn chưa chính xác về một số thông số kỹ thuật cơ bản của công trình, phê duyệt tổng mức đầu tư thiếu phí môi trường, phê duyệt thiết kế kỹ thuật chưa chính xác dẫn đến phải điều chỉnh trong giai đoạn thiết kế bản vẽ thi công. |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|---|
| 26 | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án hồ chứa nước Bản Lải giai đoạn 1 | 1. Chỉ đạo Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 2 khắc phục những tồn tại sai sót đã nêu tại Báo cáo kiểm toán.<br>2. Chỉ đạo Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 2: (i) Khẩn trương lập dự án đầu tư giai đoạn 2 để hoàn thiện hệ thống kênh trình Bộ NN&PTNT thẩm định và phê duyệt, nhằm đảm bảo mục tiêu tưới 2.045 ha đất canh tác của Dự án đã được phê duyệt; (ii) Khẩn trương lập hồ sơ điều chỉnh Dự án giai đoạn 1 trình Bộ NN&PTNT thẩm định và phê duyệt theo quy định làm cơ sở thanh quyết toán Dự án; (iii) Phối hợp với Chủ đầu tư Nhà máy thủy điện và các bên liên quan rà soát, xác định phân bổ chi phi đầu tư các hạng mục dùng chung theo quy định, trình Bộ NN&PTNT xem xét.<br>3. Chấn chỉnh, rút kinh nghiệm trong công tác: Thẩm định và phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư với giải pháp kỹ thuật công trình đầu mối, kênh chính chưa phù hợp dẫn đến phải điều chỉnh để phù hợp với thực tế; phê duyệt điều chỉnh dự án tại Quyết định số 5804/QĐ-BNN-XD ngày 21/12/2014 khi chưa phân kỳ đầu tư, chưa xác định rõ nguồn vốn đầu tư trên cơ sở nhiệm vụ Dự án; tại Quyết định số 4183/QĐ-BNN-XD ngày 17/10/2017 khi chưa có phê duyệt điều chỉnh báo cáo đánh giá tác động môi trường. |
| 27 | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Kiểm toán chuyên đề Việc quản lý quy hoạch, cấp phép xây dựng thủy điện nhỏ giai đoạn 2016 - 2020 | Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường tham mưu báo cáo Chính phủ trình Quốc hội chỉnh sửa Luật Lâm nghiệp và Luật Đất đai theo hướng thống nhất, đồng bộ thẩm quyền quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng đặc dụng và đất rừng đặc dụng |
| 28 | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Kiểm toán Dự án chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững đồng bằng sông Cửu Long (ICRSL-WB9) | 1. Chỉ đạo các Chủ đầu tư và đơn vị có liên quan thực hiện nghiêm túc kiến nghị của KTNN tại các nội dung của Báo cáo kiểm toán.<br>2. Phối hợp với UBND các tỉnh chỉ đạo các đơn vị có liên quan đẩy nhanh tiến độ của toàn Dự án. |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|---|
| 29 | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư, kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách cấp của Ban Duy tu các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn (Sở NN&PTNT thành phố Hà Nội) giai đoạn 2015-2020 | Chấn chỉnh, rút kinh nghiệm và chịu trách nhiệm theo qui định của pháp luật trong việc chưa làm hết trách nhiệm thẩm định điều chỉnh phân kỳ đầu tư Đoạn I, giai đoạn I đối với Dự án Tiếp nước, cải tạo, khôi phục sông Tích như kết quả kiểm toán đã nêu. |
| 30 | Bộ Tài chính | Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2020 của Bộ Công Thương | Nghiên cứu ban hành hướng dẫn chi tiết xác định giá trị tài sản đối với từng dạng sản phẩm của nhiệm vụ KH&CN hình thành từ nguồn NSNN cấp làm cơ sở xác định giá trị và xử lý tài sản theo quy định tại Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ. |
| 31 | Bộ Tài chính | Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2020 của Văn phòng Chủ tịch nước | 1. Tham mưu Thủ tướng Chính phủ ban hành định mức phân bổ dự toán chi quản lý hành chính giai đoạn sau năm 2021, trong đó quy định cụ thể thẩm quyền phê duyệt định mức phân bổ dự toán chi quản lý hành chính cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức đặc thù ở Trung ương, gồm Văn phòng Chủ tịch nước.<br>2. Xử lý thu hồi số dư dự toán năm 2020 của Văn phòng Chủ tịch nước số tiền 33.800.766.361 đồng từ nhiều năm không sử dụng hết. |
| 32 | Bộ Tài chính | Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2020 của Kho bạc Nhà nước | 1. Giao dự toán thu cho KBNN căn cứ vào đánh giá khả năng thu các năm liền kề, làm cơ sở xác định chính xác số tăng thu, tiết kiệm chi.<br>2. Xây dựng danh mục tài sản cụ thể phải mua bảo hiểm cho rủi ro bão, lũ, lụt và lộ trình thực hiện trình Thủ tướng Chính phủ ban hành theo quy định tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP.<br>3. Ban hành tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng, có phương án xử lý số xe dôi dư, không còn nhu cầu sử dụng của KBNN kịp thời nhằm hạn chế lãng phí tài sản công. |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|---|
| | | | 4. Phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đối với các cơ sở nhà, đất; ban hành quyết định điều chuyển tài sản trong nội bộ đối với 02 cơ sở nhà, đất (KBNN Hoàn Kiếm, KBNN Long Biên-Hà Nội).<br>5. Hoàn thiện phần mềm quản lý tài sản nội ngành tài chính đảm bảo tổng hợp các báo cáo đầy đủ theo chế độ hiện hành.<br>6. Chỉ đạo KBNN xây dựng phương án sử dụng số dư Quỹ Phát triển hoạt động ngành 7.863.196 trđ đảm bảo tiết kiệm hiệu quả trình Bộ phê duyệt theo quy định.<br>7. Hoạt động nghiệp vụ KBNN: Phân cấp, phân quyền cho KBNN trong việc khai thác, quản lý và theo dõi tài khoản cấp 0 để thực hiện việc theo dõi kiểm soát chi từ nguồn dự phòng NSNN. |
| 33 | Bộ Tài chính | Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 1. Chấn chỉnh khắc phục hạn chế, thiếu sót trong việc giao dự toán nguồn vốn viện trợ không chi tiết từng dự án, chưa sát với thực tế.<br>2. Ban hành định mức mới về xe ô tô chuyên dùng và sắp xếp, xử lý xe dôi dư của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. |
| 34 | Bộ Tài chính | Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản chuyên đề việc quản lý, sử dụng dự phòng chung vốn ngân sách trung ương trong nước của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 tại các bộ, ngành và địa phương | Có phương án xử lý đối với 08 cơ sở nhà đất dôi dư sử dụng không đúng quy định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|---|
| 35 | Bộ Tài chính | Kiểm toán chuyên đề công tác quản lý nhà nước tại Tổng cục Thuế và các Cục Thuế liên quan đến việc hoàn thuế, miễn, giảm, giãn thuế, chống trốn thuế, chuyển giá năm 2020 | 1. Chỉ đạo Tổng cục Hải quan có giải pháp cung cấp dữ liệu, thông tin về người nộp thuế có hành vi "buôn lậu, trốn thuế, gian lận thuế, gian lận thương mại" kịp thời để Cơ quan Thuế xử lý hồ sơ hoàn thuế trước, kiểm tra sau đúng quy định;<br>2. Ban hành Văn bản về đơn giá xe ô tô mới sản xuất, lắp ráp trong nước năm 2019 - 2020 làm căn cứ để tính lệ phí trước bạ thống nhất trên toàn quốc theo quy định tại Nghị định số 20/2019/NĐ-CP ngày 21/02/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016;<br>3. Đôn đốc, chỉ đạo TCT thực hiện rà soát số liệu hoàn thuế GTGT đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện (ngành Điện, Dự án xây dựng cảng biển…) để xử lý số tiền 20.046.753.092.520đ;<br>4. Tham mưu cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ:<br>- Rà soát sửa đổi, bổ sung quy định về giảm thuế TNDN đảm bảo tính thống nhất giữa Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/QH14 của Quốc hội với Nghị quyết số 116/2020/QH14 ngày 19/6/2020;<br>- Nghiên cứu, xem xét quy định phân loại doanh nghiệp theo mức độ rủi ro để thực hiện kiểm tra đối với DN có mức độ rủi ro cao trước khi xét gia hạn và giám sát kiểm tra sau khi gia hạn theo Nghị định số 41/2020/NĐ-CP;<br>- Rà soát, quy định rõ cơ sở để xác định doanh nghiệp ngừng SXKD do ảnh hưởng của dịch Covid-19 thuộc đối tượng giảm thuế tại Quyết định số 22/2020/QĐ-TTg ngày 10/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ. |
| 36 | Bộ Tài chính | Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí hoạt động kinh tế đường sắt năm 2020 tại Tổng công ty Đường sắt Việt Nam (Bộ Giao thông vận tải) | Hướng dẫn cụ thể về hồ sơ, trình tự, thủ tục để thực hiện ghi thu, ghi chi vào NSNN đối với vật tư thu hồi từ của dự án thay tà vẹt bê tông K1, K2 đã sử dụng cho công tác bảo trì thường xuyên. |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|---|
| 37 | Bộ Tài chính | Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2020 của Bộ Tài chính | 1. Ban hành định mức mới về xe ô tô chuyên dùng;<br>2. Chỉ đạo các đơn vị có liên quan xử lý dứt điểm đối với nguồn viện trợ chuyển từ năm 2018 của dự án nâng cao năng lực trong lĩnh vực tài chính (VIE) 7.059trđ; thực hiện các thủ tục ghi thu - ghi chi dự án viện trợ kịp thời theo quy định;<br>3. Đánh giá việc thực hiện cơ chế tài chính gắn với đặc thù của các đơn vị trực thuộc theo Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 05/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao hiệu quả thực hiện và đổi mới cơ chế quản lý tài chính, thu nhập gắn với đặc thù của cơ quan quản lý hành chính nhà nước (Tổng cục Hải quan, Tổng cục Thuế, Kho bạc Nhà nước, Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại, Cục Quản lý và giám sát bảo hiểm...) để tổng hợp, phối hợp với Bộ, cơ quan liên quan đề xuất đổi mới cơ chế tài chính gắn với đặc thù của các đơn vị trực thuộc trong giai đoạn tới báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.<br>4. Nghiên cứu, sửa đổi nội dung hướng dẫn trích nguồn cải cách tiền lương của các đơn vị có cơ chế tài chính gắn với đặc thù khi ban hành Thông tư quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước hàng năm nhằm sử dụng tiết kiệm, hiệu quả NSNN (Kinh phí đã trích nhưng không sử dụng, còn dư qua nhiều năm tại Cục Quản lý và Giám sát bảo hiểm 16.024,1trđ; Cục Quản lý Nợ và Tài chính đối ngoại 30.783trđ);<br>5. Quy định về đơn giá tiền lương đối với hoạt động ứng dụng CNTT;<br>6. Xem xét, quyết định việc phê chuẩn các sản phẩm bảo hiểm có thời hạn bảo hiểm vượt quá thời gian hoạt động trên giấy phép của doanh nghiệp bảo hiểm để đảm bảo thống nhất giữa quy định của pháp luật và quyền lợi của khách hàng tham gia bảo hiểm. |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|---|
| 38 | Bộ Tài chính | Đại học Quốc gia Hà Nội; Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh | Đề nghị tiếp tục xem xét, trình Chính phủ, Quốc hội sửa đổi, bổ sung Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (sửa đổi) và ban hành các văn bản hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động dịch vụ giáo dục và đào tạo, trong đó có hoạt động đào tạo chất lượng cao để đảm bảo phù hợp với Luật Giáo dục hiện hành hoặc sửa đổi cơ chế chính sách cho phù hợp với Luật Giáo dục năm 2019, Luật Giá năm 2012. |
| 39 | Bộ Tài chính | Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2020 của Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP | Nghiên cứu và có hướng dẫn về chế độ tài chính và hạch toán kế toán liên quan đến khoản thanh toán chênh lệch tỷ giá được tính trong giá điện cho các công ty phát điện do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc các công ty phát điện do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ sau thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần, do chi phí chênh lệch tỷ giá đã được ghi nhận vào giai đoạn doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ nhưng chưa được ghi nhận doanh thu chênh lệch tỷ giá tương ứng. |
| 40 | Bộ Tài chính | Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2020 của Công ty TNHH MTV Xổ số điện toán Việt Nam | 1. Chỉ đạo Vietlott:<br>- Thực hiện nghiêm túc, dứt điểm các khoản xử phạt vi phạm hợp đồng đối với Berjaya, đồng thời xem xét trách nhiệm hai bên theo thỏa thuận hợp đồng, tránh tình trạng kéo dài, không tuân thủ quy định chế tài phạt vi phạm.<br>- Phối hợp với Berjaya đánh giá kết quả hợp tác 05 năm thực hiện hợp đồng BCC (đến tháng 7/2021) để có chỉ đạo thực hiện các vướng mắc, tồn tại ảnh hưởng đến dự án (xu hướng, tỷ lệ cơ cấu chi phí vận hành; quản lý phát triển đại lý; chế tài xử phạt hợp đồng BCC; các vướng mắc của quy định pháp luật có liên quan.<br>2. Xem xét phê duyệt chủ trương triển khai kênh bán hàng qua internet nhằm nâng cao hiệu quả dự án theo kế hoạch của hợp đồng BCC. |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|---|
| 41 | Bộ Tài chính | Kiểm toán NSĐP năm 2020 Thành phố Hà Nội | 1. Chỉ đạo Tổng cục Thuế: Tổ chức, chỉ đạo Cục thuế Hà Nội và các đơn vị trực thuộc của Tổng cục Thuế có liên quan kiểm tra và xem xét để ấn định thuế theo quy định của pháp luật đối với: (i) Công ty cổ phần Đầu tư bất động sản Thế Kỷ do giá Công ty chuyển nhượng 32 thửa đất (lô) thấp hơn giá đất do UBND tỉnh quy tại Quyết định số 24/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 và Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam và mức chênh lệch thấp hơn giá do UBND tỉnh ban hành tạm tính ít nhất là 7.775trđ; tính xác thực của phụ lục hợp đồng số 01/2020/HĐCN/ PLASCHEM-CENINVEST ngày 14/02/2020 chi tiết về giá nhận chuyển nhượng liên quan đến Dự án Khu nhà ở, dịch vụ thương mại và văn phòng Plaschem do Công ty cổ phần Đầu tư bất động sản Thế Kỷ cung cấp (khi đã kết thúc kiểm toán) để xác định việc phân bổ chi phí liên quan đến Dự án nêu trên; (ii) Công ty cổ phần tập đoàn Mik Group Việt Nam do cho vay với lãi suất cho vay thấp hơn lãi suất thông thường theo quy định tại điểm đ khoản 1, khoản 2 Điều 50 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019, căn cứ lãi suất cho vay thấp nhất của NHTM cổ phần BIDV trong cùng thời điểm là 6,4% thì tăng thêm doanh thu hoạt động tài chính đã là 83.176.819.294đ; trường hợp phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật thì chuyển hồ sơ sang cơ quan điều tra để điều tra, làm rõ xử lý theo quy định của pháp luật, thông báo kết quả thực hiện về KTNN khu vực I.<br>2. Với chức năng tham mưu cho Chính phủ trong xây dựng Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN, đề nghị Bộ Tài chính xem xét tham mưu cho Chính phủ trong hướng dẫn về nội dung chuyển nguồn tại Điều 43 của Nghị định theo hướng phạm vi chuyển nguồn thống nhất với quy định của Luật NSNN (Luật NSNN tại khoản 3, Điều 64 đang quy định các khoản dự toán chi, trong khi Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ tại tiết a, khoản 1, Điều 43 lại quy định cả tạm ứng trong dự toán).<br>3. Hướng dẫn việc sử dụng nguồn kinh phí cắt giảm, tiết kiệm tại Mục 3, Văn bản số 8299/BTC-NSNN ngày 8/7/2020 của Bộ Tài chính. |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|---|
| 42 | Bộ Tài chính | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Hòa Bình | Đề nghị Bộ Tài chính bố trí dự toán để thu hồi số ứng trước dự toán ngân sách năm sau 152.216,4trđ. |
| 43 | Bộ Tài chính | Kiểm toán NSĐP năm 2020 của tỉnh Kiên Giang | Thực hiện giảm trừ dự toán năm sau nguồn cải cách tiền lương số tiền 67.257trđ đối với tỉnh Kiên Giang do Kiểm toán nhà nước xác định nguồn thu được để lại và nguồn tiết kiệm chi hỗ trợ hoạt động thường xuyên trong lĩnh vực hành chính và các đơn vị sự nghiệp công lập cao hơn số Bộ Tài chính và địa phương xác định. |
| 44 | Bộ Tài chính | Kiểm toán NSĐP năm 2020 của tỉnh Quảng Nam | 1. Cân nhắc việc bổ sung KP chương trình mục tiêu vào thời điểm cuối năm dẫn đến ĐP không thể thực hiện, chuyển nguồn sang năm sau lớn;<br>2. Phối hợp Bộ KH&ĐT bố trí dự toán để thu hồi tạm ứng, ứng trước cho tỉnh Quảng Nam (80.213trđ), gồm: tạm ứng KP thực hiện kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin năm 2008 (1.088trđ) và tạm ứng, ứng trước KHV đầu tư cho 06 DA (79.125trđ) đã phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành. |
| 45 | Bộ Tài chính | Kiểm toán NSĐP năm 2020 của tỉnh Bình Định | 1. Phối hợp với Bộ KH&ĐT bố trí vốn để thu hồi KHV đầu tư TW đã ứng trước cho tỉnh Bình Định từ nhiều năm trước đến tháng 10/2021 còn lại 1.013.178trđ.<br>2. Xem xét việc bổ sung cân đối cho tỉnh Bình Định trong những năm kế tiếp nhằm khắc phục tình trạng địa phương lập dự toán chi thường xuyên cao hơn định mức TW qui định, dẫn đến thừa dự toán để tăng số bổ sung cho các huyện, đơn vị dự toán, tăng chi đầu tư. |
| 46 | Bộ Tài chính | Báo cáo quyết toán NSĐP năm 2020 của tỉnh Quảng Ngãi | 1. Kiểm tra, rà soát, thông báo thu hồi tạm ứng đối với khoản tạm ứng cho Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư và UBND tỉnh giao kế hoạch vốn thu hồi ứng là 68.616trđ; Dự án đường cơ động phía Đông Nam đảo Lý Sơn (Đường cơ động đảo lớn) giai đoạn II 50.000trđ đã được UBND tỉnh thu hồi ứng.<br>2. Bố trí dự toán để thu hồi tạm ứng kinh phí ứng dụng CNTT 1.056 trđ kéo dài nhiều năm. |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|---|
| 47 | Bộ Tài chính | Kiểm toán NSĐP năm 2020 của tỉnh Đồng Tháp | 1. Xem xét lại Quyết định số 2503/QĐ-BTC ngày 29/11/2019 về việc giao dự toán thu, chi NSNN năm 2020 cho tỉnh Đồng Tháp để hướng dẫn tỉnh Đồng Tháp thực hiện chỉ tiêu được giao vay để trả nợ gốc 30.900trđ nhưng đồng thời được giao chi tiết thực hiện Dự án Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững đồng bằng sông Cửu Long từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại 30.900trđ.<br>2. Xem xét, rà soát và thực hiện xử lý tạm ứng, ứng trước dự toán các năm trước cho tỉnh Đồng Tháp phù hợp quy định quản lý. |
| 48 | Bộ Tài chính | Kiểm toán NSĐP năm 2020 của tỉnh Vĩnh Long | 1. Khẩn trương thẩm định nguồn và nhu cầu thực hiện cải cách tiền lương năm 2020 của tỉnh Vĩnh Long, trong đó lưu ý xem xét các kết quả kiểm toán: tổng nhu cầu năm 2020 là 535.805trđ, chênh lệch giảm so với số liệu UBND tỉnh báo cáo số tiền 31.100trđ; tổng nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2020 là 556.570trđ, chênh lệch tăng so với số liệu UBND tỉnh báo cáo số tiền 51.796trđ; do đó xác định nguồn thực hiện cải cách tiền lương còn dư của tỉnh, đề nghị Trung ương xem xét giảm trừ dự toán năm sau số tiền 20.765trđ.<br>2. Tham mưu cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét hướng dẫn cách tính chi phí lãi vay để tính thuế thu nhập doanh nghiệp đảm bảo thống nhất giữa phạm vi điều chỉnh về giao dịch liên kết quy định khoản 2 Điều 1 Nghị định số 132/2020/NĐ-CP của Chính phủ và cách xác định chi phí để tính thuế TNDN quy định điểm a, c khoản 3 Điều 16 Nghị định số 132/2020/NĐ-CP của Chính phủ đối với trường hợp các bên có quan hệ liên kết trong kỳ kinh doanh phát sinh đồng thời các giao dịch mua, bán, thuê, chuyển nhượng tài sản hữu hình, tài sản vô hình, hàng hóa, dịch vụ thông thường và giao dịch kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi điều chỉnh giá của Nhà nước theo quy định của pháp luật về giá hiện hành. |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|---|
| 49 | Bộ Tài chính | Kiểm toán NSĐP năm 2020 của tỉnh An Giang | Có văn bản hướng dẫn về các khoản được loại trừ khi xác định tăng thu ngân sách từ nguồn thu kết dư NSĐP để thực hiện cải cách tiền lương, nhằm đảm bảo sự thống nhất trong thực hiện giữa các địa phương và các niên độ ngân sách hàng năm. Trong đó, cần xem xét loại trừ một số khoản đã có nhiệm vụ chi trong số thu kết dư như: nguồn chi trả nợ gốc và lãi các khoản vay; số dư nguồn vốn xổ số kiến thiết, nguồn vốn thu tiền sử dụng đất được sử dụng để chi đầu tư phát triển; nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên và nguồn thực hiện chính sách an sinh xã hội phải tiếp tục theo dõi và sử dụng đúng mục tiêu quy định. |
| 50 | Bộ Tài chính | Kiểm toán NSĐP năm 2020 của tỉnh Yên Bái | Khi thẩm định nguồn và nhu cầu thực hiện cải cách tiền lương năm 2020 của tỉnh Yên Bái thì lưu ý nguồn thực hiện CCTL còn dư do KTNN xác định 96.085trđ |
| 51 | Bộ Tài chính | Kiểm toán NSĐP năm 2020 của tỉnh Phú Thọ | Đề nghị Bộ Tài chính khi thẩm định nguồn và nhu cầu thực hiện CCTL năm 2021 tỉnh Phú Thọ, rà soát số KTNN đã xác định số dư nguồn thực hiện CCTL năm 2020 chuyển sang năm 2021 là 338.746trđ (nguồn NSNN điều hòa 93.019trđ; nguồn thu không điều hòa 245.727trđ), trong đó KTNN phát hiện tăng thêm 40.550trđ. |
| 52 | Bộ Tài chính | Kiểm toán NSĐP năm 2020 của tỉnh Sơn La | Trong khi chưa có văn bản thực hiện Nghị định 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của các Bộ, ngành, trung ương, đề nghị Bộ Tài chính có hướng dẫn xây dựng dự toán hàng năm tạo thuận lợi cho địa phương trong quá trình triển khai thực hiện. |
| 53 | Bộ Tài chính | Kiểm toán NSĐP năm 2020 của tỉnh Điện Biên | Giảm trừ dự toán của tỉnh Điện Biên kinh phí thực hiện chế độ cải cách tiền lương do KTNN xác định tăng thêm so với Bộ Tài chính thẩm định 30.912,4trđ. |
| 54 | Bộ Tài chính | Kiểm toán NSĐP năm 2020 của tỉnh Lào Cai và Chuyên đề hoạt động quản lý môi trường tại các Ban quản lý kinh tế và khu công nghiệp giai đoạn 2017-2021 trên địa bàn tỉnh Lào Cai | Đề nghị Bộ Tài chính khi thẩm định nguồn và nhu cầu thực hiện cải cách tiền lương năm 2021 của tỉnh Lào Cai thì lưu ý KTNN đã xác định số dư nguồn thực hiện CCTL từ nguồn NSNN năm 2020 chuyển sang năm 2021 là 378.710 trđ. |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|---|
| 55 | Bộ Tài chính | Kiểm toán NSĐP năm 2020 của tỉnh Hà Giang | Cấp bổ sung kinh phí thực hiện nhiệm vụ có mục tiêu trong năm kịp thời, hạn chế cấp vào cuối năm, tạo điều kiện cho địa phương chủ động công tác giải ngân, giảm số chuyển nguồn ngân sách năm sau. |
| 56 | Bộ Tài chính | Kiểm toán NSĐP năm 2020 của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu | Có hướng dẫn cụ thể về việc trích lập dự phòng ngân sách địa phương tương ứng với khoản chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho phù hợp nhiệm vụ trích lập dự phòng từng cấp ngân sách của Luật NSNN. |
| 57 | Bộ Tài chính | Dự án phát triển tổng hợp đô thị động lực Tiểu dự án đô thị Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, Tiểu dự án thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên | Làm việc với các nhà tài trợ khi đàm phán, ký kết các hiệp định tài chính nên quy định cụ thể về quy mô, tính chất kỹ thuật đối với những gói thầu phải yêu cầu đấu thầu quốc tế và thực hiện thủ tục tiền kiểm đối với các dự án thực hiện bằng nguồn vốn vay để giảm thủ tục và tạo thuận lợi để đẩy nhanh thực hiện dự án. |
| 58 | Bộ Tài nguyên và Môi trường | Kiểm toán chuyên đề Việc quản lý quy hoạch, cấp phép xây dựng thủy điện nhỏ giai đoạn 2016 - 2020 | 1. Phối hợp Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu trình Chính phủ, trình Quốc hội chỉnh sửa Luật Lâm nghiệp và Luật Đất đai theo hướng thống nhất, đồng bộ thẩm quyền quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng đặc dụng và đất rừng đặc dụng.<br>2. Tham mưu cho Chính phủ thống nhất phân cấp thẩm quyền quản lý, phê duyệt và công bố dòng chảy tối thiểu trong sông hoặc đoạn sông, suối đối với nguồn nước nội tỉnh và dòng chảy tối thiểu đối với hạ lưu, hồ chứa các dự án thủy điện nhỏ sử dụng nguồn nước nội tỉnh giữa Bộ Tài Nguyên và Môi trường và UBND cấp tỉnh.<br>3. Phối hợp UBND các tỉnh Lào Cai, Sơn La, Lai Châu xây dựng, lắp đặt hệ thống cơ sở dữ liệu về an toàn đập, hồ chứa và dữ liệu quan trắc nhằm kết nối, quản lý, giám sát tình hình khai thác, sử dụng tài nguyên nước trên địa bàn. |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|---|
| | | | 4. Phối hợp UBND tỉnh Hà Giang kiểm tra, rà soát các dự án thủy điện đang vận hành chưa được cấp Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt để cấp phép và truy thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định. |
| 59 | Bộ Tài nguyên và Môi trường | Báo cáo quyết toán NSĐP năm 2020 của tỉnh Quảng Ngãi | 1. Kiểm tra, làm rõ để xử lý theo quy định trong việc tham mưu, ban hành Quyết định số 22/QĐ-BTNMT ngày 06/01/2020 xác định tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với Công ty Cổ phần Thủy điện Đakđrinh làm giảm số phải thu về tiền cấp quyền khai thác nước giai đoạn 2019-2029 số tiền 5.444,2trđ.<br>2. Ban hành quyết định thay thế khoản 4, khoản 5 Điều 1 Quyết định số 22/QĐ-BTNMT phê duyệt Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đakđrinh theo giá tính thuế tài nguyên ban hành tại Quyết định số 648/QĐ-BCT ngày 20/3/2019 của Bộ Công Thương với giá bán lẻ điện bình quân là 1.864,44đ/kwh với số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước phải nộp từ năm 2019 đến năm 2029 là 70.596,5trđ; gồm nộp năm 2019 là 4.719,3trđ, từ năm 2020 đến năm 2028, mỗi năm nộp 7.059,6trđ và năm 2029 nộp 2.340,3trđ. Tăng thêm so với số phải nộp do Bộ Tài nguyên và Môi trường đã xác định tại Quyết định số 22/QĐ-BTNMT là 5.444,2trđ. |
| 60 | Bộ Tài nguyên và Môi trường | Ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Lào Cai và Chuyên đề hoạt động quản lý môi trường tại các Ban quản lý kinh tế và khu công nghiệp giai đoạn 2017-2021 trên địa bàn tỉnh Lào Cai | Rút kinh nghiệm tập thể, cá nhân có liên quan đến việc phê duyệt đề án bảo vệ môi trường Khu công nghiệp Tằng Loỏng chậm 06 tháng so với quy định. |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|---|
| 61 | Bộ Tài nguyên và Môi trường | Kiểm toán NSĐP năm 2020 của tỉnh Bình Thuận | Rà soát xem xét thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản đối với các đơn vị nợ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo Khoản 1 Điều 58 Luật Khoáng sản 2010: Công ty Cổ phần khoáng sản Bentonite Minh Hà (MST 3400352749), Công ty TNHH đầu tư Sài Gòn (MST 0302643938). Phối hợp với UBND tỉnh Bình Thuận xử lý dứt điểm trường hợp đã được Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp phép nhưng chưa được tỉnh giao đất đối với Công ty TNHH khai thác chế biến khoáng sản Cát Tường (MST 305208570). |
| 62 | Bộ Thông tin và Truyền thông | Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2020 của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam | 1. Hướng dẫn chi tiết tiết b khoản 1 Điều 38 Nghị định 25/2011/NĐ-CP về giá cước dịch vụ viễn thông doanh nghiệp thống lĩnh thị trường có trách nhiệm đăng ký giá cước với cơ quan quản lý nhà nước theo khung giá cước (tối đa, tối thiểu) hay giá cước thực tế doanh nghiệp áp dụng đối với người sử dụng dịch vụ, làm căn cứ để các doanh nghiệp thực hiện thống nhất.<br>2. Công bố nội dung, điều, khoản cụ thể tại Thông tư số 47/2017/TT-BTTTT ngày 29/12/2017 đã hết hiệu lực, ngưng hiệu lực để các doanh nghiệp viễn thông có căn cứ pháp lý thực hiện hoạt động khuyến mại đối với dịch vụ thông tin di động mặt đất theo quy định. |
| 63 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Kiểm toán chuyên đề Dự án phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực tiểu vùng Mê Kông mở rộng | 1. Chỉ đạo Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Miền Trung và Tây Nguyên nghiêm túc thực hiện kiến nghị của KTNN.<br>2. Rút kinh nghiệm đối với những tồn tại trong công tác chỉ đạo điều hành như đã nêu trong Báo cáo kiểm toán. |
| 64 | Bộ Xây dựng | Kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn tài sản nhà nước năm 2020 Tổng công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị. | Chỉ đạo người đại diện vốn nhà nước của Bộ Xây dựng tại HUD tổ chức thực hiện đầy đủ kịp thời các kiến nghị của KTNN. |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|---|
| 65 | Bộ Xây dựng | Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư, kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách cấp của Ban Duy tu các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn (Sở NN&PTNT thành phố Hà Nội) giai đoạn 2015-2020 | Phối hợp để xem xét, sửa đổi, bổ sung hướng dẫn tại Thông tư 11/2021/TT-BXD và Thông tư số 03/2015/TT-BKH&ĐT để thống nhất nội dung hướng dẫn về các khoản mục chi phí tại tổng mức đầu tư, dự toán, giá gói thầu, bảng tổng hợp giá dự thầu… |
| 66 | Bộ Xây dựng | Chuyên đề việc quản lý quy hoạch, cấp phép xây dựng tại các đô thị giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi và Bình Định | Chỉ đạo Cục quản lý hoạt động xây dựng rút kinh nghiệm trong công tác thẩm định thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật khi tính toán chiều cao bãi đỗ xe ga ra cơ khí trong tầng hầm nhưng chưa tính đến chiều cao chiếm chỗ của các hệ thống điều hòa không khí, hệ thống đường ống chữa cháy, đường ống thoát nước và qua kết quả thực tế kiểm tra hiện trường cho thấy việc bố trí chỗ đỗ xe bằng cách lắp đặt gara cơ khí trong tầng hầm khi chiều cao tầng hầm bị hạn chế là không khả thi và không thể thực hiện được (Công trình TMS Luxury Hotel Quy Nhơn Beach, tại 28 Nguyễn Huệ; Công trình Tòa nhà hỗn hợp TM DV và Căn hộ Luxury Quy Nhơn tại 76 Trần Hưng Đạo, TP Quy Nhơn). |
| 67 | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2020 của Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam | 1. Tiếp tục thực hiện kiến nghị của KTNN trong Báo cáo kiểm toán năm 2018 cụ thể: Nghiên cứu, xây dựng lộ trình cụ thể để mở rộng mạng lưới Quỹ Tín dụng nhân dân (QTDND) tại các địa bàn còn thiếu QTDND theo hướng có sự tham gia của các cấp chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội nhằm hạn chế rủi ro, vi phạm đạo đức của cán bộ quản lý QTDND, đồng thời tạo điều kiện cho NHHT thực hiện đúng chức năng Ngân hàng của các QTDND.<br>2. Tăng cường thanh tra, giám sát các QTDND yếu kém, bị kiểm soát đặc biệt và các QTDND chưa chấp hành việc gửi tiền nhàn rỗi tại Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam mà gửi tiền tại các TCTD khác gây ảnh hưởng đến nhiệm vụ điều hòa vốn của Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam. |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|---|
| 68 | Tổng cục đường bộ Việt Nam | Dự án quản lý tài sản đường bộ Việt Nam (Dự án Vramp) và Dự án sửa chữa cầu Thăng Long | 1. Chỉ đạo Ban QLDA 3 và các đơn vị có liên quan khẩn trương hoàn thành việc xây dựng các định mức về thu thập dữ liệu đường bộ và bảo trì, nâng cấp đường bộ và sửa chữa cầu Thăng Long đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định và trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, ban hành.<br>2. Phê duyệt dự toán điều chỉnh gói thầu số 5 - Thi công xây dựng mặt cầu Thăng Long và gói thầu RAM/NC1: Thu thập dữ liệu trên cơ sở cập nhật lại khối lượng, định mức mới được ban hành và các tồn tại đã được nêu trong Báo cáo kiểm toán.<br>3. Chấn chỉnh, rút kinh nghiệm tập thể, cá nhân liên quan đối với các tồn tại trong công tác: Thẩm định và phê duyệt đầu tư dự án sửa chữa cầu Thăng Long, công tác thẩm định và phê duyệt thiết kế, dự toán đã nêu trong Báo cáo kiểm toán.<br>4. Chỉ đạo Ban QLDA 3 nghiêm túc thực hiện các kiến nghị kiểm toán như đã nêu trong Báo cáo kiểm toán. |
| 69 | Tổng cục Thuế | Báo cáo kiểm toán chuyên đề Công tác quản lý thu, việc thực hiện nghĩa vụ thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn thành phố Hà Nội và Chuyên đề công tác quản lý nhà nước tại Cục thuế liên quan đến việc hoàn thuế, miễn, giảm, giãn thuế, chống trốn thuế, chuyển giá năm 2020 trên địa bàn Thành phố Hà Nội | Nghiên cứu, xem xét ban hành quy trình thanh tra giao dịch liên kết; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết, tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan thuế địa phương tiến hành truy cập, sử dụng nguồn dữ liệu khi tiến hành các cuộc thanh tra giao dịch liên kết. |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|---|
| 70 | Tổng cục Thuế | Chương trình mục tiêu Phát triển kinh tế - xã hội các vùng giai đoạn 2016 - 2020 theo Quyết định số 1256/QĐ-TTg ngày 21/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ | Chỉ đạo các Cục thuế tỉnh kiểm tra, yêu cầu các doanh nghiệp tham gia thực hiện các dự án thuộc Chương trình trên địa bàn xuất hoá đơn đầy đủ, kịp thời khi có khối lượng nghiệm thu thanh toán đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành. |
| 71 | Tổng cục Thuế | Chương trình mục tiêu đầu tư hạ tầng theo Quyết định số 351/QĐ-TTg ngày 29/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ | Chỉ đạo các Cục thuế địa phương kiểm tra, đôn đốc các doanh nghiệp đã tham gia thực hiện các dự án thuộc Chương trình trên địa bàn phát hành hóa đơn GTGT, kê khai, nộp thuế kịp thời, xử lý vi phạm đúng với quy định. |
| 72 | Tổng cục Thuế | Dự án phát triển tổng hợp đô thị động lực Tiểu dự án đô thị Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa | Chỉ đạo Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa, Chi cục thuế Sầm Sơn kiểm tra, yêu cầu các đơn vị tham gia thực hiện Dự án xuất hóa đơn đầy đủ, kịp thời đối với khối lượng đã nghiệm thu đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành, số thuế GTGT chưa xuất hóa đơn tương ứng với khối lượng nghiệm thu thanh toán là 2.846,8trđ. |
| 73 | Tổng cục Thuế | Dự án phát triển tổng hợp đô thị động lực thành phố Thái Nguyên | Chỉ đạo Cục Thuế Thành phố Hà Nội kiểm tra, yêu cầu các đơn vị tham gia thực hiện Dự án xuất hóa đơn đầy đủ, kịp thời khi có khối lượng nghiệm thu thanh toán đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành, số thuế giá trị gia tăng chưa xuất hóa đơn tương ứng với khối lượng nghiệm thu thanh toán là 40,3trđ (nguyên tệ là 1.744 USD) giá trị thuế GTGT chưa xuất hóa đơn. |
| 74 | Tổng cục Thuế | 06 dự án tại Ban QLDA Đầu tư xây dựng công trình giao thông TP Hà Nội | Chỉ đạo Cục Thuế Hà Nội kiểm tra, rà soát tình hình phát hành hóa đơn GTGT và kê khai, thực hiện nghĩa vụ thuế GTGT của một số nhà thầu thực hiện các gói thầu của Dự án Đường 5 kéo dài chưa phát hành đầy đủ hóa đơn GTGT đối với giá trị khối lượng đã được nghiệm thu, thanh toán:<br>- Tổng giá trị nghiệm thu thanh toán chưa xuất hóa đơn: 80.338,9trđ;<br>- Tổng số tiền GTGT tương ứng là: 7.303,5 trđ. |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|---|
| 75 | Tổng cục Thuế | Kiểm toán NSĐP năm 2020 của tỉnh Quảng Nam | 1. Thực hiện thanh tra thuế (thời kỳ thanh tra từ năm 2014-2020) đối với Công ty CP Gami Hội An, tỉnh Quảng Nam, để làm rõ các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính nhiều dấu hiệu bất thường, rủi ro cao (*đi vay trong khi lại cho vay nhiều trăm tỷ đồng; có hoạt động bất động sản và chỉ tiêu phải trả khách hàng trên 2 nghìn tỷ đồng; báo cáo lỗ liên tục từ 2014 đến 2020 và không phát sinh khoản nộp nào vào NSNN về thuế GTGT, thuế TNDN*), nhưng từ năm 2014 đến nay chưa được Cục Thuế tiến hành thanh tra, kiểm tra về thuế trong thời gian dài.<br>2. Chỉ đạo Cục thuế tỉnh Quảng Nam chấn chỉnh việc ban hành Quyết định kiểm tra thuế tại trụ sở 05 DN nằm ngoài kế hoạch kiểm tra được Tổng cục Thuế phê duyệt và không thuộc đối tượng kiểm tra tại trụ sở NNT quy định tại điểm 1.6, khoản 1 mục II Quy trình kiểm tra thuế, trong khi phải điều chỉnh giảm kế hoạch 422 DN đã được phân tích có rủi ro.<br>3. Chỉ đạo ngành thuế tỉnh Quảng Nam xây dựng kế hoạch thanh, kiểm tra thuế đảm bảo mục tiêu, định hướng của Tổng cục Thuế. Đưa vào kế hoạch thanh tra đối với các DN có hoạt động giao dịch liên kết, doanh nghiệp lỗ nhiều năm vẫn đầu tư mở rộng; DN có phát sinh chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng DA và các DN nhiều năm chưa tiến hành thanh, kiểm tra về thuế và nghiêm túc triển khai thực hiện đầy đủ kế hoạch thanh tra, kiểm tra hàng năm được Tổng Cục thuế giao. |
| 76 | Tổng cục thuế | Kiểm toán NSĐP năm 2020 của tỉnh Bình Dương và Chuyên đề công tác quản lý thu, việc xử dụng nghĩa vụ thuế đối với các doanh nghiệp có giao dịch liên kết giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Bình Dương. | Tổ chức thanh tra việc thực hiện nghĩa vụ thuế đối với các doanh nghiệp có rủi ro khai thuế chưa đúng quy định, các doanh nghiệp không cung cấp đầy đủ hồ sơ tài liệu phục vụ việc đối chiếu thuế của KTNN. |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|---|
| 77 | Tổng cục Thuế | Kiểm toán NSĐP năm 2020 của tỉnh Phú Thọ | Thực hiện kiểm tra việc chấp hành pháp luật về thuế Bảo vệ môi trường ngoài niên độ đã được kiểm toán đối với Công ty TNHH Hải Linh (Mã số thuế 2600261303) và các công ty có liên quan: Công ty Xăng dầu Quân đội khu vực I (Mã số thuế 0100108688-024), Chi nhánh xăng dầu quân đội khu vực Tây Bắc - Công ty TNHH MTV Tổng công ty Xăng dầu Quân đội (Mã số thuế 0100108688-027), Công ty cổ phần Xăng dầu dầu khí Hà Nội (Mã số thuế 0105029292). |
| 78 | Ủy ban Quản lý vốn nhà nước | Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản Nhà nước năm 2020 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam | Tiếp tục chỉ đạo, hướng dẫn, giải quyết hoặc báo cáo Thủ tướng Chính phủ về một số nội dung:<br>1. Phê duyệt Đề án Tái cơ cấu Tập đoàn giai đoạn 2021-2025;<br>2. Xử lý, quyết toán Dự án Nhà máy Đạm Ninh Bình, Dự án cải tạo, mở rộng nhà máy sản xuất đạm Hà Bắc và Dự án nhà máy sản xuất phân bón DAP số 2 - Lào Cai đã hoàn thành tạm đưa vào sử dụng;<br>3. Xử lý tài chính liên quan đến dừng thực hiện dự án Muối mỏ tại Lào. |
| 79 | HĐND tỉnh Bình Dương | Kiểm toán NSĐP năm 2020 của tỉnh Bình Dương và Chuyên đề công tác quản lý thu, việc xử dụng nghĩa vụ thuế đối với các doanh nghiệp có giao dịch liên kết giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Bình Dương. | 1. Rà soát lại quy định về việc điều tiết nguồn thu ngân sách trên địa bàn tỉnh để áp dụng trong thời gian tới nhằm đảm bảo cấp xã được hưởng điều tiết đối với các khoản thu theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật NSNN năm 2015 và Điều 4 Thông tư số 344/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.<br>2. Khi thực hiện phê chuẩn quyết toán NSNN năm 2020 và quyết định dự toán các năm tiếp theo, HĐND tỉnh cần lưu ý các nhận xét, đánh giá của KTNN đối với việc quản lý, điều hành NSNN năm 2020 của UBND tỉnh; cùng các kiến nghị của KTNN về tăng thu, giảm chi; các khoản điều chỉnh thu, chi NSĐP… và kết luận của KTNN về số liệu thu, chi NSNN năm 2020. |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|---|
| 80 | HĐND tỉnh Lào Cai | Kiểm toán NSĐP năm 2020 của tỉnh Lào Cai và Chuyên đề hoạt động quản lý môi trường tại các Ban quản lý kinh tế và khu công nghiệp giai đoạn 2017-2021 trên địa bàn tỉnh Lào Cai | 1. Giám sát việc phân bổ nguồn tăng thu đối với các khoản thu tiền sử dụng đất và thu đóng góp khai thác khoáng sản tăng thu thực hiện 2020 so với dự toán năm 2020 là 374.054trđ.<br>2. Xem xét kết quả kiểm toán khi phê chuẩn báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Lào Cai.<br>3. Giám sát việc thực hiện kiến nghị kiểm toán của KTNN, công tác quản lý thu liên quan đến đất đai trên địa bàn tỉnh theo quy định. |
| 81 | HĐND tỉnh Phú Thọ | Kiểm toán NSĐP năm 2020 của tỉnh Phú Thọ | 1. Xem xét kết quả kiểm toán khi phê chuẩn báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Phú Thọ.<br>2. Giám sát việc thực hiện kiến nghị kiểm toán của KTNN, công tác quản lý thu liên quan đến thuế, phí bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh theo quy định. |
| 82 | HĐND tỉnh Yên Bái | Kiểm toán NSĐP năm 2020 của tỉnh Yên Bái | 1. Xem xét kết quả kiểm toán khi phê chuẩn báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Yên Bái.<br>2. Giám sát việc thực hiện kiến nghị kiểm toán của KTNN, công tác quản lý thu liên quan đến đất đai trên địa bàn tỉnh theo quy định. |
| 83 | HĐND tỉnh Sơn La | Kiểm toán NSĐP năm 2020 của tỉnh Sơn La | 1. Căn cứ kết quả kiểm toán khi phê chuẩn báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Sơn La.<br>2. Giám sát việc thực hiện kiến nghị kiểm toán của KTNN, công tác quản lý thu đối với hoạt động khai thác tài nguyên trên địa bàn tỉnh theo quy định. |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|---|
| 84 | HĐND tỉnh Điện Biên | Kiểm toán NSĐP năm 2020 của tỉnh Điện Biên | 1. Khi xây dựng Nghị quyết ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương đầu thời kỳ ổn định ngân sách, phải phù hợp với quy định tại điểm e khoản 9 điều 30 Luật NSNN.<br>2. Xem xét sử dụng kết quả kiểm toán khi phê chuẩn báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Điện Biên. Giám sát việc thực hiện kiến nghị kiểm toán của KTNN. |
| 85 | HĐND tỉnh Lai Châu | Kiểm toán NSĐP năm 2020 của tỉnh Lai Châu | 1. Sử dụng kết quả kiểm toán khi phê chuẩn báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Lai Châu.<br>2. Giám sát việc thực hiện kiến nghị kiểm toán của KTNN. |
| 86 | HĐND tỉnh Hà Giang | Kiểm toán NSĐP năm 2020 của tỉnh Hà Giang | Phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương năm 2020 theo quy định; đôn đốc và tổ chức giám sát việc thực hiện kết luận và kiến nghị của KTNN. |
| 87 | HĐND tỉnh Tuyên Quang | Kiểm toán NSĐP năm 2020 của tỉnh Tuyên Quang | Phê chuẩn quyết toán NSĐP năm 2020 theo quy định, đôn đốc và tổ chức giám sát việc thực hiện kết luận và kiến nghị của KTNN. |
| 88 | HĐND tỉnh Thái Nguyên | Kiểm toán NSĐP năm 2020 của tỉnh Thái Nguyên | 1. Giao UBND tỉnh và các đơn vị có liên quan tổ chức chấn chỉnh rút kinh nghiệm đối với tập thể, cá nhân trong việc:<br>- Tham mưu cho HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết phân bổ dự toán ngân sách năm 2020 trong đó yêu cầu ngân sách cấp huyện, thành phố sử dụng nguồn thu tiền sử dụng đất được hưởng theo phân cấp để thực hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trái với quy định tại điều 4 Nghị quyết số 38/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh Thái Nguyên quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2017-2020 dẫn đến phân bổ nguồn kinh phí không đúng với nhiệm vụ chi của các cấp ngân sách, Nghị quyết của HĐND tỉnh không được thực thi nghiêm túc, đầy đủ. |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|---|
| | | | - Tham mưu cho HĐND và UBND tỉnh phương án điều hành ngân sách cấp tỉnh cuối năm sử dụng nguồn tiết kiệm chi không tuân thủ thứ tự ưu tiên theo quy định tại khoản 2 Điều 59 Luật NSNN trong bối cảnh số thu ngân sách của tỉnh không đạt dự toán TW và HĐND tỉnh giao, tình hình dịch bệnh Covid-19 vẫn diễn biến phức tạp, khó lường.<br>2. Phê chuẩn quyết toán NSĐP năm 2020 theo quy định, đôn đốc và tổ chức giám sát việc thực hiện kết luận và kiến nghị của KTNN. |
| 89 | HĐND tỉnh Thái Nguyên | Chuyên đề việc quản lý quy hoạch, cấp phép xây dựng tại các đô thị giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên | 1. Tăng cường hoạt động giám sát theo chức năng và thẩm quyền đối với hoạt động quản lý quy hoạch, cấp phép xây dựng trên địa bàn tỉnh, trong đó lưu ý quy hoạch chi tiết chưa sát quy hoạch chung; không bố trí hoặc bố trí không đủ diện tích đất dành cho nhà ở xã hội; cấp giấy phép xây dựng cho các dự án chưa đảm bảo chỗ đỗ xe theo quy chuẩn xây dựng.<br>2. Giám sát việc tổ chức thực hiện các kiến nghị kiểm toán của UBND tỉnh và các đơn vị được kiểm toán (Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Thái Nguyên). |
| 90 | HĐND tỉnh Lạng Sơn | Kiểm toán NSĐP năm 2020 của tỉnh Lạng Sơn | Phê chuẩn quyết toán NSĐP năm 2020 theo quy định, đôn đốc và tổ chức giám sát việc thực hiện kết luận và kiến nghị của KTNN. |
| 91 | HĐND tỉnh Đắk Lắk | Kiểm toán NSĐP năm 2020 tỉnh Đắk Lắk | 1. Giám sát việc thực hiện kiến nghị của KTNN được nêu tại Báo cáo kiểm toán; khi giao dự toán ngân sách các năm sau và phê chuẩn quyết toán NSNN năm 2020 của tỉnh Đắk Lắk cần lưu ý đến ý kiến của KTNN tại Báo cáo kiểm toán.<br>2. Khi giao kế hoạch đầu tư công hằng năm phải đầy đủ danh mục, mức vốn cho từng dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 63 Luật ĐTC năm 2019.<br>3. Không ủy quyền cho Thường trực HĐND tỉnh thực hiện những nhiệm vụ mà Luật Tổ chức chính quyền địa phương và Luật Đầu tư công không cho phép ủy quyền. |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|---|
| 92 | UBND Thành phố Hà Nội | 06 dự án tại Ban QLDA Đầu tư xây dựng công trình giao thông Thành phố Hà Nội | 1. Chỉ đạo Ban QLDA Đầu tư xây dựng công trình giao thông thành phố Hà Nội thực hiện nghiêm túc các kết luận, kiến nghị kiểm toán;<br>2. Chỉ đạo Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông Thành phố Hà Nội và các đơn vị có liên quan khẩn trương giải quyết các vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng của các dự án để kịp thời đưa các dự án hoàn thành đúng tiến độ đã được phê duyệt;<br>3. Khẩn trương xem xét phê duyệt các định mức mới tại gói thầu 13 (dự án Đường 5 kéo dài) theo đề nghị tại Tờ trình số 266/TTrLS: XD-GTVT-TC-LĐTB&XH-BQLDACTGT ngày 24/10/2018 của Liên sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội phù hợp quy định của Nhà nước, làm cơ sở quyết toán hợp đồng với nhà thầu, quyết toán dự án hoàn thành; Chỉ đạo Ban QLDA Đầu tư xây dựng công trình giao thông Thành phố Hà Nội cùng các đơn vị có liên quan rà soát công tác nghiệm thu, thanh toán tại gói thầu 16 (Dự án Đường 5 kéo dài). |
| 93 | UBND Thành phố Hà Nội | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Đại học Quốc gia Hà Nội tại Hòa Lạc | Chỉ đạo các sở, ban, ngành liên quan và UBND huyện Thạch Thất, hỗ trợ Đại học Quốc gia Hà Nội tháo gỡ các vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng và xây dựng khu Tái định cư. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng khu Tái định cư sớm di chuyển người dân đến nơi ở ổn định bàn giao mặt bằng cho dự án. |
| 94 | UBND Thành phố Hà Nội | Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2020 của Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP | Chỉ đạo các cơ quan có liên quan kiểm tra, rà soát tính việc quản lý, sử dụng đất của Công ty Cổ phần Kim khí Hà Nội tại thửa đất số 163 Hà Huy Tập, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội để xử lý theo quy định của pháp luật. |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|---|
| 95 | UBND Thành phố Hồ Chí Minh | Dự án Nâng cấp, cải tạo đường và kênh Nước Đen (đoạn từ giáp cống hộp đến kênh Tham Lương), quận Bình Tân; Dự án Xây dựng cầu Tăng Long, Quận 9; Dự án Xây dựng cầu Ông Nhiêu trên đường Nguyễn Duy Trinh, Quận 9; Dự án Mở rộng, nâng cấp đường Tỉnh lộ 8 (từ cầu Kênh N31A đến ngã tư Tân Quy - Tỉnh lộ 15) | 1. Chỉ đạo Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan khẩn trương làm rõ nguyên nhân chậm giải phóng mặt bằng ảnh hưởng đến tiến độ thi công các dự án; thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án; tổ chức phê duyệt điều chỉnh tiến độ thi công Dự án Xây dựng cầu Ông Nhiêu và Dự án Xây dựng cầu Tăng Long, Quận 9.<br>2. Tổ chức rà soát, xem xét việc giao đích danh và phân công rõ ràng nhiệm vụ thực hiện công tác giải phóng mặt bằng cho UBND quận, huyện liên quan nhằm giảm bớt thủ tục, đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án (Dự án Xây dựng cầu Tăng Long, Quận 9; Dự án Xây dựng cầu Ông Nhiêu; Dự án Mở rộng, nâng cấp Tỉnh lộ 8). |
| 96 | UBND tỉnh Vĩnh Phúc | Dự án quản lý nguồn nước và ngập lụt Vĩnh Phúc; Dự án đầu tư xây dựng cầu Đầm Vạc, thành phố Vĩnh Yên | 1. Làm việc với Bộ Tài chính và nhà tài trợ để đẩy nhanh việc gia hạn Hiệp định vay Dự án Ngập lụt;<br>2. Có phương án xử lý phần diện tích và giá trị GPMB đã đền bù tương ứng với phần diện tích Bãi thải Đồng Mong đã bàn giao cho huyện Bình Xuyên và diện tích hồ Sáu Vó do đã chuyển sang thực hiện ở dự án khác để thu hồi vốn về cho Dự án Ngập lụt;<br>3. Xem xét điều chỉnh dự án, điều chỉnh TMĐT 02 Dự án sau khi đã kiểm tra, rà soát các nội dung theo kiến nghị của KTNN;<br>4. Có phương án xử lý về Công trình di chuyển đường điện 22KV qua bãi tập kết bùn nạo vét Đồng Mong (Dự án Ngập lụt) theo đúng quy định;<br>5. Khẩn trương chỉ đạo tổ chức lập thẩm định và phê duyệt bổ sung quy hoạch bãi đổ thải bùn đất để không ảnh hưởng đến tiến độ dự án Ngập lụt;<br>6. Trên cơ sở báo cáo của Ban QLDA sử dụng vốn vay nước ngoài, tỉnh Vĩnh Phúc liên quan tới việc xây dựng đường dây điện trung thế và trạm biến áp tại 02 Dự án, chỉ đạo thực hiện và xử lý theo quy định pháp luật; |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|---|
| | | | 7. Cân đối bố trí vốn từ ngân sách địa phương cho 02 Dự án đảm bảo theo quy định;<br>8. Rà soát, điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2021 của dự án cầu Đầm Vạc cho phù hợp với Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 05/7/2021;<br>9. Xem xét, có phương án xử lý khoản thu tiền sử dụng đất đã thu trong quá trình thực hiện Khu tái định cư được đầu tư trong Dự án cầu Đầm Vạc (14.400trđ) và phương án sử dụng 2 lô đất (200 $m^2$) theo quy định;<br>10. Chấn chỉnh, nghiêm túc rút kinh nghiệm đối với tập thể, cá nhân trong công tác thẩm định, phê duyệt dự án, điều chỉnh dự án; thẩm định, phê duyệt thiết kế - dự toán; công tác lập nhu cầu kế hoạch vốn hàng năm, việc chậm giải ngân vốn đầu tư công. |
| 97 | UBND tỉnh Bắc Ninh | Kiểm toán chuyên đề công tác quản lý nhà nước tại Tổng cục Thuế và các Cục Thuế liên quan đến việc hoàn thuế, miễn, giảm, giãn thuế, chống trốn thuế, chuyển giá năm 2020 | 1. Tiếp tục chỉ đạo các cơ quan liên quan rà soát, xác định trình tự, thủ tục thành lập KCN Tiên Sơn mở rộng (bao gồm khu vực gọi là Phân khu Tân Hồng - Hoàn Sơn), KCN Quế Võ mở rộng (bao gồm khu vực gọi là khu liền kề KCN Quế Võ và Khu phát triển KCN Quế Võ) đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật và nghĩa vụ tài chính với NSNN; Kiểm điểm, rút kinh nghiệm tập thể, cá nhân trong việc cấp giấy chứng nhận đầu tư cho các doanh nghiệp tại các Khu/Phân khu nêu trên khi chưa hoàn thiện thủ tục thành lập KCN theo quy định của pháp luật (nếu có); báo cáo kết quả thực hiện về KTNN.<br>2. Tiếp tục báo cáo Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành có liên quan về việc hoàn thiện các thủ tục thành lập KCN tại 03 khu/cụm công nghiệp: Cụm Tân Hồng - Hoàn Sơn (thuộc KCN Tiên Sơn mở rộng), khu liền kề (thuộc KCN Quế Võ mở rộng) và Khu phát triển (thuộc KCN Quế Võ) để giải quyết dứt điểm những vướng mắc cụ thể liên quan tới việc ưu đãi đầu tư, trên cơ sở đó có biện pháp tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp, tránh ảnh hưởng đến môi trường đầu tư trên địa bàn tỉnh. |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|---|
| 98 | UBND tỉnh Hòa Bình | Kiểm toán chuyên đề Chương trình "Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả" năm 2020 | - UBND tỉnh Hòa Bình chỉ đạo chủ đầu tư phối hợp cùng các cơ quan chuyên môn về xây dựng tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu khi hoàn thành công trình do Sở Y tế và Sở Giáo dục và đào tạo thực hiện;<br>- Bố trí vốn đối ứng theo quy định của Chương trình;<br>- Chỉ đạo các chủ đầu tư tăng cường công tác thực hiện hồ sơ quản lý chất lượng công trình. |
| 99 | UBND tỉnh Hà Tĩnh | Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2020 của Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP | Chỉ đạo các cơ quan chức năng kiểm tra việc triển khai dự án và sử dụng đất của Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam tại lô đất phía Bắc bến số 1- Cảng Vũng Áng, Khu kinh tế Vũng Áng, xã Kỳ Lợi, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh; trên cơ sở đó, xem xét xử lý theo quy định của pháp luật. |
| 100 | UBND tỉnh Hà Tĩnh | Kiểm toán NSĐP năm 2020 của tỉnh Hà Tĩnh | 1. Chỉ đạo các đơn vị chấn chỉnh, rút kinh nghiệm về những tồn tại do KTNN đã nêu.<br>2. Nâng cao chất lượng công tác lập, phân bổ dự toán thu, chi ngân sách, phù hợp các quy định của nhà nước và định mức chi thường xuyên theo nghị quyết của HĐND tỉnh. Chỉ đạo các đơn vị thực hiện đầy đủ và kịp thời các kết luận, kiến nghị của KTNN.<br>3. Rà soát, xem xét và báo cáo HĐND tỉnh để sửa đổi quy định về việc thực hiện quy định ký hợp đồng lao động theo Quyết định số 3604/QĐ-UBND ngày 24/11/2014 cho phù hợp với quy định hiện hành.<br>4. Chỉ đạo Sở Nội vụ và các ngành liên quan có giải pháp xử lý dứt điểm đối với biên chế dôi dư và việc ký hợp đồng chuyên môn tại một số huyện như KTNN đã nêu.<br>5. Chỉ đạo các cơ quan chức năng có phương án sắp xếp lại, xử lý xe ô tô dôi dư tại Sở Giáo dục và Đào tạo theo quy định;<br>6. Chỉ đạo Sở tài chính, Kho bạc nhà nước khi có báo cáo quyết toán thu chi ngân sách năm 2020 chính thức trình HĐND phê chuẩn, gửi KTNN 01 bộ theo quy định hiện hành, trong đó giải thích, thuyết minh số chênh lệch (nếu có) giữa báo cáo quyết toán chính thức và báo cáo do địa phương đã cung cấp cho KTNN khu vực II. |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|---|
| 101 | UBND tỉnh Thừa Thiên Huế | Kiểm toán NSĐP năm 2020 của tỉnh Thừa Thiên Huế | 1. Đề nghị UBND tỉnh Thừa Thiên Huế tiếp tục báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc gia hạn, giải ngân nguồn vốn sang năm 2021 với số tiền 31.899trđ, trong đó vốn dự phòng ngân sách trung ương 2018 sang năm 2021 đối với 03 dự án 10.207trđ; vốn ngân sách trung ương 2019 là 21.692trđ.<br>2. Chỉ đạo Sở Tài chính, Kho bạc nhà nước tỉnh kiểm tra, rà soát và thực hiện các thủ tục chi chuyển nguồn năm 2020 sang năm 2021 đúng quy định của luật NSNN và các văn bản hiện hành; đồng thời báo cáo KTNN, KTNN khu vực II. Khi có Báo cáo quyết toán thu chi ngân sách năm 2020 chính thức trình HĐND tỉnh phê chuẩn, thực hiện gửi 01 bộ về KTNN khu vực II theo quy định hiện hành, trong đó giải thích, thuyết minh rõ số liệu chênh lệch so với số quyết toán chưa chính thức do địa phương đã cung cấp cho KTNN khu vực II.<br>3. Chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, các huyện, thành phố, thị xã khi lập và giao dự toán, thực hiện bố trí tối thiểu 10% dự toán tiền sử dụng đất, tiền thuê đất để thực hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của Chính phủ. |
| 102 | UBND tỉnh Quảng Nam | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư một số dự án tại tỉnh Quảng Nam | Chỉ đạo chủ đầu tư và các đơn vị liên quan đẩy nhanh công tác GPMB và việc thực hiện đầu tư dự án nhằm đảm bảo tiến độ theo kế hoạch. |
| 103 | UBND tỉnh Tây Ninh | Kiểm toán chuyên đề công tác quản lý nhà nước tại Tổng cục Thuế và các Cục Thuế liên quan đến việc hoàn thuế, miễn, giảm, giãn thuế, chống trốn thuế, chuyển giá năm 2020 | Chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường, Công ty Cổ phần Cấp thoát nước rà soát thực hiện điều chỉnh Hợp đồng số 03/12/HĐ-TĐ ngày 13/12/2019 phù hợp với Quyết định gia hạn số 2531/QĐ-UBND ngày 22/11/2019 của UBND tỉnh Tây Ninh. |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|---|
| 104 | UBND thành phố Hải Phòng | Dự án đầu tư xây dựng cầu Rào 1 | 1. Chỉ đạo Ban QLDA ĐTXD các CTGT Hải Phòng rà soát Tổng mức đầu tư dự án và báo cáo UBND thành phố Hải Phòng để làm cơ sở quản lý dự án theo quy định;<br>2. Chỉ đạo các Chủ đầu tư giải phóng mặt bằng, Ban QLDA ĐTXD các CTGT Hải Phòng và các đơn vị có liên quan tập trung bố trí đủ nguồn lực và nhân lực đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, bàn giao kịp thời cho nhà thầu thi công, đảm bảo tiến độ chung của dự án. Xác định rõ nguyên nhân khách quan, chủ quan chậm bàn giao mặt bằng và xử lý trách nhiệm theo quy định;<br>3. Chỉ đạo Ban QLDA ĐTXD các CTGT Hải Phòng và các đơn vị có liên quan chấn chỉnh, rút kinh nghiệm đối với các tồn tại trong quá trình quản lý đầu tư dự án và thực hiện nghiêm túc các kiến nghị của KTNN. |
| 105 | UBND tỉnh Quảng Ninh | Dự án đường bao biển nối thành phố Hạ Long với thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; Dự án đường nối khu công nghiệp Cái Lân qua khu công nghiệp Việt Hưng đến đường cao tốc Hạ Long - Vân Đồn | 1. Chỉ đạo Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ninh, Trung tâp phát triển quỹ đất thành phố Hạ Long, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Cẩm Phả và các đơn vị liên quan thực hiện nghiêm túc kiến nghị của KTNN.<br>2. Chỉ đạo Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ninh và các đơn vị liên quan điều chỉnh tổng mức đầu tư theo kết luận, kiến nghị của KTNN; tổ chức phê duyệt theo quy định.<br>3. Chỉ đạo Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ninh và các đơn vị liên quan đẩy nhanh việc thực hiện đầu tư dự án nhằm đảm bảo tiến độ kế hoạch.<br>4. Chấn chỉnh, rút kinh nghiệm đối với công tác lập, thẩm định, phê duyệt tổng mức đầu tư còn tồn tại, sai sót với giá trị 12.931 trđ (cả 02 dự án). |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|---|
| 106 | UBND tỉnh Quảng Ninh | Dự án cầu Cửa Lục 3; Dự án đầu tư xây dựng Đường nối từ đường cao tốc Hạ Long - Hải Phòng (tại Km6+700) đến đường Tỉnh 388 - Giai đoạn 1 | 1. Chỉ đạo các đơn vị liên quan thực hiện nghiêm túc các kiến nghị của KTNN.<br>2. Chỉ đạo Chỉ đạo Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Quảng Ninh và các đơn vị liên quan điều chỉnh tổng mức đầu tư theo kết luận, kiến nghị của KTNN; tổ chức phê duyệt theo quy định.<br>3. Chấn chỉnh, rút kinh nghiệm trong công tác lập, thẩm định, phê duyệt dự án còn sai sót về tính toàn khối lượng trong tổng mức đầu tư với giá trị 6.469trđ (Dự án đầu tư xây dựng Đường nối từ đường cao tốc Hạ Long - Hải Phòng (tại Km6+700) đến đường Tỉnh 388 - Giai đoạn 1.<br>4. Chỉ đạo Chỉ đạo Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Quảng Ninh và các đơn vị liên quan rà soát Dự án cầu Cửa Lục 3, làm rõ những hạng mục liên quan đến việc sử dụng 2,78 ha rừng tự nhiên ngập mặn, đánh giá tính khả thi của việc chuyển đổi đất rừng sang mục đích thực hiện dự án để có giải pháp thi công, điều chỉnh tiến độ thi công hợp lý, trước mắt chưa thi công các hạng mục liên quan đến diện tích đất rừng này; có biện pháp để hạn chế tối đa tác động vào khu rừng liền kề, gần phạm vi dự án; các hoạt động triển khai Dự án tại khu vực có diện tích rừng cần chuyển mục đích sử dụng chỉ được triển khai khi hoàn thiện các thủ tục theo quy định; tổ chức triển khai thực hiện dự án phải thực hiện đúng, đầy đủ các quy định pháp luật về đất đai và các quy định của pháp luật khác có liên quan.<br>5. Chỉ đạo các đơn vị liên quan giải trình, bổ sung hồ sơ thủ tục, làm rõ ý kiến thẩm định của các Bộ về hồ sơ trình xin chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng để thực hiện Dự án cầu Cửa Lục 3.<br>6. Chấn chỉnh công tác quản lý các dự án đầu tư, kiểm soát chặt chẽ việc triển khai thi công các dự án có sử dụng đất rừng khi chưa được cấp có thẩm quyền cho phép chuyển đổi mục đích. |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|---|
| 107 | UBDN tỉnh Bắc Giang | Kiểm toán chuyên đề Chương trình "Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả" năm 2020 | 1. Bố trí vốn đối ứng theo quy định của Chương trình.<br>2. Chỉ đạo các chủ đầu tư tăng cường công tác thực hiện hồ sơ quản lý chất lượng công trình. |
| 108 | UBND tỉnh Yên Bái | Dự án phát triển tổng hợp đô thị động lực - Tiểu dự án thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái | 1. Chấn chỉnh rút kinh nghiệm đối với tồn tại trong phê duyệt tổng mức đầu tư; trong phê duyệt Kế hoạch đấu thầu đối với gói thầu TVGS.<br>2. Chỉ đạo Ban QLDA Đầu tư xây dựng tỉnh Yên Bái và các đơn vị có liên quan chấn chỉnh, rút kinh nghiệm đối với các tồn tại trong quá trình quản lý đầu tư dự án và thực hiện nghiêm túc các kiến nghị của KTNN. |
| 109 | UBND tỉnh Yên Bái | Kiểm toán chuyên đề Việc quản lý quy hoạch, cấp phép xây dựng thủy điện nhỏ giai đoạn 2016 - 2020 | Phối hợp với Bộ Công Thương, UBND tỉnh Sơn La và Chủ đầu tư dự án Nậm Trai 3 để xử lý dứt điểm tình trạng trùng vị trí quy hoạch, xây dựng giữa dự án thủy điện Nậm Trai 3 và dự án thủy điện Phin Hồ, tránh tình trạng khiếu kiện kéo dài của Nhà đầu tư. |
| 110 | UBND tỉnh Điện Biên | Chuyên đề Dự án phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực tiểu vùng Mê Kông mở rộng | 1. Chỉ đạo Ban Thực hiện dự án Phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực Tiểu vùng Mê Công mở rộng tỉnh Điện Biên nghiêm túc thực hiện kiến nghị của KTNN.<br>2. Phối hợp với các cơ quan có liên quan, giải quyết dứt điểm những vướng mắc trong việc thu hồi đất rừng để đảm bảo dự án được hoàn thành theo đúng tiến độ.<br>3. UBND tỉnh Điện Biên căn cứ sự cần thiết, yêu cầu về tiến độ thực hiện và giải ngân của dự án, giao cơ quan chuyên môn quản lý về đầu tư công rà soát, đề xuất phương án điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm vốn ngân sách địa phương, trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định tại Điều 67 của Luật Đầu tư công<br>4. Chỉ đạo Sở Giao thông vận tải tỉnh Điện Biên rút kinh nghiệm đối với những tồn tại, sai sót trong công tác thẩm định thiết kế, dự toán đã được nêu trong Báo cáo kiểm toán. |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|---|
| 111 | UBND tỉnh Sơn La | Kiểm toán chuyên đề Chương trình "Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả" năm 2020 | Chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo kịp thời đánh giá hiện trạng thực tế công trình nhà vệ sinh trường học để khắc phục, sửa chữa công trình có kết cấu nền, tường bị sụt, lún và nhà vệ sinh trường học có thiết bị, phụ kiện hư hỏng theo Kết luận của Thanh tra Sở Xây dựng; rút kinh nghiệm trong việc phê duyệt Báo cáo KTKT chưa ghi cụ thể hình thức tổ chức quản lý dự án |
| 112 | UBND tỉnh Phú Thọ | Kiểm toán chuyên đề Chương trình "Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả" năm 2020 | 1. Sớm có hướng dẫn cụ thể để chủ đầu tư bàn giao các công trình cấp nước cho đơn vị quản lý, vận hành, khai thác nhằm phát huy hiệu quả dự án; rút kinh nghiệm trong việc phê duyệt Báo cáo KTKT chưa ghi cụ thể hình thức tổ chức quản lý dự án.<br>2. Bố trí vốn đối ứng theo quy định của Chương trình. |
| 113 | UBND tỉnh Khánh Hòa | Kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn tài sản nhà nước năm 2020 Tổng công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị. | Chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục thuế tỉnh Khánh Hòa ký hợp đồng thuê đất và xác định tiền thuê đất đối với diện tích cho thuê đất thuộc Dự án Khu đô thị Phước Long và Dự án Khu biệt thự Nha Trang Seapark. |
| 114 | UBDN tỉnh Đồng Tháp | Hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư dự án bệnh viện đa khoa tỉnh Đồng Tháp | 1. Rà soát, phân bổ kế hoạch vốn từ nguồn ngân sách địa phương và vốn huy động khác theo cơ cấu nguồn vốn đầu tư của dự án đã được phê duyệt.<br>2. Báo cáo xin ý kiến Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án phù hợp với tình hình thực hiện dự án. Chỉ được quyết toán nguồn NSTW hỗ trợ có mục tiêu phân bổ năm 2021 khi đã được cấp có thẩm quyền cho phép.<br>3. Thực hiện đăng tải công khai giá trúng thầu mua sắm trang thiết bị y tế trên cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh và gửi về Bộ Y tế theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 65 Nghị định số 36/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế. |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|---|
| | | | 4. Chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp:<br>- Rà soát lại năng lực của các đơn vị thẩm định giá, có giải pháp chấn chỉnh công tác thẩm định giá trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định.<br>- Tăng cường kiểm tra, giám sát công tác lựa chọn nhà thầu để đảm bảo tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế theo quy định tại khoản 12 Điều 4 Luật Đấu thầu.<br>5. Chấn chỉnh rút kinh nghiệm đối với tập thể, cá nhân liên quan trong các công tác: thẩm định, phê duyệt thiết kế-dự toán; phân bổ kế hoạch vốn đầu tư. |
| 115 | UBDN tỉnh Trà Vinh | Hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư của dự án Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh | 1. Báo cáo xin ý kiến Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án phù hợp với tình hình thực hiện dự án. Chỉ được quyết toán nguồn NSTW hỗ trợ có mục tiêu phân bổ năm 2021 khi đã được cấp có thẩm quyền cho phép.<br>2. Thực hiện đăng tải công khai giá trúng thầu mua sắm trang thiết bị y tế trên cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh và gửi về Bộ Y tế theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 65 Nghị định số 36/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế. |
| 116 | UBND tỉnh Lâm Đồng, Ninh Thuận | Kiểm toán chuyên đề Chương trình "Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả" năm 2020 | Chỉ đạo các chủ đầu tư tăng cường công tác thực hiện hồ sơ quản lý chất lượng công trình |
| 117 | UBND tỉnh Tuyên Quang | Kiểm toán chuyên đề Chương trình "Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả" năm 2020 | Chỉ đạo Trung Tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn và các đơn vị liên quan khẩn trương thực hiện giải quyết dứt điểm công tác giải phòng mặt bằng phục vụ thi công các công trình đảm bảo tiến độ Dự án |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|---|
| 118 | UBND tỉnh Thái Nguyên | Dự án phát triển tổng hợp đô thị động lực thành phố Thái Nguyên | 1. Phê duyệt điều chỉnh Tổng mức đầu tư theo kết luận của KTNN.<br>2. Chỉ đạo UBND thành phố Thái Nguyên và các đơn vị có liên quan: (i) Lập, thẩm định, phê duyệt các phương án đền bù giải phóng mặt bằng đảm bảo theo quy định; (ii) Tập trung bố trí đủ nguồn lực về vốn đối ứng và nhân lực đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, bàn giao kịp thời cho các nhà thầu thi công, đảm bảo tiến độ chung của dự án.<br>3. Chấn chỉnh rút kinh nghiệm đối với các tồn tại trong: (i) Phê duyệt tổng mức đầu tư, tổng mức đầu tư điều chỉnh cho một số hạng mục chi phí của dự án thuộc phạm vi sử dụng nguồn vốn đối ứng nhưng dùng nguồn vốn vay để chi trả; (ii) Đưa một số chi phí thuộc phạm vi sử dụng nguồn vốn đối ứng vào Hiệp đinh; (iii) Thực hiện việc cấp phát vốn vay lại hàng năm cho dự án nhưng chưa giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn đối với phần vốn vay lại giai đoạn 2016-2020. |
| 119 | UBND tỉnh Thái Nguyên | Kiểm toán Chuyên đề công tác quản lý nhà nước tại Tổng cục Thuế và các Cục Thuế liên quan đến việc hoàn thuế, miễn, giảm, giãn thuế, chống trốn thuế, chuyển giá năm 2020 | Chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường, Tổng công ty CP Xây dựng công nghiệp Việt Nam và Công ty TNHH Xi măng Quang Sơn rà soát, ký lại hợp đồng cho Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn thuê đất đảm bảo tính đầy đủ hợp lý, hợp pháp theo quy định của pháp luật. |
| 120 | UBND tỉnh Thái Nguyên | Kiểm toán chuyên đề Chương trình "Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả" năm 2020 | 1. UBND tỉnh Thái Nguyên khẩn trương phê duyệt điều chỉnh Văn kiện của tỉnh làm cơ sở cho các đơn vị tổ chức thực hiện Chương trình theo quy định<br>2. Thực hiện trả lãi vay, phí cam kết kịp thời theo đúng Thỏa thuận vay lại giữa UBND tỉnh và Bộ Tài chính theo quy định (Đắk Nông, Thái Nguyên).<br>3. Bố trí vốn đối ứng theo quy định của Chương trình<br>4. Chỉ đạo các chủ đầu tư tăng cường công tác thực hiện hồ sơ quản lý chất lượng công trình. |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|---|
| 121 | UBND tỉnh Hà Giang | Kiểm toán hoạt động quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đường bộ giai đoạn 2019 - 2020 | Đề nghị UBND tỉnh Hà Giang khẩn trương phê duyệt đề án giải thể Quỹ Bảo trì đường bộ Hà Giang theo hiệu lực thực hiện của Nghị định số 09/2020/NĐ-CP. |
| 122 | UBND tỉnh Hà Giang | Kiểm toán chuyên đề Chương trình "Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả" năm 2020 | Chỉ đạo các chủ đầu tư tăng cường công tác thực hiện hồ sơ quản lý chất lượng công trình. |
| 123 | UBND tỉnh Tiền Giang | Dự án đầu tư xây dựng công trình đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận giai đoạn 1 theo hình thức hợp đồng BOT | 1. Chỉ đạo Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Tiền Giang thực hiện nghiêm túc các kết luận, kiến nghị kiểm toán.<br>2. Tiếp tục đề xuất Thủ tướng Chính phủ xem xét cho phép gia hạn thời gian giải ngân nguồn vốn NSNN hỗ trợ còn lại 345.224trđ chưa được giải ngân vào Dự án.<br>3. Chỉ đạo các đơn vị liên quan đẩy nhanh tiến độ thực hiện để hoàn thành dự án đến ngày 30/11/2021 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 2671/VPCP-CN ngày 20/4/2021.<br>4. Chỉ đạo Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận khẩn trương trình Bộ Giao thông vận tải thẩm định dự toán các gói thầu: XL21, XL22, XL23, XL26, XL27, XL28.<br>5. Phối hợp cùng Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận và các cơ quan chức năng khẩn trương hoàn thành công tác GPMB phục vụ công tác thi công, đảm bảo tiến độ dự án. |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|---|
| | | | 6. Chỉ đạo Đại diện cơ quan nhà nước có thẩm quyền và Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận rà soát các nội dung của Hợp đồng BOT, tổ chức đàm phán, thương thảo và điều chỉnh hợp đồng phù hợp với Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng và các quy định khác có liên quan (nếu cần thiết).<br>7 Tiếp tục đề nghị Bộ Giao thông vận tải xem xét có ý kiến đối với đề án thu phí của tuyến cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương để kết nối đồng bộ với hệ thống thu phí của Dự án, sớm đưa dự án vào khai thác, sử dụng. |
| 124 | UBDN tỉnh Tiền Giang | Hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư dự án bệnh viện đa khoa tỉnh Tiền Giang | 1. Thực hiện phân bổ dự toán để thu hồi hết số đã ứng trước theo quy định tại khoản 1 Điều 57 Luật NSNN năm 2015; bố trí nguồn vốn hoàn trả chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, chi phí san lấp mặt bằng ngoài phạm vi dự án được phê duyệt.<br>2. Chấn chỉnh rút kinh nghiệm trong việc phân bổ vốn chuẩn bị đầu tư không có trong kế hoạch trung hạn được phê duyệt; chưa thực hiện quy định tại khoản 4 Điều 65 Nghị định số 36/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế; công tác trình phê duyệt chủ trương đầu tư và phê duyệt dự án đầu tư. |
| 125 | UBND tỉnh Vĩnh Long | Dự án mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam - Tiểu dự án thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long | 1. Chỉ đạo các đơn vị có liên quan thực hiện đầy đủ, kịp thời các kiến nghị của KTNN.<br>2. Chỉ đạo Ban quản lý dự án ODA tỉnh Vĩnh Long phối hợp với các đơn vị liên quan làm rõ nguyên nhân chủ quan, khách quan dẫn đến chậm tiến độ thi công dự án và trách nhiệm của các bên liên quan. Đồng thời có biện pháp đẩy nhanh tiến độ thi công đảm bảo hoàn thành dự án theo kế hoạch đề ra.<br>3. Chỉ đạo các đơn vị có liên quan rà soát lại thủ tục trình và phê duyệt dự án đang có sự không thống nhất về phương án sử dụng vật liệu kè cải tạo các sông Kênh Cụt và sông Cầu Lầu để điều chỉnh lại cho phù hợp, đảm bảo hiệu quả đầu tư. |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|---|
| | | | 4. Chỉ đạo Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với các bên liên quan tổ chức rà soát làm rõ nguyên nhân và trách nhiệm của tập thể và cá nhân liên quan đến những tồn tại trong các khâu: trình phê duyệt dự án, thẩm tra, thẩm định thiết kế, dự toán.<br>5. Rút kinh nghiệm đối với các tồn tại trong công tác phê duyệt dự án, tổng mức đầu tư và dự toán; công tác xây dựng kế hoạch vốn, ký hợp đồng vay chậm so với quy định. |
| 126 | UBND tỉnh An Giang | Dự án mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam - Tiểu dự án thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang | 1. Chỉ đạo các đơn vị các liên quan thực hiện đầy đủ, kịp thời các kiến nghị của KTNN.<br>2. Chỉ đạo Ban quản lý dự án nâng cấp đô thị thành phố Long Xuyên và các đơn vị liên quan phối hợp: Đẩy nhanh tiến độ công tác giải phóng, bàn giao mặt bằng; đẩy nhanh tiến độ thi công các hạng mục công trình giai đoạn 1; sớm triển khai thực hiện giai đoạn 2 của dự án để đảm bảo dự án hoàn thành trong năm 2023 như kế hoạch đã đề ra.<br>3. Tổ chức chấn chỉnh rút kinh nghiệm đối với các tồn tại, hạn chế: Công tác thẩm định, phê duyệt điều chỉnh dự án, dự toán các gói thầu còn một số tồn tại, sai sót; phân bổ, giao kế hoạch vốn hàng năm cho dự án chưa phù hợp tình hình thực hiện dự án phải điều chỉnh giảm, kéo dài sang năm sau. |
| 127 | UBND tỉnh Sóc Trăng | Dự án mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam - Tiểu dự án thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 1. Chỉ đạo Ban QLDA 1 tỉnh Sóc Trăng và các đơn vị có liên quan thực hiện nghiêm túc các kiến nghị của KTNN.<br>2. Phê duyệt điều chỉnh TMĐT theo kết luận, kiến nghị của KTNN; trong đó lưu ý rà soát, tính toán lại các chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí quản lý dự án, dự phòng phù hợp với quy định.<br>3. Rút kinh nghiệm đối với những tồn tại trong công tác thẩm định và phê duyệt dự án, tổng mức đầu tư và dự toán; công tác xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; ký Hợp đồng vay chậm so với quy định.<br>4. Chỉ đạo Ban QLDA 1 tỉnh Sóc Trăng và các bên liên quan đẩy nhanh tiến độ Dự án, rà soát làm rõ nguyên nhân chậm tiến độ các gói thầu thuộc dự án để có căn cứ gia hạn tiến độ và xử lý các nội dung khác liên quan theo quy định. |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|---|
| 128 | UBND tỉnh Ninh Bình | Hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư các dự án đường bộ ven biển Việt Nam qua địa bàn 4 tỉnh: Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình và Thanh Hóa theo Quyết định số 129/QĐ-TTg ngày 18/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ (Đoạn qua tỉnh Ninh Bình) | 1. Chấn chỉnh, rút kinh trong việc thẩm định chủ trương điều chỉnh dự án, phê duyệt điều chỉnh dự án không phù hợp với quy định tại Điều 43 Luật Đầu tư công.<br>2. Chỉ đạo các cơ quan có liên quan kiểm tra, rà soát việc điều chỉnh chủ trương đầu tư, điều chỉnh dự án đầu tư theo đúng quy định của pháp luật, báo cáo HĐND kết quả kiểm tra rà soát để HĐND có cơ sở điều chỉnh chủ trương đầu tư, điều chỉnh dự án đầu tư theo quy định của pháp luật (nếu có). |
| 129 | UBND tỉnh Thái Bình | Hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư các dự án đường bộ ven biển Việt Nam qua địa bàn 4 tỉnh: Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình và Thanh Hóa theo Quyết định số 129/QĐ-TTg ngày 18/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ (Đoạn qua tỉnh Thái Bình) | 1. Thực hiện các kết luận, kiến nghị tại Thông báo kết quả kiểm toán số 446/TB-KTNN ngày 05/5/2021 của KTNN đối với kết quả kiểm toán Dự án đường ven biển tỉnh Thái Bình (đợt 1).<br>2. Chấn chỉnh rút kinh nghiệm trong việc cho phép UBND huyện Thái Thuỵ dừng triển khai dự án khu tái định cư tại xã Thuỵ Hà và yêu cầu xây dựng khu tái định cư tại vị trí mới làm chậm tiến độ giải phóng mặt bằng dự án tuyến đường bộ ven biển tỉnh Thái Bình.<br>3. Báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tiến độ thực hiện dự án theo Hợp đồng BOT và kinh phí phát sinh trong quá trình triển khai, thực hiện dự án (trong đó lưu ý kinh phí phát sinh phần GPMB đối với việc thu hồi, đền bù, hỗ trợ đất hành lang an toàn giao thông).<br>4. Tiếp tục chỉ đạo đơn vị có liên quan kiểm tra, rà soát tính tiền bảo vệ phát triển đất trồng lúa theo quy định tại Nghị định 35/2015/NĐ-CP và Nghị định 62/2019/NĐ-CP đối với diện tích đất chuyên trồng lúa thu hồi để thực hiện dự án.<br>5. Tiếp tục chỉ đạo UBND 02 huyện Tiền Hải và Thái Thụy có giải pháp xử lý dứt điểm công tác GPMB để bàn giao mặt bằng cho Nhà đầu tư theo đúng tiến độ. |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|---|
| | | | 6. Chỉ đạo Thanh tra tỉnh thực hiện thanh tra việc điều chỉnh đơn giá đất cụ thể làm căn cứ tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất ở và phê duyệt giá đất cụ thể làm căn cứ tính tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư thực hiện Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ ven biển tỉnh Thái Bình (lưu ý các trường hợp tại xã Nam Hưng, huyện Tiền Hải).<br>7. Ban hành quy định về diện tích đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp không phải là đất ở của các hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng khi Nhà nước thu hồi đất mà phần diện tích đất còn lại của thửa đất sau thu hồi không đủ điều kiện tiếp tục sử dụng. |
| 130 | UBND tỉnh Thanh Hóa | Dự án phát triển tổng hợp đô thị động lực Tiểu dự án đô thị Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa | 1. Có phương án đối với nguồn vốn GPMB tăng cao so với số vốn trong tổng mức đầu tư đã được duyệt; bố trí đủ nguồn vốn ngân sách địa phương để thực hiện dự án đúng tiến độ đề ra.<br>2. Chỉ đạo Ban QLDA đầu tư xây dựng khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp Thanh Hóa và các đơn vị có liên quan tập trung, khẩn trương hoàn thiện và trình thẩm định, phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư. Trên cơ sở chủ trương đầu tư được điều chỉnh tiến hành lập thẩm định và phê duyệt thiết kế cơ sở điều chỉnh, dự án đầu tư điều chỉnh để làm cơ sở thực hiện dự án.<br>3. Chỉ đạo Ban QLDA đầu tư xây dựng khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp Thanh Hóa, UBND thị xã Nghi Sơn và các đơn vị có liên quan tập trung bố trí đủ nguồn lực và nhân lực đẩy nhanh tiến độ GPMB, bàn giao kịp thời cho các nhà thầu thi công, đảm bảo tiến độ chung của dự án. Xác định rõ nguyên nhân khách quan, chủ quan chậm bàn giao mặt bằng và xử lý trách nhiệm theo quy định.<br>4. Chấn chỉnh rút kinh nghiệm đối với tồn tại trong phê duyệt tổng mức đầu tư, trong phê duyệt Kế hoạch đấu thầu đối với gói thầu TVGS.<br>5. Chỉ đạo Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp Thanh Hóa và các đơn vị có liên quan chấn chỉnh, rút kinh nghiệm đối với các tồn tại trong quá trình quản lý đầu tư dự án và thực hiện nghiêm túc các kiến nghị của KTNN. |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|---|
| 131 | UBND tỉnh Thanh Hoá | Hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư các dự án đường bộ ven biển Việt Nam qua địa bàn 4 tỉnh: Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình và Thanh Hóa theo Quyết định số 129/QĐ-TTg ngày 18/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ (Đoạn qua tỉnh Thanh Hóa) | 1. Chấn chỉnh rút kinh nghiệm đối với các tồn tại trong công tác phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi.<br>2. Chỉ đạo các Chủ đầu tư nghiên cứu có phương án giảm chiều dài cầu Thạch Châu và cầu Đông Lưu phù hợp với kết quả tính toán thủy văn, quy định Luật số 60/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng chống thiên tai và Luật Đê điều và các quy định liên quan khác để tiết giảm chi phí đầu tư; phê duyệt điều chỉnh báo cáo nghiên cứu đối với Dự án Đầu tư xây dựng Tuyến đường bộ ven biển đoạn Hoằng Hóa - Sầm Sơn và đoạn Quảng Xương - Tĩnh Gia.<br>3. Chỉ đạo đơn vị có liên quan kiểm tra, rà soát tính tiền bảo vệ phát triển đất trồng lúa theo quy định tại Nghị định 35/2015/NĐ-CP và Nghị định 62/2019/NĐ-CP đối với diện tích đất chuyên trồng lúa thu hồi để thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ ven biển đoạn Hoằng Hóa - Sầm Sơn và đoạn Quảng Xương - Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn), tỉnh Thanh Hóa theo hình thức đối tác công tư.<br>4. Bố trí vốn đầu tư phần ngân sách địa phương đảm bảo theo tiến độ được duyệt. |
| 132 | UBDN tỉnh Đắk Lắk | Kiểm toán chuyên đề Chương trình "Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả" năm 2020 | UBND tỉnh Đắk Lắk điều chỉnh giảm vốn vay lại năm 2020 số tiền 2.000trđ tương ứng với tỷ lệ giảm vốn nước ngoài cấp phát từ NSTW phân bổ cho hợp phần cấp nước theo quy định. |
| 133 | UBDN tỉnh Đắk Nông | Kiểm toán chuyên đề Chương trình "Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả" năm 2020 | 1. Thực hiện trả lãi vay, phí cam kết kịp thời theo đúng Thỏa thuận vay lại giữa UBND tỉnh và Bộ Tài chính theo quy định (Đắk Nông, Thái Nguyên).<br>2. Chỉ đạo các chủ đầu tư tăng cường công tác thực hiện hồ sơ quản lý chất lượng công trình. |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|---|
| 134 | UBND tỉnh Kon Tum | Kiểm toán chuyên đề Chương trình "Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả" năm 2020 | Chỉ đạo các chủ đầu tư tăng cường công tác thực hiện hồ sơ quản lý chất lượng công trình. |
| 135 | UBND tỉnh Kon Tum | Kiểm toán NSĐP năm 2020 của tỉnh Kon Tum | Chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các sở, ban, ngành xây dựng cơ sở dữ liệu thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành phục vụ công tác quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết theo quy định tại khoản 8 Điều 21 Nghị định số 132/2020/NĐ-CP. |
| 136 | UBND tỉnh Đồng Nai | Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2020 của Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP | Chỉ đạo các cơ quan chức năng kiểm tra việc ký kết hợp đồng cho thuê lại đất theo hình thức trả tiền một lần cho toàn bộ thời gian thuê đối với đất có nguồn gốc Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm tại xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch của Công ty cổ phần Đầu tư Vinatex Tân Tạo, trong đó có diện tích đất cho Công ty cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam thuê lại; trên cơ sở đó, xử lý và hướng dẫn các doanh nghiệp thực hiện theo pháp luật về đất đai. |
| 137 | UBND tỉnh Đồng Nai | Kiểm toán chuyên đề công tác quản lý nhà nước tại Tổng cục Thuế và các Cục Thuế liên quan đến việc hoàn thuế, miễn, giảm, giãn thuế, chống trốn thuế, chuyển giá năm 2020 | 1. Chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp cung cấp thông tin để xác định tiền thuê đất theo giá mới ban hành đối với các Hợp đồng thuê đất đã hết thời gian ổn định 5 năm theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Thông tư 156/2013/TT-BTC và Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT-BTC-BTNMT.<br>2. Chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Tài chính phối hợp với Cục Thuế tỉnh Đồng Nai thực hiện kiểm tra, xác định việc đáp ứng các tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn do Thủ tướng Chính phủ quyết định của cơ sở thực hiện xã hội hóa tại thời điểm dự án hoàn thành đưa vào hoạt động theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 59/2014/NĐ-CP. |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|---|
| 138 | UBND tỉnh Bình Thuận | Kiểm toán chuyên đề Chương trình "Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả" năm 2020 | Bố trí vốn đối ứng theo quy định của Chương trình. |
| 139 | UBND các tỉnh Kiên Giang, Quảng Ngãi, Trà Vinh | Chương trình mục tiêu đầu tư hạ tầng theo Quyết định số 351/QĐ-TTg ngày 29/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ | Đề nghị UBND các tỉnh Kiên Giang, Quảng Ngãi, Trà Vinh chấn chỉnh, rút kinh nghiệm đối với việc không giải ngân hết kế hoạch vốn năm 2020, không đảm bảo tuân thủ chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29/5/2020. |
| 140 | UBND các tỉnh Bạc Liêu, Sóc Trăng, An Giang, Cà Mau | Kiểm toán Dự án chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững đồng bằng sông Cửu Long (ICRSL-WB9) | 1. UBND các tỉnh Bạc Liêu, Sóc Trăng, An Giang, Cà Mau chỉ đạo các chủ đầu tư, các Ban QLDA và các đơn vị có liên quan thực hiện nghiêm túc kiến nghị của Kiểm toán nhà nước tại các nội dung của Báo cáo kiểm toán.<br>2. UBND các tỉnh Bạc Liêu, Sóc Trăng, An Giang, Cà Mau chỉ đạo các chủ đầu tư, các Ban QLDA và các đơn vị có liên quan đẩy nhanh tiến độ thực hiện các Tiểu dự án.<br>3. UBND các tỉnh Bạc Liêu, Sóc Trăng rút kinh nghiệm trong việc phê duyệt Tiểu dự án, Tiểu dự án điều chỉnh.<br>4. UBND tỉnh An Giang rút kinh nghiệm trong việc phê duyệt tổng mức đầu tư.<br>5. UBND tỉnh Cà Mau rút kinh nghiệm trong việc phê duyệt thiết kế cơ sở. |
| 141 | Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam | Chuyên đề Hệ thống/dự án công nghệ thông tin của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các đơn vị trực thuộc | 1. Rút kinh nghiệm đối với việc chậm tiến độ trong công tác lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc Dự án FSMIMS.<br>2. Báo cáo NHNN, làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để xem xét ban hành các văn bản pháp lý cho phép Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam thực hiện nhiệm vụ chấm điểm xếp hạng tổ chức tín dụng và tính tỷ lệ phí bảo hiểm trên cơ sở các quy định của pháp luật, để hệ thống trong khuôn khổ Dự án FSMIMS có thể hoạt động chính thức và hiệu quả. |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|---|
| 142 | Trung tâm Thông tin tín dụng Quốc gia | Chuyên đề Hệ thống/dự án công nghệ thông tin của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các đơn vị trực thuộc | 1. Có biện pháp nâng cao nhận thức về an toàn bảo mật, chấp hành nghiêm các quy định của NHNN liên quan đến quản trị, quản lý, an toàn thông tin đảm bảo an toàn thông tin đối với CSDL quốc gia về thông tin tín dụng.<br>2. Chấn chỉnh công tác quản trị CNTT đối với các tồn tại đã nêu bao gồm ban hành các quy trình kiểm tra, xử lý sự cố đối với hệ thống mạng, quy trình sao lưu, phục hồi dữ liệu, quy trình giám sát hoạt động hệ thống; hoàn thiện danh sách hệ thống thông tin cần sao lưu; định kỳ thực hiện lập kế hoạch triển khai bảo đảm hoạt động liên tục, xây dựng kịch bản chuyển đổi từ hệ thống chính sang hệ thống dự phòng và định kỳ thực hiện kiểm tra; xây dựng và triển khai cơ chế xác thực một lần đối với các tài khoản nội bộ của CIC; thực hiện rà soát và có biện pháp kiểm soát đối với việc thay đổi mật khẩu định kỳ theo quy định.<br>3. Tổ chức rà soát, đánh giá và ban hành các quy định về yêu cầu phát triển, cơ chế kiểm soát nhằm thực hiện giám sát quản lý đối với các phần mềm bổ trợ từ nguồn phát triển nội bộ và các phần mềm do đầu tư/mua sắm từ bên ngoài khi tích hợp vào hệ thống công nghệ thông tin lõi, đảm bảo giảm thiểu rủi ro trong việc mất an toàn bảo mật dữ liệu hệ thống.<br>4. Xây dựng và ban hành quy định về chức danh tác nghiệp để làm căn cứ thống nhất cho công tác phân quyền tài khoản theo từng vị trí công việc phù hợp; tổ chức rà soát toàn bộ việc phân quyền truy cập, xử lý và hiệu chỉnh dữ liệu trong kho dữ liệu chuẩn của hệ thống đối với các tài khoản nội bộ của CIC, đảm bảo tính toàn vẹn và chính xác của dữ liệu thông tin tín dụng của CIC.<br>5. Xem xét cải tiến quy trình quản lý, phân quyền tài khoản trên hệ thống CNTT đảm bảo tính độc lập, tính nhất quán, chính xác, có kiểm soát giữa bộ phận cấp quyền và bộ phận nghiệp vụ trong công tác quản lý tài khoản trên hệ thống CNTT. |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|---|
| | | | 6. Chấn chỉnh, nghiêm túc thực hiện quy định về quản lý, giám sát quyền hạn đối với cơ sở dữ liệu của các tài khoản đặc quyền theo quy định.<br>7. Xem xét bổ sung chốt kiểm soát đối với các hoạt động xem/ truy xuất dữ liệu bất thường căn cứ vào chức danh tác nghiệp của từng tài khoản và phân công nhiệm vụ phù hợp, đảm bảo bảo mật dữ liệu và an toàn thông tin tín dụng.<br>8. Xem xét, đánh giá và bổ sung, chỉnh sửa các bất cập về thiết kế kiểm soát hệ thống thông tin đối với việc phê duyệt, hiệu chỉnh các ứng dụng về quản lý nghiệp vụ đảm bảo quản lý đầy đủ, chính xác và toàn vẹn về thông tin tín dụng của khách hàng.<br>9. Đối với trường hợp các tài khoản đặc quyền và phân quyền không đúng quy định với tài khoản "C02ngoc": đề nghị rà soát lại toàn bộ thao tác đến dữ liệu hệ thống trong thời gian phân quyền sai, thời gian không kiểm soát. Trong trường hợp phát hiện sai phạm đề nghị kiểm điểm, xử lý trách nhiệm tập thể, cá nhân theo đúng quy định.<br>10. Khẩn trương lập Quyết toán Dự án "Hệ thống hỗ trợ khách hàng tại CIC" trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo các quy định tại Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn nhà nước. |
| 143 | Tổng cục Hải quan | Báo cáo quyết toán NSĐP năm 2020 của tỉnh Quảng Ngãi | Đề nghị Tổng cục Hải quan thiết lập phần mềm Kế toán thuế tập trung để hệ thống không tự động cấn trừ số tiền nợ thuế tại các tài khoản TK 131, TK 137, TK 133 nhằm làm cho bảng cân đối tài khoản kế toán thể hiện được số tiền nợ thuế còn phải thu đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. |
| 144 | Tập đoàn Dầu khí Việt Nam | Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng và tài sản nhà nước năm 2020 của Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau | Sớm xem xét và phê duyệt quyết toán cổ phần hóa Công ty mẹ PVCFC đảm bảo tiến độ quy định; đối chiếu xác nhận và xử lý công nợ với PVCFC. |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|---|
| 145 | Tập đoàn Dầu khí Việt Nam | Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2020 của Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP | 1. Thông qua người đại diện phần vốn của PVN tại TCT Phân bón và Hóa chất dầu khí - CTCP chỉ đạo Tổng Công ty làm việc với Công ty CP Kinh doanh khí hóa lỏng miền Bắc giải quyết dứt điểm việc thực hiện hợp đồng góp vốn đầu tư Tổng kho Đà Nẵng.<br>2. Tiếp tục báo cáo các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc xác định giá khí của TCT Phân bón và Hóa chất dầu khí - CTCP và Tổng công ty khí Việt Nam - CTCP giai đoạn từ năm 2014-2018 để giải quyết theo quy định của pháp luật. |
| 146 | Tập đoàn Dầu khí Việt Nam | Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2020 của Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP | 1. Chỉ đạo người đại diện phần vốn tại PVGAS báo cáo và xây dựng phương án sử dụng, phân phối Quỹ đầu tư phát triển, vốn khác của chủ sở hữu, lợi nhuận chưa phân phối phù hợp với nhu cầu sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và đảm bảo hài hoà lợi ích, hiệu quả sử dụng phần vốn của PVN tại PVGAS cũng như nghĩa vụ của PVN với NSNN.<br>2. Triển khai công tác tái cơ cấu PVGAS theo Công văn số 1182/TTg-ĐMDN ngày 11/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 1982/NQ-DKVN ngày 03/10/2017 của HĐTV PVN; trường hợp có khó khăn, vướng mắc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.<br>3. Tiếp tục phối hợp với PVGAS báo cáo Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan có thẩm quyền về: Việc thực hiện chính sách giá khí theo tổng lượng khí bao tiêu bán cho EVN, NMĐ BOT Phú Mỹ 2.2, Phú Mỹ 3 giai đoạn 2014 - 2018; cước phí vận chuyển khí đoạn Phú Mỹ - Hồ Chí Minh; giá bán khí bán cho Nhà máy đạm Phú Mỹ (PVFCCo) giai đoạn 2014-2018.<br>4. Chỉ đạo PVGAS và PV Power đối chiếu, thống nhất xử lý các vướng mắc trong thanh toán, hạch toán công nợ tiền khí theo Nghị quyết số 1944/NQ-DKVN ngày 02/4/2018 của HĐTV Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và quy định của pháp luật. |
| 147 | Tập đoàn Dầu khí Việt Nam | Ngân hàng TMCP xăng dầu Petrolimex năm 2020 | Khẩn trương thực hiện các biện pháp để thoái vốn tại PGB đảm bảo tỷ lệ góp vốn theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 55 Văn bản hợp nhất Luật các Tổ chức tín dụng số 07/VBNH-VPQH ngày 12/12/2017. |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|---|
| 148 | Tập đoàn Dầu khí Việt Nam | Công ty Cổ phần PVI năm 2020 | 1. Chỉ đạo Người đại diện phần vốn của PVN tại Công ty cổ phần PVI, rà soát, kiểm tra về thực trạng một số khoản đầu tư tài chính tại Tổng Công ty bảo hiểm PVI để có phương án xử lý, cơ cấu lại, thu hồi nhằm tối ưu hóa hiệu quả đầu tư, cụ thể: Khoản đầu tư cổ phiếu Công ty cổ phần Công nghệ mới Kim Tự Tháp; đầu tư trái phiếu Công ty cổ phần Sông Đà Thăng Long; đầu tư góp vốn vào đơn vị khác không có lợi nhuận, cổ tức được chia, nhưng phải phải trả phí quản lý đầu tư cho Công ty quản lý quỹ PVI.<br>2. Chỉ đạo Người đại diện phần vốn của PVN tại Công ty cổ phần PVI báo cáo PVN về tình hình sử dụng, phương án xử lý nguồn thặng dư vốn cổ phần để phân tích, đánh giá và xây dựng phương án, kế hoạch xử lý nguồn vốn này nhằm phản ánh đúng giá trị vốn đầu tư, tỷ suất lợi nhuận được chia trên vốn đầu tư của các cổ đông, trong đó có vốn đầu tư của nhà nước tại Công ty.<br>3. Chỉ đạo Người đại diện phần vốn của PVN tại Công ty báo cáo PVN về tình hình, nhu cầu sử dụng Quỹ đầu tư phát triển để có phương án xử lý, sử dụng nhằm tối ưu hóa hiệu quả đầu tư tài chính của PVTN tại Công ty. |
| 149 | Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước | Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2020 của Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP | 1. Chỉ đạo, hướng dẫn Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP chấn chỉnh, khắc phục những hạn chế, tồn tại trong công tác hạch toán kế toán và công tác quản lý đã nêu tại Thông báo kết quả kiểm toán, Biên bản kiểm toán tại đơn vị.<br>2. Chỉ đạo người Đại diện của SCIC tại VNSteel khẩn trương làm rõ nguyên nhân và trách nhiệm bồi thường của cá nhân, tập thể có liên quan đến giá trị hàng tồn kho phát hiện thiếu, thừa qua kiểm kê tại ngày 31/12/2020 trong đó chênh lệch thiếu số tiền 225.520trđ, chênh lệch thừa số tiền 59.550trđ tại Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện kim Việt Trung để xử lý theo quy định của pháp luật nhằm bảo toàn vốn và tài sản của doanh nghiệp. Nếu có dấu hiệu vi phạm pháp luật đề nghị báo cáo các cơ quan pháp luật xử lý theo quy định. |
| 150 | Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam | Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2020 của Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP | Chỉ đạo Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP thực hiện theo quy định việc nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp khoản chênh lệch vốn nhà nước tăng từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần. |

# TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ CỦA KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI VIỆC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG HOẶC HỦY BỎ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT TỪ KẾT QUẢ KIỂM TOÁN NĂM 2021

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Nội dung kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán |
|---|---|---|---|
| **I** | **Luật (01)** | | |
| 1 | Thủ tướng Chính phủ | Chỉ đạo Bộ Công Thương rà soát, tham mưu cho Chính phủ: Xây dựng và trình Quốc hội sửa đổi khoản 2 Điều 4 Luật Điện lực hợp nhất phát hành theo Văn bản số 03/VBHN-VPQH ngày 29/6/2018 của biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh giai đoạn 2016 - 2020 phù hợp với quan điểm chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/02/2020 về Định hướng chiến lược phát triển năng lượng Quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045. | Chuyên đề Việc quản lý quy hoạch, cấp phép xây dựng thủy điện nhỏ giai đoạn 2016 - 2020 |
| **II** | **Nghị định (05)** | | |
| 1 | Bộ Tài chính | Tham mưu cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ: Rà soát sửa đổi, bổ sung quy định về giảm thuế TNDN đảm bảo tính thống nhất giữa Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/QH14 của Quốc hội với Nghị quyết số 116/2020/QH14 ngày 19/6/2020; | Chuyên đề công tác quản lý nhà nước tại Tổng cục Thuế và các Cục Thuế liên quan đến việc hoàn thuế, miễn, giảm, giãn thuế, chống trốn thuế, chuyển giá năm 2020 |
| 2 | Bộ Tài chính | Tham mưu cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ: Nghiên cứu, xem xét quy định phân loại doanh nghiệp theo mức độ rủi ro để thực hiện kiểm tra đối với DN có mức độ rủi ro cao trước khi xét gia hạn và giám sát kiểm tra sau khi gia hạn theo Nghị định số 41/2020/NĐ-CP; | Chuyên đề công tác quản lý nhà nước tại Tổng cục Thuế và các Cục Thuế liên quan đến việc hoàn thuế, miễn, giảm, giãn thuế, chống trốn thuế, chuyển giá năm 2020 |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Nội dung kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán |
|---|---|---|---|
| 3 | Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ | Sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Điều 7 Nghị định số 132/2020/NĐ-CP (tương ứng với Điều 6 và Điều 7 Nghị định số 20/2017/NĐ-CP) quy định quản lý thuế đối với các doanh nghiệp có giao dịch liên kết quy định nội dung chi tiết cách xác định tiêu chí tương đồng để so sánh, xác định mức tỷ suất lợi nhuận từng ngành nghề cụ thể để làm cơ sở so sánh. | Chuyên đề công tác quản lý nhà nước tại Tổng cục Thuế và các Cục Thuế liên quan đến việc hoàn thuế, miễn, giảm, giãn thuế, chống trốn thuế, chuyển giá năm 2020 |
| 4 | Bộ Xây dựng | Đề xuất Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định 139/2017/NĐ-CP:<br>(1) Tăng mức phạt đối với hành vi xây dựng không phép của các công trình có yêu cầu phải lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng hoặc lập dự án đầu tư xây dựng (như: khách sạn, công trình lớn…) do với mức phạt như hiện nay chưa đủ sức răn đe nên các chủ đầu tư không tuân thủ mà tiến hành thi công trước xin cấp phép sau.<br>(2) Bổ sung các mức phạt khác nhau đối với hành vi thi công sai GPXD được cấp, tùy thuộc vào mức độ vi phạm mà có mức phạt tăng dần tránh tình trạng một mức phạt sai GPXD như hiện nay.<br>(3) Bổ sung thẩm quyền cho Chủ tịch UBND cấp xã được phép áp dụng biện pháp buộc tháo dỡ công trình vi phạm do theo Điều 38 Luật số 15/2012/QH-XIII Luật xử lý vi phạm hành chính thì thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã có áp dụng biện pháp buộc tháo dỡ công trình vi phạm, tuy nhiên theo Điều 76 Nghị định 139/2017/NĐ-CP, chủ tịch UBND cấp xã không có thẩm quyền áp dụng các biện pháp khắc phục là chưa phù hợp và giảm thẩm quyền của các cơ quan tại cơ sở trong quản lý sau cấp phép. | Chuyên đề việc quản lý quy hoạch, cấp phép xây dựng tại các đô thị giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi và Bình Định |
| 5 | Thủ tướng Chính phủ | Đề nghị Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo Bộ, ngành liên quan nghiên cứu, xem xét để sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm hoặc có hướng dẫn theo hướng quy định cụ thể, chặt chẽ về phạm vi, đối tượng được vay vốn giải quyết việc làm do quy định hiện nay về đối tượng được vay vốn rất rộng, không cụ thể và không thể hiện chính sách ưu tiên cho từng đối tượng cụ thể nhằm đảm bảo mục tiêu của chính sách là tạo nhiều việc làm cho người lao động, đặc biệt đối tượng yếu thế, khó khăn, mất việc làm. | Ngân hàng Chính sách xã hội |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Nội dung kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán |
|---|---|---|---|
| **III** | **Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (03)** | | |
| 1 | Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Giáo dục và Đào tạo | Phối hợp Bộ Giáo dục và Đào tạo trình Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ cho phù hợp, đồng bộ với các quy định pháp luật hiện hành. | Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh |
| 2 | Bộ Tài chính | Đề nghị Bộ Tài chính sớm tham mưu, trình Thủ tướng Chính phủ sửa đổi hoặc thay thế Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg ngày 12/5/2010 về ban hành Quy chế mẫu về quản lý, sử dụng Quỹ Phát triển đất để phù hợp với Luật NSNN và các quy định hiện hành. | Ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Lào Cai và Chuyên đề hoạt động quản lý môi trường tại các Ban quản lý kinh tế và khu công nghiệp giai đoạn 2017-2021 trên địa bàn tỉnh Lào Cai |
| 3 | Bộ Tài chính | Tham mưu cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ: Rà soát, quy định rõ cơ sở để xác định doanh nghiệp ngừng SXKD do ảnh hưởng của dịch Covid-19 thuộc đối tượng giảm thuế tại Quyết định số 22/2020/QĐ-TTg ngày 10/8/2020. | Chuyên đề công tác quản lý nhà nước tại Tổng cục Thuế và các Cục Thuế liên quan đến việc hoàn thuế, miễn, giảm, giãn thuế, chống trốn thuế, chuyển giá năm 2020 |
| **IV** | **Thông tư (27)** | | |
| 1 | Đài Truyền hình Việt Nam | Báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông để xem xét bổ sung, sửa đổi Thông tư số 04/2020/TT-BTTT ngày 24/02/2020 về hạn mức chi phí dự phòng phát sinh khối lượng; phương pháp tính toán chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá cho phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành. | Đài Truyền hình Việt Nam |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Nội dung kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán |
|---|---|---|---|
| 2 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Nghiên cứu sửa đổi Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26/6/2017 Quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước và Thông tư số 07/2016/TT-BKHCN ngày 22/4/2016 Quy định quản lý Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2025 theo hướng quy định rõ trách nhiệm của các đơn vị liên quan trong việc rà soát nội dung tiếp thu và giải trình các ý kiến của Hội đồng tư vấn KH&CN và Tổ thẩm định kinh phí (đối với dự án thuộc Chương trình Nông thôn miền núi) của chủ nhiệm nhiệm vụ và tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN trước khi trình Lãnh đạo Bộ xem xét phê duyệt nhiệm vụ. | Bộ Khoa học và Công nghệ |
| 3 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Bãi bỏ Thông tư số 530/1994/TT - KHCN ngày 04/8/1994 Quy định tạm thời về việc quản lý sử dụng kinh phí sửa chữa, tăng cường trang thiết bị cho các cơ quan khoa học, công nghệ và môi trường đã lạc hậu so với quy định hiện hành. | Bộ Khoa học và Công nghệ |
| 4 | Bộ Xây dựng | Đề nghị rà soát xác định hệ số chi phí quản lý dự án tại Thông tư số 13/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 quy định việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng các công trình xây dựng thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới đối với các dự án thực hiện theo hình thức Chủ đầu tư sử dụng bộ máy chuyên môn trực thuộc để quản lý dự án nhằm đảm bảo tiết kiệm kinh phí đầu tư. | Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tại 18 tỉnh năm 2020 |
| 5 | Bộ Tài chính | Tiếp tục nghiên cứu, xem xét sửa đổi, bổ sung điểm 2 khoản 3 Điều 1 Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 của Bộ Tài chính, quy định rõ đối tượng "Cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư…" để NNT và CQT thực hiện thống nhất trong việc xác định trường hợp được hoàn thuế GTGT khi đề nghị hoàn thuế và ra Quyết định hoàn thuế GTGT; nghiên cứu, sửa đổi quy định về Hoàn thuế dự án đầu tư đối với cơ sở kinh doanh đầu tư ngành, nghề kinh doanh có điều kiện để đảm bảo phù hợp với các Luật Đầu tư, Luật Điện lực và các luật khác có liên quan và phù hợp với nguyên tắc quản lý thuế GTGT; khuyến khích, thu hút đầu tư, tạo điều kiện đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh. | Kiểm toán chuyên đề công tác quản lý nhà nước tại Tổng cục Thuế và các Cục Thuế liên quan đến việc hoàn thuế, miễn, giảm, giãn thuế, chống trốn thuế, chuyển giá năm 2020 |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Nội dung kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán |
|---|---|---|---|
| 6 | Bộ Tài chính | Nghiên cứu, ban hành thông tư thay thế Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 cho phù hợp với Luật NSNN năm 2015 và Luật Quản lý thuế năm 2018. | Kiểm toán chuyên đề công tác quản lý nhà nước tại Tổng cục Thuế và các Cục Thuế liên quan đến việc hoàn thuế, miễn, giảm, giãn thuế, chống trốn thuế, chuyển giá năm 2020 |
| 7 | Bộ Giao thông vận tải | Phối hợp với Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 60/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng, thanh toán và quyết toán kinh phí quản lý, bảo trì đường bộ để phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành. | Hoạt động quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đường bộ giai đoạn 2019 - 2020 |
| 8 | Bộ Giao thông vận tải | Nghiên cứu đề xuất Bộ Xây dựng bổ sung định mức vận chuyển vật liệu tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 ban hành định mức xây dựng làm cơ sở cho đơn vị thực hiện theo hướng, nêu tại Điểm 1.1, Mục 1. Tiêu chí kiểm toán 2.1, phần I, Đánh giá kiểm toán tại BCKT. | Hoạt động quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đường bộ giai đoạn 2019 - 2020 |
| 9 | Bộ Giao thông vận tải | Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 12 Thông tư số 03/2019/TT-BGTVT ngày 11/01/2019 quy định về phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ theo hướng: Quy định rõ phạm vi các phần việc thực hiện trong khắc phục hậu quả bão lũ bước hoặc bổ sung thêm hướng dẫn các phần việc bước 2 để phân loại rõ khi áp dụng, tránh việc áp dụng toàn bộ khắc phục hậu quả bão lũ theo bước 1 để thực hiện chỉ định thầu. | Hoạt động quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đường bộ giai đoạn 2019 - 2020 |
| 10 | Bộ Công Thương | Xem xét, rà soát việc ban hành Thông tư số 50/2014/TT-BCT ngày 15/12/2014, Thông tư số 37/2016/TT-BCT ngày 28/12/2016 về hướng dẫn quản lý nhiệm vụ KH&CN của Bộ Công Thương đảm bảo phù hợp với Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật KH&CN (sửa đổi, bổ sung) và phù hợp với chức năng nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương. | Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2020 của Bộ Công Thương |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Nội dung kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán |
|---|---|---|---|
| 11 | Bộ Tài chính | Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016: Bổ sung quy định về định mức chi nhập tin theo phiếu điều tra thống kê (KTNN đã kiến nghị tại Báo cáo kiểm toán năm 2019); Việc rà soát, lập danh sách đối tượng được điều tra thống kê được thực hiện trong trường hợp đối tượng ghi trên phương án điều tra là không đổi nhưng số lượng mẫu chọn tăng lên và quy mô điều tra được mở rộng. | Bộ Kế hoạch và Đầu tư |
| 12 | Bộ Tài chính | Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 150/2010/TT-BTC ngày 27/9/2010: Sửa đổi mức thuế suất thuế TNDN và quy định về chi phí báo biếu, báo tặng đối với các cơ quan báo chí phù hợp với quy định của Luật thuế và các văn bản hướng dẫn hiện hành. | Bộ Kế hoạch và Đầu tư |
| 13 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 04/2019/TT-BKH&ĐT ngày 25/02/2019: Quy định rõ đối tượng và trách nhiệm trong việc: (i) Xét duyệt hồ sơ đăng ký dự thi; (ii) Kiểm tra hồ sơ đăng ký dự thi kỳ thi và cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động tư vấn đấu thầu. | Bộ Kế hoạch và Đầu tư |
| 14 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 05/2019/TT-BKH&ĐT ngày 29/3/2019 hướng dẫn Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa phù hợp với thực tế và theo quy định pháp luật có liên quan: Xác định rõ đơn vị đào tạo theo quy định; xác định nguồn đối ứng (tài trợ hoặc thu từ các học viên) làm cơ sở xây dựng dự toán ngân sách hỗ trợ. | Bộ Kế hoạch và Đầu tư |
| 15 | Bộ Tài chính | Phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan, nghiên cứu, sửa đổi: Quy định về lập dự toán chi đối với nhiệm vụ số hóa thông tin, tài liệu để đảm bảo thống nhất mức chi giữa Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính và Thông tư số 04/2014/TT-BNV ngày 23/6/2014 của Bộ Nội vụ. | Bộ Tài chính |
| 16 | Bộ Tài nguyên và môi trường | Nghiên cứu, điều chỉnh Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017, Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 và xem xét, tham mưu Chính phủ điều chỉnh Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 đảm bảo phù hợp với các quy định mới về BVMT nước tại Mục 1, Chương II Luật BVMT 2020 liên quan đến cấp phép xả nước thải vào nguồn nước, đánh giá khả năng chịu tải, phân vùng xả thải, hạn ngạch xả nước thải. | Việc quản lý nguồn nước lưu vực sông Mê Công gắn với việc thực hiện mục tiêu phát triển bền vững |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Nội dung kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán |
|---|---|---|---|
| 17 | Bộ Tài chính | Xem xét sửa đổi Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính về quy định tại Tiết b.1 Điểm 1 Điều 17 theo hướng: Làm rõ diện tích đất sử dụng cho mục đích công cộng tại công thức tính được trừ ra trong tổng diện tích của dự án khi phân bổ chi phí chung liên quan đến diện tích đất sử dụng vào mục đích công cộng nhưng trong đó có công trình xây dựng cho hoạt động kinh doanh, dịch vụ (như trường học, bãi đỗ xe…) để xác định thu nhập chịu thuế của diện tích đất tránh thất thu về thuế TNDN. | Ngân sách địa phương năm 2020 thành phố Hà Nội |
| 18 | Bộ Tài chính | Sửa đổi nội dung Thông tư số 52/2018/TT-BTC quy định về chuyển tiền tạm ứng đền bù GPMB về tài khoản của chủ đầu tư tại KBNN để quản lý, chi trả cho người thụ hưởng chưa phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 93 Luật Đất đai năm 2013 về việc gửi tiền đền bù GPMB vào tài khoản tạm giữ tại KBNN; sửa đổi Thông tư số 156/2013/TT-BTC thống nhất quy định về nội dung khấu trừ thuế GTGT khi thanh toán khối lượng các công trình, hạng mục công trình XDCB. | Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2020 của Kho bạc Nhà nước |
| 19 | Bộ Công Thương | Chỉ đạo các đơn vị tham mưu, tư vấn rà soát sửa đổi, bổ sung, thay thế các Thông tư số 43/2012/TT-BCT và Thông tư số 43/2013/TT-BCT phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành, có tính ổn định lâu dài. | Kiểm toán chuyên đề Việc quản lý quy hoạch, cấp phép xây dựng thủy điện nhỏ giai đoạn 2016 - 2020 |
| 20 | Bộ Tài nguyên và Môi trường | Xem xét điều chỉnh, bổ sung Điều 4, Thông tư số 64/2017/TT- BTNMT ngày 22/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường đáp ứng quy định tại khoản 18 Điều 2 Luật Tài nguyên nước. | Kiểm toán chuyên đề Việc quản lý quy hoạch, cấp phép xây dựng thủy điện nhỏ giai đoạn 2016 - 2020 |
| 21 | Bộ Tài chính | Xem xét sửa đổi khoản 2 Điều 3 Thông tư số 150/2010/TT-BTC ngày 27/9/2010 về hướng dẫn về thuế GTGT và TNDN đối với cơ quan báo chí, không còn phù hợp với Nghị định số 16/2015/NĐ-CP về cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập | Ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Quảng Nam |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Nội dung kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán |
|---|---|---|---|
| 22 | Bộ Công Thương | Đề nghị Bộ Công Thương nghiên cứu, xem xét sửa đổi, bổ sung Thông tư số 57/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 quy định phương pháp xác định giá phát điện, hợp đồng mua bán điện để xác định rõ thời gian Cục điều tiết điện lực kiểm tra, tổng hợp, báo cáo Bộ Công Thương xem xét quyết định việc thanh toán chi phí chênh lệch tỷ giá sau khi nhận được báo cáo của Tập đoàn Điện lực Việt Nam; thời gian Bộ Công Thương thực hiện quyết định việc thanh toán chênh lệch tỷ giá sau khi nhận được báo cáo của Cục điều tiết điện lực do trong Thông tư chưa có quy định cụ thể. | Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2020 của Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP |
| 23 | Bộ Công Thương | Xem xét nghiên cứu sửa đổi bất cập tại Thông tư số 43/2015/TT-BCT về xác định lượng xăng dầu tồn chứa bình quân ngắn ngày khi xác định tỷ lệ hao hụt tồn chứa ngắn ngày theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Thông tư số 43/2015/TT-BCT của Bộ Công Thương theo hướng tăng số thời điểm tối thiểu để xác định lượng xăng dầu tồn chứa bình quân ngắn ngày cho phù hợp | Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2020 của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam |
| 24 | Bộ Nông nghiệp & PTNT | Sửa đổi, bổ sung Thông tư 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ NN&PTNT quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy Lợi: bổ sung quy định về "hệ thống công trình thủy lợi" cho thống nhất đồng bộ với TCVN 8412:2020 (Công trình thủy lợi - Hướng dẫn lập quy trình vận hành); bổ sung quy định về trình tự, nội dung cũng như thẩm quyền lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ và dự toán tư vấn lập quy trình vận hành làm căn cứ lựa chọn đơn vị lập quy trình vận hành. | Ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Kiên Giang |
| 25 | Bộ Tài chính | - Nghiên cứu sửa đổi Thông tư số 36/2019/TT-BTC ngày 17/6/2019, bổ sung quy định về cách thức xử lý đối với các vé số trong trường hợp không thể mở thưởng các kỳ quay do sự cố kỹ thuật.<br>- Xem xét nghiên cứu bổ sung chế tài cụ thể xử lý theo hợp đồng BCC về quy định giảm vốn góp đầu tư ghi nhận đối với các thiết bị đã được cung cấp song không đảm bảo hoạt động, không được sửa chữa kịp thời. | Công ty TNHH MTV Xổ số Điện toán Việt Nam |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Nội dung kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán |
|---|---|---|---|
| 26 | Bộ Xây dựng | Rà soát sửa đổi mục 1.5.11, QCVN 03:2012/BXD quy định về số tầng nhà, được ban hành theo Thông tư số 12/2012/TT-BXD ngày 28/12/2012 của Bộ Xây dựng cho phù hợp với quy định tại điểm k khoản 1 Điều 1 Thông tư số 07/2019/TT-BXD ngày 7/11/2019 của Bộ Xây dựng về sửa đổi, bổ sung thay thế một số quy định tại Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng làm cơ sở để các đơn vị thực hiện công tác cấp phép xây dựng. | Chuyên đề việc quản lý quy hoạch, cấp phép xây dựng tại các đô thị giai đoạn 2017-2020 của Thành phố Hồ Chí Minh |
| 27 | Bộ Giao thông vận tải | Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07/6/2018 cho phù hợp với các quy định tại Nghị định 06/2021/NĐ-CP. | Hoạt động quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đường bộ giai đoạn 2019 - 2020 |
| **V** | **Xây dựng văn bản mới và sửa đổi, bổ sung văn bản (162)** | | |
| 1 | Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh | Xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ đảm bảo theo quy định. | Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh |
| 2 | Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh | Rà soát, sửa đổi Quyết định số 160/QĐ-ĐHQG ngày 24/3/2017 về Quy chế đào tạo trình độ thạc sỹ quy định chuẩn đầu ra chương trình đào tạo, đối với ngoại ngữ tiếng Anh làm điều kiện bảo vệ luận văn và tốt nghiệp để đảm bảo chuẩn đầu ra theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. | Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh |
| 3 | Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh | Ban hành Quy chế tài chính của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh theo đúng quy định của Luật Giáo dục đại học và các quy định hiện hành. | Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh |
| 4 | Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh | Ban hành Quy chế quản lý Quỹ hỗ trợ hoạt đông và phát triển Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với quy định và thực tiễn hoạt động. | Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Nội dung kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán |
|---|---|---|---|
| 5 | Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh | Ban hành văn bản thay thế Quyết định số 170/QĐ-ĐHQG và Quyết định số 1220/QĐ-ĐHQG trong khi chưa có cơ chế tài chính đặc thù để quy định một số hoạt động thu, chi và việc sử dụng của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. | Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh |
| 6 | Kiểm toán nhà nước | Rà soát, sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ, trong đó lưu ý đến định mức chi khen thưởng động viên, khuyến khích các tập thể, cá nhân bên ngoài tích cực phối hợp thực hiện nhiệm vụ; đảm bảo cập nhật kịp thời các văn bản quy định, phù hợp với thực tiễn hoạt động. | Báo cáo quyết toán ngân sách năm 2020 của Văn phòng KTNN |
| 7 | Kiểm toán nhà nước | Rà soát, sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý, sử dụng nguồn kinh phí được trích 5%, trong đó lưu ý đến định mức chi khen thưởng động viên, khuyến khích các tập thể, cá nhân bên ngoài tích cực phối hợp thực hiện nhiệm vụ; đảm bảo cập nhật kịp thời các văn bản quy định, phù hợp với thực tiễn hoạt động. | Báo cáo quyết toán ngân sách năm 2020 của Văn phòng KTNN |
| 8 | Kiểm toán nhà nước | Rà soát, sửa đổi, bổ sung Quy định về quản lý, sử dụng tài sản của KTNN. | Báo cáo quyết toán ngân sách năm 2020 của Văn phòng KTNN |
| 9 | Đài Truyền hình Việt Nam | Rà soát, hoàn thiện và ban hành quy chế quản lý tài chính (lưu ý việc quản lý công nợ, quản lý chi phí sản xuất chương trình, quản lý tiền lương vị trí, tiền lương sản xuất chương trình, kiểm kê tài sản, ghi nhận giá trị quyền sử dụng đất không thu tiền sử dụng đất…) của Đài Truyền hình Việt Nam đảm bảo đồng bộ, thống nhất và đúng quy định của pháp luật. | Đài Truyền hình Việt Nam |
| 10 | Đài Truyền hình Việt Nam | Rà soát, hoàn thiện và ban hành các quy chế quản lý nội bộ (Quy chế quản lý tài sản, xe ô tô…) của Đài Truyền hình Việt Nam đảm bảo đồng bộ, thống nhất và đúng quy định của pháp luật. | Đài Truyền hình Việt Nam |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Nội dung kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán |
|---|---|---|---|
| 11 | Đài Truyền hình Việt Nam | Xây dựng và ban hành quy trình lập, phê duyệt đơn giá sàn quảng cáo, chính sách chiết khấu thương mại, xác định giá bán quảng cáo trọn gói để thực hiện thống nhất, đảm bảo tính hiệu lực, khách quan, minh bạch, hiệu quả. Quy định rõ trình tự, thủ tục, điều kiện trong việc áp dụng tỷ lệ chiết khấu thương mại, thanh toán, lãi suất chậm thanh toán đảm bảo công khai, minh bạch giữa các đại lý, đơn vị. | Đài Truyền hình Việt Nam |
| 12 | Đài Truyền hình Việt Nam | Rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến việc: (i) Thu phí tiếp sóng truyền hình; (ii) Phí sử dụng hạ tầng truyền dẫn; (iii) Sử dụng giấy phép kênh truyền hình của Đài Truyền hình Việt Nam nhằm đảm bảo thu kịp thời, đầy đủ (bao gồm cả doanh nghiệp do Đài Truyền hình Việt Nam góp vốn). | Đài Truyền hình Việt Nam |
| 13 | Đài Truyền hình Việt Nam | Xem xét sửa đổi, bổ sung quy định về việc phối hợp sản xuất chương trình giữa các đơn vị trực thuộc tại Quyết định số 1330/QĐ-THVN ngày 16/10/2009 đảm bảo tuân thủ quy định của Luật Quản lý thuế và hướng dẫn tại Điều 11 Thông tư số 156/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính. | Đài Truyền hình Việt Nam |
| 14 | Đài Truyền hình Việt Nam | Rà soát, sửa đổi, bổ sung điều kiện, thủ tục trong việc mua, trao đổi, hợp tác liên kết sản xuất phát sóng truyền hình nhằm khai thác triệt để năng lực nội bộ, phát huy tối đa hiệu quả kinh tế, tuyên truyền và phục vụ khán giả; quy định trình tự thủ tục, điều kiện trong việc xây dựng, phê duyệt dự toán/phương án kinh tế làm cơ sở xác định chi phí cho việc trao đổi, hợp tác, liên kết sản xuất phát sóng chương trình truyền hình. | Đài Truyền hình Việt Nam |
| 15 | Đài Truyền hình Việt Nam | Nghiên cứu, bổ sung văn bản hướng dẫn Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ (các nội dung thành lập Ban QLDA, lựa chọn các nhà thầu tư vấn, lắp đặt, cung cấp thiết bị, phần mềm…). | Đài Truyền hình Việt Nam |
| 16 | Đài Truyền hình Việt Nam | Chủ trì phối hợp với các bộ, ngành liên quan để báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành cơ chế quản lý tài chính, tài sản, lao động, tiền lương, tổ chức bộ mặt, quản lý dự án đầu tư thiết bị truyền hình, quản lý vốn đầu tư ra ngoài… theo hướng Đài Truyền hình Việt Nam là cơ quan báo chí thuộc Chính phủ, đơn vị sự nghiệp có thu với cơ chế đặc thù phù hợp với Luật Báo chí năm 2016 và các văn bản có liên quan. | Đài Truyền hình Việt Nam |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Nội dung kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán |
|---|---|---|---|
| 17 | Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh | Xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật đối với đào tạo đại học theo hướng dẫn tại Thông tư số 14/2019/TT-BDGĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo. | Việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2020 của Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh và 02 dự án: Đầu tư xây dựng Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh; mở rộng Khu giảng đường và Văn phòng làm việc - Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh của Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh |
| 18 | Ủy ban sông Mê Công Việt Nam | Kiến nghị Ủy ban sông Mê Công Việt Nam nghiên cứu xây dựng chiến lược hoạt động của Ủy ban sông Mê Công Việt Nam. | Việc quản lý nguồn nước lưu vực sông Mê Công gắn với việc thực hiện mục tiêu phát triển bền vững |
| 19 | Ủy ban sông Mê Công Việt Nam | Đề xuất xây dựng các điều khoản, chế tài cụ thể để giải quyết tranh chấp đối với các bất đồng giữa các quốc gia thành viên trong việc quản lý và sử dụng nước lưu vực sông Mê Công. | Việc quản lý nguồn nước lưu vực sông Mê Công gắn với việc thực hiện mục tiêu phát triển bền vững |
| 20 | Ủy ban sông Mê Công Việt Nam | Nghiên cứu, xây dựng bộ tiêu chí nhằm đánh giá lựa chọn các dự án ưu tiên liên quan đến khai thác, sử dụng, quản lý và bảo vệ tài nguyên nước và tài nguyên liên quan khác. | Việc quản lý nguồn nước lưu vực sông Mê Công gắn với việc thực hiện mục tiêu phát triển bền vững |
| 21 | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Ban hành Quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản trên toàn quốc theo quy định Luật Thủy sản 2017. | Việc quản lý nguồn nước lưu vực sông Mê Công gắn với việc thực hiện mục tiêu phát triển bền vững |
| 22 | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Nghiên cứu, ban hành Quy định/Hướng dẫn về ngưỡng chịu mặn đối với nước mặt để làm cơ sở vận hành đóng/mở cống ngăn mặn, xây/dỡ đập thời vụ và cảnh báo người dân trong việc sử dụng nước phục vụ nông nghiệp. | Việc quản lý nguồn nước lưu vực sông Mê Công gắn với việc thực hiện mục tiêu phát triển bền vững |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Nội dung kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán |
|---|---|---|---|
| 23 | Bộ Tài nguyên và môi trường | Nghiên cứu, ban hành hướng dẫn nội dung, biểu mẫu kiểm kê, báo cáo kết quả kiểm kê TNN theo Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 và xác định thiệt hại đối với môi trường theo Nghị định số 03/2015/NĐ-CP ngày 06/01/2015. | Việc quản lý nguồn nước lưu vực sông Mê Công gắn với việc thực hiện mục tiêu phát triển bền vững |
| 24 | Bộ Tài nguyên và môi trường | Rà soát các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai, thực hiện Thông tư số 47/2017/TT-BTNMT ngày 07/11/2017 làm cơ sở nghiên cứu, điều chỉnh và bổ sung các hướng dẫn, yêu cầu kỹ thuật cụ thể trong việc xây dựng, lắp đặt hệ thống quan trắc, giám sát. | Việc quản lý nguồn nước lưu vực sông Mê Công gắn với việc thực hiện mục tiêu phát triển bền vững |
| 25 | Bộ Tài nguyên và môi trường | Xem xét, có văn bản hướng dẫn đối với điểm a khoản 4 Điều 53 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP về việc xin ý kiến Bộ TN&MT trước khi phê duyệt kế hoạch thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực BVMT để thống nhất với Luật Thanh tra, Thông tư số 01/2014/TT-TTCP ngày 23/4/2014. | Việc quản lý nguồn nước lưu vực sông Mê Công gắn với việc thực hiện mục tiêu phát triển bền vững |
| 26 | Bộ Công Thương | Nghiên cứu thể chế hóa Thông báo số 191/TB-VPCP ngày 22/7/2016 vào các quy định pháp luật. | Việc quản lý nguồn nước lưu vực sông Mê Công gắn với việc thực hiện mục tiêu phát triển bền vững |
| 27 | 12 UBND các tỉnh: Đắk Lắk, Gia Lai, Kon Tum, Sóc Trăng, Đồng Tháp, An Giang, Tiền Giang, Trà Vinh, Hậu Giang, Cà Mau, Bến Tre và Cần Thơ | Kiến nghị UBND các tỉnh, thành phố rà soát, ban hành các văn bản, quy định về quản lý TNN trên địa bàn theo trách nhiệm được tại Luật TNN 2012 và Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015; Nghị định số 167/2018/NĐ-CP ngày 26/12/2018; Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24/2/2020; Thông tư số 24/2016/TT-BTNMT ngày 09/9/2016; Thông tư số 64/2017/TT-BTNMT ngày 22/12/2017; Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017. | Việc quản lý nguồn nước lưu vực sông Mê Công gắn với việc thực hiện mục tiêu phát triển bền vững |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Nội dung kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán |
|---|---|---|---|
| 28 | UBND tỉnh Bến Tre, Trà Vinh, Tiền Giang | Nghiên cứu, xem xét sửa đổi, cập nhật các quy định về quản lý TNN trên địa bàn phù hợp với các văn bản hiện hành. | Việc quản lý nguồn nước lưu vực sông Mê Công gắn với việc thực hiện mục tiêu phát triển bền vững |
| 29 | UBND tỉnh Bến Tre | Rà soát, đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước để làm căn cứ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 21/2017/QĐ-UBND ngày 30/3/2017 ban hành quy định phân vùng môi trường các nguồn nước tiếp nhận nước thải trên địa bàn tỉnh. | Việc quản lý nguồn nước lưu vực sông Mê Công gắn với việc thực hiện mục tiêu phát triển bền vững |
| 30 | UBND tỉnh Hậu Giang | Rà soát và sửa đổi, bổ sung quy trình vận hành theo quy định tại Điều 26 Luật Thủy lợi và Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi, trong đó có xem xét các quy định về trình tự vận hành công trình trong trường hợp lấy mặn, ngăn mặn, đẩy mặn, rửa mặn, rửa phèn, giữ ngọt, cải thiện chất lượng nước. | Việc quản lý nguồn nước lưu vực sông Mê Công gắn với việc thực hiện mục tiêu phát triển bền vững |
| 31 | Đại học Quốc gia Hà Nội | Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017. | Đại học Quốc gia Hà Nội |
| 32 | Đại học Quốc gia Hà Nội | Kiểm tra, rà soát việc ban hành quy chế tài chính của ĐHQGHN theo đúng các quy định của Luật Giáo dục Đại học sửa đổi số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 và các quy định hiện hành, đảm bảo sử dụng nguồn thu học phí, thu dịch vụ của các đơn vị trực thuộc, các đơn vị thành viên tiết kiệm hiệu quả (trong đó lưu ý xây dựng định mức các nội dung chi, thẩm quyền ban hành, …). | Đại học Quốc gia Hà Nội |
| 33 | Đại học Quốc gia Hà Nội | Kịp thời rà soát, điều chỉnh văn bản Hướng dẫn số 4633/HD-ĐHQGHN ngày 26/11/2015 của ĐHQGHN về xây dựng và thực hiện dự án đầu tư tại ĐHQGHN phù hợp với các quy định về quản lý dự án đầu tư hiện hành của nhà nước làm cơ sở hướng dẫn các đơn vị trực thuộc ĐHQGHN để triển khai, thực hiện dự án đầu tư. | Đại học Quốc gia Hà Nội |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Nội dung kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán |
|---|---|---|---|
| 34 | Đại học Quốc gia Hà Nội | Sửa đổi Quyết định số 1819/QĐ-ĐHQGHN ngày 01/6/2017 hướng dẫn chế độ làm việc đối với giảng viên, nghiên cứu viên (hệ số quy đổi tối đa 1,8) cho phù hợp với hệ số quy đổi tối đa 1,5 lần quy định tại Điều 6, Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020. | Đại học Quốc gia Hà Nội |
| 35 | Đại học Quốc gia Hà Nội | Rà soát căn cứ pháp lý đối với hướng dẫn tại mục 6. Kinh phí đào tạo tại địa phương tại Văn bản số 4588/HD-ĐHQGHN ngày 28/11/2017 của ĐHQGHN hướng dẫn đăng ký và tổ chức đào tạo nguồn nhân lực đại học và thạc sỹ cho các tỉnh thuộc khu vực Tây Bắc, Tây nguyên, Tây Nam bộ và các vùng kinh tế trọng điểm. | Đại học Quốc gia Hà Nội |
| 36 | Đại học Quốc gia Hà Nội | Ban hành hướng dẫn việc áp dụng, sử dụng và công khai nguồn cơ sở vật chất, nhân lực sử dụng chung toàn ĐHQGHN, đảm bảo tính minh bạch, sử dụng hiệu quả và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 10 Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26/03/2014 của Thủ tướng Chính phủ. | Đại học Quốc gia Hà Nội |
| 37 | Đại học Quốc gia Hà Nội | Rà soát, nghiên cứu sửa đổi Văn bản số 406/HD-ĐHQGHN ngày 14/02/2017 của ĐHQGHN về Hướng dẫn định mức chi cho công tác xuất bản, trong đó đảm bảo mức chi nhuận bút theo đúng quy định tại Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14/3/2014 về chế độ nhuận bút, bổ sung quy định về kích thước trang tiêu chuẩn và cách quy đổi sang trang quy chuẩn theo quy định tại Thông tư số 42/2020/TT-BTTTT ngày 31/12/2020 của Bộ Thông tin và truyền thông. | Đại học Quốc gia Hà Nội |
| 38 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tiếp tục rà soát, nghiên cứu để ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật đối với hoạt động dịch vụ sự nghiệp công về lĩnh vực khoa học và công nghệ theo quy định tại Quyết định số 2099/QĐ-TTg ngày 27/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ. | Bộ Khoa học và Công nghệ |
| 39 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tham mưu, phối hợp, nghiên cứu, xây dựng để ban hành các văn bản hướng dẫn Quyết định số 04/2021/QĐ-TTg ngày 29/01/2021 ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia; Nghị định số 19/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia ban hành kèm theo Nghị định số 23/2014/NĐ-CP ngày 03/4/2014 của Chính phủ. | Bộ Khoa học và Công nghệ |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Nội dung kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán |
|---|---|---|---|
| 40 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Đối với Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia: Nghiên cứu, xây dựng để ban hành cơ chế tài chính đối với hoạt động tín dụng (hỗ trợ lãi vay, cho vay ưu đãi, bảo lãnh vay vốn...) phát huy, thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ được giao trong phát triển các hoạt động KHCN. | Bộ Khoa học và Công nghệ |
| 41 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Nghiên cứu và phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền để xem xét, có hướng dẫn tháo gỡ các khó khăn, tạo thuận lợi trong việc xử lý, bàn giao các tài sản sau khi nghiệm thu, kết thúc các nhiệm vụ KH&CN, dự án ODA theo Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 và Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ. | Bộ Khoa học và Công nghệ |
| 42 | Đài Tiếng nói Việt Nam | Sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành quy định về chế độ thù lao, nhuận bút của Đài TNVN thay thế Quyết định số 4091/QĐ-TNVN ngày 28/12/2016 của Tổng Giám đốc Đài tiếng nói Việt Nam. Trên cơ sở đó chỉ đạo các đơn vị xây dựng quy chế chi trả thù lao, nhuận bút theo đúng quy định tại Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14/3/2014 của Chính phủ quy định về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản. | Đài Tiếng nói Việt Nam |
| 43 | Thông tấn xã Việt Nam | Rà soát, sửa đổi bổ sung hoặc thay thế Quy chế chi tiêu nội bộ (bao gồm tại các đơn vị trực thuộc), Quy chế quản lý, sử dụng tài sản, trích lập và sử dụng quỹ nhuận bút; đồng thời ban hành văn bản thay thế phương án số 100/PA-TTX ngày 08/6/2012 đảm bảo việc chi trả nhuận bút và các khoản khác gắn liền với các công việc liên quan đến tác phẩm báo chí theo quy định tại Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14/3/2014 và các quy định khác có liên quan. | Thông tấn xã Việt Nam |
| 44 | Thông tấn xã Việt Nam | Xây dựng định mức xe chuyên dùng theo quy định tại Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 21/5/2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô tại đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước và Thông tư số 24/2019/TT-BTC ngày 22/4/2019 hướng dẫn Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 21/5/2019. | Thông tấn xã Việt Nam |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Nội dung kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán |
|---|---|---|---|
| 45 | Thông tấn xã Việt Nam | Xây dựng và ban hành quy trình quản lý công nợ. | Thông tấn xã Việt Nam |
| 46 | Thông tấn xã Việt Nam | Khẩn trương xây dựng cơ chế tài chính theo hướng dẫn Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ "Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập", trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện. | Thông tấn xã Việt Nam |
| 47 | Bộ Tài chính | Ban hành văn bản hướng dẫn nội dung và định mức chi đối với kinh phí hỗ trợ nhân sỹ tham gia công tác tại Uỷ ban Đoàn kết Công giáo Việt Nam làm cơ sở thanh quyết toán. | Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam |
| 48 | Báo Đại đoàn kết | Xây dựng quy chế quản lý công nợ theo quy định. | Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam |
| 49 | Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam | Ban hành Quyết định quy định cụ thể định mức các nội dung chi của Quỹ và các Nguồn tài trợ làm cơ sở hỗ trợ và phân bổ kinh phí cho các đơn vị được hỗ trợ. | Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam |
| 50 | Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam | Ban hành văn bản hướng dẫn về trình tự, thủ tục lập, thực hiện và quản lý dự án đầu tư XDCB tại đơn vị căn cứ các văn bản quy phạm pháp luật. | Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam |
| 51 | Hội Nông dân Việt Nam | Ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công; quyết định phân cấp mua sắm; quản lý và sử dụng tài sản công theo quy định tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ và Luật quản lý, sử dụng tài sản công. | Hội Nông dân Việt Nam |
| 52 | UBND tỉnh Lào Cai | Chỉ đạo Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan báo cáo cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung nội dung quy định tại khoản 2 Điều 4 Quyết định số 28/2014/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 của UBND tỉnh Lào Cai đảm bảo phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 89/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của HĐND tỉnh Lào Cai và văn bản pháp luật khác có liên quan (không trích 30% tiền thuê đất vào Quỹ phát triển đất do đã giao vào thu cân đối chi thường xuyên. | Ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Lào Cai và Chuyên đề hoạt động quản lý môi trường tại các Ban quản lý kinh tế và khu công nghiệp giai đoạn 2017-2021 trên địa bàn tỉnh Lào Cai |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Nội dung kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán |
|---|---|---|---|
| 53 | UBND tỉnh Lào Cai | Chỉnh sửa Quy chế phối hợp trong công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn tỉnh tại Quyết định số 3459/QĐ-UBND ngày 02/8/2017 của UBND tỉnh Lào Cai để phù hợp với thực tiến và các văn bản quy định hiện hành. | Ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Lào Cai và Chuyên đề hoạt động quản lý môi trường tại các Ban quản lý kinh tế và khu công nghiệp giai đoạn 2017-2021 trên địa bàn tỉnh Lào Cai |
| 54 | Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Thọ | Ban hành văn bản hướng dẫn quy chế ứng phó sự cố chất thải trên địa bàn Tỉnh | Chuyên đề hoạt động quản lý môi trường tại các Ban quản lý kinh tế và khu công nghiệp giai đoạn 2017-2021 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ |
| 55 | UBND tỉnh Phú Thọ | Ban hành quy chuẩn kỹ thuật môi trường địa phương theo quy định của pháp luật. | Chuyên đề hoạt động quản lý môi trường tại các Ban quản lý kinh tế và khu công nghiệp giai đoạn 2017-2021 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ |
| 56 | UBND tỉnh Phú Thọ | Sửa đổi khoản 6, Điều 2 Quyết định số 20/2015/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của BQL các khu công nghiệp Phú Thọ còn một số điểm chưa phù hợp với Luật Bảo vệ môi trường 2014 và chưa phù hợp với Thông tư số 12/2020/TT-BKHĐT ngày 28/12/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. | Chuyên đề hoạt động quản lý môi trường tại các Ban quản lý kinh tế và khu công nghiệp giai đoạn 2017-2021 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ |
| 57 | UBND tỉnh Phú Thọ | Sửa đổi Quy chế phối hợp thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh tại Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND về một số bất cập đã nêu trong BCKT như: Chưa đầy đủ, rõ ràng về trách nhiệm; quy chế về chia sẻ dữ liệu quan trắc tự động. | Chuyên đề hoạt động quản lý môi trường tại các Ban quản lý kinh tế và khu công nghiệp giai đoạn 2017-2021 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Nội dung kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán |
|---|---|---|---|
| 58 | UBND tỉnh Yên Bái | Ban hành Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị quy định (nay là "Quy chế quản lý kiến trúc" theo Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14 ngày 13/6/2019). | Chuyên đề việc quản lý quy hoạch, cấp phép xây dựng tại các đô thị giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Yên Bái |
| 59 | UBND thành phố Yên Bái | Rà soát, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 03/2016/QĐ-UBND ngày 11/10/2016 của UBND thành phố Yên Bái cho phù hợp với QCVN số 01:2009 (Bộ Xây dựng ban hành Thông tư số 22/2019/TT-BXD kèm theo QCVN số 01:2009 thay thế QCVN số 01: 2008). | Chuyên đề việc quản lý quy hoạch, cấp phép xây dựng tại các đô thị giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Yên Bái |
| 60 | UBND tỉnh Sơn La | Sửa đổi Quyết định số 1324/QĐ- UBND ngày 28/5/2014 quy định định mức nước tiêu thụ đối với các tổ chức, hộ gia định tự khai thác nước để tính phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, xây dựng theo quy định tại điểm a, khoản 1, điều 7 Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ. | Ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Sơn La |
| 61 | UBND tỉnh Sơn La | UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành quy định cụ thể Phí bảo vệ môi trường đối với mức thu đối với khoáng sản tận thu theo đúng quy định tại Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ. | Ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Sơn La |
| 62 | UBND tỉnh Sơn La | Sửa đổi Quyết định số 48/2018/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 về việc ban hành tỷ lệ quy đổi từ số lượng khoáng sản thành phẩm ra số lượng khoáng sản nguyên khai để áp dụng thu phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Sơn La *(đối với khoáng sản đá xây dựng)* theo quy định tại Quyết định số 1329/QĐ-BXD ngày 19/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. | Ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Sơn La |
| 63 | Bộ Xây dựng | Hướng dẫn đầy đủ, cụ thể khoản 22 Điều 3 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 về loại "*công trình cung cấp năng lượng*" thuộc nhóm công trình hạ tầng kỹ thuật là gồm những công trình nào, làm cơ sở thực hiện theo quy định. | Ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Sơn La |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Nội dung kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán |
|---|---|---|---|
| 64 | HĐND tỉnh Sơn La | Ban hành quy định cụ thể Phí bảo vệ môi trường đối với mức thu đối với khoáng sản tận thu tại Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ. | Ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Sơn La |
| 65 | Sở Giao thông vận tải tỉnh Lạng Sơn | Hướng dẫn các đơn vị trực thuộc xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị theo quy định cơ chế tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp. | Ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Lạng Sơn |
| 66 | Sở Tài chính tỉnh Lạng Sơn | Tham mưu cho UBND tỉnh Lạng Sơn trình HĐND tỉnh Lạng Sơn ban hành quy định về: (i) Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp; (ii) Phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng động sản, trừ tàu bay, tàu biển. | Ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Lạng Sơn |
| 67 | UBND tỉnh Lạng Sơn | Ban hành văn bản theo thẩm quyền sửa đổi một số nội dung về quy định chức năng nhiệm vụ của Sở Xây dựng tại Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 24/4/2020 chưa phù hợp với quy định của Luật Quy hoạch đô thị. | Chuyên đề việc quản lý quy hoạch, cấp phép xây dựng tại các đô thị giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn |
| 68 | UBND tỉnh Lạng Sơn | Ban hành văn bản theo thẩm quyền sửa đổi Điều 7 Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 28/02/2018 về quy định mức phần trăm để tính đơn giá thuê đất không phù hợp với khoản 2 Điều 5 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP. | Chuyên đề việc quản lý quy hoạch, cấp phép xây dựng tại các đô thị giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn |
| 69 | UBND tỉnh Hà Giang | Chỉ đạo UBND các huyện Vị Xuyên, Đồng Văn, Quang Bình, Bắc Quang, thành phố Hà Giang xây dựng và ban hành Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị đối với các đô thị trên địa bàn huyện, thành phố theo quy định tại Nghị định số 38/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị. | Chuyên đề việc quản lý quy hoạch, cấp phép xây dựng tại các đô thị giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Hà Giang |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Nội dung kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán |
|---|---|---|---|
| 70 | Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Giang và các đơn vị có liên quan | Đối với tỉ lệ quy đổi khoáng sản nguyên khai đá vôi: Lược bỏ hướng dẫn phần ghi chú "2,68-2,71 tấn/m3 nguyên khai" tại mục 3, Phụ lục số 02, Quyết định số 20/2016/QĐ-UBND ngày 17/11/2016 của UBND tỉnh Hà Giang để phù hợp với quy định khoáng sản nguyên khai theo Luật khoáng sản. | Ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Hà Giang |
| 71 | Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Giang và các đơn vị có liên quan | Quyết định điều chỉnh, bổ sung văn bản đã ban hành Quy định điều chỉnh đơn vị tính khoáng sản nguyên khai đối với đá làm vật liệu thông thường, đất sét làm gạch, ngói phù hợp với đơn vị tính ($m^3$) của mức phí phải nộp do HĐND tỉnh quy định | Ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Hà Giang |
| 72 | UBND tỉnh Lạng Sơn, Tuyên Quang | Trên cơ sở tham mưu của Sở Xây dựng, UBND tỉnh nghiên cứu, xem xét ban hành theo thẩm quyền hướng dẫn, xác định "khu vực có ý nghĩa quan trọng" quy định tại Tiết c, Khoản 2, Điều 44 Luật Quy hoạch đô thị thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch đô thị nhằm phân định rõ trách nhiệm của UBND tỉnh và trách nhiệm của UBND các cấp. | Chuyên đề việc quản lý quy hoạch, cấp phép xây dựng tại các đô thị giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, Tuyên Quang |
| 73 | UBND tỉnh Thái Nguyên | Ban hành quy chế phối hợp trong công tác quản lý và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đảm bảo cơ chế quản lý, phối hợp giữa các ngành trong công tác BVMT của tỉnh Thái Nguyên theo quy định. | Chuyên đề hoạt động quản lý môi trường tại Ban quản lý khu kinh tế và Khu công nghiệp giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên |
| 74 | UBND tỉnh Thái Nguyên | Ban hành quy định cụ thể thời hạn gửi báo cáo quyết toán của các đơn vị dự toán ở địa phương theo quy định | Ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Thái Nguyên |
| 75 | UBND tỉnh Thái Nguyên | Ban hành hướng dẫn về tiêu chuẩn kỹ thuật và mức giá dự toán của tài sản thuộc danh mục mua sắm tập trung của địa phương phù hợp với quy định | Ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Thái Nguyên |
| 76 | UBND tỉnh Tuyên Quang | UBND tỉnh ban hành văn bản hướng dẫn về tiêu chuẩn kỹ thuật và mức giá dự toán của tài sản thuộc danh mục mua sắm tập trung của địa phương phù hợp với quy định. | Ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Tuyên Quang |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Nội dung kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán |
|---|---|---|---|
| 77 | HĐND tỉnh Tuyên Quang | Bãi bỏ Quyết định số 82/QĐ-UBND ngày 08/4/2013 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc quy định nội dung chi, mức chi thực hiện xây dựng ngân hàng câu trắc nghiệm... áp dụng trên địa bàn tỉnh không đúng quyền hạn theo thẩm quyền của HĐND tỉnh được quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 19, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015. | Ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Tuyên Quang |
| 78 | UBND tỉnh Điện Biên | Rà soát, hướng dẫn chi tiết về định mức chi phí hỗ trợ lập hồ sơ xây dựng công trình tại Quyết định số 22/2017/QĐ-UBND ngày 25/8/2017 của UBND tỉnh Điện Biên để đảm bảo tính tiết kiệm theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ. | Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tại 18 tỉnh năm 2020 |
| 79 | Văn phòng Điều phối Nông thôn mới Trung ương | Rà soát các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện Chương trình để kịp thời tham mưu cho các cơ quan chức năng sửa đổi, bổ sung nhằm đảm bảo thống nhất, phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương (vùng, miền), phát huy hiệu quả của Chính sách, đảm bảo thuận lợi cho các địa phương thực hiện Chương trình. | Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tại 18 tỉnh năm 2020 |
| 80 | UBND tỉnh Điện Biên, Bình Định | Triển khai xây dựng, ban hành và áp dụng cơ chế đặc thù, đặc thù rút gọn theo Nghị định 161/2016/NĐ-CP đối với công trình/dự án đủ điều kiện, áp dụng cơ chế tạo việc làm công đối với các công trình sử dụng nguồn vốn 135, ưu tiên giao cho người dân (tổ đội) thực hiện; áp dụng thiết kế công trình theo thiết kế mẫu đã được ban hành để tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn | Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững (Chương trình 135) tại 18 tỉnh năm 2020 |
| 81 | Thủ tướng Chính phủ | Ban hành quy định, tạo khuôn khổ pháp lý để quản lý đối với những trường hợp tạm duyệt dự toán trong đó quy định về các trường hợp được tạm duyệt dự toán, thời hạn phải phê duyệt dự toán chính thức. | Dự án cải tạo, nâng cấp đường cất hạ cánh, đường lăn cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất, Cảng hàng không quốc tế Nội Bài |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Nội dung kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán |
|---|---|---|---|
| 82 | Thủ tướng Chính phủ | Sửa đổi, bổ sung, cụ thể hơn đối với khoản 3 Điều 58 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 theo hướng: Người được giao quản lý xây dựng công trình khẩn cấp phải lập Phương án tổ chức quản lý xây dựng, trong đó phải phân tích xác định danh mục các hạng mục, gói thầu phải triển khai khẩn cấp và các hạng mục, gói thầu không khẩn cấp; đối với các hạng mục, gói thầu không khẩn cấp phải đấu thầu để lựa chọn nhà thầu (không giao thầu) để có thể tiết kiệm chi phí tối ưu cho dự án. | Dự án cải tạo, nâng cấp đường cất hạ cánh, đường lăn cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất, Cảng hàng không quốc tế Nội Bài |
| 83 | Bộ Giao thông vận tải | Xem xét sửa đổi các mã định mức QLD.10200 đếm xe bằng thủ công, QLD.10100 tuần đường, định mức cắt cỏ, bổ sung mã hiệu BDD.21400, BDD.21500, BDD.21600, BDD.21800, BDD.21900 khối lượng tính cho đường cấp III theo Quyết định số 3409/QĐ-BGTVT ngày 08/9/2014 của Bộ GTVT; (Quyết định 3409/QĐ-BGTVT ngày 08/09/2014). | Hoạt động quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đường bộ giai đoạn 2019 - 2020 |
| 84 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 573/QĐ-BKH&ĐT ngày 17/4/2019: Quy định rõ đối tượng và trách nhiệm trong việc: (i) Xét duyệt hồ sơ đăng ký dự thi; (ii) Kiểm tra hồ sơ đăng ký dự thi kỳ thi và cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động tư vấn đấu thầu. | Bộ Kế hoạch và Đầu tư |
| 85 | Bộ Tài chính | Phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan, nghiên cứu, sửa đổi: Quy định về mức chi đối với nội dung chi đào tạo kỹ năng chuyên sâu về công nghệ thông tin để đảm bảo thống nhất giữa Thông tư liên tịch số 19/2012/TTLT-BTC-BKH&ĐT-BTTTT và Thông tư liên tịch số 142/2010/TTLT-BTC-BTTTT. | Bộ Tài chính |
| 86 | Bộ Tài chính | Phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan, nghiên cứu, sửa đổi: (i) Quy định về đơn giá tiền lương đối với hoạt động ứng dụng CNTT | Bộ Tài chính |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Nội dung kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán |
|---|---|---|---|
| 87 | UBND tỉnh Hòa Bình | Xem xét sửa đổi, bổ sung Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 16/12/2016 cần quy định rõ các trường hợp chậm kê khai, chậm nộp tiền bảo vệ phát triển đất trồng lúa theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 phải tính và nộp vào NSNN số tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế. Đồng thời tạm dừng giao đất khi các tổ chức, cá nhân chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp NSNN về tiền bảo vệ phát triển đất trồng lúa vì đây là một thành phần của bộ hồ sơ xin chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang mục đích phi nông nghiệp theo quy định của Luật đất đai | Ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Hòa Bình |
| 88 | UBND tỉnh Hòa Bình | Hủy bỏ Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 7/7/2015 của HĐND thành phố Hòa Bình về việc thông qua đề án kiện toàn cơ cấu tổ chức, hoạt động của Đội trật tự đô thị thành phố và Tổ quản lý trật tự đô thị phường, xã trên địa bàn thành phố Hòa Bình | Ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Hòa Bình |
| 89 | Bộ Tài chính | Bãi bỏ Công văn số 5406/BTC-TCT ngày 23/4/2015 về việc khấu trừ thuế giá trị gia tăng theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC và Thông tư số 119/2014/TT-BTC; đồng thời có văn bản hướng dẫn Cục Thuế và Kho bạc Nhà nước các tỉnh, thành phố thực hiện khấu trừ thuế GTGT các công trình XDCB bằng nguồn vốn NSNN trên địa bàn phù hợp quy định hiện hành | Ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu |
| 90 | HĐND tỉnh Đắk Lắk | Ban hành Nghị quyết quy định mức thu phí BVMT đối với khai thác khoáng sản áp dụng tại địa phương theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10 Nghị định số 164/2026/NĐ-CP. | Ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Đắk Lắk |
| 91 | UBND tỉnh Quảng Nam | Báo cáo xin ý kiến của bộ ngành TW về việc ban hành chế độ có tính chất tiền lương (hỗ trợ đóng BHYT cho cán bộ không chuyên trách thôn, tổ dân phố) theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP; | Ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Quảng Nam |
| 92 | UBND tỉnh Quảng Nam | Kịp thời ban hành đơn giá dịch vụ công trên địa bàn theo các văn bản TW quy định tại Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH và Thông tư số 14/2017/TT-BXD, để thay thế các văn bản đã hết hiệu lực. | Ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Quảng Nam |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Nội dung kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán |
|---|---|---|---|
| 93 | UBND tỉnh Quảng Nam | Hủy bỏ Quyết định số 1284/QĐ-UBND ngày 3/5/2019 về Ban hành Quy định về cơ chế tài chính thanh toán vốn đầu tư xây dựng các khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng DA Khu nghỉ dưỡng Nam Hội An theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 153 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015. | Ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Quảng Nam |
| 94 | HĐND tỉnh Quảng Nam | Xem xét điều chỉnh Nghị quyết số 41/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh về cơ chế quản lý, phát triển cây Sâm Ngọc Linh áp dụng đối với Trung tâm Phát triển Sâm Ngọc Linh và Dược liệu Quảng Nam cho phù hợp với cơ chế tài chính của đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên theo quy định tại Nghị định số 141/2016/NĐ-CP | Ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Quảng Nam |
| 95 | HĐND tỉnh Quảng Nam | Ban hành định mức phân bổ NS trong thời kỳ ổn định mới xem xét không phân bổ dự toán quỹ tiền lương cho HĐ 68 đảm bảo theo đúng quy định của Nghị định số 161/2018/NĐ-CP. | Ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Quảng Nam |
| 96 | KBNN Trung ương | Điều chỉnh Công văn số 3545/KBNN-KTNN hướng dẫn hạch toán khoản thu vay thực tế đã nhận nợ nhưng chưa giải ngân (Nợ TK 1426/Có TK 3637) cho phù hợp với bản chất nghiệp vụ kinh tế phát sinh, vì đây không phải là khoản tạm ứng nên không hạch toán vào TK 1426 - Tạm ứng chi đầu tư XDCB của cấp NS từ vốn vay ngoài nước theo hình thức ghi thu, ghi chi. | Ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Quảng Nam |
| 97 | UBND tỉnh Bình Định | Bãi bỏ Quyết định 41/2019/QĐ-UBND ngày 19/7/2019 về chính sách trợ cấp sau khi tốt nghiệp đối với cán bộ công chức, viên chức được cử đi đào tạo không có chế độ; không đúng qui định của Luật NSNN 2015. | Ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Bình Định |
| 98 | UBND tỉnh Bình Định | Bãi bỏ Quyết định số 3956/QĐ-UBND ngày 03/11/2015 về việc hỗ trợ phụ cấp (25%) cho giáo viên được điều động về làm công tác quản lý hành chính tại Phòng giáo dục và đào tạo của các huyện thị trên địa bàn tỉnh do không đúng qui định tại khoản 8 Điều 25 Luật NSNN 2002; khoản 9 Điều 30 Luật NSNN 2015. | Ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Bình Định |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Nội dung kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán |
|---|---|---|---|
| 99 | UBND tỉnh Bình Định | Sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 3 Quyết định số 80/2020/QĐ-UBND ngày 16/12/2020 về chi khoán quỹ phụ cấp BHXH, BHYT cho cán bộ không chuyên trách thôn, tổ dân phố cấp xã phường để đảm bảo đúng với định mức qui định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP của Chính phủ | Ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Bình Định |
| 100 | HĐND tỉnh Bình Định | Bãi bỏ Nghị quyết số 25/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 của HĐND tỉnh về chính sách trợ cấp sau khi tốt nghiệp đối với cán bộ công chức, viên chức được cử đi đào tạo không có chế độ; không đúng qui định của Luật NSNN 2015 | Ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Bình Định |
| 101 | UBND tỉnh Bình Định | Tổ chức rà soát điều chỉnh Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 Ban hành quy định về lập, thẩm định, phê duyệt quản lý thực hiện quy hoạch đô thị trên địa bàn tỉnh để phù hợp với quy định tại Điều 42 Luật Quy hoạch đô thị về nội dung thành lập Hội đồng thẩm định. | Chuyên đề việc quản lý quy hoạch, cấp phép xây dựng (QH&CPXD) tại các đô thị giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi và Bình Định |
| 102 | UBND tỉnh Hưng Yên | Chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các đơn vị có liên quan: Ban hành quy định cụ thể thời hạn gửi báo cáo quyết toán ngân sách của các đơn vị dự toán cấp I ở địa phương theo mục 3, điểm 4 của Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017. | Ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Hưng Yên |
| 103 | UBND tỉnh Hưng Yên | Chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các đơn vị có liên quan: Ban hành quy định thời hạn gửi và thẩm định báo cáo quyết toán vốn đầu tư do địa phương quản lý; trình tự lập, gửi, xét duyệt, thẩm định và thông báo kết quả thẩm định quyết toán vốn đầu tư theo niên độ ngân sách hằng năm thuộc nguồn vốn do ngân sách cấp xã quản lý trên địa bàn tỉnh Hưng Yên. | Ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Hưng Yên |
| 104 | UBND tỉnh Hưng Yên | Chỉ đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch kịp thời lập Đề án thu một số khoản phí thuộc lĩnh vực văn hoá, thể thao, du lịch để trình HĐND tỉnh Hưng Yên ban hành qui định về thu, quản lý, sử dụng phí theo đúng thẩm quyền. | Ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Hưng Yên |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Nội dung kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán |
|---|---|---|---|
| 105 | UBND tỉnh Hưng Yên | Chỉ đạo Sở Tài chính tham mưu ban hành quyết định giao chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại DNNN do UBND tỉnh Hưng Yên làm chủ sở hữu hằng năm đúng thời hạn quy định của Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ; chủ trì thực hiện lập phương án sắp xếp lại, xử lý đối với nhà, đất của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo đúng quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 4 của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ | Ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Hưng Yên |
| 106 | UBND tỉnh Quảng Ninh | Ban hành quyết định giao chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp nhà nước do UBND tỉnh Quảng Ninh làm chủ sở hữu hằng năm đúng thời hạn quy định tại Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ; kịp thời ban hành đánh giá, xếp loại người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc UBND tỉnh quản lý năm 2020 theo quy định. | Ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Quảng Ninh |
| 107 | HĐND tỉnh Quảng Ninh | Xem xét điều chỉnh quy định tại khoản 1, Điều 5 Nghị quyết số 222/2019/NQ-HĐND ngày 07/12/2019 về cơ chế, biện pháp điều hành ngân sách để đảm bảo phù hợp quy định tại mục a, Điểm 7, Điều 9, Luật Ngân sách nhà nước năm 2015. | Ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Quảng Ninh |
| 108 | UBND tỉnh Khánh Hòa | Điều chỉnh quyết định thu hồi đất và giao đất cho Công ty TNHH Hoàn Cầu cho phù hợp với quy hoạch được phê duyệt. | Chuyên đề việc quản lý quy hoạch, cấp phép xây dựng tại các đô thị giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa |
| 109 | UBND tỉnh Khánh Hòa | Hủy bỏ Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 07/01/2009 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc công bố đơn giá cắm mốc giới quy hoạch chưa phù hợp với Thông tư số 10/2016/TT-BXD. | Chuyên đề việc quản lý quy hoạch, cấp phép xây dựng tại các đô thị giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Nội dung kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán |
|---|---|---|---|
| 110 | UBND tỉnh Khánh Hòa | Rà soát, bổ sung, sửa đổi Quyết định số 4104/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 của UBND tỉnh Khánh Hòa cho phù hợp với Quyết định số 127/QĐ-TTg ngày 02/02/2012 và Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ. | Chuyên đề việc quản lý quy hoạch, cấp phép xây dựng tại các đô thị giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa |
| 111 | UBND tỉnh Lâm Đồng | Sửa đổi Quyết định số 08/2016/QĐ-UBND ngày 01/02/2016 và Quyết định số 36/2015/QĐ-UBND ngày 27/4/2015 của UBND tỉnh Lâm Đồng đảm bảo phù hợp với Bảng 2.8 Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng. | Ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Lâm Đồng |
| 112 | UBND tỉnh Lâm Đồng | Hủy bỏ Đồ án quy hoạch chi tiết sân Golf Tuyền Lâm 18 lỗ Khu du lịch Quốc gia Hồ Tuyền Lâm, tỷ lệ 1/500 được phê duyệt tại Quyết định số 457/QĐ-UBND ngày 12/3/2020 của UBND tỉnh Lâm Đồng. | Ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Lâm Đồng |
| 113 | UBND tỉnh Lâm Đồng | Hủy bỏ Công văn số 3329/UBND-ĐC ngày 03/6/2010 của UBND tỉnh Lâm Đồng về chủ trương giao đất cho Trường Cao đẳng Y tế Lâm Đồng theo khoản 3 Điều 49 Luật Đất đai và giao cho cơ quan chức năng tổ chức quản lý theo quy định. | Ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Lâm Đồng |
| 114 | UBND tỉnh Lâm Đồng | Thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 2865/QĐ-UBND ngày 15/12/2020 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc cho Công ty Cổ phần du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng thuê đất tại phường 8, thành phố Đà Lạt. | Ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Lâm Đồng |
| 115 | UBND tỉnh Lâm Đồng | Thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 1291/QĐ-UBND ngày 19/5/2021 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc cho Công ty Cổ phần du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng thuê rừng không đúng quy định tại khoản 1 Điều 15 và Điều 17 Luật Lâm nghiệp 2017. | Ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Lâm Đồng |
| 116 | Sở Xây dựng | Rà soát, sửa đổi Điểm d và Điểm đ Điều 4 Quyết định số 4871/QĐ-SXD ngày 05/09/2017 cho phù hợp quy định tại Quyết định số 970/QĐ-BXD ngày 21/9/2017 của Bộ Xây dựng. | Ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Thanh Hóa |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Nội dung kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán |
|---|---|---|---|
| 117 | Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam | Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Quy chế điều hòa vốn ban hành theo Văn bản số 2034/2019/CV-NHHT ngày 25/12/2019 bao gồm: (i) Bổ sung quy định cụ thể hạn mức nhận tiền gửi điều hòa vốn (quy định chi tiết số vốn nhàn rỗi cần phải gửi vào tài khoản có kỳ hạn và không kỳ hạn); (ii) Khẩn trương nghiên cứu, ban hành hướng dẫn các chi nhánh về quy trình nhận hồ sơ, quản lý TSĐB là Quyền đòi nợ của các QTDND. Hướng dẫn cách theo dõi, tính, hạch toán giá trị của TSĐB là quyền đòi nợ theo điểm c khoản 1 Điều 15 và khoản 2 Quy chế điều hòa vốn số 2034/2019/CV-NHHT ngày 25/12/2019 để theo dõi, quản lý chặt chẽ và nhất quán toàn hệ thống, đảm bảo quyền lợi cao nhất cho NHHT trong trường hợp phải xử lý TSĐB để thu hồi nợ. | Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam |
| 118 | Ngân hàng TMCP xăng dầu Petrolimex | Nghiên cứu, rà soát, sửa đổi: Quyết định số 123-11/QĐ-TGĐ ngày 24/3/2011 v/v ban hành Quyết định về Quy chế quản lý TSCĐ và công cụ dụng cụ tại ngân hàng TMCP xăng dầu Petrolimex để phù hợp với quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính | Ngân hàng TMCP xăng dầu Petrolimex |
| 119 | Ngân hàng TMCP xăng dầu Petrolimex | Nghiên cứu, rà soát, sửa đổi: Quy trình mua hàng và thanh toán hàng hóa, dịch vụ ban hành ngày 1/8/2007 và sửa đổi bổ sung lần 1 ngày 24/3/2008, văn bản hướng dẫn thực hiện một số điều của "Quy trình mua hàng và thanh toán" của PGB số 375-12/PGB_TGĐ ngày 31/7/2012 của TGĐ PGB để đảm bảo tính hiệu quả trong quá trình thực hiện đầu tư mua sắm. | Ngân hàng TMCP xăng dầu Petrolimex |
| 120 | Công ty TNHH MTV Xổ số điện toán Việt Nam | - Nghiên cứu bổ sung bộ tiêu chí hướng dẫn lựa chọn ngân hàng gửi tiền đầu tư tài chính đảm bảo hiệu quả tối đa và quản lý chặt chẽ tiền đầu tư.<br>- Xem xét báo cáo Bộ Tài chính đề xuất sửa đổi, bổ sung hợp đồng BCC để làm rõ các nội dung như đơn vị tính thời gian hoạt động (cấp độ III) trong giờ kinh doanh xổ số.<br>- Báo cáo Bộ Tài chính xem xét sửa đổi một số quy định của nhà nước cho phù hợp hoạt động kinh doanh xổ số điện toán về nội dung: xử lý các vấn đề liên quan đến sự cố dẫn đến việc ngừng quay số mở thưởng (thời gian thu hồi, hủy vé, trả vé, trả lại tiền cho khách hàng hay chuyển vé đã bán đến các kỳ quay tiếp theo đối với các vé đã phát hành nhưng ngừng quay số mở thưởng)… | Công ty TNHH MTV Xổ số điện toán Việt Nam |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Nội dung kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán |
|---|---|---|---|
| 121 | Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam | Nghiên cứu sửa đổi Quy định số 1683/2019/QĐ-TGĐ-NHCT29 ngày 10/12/2019 theo hướng không vận dụng hình thức hợp đồng tặng-cho thu nhập để chứng minh nguồn thu để trả nợ, nhằm đảm bảo tính hiện hữu, thực có, cũng như cơ sở pháp lý của nguồn thu để trả nợ, qua đó nâng cao chất lượng công tác thẩm định và phê duyệt tín dụng của NHCT. | Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam |
| 122 | Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam | Nghiên cứu sửa đổi văn bản số 8809/TGĐ-NHCT35 ngày 19/6/2014 theo hướng quy định các CN trực thuộc chỉ được giải ngân đối với các giao dịch hàng hóa mà người bán phải xuất hóa đơn bán hàng hợp lệ cho người mua nhằm đảm bảo phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 16 Thông tư 39/2014/TT-BTC và Luật Quản lý Thuế số 38/2019/QH14 năm 2019. | Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam |
| 123 | Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam | Nghiên cứu, sửa đổi Quyết định số 944/2020/QĐ-TGĐ-NHCT63 ngày 30/6/2020 của NHCT theo hướng quy định hồ sơ giải ngân đối với mua nhà ở, nhận quyền sử dụng đất là Hợp đồng công chứng chuyển quyền sử dụng đất và tài sản trên đất. | Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam |
| 124 | Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam | Nghiên cứu, sửa đổi văn bản hướng dẫn số 3299/TGĐ-NHCT38 ngày 22/5/2019 của NHCT để thực hiện việc ghi nhận TSBĐ phù hợp giữa dư nợ và TSBĐ. | Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam |
| 125 | Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam | Nghiên cứu sửa đổi chính sách ưu đãi lãi suất cho vay quy định số 4288/TGĐ-NHCT 55+56+63+3 ngày 29/06/2020 theo hướng giảm biên độ ưu đãi lãi suất, đồng thời tăng biên độ tối thiểu đối với lãi suất cho vay sau thời gian ưu đãi nhằm đảm bảo hiệu quả nguồn vốn tín dụng khả dụng tại ngân hàng. | Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam |
| 126 | Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam | Sửa đổi văn bản số 9666/TGĐ-NHCT63+3 ngày 18/12/2020 theo hướng quy định việc thu hồi toàn bộ ưu đãi lãi suất đối với các trường hợp CBNV chấm dứt hợp đồng lao động nhằm bảo toàn lợi ích của NHCT và tính ràng buộc để giữ chân các CBNV chất lượng cao của NHCT như mục tiêu đặt ra của chính sách Associate Banking. | Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Nội dung kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán |
|---|---|---|---|
| 127 | Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam | Sửa đổi văn bản số 9361/TGĐ-NHCT1.1+3+63 ngày 10/12/2020 theo hướng hợp nhất tổng dư nợ các chương trình cho vay ưu đãi đối với CBNV. Nghiêm túc tuân thủ hạn mức tối đa áp dụng chính sách cho vay ưu đãi CBNV toàn hệ thống NHCT hiện tại cho đến khi có hướng dẫn của Bộ Tài chính và NHNN. | Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam |
| 128 | Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam | Nghiên cứu sửa đổi Quy tắc bảo hiểm người vay vốn ban hành kèm theo Quyết định số 599/QĐ-VBI6 ngày 17/4/2018 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, bổ sung điều khoản chế tài về thời gian thông báo nhằm ràng buộc trách nhiệm người tham gia bảo hiểm khi xảy ra tổn thất. | Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam |
| 129 | UBND tỉnh Trà Vinh | Hủy bỏ Quyết định số 515/QĐ-UBND ngày 01/4/2019 của UBND tỉnh quy định chi phí tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường do chưa phù hợp quy định khoản 4 Điều 3 Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15/5/2015 của Bộ Tài chính. | Dự án Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh |
| 130 | UBND tỉnh Bình Dương | Rà soát, xem xét bãi bỏ văn bản số 3179/UBND-KTTH ngày 26/10/2011 của tỉnh Bình Dương về việc sử dụng hệ số cung cấp đất bằng 1,428 đối với các loại đất sử dụng cho công trình xây dựng trên địa bản tỉnh do không còn phù hợp với quy định tại điểm 4.3.16 của Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 4447:2012. | Ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Bình Dương và Chuyên đề công tác quản lý thu, việc xử dụng nghĩa vụ thuế đối với các doanh nghiệp có giao dịch liên kết giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Bình Dương. |
| 131 | Tổng cục Thuế | Xem xét sửa đổi, bổ sung quy trình thanh tra, kiểm tra thuế đối với công tác quản lý doanh nghiệp có giao dịch liên kết. | Ngân sách địa phương (NSĐP) năm 2020 của tỉnh Bình Dương và Chuyên đề công tác quản lý thu, việc xử dụng nghĩa vụ thuế đối với các doanh nghiệp có giao dịch liên kết giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh |
| 132 | UBND tỉnh Trà Vinh | Hủy bỏ Quyết định số 515/QĐ-UBND ngày 01/4/2019 của UBND tỉnh quy định chi phí tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường do chưa phù hợp quy định khoản 4 Điều 3 Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15/5/2015 của Bộ Tài chính. | Hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư của dự án Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Nội dung kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán |
|---|---|---|---|
| 133 | UBND tỉnh Đồng Tháp | UBND tỉnh ban hành tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế theo quy định. | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Đồng Tháp |
| 134 | UBND tỉnh Đồng Tháp | Chỉ đạo Công ty Cổ phần Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đồng Tháp: Ban hành quy chế quản lý tài chính, quy chế quản lý chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý công nợ, tạm ứng, quy trình khai thác cát và quy trình luân chuyển chứng từ từ bộ phận quản lý các mỏ cát đến Phòng Kế toán | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Đồng Tháp |
| 135 | UBND tỉnh Đồng Tháp | Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp: Ban hành các quy chế quản lý tài chính, quy chế quản lý chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý các khoản phải thu khách hàng, các khoản tạm ứng, công nợ phải trả, quy chế mua sắm và quản lý hàng tồn kho, quy chế quản lý, sử dụng TSCĐ | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Đồng Tháp |
| 136 | UBND tỉnh Đồng Tháp | Ban hành Quyết định thay thế Quyết định số 221/QĐ-UBND.HC ngày 05/3/2013 cho phù hợp với Nghị định số 23/2020/NĐ-CP; quy định tại khoản 3 Điều 1 Luật số 63/2020/QH14 và các quy định pháp luật khác có liên quan. | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Đồng Tháp |
| 137 | UBND tỉnh Vĩnh Long | UBND tỉnh có văn bản sửa đổi, bổ sung: (i) Công văn số 1148/UBND-KTTH ngày 09/4/2019 (bổ sung quy định thời gian xét duyệt, thẩm định quyết toán của cơ quan tài chính cho các đơn vị dự toán cấp I các cấp ở địa phương); (ii) Quyết định số 1089/QĐ-UBND ngày 22/7/2014 (tại Điều 2 - ủy quyền cho Chủ tịch UBND cấp huyện công nhận hội có tính chất đặc thù hoạt động trong phạm vi cấp huyện) chưa phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP của Chính phủ (bổ sung nội dung: công nhận các hội đặc thù hoạt động trong phạm vi cấp huyện; đồng thời sửa đổi nội dung tại Điều 2: *"ủy quyền cho Chủ tịch UBND cấp huyện công nhận hội có tính chất đặc thù hoạt động trong phạm vi cấp huyện"* thành "*ủy quyền cho Chủ tịch UBND cấp huyện công nhận hội có tính chất đặc thù hoạt động trong phạm vi cấp xã"*);<br>- Hủy bỏ Quyết định số 09/2012/QĐ-UBND tỉnh ngày 07/5/2012 về việc ban hành đơn giá đo đạc bản đồ và đơn giá quản lý đất đai căn cứ các văn bản đến nay đã hết hiệu lực thi hành và không phù hợp theo các quy định hiện hành. | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Vĩnh Long |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Nội dung kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán |
|---|---|---|---|
| 138 | Cục Thuế tỉnh Vĩnh Long | Hủy bỏ Công văn số 530/CT-TTHT ngày 01/7/2020 của Cục Thuế tỉnh Vĩnh Long về việc trả lời chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp cho Công ty TNHH MTV XLD Bảo Linh và kiểm tra, rà soát lại việc kê khai nộp thuế của Công ty đảm bảo đúng quy định pháp luật. | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Vĩnh Long |
| 139 | Sở Tài chính tỉnh Vĩnh Long | Có văn bản hủy bỏ nội dung Biên bản họp ngày 02/3/2018 giữa Sở Tài chính và Công ty Cổ phần Công trình Công cộng; đồng thời có ban hành văn bản hướng dẫn Công ty thực hiện cơ chế thu nộp, quản lý sử dụng về tài chính đối với thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển xử lý rác thải sinh hoạt được đầu tư bằng nguồn NSNN của các hộ gia đình, cơ quan, tổ chức, các thành phần kinh tế với mức thu theo quy định Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 27/3/2017 của UBND tỉnh. | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Vĩnh Long |
| 140 | UBND tỉnh An Giang | UBND tỉnh kịp thời ban hành văn bản thay thế Công văn số 1277/UBND-XDCB ngày 14/4/2008 của UBND tỉnh An Giang về việc công bố định mức xây dựng kè trên địa bàn tỉnh An Giang căn cứ các Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 của Chính phủ, Thông tư số 15/2004/TT-BTC ngày 09/3/2004 của Bộ Tài chính đã hết hiệu lực. | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh An Giang |
| 141 | UBND tỉnh Vĩnh Long | Ban hành kế hoạch phát triển nhà ở hàng năm và 05 năm trên địa bàn theo quy định tại Điều 15 Luật Nhà ở số 65/2014/QH13. | Chuyên đề việc quản lý quy hoạch, cấp phép xây dựng tại các đô thị giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn các tỉnh An Giang, Đồng Tháp và Vĩnh Long (Tại Đồng Tháp) |
| 142 | UBND tỉnh Vĩnh Long | UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị thành phố Vĩnh Long được ban hành theo Quyết định số 3504/QĐ-UBND ngày 24/11/2015, điều chỉnh tại Quyết định số 1331/QĐ-UBND ngày 21/6/2017 và Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị thị xã Bình Minh được ban hành theo Quyết định số 2778/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh Vĩnh Long | Chuyên đề việc quản lý quy hoạch, cấp phép xây dựng tại các đô thị giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn các tỉnh An Giang, Đồng Tháp và Vĩnh Long (Tại Đồng Tháp) |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Nội dung kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán |
|---|---|---|---|
| 143 | Ngân hàng Chính sách xã hội | Nghiên cứu sửa đổi Quyết định số 2213/QĐ-NHCS ngày 25/8/2005 và Văn bản số 3254/NHCS-HĐQT ngày 16/11/2005 hướng dẫn cho vay đối với các dự án NHCSXH chịu rủi ro, để việc trích lập dự phòng chung đúng quy định tại Khoản 3, Điều 8, Thông tư số 62/2016/TT-BTC. | Ngân hàng Chính sách xã hội |
| 144 | Ngân hàng Chính sách xã hội | Nghiên cứu bổ sung quy định tại Văn bản số 2526/NHCS-TDSV ngày 27/7/2016 về cho vay mua nhà ở xã hội, xây dựng mới hoặc cải tạo nhà để ở, cụ thể: đối với trường hợp cho vay xây nhà ở phải thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (nhà ở hình thành từ vốn vay), khi hoàn thành xong nhà ở khách hàng phải làm thủ tục thế chấp và đăng ký giao dịch đảm bảo tài sản gắn liến với đất theo quy định. | Ngân hàng Chính sách xã hội |
| 145 | Ngân hàng Chính sách xã hội | Báo cáo và xin ý kiến của Bộ Tài chính sửa đổi/hủy bỏ Văn bản số 239/TC-TCĐN ngày 20/9/1995 về trích lập dự phòng tín dụng đối với dự án IFAD để mức trích dự phòng phù hợp với khoản 3, Điều 8, Thông tư 62/2016/TT-BTC. | Ngân hàng Chính sách xã hội |
| 146 | UBND tỉnh Đắk Nông | Chỉ đạo Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh sửa đổi các văn bản do đơn vị ban hành chưa đúng quy định của pháp luật có liên quan: Quy định về việc chi trả nhuận bút khuyến khích đối với tin, bài, chương trình phát sóng dịp lễ, Tết đặc biệt tại khoản 3 Điều 6 Quyết định số 145/QĐ-PTTH ngày 20/9/2018; quy định về địa bàn vùng đặc biệt khó khăn tại khoản 6 Công văn số 201/PTTH-TCHC ngày 20/9/2018. | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Đắk Nông |
| 147 | UBND tỉnh Kon Tum | - Sửa đổi Quyết định số 81/QĐ-UBND ngày 09/2/2018 về việc giao số lượng người làm việc trong tổ chức Hội đặc thù phù hợp với Công văn số 6668/BNV-TCBC ngày 19/12/2017 của Bộ Nội vụ;<br>- Ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN theo quy định tại Điều 24 Nghị định 141/2016/NĐ-CP. | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Kon Tum |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Nội dung kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán |
|---|---|---|---|
| 148 | HĐND tỉnh Kon Tum | Điều chỉnh Điều 1 Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 19/7/2018 quy định mức trích nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền thu từ đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh bổ sung nguồn vốn hoạt động cho Quỹ Đầu tư phát triển phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 3 Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg ngày 12/5/2010 của TTCP và Nghị quyết 67/2016/NQ-HĐND, Nghị quyết 12/2018/NQ-HĐND của HĐND tỉnh. | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Kon Tum |
| 149 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét sửa đổi bổ sung, nội dung trong Thông tư 16/2017/TT-BGD ĐT ngày 12/72017 chưa có vị trí của cán bộ chuyên trách làm công tác Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM cho phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 5 Quyết định số 13/2013/QĐ-TTg ngày 06/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ. | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Bình Thuận |
| 150 | UBND tỉnh Gia Lai | UBND tỉnh thực hiện và chỉ đạo các đơn vị liên quan: Ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí NSNN; danh mục sản phẩm, dịch vụ công ích; đơn giá, giá sản phẩm, dịch vụ công; mức trợ giá sản phẩm, dịch vụ công ích, thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP; hướng dẫn các huyện, thị xã, thành phố thực hiện đấu thầu, đặt hàng dịch vụ công ích theo quy định. | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Gia Lai |
| 151 | UBND tỉnh Gia Lai | UBND tỉnh thực hiện và chỉ đạo các đơn vị liên quan: Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 416/QĐ-UBND ngày 26/5/2017 của UBND tỉnh quy định về mức thu phí bảo vệ môi trường cho phù hợp với Nghị quyết 58/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của HĐND tỉnh. | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Gia Lai |
| 152 | UBND tỉnh Đắk Nông | Chỉ đạo Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh sửa đổi các văn bản do đơn vị ban hành chưa đúng quy định của pháp luật có liên quan: Quy định về việc chi trả nhuận bút khuyến khích đối với tin, bài, chương trình phát sóng dịp lễ, tết đặc biệt tại khoản 3 Điều 6 Quyết định số 145/QĐ-PTTH ngày 20/9/2018; quy định về địa bàn vùng đặc biệt khó khăn tại khoản 6 Công văn số 201/PTTH-TCHC ngày 20/9/2018. | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Đắk Nông |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Nội dung kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán |
|---|---|---|---|
| 153 | Tổng cục Thuế | - Ban hành Quy trình xác minh hoá đơn để việc xác minh hóa đơn có hiệu quả. Rà soát, bổ sung, sửa đổi Quy trình hoàn thuế ban hành kèm theo Quyết định số 905/QĐ-CT trong việc quy định hồ sơ lưu trữ, trình tự, thủ tục giải quyết hồ sơ hoàn thuế tại Cơ quan thuế phù hợp với thực tế, bổ sung các bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch mua vào bán ra để tạo thuận lợi cho công tác hoàn thuế và thanh tra, kiểm tra, tránh làm phiền người nộp thuế;<br>- Rà soát, bổ sung, sửa đổi Quy trình thanh tra, kiểm tra thuế đối với quy định về lưu trữ bằng chứng, hồ sơ, tài liệu làm căn cứ cho kết quả, kiến nghị thanh tra, kiểm tra. | Chuyên đề công tác quản lý nhà nước tại Tổng cục Thuế và các Cục Thuế liên quan đến việc hoàn thuế, miễn, giảm, giãn thuế, chống trốn thuế, chuyển giá năm 2020 |
| 154 | Tổng cục Thuế | Ban hành bộ tiêu chí hỗ trợ phân tích rủi ro đối với việc phân loại hồ sơ hoàn thuế quy định tại khoản 1 Điều 15 Thông tư số 204/2015/TT-BTC quy định về áp dụng quản lý rủi ro trong quản lý thuế, Điều 12 Thông tư số 99/2016/TT-BTC. | Chuyên đề công tác quản lý nhà nước tại Tổng cục Thuế và các Cục Thuế liên quan đến việc hoàn thuế, miễn, giảm, giãn thuế, chống trốn thuế, chuyển giá năm 2020 |
| 155 | Tổng cục Thuế | Ban hành Văn bản hướng dẫn đối với việc thực hiện kê khai và nộp lãi nước chủ nhà khí thiên nhiên của PVN đảm bảo tính thống nhất với điều ước đã được thỏa thuận bảo lãnh và cam kết Chính phủ từ năm 2000. | Chuyên đề công tác quản lý nhà nước tại Tổng cục Thuế và các Cục Thuế liên quan đến việc hoàn thuế, miễn, giảm, giãn thuế, chống trốn thuế, chuyển giá năm 2020 |
| 156 | Tổng cục Thuế | Nghiên cứu ban hành văn bản hướng dẫn Quy trình thanh tra, kiểm tra ban hành kèm theo Quyết định số 1404/QĐ-TCT ngày 28/7/2015, Quyết định số 746/QĐ-TCT ngày 20/4/2015. | Chuyên đề công tác quản lý nhà nước tại Tổng cục Thuế và các Cục Thuế liên quan đến việc hoàn thuế, miễn, giảm, giãn thuế, chống trốn thuế, chuyển giá năm 2020 |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Nội dung kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán |
|---|---|---|---|
| 157 | Tổng cục Thuế | Tiếp tục rà soát, tham mưu cho Bộ Tài chính để trình Chính phủ điều chỉnh, bổ sung các quy định có liên quan đến công tác hoàn thuế còn bất cập, chưa rõ ràng giữa các quy định về pháp luật thuế, pháp luật đầu tư, pháp luật điện lực... nhằm tạo sự thống nhất trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện. Trong khi chưa có quy định thay thế, TCT chỉ đạo Cục Thuế các tỉnh ban hành Quyết định hoàn thuế dự án đầu tư đúng quy định tại Điểm 2 và 3 khoản 3 Điều 1 Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016. | Chuyên đề công tác quản lý nhà nước tại Tổng cục Thuế và các Cục Thuế liên quan đến việc hoàn thuế, miễn, giảm, giãn thuế, chống trốn thuế, chuyển giá năm 2020 |
| 158 | Bộ Tài chính | Nghiên cứu, ban hành thông tư thay thế Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 cho phù hợp với Luật NSNN năm 2015 và Luật Quản lý thuế năm 2018 | Chuyên đề công tác quản lý nhà nước tại Tổng cục Thuế và các Cục Thuế liên quan đến việc hoàn thuế, miễn, giảm, giãn thuế, chống trốn thuế, chuyển giá năm 2020 |
| 159 | Sở TNMT tỉnh Quảng Ngãi | Tham mưu UBND tỉnh Ban hành Quyết định thay thế khoản 5 Điều 1 Quyết định số 144/QĐ-UBND ngày 26/01/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước cho Công ty CP Thủy điện Huy Măng với tổng số tiền phải nộp từ năm 2020 đến năm 2025 là 482.862.430đ. Trong đó năm 2020 (từ ngày 10/03/2020 đến ngày 31/12/2020) nộp 72.076.290đ, từ năm 2021 đến năm 2024 mỗi năm nộp 88.877.855đ; năm 2025 (từ ngày 01/01/2025 đến ngày 15/8/2025) nộp 55.274.720đ. | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Quảng Ngãi |
| 160 | Bộ Giao thông vận tải | Khẩn chương rà soát các văn bản có liên quan để kịp thời sửa đổi, bổ sung ban hành một số văn bản thuộc thẩm quyền của Bộ GTVT cho phù hợp với các quy định hiện hành và thực tiễn như: Xem xét sửa đổi các mã định mức QLD.10200 đếm xe bằng thủ công, QLD.10100 tuần đường, định mức cắt cỏ, bổ sung mã hiệu BDD.21400, BDD.21500, BDD.21600, BDD.21800, BDD.21900 khối lượng tính cho đường cấp III theo Quyết định số 3409/QĐ-BGTVT ngày 08/9/2014 của Bộ GTVT | Hoạt động quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đường bộ giai đoạn 2019 - 2020 |

| TT | Cơ quan, tổ chức được kiến nghị | Nội dung kiến nghị | Trích từ báo cáo kiểm toán |
|---|---|---|---|
| 161 | Văn phòng Quốc hội | Rà soát những bất cập, báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 524/2012/UBTVQH13 ngày 20/9/2012 (trong đó xác định, tách bạch cụ thể đối với cơ chế chi quản lý hành chính, nhiệm vụ chi hoạt động thường xuyên đối với cán bộ, công chức và người lao động của Quốc hội; và các nhiệm vụ chi đặc thù của Quốc hội, phục vụ hoạt động của Quốc hội, UBTVQH, Hội đồng dân tốc và các Ủy ban của Quốc hội). | Việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2020 của Văn phòng Quốc hội |
| 162 | Văn phòng Quốc hội | Báo cáo UBTVQH ban hành định mức, chế độ, tiêu chuẩn và các nhiệm vụ chi đặc thù của Quốc hội theo quy định tại Điều 99, Luật Tổ chức Quốc hội để làm cơ sở lập, phân bổ và giao dự toán phù hợp với tính chất đặc thù hoạt động của Quốc hội. | Việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2020 của Văn phòng Quốc hội |

***Tổng số 198 văn bản: 01 luật, 05 nghị định, 03 quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 27 Thông tư và 162 văn bản khác.***

# KIẾN NGHỊ CỦA KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC VỀ XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM TẬP THỂ, CÁ NHÂN LIÊN QUAN ĐẾN CÁC SAI PHẠM ĐƯỢC PHÁT HIỆN TỪ KẾT QUẢ KIỂM TOÁN NĂM 2021

| STT | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|
| 1 | Kiểm toán hoạt động quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đường bộ giai đoạn 2019 - 2020 | Đề nghị Tổng cục Đường bộ Việt Nam chỉ đạo kiểm điểm rút kinh nghiệm công tác quản lý, sử dụng kinh phí hoạt động kinh tế đường bộ đối với các nội dung sau:<br>1. Tổng hợp, trình kế hoạch bảo trì đường bộ có nội dung chưa phù hợp với tính chất của công tác bảo trì đường bộ; tham mưu, giao dự toán chi năm 2020 tại Quyết định số 419/QĐ-BGTVT ngày 20/3/2020 của Bộ Giao thông vận tải cho công trình sửa chữa định kỳ khởi công mới chưa đủ căn cứ dẫn đến phải điều chỉnh giảm tại Quyết định số 679/QĐ-BGTVT 14/4/2020; Chậm lập và gửi Báo cáo quyết toán năm cho Bộ Giao thông vận tải theo đúng thời gian quy định.<br>2. Chưa kịp thời đôn đốc các đơn vị hoàn thành kế hoạch, dự toán chi được giao, còn để hủy số dư dự toán lớn, năm 2019 là 109.430trđ, năm 2020 số tiền 81.888trđ.<br>3. Phê duyệt công trình nhưng chưa triển khai; một số Báo cáo thẩm định (Hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, kế hoạch lựa chọn nhà thầu) và quyết định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công dự toán, kế hoạch lựa chọn nhà thầu thiếu nội dung; thời gian thẩm định để phê duyệt công trình, phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán, kế hoạch lựa chọn nhà thầu chậm; chậm thẩm tra, phê duyệt báo cáo quyết toán công trình hoàn thành.<br>4. Cục QLĐB I, thực hiện các hạng mục thuộc phạm vi khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm giao thông bước 2 (phần có vật liệu) cùng với các công trình khắc phục lụt bão, đảm bảo giao thông bước 1 (chỉ định thầu) với tổng số tiền 32.044,8trđ không đúng theo quy định (kiểm điểm rút kinh nghiệm).<br>5. Sở Giao thông vận tải Hà Giang chỉ đạo tổ chức triển khai kiểm điểm các đơn vị được giao quản lý bảo trì đường bộ khi chưa thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định của Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07/6/2018 của Bộ GTVT (kiểm điểm rút kinh nghiệm). |

| STT | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|
| | | 6. Sở Giao thông vận tải Thanh Hóa chỉ đạo tổ chức triển khai kiểm điểm các đơn vị được giao quản lý bảo trì đường bộ khi chưa thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định của Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07/6/2018 của Bộ Giao thông vận tải (kiểm điểm rút kinh nghiệm). |
| 2 | Kiểm toán chuyên đề công tác quản lý nhà nước tại Tổng cục Thuế và các Cục Thuế liên quan đến việc hoàn thuế, miễn, giảm, giãn thuế, chống trốn thuế, chuyển giá năm 2020 | Đề nghị Tổng Cục thuế chỉ đạo các đơn vị liên quan:<br>1. Kiểm điểm, rút kinh nghiệm trong việc giải quyết vướng mắc của NNT còn chậm so với quy định tại tiết b khoản 1 Điều 10 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 78/2007/QĐ-BTC ngày 18/9/2007.<br>2. Kiểm điểm, rút kinh nghiệm trong việc miễn tiền thuê đất cho Công ty TNHH MTV XM Quang Sơn khi chưa hoàn tất thủ tục ký lại hợp đồng cho thuê đất giữa Sở Tài nguyên và Môi trường với Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn theo quy định; lưu trữ hồ sơ, thẩm định, phê duyệt miễn tiền sử dụng đất cho Chi nhánh Chè Sông Cầu thuộc Tổng công ty Chè Việt Nam khi chưa đầy đủ hồ sơ theo quy định; thu lệ phí trước bạ cao hơn quy định của mặt hàng ô tô Mecedes-Benz GLC300 4Matic 253984.<br>3. Kiểm điểm, rút kinh nghiệm trong việc: (i) Chưa thực hiện đúng hướng dẫn của Tổng cục về lập dự toán hoàn thuế, không đánh giá tác động của cơ chế chính sách đến số hoàn thuế GTGT theo điểm 1 phần I mục B Công văn 2483/TCT-DT ngày 19/6/2019 của Tổng cục thuế; (ii) Chưa xác định đúng thời gian và kịp thời xác định số tiền thuê đất phải nộp tại Trường Đại học Trà Vinh; chưa tính đúng tiền thuê đất phải nộp khi đơn vị chuyển đổi hình thức hoạt động, từ nhà nước giao quyền sử dụng đất chuyển sang nhà nước cho thuê đất tại Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Khu vực Sông Tiền.<br>4. Kiểm điểm, rút kinh nghiệm trong công tác xử lý, giải quyết hồ sơ hoàn thuế, hồ sơ miễn giảm tiền thuê đất chưa đảm bảo đúng trình tự, thời gian theo quy định; công tác lập dự toán hoàn thuế chưa tuân thủ đầy đủ theo hướng dẫn xây dựng dự toán hoàn thuế của Tổng cục; chấn chỉnh những tồn tại trong công tác thanh tra, kiểm tra, phê duyệt kế hoạch kiểm tra hồ sơ khai thuế tại trụ sở cơ quan thuế chưa tuân thủ theo quy định.<br>5. Kiểm điểm, rút kinh nghiệm trong việc thu lệ phí trước bạ cao hơn quy định mặt hàng ô tô Mecedes-Benz GLC300 4Matic 253984: 8.595.000đ/1 xe.<br>6. Kiểm điểm, rút kinh nghiệm trong việc thu lệ phí trước bạ cao hơn quy định mặt hàng ô tô Mazda CX-5 20G AT 2WD KW: 2.700.000đ/1 xe đối với Chi cục Thuế Khu vực Cẩm Phả - Vân Đồn - Cô Tô. |

| STT | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|
| | | 7. Kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân đối với các Cục Thuế có hoàn thuế GTGT chưa đủ điều kiện, chưa đúng quy định; thời gian giải quyết hồ sơ hoàn thuế chậm so với quy định;<br>8. Kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân đối với các thiếu sót, vi phạm dẫn đến thực hiện việc ra thông báo thiếu tiền thuê đất, giảm tiền thuê đất đối với diện tích đã bị thu hồi; đối với việc thực hiện chưa đúng quy trình thanh tra, kiểm tra (Cục Thuế tỉnh Đồng Nai).<br>9. Kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan đến việc rà soát, thẩm định, ra các Quyết định miễn tiền thuê đất số 29/QĐ-CT ngày 13/01/2017; Quyết định 1118, 1119/QĐ-CT; Quyết định số 106/CT-QĐ ngày 21/01/2020 không đúng quy định (Cục thuế TP. Cần Thơ).<br>10. Kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân về việc thiếu sót trong công tác lập dự toán hoàn thuế GTGT, hồ sơ hoàn thuế trước - kiểm tra sau; công tác lập kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2020.<br>11. Kiểm điểm, rút kinh nghiệm: Chưa xác định đúng thời gian và kịp thời xác định số tiền thuê đất phải nộp tại Trường Đại học Trà Vinh; chưa tính đúng tiền thuê đất phải nộp khi đơn vị chuyển đổi hình thức hoạt động, từ nhà nước giao quyền sử dụng đất chuyển sang nhà nước cho thuê đất tại Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Khu vực Sông Tiền (Cục Thuế tỉnh Trà Vinh).<br>12. Kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân: (i) Đối với quyết định hoàn thuế GTGT chưa đủ điều kiện, chưa đúng quy định; thời gian giải quyết hồ sơ hoàn thuế chậm so với quy định; (ii) Về việc sai sót trong công tác lập dự toán hoàn thuế GTGT, hồ sơ hoàn thuế trước - kiểm tra sau; công tác lập kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2020; công tác thẩm định hồ sơ miễn, giảm tiền thuê đất, thực hiện chưa đúng quy trình thanh tra, kiểm tra. |
| 3 | Chuyên đề việc quản lý, sử dụng vốn Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh giai đoạn 2016-2020 | 1. Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với một số tồn tại, hạn chế trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Bộ:<br>- Kết thúc năm 2020 chưa hoàn thành các mục tiêu của Chương trình nói chung và của hợp phần Biến đổi khí hậu nói riêng. |

| STT | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|
| | | - Công tác lập và hoàn thiện Chương trình trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt còn thiếu sót: Báo cáo nghiên cứu khả thi của Chương trình còn thiếu nội dung theo quy định; hoàn thiện Chương trình để phê duyệt còn chậm, các mục tiêu cụ thể chưa cụ thể hóa được các mục tiêu tổng quát; lựa chọn và trình danh mục các dự án để thực hiện chậm; phân công trách nhiệm của các bộ trong việc quản lý và thực hiện Chương trình còn chưa phù hợp với chức năng, nhiệm vụ;<br>- Công tác thực hiện kiểm tra, giám sát của chủ Chương trình, chủ hợp phần chưa chặt chẽ, chưa kịp thời (trong quá trình thực hiện Chương trình mới tổ chức 03 lần kiểm tra trực tiếp, trước khi Chương trình được duyệt 02 lần với dự án chuyển tiếp và sau khi Chương trình được phê duyệt 01 lần); định kỳ chưa tổ chức sơ kết; chưa báo cáo tình hình triển khai thực hiện Chương trình hằng năm, giữa kỳ và cuối kỳ; không thực hiện tổng hợp và xây dựng kế hoạch trung hạn và hằng năm đối với các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình; đến thời điểm kiểm toán chưa tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Chương trình;<br>- Đề xuất phân bổ vốn kế hoạch vốn đầu tư công hằng năm không phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn đối với dự án "Xây dựng mạng lưới giám sát biến đổi khí hậu, nước biển dâng cho Việt Nam", đồng thời điều chuyển vốn cho dự án "Xây dựng mô hình số độ chính xác cao khu vực đồng bằng và ven biển phục vụ công tác nghiên cứu, đánh giá tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng" không phù hợp với quy định;<br>- Chậm triển khai các nội dung sử dụng vốn sự nghiệp của hợp phần Biến đổi khí hậu dẫn đến một số nhiệm vụ không được triển khai;<br>- Chưa làm rõ với các địa phương trong việc tổ chức triển khai thực hiện Chương trình dẫn đến có nhiều dự án phê duyệt tuy nhiên có quy mô đầu tư giảm so với đăng ký và thời gian thực hiện chậm so với thời gian thực hiện Chương trình.<br>2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với một số tồn tại, hạn chế trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Bộ:<br>- Kết thúc năm 2020 chưa hoàn thành các mục tiêu của Chương trình nói chung và của hợp phần Tăng trưởng xanh nói riêng; |

| STT | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|
| | | - Công tác lập, thẩm định và hoàn thiện Chương trình trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt còn thiếu sót: thẩm định và hoàn thiện Chương trình để phê duyệt còn chậm, các mục tiêu cụ thể về hợp phần Tăng trưởng xanh chưa cụ thể hóa được các mục tiêu tổng quát; lựa chọn và trình danh mục các dự án để thực hiện chậm;<br>- Tham mưu trình Thủ tướng Chính phủ phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công hằng năm cho Bộ Tài nguyên và môi trường chưa phù hợp với kế hoạch ĐTC trung hạn; giao kế hoạch ĐTC trung hạn khi dự án chưa có quy hoạch, chưa đúng đối tượng (dự án nhóm C);<br>- Chưa tích cực trong việc kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện Chương trình; chưa gửi thông báo đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ thuộc hợp phần Tăng trưởng xanh cho chủ Chương trình;<br>- Việc theo dõi tình hình thực hiện vốn đầu tư chưa chặt chẽ kịp thời dẫn đến chưa báo cáo cấp có thẩm quyền điều chỉnh, điều hòa đối với: số vốn thừa chưa bố trí hàng năm của kế hoạch ĐTC trung hạn, các dự án được bố trí vốn vượt so với tổng mức đầu tư điều chỉnh, số vốn giao hàng năm nhưng không giải ngân hết và đã hết thời gian giải ngân;<br>- Chậm triển khai các nội dung sử dụng vốn sự nghiệp của hợp phần Tăng trưởng xanh dẫn đến một số nhiệm vụ không được triển khai, không hoàn thành; không theo dõi, tổng hợp các báo cáo định kỳ về thực hiện vốn sự nghiệp hợp phần Tăng trưởng xanh của các Bộ, cơ quan Trung ương, Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã gửi. |
| 4 | Việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư chỉ đạo tổ chức kiểm điểm rút kinh nghiệm trong việc:<br>1. Chậm quyết toán, chậm phê duyệt quyết toán đối với các dự án đầu tư xây dựng đã hoàn thành vượt quá thời gian quy định, nhất là các dự án chậm quá 24 tháng (Phụ lục 07.8/BKCT-NSBN) và chậm thực hiện lập báo cáo quyết toán theo quy định đối với các dự án viện trợ đã kết thúc nhiều năm.<br>2. Xác định nhu cầu, bố trí kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cho dự án chưa có quyết định đầu tư, dự án chưa đầy đủ thủ tục đầu tư và không hoàn thành kế hoạch giải ngân; việc tổng hợp số liệu tình hình thực hiện công tác đấu thầu của Bộ còn chậm trễ; Cục Thống kê tỉnh Long An trong việc phê duyệt các gói thầu mua sắm thiết bị khi chưa được phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và chỉ định thầu đối với nhà thầu không có tên trong cơ sở dữ liệu về nhà thầu trong mạng đấu thầu quốc gia. |

| STT | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|
| | | 3. Giao nhiệm vụ KHCN theo phương thức giao nhiệm vụ trực tiếp không qua tuyển chọn khi chưa đủ điều kiện.<br>4. Chậm triển khai các nhiệm vụ được giao trong việc thực hiện Hợp phần Tăng trưởng xanh (thuộc CTMT Ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh) giai đoạn 2016-2020 dẫn đến phần lớn kinh phí phải hủy dự toán và hầu hết các nhiệm vụ chính chưa được thực hiện.<br>5. Tổng cục Thống kê và các đơn vị trực thuộc (Văn phòng Tổng cục, Cục Thống kê thành phố Hà Nội, Cục Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh) trong việc thanh toán một số khoản chi thiếu hồ sơ thủ tục, vượt định mức, không có trong dự toán được phê duyệt.<br>6. Quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa: (i) Chậm triển khai cho vay trực tiếp và tài trợ; thực hiện cho vay hỗ trợ đạt tỷ lệ quá thấp so với số vốn được giao; (ii) Phương án sử dụng tiền nhàn rỗi gửi ngân hàng chưa thuyết minh đầy đủ lý do lựa chọn ngân hàng; (iii) Chậm phê duyệt quỹ lương thực hiện 2019 và quỹ lương kế hoạch 2020; Chưa xác định quỹ lương thực hiện năm 2020 cho người lao động theo Điều 17, 18 Thông tư số 26/2016/TT-BTC ngày 1/9/2016. |
| 5 | Văn phòng Quốc hội | Đề nghị Văn phòng Quốc hội và các đơn vị trực thuộc có liên quan kiểm điểm, rút kinh nghiệm trong việc:<br>1. Không lập dự toán năm (VPQH-Cấp III); Vụ KH-TC chưa tham mưu cho Lãnh đạo VPQH trong việc giao dự toán NSNN (chi hoạt động thường xuyên), báo cáo, đề xuất cấp có thẩm quyền giảm trừ dự toán số kinh phí thừa, không còn nhiệm vụ chi của các năm trước chuyển sang 300.568,1trđ; tham mưu cho Lãnh đạo VPQH giao dự toán một số nội dung chưa đầy đủ cơ sở dẫn đến trong năm không thực hiện được phải điều chỉnh dự toán và hủy dự toán.<br>2. Thanh toán tiền làm thêm giờ vượt quá 300 giờ/năm; không thanh toán kịp thời với KBNN khoản tạm ứng từ KBNN 22.286,7trđ và số liệu đơn vị đã chi nhưng bỏ sót không thanh toán với KBNN dẫn đến âm nguồn kinh phí 10.740trđ; không thực hiện đối chiếu, xác nhận công nợ phải thu, phải trả, tạm ứng với các cá nhân, đơn vị liên quan làm căn cứ khoá sổ kế toán (VPQH-Cấp III); chưa có biện pháp thu hồi dứt điểm đối với các khoản tạm ứng để kéo dài nhiều năm đến nay chưa xử lý (VPQH-Cấp III, NKQH tại Hà Nội); các sai sót, tồn tại trong công tác xây dựng kế hoạch, lập, thẩm định và trình phê duyệt dự toán, hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ và công tác quản lý, sử dụng tài sản (Cục Quản trị; Vụ KHTC). |

| STT | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|
| | | 3. Phân bổ KHV năm 2020 cho dự án không có trong danh mục KHV đầu tư công trung hạn vốn NSTW trong nước giai đoạn 2016-2020; đề xuất và phân bổ KHV cho các dự án sử dụng nguồn dự phòng chung không đúng đối tượng quy định.<br>4. Bàn giao cho đơn vị bên ngoài sử dụng một số diện tích trụ sở tuy nhiên không báo cáo, như: Quầy bán đồ lưu niệm tại Nhà Quốc hội, đặt cây ATM trong khuôn viên trụ sở làm việc; chưa quản lý, theo dõi theo quy định đối với khu nhà ở công vụ tại ngõ 217 Đê La Thành, còn 02 căn hộ để trống và 03 hộ gia đình dây dưa kéo dài chưa trả lại nhà ở công vụ tại ngõ 217 Đê La Thành (NKQH tại Hà Nội).<br>5. Không cung cấp đầy đủ, kịp thời các hồ sơ, tài liệu phục vụ công tác kiểm toán (Cục Quản trị, Viện NCLP). |
| 6 | Bộ Công Thương | Đề nghị Bộ Công Thương chỉ đạo kiểm điểm, rút kinh nghiệm đối với các nội dung sau:<br>1. Trường ĐH Điện lực trong việc chưa xử lý thu hồi các khoản nợ tồn đọng nhiều năm; chưa thực hiện thu lại khoản thuế TNCN đã nộp hộ cho cá nhân.<br>2. Viện Nghiên cứu Cơ khí trong việc mua sắm nguyên vật liệu đầu vào của hoạt động dịch vụ chưa tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính.<br>3. Đối với các đơn vị thực hiện việc lập, thẩm định, phê duyệt dự án ĐTXD giảng đường H1 của Trường CĐ Công nghiệp Huế khi chưa xác định rõ nguồn vốn và khả năng bố trí vốn dẫn đến dự án dở dang, không thể hoàn thành nhưng chưa kịp thời có các giải pháp tháo gỡ để xử lý dứt điểm, làm giảm hiệu quả sử dụng NSNN. |
| 7 | Đại học Quốc gia Hà Nội | Đề nghị Đại học Quốc gia Hà Nội chỉ đạo tổ chức kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan đến các tồn tại, hạn chế đã nêu tại Báo cáo kiểm toán, trong đó tập trung vào các nội dung chính sau:<br>1. Ban Tổ chức không tham mưu đề xuất tổ chức sắp xếp lại Ban QLCDA theo hình thức ban quản lý dự án chuyên ngành theo quy định của Luật Xây dựng 2014 và Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015, Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ.<br>2. Ban Kế hoạch - Tài chính trong công tác quản lý, điều hành ngân sách đối với các tồn tại, hạn chế đã nêu tại Báo cáo kiểm toán; phân bổ và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 vượt mức vốn trung hạn được duyệt 14.000trđ tại dự án Đầu tư nâng cấp phòng thí nghiệm chuyên đề phục vụ đào tạo về khoa học cơ bản tại Đại học Quốc gia Hà Nội. |

| STT | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|
| | | 3. Ban Xây dựng trong công tác quản lý đầu tư xây dựng, để xảy ra tình trạng công trình chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp phép xây dựng, không đúng chủ trương, mục đích đầu tư đã được Đại học Quốc gia Hà Nội phê duyệt (Trường ĐH Y Dược).<br>4. Tập thể, cá nhân có liên quan (Trường ĐH Y Dược) để xảy ra các tồn tại đối với hoạt động hợp tác đầu tư xây dựng Dự án Tổ hợp Dịch vụ tại Khu đất dọc đường Phạm Văn Đồng. |
| 8 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan đến:<br>1. Việc phân bổ, giao dự toán không đúng nội dung, tính chất nguồn kinh phí hoặc ngoài định mức quy định; giao kinh phí cho các nhiệm vụ KHCN chuyển tiếp không bảo đảm tiến độ, khả năng giải ngân.<br>2. Việc quản lý, sử dụng tài sản công trong thời gian dài còn thiếu chặt chẽ, chậm xử lý, bàn giao tài sản sau khi kết thúc các nhiệm vụ KHCN; chậm xử lý, để tồn đọng trong thời gian dài các khoản phải thu hồi của các nhiệm vụ KHCN, tiềm ẩn nguy cơ thất thoát, lãng phí NSNN và sử dụng tài sản không đúng mục đích.<br>3. Thiết kế - dự toán thi công dự án Trung tâm Đo lường Việt Nam Giai đoạn 2 không hoàn thiện bên trong 3 tầng 5, 6, 7 dẫn tới dự án khi hoàn thành không sử dụng được toàn bộ, ảnh hưởng tới hiệu quả dự án. |
| 9 | Đài Tiếng nói Việt Nam | Đề nghị Đài Tiếng nói Việt Nam tổ chức kiểm điểm tập thể, cá nhân có liên quan đến các sai phạm, tồn tại, hạn chế đã nêu tại Báo cáo kiểm toán, trong đó:<br>1. Đài VTC kiểm điểm đối với tập thể, cá nhân các thời kỳ trước sau có liên quan đến một số tồn tại sau: (i) Việc quản lý tài sản, trang thiết bị thất thoát 22.300trđ chưa được xử lý kịp thời, không chứng minh được tính hiện hữu, chi tiết của từng loại tài sản 1.112.643trđ; (ii) Chưa thực hiện đối chiếu nợ phải thu, phải trả đầy đủ theo quy định.<br>2. Chi đầu tư phát triển: Việc thay đổi phương thức thanh toán các dự án BT khác với ý kiến của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 550/TTg-KTN ngày 09/4/2011; lập lại báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế bản vẽ thi công, dẫn tới chưa phát huy hiệu quả tại dự án Trung tâm Sản xuất chương trình Truyền hình Quốc hội Việt Nam. |

| STT | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|
| 10 | Việc quản lý nguồn nước lưu vực sông Mê Công gắn với việc thực hiện mục tiêu phát triển bền vững | 1. Đề nghị UBND 3 tỉnh Gia Lai, Kon Tum, Đắk Lắk tổ chức kiểm điểm, rút kinh nghiệm đối với tập thể, cá nhân Chi cục Thủy sản (Kon Tum, Đắk Lắk), Chi cục Chăn nuôi và Thú y (Gia Lai) do chưa triển khai thực hiện đánh giá trữ lượng nguồn lợi thủy sản trong tự nhiên theo quy định tại Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 25/3/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Nội vụ; tập thể, cá nhân Phòng TNN, Chi cục Môi trường (Sở TN&MT) do phối hợp hạn chế trong quản lý giám sát môi trường định kỳ đối với các doanh nghiệp được cấp phép xả thải vào nguồn trên địa bàn dẫn tới các báo cáo quan trắc do cơ sở gửi về không xác định vị trí tọa độ lấy mẫu theo Giấy phép xả thải được duyệt; nhiều cơ sở chưa lắp đặt hệ thống quan trắc tự động liên tục lưu lượng, chất lượng nước thải theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015.<br>2. Đề nghị UBND tỉnh An Giang tổ chức kiểm điểm, rút kinh nghiệm đối với Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang trong công tác giám sát xả thải vào nguồn nước chưa tốt, dẫn đến nguồn nước sông Hậu gần khu vực khu công nghiệp Bình Long bị ô nhiễm nghiêm trọng.<br>3. Đề nghị UBND tỉnh Hậu Giang tổ chức kiểm điểm, rút kinh nghiệm đối với Sở TN&MT đối với các tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý liên quan đến tình trạng xả thải không phép, khai thác tài nguyên nước không phép và vượt lưu lượng diễn ra trên địa bàn tỉnh.<br>4. Đề nghị UBND tỉnh Tiền Giang tổ chức kiểm điểm, rút kinh nghiệm đối với Sở TN&MT trong công tác thẩm định, cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước cho các cơ sở chưa thực hiện đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước theo quy định của pháp luật.<br>5. Đề nghị UBND tỉnh Bến Tre tổ chức kiểm điểm, rút kinh nghiệm đối với Sở TN&MT chưa thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ được giao về quản lý TNN theo Quyết định số 58/2017/QĐ-UBND ngày 07/11/2017, dẫn đến chưa kịp thời phát hiện các trường hợp xả thải không phép.<br>6. Đề nghị UBND Thành phố Cần Thơ tổ chức kiểm điểm, rút kinh nghiệm đối với Sở TN&MT trong công tác thẩm định, cấp giấy phép xả nước thải đối với một số hồ sơ còn sai sót trong việc thực hiện tính toán, đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước, chưa thực hiện đánh giá đầy đủ các thông số ô nhiễm theo quy định; công tác phối hợp kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về quản lý TNN, BVMT còn hạn chế dẫn đến chưa kịp thời xử lý nhiều cơ sở xả nước thải không có giấy phép, vận hành khi không có giấy xác nhận hoàn thành công trình BVMT. |

| STT | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|
| | | 7. Đề nghị UBND tỉnh Kon Tum tổ chức chỉ đạo:<br>- Kiểm điểm, rút kinh nghiệm tập thể, cá nhân liên quan đến: (1) Dự án thủy điện Đăk Brot đã được giao đất nhưng không triển khai thực hiện, để dự án kéo dài, gây hoang hóa đất, ảnh hưởng tới sản xuất tuy nhiên chậm thu hồi chủ trương đầu tư. (2) Các sai phạm trong việc xác định cấp phép khai thác cát Hồ sơ Công ty TNHH TN&MT Hoàng Long, Công ty Cổ phần T&D Kon Tum.<br>- Rà soát, xem xét trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan trong việc quản lý tài nguyên khoáng sản trong phạm vi công trình thủy điện, có nguy cơ thất thoát tài sản nhà nước; tham mưu, phê duyệt ĐTM vượt thẩm quyền quy định đối với 02 dự án Thủy điện Đăk Psi, thủy điện Đăk Psi 2B.<br>8. Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với công tác thẩm định, cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước còn một số vấn đề tồn tại, hạn chế nhưng chưa được phát hiện, xử lý kịp thời; chưa hoàn thành trách nhiệm rà soát, theo dõi, giám sát tình hình thực hiện hồ sơ môi trường, các công trình BVMT của các cơ sở nguy cơ ô nhiễm môi trường cao theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 31/8/2016 về một số giải pháp cấp bách về BVMT và chức năng, nhiệm vụ được giao, dẫn đến không kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm nhiều trường hợp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Tài nguyên và môi trường đã đi vào vận hành nhiều năm nhưng không được cơ quan thẩm quyền kiểm tra, xác nhận việc thực hiện công trình BVMT hoặc không xây dựng công trình BVMT như đã nêu.<br>9. Đề nghị Bộ Công Thương tổ chức kiểm điểm, rút kinh nghiệm tập thể, cá nhân liên quan đến công tác bổ sung quy hoạch thủy điện còn chưa xét đầy đủ các yếu tố tổng thể (biến dòng chảy động thành dòng chảy tĩnh, nhiều xã có 3-4 thủy điện như Đăk Hà, Tân Lập, Ngọc Yêu, Ia Tơi, Đăk Psi...) ban hành quyết định bổ sung quy hoạch thiếu chỉ tiêu tiến độ với tất cả các dự án và mực nước chết với 13/29 thủy điện, chậm trễ trong công tác thẩm định thủy điện Đăk Bìa Thượng theo quy định, loại khỏi quy hoạch dự án Đăk Sor 3 nhưng bổ sung dự án Đăk Sor 5 có công suất lớn hơn, có một phần vị trí trùng dự án Đăk Sor 3. |
| 11 | Dự án đầu tư xây dựng công trình đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận giai đoạn 1 theo hình thức hợp đồng BOT | Đề nghị Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận tổ chức kiểm điểm, chấn chỉnh và xử lý các tồn tại, sai sót đối với tồn tại trong công tác quản lý hợp đồng và thương thảo ký kết phụ lục hợp đồng; tồn tại trong công tác quản lý tiến độ; tồn tại trong công tác dự toán, công tác quản lý chi phí. |

| STT | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|
| 12 | Chương trình mục tiêu Phát triển kinh tế - xã hội các vùng giai đoạn 2016 - 2020 theo Quyết định số 1256/QĐ-TTg ngày 21/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ | 1. Đề nghị 18 tỉnh, thành phố được kiểm toán làm việc với các nhà thầu chậm thi công theo tiến độ hợp đồng để xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm và xử phạt chậm tiến độ theo quy định của hợp đồng.<br>2. Đề nghị các tỉnh, thành phố được kiểm toán tổ chức kiểm điểm tập thể, cá nhân có liên quan đến các nội dung tồn tại sau:<br>- Tỉnh Đắk Nông: Công tác lập, thẩm định phê duyệt Dự án Đường giao thông từ thị trấn Kiến Đức đi liên xã Kiến Thành - Nhân Cơ - Nhân Đạo còn có hạng mục công trình trùng với khu vực được cấp phép khai thác quặng Bôxít của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam phải điều chỉnh không thực hiện hạng mục trùng lặp, do đó, các chi phí tư vấn, chi phí khác có liên quan đã thực hiện không phát huy hiệu quả vốn đầu tư.<br>- Thành phố Cần Thơ: (i) Xây dựng kế hoạch vốn hàng năm chưa phù hợp với tiến độ thực hiện của dự án dẫn tới việc phải điều chỉnh giảm vốn các dự án và điều chuyển vốn sang dự án khác; (ii) Chưa tổ chức lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu Thi công xây dựng hàng rào quân sự thuộc Dự án Đường vành đai sân bay Cần Thơ kết nối đường Lê Hồng Phong đến quốc lộ 91B, giai đoạn 1; (iii) Khởi công Gói thầu thi công xây dựng vi phạm quy định tại Điều 12 và Điều 17, Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 (chưa có mặt bằng xây dựng) đã làm kéo dài tiến độ thực hiện của dự án.<br>- Tỉnh Bạc Liêu: (i) Việc ký hợp đồng xây lắp và thanh toán tạm ứng gói thầu số 5 (Dự án xây dựng đường và cầu Kinh Tư 2 - cầu Châu Điền về xã Long Điền Đông) khi chưa có kế hoạch giải phóng mặt bằng được duyệt, chưa bảo đảm bàn giao mặt bằng thi công theo tiến độ thực hiện gói thầu; (ii) Việc thanh toán chi phí bồi thường GPMB của Dự án xây dựng đường và cầu Kinh Tư 2 - cầu Châu Điền về xã Long Điền Đông vượt quá cơ cấu chi phí GPMB được phê duyệt tại Quyết định phê duyệt dự án; (iii) Công tác kiểm soát chi chưa tuân thủ quy định về quy trình kiểm soát chi của Kho bạc nhà nước.<br>- Các tỉnh Phú Thọ và Hà Nam: Để phát sinh nợ đọng XDCB sau năm 2015 đối với một số dự án thuộc Chương trình.<br>- Tỉnh Khánh Hòa: Giao Công an tỉnh là chủ đầu tư đối với Dự án đường từ Quốc lộ 1A đi cầu Bến Miễu (đoạn QL1A - Tiểu đoàn 2-E23) không phù hợp với quy định của Luật Xây dựng. |

| STT | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|
| 13 | Dự án cải tạo, nâng cấp đường cất hạ cánh, đường lăn cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất | Đề nghị Bộ Giao thông vận tải chỉ đạo Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP kiểm điểm và làm rõ trách nhiệm nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan trong việc phê duyệt công tác thí nghiệm bê tông nhựa mặt đường cất hạ cánh giai đoạn lập dự án. |
| 14 | Dự án cải tạo, nâng cấp đường cất hạ cánh, đường lăn cảng hàng không quốc tế Nội Bài | Đề nghị Bộ Giao thông vận tải chỉ đạo Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam (ACV) kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan trong việc phê duyệt công tác thí nghiệm bê tông nhựa mặt đường cất hạ cánh giai đoạn lập dự án. |
| 15 | Dự án mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam - Tiểu dự án thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 1. Ban Quản lý dự án 1 kiểm điểm rút kinh nghiệm tập thể, cá nhân liên quan đối với việc: Chưa đảm bảo tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo của các vùng LIA để được đầu tư vào dự án; xác định chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá không đúng quy định; công tác lập dự án đầu tư, TMĐT, BVTC, dự toán còn hạn chế; công tác quản lý tiến độ chậm so với kế hoạch; lập kế hoạch vốn chưa sát thực tế và khả năng thực hiện.<br>2. Tổ chức chấn chỉnh rút kinh nghiệm đối các tồn tại: Giữ lại 5% giá trị khối lượng để sửa chữa các sai sót chưa đúng quy định; Ghi thu - ghi chi chưa kịp thời. |
| 16 | 06 dự án tại Ban QLDA Đầu tư xây dựng công trình giao thông TP Hà Nội | 1. Đề nghị Ban QLDA Đầu tư xây dựng công trình giao thông Thành phố Hà Nội tổ chức kiểm điểm, chấn chỉnh và xử lý các tồn tại, sai sót đối với: Công tác lập dự án; công tác thiết kế, dự toán; công tác quản lý hợp đồng; công tác quản lý tiến độ, công tác quản lý chất lượng, công tác quản lý chi phí; còn để dư tạm ứng quá hạn, phát sinh nợ XDCB.<br>2. Đề nghị UBND Thành phố Hà Nội tổ chức kiểm điểm, rút kinh nghiệm đối với các tồn tại, hạn chế trong công tác lập, thẩm định, phê duyệt dự án, điều chỉnh dự án; lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế - dự toán; công tác bố trí vốn. |
| 17 | Dự án Đường nối cao tốc Nội Bài - Lào Cai đến thị trấn Sa Pa theo hình thức hợp đồng BOT | Ban QLDA ODA tỉnh Lào Cai chấn chỉnh, rút kinh nghiệm đối với các tập thể, cá nhân liên quan đến tồn tại sai sót: Công tác lập, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt TMĐT điều chỉnh của Tiểu dự án thành phố Lào Cai còn sai sót; lập, phê duyệt thiết kế - dự toán có một số sai sót về khối lượng, định mức, đơn giá; tại công tác lựa chọn nhà thầu, ký kết hợp đồng điều khoản quy định thu hồi tạm ứng chưa chặt chẽ; quản lý chi phí đầu tư chưa chặt chẽ, qua kiểm toán phải giảm giá trị nghiệm thu, thanh toán; công tác lập thủ tục gửi Kho bạc nhà nước tỉnh Lào Cai để ghi thu, ghi chi khoản lãi vay phải trả chưa kịp thời; công tác giải ngân vốn ODA chậm, có thể làm tăng phí cam kết rút vốn theo điều khoản Hiệp định. |

| STT | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|
| 18 | Dự án xây dựng cầu Làng Giàng, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai | Đề nghị Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh Lào Cai tổ chức kiểm điểm rút kinh nghiệm với tồn tại trong công tác lập, thẩm định, phê duyệt điều chỉnh dự án, Tổng mức đầu tư. |
| 19 | Chương trình mục tiêu đầu tư hạ tầng theo Quyết định số 351/QĐ-TTg ngày 29/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ | Đề nghị UBND tỉnh Lào Cai tổ chức kiểm điểm, rút kinh nghiệm đối với các tập thể, cá nhân có liên quan đến một số tồn tại, hạn chế trong quản lý, thực hiện Chương trình: (i) Để phát sinh nợ đọng XDCB tại 02 dự án với giá trị là 1.597trđ; (ii) Thi công nghiệm thu tưới nhựa thấm bám và dím bám chưa phù hợp với tiêu chuẩn thi công nghiệm thu của dự án. |
| 20 | Kiểm toán chuyên đề Chương trình "Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả" năm 2020 | Đề nghị UBND tỉnh Đắk Nông chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân trong việc phân khai vốn không theo quy định của UBND tỉnh dẫn đến nợ đọng XDCB. |
| 21 | Dự án ĐTXD công trình Trung tâm Phân tích thí nghiệm và Văn phòng Viện Dầu khí VN tại Thành phố Hồ Chí Minh | Đề nghị Viện Dầu khí Việt Nam tổ chức kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm của các bên có liên quan trong việc chậm tiến độ của giai đoạn 1, giai đoạn 2 và xử lý theo quy định hợp đồng; phối hợp với Tổng thầu và các đơn vị có liên quan đẩy nhanh tiến độ hoàn thành giai đoạn 2, hoàn thành Dự án. |
| 22 | Dự án đường ống Nam Côn Sơn 2 - giai đoạn 2; Dự án đường ống thu gom, vận chuyển khí mỏ Sao Vàng - Đại Nguyệt | 1. Đề nghị Chi nhánh Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP - Ban QLDA khí Đông Nam Bộ tổ chức kiểm điểm đối với tập thể, cá nhân còn để xảy ra sai sót và chấn chỉnh khắc phục tồn tại trong việc lập, trình thẩm định dự án đầu tư điều chỉnh; lập, thẩm định và phê duyệt phương án tài chính Dự án, thiết kế kỹ thuật; công tác lựa chọn nhà thầu và đàm phán ký kết, quản lý thực hiện hợp đồng EPC; công tác nghiệm thu hoàn thành đưa công trình vào sử dụng; quản lý chi phí; công tác tài chính kế toán.<br>2. Đề nghị Chi nhánh Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP - Công ty quản lý dự án khí tổ chức kiểm điểm đối với tập thể, cá nhân còn để xảy ra sai sót và chấn chỉnh khắc phục tồn tại trong việc: Lập, thẩm định và phê duyệt phương án tài chính Dự án; lập, thẩm định, phê duyệt dự toán gói thầu EPC; thiết kế kỹ thuật; công tác nghiệm thu hoàn thành đưa công trình vào sử dụng; công tác quản lý chi phí; công tác tài chính kế toán. |

| STT | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|
| 23 | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đường dây 500kV Quảng Trạch - Dốc Sỏi; Dự án đường dây 500kV Dốc Sỏi - Pleiku 2 | Đề nghị Ban quản lý dự án các công trình điện miền Trung tổ chức kiểm điểm, rút kinh nghiệm đối với tập thể và các nhân có liên quan đối với những tồn tại trong công tác lập dự án đầu tư; khảo sát, lập thiết kế, dự toán; lựa chọn nhà thầu, thương thảo và ký kết hợp đồng; quản lý tiến độ; quản lý chất lượng; nghiệm thu thanh toán; công tác lập kế hoạch vốn. |
| 24 | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Đại học Quốc gia Hà Nội tại Hòa Lạc | Đề nghị Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng Đại học Quốc gia tại Hòa Lạc xác định trách nhiệm để xử lý theo quy định tập thể, cá nhân có liên quan trong việc tổ chức chỉ định thầu không đầy đủ hồ sơ, không đảm bảo tính cấp bách, khẩn trương, hiệu quả. |
| 25 | Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng và tài sản nhà nước năm 2020 của Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau | 1. Đề nghị Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau tổ chức kiểm điểm trách nhiệm tập thể có liên quan theo quy định đối với những tồn tại trong quản lý nợ phải thu, phải trả, quản lý đất đai, TSCĐ, quản lý mua sắm hàng tồn kho,… như đã nêu tại báo cáo kiểm toán, Biên bản kiểm toán và Thông báo kết quả kiểm toán của các đơn vị được kiểm toán.<br>2. Đề nghị Tập đoàn dầu khí Việt Nam tổ chức kiểm điểm đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định trong việc chậm cung cấp hồ sơ làm thủ tục hoàn thuế nhà thầu nước ngoài liên quan đến chi phí lãi vay các ngân hàng do PVN ký hợp đồng vay vốn cho PVCFC. |
| 26 | Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2020 của Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP | Đề nghị Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP tổ chức kiểm điểm tập thể, cá nhân có liên quan đối với những sai sót, tồn tại đã nêu tại Báo cáo kiểm toán, Biên bản kiểm toán và Thông báo kết quả kiểm toán của các đơn vị được kiểm toán theo quy định. |

| STT | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|
| 27 | Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2020 của Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP | Đề nghị Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP chỉ đạo các đơn vị xác định nguyên nhân khách quan, chủ quan tổ chức kiểm điểm theo quy định đối với tập thể, cá nhân liên quan đến các tồn tại, hạn chế đã nêu tại Báo cáo kiểm toán, Biên bản kiểm toán, Thông báo kết quả kiểm toán tại các đơn vị được kiểm toán, trong đó chú ý các nội dung:<br>1. Việc để phát sinh công nợ khó đòi tại PVGAS, PV Gas D, LPG Việt Nam.<br>2. Việc bảo lãnh/bảo đảm vay vốn của PVGAS cho PV Pipe.<br>3. Việc phát sinh các khoản đầu tư tài chính dài hạn thua lỗ, kém hiệu quả của PVGAS, LPG Việt Nam.<br>4. Việc PVGAS không hoàn thành tăng tỷ lệ vốn góp từ 35,26% lên 51% tại Công ty CP Kinh doanh khí miền Nam.<br>5. Việc PV Gas D ký hợp đồng thuê lại đất khu công nghiệp chưa đúng quy định của Luật Đất đai 2013.<br>6. Việc LPG Việt Nam sử dụng đất chưa đúng mục đích.<br>7. Các sai sót, tồn tại trong công tác mua sắm hàng hóa, dịch vụ từ khâu lập HSMT, HSYC đến khâu đánh giá HSDT, ký hợp đồng.<br>8. Việc LPG Việt Nam kê khai, thông báo giá không đúng quy định tại Điều 16 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP và Phụ lục số 4 ban hành kèm theo Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính. |
| 28 | Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2020 của Tổng công ty Viễn thông MobiFone | Đề nghị Tổng công ty Viễn thông Mobifone chỉ đạo các đơn vị xác định rõ nguyên nhân khách quan, chủ quan và tổ chức kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân liên quan đến các tồn tại đã nêu tại Báo cáo kiểm toán, Thông báo kết quả kiểm toán tại các đơn vị được kiểm toán theo quy định. |
| 29 | Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2020 của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam | Đề nghị Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam chỉ đạo các đơn vị xác định rõ nguyên nhân khách quan, chủ quan và tổ chức kiểm điểm tập thể, cá nhân liên quan đến các tồn tại, hạn chế đã nêu tại Báo cáo kiểm toán, Thông báo kết quả kiểm toán tại các đơn vị được kiểm toán, trong đó chú ý các nội dung:<br>1. Việc phát sinh một số khoản đầu tư tài chính dài hạn thua lỗ, kém hiệu quả tại Công ty mẹ Tập đoàn. |

| STT | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|
| | | 2. Việc để xảy ra các sai sót, tồn tại trong công tác đầu tư xây dựng, mua sắm hàng hóa, dịch vụ từ khâu xác định nhu cầu, lập dự toán, đấu thầu đến khâu ký kết, thực hiện hợp đồng, nghiệm thu thanh toán, quản lý chất lượng tại các đơn vị (VNPT Kiên Giang, Cơ quan TCT Vinaphone, Ban KHTCDN, Ban KHCN, TTKD Kiên Giang, TTKD Bình Dương, VNPT Bình Dương, VNPT Đồng Tháp, VNPT Long An, TTKD Bình Định, VNPT Hải Phòng, VNPT-I, VNPT Tech, VNPT Thái Nguyên, VNPT Vĩnh Phúc, các chủ đầu tư 02 dự án được kiểm toán).<br>3. Việc thực hiện một số chương trình khuyến mại chưa tuân thủ quy định tại một số đơn vị thuộc VNPT Vinaphone và VNPT Media.<br>4. Việc quản lý, kiểm soát số lượng, chất lượng vật tư thu hồi, nhất là cáp đồng chưa chặt chẽ tại một số đơn vị (VNPT Bình Dương, VNPT Long An, VNPT Thái Nguyên, VNPT Vĩnh Phúc, VNPT Kiên Giang, VNPT Hải Phòng, VNPT Đồng Tháp). |
| 30 | Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản Nhà nước năm 2020 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam | Đề nghị Tập đoàn Hóa chất Việt Nam chỉ đạo các đơn vị xác định rõ nguyên nhân khách quan, chủ quan; tổ chức kiểm điểm theo quy định đối với tập thể, cá nhân liên quan đến các tồn tại, hạn chế đã nêu tại các Biên bản kiểm toán, Thông báo kết quả kiểm toán và Báo cáo kiểm toán, trong đó chú ý các nội dung:<br>1. Thực hiện kiểm điểm theo kết luận kiểm toán các năm trước và trách nhiệm trong chỉ đạo, điều hành để khắc phục đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn không có hiệu quả và không thu hồi được, các khoản nợ phải thu quá hạn, khó đòi (Công ty mẹ).<br>2. Việc để phát sinh công nợ phải thu quá hạn khó đòi (Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam).<br>3. Không trình cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định thiết kế cơ sở, không có giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy trước khi phê duyệt Dự án Xút dẫn đến phải thu hồi và hủy bỏ quyết định phê duyệt dự án và phê duyệt kế hoạch đấu thầu ban đầu, phải hủy thầu 6 gói thầu chính sau khi đã mở thầu.<br>4. Không lập, thẩm định, phê duyệt dự toán các gói thầu thiết bị, lắp đặt Dự án Xút; không cập nhật dự toán các gói thầu thiết bị, xây dựng Dự án lốp radial trước khi tổ chức lựa chọn nhà thầu; không thẩm định, phê duyệt khi điều chỉnh điều chỉnh kết cấu sàn, dầm Dự án Xút.<br>5. Công tác lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời thầu còn một số hạn chế; công tác chấm xét thầu còn một số tồn tại của 02 dự án được kiểm toán. |

| STT | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|
| 31 | Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2020 của Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP | Đề nghị Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP chỉ đạo các đơn vị xác định rõ nguyên nhân khách quan, chủ quan; tổ chức kiểm điểm theo quy định đối với tập thể, cá nhân liên quan đến các tồn tại, hạn chế đã nêu tại Báo cáo kiểm toán, Biên bản kiểm toán, Thông báo kết quả kiểm toán tại các đơn vị được kiểm toán, trong đó chú ý các nội dung:<br>1. Việc phát sinh công nợ phải thu khó đòi.<br>2. Việc thực hiện bảo lãnh cho TISCO chưa tuân thủ theo quy định.<br>3. Trong quản lý và sử dụng đất: (i) Công ty mẹ - VNSteel, TISCO sử dụng đất không đúng mục đích; (ii) Công ty mẹ - VNSteel, HN STEEL sử dụng đất chưa hiệu quả; (iii) Công ty mẹ - VNSteel, HN STEEL, TISCO để xảy ra tình trạng đất bị lấn chiếm, chiếm dụng; dẫn đến chậm thi công dự án và đưa vào sử dụng làm ảnh hưởng đến dòng tiền và hiệu quả hoạt động (Công ty mẹ - VNSteel).<br>4. Trong hoạt động khai thác tài nguyên khoáng sản tại TISCO: (i) Chưa tuân thủ quy định về lắp đặt trạm cân tại Nghị định số 158/2016/NĐ-CP; (ii) Chưa tuân thủ các quy định về lấy mẫu than, khoáng sản nguyên khai khi khai thác; (iii) Chậm hoàn thành thủ tục cấp đổi giấy phép khoáng sản tại mỏ than Phấn Mễ, mỏ sắt Trại Cau; (iv) Tiếp tục thuê Công ty cổ phần Nhẫn tuyển quặng thu hồi ở bãi thải tại Công trường Đề luvi Núi Quặng sau khi mỏ sắt Trại Cau đã dừng hoạt động; (v) Tiếp tục thực hiện bán quặng sắt limonit khai thác trong năm 2020 từ mỏ sắt Tiến Bộ chưa có nhu cầu sử dụng.<br>5. Việc TISCO, PFS thực hiện chưa đúng thủ tục, trình tự trong việc trình Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch với người có liên quan theo quy định.<br>6. Việc bán hàng trả chậm không có bảo lãnh thanh toán, dư tiền hàng vượt giá trị tài sản đã thế chấp, cho khách hàng thế chấp bằng tài sản chưa đảm bảo chặt chẽ tại TISCO.<br>7. Việc thực hiện hiện đầu tư vào mỏ sắt Liên Thắng không hiệu quả, tiềm ẩn rủi ro mất vốn tại TISCO.<br>7. Việc TISCO không xây dựng phương án đánh giá tính khả thi và hiệu quả đầu tư khi đề xuất thành lập Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Thái Trung, Công ty CP Hợp kim sắt Phú Thọ.<br>8. Giá trị hàng tồn kho phát hiện thiếu qua kiểm kê tại ngày 31/12/2020 với số tiền 225,52 tỷ đồng và giá trị hàng tồn kho phát hiện thừa khi kiểm kê số tiền là 59,55 tỷ đồng tại Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện kim Việt Trung. |

| STT | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|
| 32 | Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2020 của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam | Đề nghị Hội đồng quản trị Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam chỉ đạo người đại diện phần vốn của Tập đoàn tại các đơn vị được kiểm toán tổ chức kiểm điểm theo quy định đối với tập thể, cá nhân liên quan đến các tồn tại đã nêu tại Báo cáo kiểm toán, Thông báo kết quả kiểm toán tại các đơn vị được kiểm toán. |
| 33 | Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2020 của Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP | Đề nghị Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP chỉ đạo các đơn vị xác định rõ nguyên nhân khách quan, chủ quan; tổ chức kiểm điểm theo quy định đối với tập thể, cá nhân liên quan đến các tồn tại, hạn chế đã nêu tại Báo cáo kiểm toán, Biên bản kiểm toán và Thông báo kết quả kiểm toán tại các đơn vị được kiểm toán. |
| 34 | Công ty Cổ phần PVI năm 2020 | 1. Đề nghị Công ty cổ phần PVI: Xác định rõ nguyên nhân khách quan, chủ quan để xem xét kiểm điểm, rút kinh nghiệm hoặc xác định trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan để kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật đối với một số khoản nợ phải thu khó có khả năng thu hồi, đầu tư kém hiệu quả/có khả năng mất vốn tại Công ty mẹ và các Công ty con (Dự án The Costa Nha Trang; Trái phiếu Công ty cổ phần Sông Đà Thăng Long; Cổ phiếu OTC-NH TMCP Đông Á; Cổ phiếu Công ty cổ phần kinh doanh dịch vụ dầu khí; Tổng Công ty Bảo dưỡng - Sửa chữa Công trình Dầu khí-Công ty cổ phần; Công ty cổ phần Điện Việt Lào; Công ty TNHH MTV khách sạn Green Plaza Đà Nẵng).<br>2. Đề nghị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam: Kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm tập thể, các cá nhân liên quan là Người đại diện phần vốn của PVN tại Công ty chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tại Điều 16, Quyết định 5493/QĐ-DKVN ngày 16/07/2012 của Chủ tịch Hội đồng thành viên PVN về Quy chế quản lý vốn của PVN đầu tư vào doanh nghiệp khác và Điều 4, 5, 9, 49 của Luật quản lý sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp. |
| 35 | Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2020 của Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam | Đề nghị Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam xem xét xử lý trách nhiệm tập thể, cá nhân liên quan trong việc cho vay/giải ngân khi khách hàng không đủ điều kiện cho vay tại CN Trà Vinh, Sóc Trăng. |

| STT | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|
| 36 | Chuyên đề Hệ thống/dự án công nghệ thông tin của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các đơn vị trực thuộc | Đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chỉ đạo thực hiện các nội dung:<br>1. Về Dự án Hệ thống thông tin quản lý và hiện đại hóa ngân hàng:<br>- Tổ chức kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan đến việc lập, phê duyệt kế hoạch đấu thầu tổng thể, kế hoạch đấu thầu điều chỉnh chưa phù hợp, dẫn đến các nội dung về mua sắm phải điều chỉnh nhiều lần, ảnh hưởng đến tiến độ tổng thể của Dự án, phê duyệt giá gói thầu trong các kế hoạch đấu thầu không có cơ sở làm giảm tính hiệu lực trong quản lý chi phí.<br>- Tổ chức kiểm điểm, rút kinh nghiệm nghiêm túc liên quan đến các nội dung sau để thực hiện các dự án CNTT trong thời gian tới đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định liên quan:<br>+ Việc ký phụ lục hợp đồng đối với gói thầu tư vấn ST1 khi chưa thực hiện lập, phê duyệt xác định giá trị các hạng mục công việc phát sinh tăng/giảm so với quy định của hợp đồng; chưa kiểm tra, rà soát chất lượng các sản phẩm đầu ra khi chưa có xác nhận các chuyên gia.<br>+ Việc lập dự toán, phê duyệt giá các gói thầu mua sắm SG1.1, SG3.1, SG3.2, SG4, CG1 không đầy đủ căn cứ, cơ sở dẫn đến giảm tính hiệu lực trong quản lý, kiểm soát chi phí đầu tư thực hiện các gói thầu.<br>+ Việc không xây dựng Mô đun "Lập hóa đơn cho khách hàng của CIC" theo mục tiêu đề ra tại Quyết định số 1919/QĐ-NHNN ngày 01/9/2008 và việc một số chức năng trong các phân hệ M4, M5 thuộc gói thầu CG1 không được sử dụng gây lãng phí.<br>+ Việc phê duyệt hồ sơ mời thầu trong đó ước tính số lượng bản quyền các phần mềm không có cơ sở, không phù hợp với chính sách bản quyền của hãng, dẫn đến các rủi ro pháp lý cho NHNN trong vấn đề bản quyền.<br>+ Việc xây dựng hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu CG1 để xảy ra các sai sót tồn tại liên quan đến giải pháp xây dựng hệ thống dự phòng DR cho CIC.<br>+ Việc xây dựng hồ sơ mời thầu, ký hợp đồng gói thầu SG1.1 không xác định thời điểm kích hoạt bản quyền phần mềm quản trị CSDL Oracle, dẫn đến tại thời điểm nhà thầu bàn giao phần mềm cho NHNN, trong khi phần mềm chưa được đưa vào sử dụng thì đã được kích hoạt thời hạn hỗ trợ, bảo hành, bảo trì. |

| STT | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|
| | | + Các sai sót, tồn tại trong đánh giá hồ sơ đề xuất tài chính tại gói thầu ST1.<br>+ Việc xây dựng hồ sơ mời thầu một số gói thầu thiếu hướng dẫn chi tiết phương pháp tính điểm kỹ thuật các nhà thầu.<br>+ Việc chậm trễ trong công tác lựa chọn nhà thầu làm ảnh hưởng đến tiến độ chung của Dự án.<br>2. Đối với các dự án/gói thầu thực hiện giai đoạn 2016-2020: Tổ chức kiểm điểm, rút kinh nghiệm nghiêm túc liên quan đến các nội dung sau:<br>- Việc chậm trễ trong phê duyệt dự án "Bảo trì Phần mềm ứng dụng và Tuxedo" dẫn đến phần mềm ứng dụng và Tuxedo thuộc hệ thống thanh toán liên ngân hàng không mua bản quyền cập nhật phần mềm và hỗ trợ kỹ thuật của Hãng sản xuất trong hơn 1 năm, gây ra các rủi ro về bảo mật, về an toàn thông tin, ổn định hệ thống trong giai đoạn này của NHNN.<br>- Việc lập dự toán giá gói thầu bao gồm thuế GTGT cho một số phần mềm, dịch vụ phần mềm không phù hợp quy định tại Khoản 21 Điều 4 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính.<br>- Công tác lập hồ sơ mời thầu, công tác đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu "Bảo trì Hệ thống máy chủ, lớp giữa và cơ sở dữ liệu cho NHNN thuộc dự án FSMIMS, giai đoạn 2015-2019" còn một số tồn tại.<br>- Việc quản lý tiến độ lựa chọn nhà thầu còn chậm so với quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.<br>- Việc phê duyệt Dự án nâng cấp và bổ sung hệ thống CNTT nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới, mở rộng và nâng cao chất lượng đào tạo tại Học viện Ngân hàng không đúng trình tự, thủ tục quy định. |
| 37 | Dự án Hợp phần 1 "Xây dựng hệ thống thông tin hỗ trợ hoạt động kiểm toán" thuộc Dự án "Xây dựng hệ thống thông tin KTNN" | Đề nghị Ban Quản lý dự án CNTT - KTNN tổ chức kiểm điểm, rút kinh nghiệm đối với các tồn tại trong công tác khảo sát, lập, thẩm định, phê duyệt dự án; công tác quản lý tiến độ; công tác quản lý chất lượng; công tác nghiệm thu, thanh toán, quyết toán và bàn giao đưa vào sử dụng; việc chưa lập báo cáo giám sát đánh giá đầu tư. |
| 38 | Ngân hàng Chính sách xã hội | Đề nghị Ngân hàng Chính sách xã hội tổ chức kiểm điểm, rút kinh nghiệm đối với các tập thể, cá nhân liên quan (tại các chi nhánh và Hội sở chính Ngân hàng Chính sách xã hội) về các tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý tài chính - kế toán, hoạt động tín dụng chính sách và đầu tư XDCB qua kết quả kiểm toán. |

| STT | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|
| 39 | Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2020 của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước | Đề nghị Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước chỉ đạo các đơn vị xác định rõ nguyên nhân khách quan, chủ quan; tổ chức kiểm điểm theo quy định đối với tập thể, cá nhân liên quan đến các tồn tại, hạn chế đã nêu tại báo cáo kiểm toán, Biên bản kiểm toán, Thông báo kết quả kiểm toán tại đơn vị được kiểm toán, trong đó chú ý các nội dung:<br>1. Việc SCIC chưa hoàn thành thoái vốn tại 106 doanh nghiệp, chưa tiếp nhận 07 doanh nghiệp, chưa cổ phần hóa và bán vốn tại 03 công ty TNHH đến hết năm 2020 theo các quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Trong đó lưu ý đến các doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, SCIC đã có kế hoạch thoái vốn từ các năm trước 2020.<br>2. Việc thực hiện đầu tư vốn của SCIC còn hạn chế (năm 2020 SCIC chỉ giải ngân được 49 tỷ đồng/3.000 tỷ đồng so với kế hoạch đầu tư vốn năm 2020).<br>3. Kiểm điểm đối với việc công bố thông tin không rõ ràng về nghĩa vụ phải nộp khoản chêch lệch giữa giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa và vốn điều lệ của doanh nghiệp theo kết luận của Thanh tra Bộ Tài chính liên quan đến số tiền SCIC còn phải thu đối với Công ty CP Khoáng sản Bà Rịa - Vũng Tàu. |
| 40 | Kiểm toán NSĐP năm 2020 của tỉnh Vĩnh Phúc | Đề nghị UBND tỉnh Vĩnh Phúc chỉ đạo Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, tổ chức kiểm điểm và xác định trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong việc:<br>1. Nghiệm thu công tác mặt và nền hành lang chân đê tại dự án Cải tạo, nâng cấp và mở rộng mặt đê Hữu sông Phó Đáy huyện Lập Thạch, còn để trùng lắp ở cả 02 gói thầu;<br>2. Chưa làm rõ biện pháp thi công trong hồ sơ dự thầu đối với công tác thả đá rời tại Gói thầu số 02, dự án Kè chống sạt lở bờ tả sông Phó Đáy khi còn bất cập giữa biện pháp thi công trong hồ sơ dự thầu với định mức áp dụng của công tác thả đá rời. |

| STT | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|
| 41 | Kiểm toán NSĐP năm 2020 Thành phố Hà Nội | Đề nghị UBND Thành phố Hà Nội chỉ đạo:<br>1. Xem xét làm rõ trách nhiệm của cá nhân, tập thể, xử lý theo đúng quy định của pháp luật trong việc: (i) Trong công tác tham mưu dẫn tới việc không đưa một số dự án vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020; giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch đầu tư công hàng năm (chi tiết tại Báo cáo kiểm toán) cũng như không tổng hợp được số liệu, thông tin liên quan đến các dự án này như đã nêu trong kết quả kiểm toán (chi tiết Báo cáo kiểm toán); (ii) Giải ngân cho các dự án không nằm trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn; (iii) Sở Văn hóa Thể dục thể thao trong việc sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết để báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền quyết định theo đúng quy định của pháp luật.<br>2. UBND huyện Đan Phượng rà soát, kiểm điểm trách nhiệm các tổ chức, cá nhân và xử lý theo đúng qui định của pháp luật, trong việc chưa thực hiện đấu giá để cho thuê đất tại các xã Tân Lập, Tân Hội đối với diện tích đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích theo đúng quy định. |
| 42 | Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư, kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách cấp của Ban Duy tu các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn (Sở NN&PTNT thành phố Hà Nội) giai đoạn 2015-2020 | Đề nghị UBND Thành phố Hà Nội chỉ đạo kiểm điểm, xác định trách nhiệm và xử lý theo qui định đối với tập thể, cá nhân liên quan đến thực hiện Dự án Tiếp nước, cải tạo khôi phục Sông Tích đối với một số nội dung sau:<br>1. Việc thẩm định, phê duyệt Dự án Tiếp nước, cải tạo khôi phục Sông Tích trong khi chưa làm rõ được vị trí đổ đất thải, vị trí khai thác đất đắp, dẫn tới vướng mắc trong triển khai thực hiện, dự án kéo dài và khó khăn trong thanh toán chi phí và kiểm tra, kiểm soát.<br>2. Không tận dụng khối lượng đất đã đào theo khối lượng thiết kế xác định để phục vụ cho công tác đắp đất công trình.<br>3. Trình phê duyệt kế hoạch đấu thầu, phê duyệt kế hoạch đấu thầu và chỉ định thầu không đúng Luật Đấu thầu đối với 02 gói thầu: Gói thầu số 15 - giám sát thi công xây dựng, có giá gói thầu 9,3 tỷ đồng; Gói thầu số 9 - trích đo bản đồ địa chính phục vụ giải phóng mặt bằng, có giá gói thầu 18,1 tỷ đồng.<br>4. Để xảy ra những tồn tại, hạn chế trong thực hiện trách nhiệm của chủ đầu tư tại Dự án Tiếp nước, cải tạo khôi phục sông Tích, dẫn tới việc thực hiện dự án kéo dài, quản lý chi phí đầu tư chưa tiết kiệm, hiệu quả.<br>5. Chỉ đạo Sở Xây dựng (cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng trên địa bàn) và Chủ đầu tư có biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật đối với Tổng Công ty Tư vấn xây dựng Thủy lợi Việt Nam (HEC) trong việc để xảy ra những tồn tại, sai sót khi khảo sát, lập dự án và thiết kế công trình Dự án Tiếp nước, cải tạo khôi phục sông Tích. |

| STT | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|
| 43 | Kiểm toán NSĐP năm 2020 của tỉnh Quảng Nam | Đề nghị Ban Quản lý DA đầu tư xây dựng tỉnh Quảng Nam tổ chức kiểm điểm rút kinh nghiệm trong việc cho tạm ứng bổ sung lần 4 của gói thầu xây lắp thuộc DA Hồ chứa nước Lộc Đại, xã Quế Hiệp, huyện Quế Sơn với giá trị 14.900trđ thiếu cơ sở. |
| 44 | Hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đập dâng hạ lưu sông Trà Khúc; Dự án ĐTXD công trình cầu Sông Rin thị trấn Di Lăng, huyện Sơn Hà | Đề nghị UBND tỉnh Quảng Ngãi chỉ đạo tổ chức kiểm điểm và làm rõ trách nhiệm tập thể, cá nhân liên quan đến các tồn tại:<br>1. Phê duyệt Dự án Đập Dâng không phù hợp quy hoạch, thiếu tính đồng bộ.<br>2. Phê duyệt chủ trương đầu tư, dự án đầu tư Dự án Đập dâng khi Báo cáo đánh giá tác động môi trường chưa được phê duyệt. |
| 45 | Kiểm toán báo cáo quyết toán NSĐP năm 2020 của tỉnh Quảng Ngãi | Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo tổ chức kiểm điểm tập thể, cá nhân có liên quan:<br>1. UBND tỉnh Quảng Ngãi trong việc chậm xử lý hụt thu dẫn đến lập Báo cáo quyết toán NSĐP chậm so với quy định, thuộc hành vi bị cấm trong lĩnh vực NSNN theo quy định tại khoản 9 Điều 18 Luật NSNN.<br>2. Làm rõ trách nhiệm của các cơ quan có liên quan trong việc không tham mưu UBND tỉnh quyết định giảm chi đầu tư 377.996trđ đã được Thường trực HĐND thống nhất tại Công văn số 313/HĐND-KTNS ngày 31/12/2020.<br>3. KBNN Quảng Ngãi: (i) Thanh toán các nhiệm vụ chi năm 2020 trong khi chưa hạch toán chuyển nguồn, phải sử dụng nguồn thu năm 2021 để thanh toán, vi phạm nguyên tắc quản lý ngân sách quy định tại khoản 4 Điều 8 Luật NSNN. (ii) Hạch toán phân chia tỷ lệ điều tiết nguồn thu về tiền chậm nộp thuế GTGT không đúng quy định của Luật NSNN; khoản 2 Điều 3 Thông tư số 342/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.<br>4. Cục Thuế trong việc giải quyết hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư của 02 trường hợp CSKD ngành nghề kinh doanh có điều kiện (kinh doanh điện lực) khi chưa đáp ứng được điều kiện hoàn thuế theo hướng dẫn tại tiết c điểm 3 khoản 3 Điều 1 Thông tư số 130/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính, tổng số thuế GTGT đã hoàn 24.793trđ.<br>5. Kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân tại các Ban quản lý dự án:<br>- Đối với BQLDA các công trình NN và PTNT (Nay là BQLDA ĐTXD các công trình giao thông tỉnh |

| STT | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|
| | | Quảng Ngãi): Duyệt dự án đầu tư khi báo cáo đánh giá tác động môi trường chưa được phê duyệt (Dự án Đập ngăn mặn Bình Nguyên và Bình Phước và dự án Đập ngăn mặn Trà Bồng); để phát sinh nợ đọng XDCB 5.259 trđ; làm rõ trách nhiệm của các bên liên quan trong việc thiết kế đường công vụ thi công đập Bình Phước đi trên tuyến đê ven sông không đủ khả năng chịu lực để vận chuyển tập kết thiết bị thi công làm ảnh hưởng tiến độ thực hiện dự án;<br>- BQLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất huyện Lý Sơn: Thiết kế cơ sở chưa tuân thủ quy hoạch xây dựng tỷ lệ 1/2.000; để phát sinh nợ đọng XDCB 3.624 trđ;<br>- BQLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất thành phố Quảng Ngãi: Kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân để xảy ra để phát sinh nợ đọng XDCB 23.566,7 trđ. |
| 46 | Chuyên đề việc quản lý quy hoạch, cấp phép xây dựng tại các đô thị giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi và Bình Định | 1. Đề nghị UBND tỉnh xem xét trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân liên quan đến các sai sót được phát hiện qua kiểm toán nhưng chưa báo cáo UBND tỉnh:<br>- Đối với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi: Trong việc không tham mưu kịp thời (kéo dài từ năm 2019 đến năm 2021) cho UBND tỉnh xác định lại giá tính thu tiền sử dụng đất sau khi điều chỉnh cơ cấu sử dụng đất đối với Dự án Khu dân cư nông thôn kết hợp thương mại dịch vụ Nghĩa An.<br>- Đối với Sở Tài chính tỉnh Quảng Ngãi: Trong việc xây dựng phương án giá đất, công tác thẩm định giá đất đến tham mưu cho UBND tỉnh phê duyệt áp dụng giá đất đã hết hiệu lực, tiềm ẩn thất thu NSNN (Dự án An Điền Phát La Hà).<br>- Đối với UBND thành phố Quảng Ngãi<br>+ Trong việc chấp thuận cấp phép xây dựng khi chủ đầu tư chưa có quyết định giao đất chưa phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 95 Luật Xây dựng năm 2014 (Công văn số 5198/UBND ngày 31/8/2018 đối với Khu dân cư sinh thái phía Nam chợ mới Hàng Rượu);<br>+ Trong việc thẩm định và trình phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết 1/500 đối với Dự án Khu dân cư Phan Đình Phùng, TP Quảng Ngãi không có trong Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2011-2020, không có trong Quy hoạch sử dụng đất điều chỉnh đến năm 2020 và không có trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm, giai đoạn 2016 - 2020 của TP. Quảng Ngãi; |

| STT | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|
| | | + Đội trưởng, các thành viên có liên quan của Đội quản lý trật tự xây dựng trong việc: Không thiết lập hồ sơ sau mỗi cuộc kiểm tra việc thi công theo giấy phép xây dựng; tham mưu UBND TP ban hành các quyết định xử phạt vi phạm.<br>2. UBND thành phố Đà Nẵng: Xem xét trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân có liên quan đến các sai sót được phát hiện qua kiểm toán nhưng chưa báo cáo UBND thành phố.<br>- UBND quận Ngũ Hành Sơn: Chủ đầu tư bị xử phạt do thi công xây dựng công trình nhà ở đô thị sai GPXD, GPXD cấp 05 tầng và khoảng lùi 1,0m trong khi xây dựng 06 tầng (không kể tầng lửng, tầng kỹ thuật) và khoảng lùi 1,2m trong khi quyết định xử phạt vi phạm hành chính chỉ áp dụng hình thức phạt tiền, không áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là không đúng quy định tại khoản 9, khoản 10 Điều 13 Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 và Điều 13 Nghị định số 180/2007/NĐ-CP ngày 7/12/2007.<br>- UBND quận Sơn Trà: Kiểm tra phát hiện sai phạm trong thi công so với GPXD được cấp tại dự án Khu phức hợp nghỉ dưỡng Monarchy do Công ty CP đầu tư phát triển nhà Đà Nẵng làm chủ đầu tư nhưng không tham mưu ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính dẫn đến công trình tiếp tục sai phạm và đến nay cũng không có quyết định xử phạt hành chính nào đối với công trình này. |
| 47 | Chuyên đề việc quản lý quy hoạch, cấp phép xây dựng tại các đô thị giai đoạn 2017-2020 của Thành phố Hồ Chí Minh | Đề nghị UBND Thành phố Hồ Chí Minh kiểm tra xác định trách nhiệm, tổ chức kiểm điểm và xử lý theo thẩm quyền đối với tập thể, cá nhân có liên quan đến các tồn tại, hạn chế, cụ thể:<br>1. Đối với Sở Quy hoạch - Kiến trúc trong việc thẩm định, trình UBND Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt: (i) Điều chỉnh quy hoạch không thuộc các điều kiện được điều chỉnh quy hoạch đô thị và chuyển diện tích đất giáo dục của dự án sang xây dựng khu dân cư thấp tầng không phù hợp với Đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 khu dân cư Phường 16, Quận 8 đã được UBND Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt tại Quyết định số 4055/QĐ-UBND ngày 26/7/2013 đối với Đồ án điều chỉnh quy hoạch cao tầng (QHCT) tỷ lệ 1/500 khu căn hộ cao tầng Diamond Riverside, Phường 16, Quận 8; (ii) Điều chỉnh QHCT tỷ lệ 1/500 có chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc không phù hợp QHPK 1/2.000 hoặc khi chưa phê duyệt điều chỉnh QHPK tỷ lệ 1/2.000; (iii) Đồ án QHCT tỷ lệ 1/500 có chỉ tiêu đất dành cho cây xanh công cộng và giáo dục thấp hơn QCXDVN 01:2008/BXD, quy hoạch khối chung cư cao tầng không có khoảng lùi công trình theo quy định tại mục 2.5.8 QCXDVN 01:2008/BXD, không quy hoạch đường dành cho xe chữa cháy để tiếp cận được mọi phía của công trình, đảm bảo chữa cháy cứu nạn khi cần thiết theo quy định mục 5.5 và mục 5.6bQCVN 06:2010/BXD. |

| STT | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|
| | | 2. Đối với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc: (i) Tham mưu cho UBND TP.HCM chấp thuận giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất cho 04 dự án trong đó có một phần diện tích kênh, rạch, đường do nhà nước xử lý xen kẹt trong khu đất thực hiện dự án theo hình thức chỉ định khi chưa có đầy đủ cơ sở pháp lý; (iii) Tham mưu UBND Thành phố ban hành Quyết định chuyển mục đích sử dụng 54.895 $m^2$ diện tích đất trồng lúa để thực hiện dự án Khu dân cư Phú gia, huyện Nhà Bè khi chưa có ý kiến của HĐND Thành phố theo quy định tại khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai 2013.<br>3. Đối với UBND Quận 8 trong việc phê duyệt Đồ án QHCT tỷ lệ 1/500 dự án Chung cư Phương Việt có mật độ xây dựng (*50%*) và tầng cao công trình (37 tầng) vượt chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc tại Đồ án QHPK tỷ lệ 1/2.000 (*mật độ xây dựng 39,45% và 25 tầng*), phê duyệt một phần diện tích nhà thấp tầng và khối đế chung cư của dự án trên trong phạm vi quy hoạch đất cây xanh của đồ án QHPK tỷ lệ 1/2.000. |
| 48 | Chuyên đề công tác quản lý thu, việc xử dụng nghĩa vụ thuế đối với các doanh nghiệp có giao dịch liên kết giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Long An | Đề nghị Cục Thuế tỉnh Long An kiểm điểm rút kinh nghiệm sai sót trong công tác thanh tra, kiểm tra hồ sơ doanh nghiệp có giao dịch liên kết của Công ty Cổ phần Dệt may Đông Khánh, Công ty TNHH Công nghiệp Huafu (Việt Nam). |
| 49 | Kiểm toán NSĐP năm 2020 của Thành phố Hồ Chí Minh | Đề nghị UBND Thành phố Hồ Chí Minh làm rõ và xem xét xử lý trách nhiệm tập thể, cá nhân người đứng đầu đối với các chủ đầu tư có tỷ lệ giải ngân chưa đạt theo quy định Nghị quyết số 84/NQ-CP và Chương trình hành động về thúc đẩy tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công tại Quyết định số 3498/QĐ-UBND để xử lý; xem xét xử lý trách nhiệm các chủ đầu tư có thời gian thanh toán khối lượng hoàn thành chậm hơn quy định tại Nghị quyết số 84/NQ-CP. |
| 50 | Kiểm toán NSĐP năm 2020 của tỉnh Bạc Liêu | Đề nghị UBND tỉnh Bạc Liêu kiểm điểm trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan:<br>1. Sở Tài nguyên và Môi trường chấn chỉnh về việc xác định giá đất cụ thể để tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất có sự trùng lặp, sai sót trong điều chỉnh theo yếu tố vị trí và yếu tố lợi thế kinh doanh. |

| STT | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|
| | | 2. Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Bạc Liêu và chấn chỉnh về các sai sót, lãng phí tại dự án Xây dựng tuyến đường Hộ Phòng - Gành Hào: sai sót, lãng phí trong lập thiết kế bản vẽ thi công - dự toán làm tăng giá trị dự toán 19.352trđ; sai sót trong công tác nghiệm thu thanh toán số tiền 14.713trđ (trong đó có 9.430trđ là giá trị nghiệm thu biện pháp thi công theo thiết kế bản vẽ thi công và hợp đồng, không theo biện pháp thi công thực tế) và kiểm điểm cá nhân có trách nhiệm tại Sở Giao thông vận tải về việc thẩm định dự án Xây dựng tuyến đường Hộ Phòng - Gành Hào, do để xảy ra sai sót trong thiết kế bản vẽ thi công - dự toán liên quan đến nội dung công tác lắp đặt dầm cầu đã làm tăng giá trị dự toán công trình khoảng 10 tỷ đồng; áp giá cát tại huyện Đông Hải cho Gói thầu xây lắp số 20 không phải giá thấp hơn làm tăng giá trị dự toán khoảng 5 tỷ đồng.<br>3. UBND huyện Hòa Bình chấn chỉnh về việc quyết định phân bổ kế hoạch vốn đầu tư cho các danh mục dự án chi tiết (nguồn vốn bổ sung, điều chỉnh của tỉnh cho huyện) nhưng không báo cáo, trình HĐND cùng cấp quyết định ở kỳ họp gần nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 31 của Luật NSNN và khoản 6, Điều 75 của Luật Đầu tư công. |
| 51 | Kiểm toán NSĐP năm 2020 của tỉnh Kiên Giang | Đề nghị UBND tỉnh Kiên Giang xem xét xử lý trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan:<br>1. Tham mưu, quyết định sử dụng NSNN đầu tư trực tiếp xây dựng kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Thạnh Lộc và thực hiện miễn, giảm tiền thuê đất cho các dự án đầu tư tại Khu công nghiệp Thạnh Lộc chưa đúng quy định pháp luật.<br>2. Ban QLDA ĐTXD chuyên ngành dân dụng và công nghiệp tỉnh Kiên Giang trong việc tổ chức lập, thẩm định, trình, phê duyệt điều chỉnh tăng Kế hoạch vốn cho Dự án Bệnh viện Ung bướu tỉnh Kiên Giang, quy mô 400 giường chưa đủ cơ sở, thực hiện thủ tục chi tạm ứng 03 lần với tổng số tiền 287.000trđ trong khi dự án chưa được thi công vì lý do kỹ thuật.<br>3. Sở Kế hoạch và đầu tư, Hội đồng thẩm định dự toán lập Quy hoạch tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 và các đơn vị có liên quan trong việc lập, thẩm định, trình phê duyệt dự toán kinh phí cho quy hoạch tỉnh để xảy ra sai sót làm tăng dự toán kinh phí lập quy hoạch tỉnh số tiền 11.770trđ (tỷ lệ 16%). |

| STT | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|
| | | 4. Tham mưu, quyết định sử dụng Quỹ phát triển đất thanh toán trực tiếp không đúng quy chế quản lý quỹ được ban hành tại Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg ngày 12/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ số tiền 104.153 trđ, trong đó chi hỗ trợ san lấp mặt bằng cho Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn 20.798 trđ và Công ty CP Thái Bình Kiên Giang 20.997trđ, Công ty TNHH Thủy sản Hoàng Hải Long - huyện Gò Quao 1.349trđ không thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách tỉnh.<br>5. Tham mưu, quyết định tạm ứng ngân sách sai quy định tại khoản 6 Điều 18 và Khoản 2 Điều 56 Luật NSNN, các khoản nợ tạm ứng kéo dài nhiều năm, đến nay chưa thu hồi 197.226 trđ; các khoản tạm ứng đến nay không có khả năng thu hồi về cho ngân sách số tiền 11.637 trđ.<br>6. Tham mưu, quyết định cho Công ty Điện lực Kiên Giang tạm ứng ngân sách không đúng quy định tại khoản 6 Điều 18 Luật NSNN.<br>7. Tổ chức xem xét xử lý trách nhiệm tập thể, cá nhân trong việc chưa điều chỉnh Quyết định số 2925/QĐ-UBND ngày 13/12/2013 của UBND tỉnh Kiên Giang quy định chi phí vật liệu xây dựng đến hiện trường xây lắp; chi phí xây dựng nhà tạm (lán trại) và chi phí kiểm định trong dự toán công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang theo kiến nghị của KTNN tại Báo cáo kiểm toán NSĐP năm 2016 của tỉnh Kiên Giang. |
| 52 | Chuyên đề Việc quản lý quy hoạch, cấp phép xây dựng tại các đô thị giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang | Đề nghị UBND tỉnh Kiên Giang xem xét trách nhiệm của UBND TP. Phú Quốc trong việc cấp phép cho các dự án sai Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị Phú Quốc, sai mục đích sử dụng đất. |
| 53 | Chuyên đề Việc quản lý quy hoạch, cấp phép xây dựng tại các đô thị giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn thành phố Cần Thơ | Đề nghị UBND Thành phố Cần Thơ xem xét trách nhiệm tập thể, cá nhân theo quy định đối với:<br>1. Ban hành KHSDĐ năm 2016, 2017, 2018 quận Cái Răng tại một số tuyến đường và vị trí của dự án không phù hợp QHSDĐ theo quy định khoản 2 Điều 35 của Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013; Tham mưu chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất cơ sở sản xuất kinh doanh sang đất ở diện tích 4,564 ha tại Khu đô thị sinh thái Cồn Ấu (thuộc QHCT xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu đô thị sinh thái Cồn Ấu (19,43ha)) làm cho tính chất khu quy hoạch không còn phù hợp với QH chung được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, không phù hợp với quy hoạch sử dụng đất; Chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất, cho thuê |

| STT | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|
| | | đất chưa phù hợp với QHCT, QHSDĐ và chưa căn cứ vào KHSDĐ theo quy định tại khoản 1 Điều 6, Điều 14 và khoản 1 Điều 52 Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013 *(CMĐSDĐ thửa đất thuộc Dự án Khu nhà ở kết hợp thương mại dịch vụ đa chức năng tại phường Hưng Phú, quận Cái Răng và thửa đất thuộc Dự án Khu dịch vụ Thương mại - Lô biệt thự vườn tại phường Cái Khế, quận Ninh Kiều cho Công ty TNHH TMDV sản xuất Đông Hà; CMĐSDĐ thửa đất Dự án Khu Dân cư phường Phước Thới, Ô Môn cho Công ty TNHH DVTM Nam Hà Nội; CMĐSDĐ thửa đất thuộc Dự án Chỉnh trang và Phát triển đô thị An Phú Cần Thơ cho công ty TNHH An Phú Cần Thơ; CMĐSDĐ dự án Chung cư của Quỹ đầu tư phát triển tại Phường Hưng Phú, Quận Cái Răng; cho thuê đất tại phường Phước Thới, quận Ô Môn của Công ty TNHH DVTM Nam Hà Nội; Dự án xây dựng nhà làm việc của Công ty Điện lực thành phố Cần Thơ; Dự án Tổ hợp Phân hiệu Trường Đại học FPT tại Cần Thơ; giao đất Công ty CP ĐTXDTM Cơ Hội Mới xây dựng Trung tâm Thương mại và dân cư Huyện Vĩnh Thạnh) (chi tiết sai sót tại mục 4.2 Phụ lục 04/BCKT-QH&CP).*<br>2. Phê duyệt QHPK chưa phù hợp với Quy hoạch chung thành phố Cần Thơ về chức năng sử dụng đất và định hướng phát triển không gian (QHPK quận Ninh Kiều, QHPK quận Cái Răng); trình phê duyệt điều chỉnh quy hoạch cục bộ dự án Tái định cư Tân Phú, sai quy hoạch 1/2000 do điều chỉnh công viên ven rạch thành cửa hàng bách hóa, bãi xe công cộng, bỏ nhà chung cư thay đổi thành đất ở liền kề không phù hợp với Chương trình phát triển nhà ở của thành phố; Điều chỉnh cục bộ làm thay đổi tính chất quy hoạch, không phù hợp với quy hoạch cấp cao hơn hoặc điều chỉnh cục bộ làm thay đổi quy mô quy hoạch không phù hợp với quy định của Điều 49 Luật quy hoạch đô thị (Khu tái định cư Phú An, phường Phú Thứ, quận Cái Răng; Khu dân cư Nam sông Cần Thơ lô số 6; Khu dân cư Phú An; Khu dân cư Tân Phú); không lập kế hoạch và thực hiện thanh tra, kiểm tra nội dung về quy hoạch đô thị của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn Thành phố Cần Thơ trong các năm 2017-2019.<br>3. UBND quận Cái Răng phê duyệt đồ án QHCT 1/500 Khu đô thị mới và Khu Công nghệ thông tin tập trung (đối với khu đô thị mới), Khu dân cư Hưng Thạnh - lô số 5C chưa đảm bảo các chỉ tiêu theo quy chuẩn xây dựng, các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành và định hướng phát triển đô thị đã được phê duyệt; điều chỉnh cục bộ QHCT 1/500 chưa phù hợp các điều kiện điều chỉnh theo quy định tại Điều 47 Luật Quy hoạch đô thị. |

| STT | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|
| 54 | Hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư các dự án thực hiện theo phương thức sử dụng quỹ đất để tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng và các dự án giao đất có thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trên địa bàn tỉnh Hải Dương | Đề nghị UBND tỉnh Hải Dương:<br>1. Chỉ đạo các đơn vị liên quan kiểm điểm, rút kinh nghiệm trong việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cho 03 dự án do chưa thống nhất số liệu diện tích đất trong quy hoạch chi tiết 1/500 so với quy hoạch, quy hoạch điều chỉnh, kế hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của tỉnh Hải Dương đã được Chính phủ phê duyệt, đồng thời rà soát lại các dự án đảm bảo tính đồng bộ trong công tác thực hiện quy hoạch xây dựng của tỉnh theo quy định của pháp luật.<br>2. Chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường:<br>- Kiểm điểm, rút kinh nghiệm trong việc tham mưu UBND tỉnh ban hành quyết định phê duyệt, sử dụng giá đất cụ thể tại thời điểm giao đất đợt 1 để tính thu tiền sử dụng đất cho các đợt giao đất tiếp theo của 02 dự án chưa phù hợp với quy định tại khoản 3, Điều 108, Luật Đất đai 2013; quyết định phê duyệt giá đất không tách riêng tiền thuê đất đối với diện tích đất thương mại dịch vụ; quyết định giao đất không thống nhất về phương thức giao đất đối với diện tích đất dịch vụ hỗn hợp (Dự án Đầu tư xây dựng khu dân cư mới phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương và thôn Trụ, thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng); xây dựng giá đất cụ thể còn tồn tại, thiếu sót dẫn đến xác định thiếu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp của các dự án.<br>- Kiểm điểm rút kinh nghiệm và rà soát, xử lý theo quy định của pháp luật đối với các phương án bồi thường, GPMB còn tồn tại: Quyết định số 1547/QĐ-UBND ngày 07/5/2019 của UBND tỉnh Hải Dương về bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất tạm giao 28,3trđ theo Quyết định số 2886/QĐ-UBND ngày 05/8/2008 tạm giao 208.447m$^2$ đất nông nghiệp cho Công ty TNHH Phúc Hưng không phù hợp với Luật Đất đai 2003; Quyết định số 615/QĐ-UBND ngày 08/02/2018 của UBND tỉnh Hải Dương về bồi thường, hỗ trợ cho Doanh nghiệp tư nhân Hải Vinh số tiền 970,1trđ chưa phù hợp với quy định tại Điều 20 Quyết định số 37/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Hải Dương.<br>3. Chỉ đạo Sở Xây dựng tỉnh Hải Dương kiểm điểm, rút kinh nghiệm trong việc:<br>- Tham mưu UBND tỉnh chỉ định nhà đầu tư thực hiện dự án Đầu tư xây dựng khu dân cư mới phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương và thôn Trụ, thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng vận dụng Nghị định số 71/2010/NĐ-CP ngày 23/6/2010 và Nghị quyết số 33/2008/NQ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ chưa phù hợp theo quy định tại điểm i, khoản 2, Điều 118, Luật Đất đai 2013. |

| STT | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|
| | | - Thẩm định và thông báo kết quả thẩm định tổng mức đầu tư thực hiện dự án chưa phát hiện hết các sai sót đã nêu trên.<br>- Cấp giấy phép xây dựng đối với 03 dự án đất còn thiếu thông tin về chỉ giới đường đỏ, chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 90, Luật Xây dựng số 50/2014/QH13.<br>4. UBND huyện Cẩm Giàng: Kiểm điểm rút kinh nghiệm và rà soát, xử lý theo quy định của pháp luật đối với các phương án bồi thường, GPMB còn tồn tại dẫn đến việc chi trả kinh phí không phù hợp 4.480trđ của Dự án đầu tư xây dựng khu dân cư mới phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương và thôn Trụ, thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng. |
| 55 | Chuyên đề việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư giai đoạn 2019-2020 của Ban quản lý dự án các công trình Giao thông Hải Phòng và Ban quản lý dự án phát triển đô thị và Đầu tư xây dựng công trình Dân dụng của thành phố Hải Phòng | 1. Đối với UBND huyện Thủy Nguyên: Kiểm điểm tập thể, cá nhân trong việc lập, thẩm định và phê duyệt phương án bồi thường 100% đơn giá cây lâu năm được trồng trên đất trồng cây hàng năm, số tiền 152,5trđ cho những hộ dân sử dụng đất không đúng mục đích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đồng thời báo cáo và xin ý kiến UBND thành phố Hải Phòng đối với việc bồi thường số tiền 152,5trđ cho những hộ dân sử dụng đất không đúng mục đích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.<br>2. Đối với Sở Xây dựng thành phố Hải Phòng: Kiểm điểm rút kinh nghiệm trong trong việc lập, thẩm định và trình phê duyệt dự án chưa cập nhật các chi phí chuẩn bị đầu tư trong tổng mức đầu tư của dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ các dự án đầu tư cải tạo chung cư cũ Khu 47 Lê Lai, phường Máy Chai; Khu 311 Đà Nẵng, phường Cầu Tre và U1, U2, U3 Lê Lợi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. |
| 56 | Kiểm toán NSĐP của thành phố Hải Phòng | Đề nghị UBND thành phố Hải Phòng chỉ đạo:<br>1. Ban QLDA ĐTXD quận Lê Chân: Kiểm điểm rút kinh nghiệm trong việc chưa thu hồi tiền tạm ứng Dự án Đầu tư cải tạo, nâng cấp, cải tạo vỉa hè, kè đá sông đào Hạ Lý đường Lán Bè - đoạn từ cầu An Dương đến cầu An Đồng.<br>2. Ban QLDA ĐTXD huyện Thủy Nguyên: Kiểm điểm rút kinh nghiệm trong việc còn một số tồn tại các dự án (giảm trừ 9,9%) liên quan đến công tác lập, thẩm định thiết kế - dự toán (Dự án Đầu tư cải tạo đường tỉnh 359 đoạn từ cầu Bính đến xã Trung Hà, huyện Thủy Nguyên) và công tác lập hồ sơ mời thầu thầu thiếu hạng mục thiết bị điện (Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đấu giá quyền sử dụng đất tại khu Cửa Trại xã Thủy Đường và khu Đầm Huyện xã Thủy Sơn, huyện Thủy Nguyên). |

| STT | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|
| 57 | Kiểm toán NSĐP năm 2020 của tỉnh Hưng Yên | Đề nghị UBND tỉnh Hưng Yên:<br>1. Chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các đơn vị có liên quan: Kiểm tra, rà soát, kiểm điểm tập thể cá nhân có liên quan trong việc chuyển thông tin xác định nghĩa vụ tài chính sang cơ quan Thuế (CTCP Đầu tư phát triển hạ tầng VNT) và chuyển thiếu, chưa đủ căn cứ (TCT Phát triển hạ tầng và Đầu tư tài chính Việt Nam - CTCP) để cơ quan thuế xác định nghĩa vụ tài chính dẫn đến chậm theo dõi, quản lý thu ngân sách.<br>2. Sở Tài nguyên và Môi trường: Kiểm điểm, rút kinh nghiệm trong việc tham mưu tính toán, xác định giá đất cụ thể còn sai sót của Dự án Khu nhà ở, dịch vụ khu công nghiệp Phố Nối.<br>3. UBND thành phố Hưng Yên: Chỉ đạo các phường (Lam Sơn, Hiến Nam, Quang Trung, Hồng Châu, Minh Khai) và các xã (Hoàng Hanh, Hùng Cường, Phương Chiểu, Quảng Châu, Tân Hưng, Phú Cường, Liên Phương, Bảo Khê) kiểm điểm rút kinh nghiệm trong việc để phát sinh nợ đọng XDCB mới sau thời điểm 31/12/2014 theo quy định tại điểm a, khoản 1, mục 1 Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 30/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ.<br>4. UBND huyện Tiên Lữ: Kiểm điểm, rút kinh nghiệm trong việc để phát sinh nợ đọng XDCB mới sau thời điểm 31/12/2014 theo quy định tại Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 30/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ. |
| 58 | Kiểm toán NSĐP năm 2020 của tỉnh Quảng Ninh | Đề nghị UBND tỉnh Quảng Ninh chỉ đạo:<br>1. Đề nghị Sở Kế hoạch và đầu tư: Kiểm điểm, chấn chỉnh trong việc tham mưu phân bổ vốn còn dư nguồn đầu năm chưa phân bổ chi tiết cho các dự án; phân bổ vốn cho các dự án thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện chưa căn cứ vào tiêu chí nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ; phân bổ vốn cho các dự án chưa đảm bảo điều kiện, tiêu chí theo quy định; phân bổ vốn cho dự án vượt kế hoạch đầu tư công trung hạn; tham mưu phân bổ kế hoạch vốn cho xây dựng trụ sở Tòa án, Viện kiểm sát các huyện không thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương.<br>2. Chủ đầu tư Sở Nông nghiệp và PTNT Quảng Ninh: Kiểm điểm rút kinh nghiệm trong công tác lựa chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng tách riêng dự phòng trượt giá vào gói thầu theo hình thức đơn giá cố định; Chủ đầu tư nghiêm túc chấn chỉnh rút kinh nghiệm trong công tác lập thiết kế bản vẽ thi công, dự toán công trình.<br>3. Đối với Chủ đầu tư Văn phòng UBND tỉnh Quảng Ninh: Kiểm điểm rút kinh nghiệm trong công tác lựa chọn nhà thầu, ký kết hợp đồng tách riêng dự phòng trượt giá vào gói thầu theo hình thức đơn giá cố định. |

| STT | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|
| 59 | Hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án cấp điện lưới quốc gia cho đảo Trần, huyện Cô Tô và đảo Cái Chiên, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh - giai đoạn II (dự án điện đảo Trần và đảo Cái Chiên) và Dự án cầu Cửa Lục 1 | Đề nghị Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Quảng Ninh kiểm điểm rút kinh nghiệm trong việc triển khai thiết kế cơ sở khi chưa có ý kiến chấp thuận của UBND tỉnh Quảng Ninh đối với phương án kiến trúc điều chỉnh (Dự án cầu Cửa Lục 1). |
| 60 | Hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đường cao tốc Hạ Long - Vân Đồn và cải tạo nâng cấp Quốc lộ 18 đoạn Hạ Long - Mông Dương theo hình thức BOT | 1. Sở Giao thông Vận tải Quảng Ninh: Kiểm điểm rút kinh nghiệm trong việc chưa thực hiện chưa đầy đủ chức năng giám sát quản lý chất lượng công trình xây dựng; chức năng quản lý, kiểm tra, giám sát tiến độ xây dựng theo hợp đồng BOT đã ký; việc giám sát sử dụng dự phòng trong tổng mức đầu tư dự án.<br>2. Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Hạ Long: Kiểm điểm rút kinh nghiệm về việc lựa chọn nhà thầu theo hình thức chỉ định thầu rút gọn và ký hợp đồng trọn gói song tại thời điểm ký hợp đồng chưa có hồ sơ thiết kế, dự toán được phê duyệt, chưa có giá gói thầu. |
| 61 | Chuyên đề hoạt động quản lý môi trường tại các Ban quản lý kinh tế và khu công nghiệp giai đoạn 2017-2021 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ | Đề ngị UBND tỉnh Phú Thọ chỉ đạo:<br>1. Sở TNMT, BQL các KCN và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm điểm, rút kinh nghiệm đối với các tập thể, cá nhân liên quan đến các tồn tại trong công tác quản lý BVMT như đã nêu tại kết quả kiểm toán: Việc ban hành một số văn bản chưa đảm bảo cơ sở pháp lý, bất cập trong quá trình triển khai, thực hiện; chất lượng thẩm định, phê duyệt hồ sơ môi trường còn một số tồn tại; một số đơn vị chưa có đầy đủ hồ sơ về BVMT; các hành vi vi phạm về bảo vệ môi trường các đơn vị chức năng chưa có biện pháp xử lý nghiêm, triệt để theo đúng quy định của pháp luật. Việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch thanh tra, kiểm tra chưa phù hợp. Việc đôn đốc, giám sát thực hiện vả mở sổ theo dõi kết luận thanh tra, kiểm tra tại Sở TN&MT chưa thực hiện theo quy định. BQL các KCN chưa kịp thời phát hiện hành vi vi phạm về môi trường dẫn đến phản ánh, khiếu kiện của người dân; việc Sở TNMT thành lập Đoàn kiểm tra chưa phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được quy định. |

| STT | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|
| | | 2. Chỉ đạo Sở TNMT, BQL các KCN làm rõ nguyên nhân và trách nhiệm tập thể, cá nhân trong việc các Chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng KCN (KCN Trung Hà, KCN Cẩm Khê) đã đi vào hoạt động khi chưa có Giấy xác nhận hoàn thành công trình BVMT. |
| 62 | Kiểm toán NSĐP năm 2020 của tỉnh Phú Thọ | Đề nghị UBND tỉnh Phú Thọ kiểm điểm trách nhiệm của Cục Thuế tỉnh Phú Thọ trong việc quản lý thuế Bảo vệ môi trường đối với Công ty TNHH Hải Linh. |
| 63 | Kiểm toán NSĐP năm 2020 của tỉnh Điện Biên | Đề nghị UBND tỉnh Điện Biên chỉ đạo kiểm điểm và xem xét làm rõ trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đối với tồn tại:<br>1. Tính giảm 30% giá thuê đất đối với khu đất của Viễn thông Điện Biên - Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam thuê xây dựng trụ sở làm việc tại phường Thanh Trường, thành phố Điện Biên Phủ không phù hợp với quy định.<br>2. Chậm ban hành đơn giá đất cụ thể, dẫn đến áp dụng giá đất cụ thể không kịp thời, không đúng thời điểm đối với 08 thửa đất có giá trị lớn hơn 10 tỷ đồng. |
| 64 | Hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư dự án tăng cường kết nối giao thông khu vực Tây Nguyên | 1. Đề nghị Ban quản lý dự án 2: Tổ chức kiểm điểm, rút kinh nghiệm tập thể, cá nhân để xảy ra một số sai sót sau:<br>- Công tác quản lý tiến độ dự án ở các giai đoạn, các khâu còn thể hiện buông lỏng:<br>+ Không lập, trình kế hoạch tổng thể dự án để phê duyệt theo quy định tại Điều 46, Nghị định 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016, Điều 42; Nghị định 56/2020/NĐ-CP ngày 16/3/2016 về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài.<br>+ Gói thầu TV-07 chậm tiến độ 11 tháng.<br>- Trình phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán gói thầu XL-03, XL-04A và TV-04 nhưng còn nhiều sai sót trong việc xác định giá trị có khả năng ảnh hưởng tính chính xác gói thầu.<br>- Trình thẩm định, phê duyệt điều chỉnh dự toán gói thầu khi đang tiến hành lựa chọn nhà thầu là không đúng quy định tại khoản 1, 3, Điều 12 Nghị định 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 và thẩm định, phê duyệt dự toán chưa cập nhật lại vị trí trạm trộn bê tông nhựa được chọn khác với vị trí trạm trộn bê tông nhựa trong thuyết minh thiết kế kỹ thuật đã được phê duyệt (Gói thầu XL-03, XL-04A). |

| STT | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|
| | | - Thời gian đánh giá hồ sơ dự thầu kéo dài, vượt quy định lớn so với Điều 12 Luật Đấu thầu.<br>- Không thực hiện đấu thầu qua mạng đối với các gói thầu xây lắp (Xl-03, XL-04A).<br>- Tạm ứng cho nhà thầu thấp hơn quy định tại điểm a, khoản 5 điều 18 Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ.<br>- Công tác đăng ký kế hoạch vốn chưa sát so với nhu cầu dự án, bố trí vốn giải ngân thấp làm giảm hiệu quả sử dụng vốn.<br>- Lỗi soạn thảo văn bản gói thầu XL-03; XL-04A; TV-05, TV-06.<br>- Ký hợp đồng 02 ngôn ngữ tại gói thầu TV-04.<br>- Nội dung giám sát chất lượng môi trường chưa bám sát Báo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt.<br>2. Đối với Cục quản lý xây dựng và Chất lượng công trình giao thông: Tổ chức kiểm điểm, rút kinh nghiệm tập thể, cá nhân trong việc:<br>- Phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán các gói thầu (XL-03, XL-04A và TV-04) còn nhiều sai sót trong việc xác định giá trị có khả năng ảnh hưởng tính chính xác gói thầu.<br>- Phê duyệt điều chỉnh, cập nhật dự toán các gói thầu (XL-03, XL-04A) sau khi nhà thầu gửi hồ sơ dự thầu.<br>3. Bộ Giao thông Vận tải tổ chức kiểm điểm, rút kinh nghiệm tập thể, cá nhân các nội dung sau:<br>+ Trình Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư trong khi dự án chưa có kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2016-2020 là chưa đúng quy định tại khoản 1 Điều 16 Luật Đầu tư công 2014.<br>+ Phê duyệt đánh giá hồ sơ dự thầu vượt thời gian quy định lớn so với Điều 12 Luật Đấu thầu.<br>+ Không chỉ đạo thực hiện đấu thầu qua mạng đối với các gói thầu xây lắp (Xl-03, XL-04A).<br>+ Không chỉ đạo Ban quản lý dự án 2 lập, trình kế hoạch tổng thể dự án để phê duyệt theo quy định tại Điều 46, Nghị định 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016, Điều 42, Nghị định 56/2020/NĐ-CP ngày 16/3/2016.<br>+ Công tác đăng ký kế hoạch vốn chưa sát so với nhu cầu dự án, bố trí vốn giải ngân thấp làm giảm hiệu quả sử dụng vốn. |

| STT | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|
| 65 | Chuyên đề việc quản lý quy hoạch, cấp phép xây dựng tại các đô thị giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa | Đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo các đơn vị tổ chức kiểm điểm trách nhiệm đối với các sai sót tồn tại sau:<br>1. Kiểm điểm trách nhiệm người đứng đầu và các cá nhân có liên quan để xảy ra các sai sót tồn tại sau:<br>- Việc thẩm định và phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết 1/500 để phù hợp với việc chủ đầu tư thi công xây dựng sai với giấy phép xây dựng được cấp, sai với quy hoạch 1/500 đã được phê duyệt ban đầu (tại các dự án Khu du lịch The Manna; Dự án Sao Mai Anh Resort thuộc Khu du lịch, dịch vụ và thể thao Hồ Tiên).<br>- Đề nghị UBND tỉnh giao đơn vị chức năng kiểm tra làm rõ và xử lý theo quy định của pháp luật đối với các sai phạm (nếu có) trong việc giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 118 Luật Đất đai 2013 (cho thuê đất Công ty TNHH Sao Mai Anh phần diện tích thuê bổ sung 3.558,2$m^2$; cho thuê đất cho Công ty cổ phần Trimet Nha Trang), đồng thời kiểm điểm trách nhiệm người đứng đầu và các cá nhân có liên quan để xảy ra sai phạm trên.<br>- Việc cho thuê đất thực hiện dự án vừa có hình thức cho thuê đất trả tiền thuê đất 1 lần cho cả thời gian thuê và vừa trả tiền thuê đất hàng năm chưa đúng quy định tại Điều 56 và Điều 172 Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;<br>- Chậm trễ trong việc xác định giá đất, xác định nghĩa vụ tài chính về tiền đất đối với các dự án được giao đất, cho thuê đất nhưng chưa xác định được giá đất và các dự án điều chỉnh quy hoạch chi tiết làm tăng hệ số sử dụng đất có ảnh hưởng đến nghĩa vụ nộp ngân sách theo phát hiện của KTNN để truy thu nộp NSNN (Chi tiết tại mục 1.4.2.5; 1.4.2.6 và 1.4.3 Phụ lục 08/BCKT-QH&CP).<br>- Việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Nhà máy điện mặt trời Tuấn Ân, xã Cam Thịnh Tây, TP Cam Ranh không phù hợp theo các quy hoạch đã được phê duyệt.<br>- Phê duyệt chủ trương đầu tư, phê duyệt quy hoạch xây dựng, phê duyệt quy hoạch chi tiết và điều chỉnh quy hoạch chi tiết 1/500 trên phần diện tích đất lấn biển nhưng chưa có trong quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt. |

| STT | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|
| | | 2. Chỉ đạo Sở Xây dựng tổ chức kiểm điểm trách nhiệm đối với các sai sót trong việc:<br>- Tham mưu cho UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch chi tiết, điều chỉnh quy hoạch chi tiết chưa phù hợp với quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch 1/2000 đã được phê duyệt (Chi tiết tại mục 1.3.1 Phụ lục số 08/BCKT-QH&CP); chưa tuân thủ quy định về mật độ xây dựng, chiều cao công trình, về định mức đất ở, đất cây xanh, đất công trình công cộng, đất y tế, giáo dục, đất hạ tầng kỹ thuật, bến xe, chỗ đậu để xe… tối thiểu quy định theo Quy chuẩn xây dựng Việt Nam số 01: 2008/QCXDVN (tại mục 1.3.2 Phụ lục số 08/BCKT-QH&CP); phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết, điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng còn chưa bố trí quỹ đất dành cho phát triển nhà ở xã hội là chưa phù hợp với Điều 5 Nghị định 100/2015/NĐ-CP<br>- Tham mưu trong việc phê duyệt quy hoạch, phê duyệt điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch không đúng trình tự, thủ tục quy định tại khoản 12 Điều 28 Luật số 35/2018/QH14 về sửa đổi, bổ sung một số Điều 37 của Luật có liên quan đến quy hoạch; chưa rà soát điều chỉnh những bất cập cho thống nhất với các quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất trước đó đã được phê duyệt.<br>- Cấp giấy phép xây dựng không đảm bảo khoảng lùi công trình; không đảm bảo đủ chỗ để xe ô tô, xe máy theo quy định tại QCXDVN 01:2008; không tuân thủ quy hoạch chi tiết được duyệt.<br>- Chưa đôn đốc kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra và xử lí vi phạm xây dựng sai phép trên phần đất không được phép xây dựng và xây dựng không phép (Câu Lạc bộ Bi-a thuộc dự án Khu nhà hàng - Café seaview); không thực hiện áp dụng biện pháp cưỡng chế khắc phục hậu quả (tháo dỡ công trình) đối với các chủ đầu tư không trình được Giấy phép xây dựng khi đến thời hạn quy định (60 ngày kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính); chưa xử phạt hành vi xây dựng không phép và chưa áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả (Dự án Khu du lịch sinh thái Gia Hân); kiểm tra không xác định được hành vi vi phạm của chủ đầu tư tổ chức kinh doanh trong khu vực rừng dương không thuộc phạm vi ranh giới dự án và chưa ghi đầy đủ hành vi vi phạm của chủ đầu tư dẫn đến cơ quan thẩm quyền xử phạt chưa đầy đủ, không phát hiện hành vi tự ý xây dựng 16 căn chòi không phép để đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định (Dự án Khu du lịch Năm Sao Đại Lãnh).<br>- Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch đô thị và đồ án quy hoạch đô thị tỷ lệ 1/500 của Dự án Khu dân cư Ninh Thủy, phường Ninh Thủy, thị xã Ninh Hòa và Khu dân cư Tây Nam đường Nguyễn Thị Ngọc Oanh, phường Ninh Hiệp, thị xã Ninh Hòa chưa phù hợp với quy hoạch tỷ lệ 1/2.000, Quyết định 127/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Quy chuẩn xây dựng Việt Nam. |

| STT | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|
| | | - Cấp phép xây dựng chưa đúng quy định đối với Dự án Nhà máy điện mặt trời Long Sơn khi chưa đảm bảo điều kiện khởi công theo quy định tại Điều 107 Luật Xây dựng năm 2014.<br>3. Chỉ đạo Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong tổ chức kiểm điểm trách nhiệm đối với các sai sót trong việc: Cấp phép xây dựng không đúng quy định về mật độ xây dựng; kiểm tra không xác định được hành vi vi phạm của Chủ đầu tư dự án Khu du lịch Năm Sao Đại Lãnh trong việc tổ chức kinh doanh trong khu vực rừng dương.<br>4. Chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm điểm và xử lý trách nhiệm trong việc:<br>- Tham mưu trong việc giao đất, cho thuê đất thực hiện dự án không thông qua đấu giá là trái với quy định tại khoản 1 Điều 118 Luật Đất đai 2013; cho thuê đất thực hiện dự án vừa có hình thức sử dụng đất trả tiền thuê đất 1 lần và vừa trả tiền thuê đất hàng năm chưa đúng quy định tại Điều 56 và Điều 172 Luật Đất đai 2013;<br>- Tham mưu cho UBND tỉnh cho thuê đất khi giấy chứng nhận đầu tư không phù hợp, Nhà đầu tư không đáp ứng được điều kiện về năng lực tài chính để bảo đảm việc sử dụng đất theo tiến độ của dự án đầu tư.<br>5. Chỉ đạo Hội đồng thẩm định giá đất Khánh Hòa tổ chức kiểm điểm: Để xảy ra tồn tại trong việc thẩm định và tham mưu cho UBND tỉnh phê duyệt giá đất còn chưa đảm bảo theo Thông tư số 36/2014/TT-BTC ngày 30/6/2014 như: Chọn các thửa đất so sánh không có đặc điểm tương tự với thửa đất cần định giá về mục đích sử dụng đất, diện tích, kích thước; khi thẩm định lựa chọn các yếu tố khác biệt để điều chỉnh giá làm giảm giá trị thửa đất cần định giá là chưa hợp lý. |
| 66 | Kiểm toán NSĐP năm 2020 của tỉnh Lâm Đồng | Đề nghị UBND tỉnh Lâm Đồng tổ chức kiểm điểm đối với các tập thể, cá nhân có liên quan đến tồn tại, hạn chế:<br>1. Ban hành Quyết định cho Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng thuê đất gắn với thuê rừng phòng hộ chưa đúng quy định (UBND Tỉnh).<br>2. Tham mưu thu hồi đất rừng phòng hộ từ Ban quản lý rừng Lâm Viên và cho Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng thuê chưa đầy đủ cơ sở pháp lý theo quy định của Luật đất đai (Sở Tài nguyên và Môi trường); Tham mưu cho thuê rừng phòng hộ 102,42ha chưa đúng quy định theo Luật Lâm nghiệp (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn). |

| STT | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|
| | | 3. Ban hành quyết định đơn giá thuê đất cho chu kỳ ổn định tiếp theo của 34 lô đất chưa đúng quy định (Cục Thuế).<br>4. Cấp giấy phép xây dựng các hạng mục của dự án đầu tư "Sân golf Tuyền Lâm 18 lỗ (Tuyền Lâm Golf Course) khi đồ án quy hoạch chi tiết 1/500 chưa được phê duyệt, không đúng quy định tại khoản 12 Điều 3 Luật Xây dựng năm 2003 (Sở Xây dựng).<br>5. Giải ngân vốn đầu tư công chưa đạt 100% theo Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ. |
| 67 | Hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư dự án bệnh viện đa khoa tỉnh Đồng Tháp | Đề nghị Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh Đồng Tháp kiểm điểm, rút kinh nghiệm đối với tập thể, cá nhân liên quan trong việc chưa thu hồi số tiền đã thanh toán phần khối lượng bê tông hố pit khối 4 tầng đã giảm trừ tại gói thầu số 29. |
| 68 | Hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư của dự án Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh | 1. Đề nghị Sở Y tế tỉnh Trà Vinh: Kiểm điểm, rút kinh nghiệm đối với tập thể, cá nhân liên quan trong việc sử dụng kế hoạch vốn đầu tư phân bổ cho dự án hiệu quả chưa cao.<br>2. Đề nghị UBND tỉnh Trà Vinh:<br>- Chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư: Kiểm điểm, rút kinh nghiệm đối với tập thể, cá nhân liên quan trong việc tham mưu phân bổ kế hoạch vốn chưa hợp lý, không bám sát tình hình thực hiện dự án dẫn đến không giải ngân hoặc tỉ lệ giải ngân KHV rất thấp: năm 2018 tham mưu phân bổ 67.500 trđ từ nguồn NSĐP, được kéo dài sang năm 2019 nhưng không giải ngân và phải điều chỉnh giảm toàn bộ KHV; năm 2020 tham mưu phân bổ nguồn NSTW hỗ trợ có mục tiêu 200.000 trđ nhưng chỉ giải ngân 5.862 trđ, đạt tỉ lệ 2,9%.<br>- Chỉ đạo Sở Xây dựng: Kiểm điểm, rút kinh nghiệm đối với tập thể, cá nhân liên quan trong việc:<br>+ Thẩm định, phê duyệt danh mục trang thiết bị y tế khi chưa thỏa thuận với Bộ Y tế theo quy định tại khoản 4 Điều 10 Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ.<br>+ Thẩm định, phê duyệt công suất trạm xử lý nước thải chưa đúng với quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Bộ Tài nguyên và Môi trường. |

| STT | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|
| | | - Chỉ đạo UBND thành phố Trà Vinh: Kiểm điểm, rút kinh nghiệm đối với tập thể, cá nhân liên quan trong việc:<br>+ Lập, thẩm định, phê duyệt chi phí thực hiện cưỡng chế thu hồi đất chưa phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15/5/2015 của Bộ Tài chính;<br>+ Thẩm định, phê duyệt chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư vượt 2% chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án nhưng chưa được UBND tỉnh đồng ý theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Quyết định số 815/QĐ-UBND ngày 12/4/2016 của UBND tỉnh. |
| 69 | Hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư dự án Nâng cấp đô thị vùng đồng bằng sông Cửu Long - Tiểu dự án thành phố Mỹ Tho | 1. Đề nghị UBND tỉnh Tiền Giang:<br>- Kiểm điểm rút kinh nghiệm trong việc phê duyệt dự án không có biện pháp xử lý nước thải từ công trình mà xả trực tiếp ra môi trường bên ngoài làm giảm hiệu quả đầu tư dự án.<br>- Xem xét, làm rõ và xử lý trách nhiệm tập thể và cá nhân có liên quan (nếu có) đối với các công trình đến nay chưa nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng, có biện pháp tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn để nhanh chóng đưa toàn bộ dự án vào vận hành khai thác.<br>2. Đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang: Kiểm điểm rút kinh nghiệm trong việc thẩm định dự án không có biện pháp xử lý nước thải từ công trình mà xả trực tiếp ra môi trường bên ngoài làm giảm hiệu quả đầu tư dự án.<br>3. Ban Quản lý dự án Nâng cấp đô thị thành phố Mỹ Tho: Kiểm điểm, rút kinh nghiệm trong việc tạm ứng cho nhà thầu chưa tuân thủ quy định Ngân hàng Thế giới; chậm nghiệm thu đưa vào sử dụng 03 công trình; chậm lập hồ sơ trình phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành; quản lý, lưu trữ hồ sơ chưa đầy đủ dẫn đến cung cấp thiếu, chậm cung cấp hồ sơ cho Tổ kiểm toán theo quy định.<br>4. UBND thành phố Mỹ Tho:<br>- Kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan trong việc lập, phê duyệt dự toán và chi thu nhập tăng thêm trong chi phí Ban QLDA chưa đúng quy định.<br>- Xem xét xử lý trách nhiệm tập thể và cá nhân có liên quan trong công tác nghiệm thu, thanh toán khối lượng còn nhiều sai sót, cụ thể: sai khối lượng, đơn giá 13.044 trđ; chưa đủ điều kiện nghiệm thu, thanh toán 46.010 trđ; thanh toán vượt giá trị quyết toán tại 03 gói thầu 3.378 trđ. |

| STT | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|
| | | - Kiểm điểm rút kinh nghiệm trong việc không làm rõ trách nhiệm các bên có liên quan tại các gói thầu được chấm dứt hợp đồng khi chưa hoàn thành nội dung theo quy định của hợp đồng; phê duyệt thiết kế, dự toán các gói thầu còn nhiều sai sót, chưa tiết kiệm trong việc lựa chọn phương án thực hiện (chưa tận dụng đất đào từ công trình, chưa tận dụng lớp kết cấu đường cũ); phê duyệt phát sinh chi phí gói thầu Chiếu sáng nghệ thuật kè Sông Tiền vượt giá gói thầu nhưng chưa được Người có thẩm quyền chấp thuận. |
| 70 | Kiểm toán NSĐP năm 2020 của tỉnh Đồng Tháp | 1. UBND tỉnh Đồng Tháp: Kiểm điểm trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc: Chấp thuận ứng vốn từ Quỹ phát triển đất cho Công ty CP Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đồng Tháp không đúng quy định; sử dụng Quỹ Phát triển hợp tác xã của tỉnh cho 02 đơn vị (Hợp tác xã chăn nuôi heo Phú Bình, Hợp tác xã DV NN Tân Cường) vay không đúng quy định dẫn đến nợ quá hạn 100% khó thu hồi cho NSNN với số tiền 2.545trđ.<br>2. Đối với Cục Thuế: Kiểm điểm trách nhiệm của tập thể và cá nhân có liên quan đến việc tham mưu, đề xuất kiến nghị xử lý hồ sơ kiểm tra, hoàn thuế sai theo quy định tại Quyết định số 1849/QĐ-BTC ngày 22/5/2007 của Bộ Tài chính về xử lý cán bộ, công chức thuế.<br>3. Đối với Sở Tài chính: Kiểm điểm trách nhiệm công chức, lãnh đạo đơn vị tham mưu trong chi cho vay ngân sách địa phương không đúng quy định.<br>4. Đối với Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Tháp: Kiểm điểm trách nhiệm của tập thể và cá nhân có liên quan đến việc xác định mức phí ứng vốn (bằng không) từ Quỹ Phát triển đất đối với Công ty CP Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đồng Tháp không đúng quy định. |
| 71 | Kiểm toán NSĐP năm 2020 của tỉnh Vĩnh Long | Đề nghị UBND tỉnh Vĩnh Long xem xét xử lý trách nhiệm tập thể, cá nhân liên quan:<br>1. Đối với Cục Thuế:<br>- Kiểm điểm và xử lý trách nhiệm đối với tập thể và cá nhân có liên quan đến việc chưa quan tâm phân tích dữ liệu thông tin của người nộp thuế để phát hiện doanh nghiệp có giao dịch liên kết để quản lý theo quy định Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 của Chính phủ về quản lý thuế đối với Doanh nghiệp có giao dịch liên kết để kịp thời huy động nguồn thu vào NSNN (Công ty TNHH TM Triều Thuận Nguyên; Công ty TNHH Tuấn Hiền; Công ty Cổ phần TV-TM-DV Địa Ốc Hoàng Quân MêKong; Công ty CP Xuất nhập khẩu Vĩnh Long). |

| STT | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|
| | | - Kiểm điểm và xử lý trách nhiệm đối với tập thể và cá nhân có liên quan của Phòng Kê khai - Kế toán thuế, Đoàn kiểm tra thuế theo Quyết định số 1340/QĐ-CT ngày 04/11/2020 và Quyết định số 1193/QĐ-CT ngày 14/9/2020 của Cục Thuế Vĩnh Long trong việc tham mưu giải quyết hoàn thuế GTGT khi hồ sơ kê khai hoàn thuế chưa đúng thủ tục theo quy định (Công ty TNHH Tỷ Bách, Chi nhánh 2 Công ty TNHH De Heus tại Vĩnh Long).<br>2. Đối với Sở Tài chính: Kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với tập thể và cá nhân có liên quan trong tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh sử dụng nguồn vốn chi đầu tư phát triển để bố trí danh mục các công trình vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư, xúc tiến thương mại đầu tư du lịch, duy tu, sửa chữa các công trình, quy hoạch cắm mốc quy hoạch chung nông thôn mới các xã chưa đúng quy định của Trung ương, số quyết toán 193.956trđ (gồm nguồn thu xổ số kiến thiết 140.151trđ, nguồn thu tiền sử dụng đất 32.746trđ, nguồn vốn chi đầu tư XDCB tập trung 21.057trđ).<br>3. Đối với Sở Kế hoạch và Đầu tư: Kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với tập thể và cá nhân có liên quan trong tham mưu UBND tỉnh phân bổ kế hoạch vốn đầu tư chưa đúng quy định.<br>4. Đối với Sở Giao thông Vận tải: Kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với tập thể và cá nhân có liên quan trong tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2376/QĐ-UBND ngày 09/9/2020 về việc phê duyệt phát sinh 3,6 km đường và Cầu Vàm Muối thuộc Dự án Đầu tư xây dựng công trình Đường giao thông phát triển hạ tầng du lịch 04 xã cù lao huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. |
| 72 | Kiểm toán NSĐP năm 2020 của tỉnh An Giang | Đề nghị UBND tỉnh An Giang chỉ đạo Cục Thuế kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với tập thể và cá nhân có liên quan trong việc: (i) Chưa quan tâm phân tích thông tin của người nộp thuế để phát hiện doanh nghiệp có giao dịch liên kết để quản lý theo quy định Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 của Chính phủ; (ii) chưa thực hiện bù trừ tiền thuế phải nộp của Công ty CP Tập đoàn Sao Mai chưa thực hiện kiến nghị KTNN với số tiền thuế GTGT được hoàn của kỳ hoàn thuế; (iii) Phòng Kê khai - Kế toán và Đoàn kiểm tra tại Quyết định số 440/QĐ-CT ngày 14/02/2020 xác định số thuế GTGT đầu vào của hàng xuất khẩu được hoàn thuế chưa đúng quy định tại Điều 2 Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16/3/2018 và đã tham mưu giải quyết thiếu số thuế GTGT được hoàn làm ảnh hưởng đến quyền lợi của người nộp thuế. |

| STT | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|
| 73 | Chuyên đề việc quản lý quy hoạch, cấp phép xây dựng tại các đô thị giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp | Đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tổ chức kiểm kiểm và chỉ đạo các đơn vị tổ chức kiểm điểm trách nhiệm đối với các sai sót tồn tại sau:<br>1. UBND tỉnh tổ chức kiểm điểm trách nhiệm người đứng đầu và các cá nhân có liên quan để xảy ra các sai sót sau:<br>- UBND thành phố Cao Lãnh phê duyệt điều chỉnh đồ án Quy hoạch chi tiết Dự án khu dân cư phường Phú Mỹ giảm 1.420,61 $m^2$ đất cây xanh để chuyển thành đất ở, dẫn đến chỉ tiêu đất cây xanh của đồ án còn 166 $m^2$, chưa đảm bảo tỷ lệ đất cây xanh tối thiểu nhóm nhà ở 1$m^2$/người theo quy định tại mục 2.4.2 QCVN 01:2008, phá vỡ quy hoạch đô thị cấp nhóm nhà ở; phê duyệt tổng mặt bằng Dự án khu tái định cư sạt lở Sông Tiền phần diện tích 31.472,61 $m^2$ thiếu đất giáo dục, y tế, cây xanh là chưa tuân thủ quy định tại Bảng 2.4 QCVN 01:2019 và quy định tại điểm a mục 4 Điều 1 Quyết định số 1574/QĐ-UBND ngày 01/10/2020 của UBND thành phố Cao Lãnh;<br>- UBND thành phố Cao Lãnh điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết tổng mặt bằng Dự án nhà ở cho người lao động Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn; điều chỉnh quy hoạch phân khu trên địa bàn Phường 6 tại Công văn số 1864/UBND-QLĐT ngày 01/11/2017 và Công văn số 58/UBND - XDCB ngày 01/4/2019 chưa đúng trình tự, thủ tục quy định tại khoản 12 Điều 28 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều 37 của Luật có liên quan đến quy hoạch; chưa chấp hành quy định tại điểm b tiết 5.3 mục 5 Phần II Công văn số 304/SXD - KTQH.HTKT ngày 24/5/2013 của Sở Xây dựng; chưa tuân thủ quy định tại Điều 46 Luật Quy hoạch số 30/2009/QH12.<br>2. Chỉ đạo Sở Xây dựng tổ chức kiểm điểm trách nhiệm đối với tổ chức, cá nhân trong việc điều chỉnh Giấy phép xây dựng số 02/GPXD ngày 05/02/2020 của 04 khối nhà chung cư, khu nhà ở cho người lao động Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn không đúng thiết kế tổng mặt bằng được UBND thành phố Cao Lãnh chấp thuận tại Công văn số 127/UBND-XDCB ngày 15/7/2019.<br>3. Chỉ đạo UBND thành phố Sa Đéc kiểm điểm trách nhiệm đối với sai sót trong việc tham mưu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang đất ở đô thị cho bà Nguyễn Thị Cẩm Nhung và ông Nguyễn Thanh Tâm bao gồm phần diện tích đất nằm trong chỉ giới hành lang bảo vệ an toàn giao thông đường bộ chưa đúng quy định tại khoản 3 Điều 157 Luật Đất đai số 45/2013/QH13. |

| STT | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|
| 74 | Chuyên đề việc quản lý quy hoạch, cấp phép xây dựng tại các đô thị giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long | Đề nghị UBND tỉnh Vĩnh Long chỉ đạo kiểm điểm, rút kinh nghiệm đối với một số nội dung sau:<br>1. Đối với Sở Xây dựng:<br>- Việc thẩm định các Quy hoạch chi tiết, điều chỉnh cục bộ các Quy hoạch chi tiết, điều chỉnh cục bộ các Quy hoạch phân khu còn sai sót qua kết quả kiểm toán, gồm: Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Phước Thọ, Phường 3, thành phố Vĩnh Long; Thỏa thuận tổng mặt bằng các dự án: Dự án Khu nhà ở Bình Minh - thành phố Vĩnh Long; dự án Khu dân cư Tấn Lộc Home; Khu nhà ở Phú An Khang Resldence; Khu dân cư Phường 8, thành phố Vĩnh Long; dự án Khu phố Khang Thị tại Phường 2, thành phố Vĩnh Long; Khu nhà ở Khóm 3, Phường 3, thành phố Vĩnh Long.<br>- Việc cấp GPXD tại các công trình xây dựng còn thiếu một số thủ tục, hồ sơ và chưa đúng quy định pháp luật được phát hiện qua kiểm toán của KTNN.<br>- Việc không lập Biên bản kiểm tra đối với các trường hợp kiểm tra sau cấp phép được xác định không có sai sót; chưa chỉ đạo các bộ phận có liên quan theo dõi, kiểm tra việc chấp hành quyết định xử phạt đối với các trường hợp quá thời gian thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.<br>2. Sở Tài nguyên và Môi trường: Kiểm điểm, rút kinh nghiệm trong việc tham mưu, đề xuất UBND tỉnh xác định vị trí đất để tính tiền sử dụng đất do điều chỉnh quy hoạch dự án Khu nhà ở Khóm 3, Phường 3, thành phố Vĩnh Long chưa phù hợp quy định Bảng giá đất ở tại đô thị ban hành kèm theo Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND tỉnh Vĩnh Long.<br>3. UBND thành phố Vĩnh Long: Kiểm điểm, rút kinh nghiệm trong việc quyết định chuyển mục đích sử dụng đất chưa phù hợp quy hoạch được duyệt tại 06 hồ sơ đối chiếu chuyển mục đích sử dụng đất và 01 hồ sơ đối chiếu về cấp phép xây dựng. |
| 75 | Dự án Mở rộng, nâng cấp ĐT254 và Dự án Bệnh viện Đa khoa Bắc Kạn | 1. Đề nghị Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Bắc Kạn tổ chức kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với cá nhân, tập thể trong việc:<br>- Lập, thẩm định và phê duyệt dự toán gói thầu thuộc Dự án Mở rộng, nâng cấp ĐT254: Không thực hiện điều phối cự ly vận chuyển đổ thải cho từng gói thầu khi lập dự toán gói thầu nhằm phản ánh chính xác giá gói thầu làm cơ sở tổ chức đấu thầu theo quy định; tính thừa, tính trùng khối lượng (gói 18, 20, 21); áp dụng sai định mức cắm cọc GPMB (gói 15). |

| STT | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|
| | | - Nghiệm thu thanh toán khi không xác định rõ vị trí, trữ lượng và khối lượng đất đã đổ thải tại Dự án Mở rộng, nâng cấp ĐT254.<br>- Chưa kịp thời nộp trả NSNN các khoản thanh toán vượt quyết toán A-B giá trị 10.901.932.739 đồng tại Dự án Mở rộng, nâng cấp ĐT254 (Ban đã thu hồi về tài khoản tạm giữ tại KBNN).<br>2. Đề nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Kạn chấn chỉnh rút kinh nghiệm, đồng thời xác định trách nhiệm tập thể, cá nhân để xử lý theo quy định đối với Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Kạn trong việc ban hành Thông báo Kết luận số 755-TB/TU ngày 30/8/2013 như sau: "…lập kế hoạch đấu thầu đối với các chi phí của khối lượng dở dang, khối lượng còn lại chưa thi công của Hợp đồng tổng thầu EPC số 20/2010/HĐ-EPC…", mà không tiến hành thương thảo, thanh lý Hợp đồng, Phụ lục hợp đồng với bên nhận thầu tại Hợp đồng tổng thầu EPC số 20 nêu trên là không đúng với các quy định của pháp luật về hợp đồng xây lắp, làm phát sinh tăng chi phí khác của gói thầu 05 EPC số tiền 4.206.597.365 đồng. |
| 76 | Kiểm toán NSĐP năm 2020 của tỉnh Tuyên Quang | Đề nghị UBND tỉnh Tuyên Quang xem xét kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan:<br>1. Kiểm điểm trách nhiệm các tổ chức và cá nhân có liên quan tái vi phạm pháp luật trong việc thực hiện đặt hàng gói thầu cung ứng dịch vụ công ích tại thành phố Tuyên Quang.<br>2. Kiểm điểm trách nhiệm tổ chức và cá nhân có liên quan tại Trường Đại học Tân Trào đã thực hiện chỉ định thầu gói thầu thuê dịch vụ vệ sinh công nghiệp không đúng quy định của Luật Đấu thầu.<br>3. Kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân Ban lãnh đạo huyện Hàm Yên, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Trụ sở làm việc của HĐND và UBND huyện Hàm Yên trong việc không chỉ đạo kịp thời việc dừng đặt hàng nhập về ống cống thoát nước D2000 không sử dụng, gây lãng phí tiền vốn ngân sách. |
| 77 | Kiểm toán NSĐP năm 2020 của tỉnh Hà Giang | Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các tập thể, cá nhân có liên quan:<br>1. Các chủ đầu tư được kiểm toán xác định trách nhiệm và xử phạt theo quy định đối với các tổ chức, cá nhân để xảy ra các sai sót công tác lập thiết kế - dự toán, nghiệm thu, thanh toán và thực hiện hợp đồng.<br>2. Ban quản lý các dự án cấp thoát nước tỉnh Hà Giang làm rõ trách nhiệm việc thanh toán khoản 47.500 Euro cho nhà thầu Surez bằng việc sử dụng khoản dự phòng trong tổng giá trị của hợp đồng xây lắp chưa được Người quyết định đầu tư chấp thuận sử dụng dự phòng. |

| STT | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|
| | | 3. UBND huyện Mèo Vạc kiểm điểm xử lý trách nhiệm tập thể, cá nhân trong việc để tư vấn giám sát hiện trường có chứng chỉ hành nghề hết hiệu lực nhưng vẫn tham gia giám sát Dự án Kè chống sạt lở đường biên giới (Đoạn Mốc 483 đến Mốc 496) từ ngã ba Sủa Nhè Lử, xã Xín Cái đi UBND xã Sơn Vĩ. |
| 78 | Kiểm toán NSĐP năm 2020 của tỉnh Lạng Sơn | Đề nghị UBND tỉnh Lạng Sơn tổ chức kiểm điểm người có trách nhiệm, các tổ chức và cá nhân có liên quan được giao nhiệm vụ quản lý đất thuê nhưng chưa kiểm tra giám sát chặt chẽ, chưa phát hiện kịp thời việc sử dụng đất thuê không đúng mục đích của Công ty Cổ phần Sao Vàng theo hợp đồng đã ký giữa Sở Tài nguyên và Môi trường với Công ty Cổ phần Sao Vàng trong thời gian dài (từ năm 2017). |
| 79 | Kiểm toán NSĐP năm 2020 của tỉnh Thái Nguyên | Đề nghị UBND tỉnh Thái Nguyên:<br>1. Chỉ đạo Sở Giao thông vận tải rà soát, xác định trách nhiệm, năng lực của nhà đầu tư trong việc không thực hiện giải ngân nguồn vốn của nhà đầu tư đúng cam kết; đề xuất với UBND tỉnh xử lý phù hợp với quy định của pháp luật và hợp đồng tại Dự án Bến xe khách phía Nam thành phố Thái Nguyên, Bến xe khách thị xã Phổ Yên, bến xe khách huyện Phú Bình, bến xe khách huyện Đại Từ.<br>2. Tổ chức thanh tra, xác định trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong việc thực hiện Dự án Xây dựng Phù điêu tại quảng trường Võ Nguyên Giáp, thành phố Thái Nguyên các dự án liên quan.<br>3. Kiểm điểm trách nhiệm, tập thể, cá nhân liên quan trong việc đề xuất và phê duyệt các dự án đầu tư không được triển khai hơn 10 năm với số nợ đọng tương ứng 11.389trđ và gây lãng phí nguồn vốn chuẩn bị đầu tư tại Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông, bố trí vốn để xử lý dứt điểm nợ đọng kéo dài hơn 10 năm.<br>4. Chỉ đạo các đơn vị chấn chỉnh rút kinh nghiệm: Các đơn vị có liên quan xác minh làm rõ trách nhiệm trong việc phê duyệt dự án chồng lấn quy hoạch dẫn tới chậm tiến độ của dự án và có biện pháp tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong công tác GPMB, đảm bảo tiến độ và mục tiêu dự án đề ra, báo cáo KTNN (dự án Đường Du lịch ven Hồ Núi Cốc nối tuyến Bắc Nam). |

| STT | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|
| 80 | Chuyên đề việc quản lý quy hoạch, cấp phép xây dựng tại các đô thị giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn | Đề nghị UBND tỉnh Lạng Sơn:<br>1. Chỉ đạo xác định, làm rõ trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường đối với việc không tham gia ý kiến vào đồ án quy hoạch khi đồ án quy hoạch có dấu hiệu xâm phạm hành lang an toàn đê điều (tại đồ án quy hoạch Khu đô thị mới Hữu Lũng, Đồ án quy hoạch chi tiết khu đô thị phía Đông thị trấn Đồng Mỏ huyện Chi Lăng). Đồng thời kiểm tra làm rõ việc tại Đồ án quy hoạch Khu đô thị mới Hữu Lũng có dấu hiệu làm co thắt dòng chảy lòng sông và có phương án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết nhằm bảo vệ hành lang an toàn đê, tránh làm co thắt dòng chảy lòng sông.<br>2. Chỉ đạo kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm trong việc cấp giấy phép xây dựng một số đất tăng mật độ xây dựng, tăng hệ số sử dụng đất.<br>3. Đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn kiểm điểm rút kinh nghiệm việc tham gia đồ án quy hoạch chi tiết nhưng không có ý kiến về hành lang an toàn đê điều tại các đồ án có dấu hiệu xâm phạm hành lang an toàn đê điều (có công trình xây dựng xâm phạm hành lang an toàn đê điều, làm co thắt dòng chảy lòng sông tại đồ án quy hoạch Khu đô thị mới Hữu Lũng, Đồ án quy hoạch chi tiết khu đô thị phía Đông thị trấn Đồng Mỏ huyện Chi Lăng). |
| 81 | Chuyên đề việc quản lý quy hoạch, cấp phép xây dựng tại các đô thị giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Hà Giang | Đề nghị UBND tỉnh Hà Giang tổ chức thực hiện các nội dung sau:<br>1. Làm rõ căn cứ và xác định trách nhiệm cá nhân liên quan trong việc chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng dự án Khu trung tâm thương mại, khách sạn và nhà ở thương mại Shop-House Hà Giang và Khách sạn Yên Biên không phù hợp với quy hoạch phân khu đã được UBND thành phố Hà Giang phê duyệt: Trung tâm thương mại, khách sạn vượt số tầng, vượt chiều cao tối đa; Khách sạn Yên Biên vượt số tầng.<br>2. Chỉ đạo Sở Xây dựng: (i) Làm rõ trách nhiệm trong việc cấp phép không đúng quy định đối với 02 dự án công trình: Khách sạn Yên Biên thành phố Hà Giang và Khu trung tâm thương mại, khách sạn và nhà ở thương mại Shop-House Hà Giang; (ii) Chủ trì, phối hợp với các bên có liên quan rà soát, kiểm tra xác định trách nhiệm tập thể, cá nhân trong việc chậm trễ ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với vi phạm xây dựng hạng mục công trình không phép trong khu đô thị mới Hà Sơn. |

| STT | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|
| | | 3. Kiến nghị xử lý vi phạm trong việc:<br>- Tổ chức thực hiện xử lý nghiêm công trình vi phạm trật tự xây dựng đối với 02 công trình: Khách sạn Yên Biên do không phù hợp với quy hoạch phân khu đã được UBND thành phố Hà Giang phê duyệt và Khu trung tâm thương mại, khách sạn và nhà ở thương mại Shop-House Hà Giang vượt số tầng, vượt chiều cao tối đa.<br>- Ban hành Quyết định thu hồi 401,052 ha đất và nộp cho Nhà nước khoản tiền tương ứng với mức tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với thời gian chậm tiến độ thực hiện dự án theo quy định tại Điều 64, Luật Đất đai 2013 của Doanh nghiệp tư nhân Hữu Nghị. |
| 82 | Chuyên đề việc quản lý quy hoạch, cấp phép xây dựng tại các đô thị giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên | Đề nghị UBND tỉnh Thái Nguyên xem xét trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân liên quan đến các sai sót được phát hiện qua kiểm toán:<br>1. Đối với Sở Khoa học và Đầu tư trong việc: Tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt chuyển đổi mục tiêu đầu tư dự án từ nhà ở xã hội TNG sang nhà ở thương mại TNG Village, không có quy định trong Luật Nhà ở 2014 và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở, Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội.<br>2. Đối với Sở Xây dựng: Không theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các kết luận thanh tra, kiểm tra, cụ thể: Thanh tra Sở Xây dựng chưa tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo UBND cấp huyện ra quyết định cưỡng chế khắc phục hậu quả đối với những hành vi vi phạm trật tự xây dựng đã được phát hiện thông qua hoạt động thanh tra năm 2017, 2018 vượt quá thời hạn 60 ngày theo quy định.<br>3. Đối với UBND phường Phan Đình Phùng và các bên liên quan trong việc không tiến hành cưỡng chế chủ đầu tư khắc phục hậu quả đối với hành vi xây dựng trái phép đã được lập biên bản vi phạm hành chính quá thời hạn 60 ngày của dự án xây dựng Tòa nhà POMIHOA. |

| STT | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|
| 83 | Chuyên đề Dự án hạ tầng cơ bản phát triển toàn diện các tỉnh Đông Bắc (Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn) - Tiểu dự án tỉnh Cao Bằng | Đề nghị UBND tỉnh Cao Bằng chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư làm rõ, xác định trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan đến việc lập, thẩm định, phê duyệt phương án kỹ thuật, dự toán, thi công rà phá bom mìn, vật nổ xác định diện tích rà phá chưa chính xác đối với hành lang an toàn 2 bên tuyến ống nước thô (dài 1.304m) do trùng vào hành lang an toàn và mặt đường Hồ Chí Minh (dự án Cấp nước sinh hoạt thị trấn Xuân Hòa và xã Phù Ngọc, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng). |
| 84 | Chuyên đề Dự án hạ tầng cơ bản phát triển toàn diện các tỉnh Đông Bắc (Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn) - Tiểu dự án tỉnh Lạng Sơn | 1. Đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn tổ chức kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện không đúng trình tự đầu tư, chỉ định thầu vượt hạn mức cho phép.<br>2. Đề nghị UBND tỉnh Lạng Sơn chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn:<br>- Kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan trong việc tham mưu, đề xuất tham gia chương trình đối với dự án đã có quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế - Kỹ thuật xây dựng công trình không đúng quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 của Chính phủ;<br>- Kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan trong việc lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, ký kết hợp đồng gói thầu kiểm định chất lượng công trình không thuộc các trường hợp được thực hiện quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 29 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;<br>- Kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện bước khảo sát phục vụ công tác lập báo cáo nghiên cứu khả thi trước khi có chủ trương đầu tư được duyệt, làm ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế NSNN số tiền 237 trđ. |
| 85 | Hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư các dự án đường bộ ven biển Việt Nam qua địa bàn 4 tỉnh: Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình và Thanh Hóa theo Quyết định số 129/QĐ-TTg ngày 18/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ (Đoạn qua tỉnh Ninh Bình) | Đề nghị Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Ninh Bình xem xét xử lý trách nhiệm tập thể, cá nhân liên quan trong các việc: Không thực hiện các công việc khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công, lựa chọn nhà thầu xây lắp khi dự án đã được phê duyệt lần đầu, chậm tiến độ làm tăng giá trị công trình phải điều chỉnh chủ trương đầu tư và dự án đầu tư; lập, trình thẩm định chủ trương đầu tư điều chỉnh, dự án điều chỉnh không phù hợp với quy định của Điều 43 Luật Đầu tư công. |

| STT | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|
| 86 | Kiểm toán NSĐP năm 2020 tỉnh Ninh Bình | Đề nghị UBND tỉnh Ninh Bình làm rõ nguyên nhân, xác định cụ thể trách nhiệm của tập thể, cá nhân để xử lý theo quy định đối với Sở Kế hoạch và Đầu tư trong việc lập gói thầu kiểm định chất lượng công trình thuộc 02 dự án không thuộc trường hợp phải thực hiện kiểm định chất lượng công trình làm lãng phí 597trđ. |
| 87 | Kiểm toán NSĐP năm 2020 tỉnh Nam Định | Đề nghị UBND tỉnh Nam Định xem xét, xác định trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan để xử lý theo quy định pháp luật trong việc: Các chủ đầu tư, ban QLDA để tình trạng thi công vượt kế hoạch vốn được giao làm phát sinh nợ XDCB. |
| | Kiểm toán NSĐP năm 2020 tỉnh Thanh Hóa | Đề nghị UBND tỉnh Thanh Hóa xác định trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan để xử lý theo quy định pháp luật (nếu có) trong việc để xảy ra tình trạng một số doanh nghiệp kê khai, quyết toán thuế tài nguyên và phí bảo vệ môi trường nhưng không được cấp phép khai thác khoáng sản. |
| 88 | Kiểm toán NSĐP năm 2020 tỉnh Đắk Lắk | Đề nghị UBND tỉnh Đắk Lắk chỉ đạo UBND các huyện tổ chức kiểm điểm, xác định trách nhiệm đối với các tập thể, cá nhân liên quan tới các sai phạm phát hiện qua kiểm toán, cụ thể:<br>1. UBND huyện Krông Pắc: (i) Sử dụng nguồn vốn sự nghiệp để bố trí xây dựng mới các công trình. (ii) Đề xuất Chủ trương đầu tư với quy mô đầu tư chưa phù hợp với thực tế cần thiết phải đầu tư (Dự án Đường liên xã Ea Phê - Ea Kly, huyện Krông Pắc; lý trình Km0+00 ÷ Km5+430); đề xuất phương án đền bù không phù hợp với thực tế hiện trường, dẫn đến UBND tỉnh quyết định giảm quy mô dự án không đảm bảo mục tiêu đầu tư ban đầu (Đoạn đầu tuyến Km0 ÷ Km0+329,61 chưa thi công nền, móng, mặt đường, hiện trạng mặt bằng rộng trung bình 10m, chủ yếu đất của hoa viên và một phần của dân; chiều rộng mặt bằng tại vị trí có nhà nuôi Yến theo cọc GPMB rộng 10m và chỉ vướng hàng rào xây, không phải đền bù nhà yến như báo cáo. Nếu có phương án chỉnh lý tim đường không phải đường thẳng thì vẫn thi công được theo quy mô đầu tư được duyệt mà giá trị đền bù sẽ không cao như báo cáo).<br>2. UBND huyện Krông Pắc, M'Drắk: Bố trí vốn khởi công mới dự án khi chưa xử lý dứt điểm nợ đọng XDCB. |

| STT | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|
| | | 3. Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông và Nông nghiệp PTNT: (i) Chưa phát hiện sự sai sót trong khâu Thiết kế cơ sở dẫn đến phải điều chỉnh quy mô dự án, làm tăng tổng mức đầu tư, kéo dài thời gian thực hiện dự án (Dự án Thanh niên lập nghiệp xã Ia Lốp, huyện Ea Súp; Dự án Cải tạo, nâng cấp và đầu tư xây dựng mới một số hạng mục của hồ Ea Kao (giai đoạn 1), điều chỉnh dự án không đúng quy định (Dự án Cải tạo, nâng cấp và đầu tư xây dựng mới một số hạng mục của hồ Ea Kao (giai đoạn 1); (ii) Quy mô bước lập Báo cáo nghiên cứu khả thi không phù hợp với Chủ trương đầu tư (Dự án Đường liên xã Ea Phê - Ea Kly, huyện Krông Pắc); (iii) Dự án Đầu tư xây dựng Cầu Cư Păm (Km21+050), tỉnh lộ 9, huyện Krông Bông: Thiết kế chưa đảm bảo các quy định, tiêu chuẩn về công trình giao thông; tính sai hệ số dự phòng trượt giá làm tăng giá gói thầu 3.798,8trđ; Chủ đầu tư không có phương án tổ chức thi công phù hợp với thời hạn nguồn vốn nên khối lượng nghiệm thu thanh toán đến 31/12/2020 đạt thấp, giải ngân đến 31/12/2020 là 52,5 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 76,3%; (iv) Dự án Đường Chu Văn An và đường Nguyễn Chí Thanh, thị trấn Buôn Trấp, huyện Krông Ana: Hợp đồng thi công xây dựng không kèm Kế hoạch thực hiện công tác giải phóng mặt bằng, gây chậm tiến độ do vướng mặt bằng thi công, làm chậm tiến độ thực hiện dự án; Đã nhận đủ hồ sơ thanh toán ngày 28/9/2021 nhưng chưa thanh toán khối lượng nghiệm thu, bàn giao cho các nhà thầu thi công xây dựng; (v) Công tác theo dõi tiến độ không đảm bảo nên nhiều dự án không kịp thời gia hạn đúng quy định; (vi) Không kịp thời giải ngân vốn được cấp và công trình chưa đảm bảo chất lượng vẫn nghiệm thu đưa vào sử dụng đối với dự án Đầu tư xây dựng Cầu Cư Păm (Km21+050), tỉnh lộ 9, huyện Krông Bông dẫn đến bị hủy vốn, nền mặt cầu bị hư hỏng khi mới đưa vào sử dụng. |
| 89 | Kiểm toán NSĐP năm 2020 tỉnh Đắk Nông | Đề nghị UBND Tỉnh chỉ đạo các đơn vị tổ chức kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với các tập thể, cá nhân liên quan tới các sai phạm phát hiện qua kiểm toán, cụ thể:<br>1. Cục Thuế trong việc đánh giá chưa đúng chỉ tiêu chấp hành các quy định pháp luật hiện hành đối với Công ty TNHH MTV khai thác công trình Thủy lợi tỉnh Đắk Nông dẫn đến xếp loại doanh nghiệp chưa phù hợp quy định tại Nghị định số 87/2015/NĐ-CP và Thông tư số 200/2015/TT-BTC. |

| STT | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|
| | | 2. Sở Kế hoạch và Đầu tư trong việc: (i) Chậm tham mưu UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án đầu tư, tham mưu UBND tỉnh cho phép Chủ đầu tư tạm ứng vượt mức tối đa 50% giá trị hợp đồng các gói thầu thuộc giai đoạn thực hiện dự án đầu tư đối với dự án Di dân phát triển kinh tế - xã hội khu vực biên giới huyện Tuy Đức; (ii) Thẩm định và tham mưu UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với dự án Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư B, trong đó có 03/07 gói thầu tư vấn khảo sát thiết kế đường giao thông được thực hiện thông qua hình thức chỉ định thầu chưa đúng quy định tại Chỉ thị số 27/2008/CT-TTg ngày 05/9/2008 của Thủ tướng Chính phủ; (iii) Tham mưu cho UBND tỉnh bố trí vốn cho dự án Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư B thuộc nhóm B quá 05 năm chưa đảm bảo quy định dẫn đến nợ đọng XDCB số tiền 7.689 trđ.<br>3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc chậm tham mưu UBND tỉnh ban hành đơn giá bồi thường cây bời lời để thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng đối với Dự án Di dân phát triển kinh tế - xã hội khu vực biên giới huyện Tuy Đức.<br>4. Kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với Sở Tài chính trong việc tham mưu UBND tỉnh giao dự toán số bổ sung cân đối năm 2020 không đúng theo phương án phân bổ đã được HĐND tỉnh thông qua.<br>5. Kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với Ban quản lý dự án giao thông, dân dụng, công nghiệp tỉnh Đắk Nông (đối với dự án Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư B): (i) Phân chia các gói thầu trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu, trong đó có 03/07 gói thầu tư vấn khảo sát thiết kế đường giao thông được thực hiện thông qua hình thức chỉ định thầu chưa đúng Chỉ thị số 27/2008/CT-TTg ngày 05/9/2008 của Thủ tướng Chính phủ; (ii) Thực hiện không theo mức vốn được giao theo Chỉ thị 1792/CT-TTg ngày 15/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ làm phát sinh nợ đọng XDCB số tiền 7.689trđ.<br>6. Ban quản lý dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Nông trong việc chậm lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu khả thi đối với Dự án Di dân phát triển kinh tế - xã hội khu vực biên giới huyện Tuy Đức. |

| STT | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|
| 90 | Kiểm toán NSĐP năm 2020 tỉnh Kon Tum | Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các đơn vị tổ chức kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với các tập thể, cá nhân liên quan tới các sai phạm phát hiện qua kiểm toán, cụ thể:<br>1. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn: Ban quản lý rừng phòng hộ Đăk Glei và Hạt kiểm lâm Kon Plong: Hồ sơ nghiệm thu không thể hiện chi tiết diện tích rừng của từng lô (chỉ ghi tổng hợp diện tích của tiểu khu và các khoảnh), chưa đủ cơ sở để xác định diện tích nghiệm thu bảo vệ và khoán bảo vệ rừng.<br>2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Công Thương, Sở Tài chính chậm trễ trong việc tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh mức hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách khi mức giá bán lẻ điện sinh hoạt có thay đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 190/2014/TT-BTC, làm ảnh hưởng đến tính kịp thời của chính sách. |
| 91 | Kiểm toán NSĐP năm 2020 tỉnh Gia Lai | Đề nghị UBND tỉnh Gia Lai chỉ đạo các đơn vị tổ chức kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với các tập thể, cá nhân liên quan tới các sai phạm phát hiện qua kiểm toán, cụ thể:<br>1. Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh Gia Lai trong việc lập, thẩm tra hồ sơ khảo sát thiết kế dự án Thủy lợi hồ chứa nước Ia Rtô chưa đúng quy định.<br>2. UBND huyện Đức Cơ trong việc cho phép bà Nguyễn Khoa Diệu Hạnh làm trang trại nông nghiệp trồng nấm khi không đủ điều kiện theo quy định. |
| 92 | Kiểm toán NSĐP năm 2020 của tỉnh Bình Phước | Đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước chỉ đạo tổ chức kiểm điểm và chấn chỉnh công tác tham mưu liên quan đến việc chỉ định nhà đầu tư, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư đối với các dự án khu dân cư Đất Xanh, khu dân cư Hạnh Phúc 2 không có sẵn đất ở hợp pháp, chưa phù hợp quy định tại điểm c khoản 2 Điều 22 Luật Nhà ở 2014 và khoản 2 Điều 18 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ (tại thời điểm tham mưu phê duyệt chủ trương đầu tư). |
| 93 | Kiểm toán NSĐP năm 2020 của tỉnh Bình Thuận | Đề nghị UBND tỉnh Bình Thuận chỉ đạo các đơn vị tổ chức kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với các tập thể, cá nhân liên quan tới các sai phạm phát hiện qua kiểm toán, cụ thể:<br>1. Chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức kiểm điểm rút kinh nghiệm trong việc bố trí vốn cho dự án chưa đủ điều kiện tại Dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu nhà ở xã hội tại xã Tiến Lợi, thành phố Phan Thiết. |

| STT | Trích từ báo cáo kiểm toán | Nội dung kiến nghị |
|---|---|---|
| | | 2. Chỉ đạo Sở Xây dựng tổ chức kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân trong việc chậm tham mưu đưa 02 dự án nhà ở xã hội của dự án Khu đô thị du lịch biển Phan Thiết trong Kế hoạch phát triển nhà ở xã hội giai đoạn 2016-2020 theo Công văn số 906/BXD-QLN ngày 24/4/2015 của Bộ Xây dựng.<br>3. Chỉ đạo kiểm điểm các chủ đầu tư có tỷ lệ giải ngân chưa đảm bảo theo quy định tại Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ. |
| 94 | Tổng công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp | Đề nghị Chủ tịch HĐQT Công ty CP Phát triển công nghiệp số 2 tổ chức kiểm điểm, xử lý trách nhiệm theo quy định của pháp luật đối với tư vấn thiết kế, tập thể và cá nhân thẩm định thiết kế, dự toán Block A1&A2 do xác định vượt khối lượng một số công việc theo thiết kế BVTC được duyệt, dẫn đến tăng giá trị dự toán công trình số tiền 1.101 trđ. |
| 95 | Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tại 18 tỉnh năm 2020 | Đề nghị UBND tỉnh Thừa Thiên Huế kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan trong việc không phân bổ, giao dự toán vốn sự nghiệp 3.000 trđ được Bộ Tài chính giao bổ sung trong năm 2019 theo quy định của Luật NSNN. |